

JOHN E. DOUGLAS & MARK OLSHAKER

THE #1 NEWYORK TIMES BESTSELLER

THANH HOA dịch



MINDHUNTER

KẺ SẴN SUY NGHĨ

BÊN TRONG ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA
TỘI PHẠM HÀNG LOẠT TINH NHUỆ CỦA FBI

Mintbooks



NHÀ XUẤT BẢN
PHỤ NỮ VIỆT NAM

MINDHUNTER - KỂ SẴN SUY NGHĨ



Tác giả: John E. Douglas, Mark Olshaker

Người dịch: Thanh Hoa

Phát hành: MintBooks

Nhà xuất bản Phụ Nữ Việt Nam 2022

ebook©vctvegroup

Thân tặng những đồng đội cũ và hiện tại trong Đơn vị Khoa học hành vi và Hỗ trợ điều tra của FBI ở Quantico, Virginia, cùng những đồng liêu và cộng sự trên con đường sự nghiệp.

*Những hành động xấu xa sẽ lộ ra,
Dù đất đá có che giấu chúng khỏi mắt mọi người.*

- Hamlet, WILLIAM SHAKESPEARE

Lời tác giả

Cuốn sách này là nỗ lực của cả nhóm và nó không thể hoàn thiện nếu không có những tài năng tuyệt vời và sự tận tụy của từng thành viên trong nhóm. Các nhân vật trọng yếu trong nhóm là biên tập viên Lisa Drew, điều phối viên của dự án và Carolyn Olshaker, “giám đốc sản xuất” (và là vợ của Mark). Ngay từ đầu, họ đã có chung suy nghĩ với chúng tôi và mang đến cho chúng tôi sức mạnh, sự tự tin, tình yêu và những lời tư vấn thú vị, nuôi dưỡng tinh thần của chúng tôi trong nỗ lực thực hiện cuốn sách. Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành và lòng ngưỡng mộ sâu sắc đến Ann Hennigan, nhà nghiên cứu tài ba của chúng tôi; Marysue Rucci, trợ lý tài năng, chăm chỉ và luôn luôn vui vẻ của Lisa và đặc vụ Jay Acton, người đầu tiên nhận ra tiềm năng của cuốn sách và giúp đỡ thực hiện nó.

Xin gửi lời tri ân đặc biệt đến bố của John, Jack Douglas, vì hồi ký của ông cũng như ghi chép tỉ mỉ của ông về sự nghiệp của con trai mình, giúp cho việc sắp xếp nội dung dễ dàng hơn rất nhiều; và xin tri ân bố của Mark, bác sĩ Bennett Olshaker, vì những lời khuyên và hướng dẫn trong các vấn đề y khoa pháp lý, tâm thần học và luật pháp. Chúng tôi vô cùng may mắn khi có được gia đình tuyệt vời, tình yêu và sự bao dung của họ dành cho chúng tôi.

Cuối cùng, chúng tôi muốn bày tỏ sự trân trọng, ngưỡng mộ và những lời cảm ơn chân thành đến tất cả đồng nghiệp của John tại Học viện FBI ở Quantico. Phẩm chất cũng như sự đóng góp của họ đã hỗ trợ rất nhiều cho sự nghiệp của John nên cuốn sách này xin dành tặng cho họ.

- JOHN E. DOUGLAS VÀ MARK OLSHAKER,

Tháng 7, 1995

HAI MƯƠI NĂM SAU

John E. Douglas và Mark Olshaker

Hơn hai thập kỷ qua, đã có nhiều thay đổi kể từ khi chúng tôi viết cuốn sách đầu tiên cùng nhau, *Mindhunter - Kẻ săn suy nghĩ: Bên trong Đơn vị Điều tra Tội phạm hàng loạt tinh nhuệ của FBI*. Nhưng nhiều thứ thì vẫn như xưa.

Chúng tôi đã mất nhiều người bạn thân thiết và đồng sự mà chúng tôi từng nhắc đến trong cuốn sách này: Robert Ressler, cộng sự ban đầu của John trong nghiên cứu về những tên sát nhân hàng loạt và miêu tả nhân dạng; Roy Hazelwood, chuyên gia về tội phạm tình dục của Cục^[1] và là một trong những nhân tài xuất chúng ở Quantico; cùng với Ken Baker, một cựu chiến binh của Cơ quan Mật vụ, từng làm việc với Đơn vị Hỗ trợ điều tra của John - ISU - và đã đóng góp rất nhiều để phân tích tính cách của kẻ ám sát. Bố mẹ chúng tôi cũng đã qua đời nên bây giờ chúng tôi trở thành "thế hệ trước".

Nói đến việc này thì một thế hệ chuyên viên miêu tả nhân dạng mới của FBI đã xuất hiện - không còn bị "chôn" trong những văn phòng sâu 18m dưới mặt đất (mà chúng tôi thường nói là sâu hơn người chết những mười lần) mà làm việc ở một tòa nhà văn phòng của Chính phủ đối diện Căn cứ Thủy quân lục chiến Quantico qua Quốc lộ 1. Nhóm chuyên viên này hiện nay được gọi là Đơn vị Phân tích hành vi, viết tắt là BAU^[2].

Như nghề bác sĩ, công việc miêu tả nhân dạng vẫn nằm đâu đó giữa hai lĩnh vực khoa học và nghệ thuật. Và cũng như bác sĩ, một số chuyên viên miêu tả nhân dạng giỏi và giàu kinh nghiệm hơn những người khác. Trong những năm sau khi *Mindhunter - Kẻ săn suy nghĩ* được xuất bản, trên truyền hình và mạng Internet có hằng

hà sa số người tự nhận là chuyên viên miêu tả nhân dạng, nhưng đa số họ không có chuyên môn cụ thể hay kinh nghiệm thực thụ. Thường thì họ gây họa nhiều hơn là giúp đỡ, và chúng tôi đã gặp nhiều trường hợp mà các chuyên viên miêu tả nhân dạng xuất thân từ ngành giáo dục đã diễn giải sai chứng cứ và khiến việc điều tra hoặc chiến lược của luật sư biện hộ đi theo hướng sai hoàn toàn. Phải nhớ rằng một chuyên viên miêu tả nhân dạng tài giỏi và có kinh nghiệm hợp tác với một cơ quan thi hành luật địa phương có chuyên môn cao có thể cho ra các kết quả giúp nhanh chóng bắt được kẻ gây án cũng như việc khởi tố thành công hơn.

Một số nghi phạm liên quan đến các tội ác mà chúng tôi đề cập đã bị bắt, chúng ta sẽ thảo luận việc bắt giữ Kẻ đánh bom trường học - máy bay, Kẻ sát nhân sông Xanh^[3] và Kẻ sát nhân BTK sau. Larry Gene Bell bị tử hình vì đã sát hại dã man hai nạn nhân Shari Faye Smith mười bảy tuổi và Debra May Helmick chín tuổi. Những tên sát nhân cuồng dâm Jerome Brudos, Joseph Christopher và Arthur Shawcross, cùng James Earl Ray, kẻ đã ám sát Martin Luther King Con^[4], tất cả đều đã chết rục trong tù. Những người bị kết tội giết người oan John Hinckley Con và Arthur Bremer đã được trả tự do. "Sát nhân đường mòn trên núi" David Carpenter và ông ba bị khủng khiếp Charles Manson đều đang ở độ tuổi tám mươi và vẫn ở sau song sắt khi chúng tôi viết những dòng này. Và Joe Del Campo, cộng sự của John trong công tác giải quyết các vụ án tử những ngày làm đặc vụ đường phố ở Milwaukee, gần đây đã tham gia một mùa trong chương trình thực tế *Kẻ sống sót*. Bạn không bao giờ biết một cựu đặc vụ có thể làm được những gì.

Bất cứ tác giả nào cũng sẽ lấy làm hài lòng khi có một cuốn sách vẫn được in và bán suốt hơn hai mươi năm, chúng tôi cũng không ngoại lệ. Phản ứng của độc giả thật sự rất tuyệt vời và là niềm tự hào cũng như mãn nguyện của chúng tôi và gia đình. Chúng tôi hy vọng thành công liên tiếp của *Mindhunter - Kẻ săn suy nghĩ* - những cuốn sách kế tiếp, các chương trình truyền hình và bộ phim mà các nhà sản xuất thừa nhận đã lấy cảm hứng từ cuốn sách và hiện nay là một sê-ri phim trên Netflix^[5] dựa trên *Mindhunter - Kẻ săn suy nghĩ* - là nhờ vào những bí ẩn đầy cuốn hút và những câu chuyện

sống còn mà chúng tôi đã kể. Tuy khoa học, công nghệ và những kỹ thuật điều tra đã có nhiều tiến bộ vượt bậc sau hai mươi năm, nhưng các vấn đề cơ bản về trí não và động cơ của con người vẫn và sẽ luôn như thế.

Chúng tôi thường được hỏi là tại sao tác phẩm viết về tội ác thực sự lại có sức hấp dẫn với độc giả và khán giả đến thế, bất kể chủ đề khủng khiếp và kết cục bi thảm của chúng. Chúng tôi tin rằng đó là vì về bản chất, tội ác thực sự liên quan đến những điều cơ bản và quan trọng của cái mà chúng tôi gọi là "điều kiện tạo nên con người", chúng là những bản năng và cảm xúc mà tất cả chúng ta đều có: yêu, ghét, ghen tỵ, thù oán, tham vọng, ham muốn, vui và buồn, sợ hãi, thất vọng, cảm giác về sự vĩ đại và quyền cá nhân... thường đi kèm với nỗi tự ti và căm ghét bản thân đã ăn sâu vào con người. Các tác phẩm viết về tội ác thực sự thể hiện điều kiện tạo nên con người một cách rõ ràng: những người bình thường hành động theo những bản năng và cảm xúc này nhưng ở mức cực hạn khủng khiếp. Theo đó, mọi bí ẩn chúng tôi thuật lại, mọi vụ việc chúng tôi báo cáo, mọi kết quả chúng tôi theo dõi, trở thành vở kịch đạo đức của chính nó, thêm anh hùng, kẻ phản diện và nạn nhân là hoàn chỉnh.

Sau khi nghỉ hưu, mỗi khi John nhận tư vấn cho một vụ việc, dù là làm cho bên khởi tố hay bên biện hộ, dù được trả công hay tình nguyện, tiêu chí của ông luôn là: "Người thuê tôi có thể là quý vị, nhưng tôi làm việc vì nạn nhân". Đó luôn luôn là trách nhiệm hàng đầu của chúng tôi.

Bây giờ, hãy điểm qua một số vụ án đã khép lại kể từ lần xuất bản đầu tiên của *Mindhunter* - *Kẻ săn suy nghĩ*.

Vụ án gây xúc động nhất với chúng tôi, thậm chí đến lúc này, vì suýt chút nữa John đã mất mạng, chính là vụ Kẻ sát nhân sông Xanh ở bang Washington. Gary Leon Ridgway nhận tội giết tổng cộng bốn mươi tám phụ nữ, sau đó thừa nhận đã giết ít nhất bảy mươi một người - nhiều người trong số đó bỏ nhà ra đi, hành nghề mại dâm hoặc là những nạn nhân yếu đuối khác - dọc theo đoạn đường Sea-Tac Strip tai tiếng ở Đại lộ Thái Bình Dương.

Bản mô tả Đối tượng vô danh, hay UNSUB^[6], ban đầu tương đối rõ ràng: một kẻ độc thân, thuộc tầng lớp công nhân, có thể là tài xế xe tải đường dài, kẻ có thể dễ dàng cho người khác đi nhờ xe, có một chiếc taxi riêng, nơi hắn có thể bóp cổ nạn nhân rồi vứt xác họ xuống hẻm núi sông Xanh hoặc những nơi khác dọc các tuyến đường hắn đi. Nhưng John và các đồng sự FBI cảnh báo đơn vị đặc nhiệm là bản mô tả không phải yếu tố chính, hành vi sau khi thực hiện tội ác mới quan trọng. Đây là kẻ sẽ tìm cách tham dự vào việc điều tra rồi trở lại hiện trường gây án và/ hoặc nơi bỏ xác để hồi tưởng các ảo vọng của hắn với những phụ nữ này.

Vì cuộc điều tra rất toàn diện nên John cảm thấy có khả năng, vào thời điểm nào đó, họ đã chọn và thẩm vấn trúng Đối tượng vô danh thực sự, đặc biệt nếu hắn vô tình phù hợp với bản mô tả. Có thể hắn có mối quan hệ yêu ghét phức tạp với các cô gái “bán hoa” và bỏ nhà đi bụi, từ đó cảm thấy “trừng phạt” họ là điều đúng đắn. Vì vậy, John khuyên không nên dựa vào các bài kiểm tra phát hiện nói dối để loại trừ các nghi phạm. Hơn nữa, máy phát hiện nói dối cũng không hoàn toàn đáng tin, đó là lý do tại sao kết quả kiểm tra hiếm khi được chấp nhận là chứng cứ trước tòa. Tuy máy này có thể phát huy hiệu quả với người bình thường, nhưng nói dối với một cái hộp kim loại dây nhợ lửa chứa lại chẳng phải chuyện lớn gì với một kẻ chống đối xã hội.

Gary Ridgway bị bắt ngày 30 tháng Mười một năm 2001 khi đang rời khỏi nhà máy xe tải Kenworth ở thành phố Renton, Washington, nơi hắn làm thợ phun sơn. Bị bắt vì cáo buộc dẫn gái mại dâm, sau đó hắn được liên hệ với bốn nạn nhân thông qua ADN, chứng minh giá trị của ngành khoa học mới nổi đó. Năm 1982, tên tài xế xe tải này từng bị bắt vì cáo buộc liên quan đến mại dâm, một năm sau lại trở thành nghi can trong vụ sông Xanh. Hắn được làm kiểm tra phát hiện nói dối và vượt qua trót lọt, bị loại khỏi diện nghi ngờ của cảnh sát về sau. Sau đó, việc phân tích cho thấy có thể bài kiểm tra không được diễn giải đúng. (Bất ngờ chưa!)

Các điều tra viên điều tra về hắn một lần nữa vào năm 1987, việc này cũng không lạ với một vụ án đã lâu chưa phá được, vào thời điểm đó họ đã lấy mẫu tóc và nước bọt của hắn. Hai mươi tư năm

sau, chính những phân tích ADN từ các mẫu lưu trữ trong hệ thống này cuối cùng đã phá được vụ án. Năm 2003, Ridgway nhận tội cho bốn mươi chín cáo buộc giết người cấp độ I có tình tiết tăng nặng; một cáo buộc được thêm vào khi hắn điều đình nhận tội. Đổi lại, hắn nhận các mức án tù chung thân không giảm án thay vì tử hình.

Sau khi vụ án khép lại, mọi người nhận thức được điểm chính yếu khiến bản mô tả nhân dạng bị sai chính là dự đoán Đối tượng vô danh độc thân. Trên thực tế, Ridgway đã kết hôn ba lần và có vô số bạn gái, tất cả họ đều nói về sở thích tình dục thái quá của hắn. Hắn từng tham gia Hải quân trong Chiến tranh Việt Nam và có quan hệ thường xuyên với các cô gái làng chơi ở đây. Xét việc hắn mắc bệnh lậu từ một trong những cuộc mua vui này, đây có thể là nguyên nhân khiến hắn cảm thấy mình có quyền trừng phạt gái làng chơi - một dạng sự kiện châm ngòi thường thấy ở loại sát nhân hàng loạt này.

Sau nhiều năm, nhiều nghiên cứu được tiến hành, các chuyên viên mô tả nhân dạng không còn vội vàng kết luận một tên sát nhân hàng loạt - dù có dành phần lớn thời gian chạy xe trên đường - không nhất định là người độc thân. Trong chương 13 (*Trò chơi nguy hiểm nhất*), độc giả sẽ gặp thợ làm bánh người Alaska Robert Hansen, kẻ có thể tách biệt hoàn toàn cuộc sống hôn nhân của mình với đam mê tìm gái làng chơi, đưa họ đến những nơi hoang dã bằng máy bay riêng của hắn rồi săn họ như săn thú.

Kẻ sát nhân tự nhận là BTK ở Wichita, Kansas, Dennis Rader, cũng là một kẻ đi săn nhưng hắn theo dõi con mồi trong nhà riêng của họ, tự hào vì khả năng đầy nghệ thuật là "Trói, Hành hạ và Giết"^[7] cả nhà nạn nhân rồi vẽ lại hiện trường gây án của mình một cách chi tiết. John và các đồng nghiệp Roy Hazelwood, Ron Walker nhận ra những bức vẽ này và ngôn ngữ mà Rader dùng để miêu tả các vụ án cho thấy đây có thể là một cựu nhân viên cảnh sát hoặc cảnh sát tha hóa, thậm chí có thể muốn làm cảnh sát. Những tên sát nhân hàng loạt thích thú trước quyền lực của bản thân đối với nạn nhân, vì vậy chúng thường ghen tị với quyền lực mà chúng cho rằng các nhân viên cảnh sát sở hữu.

Từ quan điểm điều tra, điểm kỳ lạ trong vụ BTK là các vụ giết người xảy ra trong một khoảng thời gian ngắn sau đó lại im ắng. Thường thì trong trường hợp này, chúng tôi nghĩ có khả năng Đối tượng vô danh đã chuyển sang khu vực khác, bị giam giữ vì tội danh không liên quan đến các vụ giết người hàng loạt hoặc đã chết.

Nhưng với BTK thì các vụ án lại diễn ra sau nhiều năm im ắng. Hắn giết năm người vào năm 1974, sau đó giết hai người vào năm 1977, rồi lặn mất cho đến khi giết một người vào năm 1985 và một người vào năm 1986; hắn chờ hơn năm năm trước khi giết nạn nhân cuối cùng vào năm 1991. Rất ít, thậm chí chẳng có kẻ nào trong những tên sát nhân này một lúc nào đó nhận ra tội lỗi của mình và quyết định hoàn lương, nên phải có lý do khác. Rader có thể tự kiểm soát và sống dựa vào ảo tưởng từ những lần giết người trước càng ngày càng lâu hơn chẳng?

Thế giới lại nghe tin đồn về hắn vào năm 2004. Khi đó hắn khoe khoang về công việc của mình và thừa nhận một vụ án mà trước đó chưa bao giờ được liên hệ với hắn. Chúng tôi không ngạc nhiên khi Rader không thể ngăn mình liên lạc với giới truyền thông. Với phần lớn những kẻ săn mỗi hàng loạt vì tình dục này, tội ác mà chúng gây ra là khía cạnh quan trọng nhất, khiến chúng hài lòng nhất và “thành công” nhất trong đời. Nếu liên lạc với cơ quan chức năng hay giới truyền thông là một trong những yếu tố đặc trưng của chúng - hành động mang đến sự hài lòng cho chúng - thì không bao giờ chúng dừng lại.

Cuối năm 2004, như để chứng minh sự tồn tại của BTK, Đối tượng vô danh đã gửi cho cảnh sát thành phố Wichita giấy phép lái xe của một nạn nhân cùng một con búp bê nữ, tay chân bị trói và đầu bị trùm túi ni-lông - một ví dụ khác về “nghệ thuật” của hắn. Thư hắn gửi cho các nhà chức trách ngày càng nhiều và trên một lá thư trong số đó, hắn hỏi liệu có thể tìm ra hắn từ tư liệu trên một chiếc đĩa mềm mà hắn định gửi cho một đài truyền hình địa phương hay không. Thông qua hệ thống liên lạc được sắp đặt trước với phần tin rao vặt trên tờ báo *Wichita Eagle*, cảnh sát thừa nhận họ không thể tìm ra hắn.

Ngày 16 tháng Hai năm 2005, một bưu kiện với tên người gửi là BTK được gửi đến chi nhánh KSAS của Đài truyền hình Fox, trong đó có một sợi dây chuyền vàng, tờ bìa phô tô của một cuốn tiểu thuyết về một tên sát nhân thường trói và nhét giẻ vào miệng nạn nhân, một sổ ghi chú, trong đó có một tờ hướng dẫn liên hệ thêm thông qua báo *Wichita Eagle*... và một đĩa mềm Memorex. Nội dung của chiếc đĩa gây thất vọng vì quá nhàm chán: chẳng có thông tin gì về các vụ án mạng, chỉ có một tập tin viết rằng "Đây là một bài kiểm tra" và đề nghị cảnh sát hãy xem những tờ giấy ghi chú.

Trái với những gì đã bảo BTK, Sở Cảnh sát Wichita có thể phân tích siêu dữ liệu của chiếc đĩa - một từ mà chúng tôi chưa từng nghe khi mới viết cuốn sách này - và phát hiện ra nó đã được sử dụng trên máy tính của nhà thờ Christ Lutheran, người cuối cùng chỉnh sửa đĩa là "Dennis". Tìm kiếm trên mạng cho ra kết quả Dennis Rader là chủ tịch hội đồng nhà thờ. Xe của Rader, một chiếc jeep Cherokee màu đen, trùng khớp với mô tả về chiếc xe được ghi nhận đang rời khỏi nơi đặt một trong những bưu kiện của BTK.

Nhằm xác định xem có sự liên hệ về ADN với Rader hay không, văn phòng công tố quận đã xin lệnh kiểm tra một mẫu phết tế bào cổ tử cung của con gái Rader tại phòng khám thuộc Đại học bang Kansas khi cô là sinh viên ở đây. Cục Điều tra bang Kansas phân tích mẫu này và phát hiện có mối quan hệ huyết thống với một mẫu lấy từ một trong các nạn nhân của BTK. Sau khi bị bắt, cuối cùng Dennis Rader cũng nhận tội, và giống như Gary Ridgway, hắn điều đình nhận tội để tránh án tử.

Bản mô tả nhân dạng ban đầu dành cho Kẻ sát nhân BTK từ nghiên cứu trước kia của Đơn vị Khoa học hành vi thuộc FBI dự đoán kẻ gây ra tội ác tàn bạo như vậy có khả năng độc thân, nhưng bản mô tả cũng nói "Nếu Đối tượng vô danh có bạn gái hoặc đã kết hôn, có thể đó là một phụ nữ rất thụ động, phục tùng và/hoặc ở vị trí phụ thuộc vào chồng". Kết quả cho thấy đây là một đánh giá khá chính xác.

Dennis Rader không phải cảnh sát mà là một nhân viên pháp lý của thành phố Park, bang Kansas - nhiệm vụ của người này là bảo đảm cỏ trên sân nhà bạn không mọc quá cao, chó nhà bạn được

xích và vỉa hè trước nhà được cào sạch sau một đợt tuyết rơi. Rader cực kỳ nghiêm khắc trong việc đưa trát hầu tòa, có một gia đình đã than phiền rằng hấn an tử con chó của họ mà không có lý do gì. Trước khi làm công việc này, hấn từng tham gia Không quân, có bằng cử nhân ngành xét xử tư pháp của Đại học bang Wichita và làm việc cho một công ty an ninh nhà ở. Quý vị bắt đầu nhìn ra lộ trình của hấn rồi chứ?

Không chỉ vậy, các buổi thẩm vấn trong tù về sau để lộ ra khi còn nhỏ hấn từng ngược đãi động vật nhỏ và lấy cắp đồ lót từ các nạn nhân nữ của hấn.

Sau khi phiên tòa và việc kết án đã xong, John có cơ hội thẩm vấn Rader ở Cơ sở Cải tạo El Dorado ở thành phố El Dorado, bang Kansas. Có một câu hỏi cứ ám ảnh John là tại sao Rader cứ ngưng rồi lại tái phạm những vụ giết người man rợ.

Khi Rader thuật lại thì nguyên nhân rất đơn giản và khá “con người” theo cách riêng của hấn. Một buổi trưa nọ, vợ hấn là Paula bất ngờ về nhà và thấy hấn đang mặc quần áo phụ nữ cùng đồ lót của các nạn nhân, nhưng Paula không thể biết chỗ đồ lót đó từ đâu ra. Cô bị sốc và cảm thấy ghê tởm. Hấn cố gắng thanh minh cho sở thích “vô hại” này và nói rằng hấn cũng đấu tranh tâm lý để vượt qua. Cô dọa sẽ bỏ hấn nếu việc này còn tái diễn.

Khó nói việc này có đủ để hấn “kiêng” hay không, nhưng chắc chắn Rader đã nhận ra nếu hấn cho Paula cái cớ để báo cảnh sát hay bắt kỳ ai, người ta sẽ nhanh chóng liên hệ hấn và những món kỷ vật với các vụ giết người BTK.

Hấn có thể bằng lòng với những ký ức, tranh vẽ và kỷ vật trong một khoảng thời gian nhưng cuối cùng, ham muốn trở nên quá mạnh và Rader lại tiếp tục đột nhập vào nhà người khác, trình diễn màn trối và hành hạ nạn nhân. Một lần nữa, hấn lại bị vợ bắt quả tang đang mặc đồ của nạn nhân. May cho hấn, Paula vẫn không liên kết hai sự việc với nhau. Tuy Paula quả thực khớp với mô tả là một người vợ thụ động và phụ thuộc, nhưng cô cũng đủ dũng khí để yêu cầu ly hôn ngay khi sự thật về gã chồng bị phơi bày.

Từ thái độ khẳng khái rằng phải có một danh xưng trước công chúng của Dennis Rader mà John biết với tư cách là BTK, hấn theo

dối và ngưỡng mộ những tên sát nhân hàng loạt khác. Hóa ra Rader thần tượng Harvey Glatman, “Kẻ sát nhân Những trái tim cô độc” vào thập niên 1950 ở Los Angeles, dụ dỗ phụ nữ tới căn hộ của mình hoặc một nơi nào đó với lời đề nghị đối trá làm người mẫu ảnh cho các tạp chí truyện hư cấu, sau đó trói, tấn công tình dục, bóp cổ họ rồi vứt xác họ ở nơi vắng vẻ. Cuối cùng hắn bị bắt vào năm 1958 sau khi một phụ nữ hắn định bắt cóc thoát được và chạy đến chỗ cảnh sát. Hắn bị xét xử, định tội và xử tử trong phòng hơi ngạt của nhà tù tiểu bang San Quentin vào ngày 18 tháng Chín năm 1959.

Dennis Rader trích dẫn câu nói của Harvey Glatman “Sợi dây trói là tất cả”. Câu này có nghĩa là gì? Sợi dây trói tượng trưng cho sự kiểm soát tuyệt đối. Ảo tưởng hay ho nhất là giữ cho các nạn nhân còn sống và bị chế ngự vô thời hạn, dù hai tên này biết rằng điều đó là không thể.

Khác biệt về quãng thời gian “hành nghề” giết người của Glatman và Rader đơn giản là do may mắn mà thôi. Rader hay Gary Ridgway chẳng hạn, đều không tài trí vĩ đại gì. Chúng chỉ bị ám ảnh bởi những tội ác mình gây ra và may mắn không bị phát hiện sớm. Nhưng trở trêu là việc Rader ngưng hoạt động lại giống với một tên sát nhân hàng loạt khác mà cho đến thời điểm xuất bản cuốn sách này, danh tính của hắn vẫn chưa bại lộ. Có lẽ hắn thông minh hơn cả ba tên này cộng lại.

Trong chương 17 (*Ai cũng có thể là nạn nhân*), chúng tôi thảo luận về Unabomber, kẻ bấy giờ vẫn chưa bị phát hiện, đã gửi một loạt bom thư tới các giảng viên đại học và người làm trong lĩnh vực công nghệ. Ba nạn nhân chết và hai mươi ba người khác bị thương. Hắn thậm chí còn đưa được một thiết bị vào khoang chứa hàng của một máy bay phản lực chở khách của hãng American Airlines chuẩn bị rời khỏi Chicago, nhưng gói bưu kiện bắt đầu bốc khói trước khi phát nổ và viên phi công đầy cảnh giác đã cho máy bay đáp khẩn cấp kịp thời.

Khác Dennis Rader, Unabomber không tự đặt cho mình danh xưng này. Cái tên này xuất phát từ bí danh dành cho những vụ án lớn của FBI: UNABOM là viết tắt của UNiversity và Airline BOMber^[8]. Khi tiến hành mô tả nhân dạng Đối tượng vô danh này, có sự bất

đồng ý kiến giữa FBI và lực lượng đặc nhiệm đang ngày càng lớn mạnh. Họ cho rằng khả năng cao hẳn có liên quan đến ngành hàng không - có lẽ là một thợ cơ khí có chuyên môn chế tạo bom - còn bản mô tả mà John dựng lên lại giả sử có thể hẳn liên quan đến một trường đại học, vì hẳn có vẻ rất thông minh trong kỹ năng chiến lược và chế tạo bom. Đối tượng vô danh cũng đưa ra những manh mối sai và đồ vật không liên quan như mảnh gỗ và vỏ cây.

Sau khi Unabomber bắt đầu gửi thư cho *New York Times* để phàn nàn về sách lược của những doanh nghiệp lớn và việc phá hủy môi trường do các sự cố như vụ tràn dầu *Exxon Valdez*, John càng tin vào xuất thân hàn lâm của hẳn vì giọng điệu và văn phong của hẳn. Những lời phàn nàn rõ ràng và việc sử dụng gỗ trong các quả bom đưa đến kết luận rằng hẳn là kẻ theo phong trào Tân bảo thủ, tự phong, phản đối công nghệ.

Cuối cùng, sau nhiều năm đánh bom gián đoạn, Unabomber gửi cho *New York Times* một tối hậu thư. Hẳn sẽ dừng các hoạt động nếu *Times* và *Washington Post* chịu đăng "bản tuyên ngôn" về công nghệ của hẳn. Nếu không hẳn sẽ tiếp tục.

Có nhiều cuộc tranh cãi và tự vấn lương tâm vì yêu cầu này - cả trong báo giới và lực lượng thi hành luật, và những hội nghị song phương. Ban giám đốc của *Times* và *Post* lo lắng việc này sẽ tạo ra tiền lệ. Ngày nay, báo chí lại trở thành con tin của những kẻ tâm thần nguy hiểm muốn mọi người phải lắng nghe ý kiến của chúng sao? Lực lượng thi hành luật cũng quan ngại không kém, họ vẫn luôn như thế, về việc khuyến khích những kẻ bắt chước và đáp ứng yêu cầu của kẻ giết người.

Tại Đơn vị Hỗ trợ điều tra ở Quantico thì quan điểm rõ ràng hơn: công chúng thường là cộng sự đặc lực nhất. Khi tất cả manh mối logic và hợp lý đều thất bại, hãy cho công dân cơ hội giúp phá giải vụ án. Bộ trưởng Tư pháp Janet Reno đồng ý với kiến nghị của ISU^[9].

Hệ tư tưởng này rất hiệu quả trong quá khứ. Quý vị sẽ thấy rõ hơn trong phần sau, chúng tôi thuật lại việc đặc vụ và chuyên viên mô tả nhân dạng Jana Monroe, khi cố gắng phá giải vụ án mạng ba người ở vịnh Tampa, đã nảy ra ý tưởng đăng lại những chỉ dẫn lộ

trình mà bà tin là do chính Đối tượng vô danh viết, trên những tấm bảng quảng cáo được cho mượn. Việc này đã giúp bắt giữ, khởi tố và định tội Oba Chandler, kẻ đã bị tử hình vì tội ác của mình.

Vụ án Unabomber đi đến một kết cục mà nhiều người biết đến hiện nay. Sau khi các tờ báo đồng ý đăng bài tiểu luận *Xã hội công nghiệp và tương lai* dài 35.000 từ của hắn trong các chuyên mục đặc biệt, một phụ nữ tên Linda Patrik thuyết phục người chồng làm cố vấn cho trẻ vị thành niên/nhân viên xã hội của mình, David Kaczynski, rằng bài viết nghe rất giống với những ý tưởng mà anh trai Ted của anh ấy từng nói đến. Cô vốn đã nghi ngờ người anh chồng. Theodore "Ted" Kaczynski là thạc sĩ Toán học tốt nghiệp Đại học Harvard và Đại học Michigan, sống nhiều năm trong những cánh rừng xa vắng ở Montana như một người tu khổ hạnh trong căn nhà gỗ nhỏ xíu, không có điện và nước máy.

Mark tâm sự với David Kaczynski về sự dẫn vật mà anh và Linda trải qua khi quyết định tố cáo anh mình. Trước khi chỉ chứng anh mình, David đã cẩn thận thỏa thuận với nhà chức trách để bảo đảm Ted sẽ không bị tử hình. Tuy cả hai chúng tôi đều mong nhiều kẻ sát nhân hàng loạt và sát nhân sẵn người bị phán tử hình, nhưng chúng tôi không thể trách cứ David và Linda vì quyết định và hành động trượng nghĩa của họ. Hiện tại, Ted đang lĩnh nhiều án tù chung thân tại nhà tù liên bang siêu an ninh ở thành phố Florence, bang Colorado.

Chiến lược dành cho Oba Chandler hay chiến lược kiểu bản tuyên ngôn của Unabomber có hiệu quả trong việc chỉ chứng và ngăn chặn BTK trước đó không? Chúng ta không bao giờ biết, nhưng chúng tôi nghĩ có khả năng sẽ hiệu quả. Dù tội ác của chúng hoàn toàn khác nhau, nhưng điểm chung của thiên tài tâm thần Ted Kaczynski và kẻ tầm thường vô vị nhưng biến thái Dennis Rader chính là cảm giác tự phụ lớn lao. Không kẻ nào chịu nổi khi tài năng của mình không được công chúng thừa nhận, và đó chính là nguyên nhân thất bại của cả hai.

Rất dễ bình luận sau khi sự việc diễn ra, và có một điều chúng tôi học được trong ngành này là mọi vụ án đều rõ ràng sau khi đã được giải quyết. Các điều tra viên rất miễn cưỡng trong việc cung

cấp những chi tiết của vụ án mà chỉ có kẻ phạm tội mới biết. Nhưng nếu cảnh sát thành phố Wichita công bố một số bức vẽ, bảng mô tả hiện trường phạm tội và những cách thức liên lạc khác của BTK, có khả năng ai đó ở nơi Dennis Rader làm việc, nhà thờ, trong các mối quan hệ xã hội của hắn hay thậm chí ở nhà có thể nhận ra tác phẩm của hắn, hoặc ít nhất là có đủ hoài nghi để báo cho cảnh sát.

Từ khi chúng tôi viết cuốn sách này, tỷ lệ của một số loại tội phạm nhất định đã thay đổi. Tội phạm bạo lực nhìn chung có xu hướng giảm, nhưng số kẻ sát nhân sẵn người vì mục đích tình dục hầu như không thay đổi. Chúng tôi tin lý do là vì loại bệnh lý tội phạm này không phản ứng với các điều kiện xã hội hoặc kỹ thuật điều tra cải tiến rõ rệt như những loại tội phạm khác. Suốt mười sáu năm qua, chúng tôi thấy quan ngại về vấn đề khủng bố trong và ngoài nước, một vấn nạn chỉ mới bắt đầu khi chúng tôi khởi tố vụ đánh bom tòa nhà liên bang ở thành phố Oklahoma năm 1995. Các vụ xả súng ngày càng nhiều đến mức đáng báo động, không giống như vụ giết người năm 1966 của Charles Whitman từ đỉnh tòa nhà trường Đại học Texas. (Dù khi khám nghiệm tử thi Whitman đã phát hiện ra một khối u nhỏ trong não, nhưng chúng tôi tham khảo ý kiến các chuyên gia thần kinh uy tín và xác nhận vị trí khối u không ảnh hưởng đến các khu vực chịu trách nhiệm kiểm soát loại hành vi này.)

Như đã nói ở trên, dù loại hình tội phạm có thay đổi nhưng chúng tôi nhận thấy các động cơ cơ bản không có gì khác.

Dù là những kẻ đánh bom như Ted Kaczynski, Charles Whitman hay xả súng ở trường học, hay vô số tên khủng bố tôn giáo đã và đang gây đau khổ khắp thế giới, thứ chúng tôi đang khám phá là những bộ não có suy nghĩ giống nhau. Đó là những kẻ lấy hành động tấn công bạo lực số đông làm tuyên ngôn khẳng định bản thân hoặc tuyên ngôn chính trị để bù đắp cho sự tuyệt vọng, bi ai, thất bại và/hoặc thiếu mục đích sống của chúng. Một lần nữa, có thể nỗi tuyệt vọng đó liên tục mâu thuẫn với cảm giác rằng bản thân chúng vĩ đại hơn người khác và quyền cá nhân của chúng không được trọn vẹn; nhưng những con người này, không có ngoại lệ, đều chỉ là những kẻ vô danh tiểu tốt muốn trở nên có tiếng nói và tìm được ý nghĩa cho cuộc đời mình. Có thể chúng có dũng khí riêng - việc chọn

chết vì nguyên do nào đó, dù là nhận định sai lầm ra sao, cũng không phải một quyết định thường thấy - nhưng chúng cũng nhận ra bạo lực là cách duy nhất để chứng tỏ sức mạnh.

Trong những năm John nghỉ hưu ở Cục và bắt đầu nhận các vụ án từ bên ngoài, quan điểm của ông đã mở rộng - cũng như Mark, điều này thể hiện rõ trong các cuốn sách tiếp theo. Ở Đơn vị Hỗ trợ điều tra, các đặc vụ chỉ có thể xử lý vụ án do các sở cảnh sát và văn phòng quận trưởng giao phó, chứ không phải do bị cáo đề nghị. Nhưng khi John mở rộng phạm vi công việc, chúng tôi bắt đầu thấy được nhiều điều từ phía bị cáo và nhận ra không phải cuộc điều tra chính thức nào cũng toàn diện hay chính xác.

Những vụ án như giết ba bé trai tám tuổi ở bang Arkansas năm 1993 của Bộ ba Tây Memphis^[10]; vụ giết bé gái sáu tuổi JonBenet Ramsey ở thành phố Boulder, bang Colorado vào ngày Giáng sinh năm 1996 vẫn chưa được phá giải; và vụ giết Meredith Kercher hai mươi một tuổi, sinh viên trao đổi người Anh, ở thành phố Perugia, Ý - nữ sinh viên người Mỹ Amanda Knox và bạn trai người Ý Raffaele Sollecito bị truy tố và buộc tội trong vụ này - là minh chứng sống động cho hậu quả khủng khiếp khi việc điều tra của cảnh sát có xuất phát điểm sai, với quan điểm và định kiến cố hữu thay vì những gì mà bằng chứng hướng đến. Không bảo toàn hiện trường vụ án và chứng cứ đầy đủ, kỹ thuật thẩm vấn không thích hợp có thể dẫn đến những lời thú tội sai lệch; khoa học rác và việc tin vào những nhân chứng trong tù^[11] - những người có mục đích riêng, không phụ thuộc vào sự thật - tất cả các yếu tố này có thể, và thực sự đã và đang, góp phần đưa đến những lần kết tội sai.

Gần đây, khi bắt đầu phản ánh về những vụ án giúp mở rộng tầm mắt mà John đã điều tra và chúng tôi đã phân tích, đưa vào cuốn sách, chúng tôi phải đối diện với những ý tưởng và ấn tượng đã hình thành từ lâu trong tâm trí mình.

Trong chương 7 (*Trái tim của bóng tối*), quý độc giả sẽ đọc về buổi thẩm vấn mà John và Bob Ressler tiến hành với William Heirens tại trại giam Stateville ở thành phố Crest Hill, bang Illinois, khi họ đang tiến hành nghiên cứu bước đầu về những kẻ sát nhân liên hoàn. Heirens là "Sát nhân son môi" khét tiếng ở Chicago thời hậu

Thế chiến II, kẻ đã thừa nhận và bị kết án vì tội ác man rợ giết và phân xác bé gái sáu tuổi Suzanne Degnan.

Sau buổi thẩm vấn, John hoang mang tột độ vì Heirens khẳng định mình vô tội đến mức, như chúng tôi đã viết, "khi trở lại Quantico, tôi lục tìm tất cả hồ sơ của vụ án. Ngoài lời thú tội và những chứng cứ đầy thuyết phục khác, tôi nhận thấy cảnh sát đã tìm ra các dấu vân tay chìm của hăng ở hiện trường vụ Degnan. Nhưng Heirens đã có quá nhiều thời gian ngồi trong khám, suy nghĩ và cho chính mình những câu trả lời mà nếu cảnh sát tiến hành kiểm tra phát hiện nói dối vào lúc đó, có lẽ hăng sẽ vượt qua trót lọt."

Nhiều năm sau khi viết những lời trên, chúng tôi tiến hành một phân tích chi tiết và cuối cùng cho ra kết luận rằng lý do cho hành động của William Heirens là có khả năng hăng vô tội. Đúng là hồi đại học hăng từng phạm tội đột nhập gia cư bất hợp pháp, nhưng dù có sở hữu súng, hăng lại không gây ấn tượng rằng hăng là một người bạo lực hay kẻ sát nhân cuồng dâm. Hăng chắc chắn không khớp với bản mô tả nhân dạng mà John sẽ đưa ra nếu ông ấy xử lý vụ án ban đầu. Nhưng cảnh sát có vẻ không còn hứng thú với đối tượng họ tình nghi nhất sau khi đã bắt Heirens, công chúng thì hài lòng khi một kẻ giết người man rợ đã bị bắt.

Xét đến kinh nghiệm tích lũy suốt hơn hai thập kỷ trong bản phân tích điều tra tội phạm và mô tả nhân dạng toàn thời gian của John cũng như danh tiếng của Sở Cảnh sát Chicago trong những thập niên 1930 và 1940 - họ thường đánh đập để buộc nghi phạm nhận tội, trong đó có William Heirens và một người Mỹ gốc Phi hoàn toàn vô tội mà họ đã bắt trước đó khi điều tra, chúng tôi biết việc ngụy tạo và trình bày chứng cứ dễ dàng đến thế nào và hiểu việc mô tả nhân dạng chỉ có giá trị tương đương thông tin và chứng cứ mà cơ quan thi hành luật địa phương cung cấp. Vì thế, khả năng Heirens thực sự vô tội ngày càng đáng tin hơn.

Nhưng như nhiều tình huống tương tự, cuối cùng không có giải pháp nào. Khi William Heirens tám mươi ba tuổi, ngồi xe lăn, qua đời ngày 5 tháng Ba năm 2012 tại Trung tâm Cải tạo Dixon ở thành phố Dixon, bang Illinois, ông ta là phạm nhân bị giam lâu nhất trên cả nước Mỹ.

Tuy có lẽ từng có thôi thúc thoáng qua là thay đổi hoặc cập nhật những khía cạnh cụ thể trong nội dung của phiên bản mới, nhưng chúng tôi tự hào về những gì mình đã viết vào giữa thập niên 1990 và cảm thấy điều tốt nhất cho cuốn sách là cập nhật thông tin bằng phần giới thiệu này thay vì chỉnh sửa bất kỳ nội dung nào. Cũng như những điều cơ bản trong tâm trí và động cơ của con người, những yếu tố cần thiết của một cuộc điều tra tội phạm hiệu quả cũng không thay đổi. Dù có nhiều thuận lợi nhờ tiến bộ trong công nghệ, máy tính, ADN, huyết thanh học và khoa học điều tra tội phạm phóng hỏa - và việc đánh giá lại những công cụ tiêu chuẩn như dấu vân tay và phân tích đạn đạo - vẫn không có gì thay thế được một thanh tra giỏi và phân tích điều tra. Việc này bao gồm xem xét hiện trường vụ án và tất cả chứng cứ, nghiên cứu về nạn nhân, gõ cửa từng nhà hỏi thông tin và theo dõi mọi manh mối hợp lý. Tóm lại, chúng ta không bao giờ được loại bỏ yếu tố con người ra khỏi việc phá án.

Điều đã đúng từ hơn hai mươi năm trước vẫn đúng cho đến tận hôm nay, và sẽ còn đúng trong tương lai xa nhất chúng ta có thể tưởng tượng ra:

Hành vi phản ánh tính cách. Dấu hiệu tốt nhất cho thấy bạo lực trong tương lai chính là bạo lực trong quá khứ. Để hiểu được "họa sĩ", chúng ta phải nghiên cứu "tranh" của họ. Tội ác phải được đánh giá toàn diện. Không gì có thể thay thế kinh nghiệm và nếu bạn muốn hiểu được tâm trí của tội phạm, bạn phải tiến thẳng vào tâm trí họ và học cách giải mã những gì họ nói với bạn. Và trên hết: Tại sao + Bằng cách nào = Ai.

Còn bây giờ, mời quý vị tham gia vào chuyến đi săn cùng chúng tôi.

DẪN NHẬP

Chắc hẳn tôi đang ở địa ngục

Chắc hẳn tôi đang ở địa ngục.

Đó là lời giải thích hợp lý duy nhất. Tôi bị trói và đang trần truồng. Cơn đau thật quá sức chịu đựng. Tay chân tôi đang bị một lưỡi dao cắt sâu vào. Tất cả các lỗ trên người tôi đều bị nhét thứ gì đó. Tôi bị ghen và nôn mửa vì có thứ gì đó nhồi vào cuống họng. Những vật nhọn đang đâm vào dương vật và trực tràng của tôi, có cảm giác như chúng đang xé người tôi ra. Toàn thân tôi đầm đìa mồ hôi. Rồi tôi nhận ra điều đang xảy ra: tôi đang bị hành hạ tới chết bởi tất cả những kẻ sát nhân, kẻ cưỡng hiếp và sàm sỡ trẻ em mà tôi đã bỏ tù trong suốt sự nghiệp của mình. Bây giờ thì tôi là nạn nhân và không thể phản kháng.

Tôi biết cách thức hoạt động của chúng; tôi đã nhìn thấy không biết bao nhiêu lần. Chúng có nhu cầu phải thao túng và chế ngự con mồi. Chúng muốn mình có thể quyết định nạn nhân nên sống hay chết hoặc chết như thế nào. Chúng sẽ giữ cho tôi sống khi cơ thể tôi còn có thể chịu đựng, làm tôi tỉnh lại sau khi tôi ngất hoặc gần chết, luôn gây ra càng nhiều đau đớn và thống khổ càng tốt. Một số kẻ có thể làm như thế suốt nhiều ngày.

Chúng muốn cho tôi thấy chúng nắm toàn quyền kiểm soát và tôi hoàn toàn chịu sự điều khiển của chúng. Càng la khóc, van xin được tha, tôi càng tiếp thêm năng lượng cho những mong muốn đen tối của chúng. Nếu tôi van xin được tha chết hoặc gọi cha gọi mẹ, chúng sẽ khoái trá vô cùng.

Đây là cái giá tôi phải trả cho sáu năm săn lùng những gã đàn ông xấu xa nhất hành tinh.

Tim tôi đang đập liên hồi, người tôi nóng như lửa. Tôi cảm nhận một cú đâm cực mạnh khi chúng thọc cái que nhọn sâu hơn vào dương vật của tôi. Cả cơ thể tôi co giật trong cơn đau tột cùng.

Xin Chúa, nếu con vẫn còn sống, hãy để con chết quách đi. Và nếu con đã chết, xin hãy giải thoát con khỏi những cực hình chốn địa ngục thật nhanh.

Rồi tôi thấy một ánh sáng trắng cực mạnh, giống như ánh sáng mà tôi nghe nói người ta sẽ nhìn thấy khi cận kề cái chết. Tôi mong nhìn thấy Chúa, thiên sứ hay quỷ dữ - tôi cũng đã nghe về chuyện đó. Nhưng tất cả những gì tôi thấy chỉ là ánh sáng trắng rực rỡ đó.

Quả thực tôi có nghe một giọng nói - xoa dịu và trấn an, âm thanh êm ái nhất mà tôi từng nghe.

"Đừng lo, John. Chúng tôi đang cố gắng làm mọi chuyện tốt hơn."

Đó là điều cuối cùng tôi còn nhớ.

§•§

"John, anh có nghe tôi nói không? Đừng lo. Hãy bình tĩnh. Anh đang ở bệnh viện. Tình trạng của anh rất nghiêm trọng nhưng chúng tôi đang cố gắng cứu chữa", đó mới là điều người y tá đã nói với tôi. Cô ấy không biết tôi có nghe được cô ấy nói không, nhưng cô ấy liên tục lặp lại câu đó bằng giọng nói êm dịu.

Tuy lúc đó tôi không biết, nhưng tôi đang ở trong phòng cấp cứu của bệnh viện Thụy Điển tại Seattle, hôn mê và dùng máy duy trì sự sống. Tay chân tôi bị buộc lại. Các loại dây, ống và ống tiêm tĩnh mạch cắm vào người tôi. Người ta không hy vọng tôi sẽ sống. Đó là vào đầu tháng Mười hai năm 1983, và tôi ba mươi tám tuổi.

Câu chuyện bắt đầu ba tuần trước đó, ở bên kia của đất nước. Tôi đang ở New York, phát biểu về việc mô tả tính cách tội phạm - trước khoảng 350 người thuộc Sở Cảnh sát New York, Sở Cảnh sát Vận tải, và các Phòng Cảnh sát quận Nassau và Suffolk ở đảo Long

Island. Tôi đã thực hiện bài nói này hàng trăm lần và sắp nói hết cả bài mà không cần suy nghĩ.

Đột nhiên, tôi bắt đầu nghĩ lan man. Tôi nhận thức được mình vẫn đang nói, nhưng mờ hồ bắt đầu tuôn đồm đìa và tôi nhủ thầm *Làm sao mình có thể xử lý hết những vụ án này đây?* Tôi chuẩn bị kết thúc vụ án Wayne Williams sát hại trẻ em trong loạt án mạng vì phân biệt chủng tộc “bằng súng cỡ 22 ly” ở hai thành phố Atlanta và Buffalo. Trước đó, tôi được gọi đến hỗ trợ vụ “Sát nhân đường mòn trên núi” ở San Francisco. Khi đó, tôi có tham vấn Sở Cảnh sát Scotland Yard về vụ điều tra “Tên đồ tể ở Yorkshire” tại Anh. Tôi đi đi về về Alaska, xử lý vụ án Robert Hansen - một thợ làm bánh ở thành phố Anchorage tìm kiếm các cô gái làng chơi, đưa họ lên máy bay đến nơi hoang vắng rồi săn họ. Tôi đã điều tra một kẻ phóng hỏa hàng loạt nhắm đến những nhà thờ Hồi giáo ở Hartford, bang Connecticut. Và tuần tiếp theo, tôi phải bay đến Seattle để cố vấn cho Đội đặc nhiệm sông Xanh về một vụ có vẻ là một trong những án giết người hàng loạt lớn nhất lịch sử nước Mỹ, kẻ sát nhân chỉ nhắm vào gái điếm và những người tạm trú ở khu vực biên giới Seattle và Tacoma.

Trong sáu năm qua, tôi đã và đang phát triển một phương pháp mới để phân tích các vụ án và tôi là người duy nhất ở Đơn vị Khoa học hành vi làm việc toàn thời gian về các vụ án. Những người khác trong đơn vị chủ yếu là trợ giáo. Tôi đang xử lý khoảng 150 vụ điều tra cùng lúc mà không có hỗ trợ, và tôi chạy xe từ văn phòng tại Học viện FBI ở Quantico, Virginia khoảng 125 ngày một năm. Tôi chịu áp lực khủng khiếp từ cảnh sát địa phương, còn bản thân họ cũng chịu áp lực phá án không kém từ cộng đồng và gia đình nạn nhân, những người mà tôi luôn thấy thương cảm vô cùng. Tôi cố gắng sắp xếp khối lượng công việc để ưu tiên cho một số vụ án, nhưng yêu cầu mới cứ ập tới mỗi ngày. Các cộng sự của tôi ở Quantico thường nói tôi giống như một gã trai bao vì không thể từ chối các khách hàng.

Trong bài diễn thuyết ở New York, tôi tiếp tục nói về các loại tội phạm - tính cách nhưng tâm trí tôi cứ nghĩ về Seattle. Tôi biết không phải mọi người trong đội đặc nhiệm đều muốn tôi có mặt ở đó, đó là

chuyện thường tình. Cũng như trong từng vụ án lớn mà tôi được gọi đến để cung cấp một dịch vụ mới mà đa số cảnh sát và nhiều quan chức trong Cục vẫn cho rằng không khác gì ma thuật, tôi biết tôi phải nói làm sao để họ nghe theo. Tôi phải nói thật thuyết phục nhưng không tỏ ra quá tự tin hay ngạo mạn. Tôi phải cho họ biết tôi nghĩ họ đã làm rất cẩn thận, chuyên nghiệp, đồng thời cố gắng thuyết phục những ai còn hồ nghi rằng FBI có thể giúp đỡ họ. Và có lẽ điều làm tôi nản lòng nhất, không như những đặc vụ FBI truyền thống chuyên xử lý “Chỉ nói sự thật thôi, thưa bà”^[12], công việc của tôi đòi hỏi phải xử lý ý kiến. Tôi sống với nhận thức rõ rệt rằng nếu tôi sai, tôi có thể khiến cả cuộc điều tra hàng loạt đi chệch hướng và thêm nhiều người bị giết. Tệ không kém là việc đó sẽ khiến chương trình mới về mô tả tính cách tội phạm và phân tích vụ án mà tôi đang cố bắt đầu bị đình trệ.

Còn cả việc đi lại nữa. Tôi đã có nhiều dịp đến Alaska, đi qua bốn múi giờ, kết nối với một chuyến bay đáng sợ gần mặt nước và hạ cánh trong bóng tối, ngay khi tôi vừa tới đó gặp gỡ cảnh sát địa phương xong, tôi lại lên máy bay để đáp xuống Seattle.

Cơ hoành loạn lợ lững đó có lẽ kéo dài chừng một phút. Tôi cứ tự nhủ *Này Douglas, bình tĩnh lại nào*. Và tôi đã làm được. Tôi nghĩ không ai trong căn phòng đó biết chuyện gì đã xảy ra. Nhưng tôi không thể rũ bỏ cảm giác có chuyện gì đó bi thảm sắp đến với mình.

Tôi không thể rũ bỏ linh cảm này và khi trở về Quantico, tôi đến văn phòng nhân viên nhân sự và lấy bản hợp đồng bảo hiểm nhân thọ phụ cùng bảo hiểm bảo đảm thu nhập trong trường hợp tôi bị tàn tật. Tôi không thể nói chính xác lý do tôi làm vậy, ngoại trừ cảm giác khiếp sợ tuy mơ hồ nhưng vô cùng mạnh mẽ đó. Cơ thể tôi kiệt sức; tôi tập thể dục quá nhiều và có lẽ uống rượu nhiều hơn mức cần thiết để đương đầu với áp lực căng thẳng. Tôi đang bị khó ngủ và khi ngủ được thì lại bị đánh thức bởi cuộc gọi từ ai đó cần sự giúp đỡ của tôi ngay lập tức. Khi ngủ trở lại, tôi cố ép bản thân mơ về vụ án với hy vọng nhìn thấu điều gì đó. Bây giờ nghĩ lại, có thể dễ dàng nhận ra tôi sắp gặp phải chuyện gì đấy, nhưng lúc đó, dường như tôi chẳng thể làm gì với tình trạng của mình.

Ngay trước khi ra sân bay, có điều gì đó xui khiến tôi ghé qua trường tiểu học nơi vợ tôi, Pam, đang dạy môn tập đọc cho các học sinh khuyết tật, để nói với cô ấy về hợp đồng bảo hiểm bổ sung.

“Sao anh lại nói với em việc này vào lúc này?” Cô ấy lo lắng hỏi tôi.

Nửa đầu bên phải của tôi đau kinh khủng, vợ tôi nói mắt tôi đỏ ngầu và trông lạ lẫm.

“Anh chỉ muốn em biết mọi thứ trước khi anh đi”, tôi đáp. Lúc đó, chúng tôi có hai đứa con gái nhỏ. Erika tám tuổi và Lauren mới lên ba.

Trong chuyến đi tới Seattle này, tôi đi cùng hai đặc vụ mới là Blaine McIlwain và Ron Walker để giải thích cho họ về vụ án. Chúng tôi đến Seattle vào buổi tối và nhận phòng ở khách sạn Hilton tại trung tâm. Khi giờ hành lý ra, tôi thấy mình chỉ có một chiếc giày màu đen. Tôi đã quên mang theo chiếc kia hoặc đã làm mất trên đường đến đây. Sáng mai tôi có buổi nói chuyện với Sở Cảnh sát quận King, và tôi quyết định mình không thể đến đó mà không có đôi giày đen. Tôi thuộc tuýp người ăn mặc chải chuốt nên trong cơn mệt mỏi và áp lực, tôi bị ám ảnh với việc phải có đôi giày đen để mang cùng bộ vest. Vì thế, tôi ào ra đường, lòng sục khấp nơi đến khi tìm được một tiệm bán giày còn mở cửa, rồi trở lại khách sạn với một đôi giày đen phù hợp, và mệt mỏi hơn gấp bội.

Hôm sau, sáng thứ Tư, tôi nói chuyện trước các cảnh sát và một nhóm người đại diện của cảng Seattle cùng hai nhà tâm lý làm việc tại thành phố này, vốn được mời đến để giúp đỡ điều tra. Mọi người rất quan tâm đến bản mô tả nhân dạng tên sát nhân tôi đưa ra, việc có thể có nhiều hơn một kẻ phạm tội và hấn hay bọn hấn là kiểu người gì. Tôi cố gắng nói với họ rằng trong một vụ án kiểu này, bản mô tả nhân dạng không quan trọng đến thế. Tôi khá chắc chắn rằng kẻ sát nhân thuộc kiểu người nào, nhưng cũng chắc chắn sẽ có nhiều người dễ dàng trùng khớp với mô tả.

Tôi nói với họ là trong chu trình án mạng đang diễn ra này, điều quan trọng hơn là bắt đầu *chủ động hành động*, dùng những kết quả điều tra mà cảnh sát nỗ lực thực hiện cùng truyền thông để lừa nghi phạm vào tròng. Ví dụ, tôi đề nghị cảnh sát có thể tổ chức

nhiều buổi gặp mặt cộng đồng để “thảo luận” về các vụ án. Tôi có lý do để tin chắc tên sát nhân sẽ xuất hiện tại một hoặc nhiều buổi gặp mặt này. Tôi cũng cho rằng điều đó sẽ giúp giải đáp câu hỏi là chúng tôi có đang đối mặt với nhiều hơn một hung thủ hay không. Một mảnh khác tôi muốn cảnh sát thử là thông cáo với báo chí rằng có nhân chứng chứng kiến một trong các vụ bắt cóc. Tôi cảm thấy cách đó sẽ khiến kẻ sát nhân xuất đầu lộ diện để thực hiện “chiến lược chủ động” của hắn và giải thích tại sao hắn lại bị nhìn thấy ở khu vực lân cận. Điều mà tôi chắc chắn nhất là dù kẻ nào đứng sau những vụ giết người này thì hắn cũng sẽ không dừng lại.

Sau đó, tôi tư vấn cho cả đội cách thương thuyết với những đối tượng tình nghi - cả những người họ điều tra ra và những kẻ điên rồ đáng thương không tránh khỏi việc lộ diện trong một vụ án nhiều người quan tâm. McIlwain, Walker và tôi dành thời gian còn lại trong ngày đi xem xét các địa điểm vớt xác và khi trở về khách sạn tối hôm đó, tôi hoàn toàn kiệt sức.

Bên những ly rượu ở quầy bar của khách sạn, nơi chúng tôi đang cố thư giãn sau một ngày dài, tôi nói với Blaine và Ron rằng tôi cảm thấy không khỏe. Tôi vẫn bị đau đầu, tôi nghĩ tôi bị cúm và nhờ họ thay tôi làm việc với cảnh sát vào hôm sau. Tôi nghĩ mình sẽ khỏe hơn nếu ngủ cả ngày hôm sau nên khi chúng tôi tạm biệt nhau, tôi treo biển báo *Không làm phiền* lên cửa và nhắn với hai cộng sự là tôi sẽ gặp lại họ vào sáng thứ Sáu.

Tôi chỉ nhớ lúc đó tôi cảm thấy rất mệt, tôi ngồi ở mép giường và bắt đầu cởi quần áo. Hai cộng sự của tôi trở lại Tòa án quận King vào thứ Năm để tiếp tục theo dõi những chiến lược tôi đã soạn ra hôm trước. Theo yêu cầu của tôi, họ để tôi một mình cả ngày để ngủ cho lại sức.

Nhưng khi tôi không có mặt để ăn sáng vào thứ Sáu, họ bắt đầu lo lắng. Họ gọi lên phòng tôi. Không ai trả lời. Họ đi lên và gõ cửa. Vẫn không một tiếng động.

Cảm thấy bất an nên họ trở xuống quầy lễ tân và yêu cầu quản lý đưa chìa khóa phòng. Họ trở lên, mở cửa phòng và vướng dây xích chống trộm mà tôi đã gài. Nhưng họ nghe thấy tiếng rên yếu ớt trong phòng.

Mọi người đá tung cửa ra rồi ùa vào. Họ thấy tôi đang nằm trên sàn trong tư thế như một con ếch, quần áo cái có cái không, có vẻ đang cố với tới chiếc điện thoại. Nửa người bên trái của tôi đang co giật, Blaine nói khi đó người tôi nóng như lửa đốt.

Khách sạn gọi cho bệnh viện Thụy Điển, họ lập tức điều một xe cấp cứu đến. Trong lúc đó, Blaine và Ron vẫn nói chuyện với người ở phòng cấp cứu qua điện thoại, báo cho họ các chỉ số sinh tồn của tôi. Tôi sốt đến 41 °C, mạch 220 nhịp. Nửa người bên trái của tôi đã tê liệt, và tôi tiếp tục co giật khi ở trong xe cấp cứu. Báo cáo y tế mô tả lúc đó mắt tôi như mắt búp bê - mở trừng trừng, không chuyển động và phân tán.

Vừa đến bệnh viện, họ lập tức chườm đá cho tôi và tiêm nhiều liều lớn phenobarbital vào tĩnh mạch để kiểm soát cơn co giật. Bác sĩ nói với Blaine và Ron là liều lượng thuốc mà ông ấy dùng cho tôi có thể làm cả thành phố Seattle ngủ mê. Ông ấy cũng nói với hai đặc vụ rằng tuy họ sẽ cố gắng hết sức, nhưng có thể tôi sẽ chết. Phim chụp CAT^[13] cho thấy não phải của tôi bị đứt mạch máu và chảy máu do cơn sốt cao.

“Nói dễ hiểu”, bác sĩ bảo, “thì não anh ấy đã bị rán giòn.”

Hôm đó là ngày 2 tháng Mười hai năm 1983. Chương trình bảo hiểm mới của tôi vừa có hiệu lực vào hôm trước.

Trưởng đơn vị của tôi, Roger Depue, đến trường Pam dạy để đích thân báo tin cho cô ấy. Rồi vợ tôi và bố tôi, Jack, bay đến Seattle với tôi, gửi các con tôi cho mẹ tôi là Dolores trông nom. Hai đặc vụ từ Văn phòng Thực địa ở Seattle của FBI, Rick Mathers và John Biner, đón họ ở sân bay và đưa thẳng đến bệnh viện. Lúc đó họ mới biết tình hình nghiêm trọng dường nào. Bác sĩ cố gắng chuẩn bị tâm lý cho Pam đón nhận tin tôi qua đời và nói rằng nếu có sống, có thể tôi cũng bị mù và sống đời thực vật. Là người theo Công giáo, cô ấy gọi một mục sư đến để làm lễ cho tôi lần cuối, nhưng khi biết tôi là tín đồ của Giáo hội Trưởng lão, ông ấy từ chối ngay. Vì vậy, Blaine và Ron mời ông ấy về tìm một mục sư khác không đặt nặng vấn đề này. Họ nhờ ông ấy đến cầu nguyện cho tôi. Tôi vật vờ giữa sự sống và cái chết trong cơn hôn mê suốt cả tuần. Quy định của phòng cấp cứu chỉ cho phép người nhà vào thăm nên đột nhiên các đồng

nghiệp ở Quantico, Rick Mathers và những người khác ở Văn phòng Thực địa Seattle đều trở thành họ hàng gần. “Gia đình chị lớn thật đấy”, một y tá bảo Pam với vẻ hơi châm biếm.

Về mặt nào đó, “gia đình lớn” không hoàn toàn là chuyện đùa. Ở Quantico, một số đồng nghiệp do Bill Hagmaier của Đơn vị Khoa học hành vi dẫn đầu và Tom Columbell ở Học viện Quốc gia đã tổ chức quyên góp để Pam và bố tôi có thể ở lại Seattle cùng tôi. Trong khoảng thời gian ngắn, họ đã nhận tiền đóng góp của nhân viên cảnh sát trên khắp cả nước. Đồng thời, mọi người cũng sắp xếp chuẩn bị đưa thi hài tôi về Virginia bằng máy bay để chôn trong nghĩa trang quân đội ở Quantico.

Đến cuối tuần đầu tiên, Pam, bố tôi, các đặc vụ và vị mục sư đứng thành vòng tròn quanh giường bệnh, nắm tay nhau và nắm lấy tay tôi, cầu nguyện cho tôi. Đêm đó, tôi tỉnh lại.

Tôi nhớ lúc đó mình rất ngạc nhiên khi thấy vợ và bố, không hiểu tại sao mình lại ở bệnh viện. Thời gian đầu, tôi không nói chuyện được; nửa mặt bên trái bị xệ và nửa người bên trái vẫn tê liệt. Khi tôi nói lại được, lúc đầu giọng tôi vẫn lè nhè. Sau một khoảng thời gian, tôi có thể cử động chân và dần dần cử động được nhiều bộ phận khác. Cổ họng tôi đau rất vì bị nhét ống của máy duy trì sự sống. Thuốc của tôi chuyển từ phenobarbital sang Dilantin để kiểm soát các cơn co giật. Sau tất cả xét nghiệm, chụp hình và chọc dò tủy sống, cuối cùng họ đưa ra chẩn đoán lâm sàng: viêm não vi rút hoặc trầm trọng hơn bởi căng thẳng cũng như sức khỏe yếu. Tôi rất may khi còn sống.

Nhưng quá trình phục hồi rất đau đớn và khiến tôi nản lòng. Tôi phải học lại cách bước đi. Trí nhớ tôi bị xáo trộn. Để giúp tôi nhớ tên bác sĩ điều trị chính là Siegal, Pam đã mang vào một bức tượng hình chim hải âu nhỏ làm bằng vỏ sò, đứng trên một cái đế bằng bần. Sau đó, khi bác sĩ tới kiểm tra tình trạng tâm thần và hỏi xem tôi có nhớ tên ông ấy không, tôi lè nhè “Tôi nhớ, bác sĩ Hải Âu”.

Dù được hỗ trợ rất nhiều, nhưng tôi cảm thấy vô cùng chán nản với quá trình phục hồi. Tôi chưa bao giờ có thể ngồi yên thư giãn hay chậm rãi làm mọi việc. Giám đốc FBI William Webster gọi đến

để khích lệ tôi. Tôi nói với ông rằng tôi nghĩ mình không thể bóp cò súng được nữa.

“Đừng lo chuyện đó, John”, vị giám đốc đáp. “Chúng tôi muốn trí tuệ của anh.” Tôi không nói với ông rằng e là trí tuệ của tôi cũng chẳng còn lại bao nhiêu.

Cuối cùng, tôi xuất viện về nhà trước Giáng sinh hai ngày. Trước khi đi, tôi dùng mấy tấm bảng để viết lời cảm ơn sâu sắc dành cho các nhân viên phòng cấp cứu và chăm sóc đặc biệt vì đã làm tất cả để cứu tôi.

Roger Depue đón chúng tôi ở sân bay Dulles và đưa về nhà ở Fredericksburg. Tại đó, một lá cờ Mỹ và biểu ngữ to với dòng chữ “Mừng John về nhà” đang đợi tôi. Từ cân nặng bình thường là tám mươi tám ký, tôi chỉ còn bảy mươi hai ký. Các con tôi, Erika và Lauren, rất lo vì vẻ ngoài của tôi và tôi ngồi xe lăn nên suốt một thời gian dài sau đó, hai đứa rất sợ mỗi khi tôi đi xa.

Giáng sinh khá buồn. Tôi không gặp được nhiều bạn bè; chỉ gặp Ron Walker, Blaine McIlwain, Bill Hagmaier và một đặc vụ khác ở Quantico, Jim Horn. Tôi không phải ngồi xe lăn nữa nhưng đi lại vẫn còn khó lắm. Tôi không thể nói chuyện lâu, dễ khóc và không thể nhớ gì. Khi vợ hoặc bố tôi đưa tôi đi dạo quanh Fredericksburg, tôi thường chú ý đến một tòa nhà nào đó và không biết liệu có phải nó mới được xây không. Tôi cảm giác như mình là bệnh nhân đột quỵ và băn khoăn liệu tôi có thể làm việc lại hay không.

Tôi cũng buồn và giận cơ quan của mình vì những gì họ bắt tôi trải qua. Tháng Hai năm ngoái, tôi đã trao đổi với một trong những Phó giám đốc Cục là Jim McKenzie. Tôi nói mình không thể tiếp tục cáng đáng và hỏi xem ông ấy có thể điều vài người đến hỗ trợ không.

McKenzie thông cảm với tôi nhưng cũng rất thực tế. “Anh biết cái tổ chức này mà”, ông nói. “Anh phải làm việc đến khi gục ngã thì mới có người nhận ra.”

Không chỉ cảm thấy mình không được hỗ trợ, tôi còn nghĩ mình chẳng được trân trọng tí nào. Ngược lại là đằng khác. Năm ngoái, sau khi cất lực xử lý “Các vụ sát hại trẻ em” ở Atlanta, tôi bị Cục

khiển trách vì một câu chuyện đăng trên một tờ báo ở thành phố Newport News, Virginia ngay sau khi Wayne Williams bị bắt. Tay phóng viên hỏi tôi nghĩ gì về Williams với tư cách một nghi phạm, tôi trả lời là trông hẳn "ổn" và nếu hẳn tiếp tục, có lẽ hẳn vẫn ổn trong ít nhất vài vụ án.

Dù chính Cục đã yêu cầu tôi trả lời phỏng vấn, nhưng họ lại bảo tôi nói chuyện không phù hợp về một vụ án treo. Họ bảo tôi từng bị khiển trách vì tham gia một bài phỏng vấn của tạp chí *People* vài tháng trước. Đúng là thói quan liêu của Chính phủ. Tôi bị đưa ra trước Văn phòng Điều tra Trách nhiệm Nghiệp vụ ở tổng cục tại Washington và sau sáu tháng đệ trình giấy tờ các kiểu, tôi nhận một lá thư khiển trách. Sau đó, tôi sẽ nhận một lá thư khen ngợi dành cho vụ án. Nhưng lần này là sự công nhận từ Cục vì đã giúp phá giải vụ án mà khi đó báo chí gọi là "vụ án thể kỷ".

Có rất nhiều việc mà một nhân viên thi hành luật pháp khó có thể chia sẻ với ai, kể cả vợ hoặc chồng. Khi bạn suốt ngày nhìn những thi thể hoặc cơ thể bị thương nghiêm trọng, đặc biệt là trẻ em, đó không phải là thứ bạn muốn mang về nhà. Trên bàn ăn tối, bạn không thể nói "Hôm nay ba điều tra một kẻ sát nhân cuồng dâm rất thú vị. Để ba kể cho cả nhà nghe." Vì vậy, chúng ta thường thấy cảnh sát và y tá hay hấp dẫn lẫn nhau - họ là những người có thể phần nào hiểu được công việc của nhau.

Và thường thì khi ra ngoài cùng bọn trẻ, vào công viên hoặc rừng chẳng hạn, tôi thấy một cái gì đó và nghĩ rằng *Giống hệt như vụ án đó, lúc tìm thấy đứa bé tám tuổi*. Tuy rất lo cho sự an toàn của các con, nhưng nhìn thấy những thứ đó, tôi cũng cảm thấy khó mà xúc động trước những vết thương tuy nhỏ nhưng nghiêm trọng mà đứa trẻ nào cũng bị. Khi tôi về nhà, Pam kể rằng một trong hai cô con gái bị ngã xe đạp và phải khâu vết thương, trong đầu tôi sẽ nhoáng lên hình ảnh khám nghiệm xác một đứa trẻ cỡ tuổi con bé và nghĩ đến mọi đường khâu của nhân viên pháp y nhằm khép vết thương của cô bé lại để chôn cất.

Pam cũng có bạn bè tham gia hoạt động chính trị ở địa phương, điều mà tôi chẳng hứng thú chút nào. Với lịch trình đi lại của tôi, kết quả là cô ấy phải gánh trách nhiệm nuôi dạy bọn trẻ, thanh toán các

hóa đơn và quản lý ngôi nhà. Đây là một trong nhiều vấn đề hôn nhân của chúng tôi vào lúc đó, và tôi biết ít nhất con gái lớn Erika nhận thức được sự căng thẳng giữa chúng tôi.

Tôi không thể rũ bỏ nỗi oán giận với Cục vì đã để việc này xảy ra với tôi. Khoảng một tháng sau khi tôi về nhà, tôi ra sân sau đốt lá. Trong một phút bốc đồng, tôi trở vào, thu gom hết các bản mô tả nhân dạng mình đã tích trữ trong nhà, các bài báo mình đã viết, mang ra ngoài rồi ném hết vào đồng lửa. Cảm giác như một sự giải phóng cảm xúc vậy.

Vài tuần sau đó, khi có thể lái xe lại, tôi đến Nghĩa trang Quốc gia Quantico để xem nơi tôi có thể đã yên nghỉ. Các ngôi mộ được sắp xếp theo ngày mất và nếu tôi chết vào tháng 1 hoặc 2 tháng Mười hai, tôi sẽ nằm xuống một vị trí rất tệ. Tôi để ý vị trí của tôi ở gần một cô gái trẻ bị đâm chết trên lối xe chạy vào nhà, cách không xa nơi tôi sống. Tôi có tham gia điều tra vụ án của cô gái và vụ đó vẫn chưa được giải quyết. Khi trầm ngâm đứng đó, tôi nhớ rằng mình nhiều lần khuyên cảnh sát phải theo dõi các nghĩa trang khi nghĩ kẻ giết người có thể đến đó, để rồi cảm thấy thật trớ trêu nếu họ đang theo dõi nơi này và cho rằng tôi là một nghi phạm.

Bốn tháng sau khi ngã bệnh ở Seattle, tôi vẫn đang tạm nghỉ việc. Trong chân và phổi của tôi hình thành nhiều cục máu đông do biến chứng của bệnh và nằm một chỗ quá lâu, tôi vẫn cảm thấy mình đang vật vã để sống qua từng ngày. Tôi vẫn không biết liệu mình có đủ sức đi làm lại không và nếu có thì liệu tôi đủ tự tin không. Trong lúc đó, Roy Hazelwood ở bộ phận trợ giáo của Đơn vị Khoa học hành vi, đang làm gấp đôi năng suất và kiêm luôn nhiệm vụ xử lý các vụ án mà tôi đang điều tra.

Tôi trở lại Quantico lần đầu vào tháng Tư năm 1984 để nói chuyện với một nhóm gồm khoảng năm mươi chuyên viên mô tả nhân dạng tại chức đến từ các văn phòng thực địa của FBI. Tôi bước vào phòng học, chân mang dép lê vì bàn chân vẫn sưng do máu đông, và nhận được một tràng pháo tay của những đặc vụ đến từ khắp cả nước. Phản ứng ngẫu hứng và chân thành của những người mà hơn ai hết hiểu được công việc của tôi và điều tôi đang cố gắng làm trong Cục. Lần đầu tiên trong suốt nhiều tháng trời, tôi cảm

thấy mình được yêu quý và trân trọng. Tôi cũng cảm thấy như mình vừa trở về nhà.

Một tháng sau đó, tôi quay lại làm việc toàn thời gian.

CHƯƠNG 1

Trong tâm trí của kẻ giết người

Đặt mình vào vị trí của tên thợ săn.

Đó là điều tôi phải làm. Hãy nghĩ đến một trong những bộ phim về thế giới tự nhiên: một con sư tử trên bình nguyên Serengeti ở châu Phi. Nó thấy một bầy linh dương đông đúc bên một vũng nước. Nhưng bằng cách nào đó - chúng ta có thể thấy điều đó trong mắt nó - con sư tử chọn ra một con trong cả ngàn con linh dương. Nó đã tự rèn luyện để nhìn ra sự yếu ớt, khả năng dễ bị tấn công, một điều gì đó ở một cá thể của bầy linh dương biến cá thể đó trở thành con mồi béo bở nhất.

Với một số người nhất định cũng thế. Nếu tôi là một trong số họ, tôi sẽ đi săn mỗi ngày, tìm kiếm nạn nhân, tìm kiếm nạn nhân cơ hội^[14]. Giả sử tôi đang ở trong một khu mua sắm có hàng ngàn người. Tôi vào khu trò chơi điện tử và khi lướt qua hơn năm mươi đứa trẻ đang chơi ở đó, tôi phải là một thợ săn, tôi phải là người mô tả nhân dạng^[15], tôi phải mô tả được nhân dạng của con mồi tiềm năng đó. Tôi phải suy ra ai trong số năm mươi đứa trẻ này yếu đuối và có khả năng trở thành nạn nhân. Tôi phải xem cách ăn mặc của đứa trẻ. Tôi phải tự rèn luyện khả năng phát hiện các manh mối thầm lặng mà đứa trẻ đang để lộ. Và tôi phải rất, rất giỏi thì mới có thể làm tất cả những điều đó trong chớp nhoáng. Sau đó, khi đã quyết định, khi đã hành động, tôi phải biết cách đưa đứa trẻ ra khỏi khu mua sắm một cách lặng lẽ và không gây nghi ngờ khi cha mẹ đứa trẻ có thể chỉ ở cách đó hai cửa hàng. Tôi không được phép phạm bất cứ sai lầm nào.

Chính sự phấn khích của chuyến đi săn khiến những kẻ này phạm tội. Nếu bạn có thể có phản ứng da điện^[16] khi đọc tài liệu về một trong những gã này, lúc hẳn tập trung vào nạn nhân tiềm năng của mình, tôi nghĩ bạn cũng sẽ có phản ứng tương tự khi nhìn con sư tử đó trong thế giới hoang dã. Và dù chúng ta đang nói đến những kẻ săn trẻ em, thiếu nữ hay người già, gái điếm hay bất kỳ nhóm đối tượng khả định nào khác - hay những kẻ có vẻ không có đối tượng ưa thích cụ thể nào - cũng không quan trọng. Tất cả chúng đều giống nhau, theo nhiều cách.

Nhưng chính những điểm khác biệt của chúng, và những manh mối về phẩm chất cá nhân mà chúng để lại đã dẫn lối cho chúng tôi đến một vũ khí mới trong việc diễn giải những loại tội ác bạo lực nhất định, cũng như truy tìm, bắt giữ và khởi tố kẻ thủ ác. Tôi dành phần lớn sự nghiệp đặc vụ FBI của mình để nỗ lực phát triển thứ vũ khí đó, và đó là nội dung của cuốn sách này. Trong mọi vụ hung án kể từ buổi đầu của văn minh, vẫn luôn tồn tại câu hỏi cơ bản, đầy nhức nhối đó: Loại người nào có thể làm ra chuyện như thế? Công việc mô tả nhân dạng và phân tích hiện trường phạm tội mà chúng tôi thực hiện tại Đơn vị Hỗ trợ điều tra của FBI sẽ cố gắng trả lời câu hỏi đó.

Hành vi phản ánh tính cách.

Không phải lúc nào cũng dễ dàng, và không bao giờ dễ chịu, khi đặt mình vào vị trí của những gã đó - hay trong tâm trí chúng. Nhưng đó là việc mà tôi và các đồng nghiệp phải làm. Chúng tôi phải cố gắng cảm nhận cảm xúc của từng tội phạm.

Mọi thứ chúng tôi nhìn thấy tại một hiện trường vụ án đều cho chúng tôi biết chút gì đó về đối tượng vô danh - hay UNSUB theo ngôn ngữ của ngành cảnh sát - đã thực hiện hành vi phạm tội. Bằng cách nghiên cứu càng nhiều vụ án càng tốt và nói chuyện với các chuyên gia - cũng chính là kẻ thủ ác - chúng tôi đã học được cách diễn giải những manh mối này như cách một bác sĩ đánh giá những triệu chứng khác nhau để chẩn đoán một bệnh hay tình trạng cụ thể. Và cũng như việc một bác sĩ có thể bắt đầu hình thành chẩn đoán của mình sau khi nhận ra vài khía cạnh của một căn bệnh mà

họ từng thấy, chúng tôi có thể đưa ra nhiều kết luận khác nhau khi nhìn thấy những đường nét bắt đầu hiện ra.

Có một lần vào đầu những năm 1980, khi tôi đang chủ động phỏng vấn những tên sát nhân trong tù cho nghiên cứu chuyên sâu của chúng tôi, tôi cùng những tội phạm bạo lực ngồi thành một vòng tròn trong Trại Cải tạo bang Maryland cổ xưa, bằng đá, theo phong cách Gothic, ở Baltimore. Mỗi kẻ là một trường hợp thú vị - một kẻ giết cảnh sát, một kẻ giết trẻ em, một kẻ buôn ma túy và những kẻ thi hành luật - nhưng tôi quan tâm nhất đến việc phỏng vấn một kẻ cưỡng hiếp, giết người về cách thức hành động của hắn nên tôi hỏi những tù nhân khác xem họ có biết ai ở nhà tù mà tôi có thể nói chuyện không.

“Có, có thằng Charlie Davis”, một trong các tù nhân nói, nhưng mấy kẻ còn lại đều cho rằng hắn sẽ không chịu nói chuyện với đặc vụ liên bang. Một người đi tìm hắn trong sân nhà tù. Điều làm mọi người ngạc nhiên là Davis thật sự đến và tham gia vào cuộc nói chuyện, có lẽ vì tò mò hoặc buồn chán chứ chẳng vì lý do nào khác. Chúng tôi có một lợi thế trong nghiên cứu này, đó là tù nhân có nhiều thời gian và chẳng có gì nhiều để làm với ngần đó thời gian.

Thường thì khi tiến hành phỏng vấn trong tù - và điều này luôn đúng ngay từ đầu - chúng tôi cố gắng tìm hiểu trước về đối tượng phỏng vấn càng nhiều càng tốt. Chúng tôi xem xét hồ sơ của cảnh sát, ảnh chụp hiện trường vụ án, biên bản khám nghiệm tử thi, biên bản tại tòa; bất cứ thứ gì có thể cung cấp thông tin về động cơ hoặc cá tính của đối tượng. Đó cũng là cách chắc chắn nhất để bảo đảm đối tượng sẽ không chiêu trò vì lợi ích cá nhân hoặc chỉ đang tự mua vui cho bản thân, mà sẽ nói thẳng ra với người điều tra. Nhưng trong trường hợp này, rõ ràng tôi chưa chuẩn bị nên tôi thừa nhận luôn điều đó và cố gắng biến nó thành lợi thế cho mình.

Davis là một gã to con dềnh dàng, cao khoảng 1m90, tuổi tác đầu ba mươi, râu cạo nhẵn nhụi, ăn vận gọn gàng. Tôi mở lời bằng cách nói: “Anh có lợi thế so với tôi, Charlie. Tôi không biết anh đã làm những gì.”

“Tôi đã giết năm người”, hắn trả lời.

Tôi yêu cầu hăng miêu tả các hiện trường vụ án cũng như những gì hăng đã làm với các nạn nhân. Lúc này tôi mới biết, hóa ra Davis từng làm tài xế xe cấp cứu bán thời gian. Vậy nên việc hăng sẽ làm là siết cổ người phụ nữ, đặt xác cô ấy ở vệ đường trong khu vực hăng phụ trách lái xe, thực hiện một cuộc gọi nặc danh sau đó trả lời cuộc gọi đó và nhật thi thể lên. Không một ai biết rằng khi hăng đặt nạn nhân lên cang thì kẻ thủ ác đang có mặt ngay đó, giữa mọi người. Chính sự kiểm soát và sắp đặt vụ việc ở mức độ này là điều thực sự làm hăng hưng trí và phấn khích tột cùng. Bất cứ điều gì tương tự mà tôi có thể học hỏi về kỹ thuật đều cực kỳ đáng giá.

Hành động siết cổ cho tôi biết hăng là kẻ giết người bộc phát, rằng suy nghĩ ban đầu của hăng là cưỡng hiếp nạn nhân. Tôi nói với hăng: "Anh biết rất rõ về cảnh sát. Anh thích làm cảnh sát, thích được ở vị trí có thực quyền thay vì làm một công việc nhàm chán kém xa khả năng của anh." Hăng cười, nói rằng cha hăng từng là trung úy cảnh sát.

Tôi đề nghị hăng miêu tả cách thức hành động: lấy ví dụ hăng theo dõi một cô gái trẻ có ngoại hình xinh xắn, thấy cô ấy đánh xe vào bãi đậu của một nhà hàng chẳng hạn. Thông qua những người quen trong ngành cảnh sát của cha mình, hăng có thể kiểm tra biển số xe. Sau đó, khi đã biết tên chủ xe, hăng sẽ gọi cho nhà hàng để chuyển lời nhắn rằng cô ấy quên tắt đèn xe. Khi cô gái bước ra ngoài, hăng bắt cóc cô - đẩy cô vào xe hăng hoặc xe cô, còng tay cô rồi lái đi.

Hăng miêu tả năm vụ sát hại theo thứ tự, gần như đang hồi tưởng những chuyện tốt đẹp. Kể đến vụ cuối cùng, hăng đề cập rằng hăng đã để cô gái ngồi ở ghế trước và che người cô ấy lại, một chi tiết mà lần đầu tiên hăng nhớ ra.

Tại thời điểm đó, tôi xoay chuyển tình thế một chút. Tôi bảo: "Charlie, để tôi nói anh nghe vài điều về bản thân anh: Anh gặp rắc rối trong các mối quan hệ với phụ nữ. Anh gặp khó khăn về tài chính khi anh giết người đầu tiên. Khi đó anh đã gần ba mươi tuổi và anh biết khả năng của mình vượt trội hơn hăng công việc anh đang làm nên mọi thứ trong cuộc đời anh thật chán chường và không thể kiểm soát."

Hắn chỉ gật đầu. Cho đến lúc đó thì mọi chuyện vẫn tốt. Tôi chưa nói gì quá khó để phỏng đoán.

“Khi đó anh uống rất nhiều rượu”, tôi nói tiếp. “Anh nợ tiền. Anh cãi nhau với những người phụ nữ mà anh sống chung. [Hắn chưa kể với tôi là hắn có sống với ai đó, nhưng tôi khá chắc là có.] Vào những đêm tồi tệ nhất, anh sẽ ra ngoài đi săn. Anh sẽ không trả đũa bạn gái cũ của mình nên anh phải xả cơn tức đó lên người khác.”

Có thể thấy ngôn ngữ cơ thể của Davis đang dần thay đổi, trở nên cởi mở hơn. Vì vậy, với những thông tin ít ỏi có được, tôi tiếp tục: “Nhưng nạn nhân cuối cùng này lại là một vụ giết người nhẹ nhàng hơn nhiều. Cô ấy khác với những người còn lại. Anh để cô ấy mặc lại quần áo sau khi cưỡng hiếp. Anh trùm đầu cô ấy. Anh không làm thế với bốn nạn nhân trước. Không như những người kia, anh cảm thấy không thoải mái với nạn nhân này.”

Khi nhóm tội phạm bắt đầu lắng nghe kỹ hơn, bạn biết bạn đã có chút tiến triển. Tôi học được điều này từ những cuộc phỏng vấn tại nhà giam và có thể tận dụng hết lần này đến lần khác trong các tình huống thẩm vấn. Tôi thấy mình đã hoàn toàn thu hút sự chú ý của hắn. “Cô ấy nói với anh điều gì đó khiến anh cảm thấy giết cô ấy thì thật tồi tệ, nhưng anh vẫn giết.”

Đột nhiên, mặt hắn đỏ gay. Dường như hắn đang rơi vào trạng thái xuất thần và tôi có thể thấy hắn đang hồi tưởng hiện trường lúc đó. Hắn chần chừ nói với tôi rằng cô gái ấy bảo chồng cô ấy có vấn đề sức khỏe nghiêm trọng và cô ấy thấy lo cho chồng; anh chồng đang bệnh và có lẽ sắp chết. Đây có thể là mưu mẹo của cô gái, hoặc không - tôi không tài nào biết được. Nhưng rõ ràng điều đó đã tác động đến Davis.

“Nhưng khi đó tôi không cải trang. Cô ta biết tôi là ai nên tôi phải giết cô ta.”

Tôi ngừng lại một lúc rồi hỏi: “Anh đã lấy thứ gì đó của cô ấy, phải không?”

Hắn lại gật đầu, sau đó thừa nhận hắn đã lục lọi bóp của cô gái. Hắn lấy ra tấm hình cô ấy chụp với chồng và con trong dịp Giáng sinh và giữ nó.

Tôi chưa từng gặp hắn nhưng tôi bắt đầu hiểu được hắn một cách rõ ràng nên tôi hỏi: “Anh đã tới nghĩa trang, phải không Charlie?” Hắn đỏ mặt, điều này cũng xác nhận phán đoán của tôi là hắn có theo dõi báo chí về vụ việc nên biết nạn nhân của mình được chôn ở đâu. “Anh tới đó vì cảm thấy không hề dễ chịu về lần giết người này. Và anh mang theo một thứ tới nghĩa trang, anh đặt nó trên nấm mộ đó.”

Những tù nhân khác hoàn toàn im lặng, lắng nghe hết sức chăm chú. Họ chưa từng thấy Davis như vậy. Tôi lặp lại: “Anh mang thứ gì đó tới ngôi mộ. Cái gì vậy, Charlie? Anh mang tấm ảnh đó tới, phải không?” Hắn lại gật, rồi gục đầu xuống.

Đây không hẳn là trò ảo thuật lôi con thỏ ra từ cái nón như những tù nhân khác nhìn nhận. Rõ ràng tôi đang phán đoán, nhưng những phán đoán của tôi dựa trên nhiều kiến thức, nghiên cứu và kinh nghiệm mà tôi và các đồng nghiệp đã ghi chép vào lúc đó và tiếp tục thu thập. Ví dụ, chúng tôi nghiệm ra điều người ta thường nói rằng những kẻ giết người đến thăm mộ nạn nhân thường đúng sự thật, nhưng không nhất định vì những lý do mà chúng ta đã nghĩ lúc đầu.

Hành vi phản ánh tính cách.

Một trong những lý do khiến công việc của chúng tôi thậm chí là cần phải liên quan đến bản chất hay thay đổi của tội ác bạo lực. Chúng ta đều biết về những vụ giết người liên quan đến ma túy từng làm náo loạn hầu hết các thành phố ở nước ta, những vụ án liên quan đến súng đã trở thành chuyện thường ngày và là nỗi hổ thẹn của cả quốc gia. Nhưng đa số các vụ phạm tội, đặc biệt là những vụ bạo lực nhất, xảy ra giữa những người có quen biết nhau theo cách nào đó.

Hiện nay, chúng ta không còn thấy nhiều vụ việc như thế. Khoảng những năm 1960, tỷ lệ phá án giết người ở đất nước này là hơn 90%. Nhưng chúng ta không còn thấy tỷ lệ đó nữa. Hiện nay, bất chấp nhiều tiến bộ ấn tượng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, bất chấp thời đại máy tính đã đến, bất chấp ngày càng nhiều sĩ quan cảnh sát được đào tạo tốt hơn và có khả năng tốt hơn, tỷ lệ tội phạm giết người vẫn đang tăng và tỷ lệ phá án đang giảm. Ngày

càng nhiều tội ác do “người lạ” thực hiện và nhắm vào “người lạ”, và trong nhiều vụ việc, chúng ta không biết động cơ là gì để điều tra, ít nhất là không biết động cơ rõ ràng hay “hợp lý” nào.

Ngày trước, đa số các vụ giết người và tội phạm bạo lực tương đối dễ lĩnh hội đối với các nhân viên thi hành luật, chúng là kết quả của việc biểu lộ thái quá những cảm xúc mà tất cả chúng ta đều có: sự giận dữ, lòng tham, sự ghen ghét, lợi ích, báo thù. Một khi vấn đề cảm xúc này được giải quyết, tội ác hoặc tội ác liên hoàn sẽ kết thúc. Ai đó sẽ chết nhưng chỉ có thể và thường thì cảnh sát biết mình đang tìm ai và cái gì.

Nhưng có một loại tội phạm bạo lực mới nổi lên trong những năm gần đây - những tội phạm gây án hàng loạt, những kẻ thường không dừng lại cho đến khi bị bắt hoặc bị giết, những kẻ học hỏi từ kinh nghiệm và thường ngày càng giỏi gây án, liên tục hoàn thiện kịch bản của mình từ tội ác này đến tội ác khác. Tôi nói “nổi lên” là vì có lẽ hắn vẫn luôn tồn tại ở mức độ nào đó, mãi từ thập niên 1880 ở Luân Đôn với Jack Đồ tể, thường được xem là sát nhân hàng loạt đầu tiên thời hiện đại. Và tôi gọi “hắn” là vì, nhiều lý do mà chúng ta sẽ thảo luận sau, gần như tất cả những kẻ giết người hàng loạt đều là đàn ông.

Trên thực tế, tội phạm giết người hàng loạt có thể là hiện tượng đã tồn tại lâu hơn nhận biết của chúng ta. Những câu chuyện và truyền thuyết đã lưu truyền qua nhiều thế hệ về phù thủy, người sói và ma cà rồng có thể là cách lý giải cho những nỗi oán giận ghê gớm đến mức không ai trong những thành phố nhỏ và khép kín ở châu Âu và châu Mỹ thuở sơ khai có thể lĩnh hội những hành vi lệch lạc mà hiện nay chúng ta xem nhẹ. Quái vật hắn phải là những sinh vật siêu nhiên. Chúng không thể giống chúng ta.

Những tên cường hiếp và giết người hàng loạt cũng thường gây hoang mang nhất, khiến mọi người bất an nhất và khó bắt nhất trong tất cả những tên tội phạm bạo lực. Phần vì chúng thường bị kích động bởi những yếu tố phức tạp hơn nhiều so với những yếu tố cơ bản mà tôi vừa liệt kê. Điều này khiến cho cách thức hành động của chúng khó hiểu hơn, làm chúng không có những cảm xúc bình thường như lòng trắc ẩn, cảm giác tội lỗi hay ăn năn.

Đôi khi, cách duy nhất để bắt chúng là học suy nghĩ giống như chúng. Để không ai nghĩ rằng tôi sẽ tiết lộ những bí mật điều tra được bảo vệ kỹ lưỡng, vốn có thể là “cắm nang” cho những kẻ sẽ trở thành tội phạm, thì tôi xin cam đoan điều đó. Tôi sẽ nói đến cách chúng tôi phát triển phương thức mô tả tính cách tội phạm thông qua hành vi, phân tích tội phạm và chiến lược khởi tố, chứ tôi không thể biến cuốn sách này thành một tài liệu hướng dẫn dù tôi có muốn vậy chăng nữa. Lý do thứ nhất là phải mất đến hai năm để chúng tôi đào tạo những đặc vụ đã có kinh nghiệm và kỹ năng cực tốt được chọn vào đơn vị của tôi. Lý do thứ hai là dù tên tội phạm có nghĩ mình biết nhiều thế nào đi nữa thì càng cố tránh bị phát hiện hay đánh lạc hướng chúng tôi, hắn sẽ càng để lộ nhiều manh mối về hành vi để chúng tôi điều tra.

Như nhân vật Sherlock Holmes của Ngài Arthur Conan Doyle đã nói từ nhiều thế kỷ trước, “Tính lập dị gần như luôn là một manh mối. Một tội ác càng không có gì đặc biệt, và bình thường, thì càng khó phá án.”^[17] Nói cách khác, càng biết nhiều về hành vi thì bằng mô tả và phân tích nhân dạng mà chúng tôi có thể giao cho cảnh sát địa phương càng hoàn thiện. Bản mô tả nhân dạng mà cảnh sát địa phương dùng để điều tra càng rõ ràng, họ càng dễ loại trừ các nghi phạm và tập trung tìm ra hung thủ thực sự.

Điều này lại dẫn tới một tuyên bố miễn trừ trách nhiệm khác cho công việc của chúng tôi. Trong Đơn vị Hỗ trợ điều tra, một bộ phận của Trung tâm Phân tích Tội phạm bạo lực Quốc gia của FBI tại Quantico, chúng tôi không bắt tội phạm. Để tôi lặp lại: *Chúng tôi không bắt tội phạm*. Cảnh sát địa phương là người bắt tội phạm và xét đến những áp lực khủng khiếp mà họ phải chịu thì đa số họ đã làm rất tốt công việc của mình. Chúng tôi cố gắng *hỗ trợ* cảnh sát địa phương tập hợp điều tra, sau đó gợi ý một số kỹ thuật chủ động giúp dẫn dụ tội phạm xuất đầu lộ diện. Một khi họ đã bắt được tội phạm - tôi nhấn mạnh lại là họ, không phải *chúng tôi* - chúng tôi sẽ cố gắng tạo ra một chiến lược giúp công tố viên làm lộ bản tính thực sự của bị cáo trước tòa.

Chúng tôi có thể làm việc này nhờ nghiên cứu và kinh nghiệm chuyên môn. Trong khi một sở cảnh sát địa phương ở khu vực Trung

Tây có thể lần đầu trông thấy những điều khủng khiếp này trong một vụ điều tra giết người hàng loạt, đơn vị của tôi có lẽ đã xử lý hàng trăm, nếu không muốn nói là hàng ngàn vụ tương tự. Tôi luôn nói với các đặc vụ của mình thế này: “Muốn hiểu họa sĩ thì phải xem tranh.” Chúng tôi đã xem rất nhiều “bức tranh” trong nhiều năm và trò chuyện với những “họa sĩ tài ba” nhất.

Chúng tôi bắt đầu phát triển công việc của Đơn vị Khoa học hành vi của FBI theo phương pháp cụ thể, đơn vị này sau trở thành Đơn vị Hỗ trợ điều tra vào cuối những năm 1970 đầu những năm 1980.

Và tuy đa số các cuốn sách thường tô son điểm phấn và làm cho công việc của chúng tôi có vẻ kịch tính, như tác phẩm đáng nhớ *Sự im lặng của bầy cừu* của tác giả Tom Harris mà phần nào mang tính tưởng tượng và thiên về tạo hiệu ứng kịch tính hơn, nhưng các tiền đề của chúng tôi lại thực sự xuất phát từ các tác phẩm văn học trinh thám hư cấu hơn là từ vụ việc thật. C. Auguste Dupin, vị thám tử nghiệp dư anh hùng trong tác phẩm kinh điển *Án mạng trên phố Morgue*^[18] (1841) của Edgar Allan Poe, có thể là chuyên viên mô tả nhân dạng đầu tiên trong lịch sử. Câu chuyện này có lẽ cũng khắc họa lần đầu một kỹ thuật chủ động được chuyên viên mô tả nhân dạng sử dụng để tìm ra một đối tượng vô danh và minh oan cho người đàn ông vô tội bị bắt giam vì những vụ giết người.

Như các đặc vụ trong đơn vị của tôi 150 năm sau, Poe hiểu được giá trị của mô tả nhân dạng khi chỉ chứng cứ pháp y không đủ để giải quyết một vụ án đặc biệt dã man và dường như không có động cơ. “Thiếu nguồn lực thông thường”, tác giả viết, “nhà phân tích đã tự đưa mình vào tâm trí của đối thủ, tự xem mình là đối thủ, và nhờ đó mà thường xuyên thấy được, ngay lập tức, các phương pháp duy nhất có thể dẫn dụ hắn vào sai lầm hoặc khiến hắn hấp tấp dẫn đến tính toán sai.”

Còn một điểm tương đồng nhỏ khác cũng đáng nhắc đến. Ngài Dupin thích làm việc đơn độc trong phòng mình, đóng cửa sổ và kéo kín rèm để ngăn ánh sáng và sự xâm phạm từ thế giới bên ngoài. Trong vấn đề này, tôi và đồng nghiệp không có lựa chọn. Văn phòng của chúng tôi tại Học viện FBI ở Quantico nằm sâu dưới lòng đất vài tầng, trong một không gian không có cửa sổ vốn được thiết kế làm

trụ sở an ninh cho các quan chức thi hành luật liên bang trong trường hợp khẩn cấp quốc gia. Đôi khi, chúng tôi tự gọi mình là Hầm Phân tích Tội phạm bạo lực Quốc gia. Ở độ sâu 18m, chúng tôi thường nói mình nằm sâu hơn người chết những mười lần.

Tiểu thuyết gia người Anh Wilkie Collins đã bắt đầu công việc mô tả nhân dạng này trong những tác phẩm tiên phong như *Cô gái áo trắng*^[19] (dựa trên một vụ án có thật) và *Viên đá mặt trăng*^[20]. Nhưng chính nhân vật bất tử Sherlock Holmes của Ngài Arthur Conan Doyle là người đã đưa hình thức phân tích điều tra tội phạm này cho cả thế giới biết trong bối cảnh thành phố Luân Đôn thời Victoria mờ ảo dưới ánh đèn bằng khí đốt. Dường như lời khen ngợi tốt nhất có thể dành cho bất kỳ ai trong chúng tôi chính là được so sánh với nhân vật hư cấu này. Tôi xem đó là một vinh dự thực sự vào vài năm trước, khi tôi đang điều tra một vụ giết người ở Missouri, một tờ báo của tờ *St. Louis Globe-Democrat* đã gọi tôi là “Sherlock Holmes hiện đại của FBI”.

Thật thú vị khi nhận thấy trong khoảng thời gian mà Holmes đang điều tra những vụ án phức tạp và khó khăn của ông, Jack Đồ tể ngoài đời thực đang giết những cô gái làng chơi ở khu East End của thành phố Luân Đôn. Hai người đàn ông ở hai phía đối lập của luật pháp, và ranh giới giữa thực tế với trí tưởng tượng, đã hoàn toàn thao túng suy nghĩ của công chúng, đến mức một số câu chuyện về Sherlock Holmes “hiện đại” do những người hâm mộ Conan Doyle viết đã đưa vị thám tử vào bối cảnh của những vụ giết người chưa có lời giải ở Whitechapel.

Năm 1988, tôi được đề nghị phân tích các vụ án của gã Đồ tể cho một chương trình truyền hình phát sóng toàn quốc. Tôi sẽ thuật lại những kết luận của mình về Đối tượng vô danh nổi tiếng nhất lịch sử này trong phần sau của cuốn sách.

Phải đến hơn một thế kỷ sau tác phẩm *Án mạng trên phố Morgue* và hơn nửa thế kỷ sau Sherlock Holmes, việc mô tả hành vi mới rời khỏi các trang sách và diễn ra trong đời thực. Đến giữa thập niên 1950, thành phố New York rung chuyển bởi những vụ nổ của “Kẻ đánh bom điên rồ”, kẻ chịu trách nhiệm cho hơn ba mươi vụ đánh bom trong suốt mười lăm năm. Hấn tấn công những công trình

công cộng nổi bật như ga tàu Grand Central, Pennsylvania và Hội trường Âm nhạc Radio City. Là một đứa trẻ sống ở Brooklyn tại thời điểm đó, tôi nhớ rất rõ vụ này. Hết cách, năm 1957, cảnh sát gọi một chuyên gia tâm thần học ở khu Greenwich Village, tiến sĩ James A. Brussel, nghiên cứu những bức ảnh chụp hiện trường đánh bom và phân tích tỉ mỉ những lá thư châm chọc mà kẻ đánh bom gửi cho các tờ báo. Ông ấy đưa ra một số kết luận chi tiết từ kiểu hành vi chung mà mình nắm bắt được, gồm các sự thật rằng thủ phạm bị hoang tưởng, căm ghét cha mình, yêu mẹ mình đến mức ám ảnh và sống trong một thành phố ở bang Connecticut. Ở cuối bảng mô tả, Brussel hướng dẫn cảnh sát như sau:

Tìm một gã đàn ông đậm người. Trung niên. Sinh ra ở nước ngoài. Theo Công giáo La Mã. Độc thân.

Sống với một anh/em trai hoặc chị/em gái. Khi tìm thấy hắn, có khả năng hắn đang mặc một bộ vest hai hàng nút. Nút cài chìn chu.

Từ những chi tiết tham khảo trong một số lá thư, dường như có khả năng kẻ đánh bom hiện là hoặc từng là nhân viên tại Consolidated Edison, công ty điện lực thành phố, và có bất bình với công ty này. So sánh bản mô tả với những đối tượng đã được khoanh vùng này, cảnh sát tìm được cái tên George Metesky, người từng làm ở Con Ed trong thập niên 1940 trước khi các vụ đánh bom bắt đầu. Khi họ đến thành phố Waterbury, bang Connecticut vào một buổi chiều để bắt một người đàn ông đậm người, độc thân, trung niên, sinh ở nước ngoài, theo đạo Công giáo La Mã, sự khác biệt duy nhất so với bản mô tả là hắn không sống với một người anh/em hoặc chị/em mà sống với hai cô em gái còn độc thân. Sau khi một nhân viên cảnh sát yêu cầu hắn thay trang phục để đi đến đồn, hắn đã bước ra khỏi phòng ngủ vài phút sau đó trong một bộ vest hai hàng nút - nút cài hàng ngang.

Diễn giải việc đưa ra những kết luận chính xác một cách khó giải thích của mình, tiến sĩ Brussel nói rằng một chuyên gia tâm thần học thường xem xét một người, sau đó cố gắng đưa ra một số dự đoán

hợp lý về cách người đó phản ứng trong một tình huống cụ thể. Khi lập bản mô tả, Brussel nói, ông đã đảo ngược quá trình này, cố gắng dự đoán một người thông qua chứng cứ từ những hành động của hắn.

Nhìn lại vụ Kẻ đánh bom điên rồ từ quan điểm của chúng tôi sau gần bốn mươi năm thì vụ việc dường như khá đơn giản. Nhưng tại thời điểm đó, đây là một dấu mốc thực sự trong quá trình phát triển của ngành mà sau này được gọi tên là khoa học nghiên cứu hành vi trong điều tra tội phạm và tiến sĩ Brussel - sau đó đã hợp tác với Sở Cảnh sát Boston trong vụ Kẻ siết cổ ở Boston - chính là người tiên phong thực thụ trong lĩnh vực này.

Tuy thường được xem là *diễn dịch*, nhưng điều mà các nhân vật hư cấu Dupin^[21] và Holmes, cũng như tiến sĩ Brussel ngoài đời thực cùng chúng tôi sau này, đang làm lại mang tính *quy nạp* nhiều hơn - đó là quan sát những yếu tố cụ thể của một vụ án để từ đó đưa ra những kết luận lớn hơn. Khi tôi đến Quantico năm 1977, các trợ giáo trong Đơn vị Khoa học hành vi, những người tiên phong như Howard Teten, đang bắt đầu áp dụng ý tưởng của tiến sĩ Brussel vào những vụ án được các chuyên viên cảnh sát chuyển đến cho họ trong các lớp học ở Học viện Quốc gia. Nhưng bấy giờ, cách làm này chỉ mang tính chủ quan và không hề được hỗ trợ bằng các nghiên cứu tỉ mỉ. Tình hình là như vậy khi tôi bắt đầu công việc tại đơn vị.

Tôi đã nói việc chúng tôi có thể đặt mình vào vị trí và tâm trí của sát nhân giấu mặt là rất quan trọng. Qua nghiên cứu và kinh nghiệm của mình, chúng tôi thấy - dù khó khăn và khổ sở - việc đặt mình vào vị trí của nạn nhân cũng quan trọng không kém. Chỉ khi hiểu rõ cách nạn nhân phản ứng với những điều khủng khiếp đang xảy đến với mình, chúng tôi mới có thể thực sự hiểu hành vi và phản ứng của kẻ thủ ác.

Để hiểu được thủ phạm, ta phải xem xét vụ án. Đầu thập niên 1980, Sở Cảnh sát của một thị trấn nhỏ ở miền quê Georgia mang đến cho tôi một vụ án gây sốc. Một bé gái mười bốn tuổi xinh xắn, một majorette^[22] ở trường trung học cơ sở địa phương, bị bắt cóc từ trạm xe buýt ở trường cách nhà khoảng hơn 90m. Vài ngày sau, xác cô bé được tìm thấy ở một khu vực rừng cây dành cho các cặp

yêu đương cách nhà chừng 16km trong tình trạng quần áo xốc xếch. Cô bé đã bị tấn công tình dục, nguyên nhân cái chết là chấn thương do lực đánh mạnh vào đầu. Gần xác cô bé là một tảng đá to dính máu.

Trước khi đưa ra bản phân tích, tôi phải tìm hiểu về cô bé càng nhiều càng tốt. Tôi nhận thấy tuy rất xinh xắn, đáng yêu nhưng đây vẫn là một cô bé mười bốn tuổi có ngoại hình đúng với độ tuổi, chứ không trưởng thành như một số trẻ vị thành niên khác. Những người quen biết đều chắc chắn cô bé không phải hạng dễ dãi hay thích tán tỉnh, không đời nào sử dụng ma túy hay uống rượu và là một người ấm áp, thân thiện với bất cứ ai từng tiếp xúc. Phân tích pháp y cho thấy cô bé vẫn còn trinh trước khi bị cưỡng bức.

Đây đều là những thông tin thiết yếu với tôi, vì chúng giúp tôi hiểu được cô bé phản ứng thế nào sau khi bị bắt cóc, và từ đó hiểu được tên tội phạm phản ứng với cô bé ra sao trong tình huống đó. Từ đây, tôi kết luận rằng việc giết người không theo kế hoạch của gã, mà là một phản ứng hoảng loạn do bất ngờ (dựa vào tâm lý hoang tưởng méo mó của kẻ tấn công) vì cô bé không lấy gì làm hân hoan với hắn. Điều này lại giúp tôi tiến gần hơn đến tính cách của gã sát nhân, và bản mô tả nhân dạng của tôi giúp cảnh sát tập trung vào một nghi phạm của một vụ cưỡng bức từ năm trước trong một thị trấn lớn hơn gần đó. Việc hiểu được nạn nhân cũng giúp tôi đề ra chiến lược cho cảnh sát dùng khi thẩm vấn đối tượng tình nghi đầy khó khăn này, kẻ mà tôi dự đoán đã vượt qua một bài kiểm tra phát hiện nói dối trước đó. Tôi sẽ thảo luận chi tiết hơn về vụ án hấp dẫn nhưng đau lòng này sau. Còn lúc này, quý độc giả chỉ cần biết rằng cuối cùng gã đã nhận tội giết cô bé và cả vụ cưỡng hiếp trước đó. Hắn bị định tội và kết án, và khi tôi viết những dòng này, hắn đang nằm trong danh sách chờ tử hình ở Georgia.

Khi truyền đạt về những yếu tố của mô tả tính cách tội phạm và phân tích hiện trường vụ án cho các đặc vụ FBI hoặc chuyên viên thi hành luật tham dự Học viện Quốc gia, chúng tôi cố gắng dẫn dắt họ suy nghĩ về toàn bộ câu chuyện của vụ án. Roy Hazelwood, đồng nghiệp của tôi, dạy khóa mô tả nhân dạng cơ bản nhiều năm trước

khi nghỉ hưu năm 1993, thường chia bản phân tích ra thành ba câu hỏi và cụm từ khác nhau - cái gì, tại sao và ai:

Cái gì đã xảy ra? Câu hỏi này bao gồm mọi thứ có thể có giá trị, về mặt hành vi, trong vụ án.

Tại sao sự việc lại diễn ra theo cách này? Ví dụ, tại sao lại phân xác sau khi giết? Tại sao không có món đồ giá trị nào bị lấy đi? Tại sao không có dấu hiệu đột nhập? Lý do cho các yếu tố quan trọng về mặt hành vi trong vụ án là gì?

Và sau đó là:

Ai có thể phạm tội ác này vì những lý do trên?

Đó là nhiệm vụ chúng tôi tự đặt ra cho mình.

CHƯƠNG 2

Họ của mẹ tôi là Holmes

Họ của mẹ tôi trước khi kết hôn là Holmes, bố mẹ tôi suýt chọn tên đó làm tên lót của tôi thay vì cái tên Edward phổ biến.

Khi nhìn lại, ngoài chuyện đó ra thì không có gì nhiều trong những năm tuổi trẻ của tôi cho thấy một tương lai cụ thể với tư cách một kẻ săn suy nghĩ hay chuyên viên mô tả nhân dạng tội phạm.

Tôi sinh ra ở Brooklyn, New York, gần biên giới với khu Queens. Bố tôi, Jack, là thợ in làm cho tờ *Brooklyn Eagle*. Khi tôi tám tuổi, vì lo lắng về tỷ lệ tội phạm đang tăng cao, bố đã đưa cả nhà đến Hempstead, Long Island, nơi ông trở thành Chủ tịch Công đoàn In Long Island. Tôi có một chị gái lớn hơn tôi bốn tuổi, Arlene, chị ấy đã sớm là ngôi sao sáng của gia đình, cả về mảng học vấn và thể thao.

Sự học của tôi không có gì nổi bật – thường được điểm B-/C+ - nhưng tôi lịch sự, dễ tính và luôn được các thầy cô ở trường Tiểu học Ludlum yêu quý dù điểm số chỉ thường thường. Tôi chủ yếu thích động vật và nhiều lần nuôi chó, mèo, thỏ, hamster và rắn - mẹ tôi vô cùng bao dung vì tôi nói tôi muốn trở thành bác sĩ thú y. Vì nỗ lực này của tôi hứa hẹn một nghề nghiệp chính đáng nên mẹ đã khích lệ tôi.

Ở trường, có một hoạt động mà tôi thể hiện được năng khiếu, chính là kể chuyện và bằng cách nào đó, nó có thể đã góp phần biến tôi trở thành một điều tra viên tội phạm. Các thanh tra và chuyên viên phân tích hiện trường phạm tội phải thu thập nhiều manh mối lộn xộn và có vẻ không liên quan đến nhau, rồi biến chúng thành một câu chuyện mạch lạc, nên kể chuyện là một tài

năng quan trọng, đặc biệt trong các vụ điều tra giết người mà nạn nhân không thể tự kể lại câu chuyện của mình.

Dù sao thì tôi cũng thường dùng tài năng của mình để trốn làm một số việc. Tôi nhớ có một lần vào năm lớp Chín, tôi quá lười, không thèm đọc một cuốn tiểu thuyết để trình bày bản thu hoạch về sách trước cả lớp. Vì vậy, khi tới lượt mình (bây giờ tôi vẫn không dám tin tôi có gan làm chuyện đó), tôi đã bịa ra tiêu đề của một cuốn sách không có thật, bịa ra một tác giả không có thật, và bắt đầu kể câu chuyện về một nhóm người đi cắm trại quanh ngọn lửa trại trong đêm.

Tôi vừa kể vừa bịa và thậm nhủ *Mình có thể kéo dài đến chừng nào đây?* Tôi kể rằng có một con gấu lén lút theo dõi nhóm người cắm trại, chuẩn bị tấn công bất ngờ, rồi ý tưởng tắt ngóm ở đoạn này. Tôi phát hoảng và không còn lựa chọn nào ngoài thú nhận với giáo viên rằng tôi đã bịa ra toàn bộ câu chuyện. Đó hẳn là cảm giác tội lỗi, chứng tỏ tôi không hoàn toàn có xu hướng phạm tội. Tôi đứng đó, bị vạch trần là kẻ nói xạo, biết mình sắp rớt môn, sắp xấu mặt trước cả lớp và có thể mừng tượng ra mẹ tôi sẽ nói gì khi biết chuyện.

Nhưng điều làm tôi cảm thấy ngạc nhiên và thú vị là giáo viên và các bạn trong lớp đều thích câu chuyện! Và khi tôi nói tôi đã bịa ra câu chuyện, tất cả hô hào: "Kể nốt đi. Cho tụi này biết chuyện gì xảy ra tiếp theo đi." Vậy nên tôi tiếp tục và nhận được điểm A. Tôi không kể chuyện này với các con mình suốt một thời gian dài vì tôi không muốn chúng nghĩ rằng những việc sai trái cũng có lợi, nhưng từ sự việc đó, tôi đã học được rằng nếu có thể khiến mọi người tin vào ý tưởng của bạn và khiến họ hứng thú, bạn thường có thể thuyết phục họ. Bài học này đã giúp tôi vô số lần trong công việc nhân viên thi hành luật khi tôi phải thuyết phục cấp trên hoặc Sở Cảnh sát địa phương về giá trị của dịch vụ mà chúng tôi cung cấp. Nhưng phải thừa nhận rằng ở mức độ nào đó, tài năng này chính là thứ mà những tên lừa đảo và tội phạm săn người dùng để sinh tồn.

Nhân tiện, nhóm người cắm trại hư cấu của tôi cuối cùng cũng thoát khỏi con gấu, điều này khác xa kết luận mà mọi người đoán trước vì tình yêu thực sự của tôi là động vật. Bởi vậy, để chuẩn bị trở

thành bác sĩ thú y, tôi đã trải qua ba mùa hè ở các nông trại sản xuất sữa tại phía bắc New York, trong chương trình Nông trại Cornell do trường thú y trực thuộc đại học tài trợ. Đây là cơ hội tuyệt vời cho bọn trẻ con thành phố hòa mình với thiên nhiên và để có được đặc quyền này, tôi đã làm việc 70-80 giờ/tuần với giá 15 đô la/giờ, trong khi các bạn học của tôi đang tắm nắng ở bãi biển Jones. Nếu tôi không bao giờ vắt sữa một con bò nào khác, tôi sẽ không cảm thấy khoảng trống to tướng trong cuộc đời mình.

Công việc thể chất này đã giúp tôi có thể hình lý tưởng để chơi thể thao, vốn là một đam mê mãnh liệt khác của tôi. Ở trường Trung học Hempstead, tôi ném bóng cho đội bóng chày và chơi vị trí tiền vệ phòng ngự chặn trong môn bóng bầu dục. Khi nhìn lại, hoạt động thể thao này có lẽ là lần đầu tiên tôi bộc lộ hứng thú với việc mô tả tính cách.

Trên mô đất mà tay ném đứng, tôi nhanh chóng nhận ra ném được những cú mạnh và chính xác mới là một nửa cuộc chơi. Tôi có cú bóng nhanh rất tốt, và một cú slider khá ổn, nhưng rất nhiều tay ném trung học làm được điều đó, hoặc tương tự. Cái chính là có thể làm tay đập của đối phương rối trí, và tôi nhận thấy để làm được việc đó, chủ yếu phải ra vẻ tự tin và khiến cho anh chàng đứng ở ô đập bóng càng bất an càng tốt. Nhiều năm sau, meo này trở nên hữu ích theo cách tương tự khi tôi bắt đầu phát triển các kỹ thuật thâm vấn.

Hồi trung học tôi đã cao 1m88, tôi tận dụng chiều cao làm lợi thế cho mình, về tài năng, chúng tôi là một đội thường thường trong một đoàn gồm toàn đội giỏi, và tôi biết tất cả phụ thuộc vào tay ném, phải cố gắng trở thành người dẫn dắt trận đấu và tạo đà chiến thắng. Với một học sinh trung học mà nói thì tôi kiểm soát bóng khá tốt, nhưng tôi quyết định không để các tay đập đối thủ biết điều này. Tôi muốn ra vẻ thờ ơ, không quá dễ đoán để họ không xĩa mũi chân vào đất và bám chặt gôn. Tôi muốn họ nghĩ rằng nếu làm vậy, họ có nguy cơ bị ném trúng, và tệ hơn là do thẳng khùng đứng cách đó 18m.

Quả thực Hempstead có một đội bóng bầu dục giỏi, tôi là một tiền vệ nặng 85kg trong đội. Và một lần nữa, tôi nhận ra khía cạnh

tâm lý của trò chơi mang lại lợi thế cho mình. Tôi đoán mình có thể đối đầu với mấy người to con hơn nếu tôi hằm hè, lầm bầm và cư xử như một thằng điên. Không lâu sau, cả đám tiền vệ trong đội cũng hành xử y hệt. Sau này, khi tôi thường xuyên làm việc trong các phiên tòa xử án sát nhân mà bệnh tâm thần được dùng làm lý do biện hộ, nhờ kinh nghiệm của bản thân mà tôi biết cư xử như điên không có nghĩa là không biết bản thân đang làm gì.

Năm 1962, chúng tôi đấu với Trung học Wantagh trong giải Thorpe, giành cúp đội bóng bầu dục trung học phổ thông giỏi nhất ở Long Island. Mỗi đứa trong đội đối thủ nặng hơn chúng tôi gần hai mươi ký, có vẻ chắc chắn đội tôi sẽ bị dập tơi tả trước khi đến lượt tấn công. Vì vậy, trước trận đấu, chúng tôi luyện tập một loạt kỹ thuật với mục đích chính là làm rối trí và hù dọa đối thủ. Chúng tôi dàn thành hai hàng, người đầu tiên đứng trong một hàng để chặn - chính xác là để đẩy - người đầu tiên ở hàng kia. Chiến thuật này kết hợp với những tiếng lầm bầm, gầm gừ và la hét đau đớn. Từ vẻ mặt của cầu thủ Wantagh có thể thấy chúng tôi đã đạt được mục đích. Chắc hẳn họ đang nghĩ: "Nếu mấy thằng hâm này ngu tới mức làm như vậy với đồng đội, có trời mới biết tụi nó sẽ làm gì với tụi mình."

Thực ra, toàn bộ chuyện này đã được sắp xếp tỉ mỉ. Chúng tôi luyện tập những cú ném người trong môn đấu vật để trông như bị nện xuống đất rất mạnh, nhưng lại không đau. Khi bước vào trận đấu thực, chúng tôi cứ giữ mức độ điên khùng như bình thường để tỏ vẻ chúng tôi vừa được thả khỏi nhà thương điên để chơi trong buổi chiều này và sẽ quay lại ngay lập tức khi trận đấu kết thúc. Suốt trận, điểm số hai đội đuổi nhau sát nút, nhưng khi kết thúc, chúng tôi đã thắng với tỉ số 14-13, và giành giải Thorpe năm 1962.

Lần đầu tiên đảm nhiệm vai trò "thực thi pháp luật" của tôi, thực ra là trải nghiệm đầu tiên trong việc mô tả nhân dạng "thực sự" của tôi, xảy ra năm tôi mười tám tuổi, khi làm vệ sĩ gác cửa cho một quán rượu và hộp đêm ở Hempstead có tên Gaslight East. Tôi làm tốt đến mức sau đó cũng được giao cho vị trí này tại Câu lạc bộ Lướt ván ở Long Beach. Ở cả hai nơi, tôi có hai nhiệm vụ chính là không cho những người dưới độ tuổi được phép uống rượu - nghĩa là nhỏ

tuổi hơn tôi - vào cửa và ngăn chặn ẩu đả xảy ra ở khu vực uống rượu.

Tôi đứng ở cửa, yêu cầu bất kỳ ai mà tôi cảm thấy tuổi tác đáng nghi trình chứng minh thư, sau đó hỏi ngày tháng năm sinh xem có khớp không. Đây là thủ tục khá phổ biến nên tất cả đều có sự chuẩn bị. Hiếm có đứa nào đã chịu khó làm chứng minh thư giả lại bất cẩn đến mức không nhớ ngày tháng năm sinh ghi trên đó. Nhìn thẳng vào mắt trong khi hỏi là một kỹ thuật hiệu quả với nhiều người, đặc biệt là con gái vì họ thường có trách nhiệm xã hội hơn ở tuổi đó. Nhưng ai muốn vào vẫn có thể vượt qua bước kiểm tra nếu tập trung diễn xuất một chút.

Trong khi đặt câu hỏi cho từng nhóm nhóc con đứng đầu hàng, điều tôi thực sự làm lại là kín đáo quan sát thật kỹ những người đứng hàng thứ ba hay bốn - tôi nhìn họ khi họ đang chuẩn bị trả lời, xem xét ngôn ngữ cơ thể của họ, chú ý phát hiện họ có vẻ lo lắng hay ngập ngừng không.

Ngăn chặn ẩu đả thì khó khăn hơn, và để làm việc này, tôi lại dựa vào kinh nghiệm chơi thể thao của mình. Nếu họ thấy ánh mắt bạn cho biết bạn không dễ chơi và công khai cư xử như một kẻ gàn dở, đôi khi cả những gã to con cũng sẽ dè chừng việc đánh nhau với bạn. Nếu họ nghĩ bạn đủ gai góc nên không lo lắng về an toàn bản thân, bạn sẽ trở thành một đối thủ đáng gờm hơn rất nhiều. Ví dụ, gần hai mươi năm sau, khi chúng tôi đang tiến hành thẩm vấn trong tù để phục vụ cho nghiên cứu quan trọng về những kẻ sát nhân hàng loạt, chúng tôi ngộ ra kẻ ám sát điển hình nguy hiểm hơn nhiều, ở những khía cạnh trọng yếu cụ thể, so với kẻ sát nhân hàng loạt. Vì không giống như sát nhân hàng loạt chỉ chọn nạn nhân mà hấn nghĩ mình có thể xử lý, rồi làm mọi cách để không bị bắt, kẻ chuyên ám sát lại quan tâm đến "nhiệm vụ" của mình và thường sẵn sàng chết để hoàn thành nhiệm vụ.

Điều thứ hai nên làm để tạo ấn tượng nhất định với mọi người - chẳng hạn như bạn vô lý và điên rồ tới mức có thể làm chuyện không lường trước được - là phải duy trì kiểu tính cách đó trong suốt thời gian làm việc, chứ không chỉ khi bạn nghĩ có người đang nhìn mình. Khi tôi thẩm vấn Gary Trapnell, tên cướp có vũ khí và không

tặc khét tiếng, tại nhà tù liên bang ở Marion, Illinois, hẳn tuyên bố rằng có thể lừa bất kỳ nhà tâm thần học nào trong tù tin hẳn mắc bất cứ hội chứng tâm lý nào mà tôi chỉ ra. Mấu chốt để làm được việc đó, hẳn nói với tôi, là luôn hành xử như thể mình bị tâm thần, kể cả khi ở một mình trong phòng giam, để nếu bị thẩm vấn, hẳn không cần “nghĩ” cách giả bệnh, điều vốn sẽ khiến hẳn bị bại lộ. Vì vậy, thật lâu trước khi nhận được lời khuyên của “chuyên gia” này, dường như tôi có bản năng suy nghĩ như tội phạm.

Khi không thể dọa người ta đừng đánh nhau trong quán rượu, tôi cố gắng dùng những kỹ thuật mô tả nhân dạng nghiệp dư của mình để làm điều tốt nhất có thể và ngăn cuộc ẩu đả trở nên nghiêm trọng. Với một chút kinh nghiệm, tôi nhận ra thông qua quan sát tỉ mỉ hành vi và ngôn ngữ cơ thể, tôi có thể liên hệ chúng với hành động sẽ dẫn đến ẩu đả nên có thể dự đoán cá nhân nào sắp gây chuyện hay không. Trong trường hợp đó, hoặc khi có nghi ngờ, tôi luôn hành động trước, dùng yếu tố bất ngờ và nỗ lực để đưa người muốn gây hấn rời quán trước khi hẳn biết chính xác chuyện gì đang xảy ra với mình. Tôi luôn nói rằng đa số những kẻ giết người vì tình dục và cưỡng hiếp hàng loạt trở nên điều luyện trong việc chi phối, thao túng và kiểm soát - những kỹ năng mà tôi đang cố gắng thành thạo trong một ngữ cảnh khác. Nhưng ít nhất là tôi đang học hỏi.

Sau khi tốt nghiệp phổ thông, tôi vẫn muốn làm bác sĩ thú y, nhưng không đủ điểm vào Cornell. Nơi tốt nhất mà tôi có thể theo học chương trình tương tự là bang Montana. Vì vậy, tháng Chín năm 1963, anh chàng xuất thân Brooklyn và Long Island là tôi đây đến Trung tâm của Big Sky country!^[23] Cú sốc văn hóa khi đến thành phố Bozeman quả thực quá lớn.

“Con gửi lời chào từ Montana”, tôi viết trong một bức thư gửi về nhà vào thời gian đầu, “ở đây đám đàn ông rất thô bạo còn mấy con cừu thì rất nhát”^[24]. Cũng như nhận định của tôi về Montana, là hiện thân của đủ mọi định kiến và những lời sáo rỗng về cuộc sống ở miền tây và vùng biên giới, tôi, một kẻ đến từ miền đông, trong mắt những người tôi gặp ở đó cũng hệt như vậy. Tôi tham gia chi nhánh của Sigma Phi Epsilon^[25] tại đây, trong đó hầu như chỉ có bọn con trai địa phương, nên tôi nổi bật. Tôi bắt đầu đội nón

đen, mặc đồ đen, mang boots đen và để tóc mai dài giống một nhân vật bước ra từ *Câu chuyện phía Tây*^[26], đó cũng là vẻ ngoài mà dân bản địa hình dung về người New York giống tôi thời đó.

Vì vậy, tôi tận dụng tối đa chuyện này. Ở những buổi họp mặt, người dân địa phương sẽ mặc trang phục miền tây và nhảy điệu two-step, trong khi tôi dành những năm gần đây để xem Chubby Checker trên ti vi và biết hết mọi biến thể của điệu twist. Vì chị gái Arlene của tôi hơn tôi bốn tuổi nên từ lâu chị ấy đã chọn tôi làm bạn tập nhảy và tôi nhanh chóng trở thành người hướng dẫn trong trường khiêu vũ. Tôi cảm thấy mình như một nhà truyền giáo đến vùng sâu vùng xa, nơi chưa từng biết tiếng Anh.

Tôi vốn không giỏi giang gì nhưng lúc này điểm của tôi thấp toàn tập vì tôi không hề tập trung vào việc học. Tôi đã làm vệ sĩ gác cổng ở một quán rượu tại New York, nhưng ở Montana, tuổi được phép uống rượu là hai mươi một, một điều bất lợi với tôi. Tiếc thay, tôi không để điều đó cản trở mình.

Lần phạm luật đầu tiên của tôi xảy ra khi một người bạn trong hội sinh viên và tôi đi chơi cùng hai cô nàng xinh đẹp gặp nhau ở Trung tâm dành cho những bà mẹ chưa kết hôn. Trông họ có vẻ trưởng thành so với tuổi. Chúng tôi dừng ở một quán rượu, tôi đi vào mua một lốc sáu chai bia.

Người pha chế bảo tôi "Cho tôi xem chứng minh thư của cậu" nên tôi đưa cho anh ta cái thẻ Nghĩa vụ quân sự^[27] được làm giả rất tỉ mỉ. Từ kinh nghiệm làm vệ sĩ gác cửa, tôi biết một số nguy cơ và sai lầm khi dùng danh tính giả.

Người pha chế nhìn tấm thẻ và nói "Brooklyn hả? Mấy đứa ở miền đông tui mà toàn bọn xạo sự đúng không?" Tôi bật cười, trong dạ bồn chồn, nhưng mọi người trong quán đều xoay lại nhìn nên tôi biết đã có nhân chứng. Tôi quay lại chỗ đậu xe và chúng tôi vừa lái xe vừa uống bia, nhưng tôi không hề biết một trong hai cô nàng đã đặt mấy lon bia trên cốp xe.

Đột nhiên, tôi nghe tiếng còi cảnh sát. Một viên cảnh sát chặn xe chúng tôi lại. "Xuống xe ngay."

Thế là chúng tôi bước xuống xe. Ông ta bắt đầu soát người chúng tôi, và dù lúc đó tôi biết việc soát người này là bất hợp pháp nhưng tôi chắc chắn sẽ không cảm râm gì với ông ta. Khi viên cảnh sát cúi người, súng và dùi cui lộ ra trước mắt tôi, và trong đầu tôi nhoáng lên một suy nghĩ điên rồ rằng trong một tích tắc, tôi có thể chop lấy cái dùi cui, đập lên đầu ông ta, lấy khẩu súng và bỏ trốn. May mắn cho tương lai của mình là tôi đã không làm thế. Nhưng biết ông ta sắp soát đến mình, tôi lấy cái chứng minh thư ra khỏi ví, nhét nó vào quần trong.

Viên cảnh sát đưa cả bốn đứa tôi về đồn, chia ra mỗi đứa một nơi và người tôi túa mồ hôi đầm đìa vì tôi biết họ đang làm gì, tôi sợ thẳng bạn sẽ khai ra tôi. Một viên cảnh sát bảo tôi: “Nhóc, giờ thì nói đi. Nếu tên pha chế ở quán không hỏi chứng minh thư của cậu, chúng tôi sẽ quay lại đó. Trước đây chúng tôi đã gặp phiền phức với hần rồi.”

Tôi đáp: “Ở chỗ tôi, người ta không phản bội người khác. Chúng tôi không làm chuyện như vậy.” Tôi giả vờ nói chuyện như George Raft^[28], nhưng trong lòng thì đang nghĩ *Dĩ nhiên anh ta có đòi tôi cho xem chứng minh thư và tôi đã giơ ra chứng minh thư giả chứ sao!* Trong lúc đó, cái thẻ chậm chậm trượt xuống trong quần, đâm vào da tôi. Không biết họ có cời đồ chúng tôi để lục soát không. Ý tôi là, đây là khu vực biên giới, có Chúa mới biết họ sẽ làm gì. Vì vậy, tôi nhanh chóng đánh giá tình hình và giả vờ ốm. Tôi nói với họ tôi cảm thấy không khỏe, phải vào nhà vệ sinh.

Họ để tôi đi một mình, không ai giám sát, nhưng tôi đã xem quá nhiều phim ảnh nên khi vào nhà vệ sinh, nhìn vào gương, tôi e là họ đang quan sát mình từ phía bên kia. Tôi nép sang một bên, thọc tay vào quần lôi ra cái chứng minh thư, rồi đến chỗ bồn rửa tay và giả vờ nôn mửa để phòng trường hợp họ đang theo dõi. Tôi đi sang bồn cầu và nhấn nước xả cái thẻ Nghĩa vụ quân sự xuống cống, rồi trở ra, tự tin hơn hẳn. Cuối cùng tôi bị phạt bốn mươi đô la và hưởng án treo.

Lần thứ hai tôi chạm mặt với cảnh sát Bozeman là vào năm hai đại học, và lần này còn tệ hơn.

Tôi đến xem một cuộc thi cưỡi ngựa chứng với hai đứa khác đến từ miền đông và một đứa ở Montana. Cuối trận, chúng tôi ra về trên một chiếc Studebaker năm 1962, trong xe có bia, và thế là lại xảy ra chuyện. Khi đó tuyết rơi nặng hạt. Thăng bạn cầm vô lăng đến từ Boston, tôi ngồi ở ghế phụ phía trước, và thằng Montana ngồi giữa. Tóm lại, thằng lái xe đã chạy qua một biển báo dừng và - có gì lạ đâu - ở ngay đó có một viên cảnh sát. Người ta hay nói cảnh sát chẳng bao giờ có mặt khi bạn cần - nhưng điều đó không đúng ở Bozeman năm 1965.

Thằng bạn trong hội sinh viên của tôi - thật không tin nổi - không chịu dừng xe! Nó chạy luôn trong khi viên cảnh sát bám sát sau lưng.

Mỗi lần chúng tôi rẽ và rời khỏi tầm nhìn của viên cảnh sát trong chốc lát, tôi liền ném mấy lon bia ra ngoài xe. Chúng tôi chạy tiếp, đến một khu dân cư, xe nhảy chồm chồm trên mấy vạch giảm tốc. Chúng tôi gặp hàng rào chắn đường; viên cảnh sát hẳn đã điện đàm cho trạm gác phía trước. Chúng tôi chạy vòng qua rào chắn, leo lên bãi cỏ của một ngôi nhà. Suốt quãng đường tôi liên tục la hét "Dừng xe lại ngay! Cho tôi xuống xe!" nhưng thằng ngốc đó cứ chạy miết. Chiếc xe xoay tròn, tuyết vẫn rơi trắng trời, tiếng còi hụ vang lên ngay sau lưng chúng tôi.

Xe chạy đến một ngã tư. Thằng lái xe đạp thắng, xe xoay tròn một vòng, cửa bung ra và tôi bị văng khỏi xe. Tôi bám vào cửa, mông tôi lết trong tuyết, rồi đột nhiên có người kêu lên "Chạy đi!"

Thế là chúng tôi chạy thực mạng mỗi đứa một hướng. Tôi chạy vào một ngõ hẻm, trông thấy một chiếc xe tải chở hàng, tôi liền leo lên. Tôi đã ném cái nón đen đi trong lúc chạy, tôi đang mặc một cái áo khoác hai mặt màu cam và vàng kim, thế là tôi cởi áo, xoay mặt màu vàng kim ra ngoài để ngụy trang. Nhưng người tôi đầy mồ hôi và hơi thở làm mờ hết kính cửa sổ xe. Tôi nghĩ *Khỉ thật, họ sẽ thấy mình mất*. Tôi cũng sợ chủ xe có thể trở lại bất kỳ lúc nào, mà ngoài này họ có thể có súng. Vì thế, tôi lau một mảnh nhỏ trên kính để nhìn ra, xung quanh chiếc xe chúng tôi bỏ lại đang diễn ra đủ chuyện: xe cảnh sát, chó đánh hơi, cái gì cũng có. Họ đang vào ngõ hẻm, mấy ngọn đèn pin chiếu lên chiếc xe tải, còn tôi thì sắp ị ra

quần luôn rồi. Nhưng không thể tin được là họ lái xe lướt qua và để tôi lại đó!

Tôi trở về trường thì mọi người đã nghe về vụ việc, hóa ra hai thằng ở miền đông và tôi thoát được, nhưng họ bắt được thằng ở Montana và nó đã khai hết ra. Nó khai tên cả bọn, và cảnh sát tìm đến từng đứa. Khi họ tìm tới tới, tôi nài nỉ rằng tôi không điều khiển chiếc xe, rằng tôi rất sợ và đã xin đứa lái xe dừng lại. Trong khi đó, thằng lái xe đến từ Boston bị tổng vào phòng giam với chiếc giường cứng ngắc, bánh mì và nước lã, cùng những thứ khác có liên quan, còn phần tôi, vận may kỳ diệu của tôi tiếp tục mỉm cười và tôi chỉ bị phạt thêm bốn mươi đô la vì tội sở hữu rượu, và hưởng án treo.

Nhưng họ báo cho nhà trường và bố mẹ chúng tôi, bên nào cũng vô cùng tức giận, và việc học của tôi sẽ không khá lên chút nào. Điểm trung bình của tôi chỉ là D, tôi rớt môn diễn thuyết vì không bao giờ lên lớp - đây là môn tôi luôn bị điểm thấp vì tôi luôn cảm thấy khả năng nói chuyện là tài sản quý nhất của mình - và tôi không tìm được cách nào để thoát khỏi vũng lầy này. Cuối năm hai, rõ ràng cuộc phiêu lưu của tôi ở miền tây hoang dã đã chấm dứt.

Nếu quý độc giả thấy rằng ký ức của tôi về giai đoạn này toàn là những rủi ro và sai lầm thì đúng vậy, lúc đó tôi cũng cảm thấy thế. Tôi rời trường về nhà, sống trước ánh mắt thất vọng của bố mẹ. Mẹ tôi rất buồn khi biết tôi sẽ không bao giờ trở thành bác sĩ thú y. Như thường lệ, khi không biết làm gì, tôi lại dựa vào tài nghệ thể thao của mình và nhận công việc bảo vệ hồ bơi vào mùa hè năm 1965. Khi mùa hè kết thúc và tôi không trở lại trường, tôi tìm được công việc quản lý câu lạc bộ thể dục thể thao tại khách sạn Holiday Inn ở Patchogue.

Không lâu sau khi bắt đầu công việc ở đây, tôi gặp Sandy, một nữ phục vụ cocktail tại khách sạn. Cô ta trẻ đẹp, có một đứa con trai nhỏ, và tôi ngay lập tức mê mẩn. Khi mặc bộ đồng phục nữ phục vụ cocktail, trông cô ta vô cùng ấn tượng. Hình thể của tôi vẫn đẹp nhờ chăm tập thể dục và có vẻ cô ta cũng thích tôi. Khi đó tôi sống ở nhà và cô ta gọi cho tôi suốt. Bố tôi nói với tôi: "Đứa quý quái nào gọi cho con suốt ngày suốt đêm thế hả? Trong điện thoại lúc nào cũng nghe tiếng con nít la khóc."

Sống cùng bố mẹ không cho tôi nhiều cơ hội hành động, nhưng Sandy nói nếu làm việc tại khách sạn thì tôi có thể thuê một phòng trống với giá rất rẻ. Thế là một ngày kia, chúng tôi cùng thuê một phòng.

Sáng sớm hôm sau, điện thoại reo. Cô ta trả lời và tôi nghe được "Không! Không! Tôi không muốn nói chuyện với anh ta đâu!"

Khi thức dậy, tôi hỏi: "Ai gọi vậy?"

Cô ta trả lời: "Lẽ tâu. Họ nói chồng em đang ở đây và đang lên đây."

Lúc này tôi tỉnh hẳn. Tôi nói to: "Chồng em? Ý là sao, chồng em hả? Em chưa bao giờ nói em vẫn đang có chồng!"

Cô ta phân trần rằng chưa từng nói là mình đã bỏ chồng, rồi lại giải thích là họ đang ly hôn.

Hay thật, tôi nghĩ khi tai bắt đầu nghe tiếng chân chạy điên cuồng trên hành lang.

Gã chồng bắt đầu đập cửa. "Sandy! Tôi biết cô đang ở trong đó, Sandy!"

Căn phòng có một cửa sổ chớp bằng kính mở ra hành lang và hẳn đang kéo các thanh chắn, muốn giật chúng khỏi khung cửa. Tôi thì đang tìm chỗ để nhảy xuống - chúng tôi đang ở tầng hai - nhưng chẳng có cái cửa sổ nào.

Tôi hỏi: "Hẳn có súng hay vũ khí gì không?"

"Đôi khi hẳn thủ dao trong người", cô ta nói.

"Mẹ kiếp! Hay thật đấy! Tôi phải ra khỏi đây. Mở cửa đi."

Tôi lấy thế, giơ hai tay lên. Cô ta mở cửa. Gã chồng xộc vào. Hẳn phóng thẳng đến chỗ tôi. Nhưng hẳn thấy tôi đứng trong bóng tối, và chắc là nhìn tôi to và dữ tợn lắm, nên hẳn đổi ý, dừng lại. Nhưng hẳn vẫn la ó: "Thằng khốn! Mày biến khỏi đây ngay!"

Tôi đoán hôm nay mình đã ra vẻ đàn ông đủ rồi - mà trời vẫn còn sớm - nên tôi lịch sự nói "Vâng. Tôi cũng định biến đây." Tôi lại gặp may, thoát khỏi một rắc rối khác mà không trầy xước miếng nào. Nhưng không thể trốn tránh sự thật rằng mọi thứ trong đời tôi

sắp tiêu tùng. Tôi cũng vô tình làm nứt trục bánh xe chiếc Saab của bố tôi khi đua với chiếc MGA màu đỏ của thằng Bill Turner bạn tôi.

Một sáng thứ Bảy nọ, mẹ vào phòng tôi, cầm theo lá thư từ cơ quan Nghĩa vụ quân sự, nói rằng họ muốn gặp tôi. Tôi xuống chỗ tòa nhà Whitehall ở khu Manhattan để kiểm tra thể lực quân sự với 300 người khác. Họ bảo tôi gấp gối hết cỡ và có thể nghe tiếng răng rắc khi tôi ngồi xuống. Tôi đã phẫu thuật lấy sụn ở đầu gối ra do chơi bóng bầu dục, giống Joe Namath, nhưng hẳn anh ta có luật sư giỏi hơn. Họ tạm thời chưa có quyết định cho tôi, nhưng cuối cùng tôi được thông báo là quả thực Chính phủ cần tôi. Thay vì thử vận may trong Quân đội, tôi nhanh chóng đăng ký vào Không quân dù như vậy nghĩa là phải đi lính bốn năm, nhưng tôi tính toán ở đó sẽ có cơ hội học tập tốt hơn. Có lẽ đó chính là thứ tôi cần. Rõ ràng tôi đã không trân trọng các cơ hội học tập có được ở New York và Montana.

Bấy giờ, tôi còn một lý do khác để đăng ký vào Không quân. Đó là năm 1966 và Việt Nam đang mạnh lên. Tôi không quá quan tâm đến chính trị, tự nhận mình là một người theo chế độ dân chủ của Kennedy vì bố tôi là viên chức trong Công đoàn In ở Long Island. Nhưng ý tưởng bị bắn khi hỗ trợ cho một mục tiêu mà tôi chỉ hiểu một cách mơ hồ không hay ho cho lắm. Tôi nhớ một thợ cơ khí trong Không quân từng kể rằng họ là quân chủng duy nhất mà các quan chức - tức là các phi công - tham chiến còn các binh nhì ở hậu phương hỗ trợ. Không hề có ý định trở thành phi công nên tôi thấy chuyện đó rất ổn.

Tôi được đưa tới Amarillo, Texas, để tham gia huấn luyện cơ bản. Phi đội (tên gọi lớp huấn luyện Không quân) gồm năm mươi người của chúng tôi được chia đều thành nhóm người đến từ New York như tôi, và nhóm người đến từ Louisiana ở miền nam. Viên sĩ quan hướng dẫn luôn canh chừng nhóm người miền bắc và phần lớn thời gian tôi nghĩ việc đó cũng là hợp lý. Tôi thường đánh bạn với những người đến từ miền nam, tôi cảm thấy họ dễ thương và dễ chịu hơn những đồng hương New York.

Với nhiều thanh niên, huấn luyện cơ bản là một trải nghiệm rất căng thẳng. Với tinh thần kỷ luật mà tôi đã trải qua với các huấn

luyện viên trong những môn thể thao đồng đội va chạm, và với tư cách một kẻ ngu ngốc mà tôi tự thừa nhận suốt mấy năm qua, tôi thấy cú đánh của sĩ quan hướng dẫn như một trò đùa. Tôi có thể nhìn ra hết những màn giễu võ dương oai và đòn tâm lý của ông ấy, và tôi vốn đã có thể lực tốt nên việc huấn luyện cơ bản đối với tôi tương đối dễ dàng. Tôi nhanh chóng được công nhận là một tay thiện xạ với súng MI6, đây có thể là kết quả từ mục tiêu tôi đặt ra khi làm tay ném hơi trung học. Trước khi vào Không quân, kinh nghiệm bắn súng duy nhất của tôi là dùng súng hơi BB bắn vào những ngọn đèn đường hơi còn thiếu niên.

Trong thời gian huấn luyện cơ bản, tôi lại có thêm danh tiếng rất ngẫu khác. Khí thế hùng hực nhờ cử tạ, lại thêm quả đầu cạo sát, tôi trở thành "Gấu Nga". Có một gã ở phi đội khác cũng nổi danh vì lý do tương tự, và có đứa nào đó nảy ra sáng kiến tuyệt vời là nếu chúng tôi đấu với nhau thì sẽ rất có lợi cho tinh thần của cả căn cứ.

Trận đấu đó là một sự kiện lớn ở căn cứ. Chúng tôi ngang tài ngang sức và không bên nào chịu rút lui. Cuối cùng chúng tôi đập nhau tơi tả và mũi tôi bị gãy lần thứ ba (hai lần đầu là do chơi bóng bầu dục hơi trung học).

Dù trận đấu có ích hay không thì tôi cũng kết thúc với vị trí thứ ba trong số năm mươi người ở phi đội. Sau đợt huấn luyện cơ bản, tôi phải làm một loạt bài kiểm tra và được báo là đạt yêu cầu vào trường đào tạo ngăn chặn tín hiệu vô tuyến. Nhưng trường này đã đủ học viên và tôi không muốn chờ lớp tiếp theo khai giảng nên họ cho tôi làm nhân viên đánh máy - dù tôi không biết đánh máy. Có một vị trí trống trong bộ phận Nhân sự tại Căn cứ Không quân Cannon, cách đó khoảng 160km, bên ngoài thành phố Clovis, New Mexico.

Thế là tôi đến đó, dành cả ngày dài để gỡ những tờ quyết định xuất ngũ - DD214 - bằng hai ngón tay, làm việc cho một viên trung sĩ ngốc nghếch và tự nhủ *Mình phải ra khỏi chỗ này*.

Một lần nữa, đây là lúc vận may của tôi xuất hiện. Kế bên phòng Nhân sự là phòng Quân chủng đặc biệt. Khi tôi nói cụm từ này, đa số mọi người nghĩ đến các Lực lượng Đặc biệt như Mũ nổi xanh. Nhưng đây là Quân chủng đặc biệt, cụ thể là Quân chủng đặc biệt -

Thể thao. Với kinh nghiệm của tôi, bộ phận đó có vẻ là một cách hay để bảo hộ đất nước khi cần.

Tôi bắt đầu rình mò, đến cửa nghe lén và nghe một người trong đó nói "Chương trình này thất bại chắc rồi. Chúng ta không có người phù hợp."

Tôi tự nhủ, cơ hội đây rồi! Thế là tôi giả vờ đi loanh quanh, tình cờ gõ cửa phòng họ và nói "Xin chào, tôi là John Douglas, cho phép tôi giới thiệu một chút về kinh nghiệm của mình."

Trong khi nói, tôi nhìn họ để thăm dò phản ứng và "mô tả" mình theo kiểu người mà họ muốn. Và tôi đã thành công, vì họ cứ nhìn nhau như thể "Đúng là phép màu! Anh ta chính là người chúng ta muốn!" Bởi thế mà họ chuyển tôi khỏi bộ phận Nhân sự và từ đó về sau, tôi không bao giờ phải mặc đồng phục nữa, họ trả thêm lương cho tôi với tư cách một binh nhì quản lý tất cả chương trình thể thao, tôi đủ điều kiện tham gia chương trình Vận hành tự khởi^[29], trong đó Chính phủ chi trả 75% học phí để tôi đi học vào buổi tối và cuối tuần - và tôi đã học, ở Đại học Đông New Mexico ở Portales, cách đó 40km. Vì phải làm tốt hơn xếp hạng trung bình loại D ở đại học, tôi phải đạt toàn điểm A trong chương trình này. Nhưng lần đầu tiên trong đời, tôi thấy mình có mục tiêu để phấn đấu.

Tôi làm rất tốt công tác đại diện Không quân trong những môn thể thao có luật thi đấu nghiêm ngặt như quần vợt, bóng đá và cầu lông nên cuối cùng họ cho tôi quản lý sân gôn và cửa hàng dụng cụ thể thao của căn cứ dù tôi chưa từng đánh gôn lần nào trong đời. Nhưng thật sự trông tôi rất phong độ khi mặc những chiếc áo ni hiệu Arnold Palmer và quản lý tất cả các giải đấu.

Một ngày nọ, chỉ huy căn cứ vào sân và muốn biết ông ấy nên dùng quả bóng nén nào cho giải đấu này. Tôi không hiểu ông ấy nói gì và cũng giống như bài báo cáo sách hồi lớp Chín gần mười năm trước, tôi bị bại lộ.

"Anh quản lý chỗ này như thế nào hả?" Ông ta muốn biết. Ngay lập tức tôi bị đuổi khỏi sân gôn và chuyển sang bộ phận điêu khắc trang sức của phụ nữ, nghe có vẻ thú vị cho đến khi tôi phát hiện ra nó có nghĩa là gia công đá. Tôi cũng được yêu cầu quản lý bộ phận

làm gồm của phụ nữ và hồ bơi của các sĩ quan. Tôi nghĩ, trong khi các sĩ quan bay sang Việt Nam để ăn đạn thì tôi ở đây lấy ghế ngồi và khăn tắm cho những người vợ thích tán tỉnh của họ và dạy con họ học bơi, họ còn trả thêm tiền cho việc này trong khi tôi lấy bằng đại học?

Một nhiệm vụ khác của tôi có vẻ liên quan đến những ngày làm vệ sĩ gác cửa trước đây. Hồ bơi nằm cạnh quầy rượu của các sĩ quan, ở đó thường có nhiều phi công trẻ đang huấn luyện với Bộ Tư lệnh Hàng không Chiến thuật. Nhiều lần tôi phải tách những gã phi công say rượu, điên cuồng ra khỏi nhau hoặc khỏi tôi.

Khoảng hai năm trong thời gian phục vụ ở Không quân, khi tôi đang lấy bằng đại học, tôi biết đến một hiệp hội chuyên giúp đỡ trẻ em khuyết tật ở địa phương. Họ cần người giúp đỡ trong các chương trình giải trí nên tôi đã tình nguyện tham gia. Mỗi tuần một lần, cùng với hai nhân viên, tôi đưa khoảng mười lăm em đi trượt pa tanh hoặc chơi gôn và bowling mini hoặc một hình thức thể thao nào đó mà các em có thể phát triển kỹ năng và tố chất cá nhân.

Đa số trẻ em ở đây gặp nhiều khó khăn như bị mù hoặc hội chứng Down, hay vấn đề nghiêm trọng trong việc kiểm soát vận động. Đây là dạng công việc rất mất sức, ví dụ như trượt pa tanh vòng quanh sân khi mỗi tay bế một đứa, cố gắng để các em không tự làm mình bị thương, nhưng tôi vô cùng yêu thích công việc này. Thực ra, hiếm có trải nghiệm nào khác trong đời khiến tôi thấy hứng thú như vậy.

Khi tôi dừng xe ở trường mỗi tuần, bọn trẻ đều chạy ra chào tôi, vây quanh chiếc xe, tôi sẽ xuống xe và ôm chúng. Cuối mỗi buổi, tất cả đều buồn khi thấy tôi đi và tôi cũng buồn khi phải đi. Tôi cảm thấy mình đang nhận được rất nhiều từ chương trình này, tình thương và tình bạn, trong thời điểm mà tôi không nhận được gì từ bất kỳ nơi nào khác nên tôi bắt đầu đến trường vào buổi chiều để đọc truyện cho bọn trẻ nghe.

Chúng hoàn toàn trái ngược với những đứa trẻ khỏe mạnh, bình thường mà tôi tiếp xúc ở căn cứ, những đứa đã quen là trung tâm của sự chú ý và được bố mẹ đáp ứng mọi thứ mà mình muốn. Bọn trẻ "đặc biệt" của tôi biết trân trọng bất cứ thứ gì mọi người làm cho

các em, và dù khuyết tật nhưng các em luôn rất thân thiện và hào hứng khám phá.

Tôi không hề biết họ quan sát tôi phần lớn thời gian tôi ở cùng bọn trẻ. Công việc hẳn đã bộc lộ chút gì đó về khả năng quan sát của tôi mà tôi chưa từng phát hiện! Bất luận thế nào, khả năng của tôi đã được các thành viên của khoa Tâm lý học Đại học Đông New Mexico đánh giá, sau đó họ trao cho tôi một suất học bổng bốn năm chuyên ngành Giáo dục đặc biệt.

Tuy tôi cũng từng nghĩ đến ngành tâm lý học công nghiệp, nhưng tôi yêu quý bọn trẻ và cảm thấy đây có thể là một lựa chọn tốt. Thực ra, tôi có thể ở lại Không quân và trở thành một sĩ quan với sự nghiệp chuyên gia tâm lý học. Tôi nộp đề nghị của trường đại học lên ban nhân sự dân vận của căn cứ nhưng sau khi cân nhắc họ quyết định Không quân không cần người có bằng cấp về giáo dục đặc biệt. Tôi cho rằng việc này hơi lạ vì có rất nhiều người phụ thuộc ở căn cứ, nhưng họ đã quyết định như thế. Bởi vậy, tôi từ bỏ suy nghĩ gây dựng sự nghiệp với ngành giáo dục đặc biệt, nhưng vẫn tiếp tục công việc tình nguyện mà tôi rất thích.

Giáng sinh năm 1969, tôi về thăm gia đình. Tôi phải lái xe 160km trở về Amarillo để đáp chuyến bay đến New York, mà chiếc Volkswagen Beetle của tôi không thể kham nổi đoạn đường đó. Vì vậy, bạn thân tôi ở Không quân là Robert LaFond đổi cho tôi chiếc Karmann Ghia của cậu ấy để tôi đi. Tôi không muốn bỏ lỡ bữa tiệc Giáng sinh của đơn vị Quân chủng đặc biệt, nhưng đó là cách duy nhất tôi có thể về Amarillo đúng giờ để lên máy bay.

Khi đáp chuyến bay ở La Guardia, bố mẹ đón tôi. Về mặt họ rất nghiêm trọng, gần như bàng hoàng, tôi không hiểu tại sao. Nói cho cùng thì tôi đang thay đổi cuộc đời mình một trăm tám mươi độ và cuối cùng cũng cho họ một lý do để không thất vọng về tôi. Nhưng chuyện là họ nhận được báo cáo về một tài xế chưa xác định danh tính chết gần căn cứ của tôi trong một chiếc VW trùng khớp với mô tả về chiếc xe của tôi. Cho đến khi bố mẹ thấy tôi xuống máy bay, họ không biết là tôi còn sống hay đã chết.

Hóa ra Robert LaFond, cũng như nhiều người khác, đã say và ngủ quên ở bữa tiệc Giáng sinh. Những người ở đó nói một vài sĩ

quan và binh sĩ đã đưa cậu ấy vào xe của tôi với chìa khóa cắm trong ổ và khi tỉnh lại, cậu ấy định lái xe rời khỏi căn cứ. Khi đó có tuyết rơi, trời lạnh cóng; cậu ấy tông thẳng vào một chiếc xe trên đó có một nữ quân nhân và các con của cô ấy. May mắn là họ không bị thương, nhưng trong chiếc xe cà tàng của tôi, Robert và người vào vô lăng, văng qua kính chắn gió và chết.

Sự cố này đã ám ảnh tôi. Chúng tôi chơi rất thân, tôi đau đớn nghĩ rằng chuyện đó có lẽ đã không xảy ra nếu cậu ấy không cho tôi mượn chiếc xe xịn. Khi trở lại căn cứ, tôi phải nhận đồ dùng cá nhân của cậu ấy, đóng thùng tất cả tài sản và gửi về cho gia đình cậu ấy. Tôi cứ trở lại nhìn chiếc xe hỏng của mình, mơ thấy Robert và vụ tai nạn. Tôi đã đi cùng vào ngày cậu ấy mua quà Giáng sinh cho bố mẹ mình ở Pensacola, Florida, một món quà được gửi đến cùng ngày các sĩ quan Không quân đến nhà để thông báo rằng con trai họ đã chết.

Nhưng không chỉ đau buồn, tôi còn rất giận dữ. Giống như sau này khi trở thành điều tra viên, tôi cứ dò hỏi xung quanh đến khi thu hẹp số đối tượng xuống còn hai người mà tôi nghĩ có trách nhiệm trong chuyện này. Tôi tìm thấy họ trong văn phòng, tóm lấy, ấn họ vào tường. Tôi bắt đầu đánh họ, từng người một. Người ta phải lôi tôi ra khỏi họ. Tôi giận điên người, đến mức không thêm bận tâm nếu có phải ra tòa. Tôi chỉ quan tâm chuyện họ đã giết bạn thân của tôi.

Phiên tòa quân sự là một sự việc rối rắm, vì họ phải xử lý lời buộc tội chính thức của tôi với hai người kia. Đồng thời, sự can thiệp của Mỹ ở Việt Nam bắt đầu giảm dần và họ đang cho các binh nhì chỉ còn vài tháng nghĩa vụ được xuất ngũ sớm. Thế là để dẹp yên mọi chuyện theo cách tốt nhất có thể, ban nhân sự cho tôi xuất ngũ sớm vài tháng.

Khi còn tại ngũ, tôi đã lấy bằng đại học và bắt đầu học thạc sĩ ngành tâm lý học công nghiệp. Bây giờ, tôi đang sống nhờ trợ cấp của Luật G.I. trong một căn hộ không có cửa sổ dưới tầng hầm, giá bảy đô la một tuần ở Clovis, chiến đấu với những binh đoàn bộ nước dài gần 7cm cứ lập đội hình tấn công mỗi khi tôi vào phòng và mở đèn. Không thể sử dụng cơ sở vật chất của căn cứ nữa, tôi dọn vào

một phòng tập rẻ tiền, xập xệ, không khí và bài trí cũng không hơn gì căn hộ của tôi.

Mùa thu năm 1970, tôi gặp một người ở phòng tập tên là Frank Haines, hóa ra là một đặc vụ FBI. Anh ta điều hành một cơ sở vệ tinh một người ở Clovis. Chúng tôi trở nên thân thiết trong thời gian tập luyện cùng nhau. Hóa ra anh ta đã nghe về tôi từ chỉ huy căn cứ đã nghỉ hưu và bắt đầu thuyết phục tôi nộp đơn vào Cục. Nói thật, tôi chưa từng suy nghĩ nghiêm túc về công việc thi hành luật. Tôi đang lên kế hoạch làm việc trong ngành tâm lý học công nghiệp sau khi tốt nghiệp. Làm việc cho một công ty lớn, xử lý những vấn đề như nhân sự, hỗ trợ nhân viên và kiểm soát căng thẳng, có vẻ đem lại một tương lai chắc chắn, có thể dự đoán trước. Lần duy nhất tôi có liên hệ trực tiếp với FBI cho đến lúc đó là ở Montana, khi một cái rương tôi vận chuyển về nhà bị trộm mất. Một đặc vụ thực địa ở đó đã thẩm vấn tôi vì nghĩ rằng có thể tôi đã dàn xếp vụ này để lấy tiền bảo hiểm nhưng không có kết quả gì. Nếu FBI chuyên xử lý những vụ việc như vậy thì tôi thấy công việc đó chẳng có gì nhiều để làm.

Nhưng Frank khẳng định rằng tôi sẽ là một đặc vụ giỏi và liên tục khích lệ tôi. Anh ta mời tôi đến nhà ăn tối vài lần, giới thiệu tôi với vợ và con trai anh ta, cho tôi xem súng và séc lương của anh ta, chẳng cái nào tôi có thể sánh bằng. Phải công nhận, so với cuộc sống xoàng xĩnh của tôi thì Frank sống như một ông hoàng. Vì vậy, tôi quyết định thử xem thế nào.

Frank ở lại New Mexico, và nhiều năm sau, chúng tôi gặp nhau khi tôi ra mặt làm chứng trong một vụ án giết người mà anh ta điều tra, trong đó một phụ nữ bị giết hại dã man và đốt xác để tránh bị phát hiện. Nhưng vào mùa thu năm 1970, tôi không hề nghĩ tới loại hành động này.

Frank gửi đơn của tôi đến văn phòng thực địa ở Albuquerque. Họ cho tôi làm bài kiểm tra tiêu chuẩn dành cho những người không phải luật sư. Bất chấp điều kiện thể chất tốt và cơ hình cơ bắp của tôi, cân nặng 100kg của tôi vẫn thừa 11kg so với giới hạn của FBI dành cho chiều cao 1m88. Người duy nhất trong Cục có thể vượt qua tiêu chuẩn cân nặng chính là ngài giám đốc huyền thoại J. Edgar Hoover. Trong hai tuần, tôi không ăn gì ngoài gelatin Knox và

trúng lược để giảm xuống số cân cần thiết. Tôi cũng phải cắt tóc ba lần mới đạt chuẩn để chụp hình thẻ nhân viên.

Nhưng cuối cùng, vào tháng Mười một, tôi được bổ nhiệm một chức vụ tập sự, với mức lương khởi điểm là 10.869 đô la. Cuối cùng, tôi cũng thoát khỏi căn phòng không cửa sổ, u ám dưới tầng hầm. Tôi tự hỏi liệu bây giờ tôi sẽ nghĩ gì nếu biết mình sẽ dành phần lớn thời gian ở Cục trong một căn phòng không cửa sổ dưới tầng hầm khác, theo đuổi những câu chuyện còn u ám hơn nhiều.

CHƯƠNG 3

Đặt cược vào những hạt mưa

Nhiều người nộp đơn, vài người được chọn.

Đó là thông điệp chúng tôi nghe đi nghe lại khi là những tân binh. Gần như mọi người có hứng thú với sự nghiệp thi hành luật pháp đều tha thiết muốn trở thành một đặc vụ của Cục Điều tra Liên bang Mỹ, nhưng chỉ những người giỏi nhất mới hy vọng có được cơ hội đó. Di sản lâu năm và đầy tự hào của Cục khởi nguồn từ năm 1924 khi một luật sư vô danh của Chính phủ tên là John Edgar Hoover tiếp quản một cơ quan thối nát, thiếu tiền viện trợ và quản lý tệ hại. Cũng chính ngài Hoover này - đã bảy mươi lăm tuổi lúc tôi gia nhập Cục - vẫn điều hành cơ quan giờ đã trở thành tổ chức được kính trọng hết mực này và chỉ huy với phong thái mạnh mẽ, kiên cường. Vì vậy, tốt nhất là chúng tôi đừng làm Cục thất vọng.

Một bức điện tín từ ngài giám đốc hướng dẫn tôi hãy đến trình diện tại phòng 625 trong tòa nhà bưu điện cũ trên đại lộ Pennsylvania ở Washington lúc 9 giờ sáng ngày 14 tháng Mười hai năm 1970, để bắt đầu mười bốn tuần huấn luyện sẽ biến tôi từ một công dân bình thường thành một đặc vụ của FBI. Trước sự kiện này, tôi về nhà ở Long Island, bố tôi tự hào đến mức treo một lá quốc kỳ trước nhà. Với những hoạt động của tôi mấy năm qua, tôi không có bộ quần áo thường dân nào ra hồn nên bố đã mua cho tôi ba bộ vest tối màu gồm màu xanh, đen và nâu, mấy cái áo sơ mi trắng và hai đôi giày da, một đôi màu đen, một đôi màu nâu. Rồi bố chở tôi xuống Washington để bảo đảm tôi đến đúng giờ trong ngày đầu tiên đi làm.

Không mất nhiều thời gian để quen với những quy định và truyền thống của FBI. Đặc vụ thực hiện buổi lễ nhậm chức của chúng tôi

bảo chúng tôi lấy phù hiệu ra nhìn khi đọc lời thề với Cục. Chúng tôi đồng loạt cất lời, nhìn vào người phụ nữ đeo băng che mắt đang cầm chiếc cân công lý khi long trọng tuyên thệ sẽ hỗ trợ và bảo vệ Hiến pháp Hoa Kỳ trước mọi kẻ thù, trong và ngoài. "Nâng phù hiệu lên gần hơn! Gần hơn nữa!" Người đặc vụ ra lệnh, đến khi chúng tôi đều nhìn phù hiệu đến lé mắt.

Lớp tân binh của tôi toàn là người da trắng. Năm 1970, rất ít đặc vụ FBI là người da màu và không có phụ nữ. Tình trạng này không thực sự được cải thiện cho đến sau thời gian điều hành dài dằng dặc của Hoover, và thậm chí sau khi qua đời, ông ấy vẫn tiếp tục toát ra sức ảnh hưởng âm thầm và mạnh mẽ. Đa số mọi người đều trong độ tuổi 29-35 nên tôi là một trong những người trẻ nhất khi mới hai mươi tuổi.

Chúng tôi được tuyên truyền là phải canh chừng các điệp viên Xô Viết, họ sẽ muốn thỏa hiệp với chúng tôi và moi móc các bí mật của chúng tôi. Chúng tôi được nhắc nhở phải đặc biệt cẩn thận với phụ nữ! Công tác tẩy não này hiệu quả đến mức tôi đã từ chối cuộc hẹn với một phụ nữ vô cùng xinh đẹp, làm việc trong tòa nhà, người đã mời tôi đi ăn tối. Tôi sợ đó là một sự dàn xếp và tôi đang bị thử thách.

Học viện FBI ở căn cứ Hải quân tại Quantico, Virginia chưa được hoàn thiện và đi vào hoạt động nên chúng tôi luyện bắn súng và thể chất ở đó và học lý thuyết trong tòa nhà bưu điện cũ ở Washington.

Một trong những điều đầu tiên mà các tân binh được dạy là một nhân viên FBI chỉ bắn để giết. Tư duy nền tảng của nguyên tắc này vừa nghiêm ngặt vừa hợp lý: Nếu anh rút vũ khí ra, tức là anh đã quyết định bắn. Và nếu anh quyết định tình huống đủ nghiêm trọng để bắn, tức là anh quyết định nó đủ nghiêm trọng để lấy mạng một người. Trong tình huống nước sôi lửa bỏng đó, anh hiếm khi có cơ hội lên kế hoạch cho phát súng hay rèn luyện trí óc và ý định bắn chỉ để ngăn chặn một đối tượng hoặc khiến hắn ngã xuống là quá liều lĩnh. Anh không được liều lĩnh một cách không cần thiết vì bản thân hay một người có khả năng trở thành nạn nhân.

Chúng tôi được huấn luyện nghiêm khắc không kém về luật hình sự, phân tích dấu vân tay, tội phạm bạo lực và tội phạm kinh tế, kỹ

thuật bắt giữ người, sử dụng vũ khí, chiến đấu tay đôi và lịch sử về vai trò của Cục trong việc thi hành luật quốc gia. Nhưng một trong những bài mà tôi nhớ nhất đến tương đối sớm trong quá trình học tập. Chúng tôi đều gọi bài đó là “luyện nói bậy”.

“Đóng cửa chưa?” Giáo viên hướng dẫn hỏi. Sau đó ông ấy phát cho chúng tôi một danh sách. “Tôi muốn các anh học những từ này.” Theo tôi nhớ thì danh sách đó gồm toàn tinh hoa trong ngôn ngữ Anglo-Saxon như *cút, quan hệ, khẩu giao cho nữ, khẩu giao cho nam, âm đạo và dương vật*. Việc chúng tôi phải làm là ghi nhớ những từ này để nếu chúng được nói ra ở thực địa - chẳng hạn như trong lúc thẩm vấn một nghi phạm - chúng tôi sẽ biết phải làm gì. Và chúng tôi phải bảo đảm bất cứ báo cáo nào có chứa bất kỳ từ nào trong số này được nộp cho “chuyên viên xử lý các trường hợp khiêu dâm” - tôi không đùa đâu - thay vì thư ký bình thường. Chuyên viên này theo truyền thống là một phụ nữ lớn tuổi, trưởng thành và dày dặn hơn, có thể chịu được cú sốc khi thấy những từ và cụm từ này. Phải nhớ rằng, trong khoảng thời gian này, nơi đây toàn là đàn ông, và trong năm 1970, tính miễn cảm của quốc gia hơi khác so với ngày nay, ít nhất là trong Cục Điều tra Liên bang của Hoover. Chúng tôi thật sự phải làm bài kiểm tra chính tả về những từ này, sau đó bài làm được thu lại và - tôi đoán - chấm điểm trước khi bị đốt hết trong thùng rác bằng kim loại.

Bất chấp sự ngớ ngẩn này, tất cả chúng tôi đều tin tưởng tuyệt đối vào việc đấu tranh với tội phạm, và đều nghĩ mình có thể tạo ra khác biệt. Sau khoảng phân nửa thời gian huấn luyện tân binh, tôi được gọi vào văn phòng của Phó Giám đốc huấn luyện, Joe Casper, một trong những trung úy đáng tin cậy của Hoover. Mọi người trong Cục gọi ông là Con ma thân thiện, nhưng biệt danh này rõ ràng được dùng theo kiểu mỉa mai hơn là yêu mến. Casper bảo rằng tôi làm rất tốt trong hầu hết các lĩnh vực, nhưng lại dưới mức trung bình trong lĩnh vực “truyền tin”, phương pháp và thuật ngữ mà qua đó các bộ phận khác nhau của tổ chức truyền tin cho nhau.

“Thưa ngài, tôi muốn là người giỏi nhất”, tôi đáp. Những anh chàng háo thắng như tôi lúc này được mô tả là có ngọn lửa xanh tỏa ra từ dưới móng. Điều này có thể giúp bạn thắng tiến nhưng cũng

có thể biến bạn thành đối tượng bị để ý. Nếu một người tóa lửa xanh thành công, anh ta sẽ vươn lên đỉnh thế giới. Nhưng nếu không thì thất bại đó sẽ kéo dài và rất nhiều người biết đến.

Có thể Casper nghiêm khắc nhưng ông ta không ngốc và đã thấy rất nhiều kẻ háo thắng trong sự nghiệp của mình. "Anh muốn làm người giỏi nhất à? Đây!" Nói rồi ông ta ném cho tôi toàn bộ tập sách về những thuật ngữ và bảo tôi phải thuộc hết khi trở lại Cục sau kỳ nghỉ Giáng sinh.

Chuck Lundsford, một trong hai cố vấn của Học viện ở lớp chúng tôi, biết chuyện và tìm gặp tôi. "Anh đã nói gì khi vào đó?" Anh ta hỏi. Tôi kể cho anh ta nghe. Chuck chỉ đảo mắt. Cả hai chúng tôi đều biết tôi đang gặp khó khăn.

Tôi về nhà bố mẹ trong các kỳ nghỉ. Khi cả nhà đang vui vẻ, tôi phải vùi đầu vào tập sách hướng dẫn các phương pháp truyền tin. Giáng sinh năm đó không giống một kỳ nghỉ chút nào.

Khi tôi trở lại Washington vào đầu tháng Một, vẫn lo lắng về hậu quả của sự háo thắng, tôi phải làm bài kiểm tra viết về những gì tôi đã học. Tôi không thể diễn tả được sự nhẹ nhõm khi cố vấn khác của chúng tôi, Charlie Price, nói rằng tôi đạt 99%. "Thật ra anh đạt 100%", Charlie nói riêng với tôi, "nhưng ngài Hoover nói không có ai hoàn hảo."

Sau khoảng phân nửa thời gian trong chương trình mười bốn tuần, mỗi người chúng tôi được hỏi về nơi mình ưa thích cho nhiệm vụ văn phòng thực địa đầu tiên. Đa số các đặc vụ FBI được phân bổ vào 59 văn phòng thực địa trên khắp cả nước. Tôi cảm thấy có mùi thử thách trong việc lựa chọn này - một trận cờ lớn giữa những tân binh và bộ chỉ huy - và như mọi lần, tôi cố gắng suy nghĩ giống đối phương. Tôi đến từ New York và không mong muốn trở lại đó. Tôi đoán L.A., San Francisco, Miami, có thể là Seattle và San Diego, sẽ là những nơi được chọn nhiều nhất. Vì thế, nếu tôi chọn một thành phố không thuộc hàng đầu, nhiều khả năng tôi sẽ được đưa đến nơi tôi chọn đầu tiên.

Tôi chọn Atlanta. Tôi được phân đi Detroit.

Khi tốt nghiệp, chúng tôi được phát giấy chứng nhận vĩnh viễn, một cây súng lục ổ xoay 38 ly Smith & Wesson Model 10, sáu viên đạn và lời hướng dẫn ra khỏi thành phố càng nhanh càng tốt. Tổng bộ rất sợ những đặc vụ non nớt sẽ gặp rắc rối ở Washington, ngay dưới mũi ngài Hoover, điều đó sẽ ảnh hưởng xấu đến mọi người.

Tôi nhận được một món đồ khác là cuốn sách nhỏ có tên *Hướng dẫn sinh tồn ở Detroit*. Đây là một trong những thành phố có sự phân cực chủng tộc cao nhất cả nước, vẫn hỗn loạn do hậu quả của những cuộc bạo động năm 1967 và có thể giành danh hiệu thủ đô tội phạm của cả nước với hơn 800 vụ giết người mỗi năm. Thực tế, trong văn phòng, chúng tôi đã có một trò chơi tàn nhẫn, cá cược xem đến cuối năm có chính xác bao nhiêu vụ giết người. Như hầu hết các đặc vụ mới khác, tôi bắt đầu công việc đầy phấn khởi và lòng tin nhưng nhanh chóng nhận ra mình phải đối mặt với cái gì. Tôi đã có bốn năm ở Không quân, nhưng vụ việc có thể coi là ẩu đả chỉ là tôi nằm trên giường trong bệnh viện ở căn cứ kế bên những cựu binh chiến tranh Việt Nam khi phẫu thuật mũi vì bị thương do chơi bóng bầu dục và quyền anh. Vì vậy, trước khi đến Detroit, tôi chưa từng ở vị trí bị xem là kẻ thù. FBI bị ghét ở rất nhiều nơi; họ thâm nhập vào khuôn viên các trường đại học và thành lập nhiều mạng lưới mật thám ở các đô thị. Với những chiếc xe hơi màu đen, chúng tôi là những người bị đánh dấu. Ở nhiều khu vực, người ta ném đá chúng tôi. Mấy con chó chăn cừu Đức và Doberman cũng không ưa gì chúng tôi. Chúng tôi được báo không nên đến một số khu vực trong thành phố mà không có viện trợ và vũ khí đầy đủ.

Cảnh sát địa phương cũng cảm tức chúng tôi. Họ cáo buộc Cục đã hót tay trên họ các vụ án, đưa ra các thông cáo báo chí khi một vụ án chưa hoàn tất, rồi thêm các vụ án do cảnh sát phát vào con số thống kê tỷ lệ phá án riêng của FBI. Éo le thay, trong năm đầu làm tân binh của tôi, năm 1971, khoảng 1000 đặc vụ mới được tuyển mộ, và phần lớn sự huấn luyện thực tế của chúng tôi không phải do Cục mà là nhờ các cảnh sát địa phương, họ đã che chở cho chúng tôi. Phần lớn thành công của các đặc vụ thuộc thế hệ của tôi chắc chắn là nhờ sự chuyên nghiệp và rộng lượng của các nhân viên cảnh sát trên khắp nước Mỹ.

Các vụ cướp ngân hàng đặc biệt phổ biến. Vào các ngày thứ Sáu, khi ngân hàng dự trữ tiền mặt để dành cho các ngày thanh toán, theo tính toán của chúng tôi, trung bình có từ hai đến ba vụ cướp có vũ khí, đôi khi lên đến năm vụ. Trước khi kính chống đạn được sử dụng rộng rãi trong các ngân hàng ở Detroit, tình trạng giao dịch viên bị giết và bị thương rất tồi tệ. Chúng tôi có một vụ án được ghi hình trên camera giám sát của ngân hàng, một người quản lý bị bắn và giết chết tại bàn làm việc, theo kiểu hành quyết, trong khi một cặp đôi ngồi đối diện người này, đang nộp đơn vay tiền, thì trông hoàn toàn vô vọng. Tên cướp không hài lòng khi người quản lý không thể mở két sắt hẹn giờ. Và nạn nhân không chỉ có các viên chức ngân hàng có thể tiếp cận số tiền hàng chục ngàn đô la. Ở một số khu vực nhất định, nhân viên ở những nơi như cửa hàng McDonald cũng gặp rủi ro tương tự.

Tôi được điều về Đơn vị Phản ứng Điều tra tội phạm, nghĩa là trên thực tế, phản ứng với những tội ác đã xảy ra, chẳng hạn như cướp ngân hàng hay tổng tiền. Trong đơn vị đó, tôi làm việc với Đội UFAP - Đội Ngăn chặn hành vi đi lại bất hợp pháp để tránh bị khởi tố. Công việc này hóa ra lại là trải nghiệm tuyệt vời vì đội này hành động rất nhiều. Ngoài chuyện cá cược số vụ giết người hằng năm trong văn phòng, chúng tôi còn có cuộc thi trong đơn vị xem ai có thể bắt nhiều tội phạm nhất trong một ngày. Tương tự cuộc thi mà những nhân viên bán xe hơi bày ra xem ai bán được nhiều nhất trong một khoảng thời gian quy định.

Một trong những công việc bận rộn nhất của chúng tôi vào giai đoạn đó được gọi là Phân loại 42: lính đào ngũ. Việt Nam chia thành hai miền và sau khi đa số binh lính đào ngũ vắng mặt, họ không muốn trở về theo cách tệ hại nhất. Chúng tôi có nhiều vụ tấn công nhân viên thi hành công vụ được đưa vào Phân loại 42 hơn bất kỳ loại hình tội phạm bỏ trốn nào.

Cuộc chạm trán đầu tiên với một UFAP diễn ra khi tôi truy tìm một lính bộ binh đào ngũ đến ga-ra sửa xe mà anh ta làm việc. Tôi báo danh tính và nghĩ rằng anh ta sẽ lạng lẽ bám theo tôi. Rồi đột nhiên, anh ta rút con dao tự chế với cán quắn bằng keo đen để tấn công tôi. Tôi lùi lại, tránh được cú đâm. Tôi nhào về phía anh ta,

ném anh ta vào cửa ga-ra bằng kính, đè anh ta xuống đất, đầu gối tì lên lưng và chĩa súng vào đầu anh ta. Trong khi đó, quản lý ga-ra la ó tôi vì đã bắt mất một người thợ giỏi. *Mình đang dẫn thân vào chuyện gì thế này?* Đây có đúng là sự nghiệp mà mình đã hình dung? Có đáng liều mạng để kiếm tiền theo kiểu hạ lưu này? Ngành tâm lý học công nghiệp bỗng nhiên tốt đến lạ.

Việc truy lùng lính đào ngũ thường mang đến cảm xúc ngổn ngang và gây oán giận giữa quân đội và FBI. Đôi khi chúng tôi thực hiện một lệnh bắt, xác định vị trí đối tượng và bắt anh ta ngay trên đường. Giận điên người, anh ta ngăn chúng tôi lại, dùng khớp ngón tay gõ lên cái chân giả của mình và bảo chúng tôi rằng anh ta được trao huân chương Trái tim tím và Sao bạc vì cái chân giả đó ở miền nam Việt Nam. Có một điều cứ tái diễn là những người lính đào ngũ tự nguyện quay lại hoặc do Lục quân chọn thưởng xuyên được đưa sang Việt Nam như một hình phạt. Sau đó, nhiều người trong số họ tạo dựng được danh tiếng trong chiến đấu nhưng quân đội không hề nói cho chúng tôi biết. Vì vậy, chúng tôi chỉ biết họ vẫn là lính đào ngũ. Điều này khiến chúng tôi vô cùng phẫn nộ.

Tệ hơn nữa là khi chúng tôi đến địa chỉ cư trú đã đăng ký và được vợ hoặc cha mẹ, những người mắt nhắm lệ và hoàn toàn có quyền tức giận, cho biết đối tượng đã hy sinh anh dũng. Chúng tôi đang truy lùng những người đã chết, bị giết trong quá trình chiến đấu, và quân đội chưa bao giờ thêm cho chúng tôi hay.

Dù bạn theo nghề gì thì khi đối mặt với thực tế, bạn bắt đầu nhận ra mọi chuyện lớn nhỏ mà người ta chưa từng dạy bạn trong trường hay lớp huấn luyện. Ví dụ như bạn làm gì với cây súng của mình trong nhiều trường hợp, chẳng hạn như khi sử dụng toa lét công cộng? Bạn vẫn giắt súng trên thắt lưng và để xuống sàn? Bạn cố gắng treo nó lên cửa buồng vệ sinh? Có một khoảng thời gian, tôi cố gắng để súng trên đùi, nhưng cách đó làm tôi vô cùng hồi hộp. Đó là điều mà mỗi chúng ta phải đối mặt nhưng lại không thể thoải mái thảo luận với những đồng nghiệp giàu kinh nghiệm hơn. Khi tôi đi làm được một tháng, việc này trở nên khó khăn.

Khi chuyển đến Detroit, tôi mua một chiếc Volkswagen Beetle khác, éo le thay kiểu xe đó lại trở thành phương tiện được những kẻ

giết người hàng loạt lựa chọn. Ted Bundy có một chiếc và đó là một trong những thứ khiến hắn cuối cùng bị bại lộ thân phận. Dù sao đi nữa, tôi đã dừng xe ở một trung tâm mua sắm địa phương để vào cửa hàng trang phục nam mua một bộ vest. Biết mình sẽ mặc thử quần áo nên tôi cho rằng tốt nhất là để súng ở nơi nào đó an toàn. Tôi nhét nó vào ngăn đựng găng tay, rồi vào cửa hàng.

Thế này nhé, chiếc Volkswagen Beetle có một số đặc điểm thú vị. Vì nó là loại xe có động cơ nằm phía sau nên bánh xe sơ cua được cất trong cốp trước. Vì bấy giờ, đâu đâu cũng có kiểu xe này - chưa kể nó rất dễ đột nhập nữa - nên bánh xe sơ cua rất hay bị trộm. Nói cho cùng, ai cũng cần một cái bánh xe sơ cua. Nhưng không kém phần quan trọng, cốp trước được mở bằng một công tắc nằm trong ngăn đựng găng tay.

Tôi chắc chắn quý vị có thể đoán được đoạn cuối câu chuyện. Tôi trở ra xe và thấy cửa sổ bị vỡ. Khi tôi dựng lại vụ phạm tội cực kỳ tinh vi này, kẻ trộm bánh xe đột nhập, thò tay vào ngăn đựng găng tay để mở cốp trước lấy bánh xe, nhưng đã thấy một phần thưởng còn lớn hơn nhiều. Tôi suy luận theo hướng này vì súng của tôi đã mất nhưng bánh xe còn nguyên.

“Chết tiệt!” Tôi tự nhủ. “Mình mới đi làm chưa tới ba mươi ngày mà chưa gì đã cung cấp vũ khí cho kẻ thù rồi!” Và tôi biết làm mất súng hoặc giấy chứng nhận đồng nghĩa với việc bị khiển trách. Thế là tôi đến gặp người giám sát của mình, Bob Fitzpatrick. Fitzpatrick là một người vạm vỡ, giống như một người cha. Ông ấy ăn mặc bảnh bao và giống một huyền thoại sống trong Cục. Ông ấy biết tôi đang gặp nguy và cảm thấy khốn khổ thế nào. Vụ mất súng phải được báo cáo cho Văn phòng Giám đốc, đúng là không còn gì bằng vì đó sẽ là vết đen đầu tiên trong hồ sơ nhân viên của tôi. Ông ấy nói chúng tôi phải nghĩ ra cái gì đó thật sáng tạo, xoay quanh chuyện tôi vô cùng lo lắng về việc giữ bình yên nơi công cộng nên không muốn liều lĩnh khiến bất cứ ai trong cửa hàng cảnh giác nếu họ đột nhiên thấy một cây súng và nghĩ họ đang bị cướp. Fitzpatrick cam đoan rằng tôi không được cân nhắc đề bạt trong vài năm tới nên thư khiển trách không ảnh hưởng đến tôi miễn là từ giờ tôi không làm gì sai nữa.

Tôi cố gắng làm thế, nhưng khẩu súng đó ám ảnh tôi suốt một thời gian dài. Khẩu Smith & Wesson Model 10 mà tôi trả lại cho kho vũ khí Quantico gần hai mươi lăm năm sau khi tôi nghỉ hưu thực ra là khẩu súng thay thế cho vũ khí ban đầu của tôi. Ôn trời là khẩu súng đầu tiên chưa bao giờ xuất hiện trong một vụ án nào. Thực ra, về cơ bản là nó đã biến mất.

Tôi sống cùng hai đặc vụ khác cũng độc thân là Bob McGonigel và Jack Kunst trong một căn nhà phố có sẵn nội thất ở thành phố Taylor, bang Michigan, một vùng ngoại ô phía nam Detroit. Chúng tôi là bạn tốt của nhau, sau này Bob là phù rể trong đám cưới của tôi. Anh ấy cũng là một gã kỳ quặc. Anh ấy hay mặc vest nhung và áo sơ mi màu tím oải hương, kể cả trong những cuộc điều tra. Có vẻ như anh ấy là người duy nhất trong toàn Cục không sợ Hoover. Sau này, Bob làm công việc tay trong, khi đó cậu chàng không phải mặc vest nữa.

Anh ấy bắt đầu công việc ở Cục với vai trò thư ký, đi theo “đường trong” để trở thành một đặc vụ. Một số người giỏi nhất ở FBI bắt đầu với công việc thư ký, trong đó có một số người tôi chọn vào Đơn vị Hỗ trợ điều tra. Nhưng trong một số nhóm nhất định, những người từng làm thư ký lại bị ghét, như thể họ được đặc biệt ưu ái để trở thành đặc vụ.

Bob là người giỏi nhất về lĩnh vực cuộc gọi ghi âm mà tôi từng biết. Đây là một kỹ thuật chủ động mà chúng tôi đã phát triển để bắt tội phạm, đặc biệt hữu ích khi yếu tố bất ngờ là quan trọng nhất.

Bob là một nghệ sĩ giả giọng tài ba. Nếu nghi phạm đang ở giữa đám đông, anh ta sẽ nói giọng Ý. Đối với Đảng Báo Đen^[30], anh ấy có thể đi ngang qua như một người thường nào đó. Anh ấy cũng có phẩm chất của một người thuộc Quốc gia Hồi giáo, giọng Ireland, giọng người Do Thái di cư, một người Anglo-Saxon da trắng theo đạo Tin lành ở Grosse Pointe. Anh ấy không chỉ giả giọng cực chuẩn, mà còn thay đổi từ ngữ và cách diễn đạt để phù hợp với nhân vật. Bob làm việc này giỏi đến mức có lần anh ấy gọi cho Joe Del Campo - một đặc vụ khác mà quý vị sẽ biết đến trong chương tiếp theo - và thuyết phục Joe rằng anh ấy là một chiến sĩ da màu muốn trở thành

người đưa tin cho FBI. Thời đó, chúng tôi gặp nhiều áp lực trong việc phát triển các nguồn lực hỗ trợ trong nội thành. Bob hẹn gặp Joe, Joe nghĩ rằng anh ấy có thông tin quan trọng. Không ai đến gặp Joe và hôm sau, trong văn phòng, anh ta giận điên khi Bob chào hỏi bằng giọng giống hệt trong cuộc gọi ghi âm!

§•§

Bắt người xấu là một chuyện nhưng tôi nhanh chóng nhận ra mình có hứng thú với quá trình tư duy đằng sau tội ác. Mỗi khi bắt ai đó, tôi sẽ hỏi hẵn nhiều câu, chẳng hạn như tại sao hẵn lại chọn ngân hàng này hay điều gì khiến hẵn chọn nạn nhân này. Chúng ta đều biết bọn trộm thích trộm ngân hàng vào chiều thứ Sáu vì đó là lúc ngân hàng có nhiều tiền nhất. Nhưng ngoài lý do đó, tôi muốn biết những quyết định nào được đưa ra trong quá trình lên kế hoạch và thực hiện vụ cướp?

Nhìn tôi hẵn là không đáng sợ lắm. Cũng giống hồi còn đi học, mọi người cảm thấy thoải mái mở lòng với tôi. Càng thăm vấn những gã này, tôi càng hiểu ra các tội phạm thành công đều giỏi mô tả. Mỗi gã có một bản mô tả loại ngân hàng mà mình thích - kết quả của quá trình tư duy thấu đáo và nghiên cứu tỉ mỉ. Một số gã thích những ngân hàng nằm gần đường lớn hoặc đại lộ liên bang để dễ tẩu thoát, chúng có thể chạy xa nhiều cây số trước khi cảnh sát kịp tổ chức truy đuổi. Một số gã lại thích chi nhánh nhỏ, nằm tách biệt, chẳng hạn như những chi nhánh tạm thời trong các xe rờ-moóc. Nhiều kẻ sẽ quan sát một ngân hàng trước để nắm được bố cục, để biết có bao nhiêu người làm ở đó và có khoảng bao nhiêu khách hàng trong sảnh vào một thời điểm nhất định. Đôi khi chúng liên tục ghé thăm các chi nhánh ngân hàng cho đến khi tìm được một nơi không có nhân viên nam thì ngân hàng đó sẽ trở thành mục tiêu. Các tòa nhà không có cửa sổ nhìn ra đường là lý tưởng nhất, vì không ai bên ngoài có thể trông thấy vụ cướp đang diễn ra và nhân chứng bên trong không thể biết chiếc xe nào là phương tiện tẩu thoát. Những kẻ giỏi nhất đã rút ra kết luận rằng đưa một tờ giấy

với dòng chữ “Đây là một vụ cướp” sẽ tốt hơn so với phát thông báo rộng rãi đến nhiều người, vung vẩy một khẩu súng, và chúng luôn nhớ lấy lại tờ giấy trước khi đi nhằm thủ tiêu chứng cứ. Loại xe tốt nhất dùng để đào tẩu là xe ăn trộm và tình huống hay nhất là cho xe đậu sẵn để không bị chú ý là đã chạy đến và đậu lại ở hiện trường. Tên cướp đi bộ đến ngân hàng, sau đó lái xe rời đi khi xong việc. Một tên cướp đặc biệt thành công khi cướp một ngân hàng mà hắn có thể theo dõi trong một thời gian, và nếu các điều kiện ở đó vẫn như cũ, hắn sẽ tấn công lần nữa trong vài tháng sau.

Trong số các cơ sở vật chất công cộng, ngân hàng là địa điểm lý tưởng nhất để xử lý việc ăn cướp. Nhưng khi tiến hành điều tra sau những vụ án, tôi liên tục bị bất ngờ khi có biết bao người chảnh mắng việc gắn phim vào camera an ninh, biết bao người đã vô tình đặt chuông báo động ở chế độ yên lặng rồi quên đặt lại hoặc vô tình chạm vào chuông báo động nhiều lần đến mức cảnh sát phản ứng chậm vì đoán đó chỉ là một tai nạn khác. Việc này giống như treo một tấm bảng ghi *Hãy đến cướp của tôi đi!* trước một tên tội phạm tinh vi.

Nhưng nếu bắt đầu phân tích các vụ án - lúc đó tôi chưa đưa thuật ngữ này vào quá trình điều tra - ta có thể bắt đầu thấy các thói quen hành động lặp đi lặp lại. Khi đó, ta có thể bắt đầu áp dụng các biện pháp chủ động để bắt bọn người xấu. Ví dụ, nếu ta nhận ra một loạt vụ cướp ngân hàng đều khớp với nhau và nói chuyện với số lượng tội phạm đủ nhiều để hiểu điều gì trong mỗi vụ trộm hấp dẫn bọn chúng, ta có thể củng cố, một cách đầy đủ và rõ ràng, tất cả những ngân hàng trong tầm ngắm, trừ một nơi. Hiển nhiên nơi này sẽ được cảnh sát và/hoặc FBI giám sát liên tục, bên trong bố trí các nhóm cảnh sát mặc thường phục. Trên thực tế, ta có thể buộc tên cướp phải chọn ngân hàng mà ta đã chọn và sẵn sàng đón hắn. Khi áp dụng kiểu chiến thuật chủ động này, tỷ lệ phá các vụ cướp ngân hàng tăng lên đáng kể.

Những ngày đó, dù chúng tôi làm gì, đều là dưới sự giám sát của J. Edgar Hoover, hệt như những người tiền nhiệm của chúng tôi đã trải qua từ năm 1924. Trong thời đoạn của những lần bổ nhiệm vô nghĩa và những phiên tòa diễn ra theo ý đám đông, khó mà chuyển

tải mức độ kiểm soát và quyền lực của Hoover, không chỉ ở FBI mà còn với những lãnh đạo trong Chính phủ, giới truyền thông và công chúng. Nếu bạn muốn viết một cuốn sách hay kịch bản phim về Cục, chẳng hạn như tác phẩm bán chạy số một trong thập niên 1950, *Câu chuyện về FBI* của Don Whitehead, hay bộ phim chuyển thể nổi tiếng của James Stewart, hay sản xuất một sê-ri như *FBI* của Efrem Zimbalist Con vào thập niên 1960 thì phải được ngài Hoover đích thân chấp thuận và chúc may mắn. Tương tự, nếu bạn là một nhân viên cấp cao của Chính phủ, bạn sẽ luôn bị một nỗi sợ đeo bám rằng ngài giám đốc “biết gì đó” về bạn, đặc biệt khi ông ấy gọi tới với giọng điệu thân thiện để cho bạn biết FBI đã “phát giác” một tin đồn không hay mà ông ấy sẽ làm hết khả năng để bảo đảm nó không bị công bố rộng rãi và gây thiệt hại.

Không nơi nào mà sự thần bí của ngài Hoover mạnh mẽ hơn ở các văn phòng chi nhánh FBI và trong ban giám đốc Cục. Có một sự thật mà mọi người đều công nhận là FBI có được uy tín và sự ngưỡng mộ là nhờ ông ấy. Gần như một mình ông ấy đã xây dựng cả cơ quan này thành như hôm nay, đấu tranh không mệt mỏi để tăng ngân sách cho Cục và tiền lương cho mọi người. Ông ấy vừa được nể trọng vừa được kính sợ, và nếu bạn không nghĩ nhiều về ông ấy thì hãy giữ suy nghĩ đó cho riêng mình. Nguyên tắc rất nghiêm ngặt và các cuộc điều tra chi nhánh là trận chiến đẫm máu. Nếu những thanh tra không tìm ra đủ những điều cần cải thiện, Hoover có thể nghi ngờ họ không hoàn thành công việc, nghĩa là họ cần một số lượng thư khiển trách nhất định từ mỗi cuộc điều tra, dù tình hình bảo đảm sẽ có đủ số thư hay không. Việc này giống như chỉ tiêu phát hành vé phạt xe. Sự việc trở nên tệ hại đến mức các đặc vụ chịu trách nhiệm, gọi là SAC, sẽ tìm những kẻ thể mạng là những người không được đề bạt trong vài năm tới để thư khiển trách không ảnh hưởng đến sự nghiệp của họ.

Có một lần, trong một câu chuyện đã mất đi tính hài hước sau vụ đánh bom tòa nhà liên bang ở thành phố Oklahoma khủng khiếp năm 1995, sau một cuộc điều tra, chúng tôi nhận được một cuộc gọi về lời đe dọa đánh bom văn phòng FBI. Cuộc gọi được truy dấu đến một buồng điện thoại ngay bên ngoài tòa nhà liên bang ở Trung tâm

nơi đặt văn phòng thực địa. Các nhà chức trách từ tổng bộ đến, tháo dỡ toàn bộ buồng điện thoại và muốn so sánh vân tay trên các đồng xu trong điện thoại với vân tay của 350 người tại văn phòng. May cho tất cả chúng tôi, lý lẽ đã chiến thắng và việc kiểm tra vân tay không diễn ra. Nhưng đó là ví dụ về sự căng thẳng mà các chính sách của ngài Hoover có thể gây nên.

Mọi thứ đều có quy trình hoạt động tiêu chuẩn. Dù tôi chưa từng có cơ hội gặp riêng ngài Hoover nhưng trong văn phòng tôi đã (và vẫn đang) treo một tấm hình của ông ấy, được đích thân ông ấy ký tên. Thậm chí có cả một quy trình tiêu chuẩn để nhận một tấm hình như vậy khi làm một đặc vụ trẻ. SAC sẽ bảo bạn nhờ thư ký của ông ấy viết giùm bạn một lá thư nịnh nọt, nói rõ rằng bạn tự hào thế nào khi được làm một đặc vụ FBI và ngưỡng mộ ngài Hoover ra sao. Nếu bức thư viết đúng chuẩn, bạn sẽ nhận được một tấm hình với lời chúc tốt đẹp để cho tất cả mọi người thấy được mối liên kết cá nhân của bạn với vị lãnh đạo.

Có những quy trình khác mà chúng tôi không bao giờ biết chắc chúng từ đâu ra, liệu chúng là chỉ thị trực tiếp của ngài Hoover hay chỉ là sự diễn giải thái quá những mong muốn của ngài giám đốc. Người ta kỳ vọng các đặc vụ làm thêm giờ và mọi người phải làm hơn mức trung bình của văn phòng. Chắc quý vị đã thấy tình trạng tiến thoái lưỡng nan ở đây. Tháng này qua tháng khác, như một sơ đồ hình kim tự tháp điên rồ, số giờ làm việc cứ tăng lên. Những đặc vụ gia nhập Cục với phẩm hạnh và nghị lực cao nhất sẽ buộc phải học cách phóng đại phiếu chấm công của mình. Không được hút thuốc hay uống cà phê trong văn phòng. Và như sức mạnh của một người tiếp thị tận cửa, người ta không khuyến khích các đặc vụ quanh quẩn ở văn phòng, thậm chí là để gọi điện thoại. Vì vậy, mỗi người tự tạo thói quen làm việc riêng xoay quanh quy định này. Tôi dành nhiều thời gian xem xét các vụ án ở bàn làm việc cá nhân trong thư viện công cộng.

Một trong những người ủng hộ lớn nhất Kinh Phúc âm theo Thánh Edgar là SAC của chúng tôi, Neil Welch, biệt danh là Ngài Nho. Welch là một người cao lớn, khoảng 1m93, đeo kính gọng sừng. Ông nghiêm nghị và khắc kỷ, không hề ấm áp, dễ chịu chút

nào. Ông có một sự nghiệp xuất sắc trong Cục, đến các văn phòng thực địa chính ở Philadelphia và New York, và những văn phòng khác nữa. Có tin đồn rằng ông sẽ thay thế Hoover khi (hoặc tôi nên nói là nếu) ngày đó cuối cùng cũng đến. Ở New York, Welch thành lập một nhóm, là nhóm đầu tiên sử dụng hiệu quả các luật liên bang chống âm mưu RICO (Luật về các Tổ chức gian lận, lũng đoạn và hủ hóa) để chống lại tội phạm có tổ chức. Nhưng trở về Detroit, ông luôn tuân thủ luật.

Welch và Bob McGonigel sẽ đụng độ nhau, một cách tự nhiên và hiển nhiên, việc đó xảy ra vào thứ Bảy, khi chúng tôi ở nhà. Bob nhận được cuộc gọi rằng Ngài Nho muốn gặp anh ấy ngay, cùng với người giám sát nhóm chúng tôi, Bob Fitzpatrick. Thế là McGonigel vào văn phòng, Welch nói dạo gần đây có người cứ sử dụng điện thoại gọi đến New Jersey. Dùng điện thoại vào việc riêng là trái luật. Thực ra, việc anh ấy làm từ trước đến nay có thể diễn giải theo hai cách, nhưng ở FBI, cẩn thận vẫn hơn.

Welch, một người có thể rất nóng nảy, bắt đầu một cách bình thường, dùng những kỹ thuật thẩm vấn hiệu quả buộc đối tượng vào thế khó. “Được rồi, McGonigel, mấy cú điện thoại đó là thế nào hả?”

Thế là Bob bắt đầu thú nhận mọi cú điện thoại mà anh ấy có thể nghĩ đến vì sợ Welch còn nắm được thông tin gì đó nghiêm trọng hơn về mình, và có lẽ anh ấy có thể làm SAC nguôi giận bằng cách thú nhận những lỗi vặt vãnh.

Welch vươn hết chiều cao ấn tượng của mình, chồm qua bàn và chỉ tay đe dọa. “McGonigel, để tôi cho cậu biết: cậu có hai lỗi. Thứ nhất, cậu là một cựu thư ký. Tôi ghét bọn thư ký! Thứ hai, nếu tôi còn thấy cậu mặc cái áo sơ mi màu oải hương nào nữa, đặc biệt trong lúc điều tra chi nhánh, tôi sẽ đá đít cậu lên xuống đường Đông Jefferson. Và nếu tôi còn thấy cậu đến gần một cái điện thoại nào, tôi sẽ tổng cậu vào lối thang máy. Giờ thì biến khỏi văn phòng tôi ngay!”

Bob trở về nhà, hoàn toàn nản chí, tin rằng mình sẽ bị sa thải. Jack Kunst và tôi thực sự thấy tiếc cho anh ấy. Nhưng hôm sau,

Fitzpatrick nói với tôi rằng sau khi McGonigel đi, anh và Welch ngồi đó cười đến sái quai hàm.

Nhiều năm sau, khi tôi chỉ huy Đơn vị Hỗ trợ điều tra, mọi người thường hỏi tôi là - với những gì chúng tôi biết về hành vi của tội phạm và phân tích hiện trường vụ án - liệu có ai trong chúng tôi có thể thực hiện vụ sát nhân hoàn hảo không. Tôi luôn nói với họ là không, dù với những gì mình biết, hành vi của chúng ta sau vụ việc thường vẫn khiến chúng ta bại lộ. Tôi nghĩ vụ việc giữa McGonigel và Welch chứng tỏ rằng kể cả đặc vụ FBI hàng đầu cũng không miễn nhiễm với áp lực từ người thẩm vấn giỏi.

Nhân tiện, từ lúc rời khỏi văn phòng của SAC trưa thứ Bảy đó, Bob mặc những cái áo có thể nói là trắng nhất thành phố... cho đến khi Neil Welch được điều động sang Philadelphia.

Đa phần ảnh hưởng của Hoover trong việc khiến Quốc hội chấp nhận những yêu cầu cấp kinh phí của ông có liên quan đến những con số thống kê mà ông có thể trình bày. Nhưng để ngài giám đốc có thể sử dụng những con số này, mọi người ngoài đây phải làm việc hiệu quả.

Đầu năm 1972, có tin đồn Welch hứa với sếp sẽ có 150 cuộc bắt giữ tội phạm đánh bạc. Dường như đó là hạng mục cần đẩy mạnh số lượng ở thời điểm này. Thế là chúng tôi sắp đặt một kế hoạch tinh vi với các mật thám, thiết bị nghe lén và hoạch định như trong quân đội, tất cả dành cho ngày Chủ nhật diễn ra giải Super Bowl, ngày đánh bạc bất hợp pháp lớn nhất cả nước. Đội Dallas Cowboys, thua sát sao trước Baltimore Colts vào năm ngoái, sẽ đổi đầu với đội Miami Dolphins ở New Orleans.

Việc bắt các nhà cá cược là quá trình cực nhanh và chính xác vì họ sử dụng giấy cháy (cháy ngay lập tức) hoặc giấy từ khoai tây (tan trong nước). Hành động lần này hứa hẹn sẽ là một vụ hỗn loạn vì mưa suốt cả ngày.

Kế hoạch của chúng tôi đã bắt được hơn 200 kẻ đánh bạc vào chiều mưa hôm đó. Tại một thời điểm, tôi bắt một đối tượng, còng tay, ngồi sau xe, đưa hắn về kho vũ khí mà chúng tôi đang giữ tất cả những kẻ đánh bạc. Hắn là một gã có sức thu hút, thân thiện. Hắn cũng bảnh trai; nhìn giống Paul Newman. Hắn nói với tôi: "Dịp nào

đó, khi chuyện này kết thúc, chúng ta phải gặp nhau chơi một trận bóng quần”.

Hắn dễ tiếp cận nên tôi bắt đầu đặt câu hỏi, như cách tôi vẫn hỏi những tên cướp nhà băng. “Tại sao anh làm chuyện này?”

“Tôi thích”, hắn đáp. “Hôm nay anh có thể bắt hết chúng tôi, John. Việc đó không tạo ra thay đổi gì cả.”

“Nhưng với một người thông minh như anh, kiếm tiền hợp pháp không khó.”

Hắn lắc đầu, như thể tôi vẫn chưa hiểu gì. Lúc này, mưa đã nặng hạt. Hắn nhìn sang bên, hướng sự chú ý của tôi đến cửa sổ xe. “Anh thấy hai giọt mưa đó không?” Hắn chỉ. “Tôi cá với anh giọt bên trái sẽ chảy xuống đáy tấm kính trước giọt bên phải. Chúng tôi không cần giải Super Bowl. Những gì chúng tôi cần chỉ là hai giọt mưa nhỏ. Anh không thể ngăn cản chúng tôi đâu, John, dù anh có làm gì đi nữa. Đó là bản chất của chúng tôi.”

Với tôi, lần tiếp xúc ngắn ngủi này như sấm động giữa trời quang, như đột ngột được khai sáng. Khi hồi tưởng, việc đó nghe có vẻ ngờ nghệch, nhưng đột nhiên, mọi điều mà tôi vẫn hỏi, mọi nghiên cứu của tôi với những kẻ cướp nhà băng và tội phạm khác, đều trở nên rõ như ban ngày.

Đó là bản chất của chúng tôi.

Có thứ gì đó cố hữu, ăn sâu vào tâm trí và tinh thần của bọn tội phạm, thúc giục chúng làm ra nhiều việc theo cách nào đó. Sau này, khi bắt đầu nghiên cứu tâm trí và động cơ của những kẻ sát nhân hàng loạt, rồi bắt đầu phân tích các hiện trường vụ án để tìm kiếm manh mối về hành vi, tôi luôn tìm một yếu tố hoặc tập hợp các yếu tố khiến cho vụ việc và tên tội phạm trở nên nổi bật, *thể hiện bản chất của hắn*.

Cuối cùng, tôi nghĩ ra từ *đặc trưng* để mô tả yếu tố độc nhất vô nhị và ước muốn cá nhân không thể chế ngự này, vốn không hề thay đổi. Và tôi sử dụng từ này tách biệt với khái niệm cách thức hành động truyền thống, vốn dễ thay đổi và có thể thay đổi. Điều này trở thành cốt lõi trong hoạt động của chúng tôi ở Đơn vị Hỗ trợ điều tra.

Hóa ra, hàng trăm vụ bắt giữ mà chúng tôi thực hiện vào ngày Chủ nhật diễn ra giải Super Bowl đó đều bị bác bỏ theo đúng quy trình luật pháp. Trong cơn hấp tấp để kế hoạch được đưa vào hoạt động, một trợ lý của Bộ trưởng Tư pháp thay vì chính ngài Bộ trưởng Tư pháp, đã ký lệnh lục soát. Nhưng SAC Welch đã hoàn thành lời hứa và giao nộp con số của mình cho Hoover, ít nhất đủ lâu để tạo ra tác động mà họ mong muốn lên Capitol Hill^[31]. Và tôi đã nghĩ ra một điều hay ho, sẽ trở thành kim chỉ nam trong sự nghiệp làm luật của tôi, chỉ đơn giản bằng cách đặt cược vào những hạt mưa.

CHƯƠNG 4

Giữa hai thế giới

Đó là một vụ cướp hàng hóa liên quan đến một vụ trộm xe tải rượu J&B Scotch trị giá 100.000 đô la trên phạm vi liên bang. Đó là mùa xuân năm 1971, và tôi đã làm việc ở Detroit được sáu tháng. Quản đốc nhà kho đã mật báo cho chúng tôi nơi họ sẽ trao đổi tiền để lấy số rượu bị trộm.

Chúng tôi điều tra vụ này dưới dạng hoạt động liên kết giữa FBI và cảnh sát thành phố Detroit nhưng cả hai tổ chức lại họp bàn riêng. Chỉ có cấp cao nói chuyện với nhau và dù họ quyết định thế nào thì cũng không được truyền xuống cho điều tra viên ngoài phố. Vì vậy, đến lúc tiến hành bắt giữ, không ai biết chắc những người khác đang làm gì.

Đó là buổi tối, khu vực ngoại ô thành phố, bên một đường ray xe lửa. Tôi đang lái một chiếc xe của FBI, người giám sát nhóm của tôi, Bob Fitzpatrick, ngồi ghế bên cạnh. Người báo tin là người của Fitzpatrick và Bob McGonigal là đặc vụ chịu trách nhiệm vụ này.

Chỉ thị truyền qua radio, "Bắt chúng! Bắt chúng!" Tất cả chúng tôi đều dừng lại, tiếng bánh xe nghiền trên mặt đường chát chúa, bao vây khu vực này. Tôi cầm lái mở cửa, phóng vọt ra và bắt đầu chạy thực mạng. Cùng một đặc vụ trong một chiếc xe khác, tôi mở cửa xuống xe, lấy súng ra và bắt đầu đuổi theo hãn.

Trời rất tối, chúng tôi đều mặc thường phục - không vest, không cà vạt, không gì cả - và tôi sẽ không bao giờ quên đôi tròng trắng trong mắt anh ta khi tôi thấy một cảnh sát mặc cảnh phục cầm một khẩu súng ngắn nhắm thẳng vào tôi và hét lên "Dừng lại! Cảnh sát đây! Bỏ súng xuống!" Chúng tôi đứng cách nhau chưa tới ba mét và

tôi nhận ra người nằm định bắn mình. Tôi đứng im, đồng thời hiểu rằng nếu tôi cử động, tôi sẽ chỉ còn là dĩ vãng.

Tôi sắp bỏ súng xuống và giơ hai tay lên thì nghe giọng Bob Fitzpatrick cuống quýt hét "Anh ấy là FBI! Anh ấy là đặc vụ FBI!"

Viên cảnh sát hạ súng xuống, và theo bản năng, tôi lại đuổi tên lái xe, adrenaline trào dâng, cố gắng rút ngắn khoảng cách. Người đặc vụ kia và tôi đuổi kịp hắn cùng lúc. Chúng tôi vật hắn xuống đất, còng tay hắn, thô bạo hơn bình thường vì tôi quá hồi hộp. Nhưng vài giây im ắng như bị đóng băng mà tôi nghĩ mình sắp bị bắn đó là một trong những trải nghiệm kinh khủng nhất của tôi. Sau đó, có nhiều lần, khi tôi cố gắng đặt mình vào vị trí và suy nghĩ của những nạn nhân bị cưỡng hiếp và sát hại, khi tôi buộc bản thân tưởng tượng xem họ đang nghĩ gì và trải qua điều gì ở thời điểm bị tấn công, tôi hồi tưởng nỗi sợ của chính mình, và nó giúp tôi thực sự hiểu các vụ án từ góc nhìn của nạn nhân.

Trong khi nhiều người trẻ như chúng tôi tràn trề năng lượng, cố gắng thực hiện càng nhiều vụ bắt giữ càng tốt, nhiều người đã làm lâu năm, mệt mỏi với công việc, dường như cảm thấy việc gây phiền hà cho người khác là ngớ ngẩn, anh vẫn nhận ngần ấy tiền lương dù anh có xông pha một mình hay không, và điều đó chỉ dành cho nhân viên bán hàng. Vì chúng tôi được khuyến khích không nên dành phần lớn thời gian trong văn phòng, ngắm nghía các cửa hàng, ngồi trong công viên và đọc *Tạp chí Wall Street* trở thành thú tiêu khiển ưa thích của một bộ phận đặc vụ.

Là người hứng hực khí thế, tôi tự nhận trách nhiệm viết một lưu ý đề xuất nên có hệ thống khen thưởng để khuyến khích những người làm việc hiệu quả nhất. Tôi giao tờ lưu ý của mình cho ASAC (đọc là "ây-sác") - phó quản lý của chúng tôi - Tom Naly.

Tom gọi tôi vào văn phòng anh ta, đóng cửa, nhặt tờ lưu ý trên bàn lên và cười với tôi một cách tử tế. "Anh đang lo lắng chuyện gì, hử John? Anh sẽ nhận được bậc lương 11 theo Thang lương chung", anh ta nói và xé tờ lưu ý làm hai.

"Anh sẽ nhận được bậc lương 12", anh ta nói khi xé tờ lưu ý làm tư. "Anh sẽ nhận được bậc lương 13." Lại xé, và lúc này anh ta cười

phá lên. “Đừng gây thêm phiền phức, Douglas”, đó là lời khuyên cuối cùng khi anh ta thả những mẩu giấy vào thùng rác.

Mười lăm năm sau, rất lâu sau khi J. Edgar Hoover qua đời và phần nào mất đi ảnh hưởng, FBI quả thực đã áp dụng hệ thống tiền thưởng. Nhưng khi cuối cùng họ cũng thực hiện việc này, rõ ràng họ đã làm tốt mà không cần tôi giúp đỡ.

Một buổi tối tháng Năm - thực ra, tôi nhớ hôm đó là thứ Sáu sau ngày 17 tháng Năm, vì nhiều lý do mà lát nữa tôi sẽ trình bày - tôi cùng Bob McGonigal, Jack Kunst đang ở trong một quán rượu mà chúng tôi thường ghé, ở bên kia đường đối diện văn phòng, tên là Jim’s Garage. Có một ban nhạc rock-and-roll đang chơi, chúng tôi đều đã uống rất nhiều, đột nhiên có một cô gái quyến rũ đi vào cùng một người bạn gái. Cô ấy làm tôi nhớ tới Sophia Loren hồi nhỏ, mặc trang phục rất hợp một lúc bấy giờ - áo đầm xanh ngắn và bốt đế thấp, ổng kéo lên quá gối.

Tôi gọi lớn “Này, áo xanh! Qua đây đi!” Thế là, cô ấy và người bạn đi đến, làm tôi ngạc nhiên. Cô ấy tên Pam Modica, chúng tôi bắt đầu đùa giỡn và thích nhau ngay từ lần đầu gặp mặt. Hóa ra hôm đó là sinh nhật thứ hai mươi một của cô ấy, cô ấy và bạn đi ăn mừng quyền được uống rượu. Có vẻ cô ấy thích khiếu hài hước của tôi. Sau này, tôi biết được ấn tượng đầu tiên của cô ấy về tôi là điển trai nhưng hơi giống một sách với mái tóc ngắn theo quy định của Chính phủ. Chúng tôi rời khỏi quán Jim và bắt đầu đi hết quán này đến quán khác để uống.

Mấy tuần tiếp theo, chúng tôi bắt đầu biết nhiều hơn về nhau. Cô ấy sống ở Detroit và từng học ở Trung học Pershing, một ngôi trường toàn người da màu, trường cũ của vận động viên bóng rổ vĩ đại Elvin Hayes. Khi tôi gặp cô ấy, cô ấy đang học Đại học Đông Michigan ở Ypsilanti.

Tình cảm của chúng tôi tiến triển khá nhanh, tuy nó khiến Pam gặp nhiều chuyện không hay. Đó là năm 1971, Chiến tranh Việt Nam vẫn đang diễn ra, và sự thiếu tin tưởng vào FBI tràn ngập các trường đại học. Nhiều bạn bè của cô ấy không muốn dính líu đến chúng tôi, họ tin rằng tôi là một mật thám, đang báo cáo hoạt động của họ cho một nhà chức trách cấp cao nào đó. Cái quan điểm rằng

bọn nhóc này đủ quan trọng để chúng tôi phải do thám thật là buồn cười, ngoại trừ việc FBI khi đó đang làm loại chuyện này thật.

Tôi nhớ mình từng cùng Pam vào học một lớp về xã hội học. Tôi ngồi ở cuối phòng, lắng nghe lời của giảng viên, một phó giáo sư trẻ, tân tiến; rất ngẫu, rất "chịu chơi". Nhưng tôi cứ nhìn vị phó giáo sư và cô ta nhìn đi đâu rồi cũng quay lại nhìn tôi, rõ ràng cô ta lấy làm phiền vì sự hiện diện của tôi. Bất cứ ai đến từ FBI đều là kẻ thù, dù anh ta có là bạn trai của một trong các sinh viên của cô ta. Nhìn lại sự việc đó, tôi nhận ra đôi khi mình có thể tạo ấn tượng khó chịu đến thế nào dù chỉ là chính mình, tôi và cả đơn vị của tôi tận dụng điều này làm lợi thế. Trong một vụ giết người dã man ở Alaska, đồng nghiệp của tôi Jud Ray, một người da màu, khiến cho một bị cáo, một kẻ phân biệt chủng tộc, tức sôi máu ở bậc nhân chứng bằng cách ngồi cạnh và tỏ ra thân thiện với bạn gái của gã.

Trong những năm đầu Pam học Đại học Đông Michigan, có một kẻ sát nhân hàng loạt đang hoành hành, tuy lúc đó chúng tôi chưa dùng thuật ngữ này. Hắn gây án lần đầu vào tháng Bảy năm 1967, khi một phụ nữ trẻ tên Mary Fleszar biến mất khỏi trường. Một tháng sau, người ta tìm thấy xác của cô ấy, đã phân hủy. Cô ấy bị đâm chết, bàn tay bàn chân đều bị chặt. Một năm sau, xác của Joan Schell, một sinh viên tại Đại học Michigan ở thành phố Ann Arbor gần đó, được phát hiện. Cô ấy bị cưỡng hiếp và bị đâm gần năm mươi nhát. Rồi một thi thể khác được tìm thấy ở Ypsilanti.

"Các vụ giết người ở Michigan" tăng lên và nữ giới ở cả hai trường này đều sống trong lo sợ. Mỗi cái xác được tìm ra đều có bằng chứng cho thấy sự bạo hành khủng khiếp. Đến lúc một sinh viên của Đại học Michigan tên John Norman Collins bị bắt vào năm 1969 - gần như tình cờ bị chú mình, hạ sĩ quan thuộc Sở Cảnh sát bang, David Leik, phát hiện - thì sáu nữ sinh và một bé gái mười ba tuổi đã chết thảm.

Collins bị buộc tội và phạt tù chung thân khoảng ba tháng trước khi tôi gia nhập Cục. Nhưng tôi thường thắc mắc nếu lúc đó Cục biết những gì ngày nay chúng tôi biết, nếu có thể bắt tên quái vật đó trước khi hắn gây ra quá nhiều bất hạnh. Kể cả sau khi bị bắt, thì bóng ma của hắn vẫn tiếp tục ám ảnh hai ngôi trường, giống như

cách Ted Bundy ám ảnh những trường đại học khác chỉ một năm sau đó. Ký ức về những vụ án kinh tởm đã trở thành một phần trong cuộc sống gần đây của Pam và cả tôi. Tôi nghĩ rất có thể, ít nhất là ở cấp độ tiềm thức, rằng khi tôi bắt đầu nghiên cứu, rồi truy lùng những tên sát nhân hàng loạt thì John Norman Collins và những nạn nhân xinh đẹp, vô tội của hắn cũng trở thành một phần trong cuộc sống của tôi.

Tôi lớn hơn Pam năm tuổi, nhưng vì cô ấy đang đi học còn tôi đang làm việc trong ngành thực thi pháp luật, con số ấy gần như là một khoảng cách về thế hệ. Ở nơi đông người, cô ấy thường yên lặng và có vẻ thụ động khi ở cùng tôi và bạn bè tôi, tôi e là đôi khi chúng tôi lợi dụng điểm này của cô ấy.

Có một lần, Bob McGonigel và tôi gặp Pam để cùng ăn trưa ở nhà hàng của một khách sạn nhìn xuống khu vực trung tâm. Chúng tôi đều mặc vest đen và mang giày tây, Pam mặc trang phục nữ sinh tươi tắn. Ăn xong, chúng tôi đi thang máy xuống sảnh và có vẻ như tầng nào thang cũng dừng lại. Mỗi lần như vậy, trong thang lại thêm vài người.

Đi được nửa đường, Bob xoay sang nói với Pam "Hôm nay bọn anh rất vui. Lần tới đến đây, bọn anh nhất định gọi em."

Pam đang nhìn xuống sàn, cố gắng không phản ứng khi tôi xen vào "Và lần tới, *tôi* sẽ mang theo kem còn *em* mang theo anh đào nhé." Những người khác nhìn nhau, ngọ nguậy ra vẻ không thoải mái, đến khi Pam phá ra cười. Rồi họ nhìn ba chúng tôi như những kẻ biến thái.

Pam được ghi danh làm sinh viên trao đổi ở Coventry, Anh, cho học kỳ mùa thu. Đến cuối tháng Tám, khi Pam bay sang bên ấy thì tôi đã chắc chắn cô ấy là người mà tôi muốn cưới. Lúc đó tôi chưa từng nghĩ đến việc hỏi xem cảm xúc của cô ấy dành cho tôi có giống tôi dành cho cô ấy không. Tôi cứ cho rằng cô ấy nhất định cũng như mình.

Khi cô ấy đi, chúng tôi thường xuyên viết thư cho nhau. Tôi nhiều lần đến nhà cô ấy ở số 622 đường Alameda, gần Khu vực hội chợ bang Michigan. Bố Pam mất khi cô ấy còn nhỏ, nhưng tôi tận dụng lòng mến khách của mẹ cô ấy, Rosalie, để ăn tối ở đây vài bữa

một tuần và nghiên cứu về bà ấy, cũng như các anh chị em của Pam, cố gắng đoán xem trước đây Pam là người như thế nào.

Trong khoảng thời gian này, tôi có gặp một cô gái khác, sau này Pam gọi cô này (tuy chưa từng gặp mặt) là “em gái đánh gôn”. Như với Pam, chúng tôi gặp nhau ở một quán rượu và khi nhớ lại sự việc đó, hẳn là tôi đã dành quá nhiều thời gian lê la ở các quán rượu. Cô ta mới đầu hai mươi, khá quyến rũ và vừa tốt nghiệp đại học. Chúng tôi vừa gặp nhau thì cô ta đã khẳng khái mời tôi đến nhà ăn tối.

Hóa ra cô nàng sống ở thành phố Dearborn, nơi đặt trụ sở chính của công ty Ford, và bố cô nàng là một giám đốc điều hành chính của mảng xe hơi. Họ sống trong một ngôi nhà to, bằng đá, có hồ bơi, các tác phẩm nghệ thuật gốc và đồ nội thất sang trọng. Bố nàng gần năm mươi, điển hình doanh nhân thành đạt. Mẹ nàng lịch thiệp và duyên dáng. Chúng tôi ngồi quanh bàn ăn tối, hai bên là em trai và em gái nàng. Tôi đang quan sát gia đình này, cố gắng ước đoán khối tài sản của họ. Đồng thời, họ cũng đang đánh giá tôi.

Mọi thứ diễn ra quá tốt đẹp. Có vẻ họ bị ấn tượng với việc tôi là một đặc vụ FBI, một sự khác biệt dễ chịu so với những gì tôi đã quen nhận được từ bạn bè Pam. Nhưng dĩ nhiên, những người này rất có tiếng tăm. Tôi cảm thấy hồi hộp, và tôi nhận ra lý do là vì họ đang muốn gả con gái cho tôi.

Bố cô nàng hỏi tôi về gia đình, học vấn, quá trình phục vụ trong quân ngũ. Tôi kể với ông ấy việc tôi quản lý các cơ sở thể thao ở căn cứ Không quân. Rồi ông ấy nói mình và một người quen có một sân gôn gần Detroit. Ông ấy huyền thuyên về sân bóng này, khúc ngoặt nọ, còn tôi thì lập tức cộng thêm các con số vào khối tài sản ước lượng của ông ấy.

“John, con có chơi gôn không?” Ông ấy hỏi.

“Không thưa bố”, tôi đáp, mặt không đổi sắc, “nhưng chắc chắn con rất muốn học cách chơi.”

Câu chuyện chỉ có thế. Chúng tôi chia tay. Tôi ngủ lại đó, trên ghế bành trong phòng khách. Nửa đêm, cô nàng tìm tôi, nàng đã làm cách nào đó mà “mộng du” đến gặp tôi. Có thể là ý nghĩ ở trong ngôi nhà sang trọng này, có thể là nỗi sợ bản năng rằng mình đang

bị gài bẫy kể từ lúc gia nhập Cục, tôi bị sự bạo dạn của cô nàng, và cả nhà nàng, làm cho sợ. Tôi rời khỏi đó vào sáng hôm sau, sau khi tận hưởng lòng mến khách của họ và một bữa tối ngon miệng. Nhưng tôi biết mình đã mất cơ hội có cuộc sống tốt.

Pam từ Anh trở về vài ngày trước Giáng sinh, năm 1971. Tôi quyết định sẽ cầu hôn và đã mua một chiếc nhẫn đính hôn kim cương. Thời đó, Cục có nhiều chỗ quen bán hầu như bất kỳ thứ gì mà nhân viên muốn mua. Công ty mà tôi mua chiếc nhẫn rất biết ơn vì chúng tôi đã giải quyết một vụ trộm trang sức nên bán hàng cho các đặc vụ với giá cực tốt.

Với giá ưu đãi, chiếc nhẫn kim cương lớn nhất tôi có thể mua nặng 1,25 carat. Nhưng tôi quyết định nếu lần đầu cô ấy nhìn thấy nó là ở đáy một ly rượu sâm banh thì cô ấy không những cho rằng tôi thật thông minh, mà vị trí đó còn khiến viên kim cương trông to như 3 carat. Tôi đưa cô ấy đến một nhà hàng Ý ở đường Eight Mile gần nhà cô ấy. Tôi dự định khi nào cô ấy vào nhà vệ sinh, tôi sẽ thả chiếc nhẫn vào ly của cô ấy.

Nhưng cô ấy không đi lần nào. Tối hôm sau, tôi lại đưa cô ấy đến nhà hàng đó nhưng kết quả vẫn vậy. Nhiều lần theo dõi các đối tượng, ngồi trong xe hàng giờ liền và phải nhịn tiểu là một hạn chế thực sự trong nghề này nên tôi thực lòng ngưỡng mộ cô ấy. Nhưng đây có lẽ là một thông điệp tử ơn trên cho biết tôi chưa sẵn sàng để kết hôn.

Đêm hôm sau là đêm trước Giáng sinh, chúng tôi đang ở nhà mẹ cô ấy, cả gia đình quây quần. Đây là thời khắc được ăn cả ngã về không. Chúng tôi đang uống Asti Spumante, loại rượu mà cô ấy thích. Cuối cùng, cô ấy rời phòng để vào bếp. Khi trở lại, cô ấy ngồi vào lòng tôi, chúng tôi cụng ly và nếu tôi không ngăn lại thì cô ấy đã nuốt luôn chiếc nhẫn. To như viên kim cương 3 carat ấy à, cô ấy không hề nhìn thấy, cho đến khi tôi chỉ cho cô ấy. Tôi tự hỏi đây có phải một thông điệp nào không.

Nhưng vấn đề là tôi đã sắp đặt "tình huống thăm vấn" để đạt được kết quả như mong muốn. Khi để mẹ và các em của cô ấy, những người rất yêu quý tôi, vây quanh chúng tôi, tôi không cho

Pam nhiều lựa chọn. Cô ấy đã đồng ý. Chúng tôi sẽ kết hôn vào tháng Sáu năm sau.

§•§

Với phân công công việc năm thứ hai, đa số các đặc vụ còn độc thân được điều đến New York hoặc Chicago, theo logic rằng họ sẽ đỡ vất vả hơn những người đã kết hôn. Tôi không có nơi nào đặc biệt yêu thích, cuối cùng được điều đến Milwaukee, nghe thì có vẻ là một thành phố khá ổn dù tôi chưa từng đến đó và không biết chắc nó nằm ở đâu. Tôi sẽ chuyển đến đó vào tháng Một và ổn định chỗ ở, sau đó Pam sẽ dọn đến ở với tôi sau đám cưới.

Tôi tìm được một căn hộ ở chung cư Juneau Village, trên đường Juneau, không xa văn phòng thực địa tại Milwaukee trong tòa nhà liên bang trên đường Bắc Jackson. Đây hóa ra lại là một sai lầm mang tính chiến lược vì khi có bất cứ chuyện gì xảy ra, câu trả lời luôn là "Tìm Douglas đi. Anh ta chỉ ở cách đây ba khối nhà."

Kể cả trước khi tôi đến Milwaukee thì đám phụ nữ trong văn phòng đã biết tôi là ai: đặc biệt họ biết tôi là một trong hai đặc vụ còn độc thân. Những tuần đầu tiên tôi đến, họ tranh nhau ghi lại những lời tôi dặn dò, dù tôi chẳng có gì nhiều để làm. Ai cũng muốn vây quanh tôi. Nhưng sau vài tuần, khi tin tức tôi đã đính hôn bay xa, tôi nhanh chóng bị cho ra rìa.

Không khí trong văn phòng ở Milwaukee hóa ra cũng không khác gì ở Detroit, chỉ có tệ hơn. SAC đầu tiên của tôi ở đó là một người tên Ed Hays, được mọi người gọi là Eddie Nhanh Nhẩu. Người ông luôn đỏ như Mặt trời (và ông mất vì cao huyết áp chỉ sau khi nghỉ hưu không lâu), luôn đi loanh quanh búng tay tanh tách và la hét "Biến khỏi văn phòng! Biến đi!"

Tôi nói: "Tôi phải đi đâu? Tôi mới dọn tới đây thôi. Tôi không có xe. Không có vụ án nào hết."

Ông ta nạt lại: "Tôi không quan tâm anh đi đâu. Biến khỏi văn phòng đi."

Thế là tôi biến. Những ngày đó, cũng không lạ gì khi đi vào một thư viện hoặc lang thang trên đường Wisconsin gần văn phòng và thấy vài đặc vụ đang ngắm nghía các cửa hàng vì họ chẳng có nơi nào để đi. Trong khoảng thời gian này, tôi mua chiếc xe kế tiếp, một chiếc Ford Torino từ một nhân viên bán xe quen biết với Cục.

SAC kế tiếp của chúng tôi, Herb Hoxie, được điều đến từ văn phòng Little Rock ở Arkansas. Công việc tuyển dụng luôn là vấn đề lớn với các SAC, và ngay khi Hoxie đến, ông ta ngay lập tức bị dí. Mỗi văn phòng thực địa đều có chỉ tiêu hằng tháng về tuyển dụng đặc vụ và những nhân viên không làm công việc văn phòng.

Hoxie gọi tôi vào văn phòng ông ta và bảo rằng tôi sẽ chịu trách nhiệm tuyển dụng. Công việc này thường được giao cho một người độc thân vì phải di chuyển nhiều quanh bang.

“Sao lại là tôi?” Tôi hỏi.

“Vì chúng tôi phải cho người trước anh ngưng công việc này, anh ta rất may khi không bị sa thải.” Anh ta đến các trường trung học quanh đây, phỏng vấn các nữ sinh cho vị trí thư ký. Hoover còn sống và không có đặc vụ nữ nào trong những ngày này. Anh ta hỏi họ nhiều câu, như thể lấy từ một bảng câu hỏi có sẵn. Một trong những câu đó là “Em còn zin không?” Nếu cô gái trả lời không, anh ta sẽ rủ cô đi chơi. Các vị phụ huynh bắt đầu than phiền nên SAC phải cho anh ta nghỉ.

Tôi bắt đầu tìm kiếm ứng viên khắp toàn bang. Chẳng bao lâu sau, tôi mang về số người gần gấp bốn lần so với chỉ tiêu. Tôi là nhân viên tuyển dụng thành công nhất cả nước. Vấn đề là tôi làm quá giỏi. Họ không chịu cho tôi nghỉ. Khi tôi nói với Herb tôi thực sự không muốn làm nữa, tôi không gia nhập FBI để làm nhân viên nhân sự, ông ta liền dọa sẽ cho tôi sang bộ phận nhân quyền, nghĩa là điều tra các phòng cảnh sát và sĩ quan bị tố hành hung nghi phạm và tù nhân hoặc phân biệt chủng tộc với người thuộc tộc thiểu số. Đây cũng không phải công việc được ưa thích nhất Cục. Tôi nghĩ đây là cách thật dị hợm để khen thưởng vì tôi đã làm tốt công việc.

Thế là tôi đưa ra một thỏa thuận. Tôi đồng ý, một cách cao ngạo, sẽ tiếp tục mang lại con số tuyển dụng lớn nếu Hoxie chỉ định tôi làm người thay thế chính của ông ta và cho phép tôi dùng một

chiếc xe của Cục, đồng thời được giới thiệu dùng tiền của Cơ quan chủ quản Hỗ trợ Lực lượng thi hành luật (LEAA) để học cao học. Tôi biết nếu tôi không muốn dành cả sự nghiệp ở ngoài thực địa thì tôi cần một tấm bằng thạc sĩ.

Trong văn phòng, tôi vốn đã bị hoài nghi. Bất cứ ai muốn học hành nhiều như vậy hẳn phải là kẻ theo chủ nghĩa tự do đang hừng hực khí thế. Tại Đại học Wisconsin ở Milwaukee, nơi tôi bắt đầu theo học thạc sĩ ngành Tâm lý học giáo dục vào các buổi tối và những ngày cuối tuần, mọi người xem tôi hoàn toàn ngược lại. Đa số giáo sư đều nghi ngờ khi có một nhân viên FBI trong lớp mình và tôi chưa bao giờ có đủ kiên nhẫn với chuyện đụng chạm cơ thể, vốn là một phần của môn tâm lý học ("John, tôi muốn bạn giới thiệu về mình với người ngồi bên cạnh và cho bạn ấy biết John Douglas thực sự là người như thế nào").

Có một lần lên lớp, chúng tôi ngồi thành vòng tròn. Thời đó vòng tròn nào cũng lớn. Tôi dần nhận ra không ai trò chuyện với tôi cả. Tôi cố gắng tham gia nhưng không ai lên tiếng. Cuối cùng, tôi chỉ hỏi: "Có chuyện gì ở đây vậy, mọi người?" Hóa ra chiếc lược có cán kim loại tôi để trong túi áo khoác thò ra ngoài và họ đều nghĩ đó là ăng-ten, rằng tôi đang ghi âm lớp học và chuyển thông tin về "tổng bộ". Cái kiểu hoang tưởng tự cho mình quan trọng của mấy người này chưa bao giờ làm tôi hết ngạc nhiên.

Đầu tháng Năm năm 1972, J. Edgar Hoover qua đời lặng lẽ trong giấc ngủ tại nhà riêng ở Washington. Sáng sớm, điện báo từ tổng bộ được gửi đến tất cả văn phòng thực địa. Ở Milwaukee, chúng tôi được SAC gọi đến để báo tin. Dù Hoover đã gần tám mươi và làm việc ở Cục từ ngày đầu, nhưng không ai thực sự nghĩ ông ấy sẽ mất. Vị vua nay đã băng hà, tất cả chúng tôi tự hỏi vị vua mới sẽ từ đâu đến để thay thế ông ấy. L. Patrick Gray, một thứ trưởng ủng hộ Tổng thống Nixon, được chỉ định làm quyền giám đốc. Ban đầu ông ấy được nhiều người yêu mến vì những cải cách như cuối cùng cũng tuyển dụng nữ đặc vụ. Nhưng đến khi lòng trung thành với Chính phủ của ông ta bắt đầu mâu thuẫn với các nhu cầu của Cục, ông ta dần tuột dốc.

Vài tuần sau sự ra đi của Hoover, tôi đang tuyển dụng nhân sự ở Green Bay thì nhận được cuộc gọi của Pam. Cô ấy nói mục sư muốn gặp chúng tôi vài ngày trước đám cưới. Tôi tin ông ấy muốn chuyển tôi sang đạo Công giáo và ghi điểm với ban lãnh đạo Giáo hội. Nhưng Pam là một người ngoan đạo, được dạy dỗ phải tôn trọng và nghe lời các mục sư. Và tôi biết cô ấy sẽ nhai đi nhai lại mãi nếu tôi không tự nguyện bỏ cuộc.

Chúng tôi cùng đến Nhà thờ Thánh Rita, ban đầu, chỉ có mình cô ấy vào gặp cha xứ. Việc này làm tôi nhớ đến đồn cảnh sát mà tôi vào khi còn học đại học ở Montana, khi họ tách chúng tôi ra để kiểm tra lời khai. Tôi chắc chắn họ đang lên kế hoạch chiến lược đối thoại. Khi họ gọi tôi vào, điều đầu tiên tôi nói là "Hai người có kế hoạch gì cho đứa con đạo Tin lành này đây?"

Vị cha xứ còn trẻ và thân thiện, có lẽ mới đầu ba mươi. Ông ấy hỏi tôi những câu chung chung như "Tình yêu là gì?" Tôi đang cố gắng quan sát ông, đoán xem có câu trả lời nào đúng không. Những cuộc vấn đáp này giống như kỳ thi SAT vậy, bạn không bao giờ có thể chắc chắn mình đã chuẩn bị tốt hay chưa.

Chúng tôi nói về chuyện tránh thai, nuôi dạy con, đại loại vậy. Tôi bắt đầu hỏi xem ông ấy cảm thấy thế nào khi làm một cha xứ, sống độc thân, không có gia đình riêng. Vị cha xứ có vẻ tử tế, nhưng Pam đã nói đây là một nhà thờ nghiêm khắc, truyền thống và ông ấy cảm thấy không thoải mái khi ở gần tôi, có lẽ vì tôi không phải người theo đạo Công giáo; tôi cũng không chắc về việc này. Tôi nghĩ ông ấy đang cố gắng làm cho không khí bớt căng thẳng khi hỏi "Hai con gặp nhau ở đâu?"

Mỗi khi gặp căng thẳng trong cuộc sống, tôi luôn nói đùa để giảm áp lực. Tôi nghĩ đây là cơ hội của mình và tôi không thể dừng được. Tôi nhắc ghế đến gần vị cha xứ. "Thưa Cha", tôi bắt đầu, "con biết con là một đặc vụ FBI. Con không biết Pam có nói với cha về quá khứ của cô ấy không."

Tôi vừa nói vừa lại gần, nhìn thẳng vào mắt ông ấy như cách tôi làm trong các cuộc thẩm vấn. Tôi chỉ không muốn ông ấy nhìn Pam vì tôi không biết cô ấy sẽ phản ứng thế nào. "Chúng con gặp nhau ở một nơi tên là Jim's Garage, một quán rượu thoát y. Pam là vũ công

ở đó và cô ấy rất giỏi. Điều thu hút sự chú ý của con là lúc đó cô ấy đang nhảy, trên ngực gắn hai chùm tua rua và làm chúng xoay ngược chiều nhau. Hãy tin con, đó là chuyện rất đáng xem.”

Pam chết lặng, không biết có nên nói gì hay không. Vị cha xứ thì đang chăm chú lắng nghe.

“Dù sao thì, thưa Cha, cô ấy làm cho mấy chùm tua rua xoay ngược chiều nhau ngày càng nhanh, rồi đột nhiên, một trong mấy chùm đó bay xuống phía khán giả. Mọi người đều cố bắt cho bằng được. Con nhảy lên, chụp lấy chùm tua và mang nó trả lại cho cô ấy, và hôm nay chúng con ở đây cùng nhau.”

Miệng ông ấy há thật to. Tôi đã khiến ông ấy hoàn toàn tin tưởng, rồi tôi thôi giả vờ và bắt đầu phá ra cười, giống như lúc tôi làm bài báo cáo sách hồi cấp hai. “Ý anh là chuyện này không phải sự thật?” Ông ấy hỏi. Lúc này Pam cũng đang cười. Chúng tôi lắc đầu. Tôi không biết vị cha xứ cảm thấy nhẹ nhõm hay thất vọng.

Bob McGonigel là phù rể của tôi. Buổi sáng hôm đám cưới, trời mưa, không khí ảm đạm, và tôi rất muốn tiến hành hôn lễ. Tôi bảo Bob gọi cho Pam, lúc này đang ở nhà mẹ cô ấy, và hỏi xem cô ấy có thấy hay nghe tin gì từ tôi không. Dĩ nhiên cô ấy nói không và Bob nói tối hôm trước, tôi không về nhà, anh ấy lo rằng tôi bắt đầu sợ và rút lui. Nhìn lại hôm đó, tôi không thể tin được khiếu hài hước của mình lại quá đáng như vậy, nhưng tôi hơi thất vọng vì không khiến cô ấy có phản ứng gì mạnh mẽ hơn. Sau hôm đó, cô ấy nói với tôi cô ấy bị sốc vì những thứ cần chuẩn bị và lo lắng mái tóc xoăn của cô ấy sẽ xoăn tít lên vì độ ẩm cao đến nỗi việc chú rể biến mất chỉ là một vấn đề nho nhỏ.

Khi chúng tôi đọc lời thề trong nhà thờ vào chiều hôm đó, và vị cha xứ tuyên bố chúng tôi là vợ chồng, tôi ngạc nhiên vì ông ấy đã nói vài lời tốt đẹp về mình.

“Cha gặp John Douglas lần đầu vào hôm kia, và anh ấy làm cha phải suy nghĩ rất nhiều về cảm xúc dành cho những đức tin tôn giáo của bản thân.”

Chúa biết tôi đã nói gì khiến ông ấy phải suy nghĩ nhiều nhưng đôi khi ngài hành động theo những cách rất bí ẩn. Lần thứ hai tôi kể

chuyện cái tua rua cho một vị cha xứ, người Pam mời đến để cầu nguyện cho tôi ở Seattle, tôi cũng khiến ông ấy tin chuyện đó.

Chúng tôi có chuyến trăng mật ngắn ở Poconos với bồn tắm hình trái tim, trần nhà lắp gương, mấy thứ sang trọng thường thấy rồi lái xe đến Long Island, nơi bố mẹ tôi đang tổ chức một bữa tiệc cho chúng tôi vì chỉ có vài người trong gia đình tôi có thể đến dự đám cưới.

Sau khi chúng tôi kết hôn, Pam chuyển đến Milwaukee. Cô ấy đã tốt nghiệp và trở thành giáo viên. Các giáo viên mới đều có thời gian làm trợ giảng ở những ngôi trường thiếu kỷ luật nhất trong thành phố. Có một trường cấp hai đặc biệt tệ. Giáo viên ở đó thường xuyên bị xô ngã, bị đá, và nhiều nữ giáo viên trẻ suýt bị cưỡng bức. Cuối cùng tôi cũng rời khỏi bộ phận tuyển dụng và đang hoạt động trong đơn vị phản ứng, chủ yếu xử lý các vụ cướp ngân hàng. Tuy công việc của tôi vốn nguy hiểm, nhưng tôi thấy lo lắng cho tình hình của Pam hơn. Ít nhất tôi còn có súng để tự vệ. Có một lần, bốn học sinh đẩy cô ấy vào một phòng học trống, sàm sỡ và tấn công cô ấy. Cô ấy hét lên và chạy thoát nhưng tôi thì giận điên người. Tôi muốn dẫn theo một số đặc vụ khác đến trường và dạy cho chúng một bài học.

Bạn thân của tôi khi đó là một đặc vụ tên Joe Del Campo, người cùng tôi giải quyết các vụ cướp ngân hàng. Chúng tôi thường đến tiệm bánh bagel ở đường Oakland, gần cơ sở của Đại học Wisconsin, Milwaukee. Một đôi vợ chồng tên là David và Sarah Goldberg quản lý tiệm bánh, tôi và Joe nhanh chóng kết bạn với họ. Thực ra thì họ bắt đầu xem chúng tôi như con trai họ.

Có vài buổi sáng, chúng tôi đến tiệm, mang theo súng, giúp vợ chồng Goldberg cho bánh vào lò nướng. Chúng tôi ăn sáng, rồi đi và bắt một kẻ đang trốn cảnh sát, theo dấu một số đầu mối trong những vụ án khác, rồi trở lại tiệm ăn trưa. Joe và tôi đều rèn luyện cơ thể ở Trung tâm Cộng đồng Do Thái. Đến gần Giáng sinh và lễ Hanukkah, chúng tôi mua thẻ thành viên trung tâm cho vợ chồng Goldberg. Về sau, các đặc vụ khác bắt đầu đến tiệm, mà chúng tôi gọi đơn giản là tiệm Goldberg, và chúng tôi từng tổ chức một bữa tiệc ở đó, có các SAC và ASAC tham dự.

Joe Del Campo nhanh trí, biết nhiều thứ tiếng và là một tay thiện xạ. Kỹ năng của anh ta góp phần quan trọng trong những tình huống có lẽ là kỳ lạ và khó hiểu nhất mà tôi từng tham gia.

Vào một ngày mùa đông, Joe và tôi đang ở văn phòng thẩm vấn một tội phạm chúng tôi vừa bắt sáng hôm đó thì nhận được một cuộc gọi nói rằng cảnh sát Milwaukee đang gặp một vụ bắt giữ con tin. Tối qua Joe thức cả đêm để trực nhưng chúng tôi để đối tượng thẩm vấn chờ, còn mình thì đến hiện trường.

Khi đến nơi, một ngôi nhà cổ theo phong cách Tudor, chúng tôi biết được đối tượng Jacob Cohen là một kẻ đào tẩu bị buộc tội giết một cảnh sát ở Chicago. Hắn vừa bắn một đặc vụ FBI, Richard Carr, khi người này cố tiếp cận hắn trong khu nhà của hắn, lúc này đang bị nhóm SWAT mới huấn luyện của FBI bao vây. Gã điên ấy chạy vào vòng vây của nhóm SWAT và ăn hai lượt đạn vào mông. Hắn bắt một bé trai đang xúc tuyết và chạy vào một ngôi nhà. Hiện tại hắn đang giữ ba con tin - hai đứa trẻ và một người lớn. Cuối cùng, hắn thả người lớn và một đứa trẻ ra. Hắn giữ lại bé trai ước chừng 10-12 tuổi.

Lúc này, mọi người đều sôi máu. Trời lạnh như cắt. Cohen đang phát điên, càng tệ hơn khi mông hắn ghim đầy đạn chì. FBI và cảnh sát Milwaukee nổi giận với đối phương vì đã để tình hình đến mức này. Nhóm SWAT của FBI thì tức điên vì đây là vụ án lớn đầu tiên của họ nhưng họ đã không bắt được mà còn để hắn thoát khỏi vòng vây. Lúc này các đặc vụ FBI muốn trả thù vì hắn đã hạ một đồng đội của họ. Còn cảnh sát Chicago tuyên bố muốn bắt hắn và nếu có ai có quyền bắn hắn thì đó chính là họ.

SAC Herb Hoxie đến hiện trường và theo tôi là đã phạm phải hai sai lầm, góp phần vào số sai lầm mà mọi người đã phạm trước đó. Đầu tiên, ông ta dùng loa cầm tay, thứ khiến ông ta trông như một kẻ độc tài. Một cuộc điện thoại kết nối riêng là biện pháp thận trọng hơn, lại cho phép chúng ta thương lượng riêng. Rồi ông ta thực hiện cái mà tôi cho là sai lầm thứ hai: ông ta đề nghị bản thân trở thành con tin thay cho đứa bé.

Thế là Hoxie ngồi vào ghế lái của một chiếc xe FBI. Cảnh sát đứng thành một vòng quanh chiếc xe khi nó lùi vào lối cho xe chạy

vào nhà. Trong lúc đó, Del Compo bảo tôi nâng anh ta nhảy lên mái nhà. Hãy nhớ đó là một ngôi nhà kiểu Tudor với mái dốc đứng, trơn trượt vì băng tuyết, và Joe đã thức trắng đêm. Vũ khí duy nhất anh ta mang theo là khẩu magnum nòng dài 6cm.

Cohen ra khỏi ngôi nhà, cánh tay vòng quanh đầu đứa bé, ôm sát nó vào người. Thanh tra Beasley của Sở Cảnh sát Milwaukee bước ra khỏi vòng tròn cảnh sát và nói "Jack, chúng tôi đã có thứ anh muốn. Hãy thả thằng bé ra!" Del Compo vẫn đang bò trên mái nhà. Cảnh sát thấy anh ta ở trên đó và nhận ra ý định của anh ta.

Đối tượng và con tin đang lại gần chiếc xe. Khắp nơi bao phủ trong băng tuyết. Rồi đột nhiên đứa bé bị trượt chân trên mặt băng và vượt khỏi tay Cohen. Del Compo lên đến đỉnh mái nhà. Tính được với nòng súng ngắn, viên đạn có thể bay cao hơn, anh ta nhắm vào cổ đối tượng và bắn một phát.

Đó là một cú bắn trực tiếp, một phát đạn tuyết rơi, ghim ngay giữa cổ đối tượng. Cohen gục xuống, nhưng không ai biết là hấn hay đứa bé trúng đạn.

Đúng ba giây sau, chiếc xe lãnh một loạt đạn. Trong làn đạn, thanh tra Beasley bị bắn vào gót chân. Đứa bé bò lồm cồm trước chiếc xe vốn đang lăn về phía nó vì Hoxie bị mảnh kính vỡ trúng và đã mất lái. May mắn là đứa bé không bị thương nặng.

Đúng kiểu FBI, tin tức trên các đài truyền hình địa phương tối đó phát hình ảnh đặc vụ quản lý Herbert Hoxie trên băng ca được đẩy ra khỏi phòng cấp cứu, máu chảy thành dòng từ lỗ tai ông ta. Và ông ta tuyên bố với báo giới, trong lúc họ đẩy ông ta đi "Đột nhiên tôi nghe tiếng súng, đạn bay khắp nơi. Tôi đoán tôi đã trúng đạn, nhưng tôi nghĩ mình không sao..." FBI, Chúa, tình mẹ, bánh táo, vân vân và vân vân.

Nhưng đó chưa phải kết thúc. Suýt nữa đã xảy ra ẩu đả, cảnh sát suýt nữa đã đánh Del Compo bầm dập vì cướp mất cơ hội nổ súng của họ. Nhóm SWAT cũng không quá hài lòng vì anh ta làm hình ảnh của họ trở nên tệ hại. Họ đến gặp ASAC Ed Best để than phiền nhưng ông ấy đã đứng về phía Del Compo và nói rằng Joe đã cứu nguy cho tình huống tệ hại mà họ gây ra.

Cohen bị khoảng ba mươi đến bốn mươi vết thương do đạn bắn nhưng vẫn còn sống khi họ đưa hắn đi bằng xe cấp cứu. May cho tất cả những người tham gia vụ việc, hắn được chẩn đoán đã chết trên đường đến bệnh viện.

Đặc vụ Carr sống sót một cách kỳ diệu. Viên đạn của Cohen xuyên qua chiếc áo khoác Carr mặc, găm vào vai, chệch khỏi khí quản và nằm lại trong phổi. Carr giữ lại chiếc áo khoác với lỗ thủng từ viên đạn và kể từ hôm đó, anh ta mặc nó một cách đầy tự hào.

Del Campo và tôi là một đôi xuất sắc trong một thời gian, trừ những tràng cười mà chúng tôi đã bắt đầu thì không thể dừng lại. Có lần chúng tôi đến một quán rượu cho người đồng tính, cố gắng tìm người làm mật thám theo dõi một tên tội phạm giết người đồng tính đang bỏ trốn. Khi đó trời đã tối, mắt chúng tôi phải mất một lúc để điều tiết. Đột nhiên, chúng tôi nhận ra những người khác đang nhìn mình và bắt đầu cãi nhau xem họ muốn ai trong hai đứa. Rồi chúng tôi thấy tấm biển phía trên quầy rượu, "Thật tốt khi tìm được một người đàn ông cứng cáp", và phá ra cười như hai thằng dở hơi.

Chẳng cần gì nhiều. Chúng tôi cười khi nói chuyện với một ông cụ ngồi xe lăn trong một viện dưỡng lão và lại cười khi thăm vấn một chủ doanh nghiệp ăn mặc sang trọng, trạc bốn mươi tuổi và chòm tóc giả đã trượt xuống nửa cái trán của ông ta. Không quan trọng thời điểm. Nếu một tình huống nào đó có chút gì đó hài hước, Joe và tôi sẽ nhìn thấy. Nghe có vẻ vô cảm nhưng đây có lẽ là một tài năng hữu ích. Khi công việc của bạn là xem xét hiện trường án mạng và địa điểm vớt xác, đặc biệt là những vụ án có liên quan đến trẻ em, khi bạn đã nói chuyện với hàng trăm, sau đó là hàng ngàn nạn nhân và người thân của họ, khi bạn đã thấy những điều khó tin mà một số kẻ có thể làm với người khác, tốt nhất là bạn vẫn có thể cười vì những điều ngớ ngẩn. Nếu không, chẳng chóng thì chày, bạn cũng sẽ phát điên.

Không như nhiều người làm công việc thực thi pháp luật, tôi không bao giờ mê súng, nhưng kể từ khi gia nhập Không quân, tôi vẫn có khả năng bắn tốt. Tôi nghĩ nếu gia nhập nhóm SWAT một thời gian hẳn sẽ thú vị lắm. Mỗi văn phòng thực địa đều có một nhóm. Đó là công việc bán thời gian; năm thành viên của nhóm được gọi đến khi cần. Tôi lập nhóm và được chỉ định vào vị trí bắn tỉa - người luôn ở vị trí xa nhất và bắn đường đạn dài. Những người khác trong nhóm đều có nhiều kinh nghiệm tham gia quân ngũ - đơn vị Mũ nổi xanh, Cảnh sát cơ động - còn tôi thì dạy bơi cho vợ con của những tay phi công. Nhóm trưởng David Kohl, sau này trở thành một phó giám đốc ở Quantico, đề nghị tôi quản lý Đơn vị Hỗ trợ điều tra.

Trong một vụ án nọ có phần đơn giản hơn vụ lùm xùm Jacob Cohen, có một gã cướp ngân hàng, sau đó bị cảnh sát rượt đuổi, cuối cùng dựng rào chắn trốn cảnh sát trong một nhà kho. Đó là khi chúng tôi được gọi đến. Trong nhà kho này, hắn cởi hết quần áo ra, rồi lại mặc vào. Có vẻ gã này điên thật. Rồi hắn yêu cầu đưa vợ hắn đến hiện trường, và cảnh sát đồng ý.

Nhiều năm sau, khi đã nghiên cứu tỉ mỉ hơn về loại tính cách này, chúng tôi hiểu rằng cảnh sát không được làm thế - không được đồng ý với loại yêu cầu này - vì người mà chúng muốn gặp thường bị chúng cho là nguồn cơn của mọi chuyện. Vì thế, chúng ta đang đưa người đó vào thế nguy hiểm khôn lường và đẩy họ vào tình huống giết người - tự sát.

May mắn là lần đó họ không đưa người vợ vào nhà kho mà cho cô ấy nói chuyện với hắn qua điện thoại. Và y như rằng, ngay khi hắn gác máy, hắn tự bắn vào đầu bằng một khẩu súng ngắn.

Chúng tôi vào vị trí, chờ đợi suốt nhiều giờ, rồi đột nhiên mọi chuyện kết thúc. Nhưng không phải lúc nào cũng có thể rũ bỏ căng thẳng nhanh như thế nên sự việc thường dẫn đến chuyện hài hước kỳ quặc. "Khỉ thật, sao hắn phải làm thế?" Một trong các đặc vụ nhận xét. "Douglas bắn rất giỏi. Anh ta có thể kết thúc cuộc đời giúp hắn mà."

Tôi ở Milwaukee hơn năm năm. Cuối cùng, Pam và tôi chuyển từ căn hộ ở Đại lộ Juneau đến một ngôi nhà trên đường Brown Deer,

xa văn phòng, gần biên giới phía bắc của thành phố. Công việc của tôi chủ yếu là điều tra các vụ cướp ngân hàng và dần dần nhận được nhiều lời khen vì tài phá án. Tôi thấy mình thành công nhất khi có thể tìm ra một “đặc trưng” kết nối nhiều vụ án với nhau, một yếu tố mà sau này trở thành nền tảng phân tích các vụ sát nhân hàng loạt của chúng tôi.

Thất bại đáng chú ý duy nhất của tôi trong thời gian này là sau khi Jerry Hogan trở thành SAC thay Herb Hoxie. Công việc không có đải ngộ gì nhiều, nhưng một trong số các đải ngộ đó là một chiếc xe hơi do Cục cấp, và Hogan rất tự hào về chiếc Ford Ltd. màu xanh ngọc lục bảo mới của mình. Một ngày nọ, tôi cần một chiếc xe để đi điều tra và lúc đó không còn chiếc nào trống. Hogan đang dự một cuộc họp nên tôi hỏi ASAC Arthur Fulton xem có thể dùng xe của SAC không. Chần chừ một lúc, anh ta cũng đồng ý.

Rồi Jerry gọi tôi vào văn phòng và quát tôi vì đã dùng xe của anh ta, làm nó bị bẩn và tệ nhất là khi trở về thì xe bị xẹp một bánh. Tôi hoàn toàn không chú ý chuyện đó. Lúc này tôi và Jerry rất thân thiết nên suốt thời gian anh ta la ó, tôi cứ cười miết. Chuyện đó hóa ra là một sai lầm.

Sau đó, người giám sát nhóm của tôi, Ray Byrne nói với tôi: “John, anh biết là Jerry Hogan rất thích anh, nhưng anh ta phải dạy anh một bài học. Anh ta chỉ định anh đến khu bảo tồn người Da đỏ.”

Đó là khoảng thời gian sôi sục vì vụ thảm sát Wounded Knee^[32] và làn sóng ý thức về quyền của người Mỹ bản địa. Ở các khu bảo tồn, họ căm ghét chúng tôi, như ở các khu phố Do Thái tại Detroit. Người Anh-điêng bị Chính phủ đối xử thậm tệ. Lần đầu tôi đến Khu Bảo tồn Menominee ở Green Bay, tôi không thể tin nổi những người này phải sống trong tình trạng nghèo đói và kém vệ sinh đến thế. Phần lớn nền văn hóa của họ đã bị tước bỏ, tôi thấy họ gần như không còn cảm xúc gì. Phần lớn do tình trạng nghèo đói và lịch sử thù địch cũng như lãnh đạm với Chính phủ, ở nhiều khu bảo tồn, tỷ lệ nghiện rượu, bạo hành vợ con, tấn công, giết người cao. Nhưng vì họ hoàn toàn không tin tưởng Chính phủ nên đặc vụ FBI gần như không thể có sự hợp tác hay hỗ trợ từ các nhân chứng.

Những người đại diện của Cục Dân sự Anh-điêng cũng không giúp được gì. Kể cả người thân của nạn nhân cũng không can dự vì sợ bị nhìn thấy đang hợp tác với kẻ thù. Đôi khi, lúc chúng tôi phát hiện một vụ giết người và đến hiện trường, thi thể đã ở đó vài ngày, bị giòi bọ bám đầy.

Tôi ở khu bảo tồn hơn một tháng, điều tra ít nhất sáu vụ giết người. Tôi thấy thương cho những người này nên lúc nào cũng buồn bã, tuy tôi may mắn được rời khỏi đó để về nhà vào buổi tối. Tôi chưa từng thấy họ, một bộ lạc, có quá nhiều điều phải vượt qua đến thế. Tuy khá nguy hiểm, nhưng quãng thời gian ở Khu Bảo tồn Menominee là lần đầu tiên tôi tập trung điều tra hiện trường án mạng, một trải nghiệm tàn nhẫn nhưng quý giá.

Điều tuyệt vời nhất trong giai đoạn ở Milwaukee chắc chắn là sự ra đời của đứa con đầu lòng của tôi, Erika, vào tháng Mười một năm 1975. Chúng tôi chuẩn bị ăn bữa tối lễ Tạ ơn tại một câu lạc bộ thể thao ngoài trời ở địa phương với bạn bè, Sam và Esther Ruskin, thì Pam chuyển dạ. Hôm sau, Erika chào đời.

Tôi vốn đang điều tra các vụ cướp ngân hàng và hoàn thành bằng thạc sĩ, đứa con mới sinh đồng nghĩa với việc tôi càng có ít thời giờ để ngủ hơn. Nhưng không cần phải nói, Pam là người chăm con. Tôi cảm thấy có trách nhiệm với gia đình hơn từ khi lên chức bố, và tôi thích nhìn Erika trưởng thành. Tôi nghĩ thật may cho chúng tôi vì khi đó tôi chưa bắt đầu điều tra các vụ giết người và bắt cóc trẻ em. Nếu tôi đã làm công việc đó, nếu tôi thực sự dừng lại và nghĩ về những gì diễn ra ngoài kia, tôi không biết liệu mình có thể quen với việc làm cha thoải mái được như thế hay không. Đến khi đứa con thứ hai, Lauren, ra đời năm 1980, tôi đã dẫn sâu vào công việc đó.

Tôi nghĩ, việc làm cha cũng là động lực giúp tôi cố gắng khai thác tiềm năng của bản thân hơn. Tôi biết mình không muốn chỉ làm công việc hiện tại trong suốt sự nghiệp. Jerry Hogan khuyên tôi nên làm việc ngoài thực địa mười năm trước khi định nộp đơn ứng tuyển bất kỳ vị trí nào khác; như thế tôi sẽ có kinh nghiệm để vào vị trí ASAC và cuối cùng là SAC, sau đó có thể lên làm ở tổng bộ. Nhưng với một đứa con và hy vọng có thêm nhiều đứa nữa, cuộc sống của

một đặc vụ ngoài thực địa, chuyển từ văn phòng này sang văn phòng khác, không thực sự hấp dẫn.

Thời gian trôi qua, những quan điểm khác về công việc bắt đầu xuất hiện. Việc huấn luyện bắn tỉa và các bài tập của nhóm SWAT không còn hấp dẫn. Với chuyên môn và hứng thú trong ngành tâm lý học - lúc này tôi đã có bằng thạc sĩ - tôi cảm thấy phần mang tính thách thức của công việc là cố gắng kiểm soát tình huống trước khi lâm vào tình thế phải nổ súng. SAC giới thiệu tôi đi học một khóa về thương thuyết giải cứu con tin kéo dài hai tuần ở Học viện FBI tại Quantico, học viện này mới đi vào hoạt động vài năm.

Tại đó, với sự dạy dỗ của những đặc vụ đã trở thành huyền thoại như Howard Teten và Pat Mullany, lần đầu tiên tôi được tiếp xúc với lĩnh vực mà bây giờ đã được gọi là khoa học nghiên cứu hành vi. Điều đó đã thay đổi sự nghiệp của tôi.

CHƯƠNG 5

Khoa học hành vi hay KH?

Tôi chưa trở lại Quantico từ sau lần huấn luyện đặc vụ mãi gần năm năm trước và nơi này đã thay đổi theo nhiều cách. Một trong những thay đổi là đến mùa xuân năm 1975, Học viện FBI đã trở thành một cơ sở hoàn chỉnh và đầy đủ, được xây dựng từ một phần của căn cứ Hải quân Mỹ trong những vạt rừng thưa xinh đẹp, bạt ngàn ở Virginia, cách Washinton khoảng nửa giờ về phía nam.

Nhưng một số điều vẫn như trước đây. Các đơn vị chiến thuật vẫn chiếm ưu thế và địa vị, trong đó, Đơn vị Súng là ngôi sao sáng chói. Chỉ huy đơn vị này là George Zeiss, đặc vụ được cử sang Anh để dẫn độ James Earl Ray về Hoa Kỳ chịu tội sau vụ ám sát tiền sĩ Martin Luther King Con năm 1968. Zeiss là một người cao lớn, lực lưỡng như gấu, có thể bẻ còng tay bằng tay không như một trò đùa. Có một lần, vài người ở học viện lấy một cái còng tay và hàn phần dây xích lại, rồi đưa cho Zeiss để anh ta bẻ. Anh ta xoắn mạnh đến nỗi gãy cổ tay và phải bó bột mấy tuần.

Thương thuyết giải cứu con tin do Đơn vị Khoa học hành vi^[33] giảng dạy, một nhóm từ bảy đến chín giảng viên từng là đặc vụ. Tâm lý học và những môn “khoa học mềm” chưa bao giờ được Hoover và những người ủng hộ ông kính trọng, nên trước khi ông qua đời, đây giống như một nỗ lực ở “hậu trường”.

Trên thực tế, phần lớn đặc vụ FBI ở thời điểm đó, cũng như toàn bộ giới thực thi pháp luật nói chung, đều xem tâm lý học và khoa học nghiên cứu hành vi được áp dụng vào ngành nghiên cứu tội phạm học chỉ là thứ vớ vẩn vô dụng. Tuy rõ ràng tôi chưa từng cảm thấy như vậy, nhưng tôi phải công nhận rất nhiều thứ được biết và được dạy trong lĩnh vực này không thật sự liên quan đến việc hiểu

và bắt tội phạm, một tình huống mà vài năm sau, một số người trong chúng tôi bắt đầu cố gắng thay đổi. Khi tôi nhận chức chỉ huy bộ phận tác chiến của Đơn vị Khoa học hành vi, tôi đổi tên bộ phận thành Đơn vị Hỗ trợ điều tra. Và khi mọi người hỏi tôi tại sao, tôi trả lời khá thẳng thắn rằng tôi muốn loại bỏ phần KH ra khỏi những gì chúng tôi đang làm.

Đơn vị Khoa học hành vi, dưới quyền chỉ huy của Jack Pfaff vào thời điểm tôi đến học về thương thuyết giải cứu con tin, có hai nhân vật rất giỏi và sâu sắc là Howard Teten và Patrick Mullany. Teten cao khoảng 1m93 với cặp mắt sắc sảo sau tròng kính. Tuy là một cựu binh Hải quân nhưng ông ấy là kiểu người hay trầm ngâm, luôn luôn đáng tôn kính, hình mẫu của một giáo sư hiểu sâu biết rộng. Ông ấy gia nhập Cục năm 1962 sau khi phục vụ trong Sở Cảnh sát San Leandro ở bang California, gần San Francisco. Năm 1969, ông ấy bắt đầu giảng dạy một khóa học mang tính bước ngoặt gọi là Tội phạm học ứng dụng, sau này (tôi nghĩ là sau sự ra đi của Hoover) trở thành Tâm lý học tội phạm ứng dụng. Đến năm 1972, Teten đến New York để hỏi ý kiến tiến sĩ James Brussel, nhà tâm thần học đã giúp phá vụ án Kẻ đánh bom điên rồ, vị tiến sĩ đồng ý đích thân dạy Teten kỹ thuật mô tả nhân dạng của mình.

Được trang bị kiến thức về lĩnh vực này, thành tựu lớn từ cách tiếp cận của Teten là ta có thể hiểu bao nhiêu về hành vi và động cơ của tội phạm bằng cách tập trung vào những chứng cứ tại hiện trường vụ án. Theo nhiều cách, mọi thứ chúng tôi làm trong ngành khoa học hành vi và phân tích điều tra tội phạm kể từ đó đều dựa trên cách tiếp cận này.

Pat Mullany luôn làm tôi nghĩ đến một yêu tinh giấu vàng. Với chiều cao 1m77, ông ấy có vóc dáng tròn trịa, hóm hỉnh và giàu năng lượng, ông đến Quantico năm 1972 từ văn phòng thực địa ở New York với tấm bằng cử nhân ngành tâm lý học. Gần cuối nhiệm kỳ ở Quantico, ông trở nên nổi bật nhờ việc kiểm soát thành công những tình huống bắt giữ con tin công khai: ở thủ đô Washington, khi giáo phái Hồi giáo Hanafi chiếm trụ sở chính của tổ chức B'nai B'rith và ở Warrensville Heights, bang Ohio, khi Cory Moore, một cựu binh trong Chiến tranh Việt Nam bắt đội trưởng đội cảnh sát và thư

ký làm con tin ngay trong văn phòng ngài đội trưởng. Teten và Mullany cùng đại diện cho làn sóng đầu tiên của khoa học hành vi hiện đại và tạo thành một cặp bài trùng đặc biệt, khiến mọi người nhớ mãi không quên.

Các giảng viên khác trong Đơn vị cũng tham gia khóa học thương thuyết giải cứu con tin. Trong đó có Dick Ault và Robert Ressler, họ đến Quantico cách đây không lâu. Nếu Teten và Mullany là làn sóng đầu tiên thì Ault và Ressler tạo thành làn sóng thứ hai, đưa ngành học này phát triển hơn, trở nên thực sự có giá trị với các Sở Cảnh sát trên toàn nước Mỹ và thế giới. Tuy lúc đó chúng tôi chỉ biết nhau với tư cách giáo viên và học sinh, nhưng không lâu sau, Bob Ressler và tôi hợp tác trong nghiên cứu về những kẻ sát nhân hàng loạt, cuối cùng đưa đến phiên bản hiện đại của công việc chúng tôi đang làm.

Có khoảng năm mươi người trong lớp thương thuyết giải cứu con tin. Theo nhiều cách, lớp học này mang tính giải trí hơn là giáo dục, nhưng là hai tuần vô cùng thú vị để tạm xa công việc ngoài thực địa. Trong lớp, chúng tôi học về ba loại người bắt giữ con tin cơ bản: tội phạm chuyên nghiệp, bệnh nhân tâm thần và kẻ cuồng tín. Chúng tôi nghiên cứu những hiện tượng quan trọng nảy sinh từ tình huống bắt cóc, chẳng hạn như Hội chứng Stockholm. Hai năm trước, năm 1973, một vụ cướp ngân hàng bất thành ở Stockholm, Thụy Điển đã biến thành một vụ bắt giữ khách hàng và nhân viên làm con tin đầy kịch tính. Cuối cùng, các con tin lại đồng cảm với kẻ bắt giữ mình và còn hỗ trợ họ chống lại cảnh sát.

Chúng tôi cũng xem phim *Buổi chiều xui xẻo* của Sidney Lumet vừa ra mắt gần đây, trong đó Al Pacino đóng vai một kẻ cướp nhà băng để lấy tiền cho người yêu của hắn làm phẫu thuật chuyển giới. Bộ phim dựa trên một vụ bắt giữ con tin đã xảy ra ở New York, chính vụ án này, và những cuộc thương thuyết kéo dài diễn ra sau đó, là lý do FBI mời Đội trưởng Frank Bolz và Thanh tra Harvey Schlossberg của Sở Cảnh sát New York truyền đạt những kiến thức và thông tin mới nhất về thương thuyết giải cứu con tin cho Học viện, đây là lĩnh vực mà các cảnh sát ở New York được mọi người công nhận là dẫn đầu cả nước.

Chúng tôi học về các nguyên tắc thương thuyết. Một số nguyên tắc, như cố gắng giảm tối đa tỷ lệ tử vong, là hiển nhiên. Chúng tôi có nhận được lợi ích từ các đoạn ghi âm tình huống bắt giữ con tin nhưng phải đến nhiều năm sau, khi thế hệ giảng viên tiếp theo đến Học viện, trước khi các học viên tham gia những bài tập nhập vai - đó là cơ hội thực tế nhất để học viên có thể thực hành thương thuyết trong lớp học. Cách này cũng hơi rối rắm vì rất nhiều tài liệu được tái chế từ các lớp tâm lý tội phạm nên không thực sự phù hợp. Ví dụ, họ cho chúng tôi xem ảnh chụp và hồ sơ của những kẻ sát nhân trẻ em hoặc sát nhân cuồng dâm và thảo luận xem một đối tượng như vậy sẽ phản ứng ra sao trong một tình huống bắt giữ con tin. Rồi còn có thêm lớp huấn luyện bắn súng, vốn vẫn là chuyện lớn ở Quantico.

Phần lớn những gì chúng tôi dạy về thương thuyết giải cứu con tin sau này không đến từ các đặc vụ khác trong lớp học mà ở ngoài thực địa đây thử thách. Như đã nói ở trên, một trong những vụ án làm nên tên tuổi của Pat Mullany là vụ Cory Moore. Moore, được chẩn đoán tâm thần phân liệt dạng hoang tưởng, đưa ra một số yêu cầu công khai sau khi bắt giữ đội trưởng Sở Cảnh sát Warrensville Heights, bang Ohio và thư ký của ông làm con tin ngay tại văn phòng của ông. Trong số các yêu cầu của hắn, có một yêu cầu là tất cả người da trắng lập tức biến khỏi Trái đất.

Vấn đề là thế này, trong chiến lược thương thuyết, ta không muốn thuận theo các yêu cầu nếu có thể tránh. Nhưng có một số yêu cầu không thực sự khả thi trong bất kỳ điều kiện nào. Yêu cầu này của hắn chắc chắn nằm trong số đó. Vụ án được cả nước chú ý, đến mức Tổng thống Mỹ Jimmy Carter đề nghị nói chuyện với Moore để hỗ trợ giải quyết tình huống. Dù ngài tổng thống có ý tốt và điều đó chứng tỏ thiện chí nỗ lực giải quyết những mâu thuẫn khó khăn trên thế giới của ngài sau đó nhưng không phải chiến lược thương thuyết hay và tôi không muốn nó xảy ra trong một tình huống mà tôi xử lý. Pat Mullany cũng không muốn. Rắc rối khi để người đứng đầu lộ diện, ngoài việc khuyến khích những kẻ nhỏ bé tuyệt vọng khác thử làm điều tương tự, là ta mất quyền kiểm soát. Ta luôn muốn thương thuyết thông qua trung gian để có thêm thời gian và

tránh đưa ra những lời hứa mà mình không muốn thực hiện. Khi cho kẻ bắt giữ con tin liên lạc trực tiếp với người mà hắn cho là có quyền quyết định thì mọi người sẽ bị dồn vào chân tường, và nếu ta không thuận theo yêu cầu của hắn, mọi chuyện có thể tuột dốc không phanh. Giữ cho chúng nói chuyện càng lâu càng tốt.

Đến lúc tôi dạy môn thương thuyết giải cứu con tin ở Quantico vào đầu thập niên 1980, chúng tôi sử dụng một đoạn băng video gây sốc được làm ở St. Louis vài năm trước. Sau đó chúng tôi không chiếu đoạn băng đó nữa vì Sở Cảnh sát St. Louis rất không hài lòng về nó. Trong đoạn băng, một thanh niên da màu đang uy hiếp một quán rượu. Vụ cướp thất bại, hắn bị kẹt lại bên trong, cảnh sát bao vây quán, thế là hắn có một đám con tin.

Cảnh sát tổ chức một đội gồm các sĩ quan da trắng và da màu để nói chuyện với hắn. Nhưng như đoạn băng cho thấy, thay vì cố gắng dàn xếp với hắn ở cấp độ khách quan, họ bắt đầu lừa hắn và cố hạ mình xuống cấp độ của hắn. Tất cả họ nói cùng một lúc, liên tục ngắt lời hắn, không nghe xem hắn nói gì, không cố gắng tìm hiểu xem hắn muốn gì để thoát khỏi tình huống đó.

Máy quay phim lia đi khi cảnh sát trưởng đến nơi - một lần nữa, tôi sẽ không để chuyện này xảy ra. Sau khi đến, cảnh sát trưởng "chính thức" ngó lơ mọi yêu cầu của hắn. Vì thế, gã tội phạm chĩa súng vào đầu mình và bắn tung sọ mình cho mọi người xem.

Hãy so sánh vụ đó với cách Pat Mullany xử lý vụ Cory Moore. Rõ ràng Moore đã bị điên, và rõ ràng tất cả người da trắng sẽ không rời khỏi Trái đất. Nhưng bằng cách lắng nghe đối tượng, Mullany có thể biết Moore thực sự muốn gì và điều gì sẽ làm hắn thỏa mãn. Mullany đề nghị mở một cuộc họp báo để phát sóng về các quan điểm của hắn và Moore đã thả các con tin mà không một giọt máu nào phải đổ.

§•§

Trong khóa học ở Quantico, tên tôi nổi như cồn khắp Đơn vị Khoa học hành vi, Pat Mullany, Dick Ault và Bob Ressler giới thiệu tôi

với Jack Pfaff. Trước khi tôi đi, vị trưởng đơn vị gọi tôi xuống văn phòng ông ấy dưới hầm để phỏng vấn. Pfaff là một người ưa nhìn và thân thiện. Da ngăm đen, hút thuốc như ống khói tàu, trông ông ấy giống Victor Mature^[34]. Ông ấy nói các giảng viên có ấn tượng tốt với tôi và bảo tôi cân nhắc việc trở lại Quantico làm cố vấn cho chương trình Học viện Quốc gia của FBI. Tôi cảm thấy rất vinh dự vì lời đề nghị này và đáp rằng tôi rất muốn làm công việc đó.

Trở về Milwaukee, tôi vẫn tham gia đội phản ứng và nhóm SWAT ở Milwaukee, nhưng dành nhiều thời gian đi khắp bang đào tạo cho thành viên ban lãnh đạo các doanh nghiệp về cách xử lý những hành vi đe dọa bắt cóc và tống tiền, đào tạo đội ngũ nhân viên ở các ngân hàng về cách xử lý những vụ cướp một người và băng cướp có vũ trang đang nhắm đến các ngân hàng vùng nông thôn.

Thật bất ngờ khi những ông chủ lớn sành đời này lại quá ngây thơ trong vấn đề an ninh cá nhân, cho phép lịch trình, thậm chí là kế hoạch nghỉ ngơi của mình được đăng trên các tờ báo địa phương cũng như bản tin của công ty. Trong nhiều trường hợp, họ là con mồi cho những kẻ bắt cóc và tống tiền. Tôi cố gắng chỉ dẫn họ và thư ký, cấp dưới của họ cách đánh giá những cuộc gọi và yêu cầu cung cấp thông tin, cũng như xác định xem một cuộc gọi tống tiền là thật hay giả. Ví dụ, không hiếm lạ gì khi một lãnh đạo nhận được cuộc gọi rằng vợ hoặc con ông ấy đã bị bắt cóc và ông ấy phải mang một số tiền đến một nơi nào đó. Trên thực tế, người vợ hoặc con vẫn an toàn tuyệt đối, không gặp nguy hiểm gì trong suốt quãng thời gian này, nhưng kẻ lừa đảo biết ông ấy không thể liên lạc với họ vì lý do nào đó, và nếu hắn biết một hay hai sự thật nghe có vẻ hợp lý, hắn có thể thuyết phục vị lãnh đạo đang hoảng loạn đồng ý với yêu cầu của hắn.

Tương tự, chúng ta có thể giảm tỷ lệ thành công của các vụ cướp ngân hàng bằng cách yêu cầu ban lãnh đạo thiết lập những quy trình đơn giản. Một trong những kỹ thuật cướp ngân hàng đơn giản là chờ bên ngoài vào sáng sớm, khi người quản lý chi nhánh đến mở cửa. Đối tượng sẽ bắt người này, rồi khi những nhân viên khác, không nghi ngờ gì, đến nơi làm việc, họ cũng sẽ bị bắt. Thế là

bạn có cả một chi nhánh ngân hàng toàn là con tin và một vụ việc rối rắm phải xử lý.

Tôi đã yêu cầu các chi nhánh thiết lập một hệ thống mật mã cơ bản. Khi người đầu tiên đến vào buổi sáng và thấy không có ai khả nghi, người này có thể làm một việc - chỉnh rèm cửa, di chuyển một cái cây, bật một cái đèn nào đó, bất cứ việc gì - để ra hiệu cho mọi người biết mọi thứ vẫn ổn. Nếu không có dấu hiệu đó khi người thứ hai đến, người này không được vào mà phải lập tức gọi cảnh sát.

Tương tự, chúng tôi cũng đào tạo cho các giao dịch viên, mấu chốt trong quy trình an ninh của bất kỳ ngân hàng nào, biết phải làm gì trong những tình huống hoảng loạn để không trở thành anh hùng chết tức tưởi. Chúng tôi giải thích cách xử lý đúng những cọc tiền phát nổ, sau đó được ứng dụng rộng rãi. Và căn cứ vào những cuộc thẩm vấn với nhiều kẻ cướp nhà băng thành công, tôi hướng dẫn các giao dịch viên hãy giả vờ lo lắng thả tờ giấy thông báo mà tên cướp đưa cho họ xuống sàn dưới chân họ sau quầy giao dịch thay vì trả cho tên cướp, nhờ đó mà giữ lại được một bằng chứng giá trị.

Từ những cuộc thẩm vấn, tôi biết bọn cướp không thích bất ngờ tấn công ngân hàng nên việc lưu ý những người vào ngân hàng mà bạn chưa từng nhìn thấy trước đó rất có giá trị, đặc biệt là vào với một yêu cầu đơn giản hoặc theo thường lệ, như đổi tiền giấy lấy một cọc tiền xu. Nếu nhân viên giao dịch có thể ghi lại biển số xe hay bất kỳ thông tin nhận dạng nào, vụ cướp diễn ra sau đó thường có thể được giải quyết nhanh chóng.

Tôi bắt đầu lân la trò chuyện với các thanh tra chuyên điều tra các vụ giết người và tham quan văn phòng của chuyên viên pháp y. Bất cứ bác sĩ pháp y hay thanh tra giỏi nào đều sẽ nói rằng chứng cứ quan trọng nhất trong bất kỳ cuộc điều tra giết người nào chính là thi thể nạn nhân, và tôi muốn học hỏi càng nhiều càng tốt. Tôi chắc chắn một phần đam mê này xuất phát từ ngày bé tôi muốn làm bác sĩ thú y và am hiểu cấu tạo cũng như các chức năng cơ thể liên quan đến sự sống. Nhưng dù thích làm việc cùng đội điều tra án giết người và nhân viên phòng pháp y, điều mà tôi thực sự có hứng thú là khía cạnh tâm lý: Cái gì thôi thúc kẻ giết người hành động như

vậy? Điều gì khiến hấn thực hiện việc giết người dưới những tình huống cụ thể khi đó?

Trong những tuần ở Quantico, tôi biết đến một số vụ án giết người kỳ lạ, một trong những vụ kỳ lạ nhất hóa ra lại xảy ra ngay trong khu nhà tôi - thực ra là cách nhà tôi 225km. Nhưng thể cũng là gần rồi.

Vào thập niên 1950, Edward Gein là một kẻ cô độc sống ở cộng đồng nông nghiệp Plainfield, Wisconsin - dân số là 642 người. Hấn âm thầm bắt đầu con đường phạm tội với hành vi trộm mộ. Thứ hấn đặc biệt quan tâm là da của thi thể, hấn lột ra, phơi nắng rồi quần quanh mình, bên cạnh việc trang trí cho con ma nơ canh của thợ may và nhiều đồ dùng trong nhà. Có thời điểm, hấn cân nhắc phẫu thuật chuyển giới - một việc vẫn mang tính cách mạng ở khu vực Trung Tây trong thập niên 1950 - và khi việc đó có vẻ không khả thi, hấn quyết định làm điều tốt nhất có thể, may cho mình một bộ comple nữ từ những người phụ nữ thật. Nếu quý vị thấy vụ này có vẻ quen thì nhiều chi tiết của nó đã được Robert Bloch sử dụng trong cuốn tiểu thuyết *Kẻ tâm thần* (được chuyển thể thành bộ phim kinh điển của Hitchcock^[35]), và trong *Sự im lặng của bầy cừu* - Thomas Harris. Harris bắt đầu viết câu chuyện khi tham dự các lớp của chúng tôi ở Quantico.

Gein có lẽ sẽ tiếp tục cuộc sống vô danh trong bóng tối nếu nhu cầu của hấn không mở rộng thành "tạo ra" thêm nhiều xác chết để thu thập da. Khi bắt đầu nghiên cứu về những kẻ sát nhân hàng loạt, chúng tôi nhận ra sự leo thang này ở hầu hết mọi vụ án. Gein bị truy tố tội giết hai phụ nữ trung niên, nhưng khả năng còn nhiều nạn nhân khác nữa. Tháng Một năm 1958, hấn được xác nhận bị tâm thần và sống cả đời trong Bệnh viện Trung ương của bang ở Waupun và Viện Sức khỏe tâm thần Mendota, nơi hấn luôn là một tù nhân kiểu mẫu.

Năm 1984, hấn ra đi thanh thản ở tuổi bảy mươi bảy trong khu lão khoa của viện Mendota.

Không cần phải nói, khi làm thanh tra địa phương hoặc đặc vụ thực địa, mọi người không có cơ hội thường xuyên thấy những việc như vậy. Trở lại Milwaukee, tôi muốn tìm hiểu càng nhiều về vụ án

này càng tốt. Nhưng khi kiểm tra thông tin ở văn phòng tư pháp của bang, tôi thấy hồ sơ bị niêm phong vì khía cạnh tâm thần.

Nói rằng mình là đặc vụ FBI có hứng thú với các vụ án để phục vụ cho giáo dục, tôi thuyết phục văn phòng mở hồ sơ cho mình xem. Tôi sẽ không bao giờ quên lần đi cùng viên thư ký và lấy mấy chiếc hộp từ hăng hà sa số kệ, và phải gỡ một dấu niêm phong bằng sáp để xem. Nhưng bên trong, tôi nhìn thấy những tấm ảnh và chúng lập tức in sâu vào tâm trí tôi: những thi thể phụ nữ khỏa thân, không đầu, bị treo ngược lên bằng dây thừng và ròng rọc, bị mổ toang phía trước từ ngực đến bộ phận sinh dục, nhưng phần kín đã bị cắt ra. Những ảnh khác lại chụp những cái đầu bị cắt nằm trên bàn, những cặp mắt vô hồn, nhìn vào hư không. Tuy những bức ảnh này rất khủng khiếp, nhưng tôi bắt đầu suy luận xem chúng nói lên điều gì về chủ nhân của chúng và điều đó có ích gì trong việc bắt giữ hắn. Sự thật là tôi suy tư về việc đó kể từ lúc ấy.

Cuối tháng Chín năm 1976, tôi rời Milwaukee để thực hiện đợt nhiệm vụ tạm thời, còn gọi là TDY^[36], làm cố vấn cho niên khóa 107 của Học viện Quốc gia ở Quantico. Pam phải ở lại Milwaukee một mình, chăm sóc nhà cửa và cô con gái một tuổi Erika, trong khi vẫn đi dạy. Đây là lần đầu tôi vắng nhà vì công việc, và tôi e rằng quá nhiều người trong chúng tôi ở Cục, trong quân đội và Bộ Ngoại giao thờ ơ với những gánh nặng khủng khiếp mà người vợ hoặc chồng ở nhà phải chịu.

Chương trình của Học viện Quốc gia FBI là một khóa học khó nhằn, kéo dài mười một tuần cho các quan chức thực thi pháp luật cấp cao và tài giỏi trên cả nước và quốc tế. Trong nhiều trường hợp, các học viên được đào tạo chung với đặc vụ FBI. Cách phân biệt các học viên khác nhau là dựa vào màu áo. Đặc vụ FBI mặc áo xanh dương còn học viên của học viện mặc áo đỏ. Còn một điểm khác biệt nữa: học viên của học viện thường lớn tuổi và giàu kinh nghiệm hơn. Để vào học, học viên phải được chỉ huy ở cơ sở địa phương giới thiệu và các nhân viên ở Quantico chấp thuận. Học viện Quốc gia không chỉ cung cấp khóa đào tạo chuyên môn về kiến thức và kỹ thuật thực thi pháp luật mới nhất, mà còn là môi trường rộng mở và thân thiện để FBI tạo dựng mối quan hệ cá nhân với sĩ quan cảnh

sát địa phương, hết lần này đến lần khác điều này được chứng minh là một nguồn lực vô giá. Quản lý chương trình Học viện Quốc gia là Jim Cotter, một chuyên viên thực thi pháp luật kỳ cựu được mọi người kính mến.

Với tư cách cố vấn, tôi chịu trách nhiệm về một nhóm học viên - Nhóm B - gồm năm mươi người đàn ông. Tuy chính sách của Giám đốc Cục Patrick Gray, sau đó là Clarence Kelley, đang nới lỏng những hạn chế từ thời Hoover còn điều hành, nhưng vẫn chưa có phụ nữ nào được mời đến Học viện Quốc gia. Ngoài Mỹ, học viên của tôi còn đến từ Anh, Canada và Ai Cập. Mọi người sống chung trong các ký túc xá và làm đủ mọi nghề từ giảng viên đến giám đốc truyền thông, bác sĩ trị liệu đến chủ tịch hội hướng đạo sinh. Đó là cách để nhân viên Đơn vị Khoa học hành vi xem các học viên tương tác với cảnh sát như thế nào, họ có thích không khí ở Quantico không và ứng phó với căng thẳng ra sao.

Căng thẳng thì nhiều lắm. Xa gia đình và sống ở ký túc xá lần đầu trong quãng đời trưởng thành, không được uống rượu bia trong phòng, dùng chung phòng tắm với những người chưa từng gặp gỡ, bị buộc trải qua thử thách thể chất mà đa số họ chưa từng gặp lại kể từ đợt huấn luyện người mới. Các học viên được giáo dục rất tốt nhưng phải trả một cái giá xứng đáng. Đến khoảng tuần thứ sáu, nhiều cảnh sát đã phát rõ, trở nên tăng động cực kỳ.

Dĩ nhiên chuyện này cũng gây khó khăn cho các cố vấn. Mỗi người có cách phản ứng khác nhau với nhiệm vụ. Trước mọi diễn biến trong cuộc đời, tôi quyết định nếu muốn sống sót qua đợt này, tốt nhất nên có một chút năng khiếu hài hước. Những cố vấn khác phản ứng theo cách khác. Có người nghiêm khắc và dữ dội đến mức mắng mỏ học viên trong những trò chơi nội bộ. Đến tuần thứ ba, nhóm của anh ta tức quá, họ cho anh ta một bộ túi xách với thông điệp "Biến khỏi đây đi".

Một cố vấn khác là một đặc vụ, tôi sẽ gọi là Fred. Trước khi đến Quantico, anh chưa từng nghiện rượu, nhưng khi đến đó lại nghiện.

Các cố vấn có trách nhiệm quan sát dấu hiệu cho thấy học viên bắt đầu chán nản. Thực ra, Fred đã bắt đầu tự nhốt mình trong phòng, hút thuốc và uống rượu đến bất tỉnh nhân sự. Khi đối phó

với những cảnh sát gan lì nhờ cộ sát ngoài thực tế, đó là cuộc chiến của kẻ sống sót phù hợp nhất. Để lộ ra bất cứ điểm yếu nào là bạn xong đời ngay. Là một người rất tử tế, Fred vô cùng nhạy cảm, thấu hiểu và cả tin, anh không thể sống sót với nhóm này.

Có một quy định bất di bất dịch: không có phụ nữ trong ký túc xá. Một buổi tối nọ, một viên cảnh sát đến tìm Fred và nói anh ta "không thể chịu nổi nữa". Làm cố vấn, không ai muốn nghe câu này. Bạn cùng phòng của anh ta mỗi đêm đưa một phụ nữ khác nhau lên giường và anh ta không ngủ được. Thế là Fred cùng anh ta đến phòng và thấy nửa tá đàn ông đứng ngoài cửa, đang chờ đến lượt, tiền nằm chặt trong hai bàn tay đầy mồ hôi. Fred sợ quá, xông vào anh chàng đang nằm trên một phụ nữ tóc dài màu vàng, chộp lấy gãi và kéo khỏi người phụ nữ, nhưng hóa ra đó chỉ là một con búp bê hơi.

Một tuần sau, một viên cảnh sát khác đến phòng Fred vào giữa đêm và nói rằng bạn cùng phòng Harry, quá tuyệt vọng, vừa mở cửa sổ nhảy ra ngoài. Trước hết, phải nói là cửa sổ trong ký túc xá không được mở ra. Thế là Fred ba chân bốn cẳng chạy xuống hành lang, vào phòng, nhìn ra ngoài cửa sổ và thấy Harry người đầy máu, đang nằm trên cỏ. Fred phóng xuống cầu thang, chạy đến hiện trường vụ tự sát. Ở đó, Harry nhảy lên hù anh thất kinh hồn vía. Hóa ra có một chai tương cà ở căng-tin đã bị trộm vào tối hôm đó. Đến lúc tốt nghiệp, tóc của Fred rụng gần hết, anh không cạo râu, chân tê rần, bước đi khập khiễng. Bác sĩ thần kinh không phát hiện anh có điều gì bất thường về mặt lâm sàng. Một năm sau, khi đã trở lại văn phòng thực địa của mình, anh được cho xuất ngũ do tàn tật. Tôi thấy tiếc cho anh, nhưng ở một khía cạnh nào đó, ít nhất cảnh sát rất giống tội phạm: bạn phải chứng minh mình gan lì cỡ nào với mỗi trường hợp.

Bất chấp sự dễ tính và hài hước của mình, tôi cũng không thoát, nhưng may là đa số những trò đùa chỉ vật vãnh thôi. Có lần, nhóm của tôi dỡ hết đồ nội thất trong phòng tôi; một lần khác, họ phá tấm trải giường của tôi; lần khác nữa, họ căng giấy bóng kính trên bồn cầu của tôi. Bạn phải tìm cách nào đó để giải tỏa căng thẳng.

Rồi cũng đến lúc họ làm tôi phát điên. Tôi rất muốn rời khỏi đó vài ngày và họ đúng là những cảnh sát giỏi giang, họ đánh hơi được thời điểm đó một cách chuẩn xác. Họ lấy mấy viên gạch bê tông siêu nhẹ chống chiếc xe MGB màu xanh lá của tôi lên, vừa đủ cao để bốn bánh xe không chạm đất một chút thôi. Tôi vào xe, khởi động, gạt cần số, nổ máy và đạp ga, không thể hiểu tại sao xe không nhúc nhích. Tôi bước ra, nguyên rửa công nghệ của dân Anh; tôi mở cốp xe, đá bánh xe, cúi xuống và nhìn gầm xe. Bỗng nhiên, cả bãi đậu xe sáng rực lên. Tất cả bọn họ đều ở trong xe của mình, đồng loạt rọi đèn pha vào tôi. Vì họ tuyên bố là họ thích tôi nên họ hạ xe xuống đất cho tôi sau khi trò đùa kết thúc.

Các học viên nước ngoài cũng tham gia. Rất nhiều người mang theo mấy cái va li rỗng, đến cửa hàng và mua như điên. Tôi đặc biệt nhớ rõ một thượng tá người Ai Cập. Ông ta hỏi một cảnh sát đến từ Detroit *chết tiệt* nghĩa là gì. (Sai lầm lớn.) Tay cảnh sát nói với ông ta, cũng khá chính xác, rằng đây là một từ đa nghĩa, có thể dùng theo nhiều cách khác nhau tùy tình huống, nhưng hầu như lúc nào cũng phù hợp. Một trong các nghĩa của nó là “đẹp” hay “sang trọng”.

Thế là anh ta vào cửa hàng, đến quầy máy ảnh, chỉ tay và nói “Tôi muốn mua cái máy quay phim chết tiệt đó.”

Cô gái bán hàng hoảng quá nói “Xin lỗi anh nói gì cơ?”

“Tôi muốn mua cái máy quay phim chết tiệt đó.”

Vài người khác nhanh chóng đến chỗ ông ta và giải thích rằng dù từ đó đúng là có nhiều cách dùng, nhưng không được dùng với phụ nữ và trẻ em.

Lại có một viên cảnh sát người Nhật nghiêm túc hỏi một viên cảnh sát khác quy trình chào hỏi với những giảng viên mà mình kính trọng. Thế là mỗi lần tôi thấy anh ta trên hành lang, anh ta liền mỉm cười, cúi đầu chào tôn kính và chào tôi bằng câu “Mẹ kiếp, ngài Douglas”. Thay vì làm lớn chuyện, tôi chỉ chào lại, mỉm cười và nói “Mẹ kiếp anh”.

Nhìn chung, khi người Nhật cử ai đó đến Học viện, họ sẽ khẳng khái cử hai học viên. Sau một khoảng thời gian, mọi người bắt đầu

hiểu ra một người sẽ là sĩ quan cấp cao còn người kia là cấp dưới có nhiệm vụ đánh giày, dọn giường, quét phòng, nói chung là làm người hầu. Có một lần, vài học viên khác đến tìm Jim Cotter để than phiền rằng viên sĩ quan cấp cao thường luyện karate trong phòng bằng cách đánh người kia như tử. Cotter đến gặp riêng viên sĩ quan cấp cao, giải thích mọi học viên đều bình đẳng tại Học viện và tuyên bố rõ ràng rằng lối hành xử này không được chấp nhận. Nhưng điều đó chỉ cho thấy một kiểu rào cản văn hóa phải vượt qua.

Tôi đã dự nhiều lớp ở Học viện và hình dung cách họ được dạy. Đến cuối khóa vào tháng Mười hai, cả hai Đơn vị Khoa học hành vi và Giáo dục đều đề nghị tôi sang làm việc cho họ. Giám đốc Đơn vị Giáo dục đề nghị tài trợ thêm chương trình cao học nhưng tôi nghĩ mình có hứng thú với lĩnh vực Khoa học hành vi hơn.

Tôi trở về Milwaukee một tuần trước ngày Giáng sinh, rất tự tin rằng mình sẽ được bổ nhiệm đến Quantico nên Pam và tôi đã mua một khu đất rộng hai héc-ta ở một khu vực phía nam Học viện FBI ở Quantico. Tháng Một năm 1977, Cục thông báo một cuộc điều tra nhân lực, trong thời gian đó không thực hiện chuyển nhân sự. Công việc mới của tôi vậy là đi tong; tôi gặp khó khăn với khu đất ở Virginia, phải vay bố tôi để trả tiền đặt cọc và vẫn không biết tương lai mình trong Cục sẽ đi về đâu.

Nhưng vài tuần sau đó, lúc tôi đang ra ngoài điều tra một vụ án với một đặc vụ tên Henry McCaslin thì nhận được cuộc gọi từ tổng bộ rằng tôi sẽ được chuyển đến Quantico vào tháng Sáu và vào Đơn vị Khoa học hành vi.

Ở tuổi ba mươi hai, tôi sẽ thay thế vị trí của Pat Mullany, ông ấy sẽ lên làm cán bộ giám sát ở tổng bộ. Quả là một vị trí lớn lao và tôi rất mong chờ thử thách đó. Điều duy nhất mà tôi lo lắng là những người tôi sẽ dạy. Tôi biết họ có thể chơi xỏ các cố vấn như thế nào, kể cả với người họ thích. Tôi không biết liệu họ sẽ mạnh tay ra sao với giảng viên, những người muốn dạy họ về chính công việc của họ. Tôi biết phải dạy cái gì nhưng tôi không chắc chắn về phương pháp truyền đạt. Nếu tôi dạy họ về khoa học hành vi, tốt nhất tôi nên tìm ra cách nào loại bỏ càng nhiều phần KH càng tốt. Và nếu tôi sẽ nói điều gì đó có giá trị với một cảnh sát trưởng lớn hơn tôi mười

lăm, hai mươi tuổi, tôi biết tốt nhất mình nên có kiến thức cũng cố lời nói của mình.

Và chính nỗi sợ đó đã đưa tôi đến giai đoạn tiếp theo của hành trình.

CHƯƠNG 6

Hành trình đào tạo

Có chín đặc vụ được cử đến đơn vị Khoa học hành vi khi tôi tham gia vào tháng Sáu năm 1977, tất cả chủ yếu tham gia giảng dạy. Khóa học chính dành cho cả nhân viên FBI và học viên của Học viện Quốc gia là Tâm lý học tội phạm ứng dụng. Howard Teten khởi động chương trình này năm 1972, tập trung vào vấn đề mà các thanh tra và điều tra viên tội phạm khác quan tâm nhất: động cơ gây án. Ý tưởng là cố gắng giúp học viên hiểu tại sao các tội phạm bạo lực lại suy nghĩ và hành động như vậy. Tuy phổ biến và hữu ích là thế, nhưng khóa học này chủ yếu dựa trên những nghiên cứu và giảng dạy từ nguyên tắc hàn lâm của tâm lý học. Một phần tài liệu xuất phát từ kinh nghiệm cá nhân của Teten, sau đó là kinh nghiệm của những giảng viên khác. Nhưng vào thời điểm đó, những người duy nhất có thể nói chuyện dựa vào các nghiên cứu có tổ chức, có phương pháp, được tiến hành rộng rãi chính là giảng viên. Và chúng tôi nhận ra tính ứng dụng của những nghiên cứu này, và quan điểm chuyên môn này, bị giới hạn trong lĩnh vực thực thi pháp luật và phát hiện tội ác.

Những khóa học khác tại Học viện gồm: Các vấn đề của cảnh sát đương đại, xử lý những vấn đề liên quan đến quản lý lao động, công đoàn cảnh sát, các mối quan hệ cộng đồng và các chủ đề liên quan; Xã hội học và tâm lý học, tương tự chương trình đại cương tại các trường đại học; và Tội phạm tình dục, đáng tiếc là thường mang tính giải trí hơn là hữu ích hay cung cấp thông tin. Tùy vào người dạy khóa Tội phạm tình dục mà khóa học nghiêm túc nhiều hay ít. Một trong các giảng viên tạo không khí bằng một con búp bê có hình dạng một ông già dê xồm mặc áo mưa. Khi nhấn lên đầu con búp

bê, cái áo mưa mở toang ra và dương vật nảy lên. Họ cũng cho học viên xem hàng trăm tấm hình chụp nhiều người bị những loại khác nhau của căn bệnh hiện nay gọi là lệch lạc tình dục, nhưng khi đó được gọi chung chung là biến thái: thích mặc đồ của người khác giới, có những sở thích kỳ quặc khác nhau, thích phô bày bộ phận sinh dục trước người khác... Những thứ này thường gây một tràng cười không thích hợp trong lớp. Khi nói về chứng thị dâm hoặc một người đàn ông mặc đồ phụ nữ, bạn có thể cười khúc khích trước một tấm hình. Khi nói đến những cực hạn của chứng ác dâm hay ấu dâm, nếu còn cười được thì chắc chắn bạn hoặc giảng viên hoặc cả hai đều có vấn đề. Phải mất nhiều năm và nhiều cuộc khai sáng trước khi Roy Hazelwood và Ken Lanning tham gia và đưa việc nghiên cứu những đề tài như cưỡng bức và bóc lột tình dục trẻ em lên cấp độ nghiêm túc và chuyên nghiệp. Hiện tại Hazelwood đã nghỉ hưu nhưng vẫn làm công việc tư vấn, còn Lanning sẽ sớm nghỉ hưu. Hai vị này vẫn là những chuyên gia thực thi pháp luật hàng đầu thế giới trong lĩnh vực của mình.

Nhưng hồi Hoover còn tại vị với cung cách “chỉ có sự thật”, không ai ở bất kỳ vị trí quyền lực nào từng xem công việc mà hiện nay có tên gọi mô tả nhân dạng là một công cụ phá án có giá trị. Trên thực tế, cụm từ *khoa học hành vi* được xem là kết hợp từ nghịch hợp và những người ủng hộ lĩnh vực này bị cho là cổ súy ma thuật hoặc ảo tưởng điên rồ. Vì vậy, bất kỳ ai tham gia ngành này phải làm một cách không chính thức, không được ghi chép bất cứ thứ gì. Khi Teten và Mullany bắt đầu đưa ra các bản mô tả tính cách, tất cả đều chỉ là lời nói, không có gì được ghi chép trên giấy. Quy tắc đầu tiên luôn là “Đừng làm Cục mất mặt”, và không ai muốn ghi chép lại thứ có thể đi chệch hướng và gây ra hậu quả tệ hại cho mình hay SAC của mình.

Thông qua sáng kiến của Teten và dựa trên những gì ông ấy học được từ tiến sĩ Brussel ở New York, chúng tôi có những buổi tư vấn không chính thức cho các nhân viên cảnh sát yêu cầu, nhưng không có chương trình được tổ chức rõ ràng hay bất kỳ suy nghĩ nào rằng đây là một chức năng mà Đơn vị Khoa học hành vi nên thực hiện. Chuyện thường thấy là một học viên tốt nghiệp từ khóa học của Học

viện sẽ gọi cho Teten hoặc Mullany để trao đổi về một vụ án mà anh ta đang gặp trở ngại.

Một trong những yêu cầu này đến từ một cảnh sát ở California rất muốn phá vụ án một phụ nữ bị đâm nhiều nhát đến chết. Ngoài sự tàn nhẫn của hành vi giết người, không có gì đặc biệt đáng chú ý và không có tiến triển nhiều ở khía cạnh pháp y. Khi viên cảnh sát miêu tả một số tình tiết mà anh ta có, Teten khuyên anh ta nên bắt đầu truy tìm quanh khu nhà ở của nạn nhân, tìm một người độc thân hơi đô con, không ưa nhìn, gần thành niên, đã giết người phụ nữ trong cơn bốc đồng và đang bị dày vò vì cảm giác tội lỗi vô cùng cũng như nỗi sợ bị phát hiện. Khi anh ta đến nhà hắt và hắt ra mở cửa, Teten đề nghị chỉ cần đứng đó, nhìn thẳng vào hắt và nói "Anh biết tại sao tôi đến đây mà". Muốn hắt nhận tội chẳng khó khăn gì.

Hai ngày sau, viên cảnh sát gọi lại và báo cáo họ đã bắt đầu đến từng nhà trong khu phố đó. Khi một thằng nhóc khộp với "bản mô tả" của Teten mở cửa, trước khi viên cảnh sát có thể nói ra câu đã luyện tập trước, thằng nhóc đã bảo "Thôi được, ông bắt được tôi rồi!"

Dù lúc đó có vẻ như Teten đang làm trò ảo thuật nhưng loại người và tình huống mà ông ấy miêu tả đều hợp lý. Theo thời gian, chúng tôi làm cho sự hợp lý này càng chính xác hơn và biến đổi mà ông ấy và Pat Mullany làm trong thời gian rảnh rỗi trở thành một vũ khí quan trọng trong cuộc chiến chống tội phạm bạo lực.

Cũng như các tiến bộ trong một lĩnh vực cụ thể nào đó, tiến bộ này ra đời phần lớn dựa vào vận may. Trong trường hợp này, vận may là với tư cách giảng viên của Đơn vị Khoa học hành vi, tôi thật sự không biết mình đang làm gì và cảm thấy cần có cách nào đó để nắm bắt thêm thông tin trực tiếp.

Khi tôi đến Quantico, Mullany chuẩn bị rời đi và Teten là chuyên gia toàn diện. Vì vậy, trách nhiệm giúp tôi làm quen công việc giao cho hai người có tuổi tác và thâm niên gần với tôi nhất là Dick Ault và Bob Ressler. Dick hơn tôi khoảng sáu tuổi còn Bob hơn khoảng tám tuổi. Cả hai đều là quân cảnh trong Lục quân trước khi gia nhập Cục. Tâm lý tội phạm ứng dụng chiếm khoảng bốn mươi giờ lên lớp trong mười một tuần của khóa học tại Học viện nên cách hiệu quả

nhất để giúp người mới làm quen công việc là thông qua chương trình đào tạo ngắn hạn. Các giảng viên từ Quantico sẽ dạy những kiểu khóa học giống nhau dưới dạng vô cùng súc tích cho các Sở Cảnh sát và học viện địa phương trên khắp nước Mỹ. Những khóa học này rất phổ biến và thường có một danh sách chờ gồm những người yêu cầu dịch vụ của chúng tôi, chủ yếu là các cảnh sát trưởng và nhân sự cấp cao đã tham dự khóa học đầy đủ của Học viện. Đi cùng một giảng viên dày dặn kinh nghiệm và quan sát anh ta giảng dạy trong hai tuần là cách để nhanh chóng nắm bắt nhiệm vụ. Thế là tôi bắt đầu đi cùng Bob.

Chương trình đào tạo này có một quy trình tiêu chuẩn. Chúng tôi rời nhà vào ngày Chủ nhật, giảng dạy ở một Sở Cảnh sát hoặc học viện từ sáng thứ Hai đến trưa thứ Sáu, sau đó di chuyển đến nơi tiếp theo và lặp lại quy trình này. Sau một khoảng thời gian, ta bắt đầu cảm thấy như Shane hay Kỵ sĩ cô độc^[37] - lái xe vào thành phố, thực hiện công việc để giúp người dân nơi đó, rồi lặng lẽ rời đi khi công việc hoàn tất. Đôi khi tôi muốn để lại một viên đạn bạc để họ có cái nhớ tới chúng tôi.

Ngay từ đầu, tôi đã thấy không thoải mái về kiểu giảng dạy từ việc nghe kể lại mà không biết có hoàn toàn đúng hay không. Đa số giảng viên - quan trọng nhất là tôi cũng nằm trong đó - không có kinh nghiệm trực tiếp với phần lớn vụ án mà họ dạy. Như vậy, tình huống này cũng giống một khóa học về tội phạm ở đại học, trong đa số trường hợp thì giáo sư giảng dạy chưa từng làm việc ngoài thực địa và trải nghiệm những gì mà vị này đang nói tới. Phần lớn khóa học đã tiến triển thành "những câu chuyện thời chiến", ban đầu do các cảnh sát tham gia vụ án kể lại, rồi theo thời gian, được thêm mắm dặm muối đến khi chúng không còn liên quan gì đến sự kiện thực. Khi tôi tham gia, mọi việc đã đến mức một giảng viên diễn thuyết về một vụ án cụ thể nào đó nhưng lại bị phản đối bởi một học sinh trong lớp, người đã thực sự tham gia phá án! Phần tệ nhất là giảng viên không phải lúc nào cũng nhường nhịn mà thường khẳng định mình đúng, thậm chí nói thẳng vào mặt người đã tham gia vụ án. Kỹ thuật và thái độ kiểu này sẽ khiến cả lớp không còn tin những điều giảng viên nói, dù họ có biết về vụ việc đó hay không.

Một vấn đề khác là tôi mới ba mươi hai tuổi và trông thậm chí còn trẻ hơn tuổi thật. Tôi sẽ phải dạy cho những cảnh sát giàu kinh nghiệm, nhiều người hơn tôi tận mười, mười lăm tuổi. Làm sao tôi có thể nói chuyện như thể tôi am hiểu tường tận mọi việc hoặc dạy họ bất kỳ điều gì cơ chứ? Đa số kinh nghiệm trực tiếp liên quan đến điều tra án mạng của tôi đều nhờ sự chỉ dạy của các cảnh sát điều tra án mạng dày dạn ở Detroit và Milwaukee. Ở đây, tôi sẽ dạy những người giống họ cách làm công việc của chính họ nên tôi hiểu mình phải biết việc mình làm trước khi đối mặt với họ, và những gì chưa biết thì tôi phải học thật nhanh.

Về chuyện này, tôi không ngốc. Trước khi bắt đầu một bài giảng, tôi sẽ hỏi xem có ai trong lớp có kinh nghiệm trực tiếp với các vụ án hoặc tội phạm mà tôi dự định thảo luận trong hôm đó hay không. Ví dụ, nếu tôi sắp thảo luận về Charles Manson, đầu tiên tôi sẽ hỏi “Trong lớp có anh em nào đến từ Sở Cảnh sát Los Angeles không? Có ai tham gia vụ án này không?” Và nếu tình cờ có người nào đó thật, tôi sẽ nhờ anh ta cho chúng tôi biết tất cả chi tiết của vụ án. Bằng cách đó, bảo đảm tôi không bị mâu thuẫn ở bất cứ sự thật nào mà một điều tra viên tham gia phá án đã biết.

Nhưng dù tôi có lẽ chỉ là một tên nhóc ba mươi hai tuổi vừa bước ra từ văn phòng thực địa, khi giảng dạy tại Quantico hoặc từ Quantico đến nơi nào đó giảng dạy, cách nói năng của tôi phải thể hiện thẩm quyền của Học viện FBI và mọi tiềm lực ẩn tượng của nơi đó. Các cảnh sát thường liên tục đến gặp tôi trong giờ giải lao hoặc trong các chuyến đào tạo ngắn hạn, gọi đến phòng khách sạn của tôi vào buổi tối, đề nghị tôi cho lời khuyên về các vụ án đang được điều tra. “John này, tôi có một vụ án tương tự vụ anh đã nói hôm nay. Anh nghĩ sao về vụ này?” Những đề nghị này cứ xảy ra không dứt. Và tôi cần thẩm quyền cho những gì mình đang làm; không phải thẩm quyền từ Cục mà là quyền lực cá nhân.

Bây giờ, ít nhất là với tôi, đột nhiên có một thời điểm mà tôi nhận ra mình có quá ít bài hát để nghe, quá nhiều ly margarita để uống, quá nhiều thời gian vớ vẩn trong phòng và nhìn vào màn hình ti vi. Thời điểm đó xảy ra tại quầy cocktail trong khách sạn ở California đầu năm 1978. Bob Ressler và tôi đang dạy ở Sacramento.

Hôm sau, lúc rời đi, tôi nói rằng đa số tội phạm mà chúng tôi nói đến lúc dạy vẫn còn sống và đa số họ sẽ ngồi tù suốt đời. Thử xem chúng ta có thể nói chuyện với họ không; hỏi họ xem tại sao họ phạm tội, tìm hiểu sự việc qua cặp mắt của họ. Chúng ta chỉ có thể thử. Nếu số phận đã định là không được thì sẽ không được.

Từ lâu tôi đã nổi tiếng là hăng hái quá mức và lời đề nghị này không giúp xóa bỏ cái tiếng xấu đó trong mắt Bob. Nhưng anh ta cũng đồng ý làm theo ý tưởng điên rồ của tôi. Phương châm của Bob luôn là "Thà làm sai rồi xin lỗi còn hơn đợi chấp thuận rồi lỡ việc" và câu này chắc chắn phù hợp với hoàn cảnh này. Chúng tôi biết nếu xin tổng bộ phê chuẩn, họ sẽ không đồng ý. Không chỉ thế mà từ nay trở đi, những gì chúng tôi làm sẽ bị theo dõi sát sao. Trong bất kỳ bộ máy quan liêu nào, người ta đều phải cẩn thận trông chừng mấy tên hăng hái quá mức.

California lúc nào cũng có nhiều vụ án đặc biệt và kỳ dị nên đó có vẻ là xuất phát điểm thích hợp. John Conway là một đặc vụ được điều động đến cơ sở vệ tinh ở San Rafael, phía bắc San Francisco. Anh ta từng học một lớp của Bob ở Quantico, có mối quan hệ tốt đẹp với những người trong hệ thống hình sự bang California. Anh ta đã đồng ý làm người liên lạc và sắp xếp các cuộc gặp cho chúng tôi. Chúng tôi biết mình cần có tay trong đáng tin tưởng, và cũng tin tưởng chúng tôi, vì nếu dự án be bé này đi chệch hướng, các bên sẽ đổ thừa qua lại cho xem.

Tội phạm nghiêm trọng đầu tiên chúng tôi quyết định gặp là Ed Kemper, lúc đó đang chịu nhiều án chung thân ở Cơ sở y tế Nhà tù bang California tại Vacaville, nằm gần giữa quãng đường từ San Francisco đến Sacramento, chúng tôi đã giảng dạy về vụ án của hắn ở Học viện mà chưa từng có tiếp xúc cá nhân nào với hắn nên hắn có vẻ là một đối tượng phù hợp để bắt đầu. Nhưng hắn có đồng ý gặp hoặc nói chuyện với chúng tôi hay không vẫn là một câu hỏi bỏ ngỏ.

Những tình tiết của vụ án được ghi chép đầy đủ. Edmund Emil Kemper III sinh ngày 18 tháng Mười hai năm 1948 ở Burbank, California. Hắn lớn lên với hai em gái trong một gia đình đổ vỡ, mẹ hắn Clarnell và cha hắn Ed Con, cãi nhau suốt và cuối cùng ly hôn.

Sau khi Ed thể hiện một loạt hành vi “dị hợm”, trong đó có việc phân xác hai con mèo nhà hắn và chơi trò tang lễ với đứa em gái lớn là Susan, mẹ hắn thu dọn đồ đạc và tổng hắc cho ông chồng cũ. Khi hắc chạy trốn và trở về chỗ mẹ hắc, hắc bị đưa đến sống với ông bà nội tại một nông trại hẻo lánh ở California, dưới chân dãy núi Sierras. Ở đó, hắc vô cùng buồn chán và cô đơn, bị buộc rời xa gia đình và chút an ủi con con mà môi trường quen thuộc của trường học mang lại. Vào một buổi chiều tháng Tám năm 1963, thẳng nhóc mười bốn tuổi cao lớn dềnh dàng đó đã bắn bà nội của mình, Maude, bằng một khẩu súng trường 22 ly rồi dùng một con dao nhà bếp đâm liên tiếp vào thi thể bà. Bà nội đã khẳng khẳng bắt hắc ở nhà phụ giúp việc nhà thay vì đi ra đồng cùng ông nội, người mà hắc quý hơn. Biết rằng ông nội Ed sẽ không chấp nhận được việc hắc vừa làm nên khi ông cụ trở về, Ed bắn luôn ông và để thi thể ông nằm trên sân. Sau đó, khi cảnh sát hỏi, hắc chỉ nhún vai và nói “Tôi chỉ muốn biết cảm giác khi bắn bà nội ra sao”.

Hành động giết hai người mà dường như không có động cơ này khiến Ed được chẩn đoán “rối loạn nhân cách gây hắc thụ động” và bị đưa vào Bệnh viện bang Atascadero dành cho tội phạm tâm thần. Hắc được thả năm 1969, khi hắc hai mươi một tuổi, trước sự phản đối từ các nhà tâm thần học của bang, và được giao cho mẹ hắc giám hộ, bà ấy vừa ly hôn ông chồng thứ ba và đang làm thư ký tại Đại học California vừa khánh thành ở Santa Cruz. Lúc này, Ed Kemper đã cao 2m05 và nặng khoảng 136kg.

Suốt hai năm, hắc làm nhiều công việc vặt, lái xe trên các con phố và cao tốc, và có thói quen cho các cô gái trẻ đi nhờ xe. Santa Cruz và vùng phụ cận giống một thời nam châm thu hút các nữ sinh xinh đẹp ở California, Kemper đã bỏ lỡ nhiều điều trong giai đoạn thiếu niên của hắc. Tuy bị từ chối công việc cảnh sát tuần tra nhưng hắc được vào làm cho Sở Đường bộ tiểu bang.

Ngày 7 tháng Năm năm 1972, hắc cho hai cô gái ở cùng phòng trong Đại học bang Fresno, Mary Ann Pesce và Anita Luchessa, đi nhờ xe. Hắc đưa họ đến một nơi vắng vẻ, đâm chết cả hai rồi chở xác họ về nhà mẹ hắc, chụp những tấm hình lấy liền, mổ xác họ và chơi đùa với nhiều cơ quan nội tạng khác nhau. Sau đó hắc bỏ

những gì còn lại vào các túi nhựa, chôn hai thi thể trong rừng núi Santa Cruz và ném đầu họ xuống khe núi bên đường.

Ngày 14 tháng Chín, Kemper cho một nữ sinh trung học mười lăm tuổi Aiko Koo đi nhờ, hãm làm cô chết ngạt, giở trò đồi bại với thi thể cô, rồi mang về nhà để mổ ra. Sáng hôm sau, khi hãm đến cuộc hẹn theo định kỳ với các nhà tâm thần học của bang để kiểm tra và đánh giá sức khỏe tâm thần, đầu của Koo đang nằm trong cốp xe hãm. Cuộc phỏng vấn diễn ra suôn sẻ và các nhà tâm thần học tuyên bố hãm không còn là mối nguy hiểm cho bản thân hay người khác, đề nghị đóng hồ sơ phạm tội thời vị thành niên của hãm. Kemper rất thích hành động mang tính biểu tượng này. Nó minh họa cho sự khinh miệt của hãm đối với hệ thống pháp luật và cả sự ưu việt của hãm so với hệ thống. Hãm trở về rừng núi và chôn các mảnh xác của Koo gần khu Boulder Creek.

(Ở thời điểm Kemper đang hoạt động, Santa Cruz có thể nắm giữ danh hiệu mà không nơi nào muốn có, kinh đô của những tên sát nhân hàng loạt trên thế giới. Herbert Mullin, một gã đẹp trai, sáng sủa, được chẩn đoán tâm thần phân liệt dạng hoang tưởng, đang giết cả đàn ông lẫn phụ nữ bởi sự thôi thúc của những giọng nói hướng dẫn hãm cứu lấy môi trường, như hãm tuyên bố. Với lý do tương tự, John Linley Frazier - một thợ sửa xe hai mươi tư tuổi, sống cô độc - đã thiêu rụi một ngôi nhà và giết một gia đình sáu người để cảnh cáo những ai muốn hủy hoại thiên nhiên. “Chủ nghĩa duy vật phải chết hoặc nhân loại phải dừng lại” là lời nhắn trên tờ giấy đặt dưới cần gạt nước của chiếc Rolls-Royce của gia đình này. Có vẻ mỗi tuần, một hành động gây oán giận khác lại xảy ra.)

Ngày 9 tháng Một năm 1973, Kemper cho một học sinh ở Santa Cruz, Cindy Schall, đi nhờ, dùng súng ép cô chui vào cốp xe rồi bắn. Như một thói quen, hãm mang xác cô về nhà mẹ hãm, quan hệ với thi thể trên giường, phần xác trong bồn tắm, rồi cho những thứ còn lại vào túi và ném qua khe núi xuống biển ở Carmel. Lần này có sự đổi mới đó là hãm chôn đầu của Schall trong sân, với gương mặt hướng lên trên, nhìn về phía cửa sổ phòng ngủ của mẹ hãm, vì bà ấy luôn muốn người khác phải “ngưỡng vọng bà ấy”.

Bấy giờ, Santa Cruz đang hoảng loạn vì “Kẻ sát hại nữ sinh”. Các cô gái trẻ được cảnh báo không nên đi nhờ xe người lạ, đặc biệt là những ai bên ngoài khuôn viên an toàn của trường đại học. Nhưng mẹ Kemper làm việc cho trường nên trên xe hắt có dán nhãn của trường đại học.

Chưa đầy một tháng sau, Kemper lại bắt Rosalind Thorpe và Alice Liu, hắt bắt cả hai rồi nhét họ vào cốp xe. Hai cô gái cũng chịu kết cục tương tự các nạn nhân trước của hắt khi hắt đưa họ về nhà. Kemper vớt hai thi thể tả tơi ở Hẻm Eden, gần San Francisco, một tuần sau đó họ mới được tìm thấy.

Ham muốn giết người của hắt tăng lên với tốc độ đáng báo động, kể cả với chính hắt. Hắt nghĩ đến việc bắn hết mọi người trong khu nhà mình nhưng cuối cùng quyết định không làm. Hắt có một ý tưởng hay hơn, mà hắt nhận ra mình đã muốn làm từ rất lâu. Vào cuối tuần dịp lễ Phục sinh, khi mẹ hắt đang ngủ trên giường, Kemper vào phòng và dùng búa liên tục tấn công đến khi bà ấy chết. Sau đó hắt chặt đầu bà ấy và cưỡng bức thi thể không đầu. Với cảm hứng sau cùng, hắt cắt thanh quản của mẹ mình ra và bỏ vào máy nghiền thức ăn. “Chuyện đó có vẻ hợp”, sau này, hắt nói với cảnh sát, “vì mẹ ta đã chê bai, la rầy tôi suốt bao nhiêu năm.” Nhưng khi hắt bật công tắc, máy nghiền bị tắc và phun cái dây thanh quản vào người hắt. “Kể cả khi đã chết, mẹ ta vẫn chê cười tôi. Tôi không khiến mẹ ta im mồm được!”

Sau đó hắt gọi cho Sally Hallett, một người bạn của mẹ hắt, mời bà ấy đến ăn một bữa tối “bất ngờ”. Khi bà này đến, hắt dùng cây đập bà ấy và bóp cổ, rồi cắt đầu và để xác bà ấy trên giường mình còn hắt thì sang ngủ trên giường mẹ hắt. Sáng Chủ nhật ngày Phục sinh, hắt lái xe về phía đông mà không có mục tiêu cụ thể nào. Hắt liên tục nghe đài, hy vọng mình đã trở thành một người nổi tiếng khắp cả nước. Nhưng chẳng có tin tức gì cả.

Ở ngoại vi thành phố Pueblo, bang Colorado, choáng váng và kiệt sức vì thiếu ngủ, thất vọng vì hành vi nghiêm trọng của hắt không có tác động gì, hắt dừng lại ở một buồng điện thoại ven đường, gọi cho Sở Cảnh sát Santa Cruz. Sau nhiều lần cố gắng thuyết phục họ rằng hắt đang nói thật, hắt thú nhận các tội giết

người và danh tính của mình là Kẻ sát hại nữ sinh. Sau đó hắn kiên nhẫn chờ cảnh sát địa phương được cử đến để bắt hắn.

Kemper bị buộc tám tội giết người cấp độ I. Khi được hỏi hình phạt nào phù hợp, hắn trả lời là "Hành hạ tới chết".

Tuy John Conway đã sắp xếp trước với nhân viên ở khám nhưng tôi quyết định tốt nhất là yêu cầu thẩm vấn tù nhân bất ngờ khi chúng tôi đến đó. Tuy như vậy có nghĩa là đi mà không bảo đảm được tù nhân sẽ hợp tác, nhưng đó dường như là ý hay nhất. Trong tù không có gì bí mật và nếu thông tin lọt ra ngoài rằng một tù nhân nào đó đã có mối liên hệ với FBI và đang nói chuyện với FBI, người đó có thể bị xem là kẻ chỉ điểm hoặc tệ hơn. Còn nếu chúng tôi xuất hiện mà không báo trước, các phạm nhân khác sẽ nghĩ chúng tôi đang điều tra vụ gì đó và không có sắp xếp hay thỏa thuận trước. Vì vậy, tôi hơi ngạc nhiên khi Ed Kemper lập tức đồng ý nói chuyện với chúng tôi. Dường như lâu rồi không ai hỏi hắn điều gì về những tội ác mà hắn thực hiện và hắn tò mò về việc chúng tôi đang làm.

Vào một nhà giam được bảo an cao độ là một trải nghiệm lạnh sống lưng, dù đối với một nhân viên thực thi pháp luật của liên bang. Điều đầu tiên phải làm là nộp súng. Rõ ràng họ không muốn vũ khí xuất hiện trong các khu nhà giam. Yêu cầu thứ hai là ký vào giấy miễn trừ trách nhiệm, tuyên bố bạn không đổ trách nhiệm cho hệ thống nhà giam nếu bị bắt làm con tin và hiểu rằng nếu tình huống đó xảy ra, bạn sẽ không được cứu. Có con tin là đặc vụ FBI có thể mang lại lợi thế rất lớn trong việc thương thuyết. Những thủ tục đó đã được dàn xếp trước, Bob Ressler, John Conway và tôi được đưa vào một căn phòng có một cái bàn và mấy cái ghế để chờ Ed Kemper tới.

Điều đầu tiên làm tôi kinh ngạc khi họ đưa hắn vào là hình thể to lớn của hắn. Tôi biết hắn cao và bị cô lập ở cả trường học lẫn nơi hắn sinh sống vì tầm vóc của hắn nhưng nhìn gần, hắn như người khổng lồ vậy. Hắn có thể dễ dàng bẻ đôi bất cứ người nào trong chúng tôi. Tóc hắn hơi dài, sẫm màu và râu đầy cằm, hắn mặc áo ngoài phanh cúc và áo thun trắng bên trong, làm nổi bật cái bụng to đùng.

Cũng dễ dàng nhận thấy Kemper là một người sáng dạ. Hồ sơ của nhà giam cho biết chỉ số IQ của hắn là 145, và ở vài thời điểm trong nhiều giờ nói chuyện với hắn, Bob và tôi lo rằng hắn còn thông minh hơn chúng tôi nhiều. Hắn có nhiều thời gian để ngồi và suy nghĩ về cuộc đời cũng như những tội ác của mình. Một khi hiểu rằng chúng tôi đã cẩn thận nghiên cứu hồ sơ của hắn và sẽ biết nếu hắn lừa chúng tôi, hắn liền thẳng thắn nói hết về bản thân suốt nhiều giờ đồng hồ.

Thái độ của hắn không hề xấc láo và tự phụ, cũng không ăn năn hối lỗi. Thay vào đó, hắn điềm tĩnh, nói chuyện nhẹ nhàng, tỉ mỉ và có phần xa xăm. Những lần duy nhất hắn suýt khóc là khi nhớ lại cách mẹ hắn đối xử với hắn.

Đang dạy môn Tâm lý tội phạm ứng dụng mà không cần biết mọi thứ mình đang nói là đúng sự thật, tôi hứng thú với câu hỏi đã có từ lâu rằng liệu người ta sinh ra đã là tội phạm hay do hoàn cảnh xô đẩy. Tuy vẫn chưa có câu trả lời cuối cùng và có thể chẳng bao giờ có, nhưng việc lắng nghe Kemper nói đã làm nảy sinh một số câu hỏi hay ho.

Bố mẹ Ed có một cuộc hôn nhân tồi tệ, việc đó thì không phải bàn cãi nữa. Hắn kể rằng từ nhỏ trông hắn đã rất giống bố nên mẹ ghét hắn. Rồi vóc dáng của hắn trở thành một vấn đề. Mười tuổi, hắn đã rất to con so với độ tuổi và Clarnell lo hắn sẽ sàm sỡ em gái Susan của hắn nên bà ấy bắt hắn ngủ trong một căn phòng dưới hầm không cửa sổ, gần lò sưởi. Vào giờ đi ngủ mỗi tối, Clarnell đóng cửa hầm lại, trong khi bà ấy và Susan lên phòng ở nhà trên. Điều này làm hắn sợ và vô cùng căm ghét họ. Nó kết hợp với việc bà ấy ly hôn với bố Ed. Vì vóc người to lớn, tính tình rụt rè và trong nhà thiếu một hình mẫu để noi theo nên Ed vẫn luôn khép kín và "khác biệt". Bị nhốt dưới hầm như tù nhân và bị nhồi nhét suy nghĩ rằng mình dơ bẩn và nguy hiểm dù mình chẳng làm gì sai, những ý nghĩ thù địch và giết người bắt đầu nảy nở trong hắn. Sau đó hắn đã giết và phân xác hai con mèo nhà hắn, một con bị phân xác bằng dao bỏ túi, con kia bằng mã tấu. Sau này chúng tôi nhận ra xu hướng ngược đãi động vật từ nhỏ là yếu tố quyết định của cái được gọi là

“tam giác giết người”, kết hợp với hai yếu tố khác là đái dầm kéo dài qua độ tuổi thông thường và đốt lửa.

Một điều mỉa mai và đáng buồn khác là ở Santa Cruz, mẹ Ed được cả các nhân viên hành chính và sinh viên biết đến. Bà ấy được xem là người nhạy cảm, chu đáo mà sinh viên có thể đến gặp nếu có vấn đề gì hoặc cần tâm sự. Nhưng ở nhà, bà ấy lại đối xử với đứa con trai rụt rè của mình như thể nó là quái vật.

Mày không đời nào hẹn hò hay cưới được ai trong đám nữ sinh đó đâu là thông điệp rất rõ ràng của bà ấy. Họ tốt hơn mày nhiều. Liên tục vấp phải thái độ như thế, cuối cùng Ed quyết định đáp ứng những mong mỏi của bà ấy.

Phải nói rằng, bà ấy có cố gắng chăm sóc cho hăng theo cách riêng của mình. Khi hăng muốn tham gia đội Tuần tra đường phố California, bà ấy cố gắng tìm cách xóa hồ sơ phạm tội hồi thiếu niên của hăng, để “vết nhơ” giết ông bà nội sẽ không cản trở cuộc sống trưởng thành của hăng.

Mong muốn làm việc với cảnh sát là một khám phá thú vị khác, sẽ xuất hiện nhiều lần trong nghiên cứu về những tên sát nhân hàng loạt của chúng tôi. Ba động cơ phổ biến nhất của những kẻ cưỡng bức và giết người hàng loạt hóa ra là sự thống trị, thao túng và kiểm soát. Khi nhận định rằng đa số họ là những kẻ thất bại bất lực, đầy giận dữ, cảm thấy bị cuộc đời đối xử tệ bạc, từng bị bạo hành về thể xác hoặc tinh thần, như Ed Kemper, thì không ngạc nhiên khi một trong những nghề nghiệp chính mà họ mơ ước là cảnh sát.

Một cảnh sát tượng trưng cho quyền lực và sự kính trọng của công chúng. Khi được gọi đến để làm nhiệm vụ, hăng có quyền tổn thương người xấu để bảo vệ người tốt. Trong nghiên cứu của mình, chúng tôi phát hiện ra tuy rất ít cảnh sát bị biến chất và phạm tội ác bạo lực, nhưng thường thì những tội phạm hàng loạt đều thất bại trong nỗ lực gia nhập các Sở Cảnh sát và đã làm nhiều công việc trong các lĩnh vực có liên quan như nhân viên bảo an hoặc bảo vệ trực đêm. Một điều mà chúng tôi bắt đầu nói đến trong một số bản mô tả của mình là Đối tượng vô danh sẽ lái một phương tiện giống xe cảnh sát, chẳng hạn như một chiếc Ford Crown Victoria hoặc Chevrolet Caprice. Đôi khi, như trong những vụ sát hại trẻ em ở

Atlanta, đối tượng đã mua một chiếc xe cảnh sát cũ đã gỡ bỏ nhiều bộ phận.

Một điểm thường thấy hơn đó là “cuồng cảnh sát”. Ed Kemper kể với chúng tôi là hắn thường đến các quán rượu và quán ăn mà cảnh sát thường đến và bắt chuyện. Việc này khiến hắn có cảm giác của một người trong cuộc, cho hắn sự hồi hộp gián tiếp trước quyền hạn của một cảnh sát. Nhưng một khi Kẻ sát hại nữ sinh ra tay thì hắn đã có thông tin từ quá trình điều tra, cho phép hắn dự tính bước tiếp theo của cảnh sát. Thực ra, khi Kemper gọi từ Colorado ở cuối hành trình dài và đẫm máu của hắn, hắn gặp khó khăn trong việc thuyết phục cảnh sát Santa Cruz rằng đó không phải một trò đùa khi say xỉn, rằng Kẻ sát hại nữ sinh chính là Ed, bạn của họ. Thế này nhé, nhờ những gì chúng tôi tìm hiểu được, chúng tôi thường cân nhắc khả năng rằng các đối tượng sẽ cố gắng len lỏi vào cuộc điều tra. Nhiều năm sau, khi giải quyết các vụ sát hại gái mại dâm của Arthur Shawcross ở Rochester, New York, đồng nghiệp của tôi là Gregg McCrary đã dự đoán chính xác rằng kẻ thủ ác là một người mà nhiều cảnh sát biết rõ, vẫn đến những nơi họ hay tụ tập và háo hức dò hỏi thông tin từ họ.

Tôi rất hứng thú với phương pháp của Kemper. Việc hắn không bị bắt vì những tội ác này lặp đi lặp lại trong một khu vực địa lý chung có nghĩa là hắn đã làm một điều gì đó “đúng đắn”, rằng hắn đã phân tích điều hắn đang làm và học hỏi để hoàn thiện kỹ năng. Hãy nhớ rằng với đa số những kẻ sát nhân hàng loạt này, săn lùng và giết người là điều quan trọng nhất trong đời họ, “công việc” chính của họ, nên họ nghĩ về công việc đó suốt. Ed Kemper trở nên điêu luyện đến mức trong lần hắn bị bắt dừng xe vì pha sau bị hỏng với hai xác người trong cốp xe, viên cảnh sát báo cáo hắn đã rất lịch sự và cho hắn đi với một lời cảnh cáo. Thay vì lo sợ bị phát hiện và bị bắt, đây là một phần của sự phấn khích đối với Kemper. Hắn坦然 nhiên nói với chúng tôi rằng nếu viên cảnh sát kiểm tra cốp xe, hắn sẵn sàng giết anh ta. Một lần khác, hắn thuyết phục được một viên bảo vệ ở trường đại học tin hắn khi trong xe có hai phụ nữ chết vì bị bắn. Cả hai được quấn mền đến cổ, một người được đặt cạnh hắn ở ghế trước, một người ở ghế sau. Kemper bình tĩnh và còn hơi bối rối giải

thích rằng hai cô gái đã say, hẳn đang chờ họ về nhà. Phần sau của lời giải thích này là sự thật. Một lần khác nữa, hẳn cho một phụ nữ và đứa con trai đang tuổi vị thành niên đi nhờ, định giết cả hai. Nhưng khi lái xe, hẳn nhìn thấy qua gương chiếu hậu đứa con trai đã ghi lại biển số xe của hẳn. Thế là hẳn chở hai mẹ con đến nơi cần đến và cho họ xuống xe.

Thông minh là thế, Kemper thực ra đã thực hiện các bài kiểm tra tâm lý trong tù nên hẳn biết mọi thuật ngữ thông dụng và có thể lập một bản phân tích hành vi của hẳn một cách chi tiết theo ngôn ngữ tâm thần học. Mọi thứ về tội ác là một phần của thử thách, một phần của trò chơi, kể cả việc tìm cách lừa nạn nhân lên xe mà không bị nghi ngờ. Hẳn kể rằng khi dừng xe vì thấy một cô gái đẹp, hẳn sẽ hỏi cô ấy định đi đâu, rồi liếc đồng hồ như thể đang cân nhắc xem hẳn có đủ thời gian không. Suy nghĩ mình đang nói chuyện với một người bạn rạn, có nhiều việc quan trọng cần ưu tiên hơn là cho đi nhờ xe khiến cô gái lập tức cảm thấy yên tâm và không còn chần chừ. Ngoài việc giúp chúng tôi hiểu cách thức hoạt động của một kẻ sát nhân, loại thông tin này còn gợi ra một điều quan trọng: Những nhận định thông thường, những ám hiệu bằng lời, ngôn ngữ cơ thể và nhiều thứ khác mà chúng ta dựa vào để đánh giá một người và đưa ra những phán đoán tức thời về họ thường không dùng được cho đối tượng chống đối xã hội. Ví dụ, với Kemper, việc dừng xe vì người xin đi nhờ xinh đẹp là ưu tiên hàng đầu của hẳn. Hẳn đã suy nghĩ rất lâu, cẩn thận và có hệ thống về cách tốt nhất để hoàn thành mục tiêu; lâu hơn, cẩn thận hơn và có hệ thống hơn so với cách một cô gái trẻ vô tình tiếp xúc với hẳn suy nghĩ từ góc nhìn của cô ấy.

Thao túng. Thống trị. Kiểm soát. Đó là ba khẩu lệnh của những tội phạm bạo lực hàng loạt. Mọi thứ chúng làm và nghĩ đều nhằm giúp chúng bù đắp cho cuộc sống đối lập đầy tự ti của mình.

Có lẽ yếu tố đơn lẻ tối quan trọng trong quá trình phát triển của một kẻ cưỡng hiếp hoặc sát nhân hàng loạt là vai trò của ảo tưởng. Và tôi nói điều này theo nghĩa rộng nhất. Những ảo tưởng của Ed Kemper phát triển sớm và tất cả đều liên quan đến mối quan hệ giữa tình dục và cái chết. Trò chơi mà hẳn bắt em gái mình tham gia

có hành động trối hăn vào ghế như thể hăn đang ở trong phòng hơi ngột. Những ảo tưởng tình dục của hăn với người khác kết thúc bằng cái chết và việc phân xác bạn tình của hăn. Vì cảm giác tự ti nên Kemper cảm thấy không thoải mái với mỗi quan hệ trai gái bình thường. Hăn nghĩ không cô gái nào chịu hăn nên trong thâm tâm, hăn đang bù đắp. Hăn phải hoàn toàn chiếm hữu bạn tình tưởng tượng của mình và điều đó có nghĩa là cuối cùng hăn chiếm hữu mạng sống của họ.

"Khi sống, họ xa cách, không chia sẻ với tôi", hăn giải thích trong một lời thú tội trước tòa. "Tôi đang cố gắng thiết lập một mối quan hệ. Khi họ bị giết, chẳng có gì trong tâm trí tôi ngoài việc họ sẽ là của tôi. "

Với đa số những kẻ sát nhân vì tình dục, từ ảo tưởng đến hiện thực là một quá trình phát triển, thường được kích thích bởi văn hóa phẩm đồi trụy, thử nghiệm bệnh hoạn trên động vật và sự tàn ác với đồng loại. Đối tượng có thể xem xu hướng cuối cùng này là "hành vi trả đũa" nạn nhân vì đã đối xử tệ bạc với chúng. Trong trường hợp của Kemper, hăn cảm thấy mình bị những đứa trẻ khác xa lánh và giày vò vì vóc dáng và tính cách của mình. Và hăn kể, trước khi phân xác hai con mèo, hăn đã trộm một con búp bê của em hăn, cắt đầu và bàn tay búp bê, luyện tập điều hăn định làm với những sinh vật sống.

Ở một mức độ khác, ảo tưởng quan trọng nhất của Kemper là loại bỏ người mẹ độc đoán và bạo hành, có thể phân tích mọi việc hăn làm khi là sát nhân trong bối cảnh đó. Xin đừng hiểu lầm; không có lý do nào có thể biện hộ cho những việc hăn đã làm. Mọi kiến thức và kinh nghiệm của tôi cho biết người ta có trách nhiệm với những gì họ làm. Nhưng theo ý tôi, Ed Kemper là ví dụ về một người không sinh ra là kẻ sát nhân hàng loạt mà bị biến thành kẻ sát nhân hàng loạt. Liệu hăn có những ảo tưởng giết chóc đó không nếu hăn có cuộc sống gia đình ổn định và được nuôi dưỡng tốt hơn? Không ai biết chắc. Nhưng hăn có hành động như vậy nếu không có sự cấm hờn dành cho người phụ nữ độc đoán trong cuộc đời hăn? Tôi nghĩ là không, vì toàn bộ quá trình phát triển thành một tên sát nhân của Kemper đều là nỗ lực trả đũa người mẹ già thân yêu. Khi

rất cục hắn đã đủ can đảm để thực hiện hành động cuối cùng đó thì tấn bị kịch kết thúc.

Đây lại là một đặc điểm khác sẽ trở đi trở lại nhiều lần. Hiếm khi nào đối tượng hướng cơn giận vào người mà hắn căm ghét. Tuy Kemper có kể rằng hắn từng rón rén vào phòng mẹ mình giữa đêm, tay cầm búa và tưởng tượng cảnh đập búa vào sọ bà ấy, nhưng hắn cần ít nhất sáu lần giết người mới đủ can đảm đối diện với điều hắn thực sự muốn làm. Và chúng tôi đã thấy nhiều phiên bản khác nhau của việc thay thế đối tượng này. Ví dụ, có một xu hướng phổ biến là lấy một "chiến lợi phẩm" từ nạn nhân sau khi giết, chẳng hạn như nhẫn hoặc dây chuyền. Sau đó kẻ sát nhân sẽ tặng món đồ đó cho vợ hoặc bạn gái hắn, dù người phụ nữ đó là nguồn cơn của sự tức giận hay thù địch trong hắn. Điển hình, chúng sẽ nói mình đã mua hoặc tìm thấy món trang sức đó. Rồi khi nhìn cô ta đeo nó, hắn vừa nhớ lại sự hưng phấn và kích thích của việc giết người, đồng thời xác nhận lại trong đầu sự thống trị và kiểm soát, biết rằng hắn có thể làm với bạn tình của mình việc hắn đã làm với nạn nhân xấu số kia.

Cuối cùng, theo phân tích của chúng tôi, chúng tôi bắt đầu chia các thành phần của một tội ác thành các yếu tố như là hành vi trước và sau khi gây án. Kemper đã phan thây tất cả các nạn nhân, ban đầu, việc này cho chúng tôi thấy hắn là một kẻ ác dân. Nhưng việc phan thây đều diễn ra sau khi nạn nhân chết nên không phải sự trừng phạt và không gây ra thống khổ. Sau khi nghe Kemper nói hàng giờ liền, chúng tôi hiểu phan thây là sở thích hơn là chứng ác dân và có liên quan đến phần chiếm hữu trong ảo tưởng của hắn.

Một điều tôi nghĩ cũng quan trọng không kém là cách hắn xử lý và vút thi thể. Các nạn nhân đầu tiên được chôn cẩn thận cách xa nhà mẹ hắn. Các nạn nhân sau, gồm mẹ và bạn của mẹ hắn, gần như được để ở nơi dễ tìm thấy. Điểm đó, cùng với việc hắn chạy xe quanh thành phố mang theo những thi thể và các bộ phận cơ thể người, với tôi, dường như là chế nhạo cái cộng đồng mà hắn cảm thấy đã chế nhạo và chối bỏ hắn.

Cuối cùng, thành ra chúng tôi thực hiện nhiều cuộc thẩm vấn dài hơi với Kemper qua nhiều năm, mỗi cuộc nói chuyện đều mang lại

nhiều thông tin hơn, khiến người ta đau lòng hơn với các chi tiết trong đó. Đây là gã đàn ông đã lạnh lùng giết chết những cô gái thông minh ở thời điểm mà họ giỏi giang, hoạt bát nhất trong đời. Nhưng nếu tôi không thừa nhận mình thích Ed thì là nói dối. Hẳn thân thiện, cởi mở, nhạy cảm và có khiếu hài hước. Trong bối cảnh này, tôi vẫn có thể nói rằng tôi thích tiếp xúc với hắn. Tôi không muốn hắn ra ngoài, xuất hiện trên các con phố, và trong những khoảnh khắc hắn tỉnh táo nhất, hắn cũng không muốn thế. Nhưng cảm giác cá nhân của tôi về hắn khi đó, đến nay vẫn còn, cho thấy sự tôn kính dành cho những ai đối mặt với bọn tội phạm bạo lực hàng loạt. Nhiều tội phạm dạng này khá thu hút, ăn nói có duyên và miệng lưỡi trơn tru.

Người này sao có thể làm ra chuyện khủng khiếp như vậy? Hắn là nhằm lẫn gì đó hoặc tình tiết giảm nhẹ. Đó là điều bạn sẽ tự nhủ nếu nói chuyện với một trong số chúng; bạn không thể hiểu hết sự tàn nhẫn trong các tội ác chúng gây ra. Và đó là lý do các nhà tâm thần học, thẩm phán và quan chế thường bị lừa, chúng ta sẽ thảo luận cụ thể hơn về chủ đề này sau.

Nhưng lúc này thì *nếu bạn muốn hiểu họa sĩ, hãy xem tác phẩm của họ.* Đó là điều tôi luôn nói với mọi người. Bạn không thể tuyên bố mình hiểu hoặc đánh giá cao Picasso mà chưa nghiên cứu tranh của ông ấy. Những tên sát nhân hàng loạt thành công sẽ lên kế hoạch hành động tỉ mỉ như họa sĩ chuẩn bị vẽ một bức tranh. Chúng xem việc chúng làm là “nghệ thuật” và liên tục hoàn thiện nó trong quá trình thực hiện. Thế nên một phần những đánh giá của tôi về một kẻ như Ed Kemper xuất phát từ việc gặp hắn và tương tác với hắn trên cơ sở cá nhân. Phần còn lại xuất phát từ nghiên cứu và tìm hiểu việc hắn làm.

§•§

Các cuộc thăm tù trở thành hoạt động thường xuyên mỗi khi Bob Ressler hoặc tôi có chương trình đào tạo ngắn hạn và có thời gian

rồi cũng như sự hợp tác của phạm nhân. Dù ở đâu, tôi cũng sẽ tìm ra nhà tù hoặc trại cải tạo nào ở gần đó và kẻ nào đang ở đó.

Khi thực hiện việc này được một thời gian, chúng tôi đã hoàn thiện các kỹ năng của mình. Nhìn chung, chúng tôi bận suốt bốn ngày rưỡi một tuần nên tôi cố gắng thực hiện thẩm vấn vào buổi tối và cuối tuần. Buổi tối có thể khó vì đa số trại giam điểm danh tù nhân sau bữa tối và không ai được vào khu phòng giam sau đó. Nhưng qua một thời gian, tôi bắt đầu hiểu được các cơ chế của nhà tù và thích nghi với chúng. Tôi phát hiện ra đặc vụ FBI có thể đi vào hầu hết các trại cải tạo và gặp cai ngục nên tôi bắt đầu xuất hiện mà không báo trước, cách này thường hiệu quả nhất. Càng thực hiện nhiều cuộc thẩm vấn, tôi càng bắt đầu cảm thấy tự tin về những gì mình dạy và nói với các cảnh sát kỳ cựu. Cuối cùng tôi đã cảm thấy việc giảng dạy của mình đạt được một ít nền tảng thực, chứ không chỉ là những câu chuyện nghe từ những người từng tham dự được xào đi nấu lại.

Những kẻ được thẩm vấn không nhất định sẽ cung cấp thông tin chi tiết về các tội ác cũng như tâm trí chúng. Rất ít kẻ làm điều đó, kể cả người thông minh như Kemper. Phần lớn những gì chúng nói chỉ là lặp lại lời khai trước tòa hoặc những thông tin có lợi mà chúng đã nói nhiều lần trước đó. Về phần mình, chúng tôi phải tốn công và xem xét bao quát để diễn giải mọi thứ. Còn ý nghĩa của các cuộc thẩm vấn là để chúng tôi thấy được tư duy của tội phạm, cảm nhận về chúng, cho phép chúng tôi đặt mình vào vị trí của chúng.

Trong những tuần và tháng đầu của chương trình nghiên cứu không chính thức này, chúng tôi xoay sở thẩm vấn hơn sáu kẻ sát nhân và muốn trở thành sát nhân. Chúng gồm kẻ định ám sát George Wallace^[38] - Arthur Bremer (Trại cải tạo Baltimore), Sara Jane Moore và Lynette "Squeaky" Fromme - cả hai từng cố giết Tổng thống Ford (thành phố Alderson, Tây Virginia) và thầy của Fromme - Charles Manson, ở San Quentin, ngay phía trên vịnh tính từ hướng San Francisco và đồng đồ nát Alcatraz.

Mọi người trong ngành thi hành luật đều hứng thú với Manson. Đã mười năm kể từ các vụ giết hại hai gia đình Tat và LaBianca rùng rợn ở Los Angeles, Manson vẫn là tên tù nhân nổi tiếng và đáng sợ

nhất thế giới. Vụ án này thường được mang ra giảng dạy tại Quantico. Tuy các tình tiết đã rõ ràng, nhưng tôi cảm thấy chúng tôi chưa thực sự hiểu điều gì khiến gã phạm tội. Tôi không biết có thể thu thập gì từ hắn nhưng tôi nghĩ bất cứ ai có thể thao túng người khác làm theo ý mình thành công đến vậy sẽ là một đối tượng quan trọng. Bob Ressler và tôi gặp hắn trong một khu vực tổ chức hội nghị cách xa khu trại giam chính ở San Quentin. Ba bên của khu vực này có cửa sổ kính gia cố lưới thép, loại phòng dành cho các tù nhân và luật sư của chúng.

Ấn tượng đầu tiên của tôi về Manson khác hoàn toàn so với ấn tượng về Ed Kemper. Hắn có cặp mắt dữ tợn, vô cùng cảnh giác và kiểu di chuyển đầy bất an. Hắn nhỏ con và mảnh khảnh hơn tôi tưởng; cao không quá 1m57 hoặc 1m60. Làm sao một kẻ nhỏ bé, trông yếu ớt là vậy lại có thể tỏa ra sức ảnh hưởng khủng khiếp đến thế với cái "gia đình" khét tiếng của hắn?

Câu trả lời đến tức thời khi hắn leo lên lưng một chiếc ghế được đặt ở đầu bàn để hắn có thể nhìn xuống chúng tôi khi nói chuyện. Khi điều tra quá khứ của hắn để chuẩn bị thẩm vấn, tôi biết hắn thường ngồi trên một tảng đá lớn trong sa mạc khi rao giảng những nguyên tắc của mình, giúp vóc người hắn trông to lớn hơn lúc hắn thuyết giáo. Ngay từ đầu, hắn đã thể hiện rõ với chúng tôi là dù đã diễn ra phiên tòa luận tội lừng danh, báo chí cũng viết rất nhiều tin tức phong phú, hắn vẫn không hiểu tại sao hắn lại bị bỏ tù. Nói cho cùng, hắn chưa giết một ai. Thay vào đó, hắn tự xem mình là kẻ giờ đầu chịu báng trước xã hội - biểu tượng vô hại của mặt tối xã hội Mỹ. Chữ "vạn" mà hắn khắc lên trán mình trong phiên tòa đã phai nhưng vẫn nhìn thấy được. Hắn còn liên hệ với nữ tín đồ ở những nhà tù khác thông qua các bên hợp tác thứ ba.

Ít nhất theo cách nào đó, hắn rất giống Ed Kemper và nhiều kẻ mà chúng tôi đã nói chuyện ở chỗ hắn có tuổi thơ bất hạnh và sự giáo dục kém; đó là nếu có thể dùng hai điểm này để miêu tả quá khứ của Manson.

Charles Milles Manson sinh ở thành phố Cincinnati năm 1934, là con hoang của một gái làng chơi mười sáu tuổi tên Kathleen Maddox. Họ của hắn chỉ là do Kathleen đoán xem ai trong số những

tình nhân của bà ta là cha hắn. Bà ta vào tù ra khám nhiều lần, đùn đẩy Charlie cho người dì ngoan đạo và người dượng ác nghiệt gọi hắn là đồ ẻo lả, cho hắn mặc đồ con gái vào ngày tựu trường và thách thức hắn “cư xử như một người đàn ông”. Đến lúc hắn mười tuổi, hắn sống ngoài đường, trừ những khoảng thời gian ở tại các nhà tập thể và trường giáo dưỡng. Hắn ở bốn ngày trong mái ấm tình thương Father Flanagans Boys Town.

Cuộc sống vị thành niên của hắn được đánh dấu bằng một loạt vụ trộm, làm giả giấy tờ, làm ma cô, các vụ tấn công và bị giam giữ tại các nhà tù ngày càng nghiêm ngặt. FBI đã điều tra hắn theo luật Dyer vì tội vận chuyển trái phép xe bị trộm khắp liên bang. Hắn được phóng thích có điều kiện trong án tù sau cùng vào năm 1967, vừa đúng dịp Mùa hè Tình yêu^[39]. Hắn tìm đường đến quận Haight-Ashbury ở San Francisco, khu vực thu hút những người yêu hòa bình, phản đối bạo lực, những người thích tình dục, ma túy và nhạc rock&roll ở khu Bờ Tây. Mục đích chính là đi nhờ xe, nhưng Manson lại nhanh chóng trở thành bậc thầy có sức thuyết phục đối với thế hệ những kẻ bỏ học tràn đầy nhiệt huyết, còn trong độ tuổi mười mấy đôi mươi. Hắn chơi ghi-ta và nói những chân lý ý tại ngôn ngoại với bọn trẻ đang vỡ mộng trước cuộc đời. Hắn nhanh chóng được ăn ở miễn phí, quan hệ và dùng mọi chất kích thích bất hợp pháp mà hắn muốn. Một “gia đình” du thủ du thực gồm những tín đồ cả nam lẫn nữ vây quanh hắn, đôi khi lên đến năm mươi người. Charlie thuyết giảng quan điểm của hắn về sự khai hoàn và cuộc chiến sắc tộc sắp diễn ra, coi đó như một trong những sự giúp đỡ của hắn dành cho cộng đồng, và khiến “gia đình” hắn hân hoan, còn hắn thì nắm quyền kiểm soát. Khẩu lệnh của hắn là Helter Skelter, trích từ *White Album* của The Beatles.

Vào đêm 9 tháng Tám năm 1969, bốn thành viên trong Gia đình Manson, do Charles “Tex” Watson dẫn đầu, đột nhập ngôi nhà ở nơi hẻo lánh của đạo diễn Roman Polanski và vợ là minh tinh Sharon Tate, ở số 10050 Cielo Drive, Beverly Hills. Khi đó Polanski đang đi công tác nhưng Tate và bốn vị khách - Abigail Folger, Jay Sebring, Voytek Frykowski và Steven Parent - bị giết hại dã man trong một cuộc truy hoan sa đọa, với những khẩu hiệu giảng dạy trên tường và

xác nạn nhân được viết bằng máu của chính họ. Khi đó Sharon Tate đang mang thai gần chín tháng.

Hai ngày sau, theo sự xúi giục của Manson, sáu thành viên của Gia đình đã giết và phân xác doanh nhân Leno LaBianca và vợ ông, Rosemary, tại nhà họ ở quận Silver Lake, Los Angeles. Bản thân Manson không tham gia, nhưng sau đó vào nhà vì tình trạng hỗn loạn kéo theo. Vụ bắt giữ Susan Atkins vì hành vi bán dâm, người đã tham gia hai vụ giết người và một vụ phóng hỏa liên quan đến một thiết bị trên đường cao tốc, cuối cùng đã dẫn đến Gia đình và có lẽ cả những phiên tòa chấn động nhất lịch sử California, ít nhất đến trước vụ việc của O. J. Simpson. Trong hai vụ kiện riêng rẽ, Manson và một số tín đồ của hắn bị phán tử hình vì đã giết gia đình Tate và LaBianca cùng một số vụ khác được phát hiện có liên quan, gồm vụ giết và phân xác Donald "Shorty" Shea, một diễn viên đóng thế và một kẻ ăn bám trong Gia đình, bị nghi ngờ đã chỉ điểm cho cảnh sát. Khi bộ luật hình phạt tử hình của bang bị bãi bỏ, án tử được giảm xuống thành tù chung thân.

Charlie Manson không phải một kẻ sát nhân hàng loạt thường thấy. Thật ra, vẫn còn tranh cãi xoay quanh việc hắn có thực sự tự tay giết người không. Nhưng quá khứ tội lỗi của hắn thì không phải bàn cãi, cũng như những điều khủng khiếp mà tín đồ của hắn đã làm theo sự xúi giục của hắn và nhân danh hắn. Tôi muốn biết làm cách nào mà một người bắt đầu trở thành đáng cứu thế tàn độc như vậy. Chúng tôi đã phải nghe mớ triết lý rẻ tiền và những lời huyền thuyên suốt hàng giờ liền nhưng khi chúng tôi ép hắn nói chi tiết và cố gắng bảo hắn thôi nói vớ vẩn, một hình ảnh bắt đầu hiện ra.

Ban đầu Charlie không muốn trở thành một bậc thầy đen tối. Mục tiêu của hắn là danh tiếng và của cải. Hắn muốn làm một tay trống và chơi cho một ban nhạc rock nổi tiếng như Beach Boys. Hắn bị buộc phải sống nhờ tài ăn nói của hắn cả đời và vì thế đã trở nên cực kỳ giỏi đánh giá những người hắn gặp và nhanh chóng xác định việc họ có thể làm cho hắn. Hắn sẽ là một nhân tài nếu làm cho đơn vị của tôi với vai trò đánh giá điểm mạnh và yếu trong tâm lý của một cá nhân rồi đề ra các chiến lược để bắt những kẻ sát nhân mà chúng tôi đang truy tìm.

Đến San Francisco sau khi được phóng thích, hắn thấy một đám trẻ hoang mang, đơn thuần, tin vào những lý tưởng siêu thực, hướng về hắn vì kinh nghiệm sống và sự thông thái giả tạo mà hắn thể hiện. Nhiều người trong số chúng, đặc biệt là đám con gái, gặp nhiều vấn đề với cha chúng và có thể hiểu quá khứ của Charlie, hắn đủ sắc sảo để có thể chọn ra những đứa như thế. Hắn trở thành hình tượng người cha, một kẻ có thể lấp đầy cuộc sống trống rỗng của chúng bằng tình dục và sự khai sáng của các loại ma túy. Bạn không thể ở cùng một phòng với Charlie Manson mà không bị cặp mắt của hắn tác động - sâu thẳm và có thể nhìn thấu tâm can người khác, dữ dằn và có khả năng thôi miên. Hắn biết cặp mắt mình có thể làm gì và có tác động gì. Hắn kể rằng thời trẻ, hắn thường bị người ta đánh cho tơi tả và với vóc người nhỏ thó, hắn không thể thắng trong những lần đối đầu về thể chất. Thế là hắn bù đắp bằng cách dùng đến sức mạnh của phẩm chất.

Những gì hắn thuyết giảng hoàn toàn có lý: sự ô nhiễm đang hủy hoại môi trường, những định kiến về chủng tộc xấu xa và mang tính vùi dập, tình yêu đúng đắn còn sự căm ghét sai lầm. Nhưng một khi thống trị những linh hồn lạc lối này, hắn tạo ra một hệ thống ảo tưởng có cấu trúc chặt chẽ giúp hắn hoàn toàn kiểm soát tâm trí và cơ thể họ. Hắn dùng tình trạng thiếu ngủ, tình dục, kiểm soát đồ ăn thức uống và ma túy để có được sự thống trị tuyệt đối, giống như tình huống của một tù binh chiến tranh. Mọi thứ đều là hai màu trắng đen và chỉ có Charlie biết sự thật. Hắn gảy đàn ghi-ta và lặp lại câu nói đơn giản hết lần này đến lần khác: Chỉ Charlie mới có thể cứu rỗi cái xã hội tật nguyền và thối nát này.

Những kỹ thuật cơ bản trong việc lãnh đạo và làm chủ tập thể mà Manson mô tả cho chúng tôi nghe, chúng tôi sẽ còn gặp lại nhiều lần suốt nhiều năm trong các bi kịch tương tự. Sức mạnh thống trị và thấu hiểu những con người tự ti mà Manson có được cũng xuất hiện ở Đức Cha Jim Jones và vụ giết người - tự sát tập thể của những tín đồ của hắn ở Guyana, sau đó là David Koresh ở khu phức hợp của cộng đồng tôn giáo Branch Davidian tại Waco, Texas, hai trong số nhiều kẻ như thế. Và tuy có những khác biệt rõ rệt giữa ba kẻ này nhưng điều kết nối chúng với nhau thì rất đáng

chú ý. Thông tin chi tiết chúng tôi có được từ việc nói chuyện với Manson và những tín đồ của hắn góp phần giúp chúng tôi hiểu Koresh và những hành động của hắn, cùng những giáo phái khác.

Mẫu chốt là vấn đề của Manson không phải tầm nhìn của đảng cứu thế mà là sự kiểm soát đơn giản. Lời giáo huấn "helter-skelter" là một cách duy trì sự kiểm soát tâm trí. Nhưng như Manson nhận ra, nếu không thể áp đặt sự kiểm soát này lên các tín đồ của mình suốt ngày đêm, có thể khả năng kiểm soát sẽ mất đi. David Koresh nhận ra điều này và giấu những kẻ hâm mộ mình trong một pháo đài ở vùng nông thôn, nơi họ không thể bỏ đi hay tránh khỏi sự ảnh hưởng của hắn.

Sau khi nghe Manson nói, tôi tin hắn không có kế hoạch hay ý định giết Sharon Tate và bạn bè của cô ấy mà thật ra *hắn mất khả năng kiểm soát* tình hình và những tín đồ của hắn. Một đứa con gái trong Gia đình đã có mặt tại đó và nghĩ ở đó có thể có tiền. Tex Watson, học sinh danh dự của cả nước đến từ Texas, mong muốn đạt địa vị cao hơn và cạnh tranh với Charlie về tầm ảnh hưởng và quyền lực. Cũng mơ mơ màng màng như những người khác vì dùng thuốc gây ảo giác LSD, đồng thời tin tưởng vào tương lai mới như lời người lãnh đạo, Watson là kẻ sát nhân chính, dẫn đầu cả bọn đến nhà Tate-Polanski và khuyến khích chúng thực hiện những hành vi tàn bạo không thể chấp nhận.

Rồi khi những kẻ tầm thường, tự ti này trở về và kể cho Charlie nghe việc chúng đã làm, rằng helter-skelter đã bắt đầu, hắn không thể nuốt lời và nói rằng chúng đã quá coi trọng lời hắn. Việc đó sẽ hủy hoại sức mạnh và quyền lực của hắn. Thế là hắn phải cao tay hơn chúng, như thể hắn vốn đã có ý đồ cho tội ác này và hậu quả sau đó, dẫn chúng đến nhà LaBianca để thực hiện một lần nữa. Nhưng đáng nói là, khi tôi hỏi Manson tại sao hắn không vào và tham gia giết chóc, hắn giải thích, như thể chúng tôi ngu ngốc lắm, rằng hắn mới được phóng thích vì cam đoan sẽ sửa đổi nên không thể liều lĩnh vi phạm để đánh mất tự do.

Từ thông tin sau màn và những cuộc thẩm vấn Manson, tôi tin rằng trong khi hắn khiến các tín đồ trở thành kiểu người hắn mong

muốn thì ngược lại, chúng cũng biến hẳn thành kiểu người chúng cần và buộc hẳn phải làm đúng như vậy.

Mỗi hai năm, Manson lại xin được phóng thích nhưng đều bị từ chối. Các tội ác của hắn bị quá nhiều người biết và quá bạo lực nên ban quản lý không muốn liều lĩnh. Tôi cũng không muốn hắn được thả. Nhưng nếu có lúc nào đó hắn được thả, biết được những gì tôi làm về hắn, tôi nghĩ hắn sẽ không phải một mối đe dọa bạo lực nghiêm trọng như nhiều kẻ khác. Tôi nghĩ hắn sẽ vào sa mạc và sống ở đó hoặc cố gắng lợi dụng danh tiếng của mình để kiếm tiền. Nhưng tôi không nghĩ hắn sẽ giết người. Mối đe dọa lớn nhất là từ những kẻ thất bại lầm đường lạc lối bị hút về phía hắn, tuyên bố hắn là Chúa và lãnh tụ của họ.

§•§

Đến khi tôi và Ressler thực hiện được khoảng mười hay mười hai cuộc thẩm vấn, bất cứ người thông minh nào quan sát sẽ thấy chúng tôi đang có ý đồ. Lần đầu tiên, chúng tôi có thể liên hệ giữa điều đang diễn ra trong tâm trí một kẻ phạm tội với bằng chứng hắn để lại tại hiện trường phạm tội.

Năm 1979, chúng tôi nhận được khoảng năm mươi yêu cầu mô tả nhân dạng, các giảng viên cố gắng xử lý chúng cùng lúc với nhiệm vụ giảng dạy. Đến năm sau, số lượng vụ án đã tăng gấp đôi và sẽ lại tăng gấp đôi vào năm sau nữa. Đến lúc đó, tôi gần như được miễn nhiệm vụ giảng dạy và là người duy nhất trong đơn vị dành toàn thời gian cho công việc mô tả. Tôi vẫn có các buổi thuyết trình ở Học viện Quốc gia và lên lớp khi lịch làm việc trống nhưng không như những người khác, với tôi, giờ đây giảng dạy đã trở thành nghề phụ. Tôi xử lý gần như mọi vụ án giết người được giao cho đơn vị và bất cứ vụ cưỡng hiếp nào mà Roy Hazelwood quá bận không xử lý được.

Từ một dịch vụ không chính thức, không được chấp thuận, công việc này đã phát triển thành một cơ sở nhỏ. Tôi nhận chức danh mới được tạo là “quản lý chương trình mô tả tính cách tội phạm” và bắt

đầu làm việc với các văn phòng thực địa để điều phối đệ trình vụ án của các Sở Cảnh sát địa phương.

Có một lần, tôi nằm viện khoảng một tuần. Những vết thương cũ do chơi bóng bầu dục và quyền anh lại hành hạ cái mũi tôi, khiến việc hít thở ngày càng khó. Tôi nhập viện để người ta làm vách ngăn mũi bị xoắn của tôi thẳng lại. Tôi nhớ mình nằm đó, hầu như không thấy gì và có một đặc vụ khác đi vào, thả hai mươi tập hồ sơ vụ án lên giường bệnh của tôi.

Với mỗi lần gặp gỡ trong nhà giam, chúng tôi lại học thêm được nhiều điều nhưng phải có một cách nào đó để tổ chức nghiên cứu không chính thức này trở thành một cơ cấu có hệ thống và khả dụng. Bước tiến đó có được nhờ Roy Hazelwood, người đang hợp tác với tôi viết một bài báo về vấn đề sát nhân cuồng dâm cho *Bản tin Thi hành luật của FBI*. Roy đã tiến hành một nghiên cứu với tiến sĩ Ann Burgess, một giáo sư về vấn đề chăm sóc sức khỏe tâm thần tại Trường Điều dưỡng thuộc Đại học Pennsylvania, và là phó giám đốc nghiên cứu điều dưỡng cho Sở y tế và Bệnh viện Boston. Burgess là một tác giả có nhiều bài viết và đã nổi tiếng là một trong những chuyên gia hàng đầu quốc gia về tội phạm cưỡng bức và các hệ quả tâm lý của loại tội phạm này.

Roy đưa bà ấy đến Đơn vị Khoa học hành vi, giới thiệu bà ấy với tôi và Bob, mô tả công việc chúng tôi đang làm. Bà ấy rất ấn tượng và cho biết chúng tôi có cơ hội làm một nghiên cứu chưa từng được thực hiện trong lĩnh vực này. Bà ấy nghĩ chúng tôi có thể đóng góp vào việc phân tích hành vi của tội phạm giống như ý nghĩa của DSM - *Cẩm nang chẩn đoán và thống kê các chứng rối loạn tâm thần* - trong việc tìm hiểu và tổ chức các loại bệnh tâm thần.

Chúng tôi thỏa thuận làm việc cùng nhau, Ann phụ trách xin viện trợ và cuối cùng nhận được một khoản tiền 400.000 đô la từ Cơ quan Tư pháp Quốc gia (NIJ)^[40] do chính phủ tài trợ. Mục tiêu là thẩm vấn tường tận 36-40 tù nhân và xem có thể rút ra những kết luận gì. Với thông tin của chúng tôi, Ann đã viết một tài liệu dài năm mươi bảy trang để điền vào trong mỗi cuộc thẩm vấn. Bob sẽ quản lý khoản trợ cấp và liên lạc với NIJ. Với sự giúp đỡ của các đặc vụ ngoài thực địa, anh ấy và tôi sẽ trở lại các nhà tù và đối diện với các

phạm nhân. Chúng tôi sẽ mô tả phương pháp của mỗi tội ác và hiện trường phạm tội, nghiên cứu và ghi lại các hành vi trước và sau khi phạm tội, Ann sẽ tính toán các con số và chúng tôi sẽ báo cáo kết quả của mình, chúng tôi ước đoán dự án này sẽ mất khoảng ba, bốn năm.

Và trong lúc đó, công việc phân tích điều tra tội phạm đã bước vào giai đoạn hiện đại.

CHƯƠNG 7

Trái tim của bóng tối

Câu hỏi xuất hiện một cách hợp lý, tại sao các phạm nhân lại hợp tác với đặc vụ thi hành luật liên bang? Chúng tôi cũng tự hỏi điều đó khi bắt đầu dự án. Nhưng đa số phạm nhân chúng tôi tiếp cận trong những năm qua đều đồng ý nói chuyện với chúng tôi vì nhiều lý do.

Một số tên thực sự không yên lòng về những tội ác của mình và cảm thấy hợp tác vì một nghiên cứu tâm lý học là cách để phần nào sửa sai và thấu hiểu bản thân hơn. Tôi nghĩ Ed Kemper thuộc loại này. Những kẻ khác, như tôi đã đề cập, cuồng cảnh sát và lực lượng thi hành luật pháp, thích ở gần cảnh sát và đặc vụ FBI. Một vài kẻ nghĩ rằng hợp tác với “cơ quan chức năng” sẽ mang lại lợi ích nào đó dù chúng tôi chưa từng hứa hẹn điều gì. Một số lại cảm thấy bị thờ ơ và quên lãng nên chỉ muốn được chú ý và giải tỏa sự nhàm chán nhờ các cuộc viếng thăm của chúng tôi. Một số chỉ đơn giản là hoan nghênh cơ hội để chúng có thể làm sống lại những ảo tưởng chết chóc của chúng một cách chi tiết.

Chúng tôi muốn nghe bất cứ điều gì mà chúng muốn nói, nhưng chủ yếu quan tâm đến một số câu hỏi cơ bản mà chúng tôi đã liệt kê trong một bài báo giải thích mục tiêu nghiên cứu, phát hành tháng Chín năm 1980 của *Bản tin Thi hành luật FBI*.

1. Điều gì khiến một người trở thành tội phạm tình dục và những dấu hiệu cảnh báo sớm?
2. Điều gì kích động hoặc ngăn chặn việc phạm tội?
3. Kiểu phản ứng hoặc chiến lược ứng phó nào của người sắp trở thành nạn nhân sẽ hiệu quả với loại tội phạm tình dục nào để tránh trở thành nạn nhân?

4. Những gợi ý về sự nguy hiểm, khả năng dự đoán, tính khí và cách đối xử của hắn với nạn nhân

Để chương trình này có giá trị, chúng tôi hiểu mình phải chuẩn bị đầy đủ và có thể lọc ra ngay những điều mà mỗi phạm nhân nói với mình. Vì nếu bạn đủ thông minh, như nhiều gã phạm nhân, bạn sẽ tìm được một điểm yếu trong hệ thống mà bạn có thể sử dụng làm lợi thế cho mình. Theo bản chất tự nhiên của chúng, đa số tội phạm hàng loạt đều giỏi thao túng. Nếu tình trạng tâm thần bất ổn có thể có ích cho trường hợp của mình, bạn có thể là kẻ tâm thần bất ổn. Nếu tình trạng ăn năn hối lỗi có thể có ích cho trường hợp của mình, bạn có thể ăn năn hối lỗi. Nhưng với chúng, phương án hành động tốt nhất dù có là gì thì tôi nhận thấy những kẻ đồng ý nói chuyện với chúng tôi đều giống nhau. Chúng không có chuyện gì khác để nghĩ nên chúng dành nhiều thời gian nghĩ về bản thân và điều chúng đã làm, và có thể kể cho tôi nghe vô cùng chi tiết. Nhiệm vụ của chúng tôi là biết đủ về chúng và các tội ác của chúng trước để bảo đảm chúng đang nói sự thật, vì chúng cũng có đủ thời gian tạo dựng những tình huống thay thế khiến chúng có vẻ đáng cảm thông hơn hoặc vô tội so với những gì ghi trong hồ sơ.

Trong nhiều cuộc thẩm vấn thời kỳ đầu, sau khi nghe câu chuyện của phạm nhân, tôi muốn quay sang Bob Ressler hay bất kỳ ai đi cùng để nói "Có khi nào hắn bị kết tội tội vạ vàng quá không? Hắn có câu trả lời hợp lý cho mọi câu hỏi. Tôi không biết họ có bắt đúng người không." Vì vậy, điều đầu tiên chúng tôi làm khi trở lại Quantico là kiểm tra các ghi chép và liên hệ với cảnh sát địa phương để có được hồ sơ vụ án nhằm bảo đảm không có án oan.

Là một cậu bé lớn lên ở Chicago, Bob Ressler vừa sợ vừa hứng thú với vụ sát hại bé gái sáu tuổi Suzanne Degnan, cô bé bị bắt đi khỏi nhà và giết hại. Xác cô bé được phát hiện trong tình trạng bị cắt thành từng mảnh nhỏ trong hệ thống cống của thành phố Evanston. Cuối cùng, một thanh niên tên William Heirens bị bắt và nhận tội đã giết cô bé cùng hai phụ nữ khác trong một chung cư khi các vụ trộm vượt khỏi tầm kiểm soát. Ở hiện trường của một vụ, vụ giết Frances Brown, hắn dùng thỏi son của nạn nhân viết nguệch ngoạc lên tường:

Vì Chúa

LÀM ơn BẮT Tôi đi

Trước Khi Tôi Giết Thêm

Tôi không thể kiểm soát bản thân

Heirens đổ các vụ giết người cho một kẻ tên George Murman (có lẽ là viết tắt của "murder man" - sát nhân) mà hẳn tuyên bố là sống bên trong hẳn. Bob đã nói rằng trường hợp của Heirens có lẽ là một trong những động cơ ban đầu để anh ta theo đuổi sự nghiệp thực thi pháp luật.

Khi Dự án Nghiên cứu tính cách tội phạm được tài trợ và đi vào hoạt động, Bob và tôi thăm vấn Heirens ở nhà tù Statesville ở Joliet, Illinois. Hẳn đã bị giam tù khi bị kết tội năm 1946 và vẫn luôn là một tù nhân kiểu mẫu, phạm nhân đầu tiên trong bang hoàn thành bằng đại học. Sau đó hẳn học lên cao học.

Đến lúc chúng tôi thăm vấn hẳn, Heirens chối bỏ mọi liên hệ với các tội ác, nói rằng hẳn đã bị kết tội tội vạ. Dù chúng tôi hỏi điều gì, hẳn đều có câu trả lời, khẳng định rằng hẳn có chứng cứ ngoại phạm và thậm chí còn không đến gần bất kỳ hiện trường án mạng nào. Lời hẳn nói rất thuyết phục và tôi lo có thể đã xảy ra một vụ án oan nên khi trở về Quantico, tôi lục tìm mọi hồ sơ vụ án. Ngoài lời thú tội và những bằng chứng rõ ràng khác, tôi thấy dấu vân tay của hẳn đã được tìm thấy ở hiện trường vụ Degnan. Nhưng Heirens đã dành rất nhiều thời gian ngồi trong khám suy nghĩ và đưa ra mọi câu trả lời mà nếu họ tiến hành kiểm tra phát hiện nói dối với hẳn vào lúc đó, có lẽ hẳn sẽ vượt qua dễ dàng.

§•§

Richard Speck, đang chịu liên tiếp nhiều án tù chung thân vì giết tám nữ sinh y tá trong một ngôi nhà phố ở Nam Chicago năm 1966, nói rõ rằng hẳn không muốn bị đặt ngang hàng với những kẻ sát nhân khác mà chúng tôi đang nghiên cứu. "Tôi không muốn nằm trong danh sách đó với họ", hẳn bảo tôi. "Họ bị điên, mấy người đó."

Tôi không phải một kẻ sát nhân hàng loạt.” Hắn không chối những gì hắn đã làm, hắn chỉ muốn chúng tôi biết hắn không giống những kẻ kia.

Ở một cấp độ, Speck nói đúng. Hắn không phải một kẻ sát nhân hàng loạt liên tục giết người với một vòng tuần hoàn cảm xúc hay một giai đoạn chậm lại giữa các tội ác. Hắn là kiểu tội phạm mà tôi mô tả là một kẻ sát nhân tập thể, giết hơn hai người trong một lần hành động. Trong trường hợp của Speck, hắn đến căn nhà với động cơ ăn trộm, cố gắng kiếm tiền để rời thành phố. Khi Corazon Amurao hai mươi ba tuổi mở cửa, hắn xông vào với một khẩu súng lục và một con dao, nói rằng hắn sẽ chỉ trói cô và năm người bạn cùng phòng lại rồi lấy tiền của họ. Hắn lừa họ vào một phòng ngủ. Trong một giờ đồng hồ tiếp theo, thêm ba cô gái trở về nhà sau các cuộc hẹn hoặc học tập tại thư viện. Khi đã kiểm soát tất cả họ, dường như Speck thay đổi ý định, tiến hành một cuộc cưỡng hiếp, bóp cổ, đâm và chém điên cuồng. Chỉ có Amurao sống sót, co rúm đầy sợ hãi trong góc. Speck đã không còn nhớ bao nhiêu người.

Sau khi hắn rời đi, cô ấy chạy ra ban công và gọi giúp đỡ. Cô ấy kể với cảnh sát về hình xăm “Born to Raise Hell” trên cẳng tay trái của kẻ tấn công. Một tuần sau đó, khi Richard Franklin Speck xuất hiện ở một bệnh viện địa phương sau nỗ lực tự vẫn bất thành, hắn bị nhận diện dựa vào hình xăm này.

Vì sự tàn bạo rành rành trong tội ác của hắn, Speck đã trở thành đối tượng của đủ mọi loại nghiên cứu từ các cộng đồng y học và tâm lý học. Ban đầu, Speck được tuyên bố là bị tình trạng mất cân bằng gen, có thêm một nhiễm sắc thể giới tính nam (Y), được cho là làm tăng hành vi hung hãn và chống đối xã hội. Những hành vi này thường xuyên đến rồi đi. Hơn một trăm năm trước, các chuyên gia phân tích hành vi dùng não tượng học - ngành nghiên cứu hình dạng hộp sọ - để chẩn đoán tính cách và năng lực tâm thần. Gần đây hơn, người ta cho rằng chỉ số của máy đo điện não cho thấy một biểu đồ mười bốn và sáu xung động đi lên lặp đi lặp lại là bằng chứng cho thấy sự rối loạn tính cách nghiêm trọng. Bồi thẩm đoàn vẫn tin vào vấn đề XYY, nhưng có một sự thật không thể chối cãi là nhiều người đàn ông có cấu trúc gen này hoàn toàn không có biểu

hiện hành vi hung hãn hay chống đối xã hội. Và trên hết, một nghiên cứu chi tiết được tiến hành trên cơ thể Richard Speck phát hiện ra cấu trúc gen của hắn hoàn toàn bình thường - thậm chí không hề có nhiễm sắc thể Y thừa đó.

Speck, kẻ sau đó chết trong tù vì đau tim, không muốn nói chuyện với chúng tôi. Hắn là một trong những trường hợp bất thường mà chúng tôi đã liên hệ với quản ngục, người này đồng ý cho chúng tôi vào, nhưng lại nghĩ không nên để Speck biết trước việc chúng tôi đến. Khi đến nơi, chúng tôi cũng thấy nên làm như thế. Chúng tôi nghe tiếng hắn la hét và nguyên rửa từ một phòng tạm giam mà hắn được đưa tới để chúng tôi có thể xem xét phòng giam của hắn. Những tù nhân khác đang phát rồ lên vì cảm thông với hắn. Viên quản ngục muốn cho chúng tôi xem loại sách báo đồi trụy mà Speck giữ, nhưng Speck đang điên cuồng phản đối sự xâm phạm không gian này. Tù nhân rất ghét những gì giống như một cuộc lục soát. Phòng giam của chúng là sự riêng tư duy nhất chúng có. Khi chúng tôi đi xuống khu nhà giam ba tầng ở Joliet, cửa sổ bị vỡ, mấy con chim đang bay lên gần trần nhà, quản ngục cảnh báo chúng tôi nên đi ở chính giữa để các tù nhân không thể hắt nước tiểu hay ném phân vào chúng tôi.

Nhận ra việc này sẽ chẳng đi đến đâu, tôi nói nhỏ với viên quản ngục là chúng tôi sẽ tiếp tục xuống hành lang mà không dừng lại ở xà lim của Speck. Hiện nay, khi các nguyên tắc thẩm vấn đối tượng đã có hiệu lực, có lẽ chúng tôi không thể đường đột xuất hiện trước mặt hắn nữa. Thực ra, cả cuộc nghiên cứu tính cách tội phạm từ giờ sẽ khó tiến hành hơn rất nhiều.

Không như Kemper hay Heirens, Speck không hẳn là một tù nhân kiểu mẫu. Có lần hắn giấu một cái máy chưng cất rượu mini kiểu thô sơ phía sau một hộp tử giả trong chiếc bàn gỗ của quản ngục. Cái máy hầu như không làm ra giọt rượu nào, chỉ đủ để tạo mùi và khiến các quản ngục giận điên lên khi không tìm ra nó. Một lần khác, hắn tìm được một con chim sẻ bị thương bay vào qua một ô cửa sổ vỡ và đã chăm sóc cho nó khỏe lại. Khi nó đủ khỏe để đứng, hắn cột một sợi dây vào chân nó và để nó đậu lên vai. Một hôm, một viên quản ngục bảo hắn là trong tù không được nuôi thú cưng.

“Tôi không được nuôi nó sao?” Speck thách thức rồi bước tới gần một cây quạt đang quay và ném con chim nhỏ vào đó.

Giật mình, viên quản ngục nói: “Tôi tưởng anh thích con chim đó”.

“Đúng là tôi thích”, Speck đáp. “Nhưng nếu tôi không thể nuôi nó, không ai có thể.”

Bob Ressler và tôi gặp hắn trong một phòng thẩm vấn ở Joliet cùng cố vấn trại giam của hắn, một công việc giống như cố vấn hướng dẫn ở trường trung học. Tương tự Manson, Speck chọn chỗ đầu bàn, ngồi trên một cái tủ để hắn có thể ở vị trí cao hơn chúng tôi. Tôi bắt đầu bằng việc nói với Speck điều chúng tôi muốn làm, nhưng hắn không thém đếm xỉa gì đến chúng tôi, cứ càm ràm về “FBI chó đẻ” muốn xem xét xà lim của hắn.

Khi nhìn những gã này, khi ngồi đối diện với chúng qua bàn trong một hội nghị ở nhà tù, điều đầu tiên tôi cố gắng làm là hình dung xem chúng trông như thế nào và nói năng ra sao khi thực hiện các tội ác. Tôi đã xem tất cả hồ sơ vụ án để chuẩn bị nên tôi biết từng tên đã và có thể làm gì, điều tôi phải làm là khơi dậy điều đó ở kẻ ngồi đối diện.

Bất cứ cuộc thẩm vấn nào của cảnh sát đều là một cuộc dụ dỗ; mỗi bên cố gắng dụ dỗ đối phương thuận theo những gì mình muốn. Và bạn phải đánh giá một người bị thẩm vấn trước khi tìm ra cách tiếp cận hắn. Tức giận hay chỉ trích đều không hiệu quả. (“Cái gì, đồ cuồng dâm gớm ghiếc! Mà đã ăn cánh tay của người ta hả?”) Bạn phải quyết định xem cái gì sẽ kích thích hắn. Với một số kẻ như Kemper, bạn có thể thẳng thắn, thực tế, miễn là bạn nói rõ bạn biết các tình tiết và chúng không thể phỉnh phờ bạn. Với những kẻ như Richard Speck, tôi hiểu là phải dùng cách tiếp cận mang tính xúc phạm.

Chúng tôi ngồi đó, trong phòng hội nghị và Speck đang bày trò làm lơ chúng tôi nên tôi xoay sang viên cố vấn. Anh ta là người cởi mở, hòa đồng, có kinh nghiệm trong việc kích động thái độ chống đối - một trong những tố chất mà chúng tôi tìm kiếm ở một chuyên viên thương thuyết giải cứu con tin. Tôi nói về Speck như thể hắn không có mặt ở đó.

“Anh biết hẳn ta đã làm gì không, gã phạm nhân của anh ấy? Hẳn đã giết tám người. Vài em trong đó nhìn ngon lành lắm. Hẳn đã lấy đi tám miếng mồi béo bở khỏi miệng chúng ta. Anh thấy có công bằng không?”

Rõ ràng Bob cảm thấy không thoải mái với cách này. Anh ta không muốn hạ mình xuống cấp độ của tên giết người và dễ buồn bực về chuyện mĩa mai người chết. Dĩ nhiên, tôi đồng ý, nhưng trong tình huống thế này, tôi nghĩ ta cần làm việc phải làm thôi.

Viên cố vấn trả lời tôi rất tử tế và chúng tôi cứ nói qua nói lại như thế. Nghe như chúng tôi là hai học sinh đang ở trong phòng thay đồ, nếu sự thật không phải chúng tôi đang nói về các nạn nhân bị giết hại, khiến cho không khí từ kiểu ấu trĩ chuyển sang lối bịch.

Speck nghe một hồi, lắc lắc đầu, cười khẩy rồi nói “Bọn chó chúng mày điên rồi. Giữa tao và chúng mày có một ranh giới rõ ràng.”

Thấy hẳn mở miệng như thế, tôi liền xoay sang hẳn. “Mày làm cách nào mà chơi được tám em một lúc hả? Buổi sáng mày ăn cái quái gì vậy?”

Hẳn nhìn chúng tôi như hai kẻ quê mùa ngờ nghệch. “Tao không chơi hết tụi nó. Tình tiết đó hoàn toàn bịa đặt. Tao chỉ chơi một đứa thôi.”

“Người nằm trên ghế bành?” Tôi hỏi.

“Phải.”

Dù thô tục và kinh tởm, nhưng những lời này bắt đầu cho tôi biết một điều gì đó. Trước hết, dù hẳn thù hẳn và hung hẳn cỡ nào nhưng hẳn không nghĩ bản thân thuộc dạng cơ bắp. Hẳn biết hẳn không thể kiểm soát hết những người phụ nữ đó cùng lúc. Hẳn là kẻ cơ hội - hẳn sẽ cưỡng bức một người cho vui. Và từ những tấm ảnh chụp hiện trường vụ án, chúng tôi biết người hẳn chọn nằm úp mặt trên ghế bành. Với hẳn, cô ấy đã là một thi thể. Hẳn không cần có bất cứ tiếp xúc nào với cô ấy. Chúng tôi cũng có thể thấy hẳn không phải một người có suy nghĩ tinh tế và trật tự. Không quá khó khăn để một vụ trộm đơn giản và thành công trở thành vụ án giết người tập thể này. Hẳn thừa nhận hẳn giết họ không phải vì cơn hứng tình

mà để họ không thể chỉ chứng hấn. Khi các nữ y tá trở về nhà, hấn đưa một người vào phòng ngủ, một người vào phòng thay đồ, như thể hấn đang lừa ngựa vào chuồng. Hấn không biết làm sao để xử lý tình huống đó.

Thú vị thay, hấn tuyên bố vết thương khiến hấn phải đến bệnh viện rồi cuối cùng bị bắt không phải do hấn muốn tự sát mà là kết quả của một vụ ẩu đả ở quán rượu. Hấn không cần hiểu ý nghĩa của những điều mình đang nói, hấn cứ nói hấn muốn chúng tôi nghĩ hấn là một kẻ cơ bắp "born to raise hell" thay vì một kẻ thất bại đáng thương với cách thoát tội duy nhất là tự sát.

Lúc này, vừa lắng nghe, tôi vừa bắt đầu tư duy về những thông tin này. Chúng không chỉ cho tôi biết một chút về Speck mà còn cho tôi biết thêm về loại hình tội phạm này. Nói cách khác, sau này, khi thấy những cảnh tượng tương tự, tôi sẽ hiểu rõ hơn về kiểu người chịu trách nhiệm cho những cảnh tượng đó. Dĩ nhiên đó là mục đích chính của chương trình này.

Khi chúng tôi xử lý dữ liệu của cuộc nghiên cứu, tôi cố gắng không dùng những biệt ngữ và thuật ngữ hàn lâm, thuộc ngành tâm lý học mà dùng những khái niệm rõ ràng, sẽ có ích cho các nhân viên thi hành luật. Khi nói với một thanh tra địa phương rằng người anh ta đang tìm là một kẻ tâm thần phân liệt dạng hoang tưởng nghe thì có vẻ thú vị, nhưng không có ích gì mấy để anh ta bắt được Đối tượng vô danh. Một trong những điểm khác biệt chính mà chúng tôi tìm ra là liệu một tội phạm tư duy *có tổ chức* hay *vô tổ chức* hay thể hiện cả hai. Những kẻ như Speck bắt đầu cho chúng tôi thấy đường nét của một tên tội phạm suy nghĩ không có lớp lang.

Speck kể với tôi tuổi thơ hấn nhiều vất vả. Lần duy nhất tôi thấy chúng tôi đã chạm đến cảm xúc của hấn là khi hỏi về gia đình hấn. Đến năm hai mươi tuổi, hấn đã bị bắt gần bốn mươi lần và đã cưới một cô bé mười lăm tuổi, có một đứa con với cô này. Năm năm sau, hấn bỏ cô ấy, giận dữ và cay đắng, hấn kể rằng hấn chưa bao giờ thực hiện được ý định giết cô ấy. Nhưng hấn đã giết vài phụ nữ khác, gồm một phục vụ trong một quán rượu tồi tàn, đã từ chối khi hấn tiếp cận. Hấn cũng trộm đồ và tấn công một cụ bà sáu mươi lăm tuổi vài tháng trước khi hấn giết các y tá. Nếu mọi chuyện diễn

ra đúng như thế, việc cưỡng bức tàn nhẫn một phụ nữ lớn tuổi cho chúng tôi thấy hình ảnh một thanh niên, thậm chí có thể là một thiếu niên, không có nhiều kinh nghiệm, sự tự tin hoặc sự tinh tế. Speck hai mươi sáu tuổi khi thực hiện vụ cưỡng hiếp. Số tuổi của hắn tỉ lệ nghịch với sự tinh tế và tự tin của hắn. Đó chắc chắn là ấn tượng của tôi về Richard Speck. Tuy hơn hai mươi tuổi nhưng hành vi của hắn, thậm chí đối với một tên tội phạm, lại chỉ ở cấp độ vị thành niên.

Quản ngục muốn cho chúng tôi xem một thứ nữa trước khi đi. Ở Joliet, cũng như những nhà tù khác, một thử nghiệm tâm lý đang được tiến hành để xem liệu những màu sắc pastel nhẹ nhàng có làm giảm sự hung hãn hay không. Chương trình này dựa trên nhiều giả thuyết hàn lâm. Họ thậm chí còn đưa những cảnh sát giỏi môn cử tạ nhất vào những căn phòng sơn hồng hoặc vàng và nhận thấy họ không thể nâng nhiều như trước.

Thế là quản ngục đưa chúng tôi đến một căn phòng ở cuối dãy xà lim và nói "Sơn màu hoa hồng theo lý thuyết sẽ làm mất đi tính hung hãn ở một tên tội phạm bạo lực. Và nếu anh đưa chúng vào một căn phòng như thế, theo lý thuyết chúng sẽ rất trấn tĩnh và thụ động. Hãy nhìn vào căn phòng này, Douglas, và cho tôi biết anh thấy gì."

"Tôi thấy trên tường không có nhiều sơn lắm", tôi quan sát. Anh ta trả lời: "Đúng vậy. Anh thấy không, bọn họ không thích những màu này. Họ lột lớp sơn trên tường xuống và ăn nó."

§•§

Jerry Brudos là một kẻ nghiện giày. Nếu chỉ thế thôi thì sẽ chẳng có vấn đề gì. Nhưng do nhiều tình huống, trong đó có người mẹ ác nghiệt, độc đoán và những ham muốn không thể chế ngự của riêng hắn, sở thích này đã đi quá xa - từ hơi là lạ đến chết chóc.

Jerome Henry Brudos sinh ra ở Nam Dakota, năm 1939 và lớn lên ở California. Hồi năm tuổi, hắn tìm thấy một đôi giày cao gót sáng lấp lánh ở một bãi rác địa phương. Khi hắn đem đôi giày về

nhà và mang thử, mẹ hắn giận dữ bảo hắn bỏ đôi giày đi. Nhưng hắn giữ lại, giấu cho đến khi mẹ hắn tìm thấy, mang nó đi thiêu rụi và phạt hắn. Năm hắn mười sáu tuổi, đang sống ở Oregon, hắn thường xuyên đột nhập vào các nhà hàng xóm và trộm giày nữ, cuối cùng là trộm đồ lót, tất cả được hắn cất giữ và mặc thử. Năm sau, hắn bị bắt vì tội tấn công một cô gái mà hắn đã lừa vào xe để có thể thấy cô ấy khỏa thân. Hắn được điều trị vài tháng trong bệnh viện tiểu bang tại Salem, ở đó, người ta không phát hiện hắn có gì nguy hiểm. Sau khi tốt nghiệp trung học, hắn tham gia Lục quân một thời gian ngắn trước khi bị cho xuất ngũ vì vấn đề tâm lý. Hắn vẫn đột nhập vào nhà người khác và trộm giày với đồ lót - đôi khi chạm mặt những phụ nữ ở đó và bóp cổ họ bất tỉnh - dù bấy giờ hắn đã cưới một cô gái mà không lâu trước đó hắn phát sinh quan hệ, vì cảm giác trách nhiệm. Hắn vào học trường nghề và trở thành thợ điện.

Sáu năm sau, năm 1968, khi đã là cha của hai đứa con và vẫn tiếp tục những cuộc săn lùng đồ lưu niệm ban đêm, Brudos đã mở cửa cho một cô gái mười chín tuổi tên Linda Slawson, người có hẹn bán bộ sách bách khoa và đã đến nhằm nhà. Chớp lấy cơ hội này, hắn lôi cô gái vào tầng hầm, đánh cô bằng một vật nặng và siết cổ. Khi cô gái đã chết, hắn cởi hết quần áo của cô ra và mặc thử những bộ trang phục mà hắn sưu tập được cho thi thể. Trước khi thủ tiêu thi thể bằng cách nhấn chìm trong lòng sông Willamette nhờ một cái hộp số xe hơi bỏ đi, hắn cắt bàn chân trái của thi thể, đặt nó vào một trong những chiếc giày cao gót quý giá của hắn và khóa nó trong tủ lạnh. Trong vài tháng tiếp theo, hắn giết người thêm ba lần, cắt phần ngực của họ để làm ra những cái khuôn nhựa. Hắn bị chỉ chứng bởi nhiều nữ sinh mà hắn đã tiếp cận để hẹn hò với cùng một câu chuyện, rồi bị bắt khi cảnh sát theo dõi một nơi là điểm hẹn. Cuối cùng hắn nhận tội khi rõ ràng lời bào chữa rằng hắn bị điên không có hiệu quả.

Bob Ressler và tôi thăm vấn hắn trong “căn nhà” vĩnh viễn của hắn ở Trại Cải tạo bang Oregon ở Salem. Hắn to con, mặt tròn, lịch sự và rất hợp tác. Nhưng khi tôi hỏi hắn chi tiết cụ thể về các tội ác, hắn nói hắn ngất đi do hạ đường huyết và không nhớ bất cứ việc gì hắn có thể đã làm sau đó.

“Anh biết đó John, tôi bị hạ đường huyết và có thể đi trên mái một tòa nhà rồi rơi xuống mà không biết mình đang làm gì.”

Có một điều thú vị là khi Brudos thú nhận với cảnh sát, hắn lại nhớ rõ để kể cho họ chi tiết sống động về các tội ác, nơi có thể tìm được những thi thể và bằng chứng. Hắn cũng vô tình buộc tội chính mình. Hắn treo xác của một nạn nhân bằng một cái móc trong gara, cho thi thể mặc những trang phục và mang những đôi giày hắn thích, sau đó đặt một cái gương trên sàn, bên dưới cô ấy để có thể nhìn thấy bên trong váy cô ấy. Khi chụp một tấm hình, hắn vô tình chụp luôn hình ảnh phản chiếu của mình.

Dù hắn nói mình bị ngất do hạ đường huyết, nhưng Brudos cho thấy rất nhiều xu hướng của một tội phạm hành động có sắp xếp. Việc này có liên hệ với yếu tố ảo tưởng mà hắn đã thể hiện từ khi còn nhỏ. Khi hắn là một đứa trẻ vị thành niên sống ở nông trại của gia đình, hắn mơ tưởng đến việc bắt các cô gái vào trong một đường hầm, nơi hắn có thể buộc họ làm những gì hắn muốn. Có một lần, hắn lừa được một cô gái vào nhà kho rồi ra lệnh cho cô cởi bỏ quần áo để hắn chụp hình. Chúng tôi thấy loại hành vi này vẫn hiện diện trong những tội ác ở tuổi trưởng thành, nhưng khi là một đứa trẻ vị thành niên, hắn quá ngây thơ, đơn thuần, không nghĩ gì khác ngoài việc chụp hình các nạn nhân khỏa thân. Sau khoảng thời gian trong hầm, hắn nhốt cô gái vào một cái kho chứa bắp, rồi một lúc sau trở lại, mặc quần áo khác, tóc chải kiểu khác, giả vờ là Ed, anh trai sinh đôi của Jerry. Hắn thả cô gái đang sợ chết khiếp ra, giải thích rằng Jerry đang được điều trị bệnh nặng và xin cô đừng nói với ai nếu không hắn sẽ gặp rắc rối và lại chịu một “khoảng lùi” khác.

Điều chúng tôi thấy rõ ràng ở con người Jerome Brudos, cùng sự leo thang mang tính điển hình của những hoạt động, là sự hoàn thiện liên tục của ảo tưởng trong lòng hắn. Đây là phát hiện có ý nghĩa quan trọng hơn nhiều so với những thứ hắn có thể trực tiếp nói với chúng tôi. Tuy Kemper và Brudos có mục tiêu và cách thức gây án rất khác nhau, nhưng chúng tôi thấy ở cả hai tên này - và rất nhiều tên khác - nỗi ám ảnh và “sự cải thiện” các chi tiết từ tội ác này đến tội ác kế tiếp cũng như cấp độ hành động này đến cấp độ hành động kế tiếp. Đối tượng nạn nhân của Kemper là những nữ

sinh xinh đẹp mà trong tâm trí hắn có liên hệ với mẹ hắn. Brudos, kẻ kém tinh tế và thông minh hơn, thì hài lòng với những nạn nhân ngẫu nhiên. Nhưng nỗi ám ảnh với các chi tiết là như nhau và kiểm soát cuộc sống của cả hai.

Khi trưởng thành, Brudos bắt vợ hắn là Darcie phải mặc những trang phục mà hắn thích và tuân theo nghi thức chụp ảnh của hắn, dù cô ấy là một phụ nữ thật thà, không thích mạo hiểm, cảm thấy khó chịu với điều này và sợ hãi chồng mình. Hắn có những ảo tưởng phức tạp về việc làm một bộ quần áo để hành hạ người khác nhưng dành bằng lòng với ga-ra nhà hắn. Trong cái ga-ra đó là chiếc tủ đông có khóa có thể trữ những bộ phận cơ thể hắn ưa thích. Khi Darcie nấu món thịt cho bữa tối, cô ấy phải cho Jerry biết mình muốn nấu loại thịt nào và hắn sẽ đem đến cho cô. Cô ấy thường than vãn với bạn bè là nếu cô ấy được nhìn vào tủ đông và tự chọn một loại thịt thì sẽ dễ dàng hơn nhiều. Nhưng dù bất tiện, cô ấy cũng không cho rằng nó quá kỳ lạ để đi tố cáo. Hoặc nếu có cảm thấy lạ, cô ấy cũng quá sợ, không dám hó hé.

Brudos là một ví dụ gần như điển hình cho một tên tội phạm bắt đầu bằng những vụ việc lạ lùng vô hại rồi phát triển ngày càng mạnh - từ lúc tìm các đôi giày, đến quần áo của em gái hắn, cuối cùng là đồ cá nhân của những phụ nữ khác. Ban đầu hắn chỉ trộm từ các dây phơi quần áo, rồi hắn bám đuôi các phụ nữ mang giày cao gót và đột nhập vào những ngôi nhà trống, sau đó hắn gan dạ hơn, sẵn sàng đối đầu với những người trong nhà. Ban đầu chỉ mặc các trang phục vào người là đã đủ với hắn, nhưng rốt cục hắn muốn nhiều hơn thế. Bên ngoài xã hội, hắn bắt đầu đề nghị các cô gái cho hắn chụp ảnh họ. Sau đó, khi một người từ chối thoát ыл, hắn liền đe dọa cô ấy bằng dao. Nhưng một khi hắn giết cô gái và cảm thấy hài lòng, hắn liền lặp đi lặp lại việc đó, mỗi lần như vậy, hắn lại tăng cường việc cắt xẻo thi thể nạn nhân.

Tôi không có ý nói rằng mọi người đàn ông thích thú với giày cao gót hay hưng phấn khi nghĩ đến những chiếc áo ngực và quần lót ren màu đen đều sẽ trở thành tội phạm. Nếu đúng vậy thì đa số chúng ta đều sẽ vào tù. Nhưng như đã thấy ở Jerry Brudos, loại sở

thích tình dục đồi trụy này có thể suy thoái và cũng mang tính “tình huống”. Để tôi đưa ra một ví dụ.

Một thời gian trước, ở một nơi không xa chỗ tôi ở lắm, một vị hiệu trưởng trường tiểu học bị tố cáo có sở thích kỳ lạ với bàn chân của trẻ em. Ông bày ra một trò chơi để xem có thể cù lét bàn chân hoặc ngón chân các em trong bao lâu. Nếu các em chịu được một khoảng thời gian nhất định, ông sẽ cho các em tiền. Các vị phụ huynh chú ý khi một số em bắt đầu xài tiền ở trung tâm thương mại mà vốn dĩ các em không đủ khả năng. Khi hiệu trưởng bị phòng giáo dục đuổi việc, nhiều khu vực trong cộng đồng đã phản đối. Ông là người có ngoại hình ưa nhìn, có mối quan hệ bình thường với một cô bạn gái lâu năm, học sinh và phụ huynh rất yêu mến ông. Các giáo viên cho rằng ông bị định tội quá vội vàng. Kể cả nếu ông có sở thích kỳ quái với các ngón chân, về bản chất việc đó cũng vô hại. Ông chưa từng bạo hành em nào hay bảo các em cởi quần áo. Đây không phải kiểu người sẽ ra ngoài và bắt cóc trẻ em để phục vụ sở thích biến thái của mình.

Tôi đồng ý với nhận định đó. Cộng đồng không gặp nguy hiểm gì từ ông ở khía cạnh đó. Tôi đã gặp ông, đó là một người thân thiện và dễ mến. Nhưng lỡ như trong lúc chơi trò đó, một em bé có phản ứng mạnh, bắt đầu la hét hoặc đe dọa sẽ tố cáo ông ấy. Trong một phút hoảng loạn, ông có thể giết đứa bé chỉ vì không biết làm gì khác để kiểm soát tình hình. Khi nhân viên phòng giáo dục liên hệ với đơn vị của tôi, tôi nói rằng tôi nghĩ quyết định sa thải vị hiệu trưởng kia là đúng đắn.

Cũng trong khoảng thời gian đó, tôi được gọi đến Đại học Virginia vì các nữ sinh bị xô ngã và guốc của họ bị trộm mất trong lần nhốn nháo này. May là không ai bị thương nặng, cảnh sát địa phương và an ninh trường học xem các vụ việc này chỉ là một trò đùa. Tôi đến gặp họ và ban giám hiệu nhà trường, kể cho họ nghe về Brudos và những kẻ khác mà tôi đã có kinh nghiệm điều tra, thế là đến lúc về, tôi đã thành công với nhiệm vụ khiến họ cảm thấy sợ hãi trước Chúa. Thái độ của những người chịu trách nhiệm thay đổi đáng kể từ sau lần đó và tôi hài lòng mà nói rằng sau đó không có thêm tai nạn nào khác.

Nhìn vào quá trình phạm tội tăng tiến của Jerry Brudos, tôi phải tự hỏi rằng việc thấu hiểu và can thiệp vào các giai đoạn sớm nhất có thể ngăn chặn quá trình sau đó hay không.

Ở Ed Kemper, tôi cảm nhận mình nhìn thấy một tên sát nhân hàng loạt hình thành từ tuổi thơ đáng buồn. Trường hợp của Jerry Brudos thì có phần phức tạp hơn. Rõ ràng, sở thích bệnh hoạn của hắn đã xuất hiện từ rất sớm. Khi hắn mê đắm đôi giày cao gót tìm thấy ở bãi rác, hắn chỉ là một đứa trẻ. Nhưng một phần sự mê đắm của hắn có thể là do chưa từng thấy thứ nào như vậy trước đây. Chúng không giống những đôi giày mẹ hắn mang. Rồi khi bà ấy phản ứng gay gắt, chúng trở thành trái cấm với hắn. Không lâu sau đó, hắn trộm giày của cô giáo mình. Nhưng khi cô giáo phát hiện, hắn lại thấy ngạc nhiên vì phản ứng của cô. Thay vì quở trách cô giáo lại thắc mắc tại sao hắn làm thế. Vậy là khi đó hắn đã nhận được những thông điệp hỗn độn từ những phụ nữ trưởng thành về việc hắn làm, và sự thôi thúc từ bên trong dần dần trở thành một thứ tội lỗi và chết chóc hơn nhiều.

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu có người nhận ra sự nguy hiểm trong quá trình phát triển của hắn và thử áp dụng các biện pháp hữu ích để ứng phó với cảm xúc của hắn? Đến thời điểm vụ giết người đầu tiên xảy ra thì đã quá trễ. Nhưng ở bất kỳ thời điểm nào trên con đường phạm tội của hắn, liệu có thể ngăn chặn quá trình đó không? Qua cuộc nghiên cứu và công việc của tôi kể từ lúc đó, tôi cực kỳ bi quan về bất cứ thứ gì có liên quan, dù là mờ nhạt nhất, đến khả năng cải tạo dành cho đa số kẻ sát nhân vì động cơ tình dục. Nếu có cách gì khả thi thì phải áp dụng từ giai đoạn rất sớm, trước khi chúng tiến đến cột mốc ảo tưởng trở thành hiện thực.

§•§

Khi Arlene chị tôi còn vị thành niên, mẹ tôi thường nói bà có thể hiểu rõ về những cậu chàng mà Arlene đang hẹn hò bằng cách hỏi họ xem họ cảm thấy thế nào về mẹ mình. Nếu họ bày tỏ tình yêu và sự kính trọng đối với mẹ họ thì điều đó có lẽ sẽ phản ánh trong mối

quan hệ của họ với các phụ nữ khác trong cuộc đời họ. Nếu có ai nghĩ mẹ mình là đồ tồi, một con điếm hay kẻ độc đoán, khả năng cao là hắn sẽ đối xử với những phụ nữ khác theo cùng một cách.

Từ kinh nghiệm của bản thân, tôi thấy quan sát của mẹ tôi hoàn toàn chính xác. Ed Kemper đã gây ra một đợt hủy diệt ở Santa Cruz, bang California, trước khi gom đủ dũng khí để giết người phụ nữ hắn thực sự ghét. Monte Rissell, kẻ đã cưỡng bức và giết năm cô gái tuổi vị thành niên ở thành phố Alexandria, bang Virginia, kể rằng nếu hắn được phép đi cùng bố hắn thay vì mẹ hắn khi cuộc hôn nhân hỗn loạn nghiêm trọng của họ đổ vỡ, hắn nghĩ bây giờ hắn sẽ là một luật sư thay vì tù nhân chung thân ở Trại Cải tạo Richmond, nơi chúng tôi thẩm vấn hắn.

Với Monte Ralph Rissell, chúng tôi có thể bắt đầu ghép thêm nhiều mảnh của vấn đề. Hồi bảy tuổi, Monte là đứa nhỏ nhất trong ba đứa con khi mẹ hắn ly hôn và chuyển đến California. Ở đó bà tái hôn và dành nhiều thời gian với người chồng mới, để bọn trẻ bơ vơ, thiếu sự giám sát của người lớn. Monte bắt đầu vướng vào rắc rối từ sớm - vẽ hình tục tĩu lên tường ở trường, sử dụng ma túy và sau đó bắn một người anh em họ bằng một khẩu BB sau một vụ cãi cọ. Hắn nói rằng bố dượng đã đưa cho hắn khẩu súng và sau lần nổ súng bốc đồng đó, ông ta đập vỡ cây súng rồi đánh Monte liên tiếp bằng nòng súng.

Khi Monte mười hai tuổi, cuộc hôn nhân thứ hai tan vỡ và gia đình hắn quay lại Virginia. Monte kể rằng hắn nghĩ mình và chị gái mình là những người có lỗi. Từ đó về sau, con đường phạm tội của hắn ngày càng leo thang: lái xe không giấy phép, trộm cắp, trộm xe, rồi cưỡng hiếp.

Sự chuyển tiếp sang việc giết người của hắn cung cấp cho chúng tôi rất nhiều thông tin. Hồi còn trung học, đang trong thời gian thử thách và được tư vấn tâm lý, một điều khoản của án thử thách, hắn nhận được một lá thư từ người bạn gái. Cô này học trên hắn một năm và hiện đang học đại học ở xa. Lá thư nói rằng mối quan hệ của họ đã chấm dứt. Hắn lập tức lên xe, chạy đến trường đại học, tại đó hắn thấy cô gái và người bạn trai mới.

Thay vì có hành động công khai hoặc trút giận lên người gây ra chuyện, hắn lái xe trở về nhà ở Alexandria, tự cũng cố tinh thần bằng bia và cần sa, rồi ngồi hàng giờ liền trong xe ở bãi đậu của khu nhà hắn để nghiền ngẫm.

Khoảng hai hoặc ba giờ sáng, hắn vẫn còn ở đó, thì một chiếc xe xuất hiện, chỉ có một phụ nữ đang lái xe. Đột nhiên, Rissell quyết định lấy lại những gì vừa mất. Hắn tiến về phía chiếc xe của người phụ nữ, chĩa một khẩu súng ngắn vào cô này, ép cô đi với hắn đến một nơi vắng vẻ gần khu nhà.

Rissell rất bình tĩnh, thận trọng và tỉ mỉ khi kể lại hành động của mình cho Bob Ressler và tôi nghe. Tôi đã kiểm tra chỉ số IQ của hắn trước, hơn 120. Tôi không thấy nhiều kẻ ăn năn hối lỗi - trừ những tội phạm hiểm hoi đã tự thú hoặc tự sát - còn đâu sự ăn năn của chúng chủ yếu là vì bị bắt và bỏ tù. Nhưng hắn không cố giảm nhẹ các tội ác của mình, và đúng là tôi có cảm giác hắn đang khai thật. Và hành vi mà hắn vừa mô tả và sắp mô tả, chứa một số thông tin quan trọng.

Trước hết, vụ việc này xảy ra sau một sự kiện hay sự cố mang tính kích hoạt - về sau chúng tôi gọi đó là tác nhân gây căng thẳng, chúng tôi sẽ còn thấy xu hướng này nhiều lần. Bất cứ cái gì cũng có thể là tác nhân gây căng thẳng mang tính kích hoạt; chúng ta không hài lòng vì những thứ khác nhau. Nhưng không có gì lạ khi hai tác nhân phổ biến nhất là mất việc và mất vợ hoặc bạn gái. (Tôi nói vợ hoặc bạn gái là vì, như đã nói, gần như mọi kẻ sát nhân dạng này đều là đàn ông, vì những lý do mà tôi sẽ trình bày cụ thể sau.)

Từ việc nghiên cứu những kẻ như Monte Rissell, chúng tôi nhận ra những tác nhân gây căng thẳng này là một phần quan trọng trong động cơ giết người hàng loạt mà khi trông thấy những trường hợp cụ thể ở hiện trường án mạng, chúng tôi tự tin dự đoán chính xác tác nhân gây căng thẳng là gì. Trong vụ giết người ở Alaska của Jud Ray mà tôi đã đề cập ở chương 4, thời điểm và chi tiết của vụ giết một phụ nữ và hai đứa con gái nhỏ đã giúp Jud dự đoán được tên sát nhân vừa mất bạn gái và công việc. Cả hai sự kiện tổn thương này là có thật. Thực ra, người bạn gái đã bỏ đối tượng để

đến với sếp hăn, người này sau đó đã sa thải hăn để hăn biến khỏi cuộc đời họ.

Thế là vào cái đêm thấy bạn gái đi với một nam sinh, Monte Rissell đã thực hiện vụ giết người đầu tiên. Bản thân điều này đã đủ quan trọng. Nhưng sự việc diễn ra chính xác như thế nào và tại sao còn cho chúng tôi biết nhiều hơn.

Hóa ra, nạn nhân của Rissell ngẫu nhiên lại là một cô gái làng chơi, điều đó có hai ý nghĩa: cô ta không sợ quan hệ với người lạ như những người ngoài ngành và dù sợ, nhưng có lẽ cô ta có bản năng sinh tồn khá nhạy. Vì vậy, khi hăn ép cô đến chỗ vắng và rõ ràng định cưỡng bức cô khi dùng súng uy hiếp, cô gái này đã cố làm dịu tình hình bằng cách nâng váy lên và hỏi kẻ tấn công mình rằng hăn thích như thế nào.

“Cô ta hỏi tôi muốn làm như thế nào”, hăn kể. Nhưng thay vì làm hăn bớt căng thẳng hoặc miễn cảm, hành vi này của cô gái chỉ khiến hăn nổi giận. “Giống như ả điếm đó đang cố kiểm soát tình hình.” Có vẻ cô ta đã giả vờ lên đỉnh hai hay ba lần để xoa dịu hăn nhưng việc này chỉ làm mọi chuyện tệ hơn. Nếu cô ta có thể “tận hưởng” lần cưỡng bức này thì điều đó khiến hăn càng tin chắc phụ nữ đều là đồ bẩn tiện. Với hăn, cô ta không còn giống con người và rất dễ để suy luận đến chuyện giết cô ta.

Nhưng hăn đã thả một nạn nhân khác đi khi cô này nói đang chăm sóc cho người cha bị ung thư. Anh trai Rissell bị ung thư nên hăn thông cảm cho cô. Cô gái này trở nên gần gũi với hăn, khác cô gái làng chơi, hay người y tá mà Richard Speck đã tấn công khi cô bị trói, nằm úp mặt trên ghế.

Nhưng sự việc này lý giải tại sao rất khó đưa ra lời khuyên chung là nên làm gì trong tình huống bị cưỡng bức. Tùy vào tính cách và động cơ gây án của tên tội phạm, thuận theo hăn hoặc thuyết phục để được tha có lẽ là cách tốt nhất. Hoặc cách này có thể làm mọi chuyện tệ hơn. Phản kháng hoặc vùng vẫy đối với “kẻ cưỡng bức để chứng tỏ sức mạnh” có thể khiến hăn dừng lại. Phản kháng với “kẻ cưỡng bức do bị chọc giận”, trừ phi nạn nhân đủ khỏe hoặc nhanh để chạy thoát, có thể khiến nạn nhân bị giết. Cố gắng ra vẻ vụ việc mang lại khoái cảm, vì kẻ cưỡng bức tự ti về khả năng tình dục,

không hẳn là chiến thuật tốt nhất. Đây là những tội ác sản sinh do giận dữ và thù địch, nhằm khẳng định sức mạnh. Khía cạnh tình dục chỉ mang tính ngẫu nhiên.

Sau khi cưỡng bức cô gái hấn bắt cóc khỏi bãi đậu xe, trong khi đang vô cùng giận dữ như vậy, Rissell chưa quyết định sẽ làm gì với nạn nhân. Nhưng lúc này cô gái lại làm điều mà nhiều người trong chúng ta cho là hành động hợp lý: cố gắng bỏ chạy. Việc này càng khiến hấn cảm thấy cô ấy đang kiểm soát tình hình chứ không phải hấn. Theo lời Rissell, mà chúng tôi trích lại trong một bài báo về nghiên cứu cho *Tạp chí Tâm thần học Mỹ*: "Cô ta chạy xuống khe núi. Lúc đó tôi tóm được cô ta. Tôi dùng tay khóa cổ cô ta. Cô ta to con hơn tôi. Tôi bắt đầu siết cổ cô ta... cô ta sẩy chân... chúng tôi lăn xuống đồi, rơi vào dòng nước. Tôi đập đầu cô ta vào cạnh một tảng đá và nhấn đầu cô ta xuống nước."

Điều chúng tôi học được là hành vi của nạn nhân cũng quan trọng không kém hành vi của đối tượng trong việc phân tích tội ác. Đây là một nạn nhân có nguy cơ cao hay thấp? Cô ấy đã nói hay làm gì, và điều đó kích động đối tượng hay khiến hấn khựng lại? Tình huống giữa hai bên xảy ra vì lý do gì?

Nạn nhân mà Rissell lựa chọn đơn giản là những người ở gần hấn - trong và xung quanh khu vực hấn sinh sống. Và một khi hấn đã giết người, điều cấm kỵ đó đã không còn. Hấn nhận ra mình có thể thực hiện, tận hưởng việc đó, và thoát tội. Nếu được gọi đến để điều tra vụ này và mô tả tính cách của một Đối tượng vô danh, chúng tôi sẽ thấy hấn đã có chút kinh nghiệm - một tội nào đó không phải tội giết người - mà thực tế là đúng như vậy. Thẳng thắn mà nói, điều chúng tôi có thể đoán sai, ít nhất là vào lúc ban đầu, là độ tuổi. Ở thời điểm giết người lần đầu, Rissell chỉ mới mười chín tuổi. Chúng tôi có lẽ sẽ đoán hấn từ hơn hai mươi đến gần ba mươi.

Nhưng trường hợp của Rissell cho thấy tuổi tác chỉ là khái niệm tương đối trong công việc của chúng tôi. Năm 1989, Gregg McCrary thuộc đơn vị của tôi được mời đến vì một loạt vụ án giết hại các cô gái làng chơi vô cùng khó hiểu ở Rochester, New York. Hợp tác mật thiết với Đại úy Lynde Johnson và lực lượng cảnh sát hạng nhất, Gregg đã phát triển một bản mô tả chi tiết và đề nghị một chiến

lược cuối cùng đã dẫn đến việc bắt giữ và khởi tố thành công Arthur Shawcross. Sau đó, khi chúng tôi xem xét bản mô tả thì phát hiện Gregg đã mô tả gần như chính xác tuyệt đối - chủng tộc, tính cách, loại hình công việc, đời sống gia đình, xe cộ, sở thích, sự quen thuộc với khu vực gây án, mối quan hệ với cảnh sát; hầu như mọi thứ, trừ độ tuổi. Greg đã dự đoán một người đàn ông từ hai mươi mốt đến ba mươi tuổi, đã quen với việc giết người. Thực tế Shawcross bốn mươi lăm tuổi. Hóa ra hắn đã ở tù mười lăm năm vì tội giết hai đứa trẻ (cũng như gái mại dâm và người già, trẻ em là mục tiêu dễ bị tấn công), đây là lý do hắn ngưng hoạt động. Trong những tháng được phóng thích có điều kiện, hắn tiếp tục ở nơi hắn đã dừng lại.

Giống Arthur Shawcross phạm tội khi đang trong thời gian được phóng thích, Monte Rissell cũng thế. Và giống Ed Kemper, hắn có thể thuyết phục một nhà tâm thần học rằng hắn đang rất tiến bộ trong khi sự thật thì hắn lại đang đi giết người. Việc này như một phiên bản bệnh hoạn của trò đùa rằng cần bao nhiêu nhà tâm thần học để thay một cái bóng đèn - câu trả lời là một, nhưng chỉ khi cái bóng đèn *muốn* được thay. Các nhà tâm thần học và chuyên gia sức khỏe tâm thần đã quen với việc dựa trên sự tự báo cáo của đối tượng để theo dõi tiến triển của hắn và điều này cho thấy bệnh nhân muốn "khỏe" lại. Hóa ra việc lừa nhiều nhà tâm thần học lại vô cùng dễ dàng, và đa số người giỏi sẽ nói rằng yếu tố duy nhất dự đoán tính bạo lực tương đối đáng tin là quá khứ bạo lực. Một trong những điều mà tôi hy vọng chúng tôi đã đạt được từ cuộc nghiên cứu tính cách tội phạm và công việc của chúng tôi kể từ lúc đó là giúp cộng đồng sức khỏe tâm thần nhận thức được những hạn chế của việc tự báo cáo có liên quan đến hành vi phạm tội. Theo bản năng, một tên sát nhân hoặc cường hiếp hàng loạt thích thao túng, áy náy và hoàn toàn ích kỷ. Hắn sẽ nói với quản chế hoặc nhà tâm thần học của trại giam bất cứ điều gì mà họ muốn nghe để ra khỏi tù hoặc không phải vào tù.

Khi Rissell mô tả những lần giết người sau của hắn, chúng tôi thấy có sự tiến triển đều đặn. Hắn cảm thấy phiền phức vì nạn nhân thứ hai liên tục chất vấn hắn: "Cô ta muốn biết tại sao tôi muốn làm

việc đó; tại sao tôi chọn cô ta; chẳng phải tôi có bạn gái rồi sao; tôi có vấn đề gì; tôi định làm gì.”

Cô gái lái xe khi đang bị dí súng và cũng giống như nạn nhân đầu tiên, cô ấy cố gắng chạy trốn. Đến lúc này, hắn nhận ra mình phải giết cô gái, liên tiếp đâm vào ngực cô ấy.

Đến vụ giết người thứ ba, mọi chuyện trở nên khá dễ dàng. Hắn đã học được kinh nghiệm từ lần trước và không để cho nạn nhân này mở miệng nói chuyện; hắn bắt cô im lặng. “Khi đó tôi nghĩ... Mình đã giết hai người rồi. Thôi thì giết luôn người này.”

Chính trong giai đoạn này của quá trình, hắn tha cho người phụ nữ đang chăm sóc người cha bị ung thư. Nhưng với hai vụ giết người cuối, dự định của hắn rất rõ ràng. Hắn tìm một người chết đuối, người còn lại thì hắn đâm chết - khoảng năm mươi đến một trăm nhát theo ước tính của hắn.

Như hầu hết những tội phạm khác, Rissell cho chúng tôi thấy hắn đã có ảo tưởng từ trước khi các vụ cưỡng hiếp hoặc giết người bắt đầu. Chúng tôi hỏi hắn lấy những ý tưởng này từ đâu. Hóa ra chúng xuất phát từ nhiều nguồn, nhưng một trong số đó, theo lời hắn, là do hắn đã đọc tin tức về David Berkowitz.

§•§

David Berkowitz, ban đầu được gọi là “Kẻ sát nhân 44 ly”, sau đó là “Con trai của Sam” sau khi hắn bắt đầu gửi thư cho các báo trong giai đoạn hắn gieo rắc nỗi kinh hoàng khắp thành phố New York, như một kẻ ám sát hơn là sát nhân hàng loạt điển hình. Trong vòng gần một năm - từ tháng Bảy năm 1976 đến tháng Bảy năm 1977 - sáu thanh niên nam nữ bị giết và nhiều người khác bị thương, tất cả đều đậu xe ở khu vực dành cho các cặp tình nhân và bị bắn khi ngồi trong xe bằng một khẩu súng ngắn uy lực mạnh.

Giống một số kẻ sát nhân hàng loạt, Berkowitz là sản phẩm của một gia đình mà hắn được nhận nuôi nhưng lại không hay biết mãi đến lúc hắn gia nhập Lục quân. Hắn muốn được cử đến Việt Nam, nhưng kết quả là bị đưa sang Hàn Quốc, nơi hắn quan hệ tình dục

lần đầu tiên, với một cô gái điếm và bị mắc bệnh lậu. Khi giải ngũ và trở về New York, hắn bắt đầu truy tìm mẹ ruột của mình và tìm được bà ấy đang sống với con gái - em gái của hắn - ở Long Beach, Long Island. Điều làm hắn ngạc nhiên và thất vọng là họ không muốn dính dáng gì tới hắn. Vốn hắn đã nhút nhát, bất an và giận dữ, bây giờ hắn bùng nổ thành một kẻ có khả năng giết người. Hắn đã học cách bắn súng hồi tham gia quân ngũ. Hắn đến Texas và lũng mua được một khẩu Charter Arms Bulldog - một khẩu súng ngắn 44 ly - một vũ khí uy lực giúp hắn cảm thấy mình to hơn, mạnh hơn. Hắn đến những bãi rác của New York và tập bắn bằng khẩu súng này, nhằm những mục tiêu nhỏ, đến khi thật chắc tay. Rồi sau đó, gã nhân viên bưu điện cấp thấp vào ban ngày này đi săn mồi vào ban đêm.

Chúng tôi thẩm vấn Berkowitz ở Nhà tù bang Attica, nơi hắn đang chịu án phạt hai mươi lăm năm đến chung thân cho sáu tội sát nhân sau khi điều đình nhận tội, nhưng rồi hắn lại chối hết mọi tội lỗi. Hắn là nạn nhân của một vụ tấn công đến gần chết trong tù vào năm 1979, cổ hắn bị cắt từ phía sau. Vết thương phải may năm mươi sáu mũi và vẫn chưa nhận diện được kẻ tấn công. Vì vậy, chúng tôi đến tìm hắn mà không báo trước, không muốn đẩy hắn vào tình cảnh hiểm nghèo thêm nữa. Với sự hợp tác của quản ngục, chúng tôi đã điền gần đầy đủ bảng câu hỏi trước nên có sự chuẩn bị tốt.

Với cuộc gặp mặt này, tôi mang theo một số vật dụng hỗ trợ. Như đã nói, cha tôi là thợ in ở New York và Chủ tịch Công đoàn In ở Long Island, ông cho tôi nhiều tờ báo khổ nhỏ với những cái tit thật lớn về các vụ án của "Con trai của Sam."

Tôi giờ lên tờ *Daily News* của New York, sau đó đẩy qua bên kia bàn cho hắn, nói: "David, một trăm năm sau, sẽ không ai nhớ Bob Ressler hay John Douglas là ai nhưng họ sẽ nhớ 'Con trai của Sam'. Thực ra, ngay lúc này đang có một vụ án ở Wichita, Kansas, một gã đã giết khoảng sáu phụ nữ và tự gọi mình là Kẻ siết cổ BTK. Những chữ này có ý nghĩa là 'trói, hành hạ, giết'. Anh biết không, hắn đang viết những lá thư và hắn nhắc đến anh trong đó. Hắn nói về David Berkowitz, 'Con trai của Sam'. Hắn muốn được như anh vì anh có

sức mạnh này. Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu hắn viết thư gửi đến đây cho anh.”

Theo tôi, Berkowitz không phải kiểu người thu hút và hắn vẫn luôn muốn được công nhận hoặc đạt được những thành tựu cá nhân. Hắn có cặp mắt màu xanh sáng luôn cố gắng đoán xem người ta có thực lòng hứng thú với hắn không hay đang cười nhạo hắn. Khi hắn nghe những gì tôi nói, mắt hắn sáng lên.

“Anh không có cơ hội cho lời khai trước tòa”, tôi tiếp tục, “nên công chúng chỉ biết anh là một thằng khốn kiếp. Nhưng từ việc tiến hành thẩm vấn, chúng tôi biết còn có một mặt khác của câu chuyện, một mặt hẳn cảm hơn, một mặt bị tác động bởi quá khứ của anh. Và chúng tôi muốn anh có cơ hội kể cho chúng tôi nghe.”

Hắn không tỏ vẻ thân thiện nhưng không chần chừ khi nói chuyện với chúng tôi. Hắn thừa nhận đã thực hiện hơn 2000 vụ phóng hỏa ở khu vực Brooklyn-Queens, hắn ghi chú thật chi tiết những vụ này. Đó là điểm khiến hắn giống một kẻ ám sát - cô độc đắm mình vào việc lưu lại nhật ký hành trình đầy ám ảnh này. Một điểm khác là hắn không muốn có tiếp xúc cơ thể với nạn nhân. Hắn không phải kẻ cưỡng hiếp hay có sở thích quái dị. Hắn không tìm kiếm các món đồ lưu niệm. Bất cứ cáo buộc nào liên quan đến tình dục đều là từ hành động bắn người của hắn mà ra.

Những vụ phóng hỏa chủ yếu gây phiền toái như đốt các thùng rác hay công trình bỏ hoang. Như rất nhiều kẻ thích phóng hỏa, hắn sẽ thủ dâm khi ngắm nhìn ngọn lửa, rồi sau đó là khi đơn vị cứu hỏa đến để dập lửa. Việc phóng hỏa cũng phù hợp với hai yếu tố khác của “tam giác giết người”: tè dầm và ngược đãi động vật.

Tôi luôn nghĩ những cuộc thẩm vấn trong tù giống như công việc đãi vàng. Phần lớn những gì bạn tìm được chỉ là đồng sỏi vô giá trị, nhưng nếu bạn tìm được một cục vàng thì mọi nỗ lực là hoàn toàn xứng đáng. Và đó chắc chắn là trường hợp của David Berkowitz.

Điều vô cùng thú vị với chúng tôi là khi hắn theo dõi khu vực dành cho các đôi tình nhân, thay vì đi sang phía ghế lái của xe - thường là phía người nam ngồi - vốn có vẻ nguy hiểm hơn, hắn lại vòng qua phía ghế phụ. Điều này cho thấy, khi hắn nổ súng vào chiếc xe đó trong tư thế điển hình của một cảnh sát, sự căm ghét và

giận dữ của hắn nhắm vào người phụ nữ. Hàng loạt vết đạn bắn, cũng như vết dao đâm, cho thấy mức độ giận dữ. Người nam chỉ đơn giản là có mặt sai chỗ sai thời điểm. Có lẽ không hề có sự giao tiếp bằng mắt giữa kẻ tấn công và nạn nhân. Mọi thứ được thực hiện từ xa. Hắn có thể chiếm hữu người phụ nữ trong ảo tưởng của hắn mà không bao giờ phải tiếp xúc với cô ấy.

Thú vị không kém, một khối vàng khác đã trở thành một phần của nhận thức chung về những kẻ sát nhân hàng loạt là Berkowitz cho chúng tôi biết hắn đi săn mỗi đêm. Khi hắn không tìm được một nạn nhân ngẫu nhiên, một nạn nhân có mặt sai chỗ sai thời điểm, hắn sẽ quay lại những khu vực mà trước đó hắn từng thành công. Hắn sẽ quay lại một hiện trường án mạng (nhiều kẻ khác quay lại nơi vút xác) và nơi chôn cất rồi gần như lặn lội trên đất, nhớ lại ảo tưởng đó hết lần này đến lần khác.

Đây cũng là lý do mà những kẻ sát nhân hàng loạt khác chụp ảnh hoặc quay phim các vụ án của hắn. Sau khi nạn nhân đã chết và thi thể đã bị vút đi, chúng muốn có thể hồi tưởng cảm giác hưng phấn đó, tái diễn ảo tượng của mình, lặp đi lặp lại nhiều lần. Berkowitz không cần trang sức, đồ lót, các bộ phận cơ thể hay bất kỳ đồ lưu niệm nào. Hắn nói rằng hồi tưởng đã là đủ với hắn. Sau đó hắn sẽ về nhà, thủ dâm và nhớ lại ảo tưởng của hắn.

Chúng tôi sẽ sử dụng thông tin quý giá này thật hiệu quả. Những người làm trong ngành thi hành luật vẫn luôn phán đoán kẻ sát nhân có trở lại hiện trường nơi hắn gây án, nhưng không thể chứng minh hay giải thích nguyên nhân. Từ những đối tượng như Berkowitz, chúng tôi bắt đầu khám phá ra phán đoán đó là đúng, tuy không phải lúc nào cũng vì những lý do mà chúng tôi hoài nghi. Sự ăn năn chắc chắn là một nguyên nhân. Như Berkowitz đã chứng tỏ, có thể còn nhiều lý do khác. Khi đã hiểu tại sao một loại tội phạm nào đó có thể quay lại hiện trường, chúng ta có thể bắt đầu lên kế hoạch đối phó với hắn.

Cái tên "Con trai của Sam" bắt nguồn từ một ghi chú sơ sài gửi cho đội trưởng cảnh sát Joseph Borelli, vị này sau đó trở thành chánh thanh tra Sở Cảnh sát New York. Tờ ghi chú được tìm thấy gần xe của hai nạn nhân Alexander Esau và Valentina Suriani ở khu

Bronx. Như những người khác, hai nạn nhân này bị giết từ tầm bắn trực xạ. Tờ ghi chú viết:

Tôi vô cùng đau đớn khi ông gọi tôi là kẻ ghét phụ nữ. Tôi không phải. Nhưng tôi là một con quái vật. Tôi là "con trai của Sam". Tôi là một thằng nhóc hư đốn.

Khi bố Sam say, ông ta trở nên cực súc. Ông ta đánh đập các thành viên trong gia đình. Đôi khi ông ta trói tôi ở phía sau nhà. Những lúc khác ông ta nhốt tôi trong ga-ra. Sam thích uống máu.

"Ra ngoài và giết người đi", bố Sam ra lệnh.

Đằng sau ngôi nhà của chúng tôi, có một số người đã chết. Chủ yếu là những người trẻ - bị cưỡng hiếp và giết hại - máu của họ đã cạn - lúc này chỉ còn lại xương.

Bố Sam cũng nhốt tôi trên gác mái. Tôi không thể ra khỏi đó nhưng tôi nhìn ra cửa sổ gác mái và ngắm thế giới trôi qua.

Tôi cảm giác mình như một kẻ bên lề. Tôi ở một bước sóng khác với mọi người - được lập trình để giết chóc.

Nhưng, để ngăn tôi thì ông phải giết tôi. Tất cả cảnh sát, hãy chú ý: Bắn tôi trước - bắn để giết cho bằng được, còn không thì tránh đường cho tôi nếu không mấy người sẽ chết!

Bố Sam giờ già rồi. Ông ta cần máu để duy trì tuổi trẻ. Ông ta bị đau tim nhiều lần quá. "A, ta đau quá, con trai ơi."

Người tôi nhớ nhất là công chúa xinh đẹp của mình. Nàng đang nghỉ ngơi trong ngôi nhà phụ nữ của chúng tôi. Nhưng tôi sẽ gặp nàng sớm thôi.

Tôi là "con quái vật" - "con quỷ Beelzebub" - kẻ khổng lồ mũm mĩm.

Tôi thích đi săn. Lảng vảng trên các con phố, tìm kiếm những kẻ dễ tấn công - miếng thịt ngon lành. Phụ nữ ở Queens là xinh đẹp nhất. Tôi phải thu hút họ. Tôi sống để đi săn - cuộc sống của tôi. Máu cho bố.

Ngài Borelli, tôi không muốn giết chóc nữa. Không thừa ngài, không muốn nữa nhưng tôi phải giết, "vì danh dự của bố mày".

Kẻ tầm thường này đã trở nên nổi tiếng khắp cả nước. Hơn một trăm thanh tra tham gia một tổ gọi là Lực lượng Đặc nhiệm Omega.

Những lần liên lạc lung tung, điên rồ tiếp diễn, trong đó có những lá thư gửi cho các tờ báo và nhà báo như Jimmy Breslin. Cả thành phố chìm trong nỗi khiếp sợ. Ở bưu điện, hắn kể, hắn cảm thấy khoái trá vô cùng khi nghe mọi người nói về Con trai của Sam và không biết họ đang ở chung phòng với hắn.

Vụ tấn công tiếp theo xảy ra ở Bayside, Queens, nhưng cả hai người nam và nữ đều sống sót. Năm ngày sau, một cặp đôi ở Brooklyn không may mắn như vậy. Stacy Moskowitz chết tại chỗ. Robert Violante sống sót, nhưng bị mù do các vết thương.

Cuối cùng Con trai của Sam bị bắt vì đậu chiếc Ford Galaxy quá gần một trụ nước cứu hỏa vào đêm xảy ra vụ giết người cuối cùng. Một nhân chứng trong khu vực nhớ rằng có nhìn thấy một cảnh sát viết giấy phạt, và khi điều tra, chiếc vé phạt dẫn tới David Berkowitz. Khi bị cảnh sát chất vấn, hắn chỉ nói: "Thôi được, các ông đã bắt được tôi".

Sau khi bị bắt, Berkowitz giải thích "Sam" là để chỉ hàng xóm của hắn, Sam Carr. Harvey, con chó tha mồi Labrador màu đen của người này trong mắt David có vẻ là con quỷ 3.000 năm tuổi đã ra lệnh cho hắn giết người. Ở một thời điểm, hắn đã bắn con chó bằng một khẩu súng lục ổ quay 22 ly, nhưng con vật sống sót. Hắn lập tức được xác định là bị tâm thần phân liệt dạng hoang tưởng bởi phần lớn chuyên gia trong cộng đồng tâm thần học, toàn bộ nguyên do đều dựa vào những lá thư của hắn. "Công chúa xinh đẹp" trong lá thư đầu tiên của hắn có vẻ là một trong các nạn nhân, Donna Lauria, Sam đã hứa sẽ cho hắn linh hồn của cô sau khi cô chết.

Với tôi, điều quan trọng nhất ở những lá thư, hơn bất cứ nội dung nào trong thư, là cách mà chữ viết của hắn thay đổi. Trong lá thư đầu tiên, chữ viết gọn gàng và trật tự, sau đó dần dần xấu đi đến mức gần như không thể đọc được. Những từ viết sai chính tả ngày càng nhiều hơn. Cứ như có hai người khác nhau viết những lá thư đó. Tôi cho hắn xem sự khác biệt này. Hắn thậm chí còn không nhận ra. Nếu lúc đó tôi mô tả về hắn, ngay khi nhìn thấy sự thay đổi trong chữ viết, tôi sẽ biết hắn là kẻ yếu ớt, dễ phạm sai lầm, những sai lầm ngớ ngẩn như đậu xe phía trước một trụ nước cứu hỏa,

khiến cảnh sát dễ dàng bắt được hắn. Điểm yếu ớn đó sẽ là thời cơ để tiến hành một chiến lược vây bắt chủ động.

Tôi tin Berkowitz chịu kể hết với chúng tôi là vì những việc chúng tôi đã làm để chuẩn bị cho vụ án này. Khi mới vào cuộc thẩm vấn, chúng tôi nói đến chủ đề con chó 3.000 năm tuổi ra lệnh cho hắn phạm tội. Cộng đồng tâm thần học đã chấp nhận câu chuyện này là đáng tin và nghĩ nó giải thích được động cơ của hắn. Nhưng tôi biết câu chuyện đó chỉ ra đời sau khi hắn bị bắt. Đó là cách để hắn thoát tội. Vì vậy, khi hắn bắt đầu dài dòng kể lể về con chó này, tôi chỉ nói: "David, thôi nói nhảm đi. Con chó không liên quan gì đến chuyện đó cả."

Hắn cười, gật đầu thừa nhận. Chúng tôi đã đọc một số bài bình luận từ khía cạnh tâm lý học về các bức thư. Có một bài so sánh hắn với nhân vật Jerry trong vở kịch *Câu chuyện sở thú* của Edward Albee. Một bài khác lại cố gắng hiểu tâm bệnh của hắn bằng cách phân tích từng từ một trong các lá thư. Nhưng khi đó David đang ném cho họ một cú bóng vòng, tất cả họ đều vung gậy và đập hụt.

Có một sự thật đơn giản là David Berkowitz tức giận vì cách mẹ hắn và những phụ nữ khác trong đời đối xử với hắn, và hắn cảm thấy tự ti khi ở gần họ. Ảo tưởng chiếm hữu họ bùng nổ thành một thực tế chết chóc. Điều quan trọng với chúng tôi là các chi tiết.

§•§

Với khả năng quản lý tài ba khoản trợ cấp NIJ của Bob Ressler và sự tổng hợp các cuộc thẩm vấn của Ann Burgess, đến năm 1983, chúng tôi đã hoàn thành một nghiên cứu chi tiết trên 36 đối tượng. Chúng tôi cũng thu thập dữ liệu từ 118 nạn nhân của chúng, chủ yếu là phụ nữ.

Từ cuộc nghiên cứu, chúng tôi đã hình thành một hệ thống để có thể hiểu và phân loại tội phạm bạo lực dễ hơn. Lần đầu tiên, chúng tôi có thể bắt đầu liên kết những gì đang diễn ra trong tâm trí một kẻ tội phạm với chứng cứ hắn để lại ở hiện trường. Điều đó giúp việc truy tìm, bắt giữ và khởi tố chúng hiệu quả hơn. Nghiên cứu bắt

đầu trả lời cho những câu hỏi có từ lâu về bệnh điên và “Loại người nào có thể làm ra chuyện như vậy?”

Năm 1988, chúng tôi mở rộng các kết luận của mình, viết thành một cuốn sách với tựa đề *Tội phạm giết người vì tình dục: Các xu hướng và động cơ*, do Lexington Books xuất bản. Khi tôi viết những dòng này, cuốn sách đã được in đến lần thứ bảy. Nhưng dù chúng tôi học hỏi được bao nhiêu đi chăng nữa thì như chúng tôi thừa nhận trong phần kết luận của mình, “nghiên cứu này làm nảy sinh nhiều câu hỏi hơn là trả lời chúng”.

Hành trình đi vào tâm trí của tội phạm bạo lực vẫn đang tiếp diễn. Theo định nghĩa, sát nhân hàng loạt là những kẻ giết người “thành công”, biết học hỏi từ kinh nghiệm của bản thân. Chúng tôi chỉ có thể bảo đảm mình luôn học hỏi nhanh hơn chúng mà thôi.

CHƯƠNG 8

Kẻ sát nhân bị tội nói lắp

Một thời điểm nào đó vào năm 1980, tôi thấy một bài viết trên tờ báo địa phương về một phụ nữ lớn tuổi bị một kẻ đột nhập vô danh tấn công tình dục, đánh trọng thương và bỏ mặc cho đến chết, cùng hai con chó của bà đã bị đâm chết. Cảnh sát cho rằng kẻ phạm tội đã ở lại hiện trường khá lâu. Cả cộng đồng kinh ngạc và vô cùng giận dữ.

Vài tháng sau, khi trở về sau một chuyến đi dài, tôi tình cờ hỏi Pam xem có tin gì mới về vụ này không. Cô ấy bảo không có, và cũng không có đối tượng khả nghi nào. Tôi nói rằng như vậy thì thật không hay, vì từ những gì tôi đã đọc và nghe được, đây có vẻ là một vụ án có thể giải quyết. Vụ này không thuộc thẩm quyền liên bang và chúng tôi chưa được mời tham gia, nhưng với tư cách là một công dân địa phương, tôi quyết định xem mình có thể giúp gì không.

Tôi đến đồn cảnh sát, giới thiệu bản thân, nói với đồn trưởng công việc của mình và hỏi xem tôi có thể nói chuyện với các thanh tra đang thụ lý vụ án không. Ông ấy lịch sự chấp nhận đề nghị của tôi.

Tổ trưởng tổ điều tra tên là Dean Martin. Tôi không nhớ mình có kiểm chế mấy câu đùa liên quan đến Jerry Lewis không, nhưng có lẽ là không. Anh ta cho tôi xem các hồ sơ vụ án, gồm cả ảnh chụp hiện trường. Bà cụ này bị tấn công rất nặng. Và khi nghiên cứu, tôi bắt đầu hình thành một bức tranh rõ ràng trong đầu về kẻ phạm tội và động cơ của vụ án.

“Được rồi, tôi nghĩ thế này”, tôi nói với các thanh tra. Họ lịch sự, có chăng là hơi nghi ngờ, nhưng vẫn lắng nghe tôi. Đó là một nam sinh trung học mười sáu hoặc mười bảy tuổi. Bất cứ khi nào chúng

ta gặp một nạn nhân lớn tuổi bị tấn công tình dục, hãy tìm một kẻ tấn công trẻ tuổi, ai đó không tự tin về bản thân, không có nhiều hoặc hoàn toàn không có kinh nghiệm. Đối với hắn, một nạn nhân trẻ hơn, khỏe hơn hoặc có tính thử thách hơn sẽ đáng lo ngại hơn. Hắn có vẻ ngoài luộm thuộm, tóc tai rối bù và bẩn thỉu, nhìn chung là không được cắt tỉa gọn gàng. Sự việc xảy ra vào đêm hôm đó là mẹ hoặc bố hắn đuổi hắn ra khỏi nhà và hắn không có nơi nào để đi. Trong tình huống này, hắn sẽ không đi quá xa. Thay vào đó, hắn sẽ tìm nơi nào gần nhất và dễ nhất để trú tạm. Hắn không có bạn bè nào, dù là con gái hay con trai, để có thể tá túc đến khi vụ việc ở nhà lắng xuống. Nhưng khi đang lang thang ở ngoài, cảm thấy khốn khổ, bất lực và giận dữ, hắn đã đến nhà bà cụ này. Hắn biết bà ấy sống một mình, hắn từng làm việc ở đó hoặc giúp vài việc vặt cho bà ấy. Hắn biết bà ấy không phải một mối đe dọa lớn.

Thế là hắn lén vào, có thể bà ấy phản kháng, có thể bà ấy bắt đầu la mắng hắn, có thể bà ấy sợ hãi. Dù phản ứng của bà cụ là gì, nó đều kích động hắn và cho hắn thêm sức mạnh. Hắn muốn chứng tỏ với bản thân và thế giới rằng mình là một người đàn ông. Hắn thử quan hệ với bà ấy, nhưng không thể tiến vào. Vì vậy, hắn đánh bà ấy bầm dập và có lúc hắn quyết định tốt nhất nên giải quyết triệt để vì bà ấy có thể tố cáo hắn. Hắn không mang mặt nạ, đây chỉ là một tội ác bộc phát, chứ không có kế hoạch trước. Nhưng bà ấy bị chấn thương quá nặng nên dù sống sót cũng không thể mô tả gì cho cảnh sát.

Sau vụ tấn công, hắn vẫn không có nơi nào để đi và bà ấy hiển nhiên không đe dọa gì hắn, hắn biết sẽ không có ai đến thăm bà ấy vào buổi tối nên hắn ở lại ăn uống đã đời, vì lúc này hắn đang đói.

Tôi ngừng lại trong lúc mô tả và nói với họ rằng ngoài kia có ai đó khớp với mô tả này. Nếu họ có thể tìm được hắn, tức là họ đã bắt được thủ phạm.

Các thanh tra nhìn nhau. Một trong số họ bắt đầu mỉm cười. “Anh có phải là nhà ngoại cảm không, Douglas?”

“Không”, tôi đáp, “nhưng công việc của tôi sẽ dễ dàng hơn nhiều nếu tôi là nhà ngoại cảm.”

“Vì có một nhà ngoại cảm, Beverly Newton, đến đây vài tuần trước và nói giống hết những gì anh vừa nói.”

Thêm nữa, mô tả của tôi đúng là khớp với một người sống gần đây, mà họ đã từng cân nhắc thoát qua về hắc. Sau cuộc gặp với tôi, họ thăm vấn hắc lần nữa. Không đủ bằng chứng để giữ hắc lại, và họ không thể khiến hắc thú tội. Không lâu sau đó, hắc rời khỏi khu vực này.

Đồn trưởng và các thanh tra muốn biết làm sao tôi có thể mô tả chi tiết như vậy, nếu tôi không phải nhà ngoại cảm. Ở thời điểm đó, một phần câu trả lời là tôi đã thấy quá đủ vụ án bạo lực xảy ra với đủ mọi kiểu người, đã liên hệ quá đủ chi tiết với từng kiểu người và thăm vấn quá đủ tội phạm bạo lực đến mức tôi có sẵn trong đầu mình một xu hướng về kiểu người nào sẽ phạm loại tội ác nào. Nhưng dĩ nhiên, nếu đơn giản như vậy, chúng tôi đã có thể dạy môn mô tả nhân dạng bằng một cẩm nang hướng dẫn hoặc cho các cảnh sát một chương trình máy tính có thể đưa ra một danh sách những đặc điểm của nghi phạm từ bất kỳ nguồn thông tin đầu vào nào. Và sự thật là dù chúng tôi sử dụng máy tính rất nhiều trong công việc và chúng có khả năng thực hiện một số điều rất ấn tượng, nhưng một số điều khác phức tạp hơn thì chúng không thể và có lẽ không bao giờ thực hiện được. Công việc mô tả nhân dạng giống như viết lách vậy. Bạn có thể cài đặt cho máy tính mọi quy tắc chính tả, cú pháp và phong cách nhưng nó vẫn không thể viết ra một cuốn sách.

Việc tôi cố gắng làm với một vụ án là tiếp nhận tất cả bằng chứng mà tôi phải sử dụng - báo cáo vụ án, ảnh chụp và mô tả hiện trường vụ án, lời khai của nạn nhân hoặc báo cáo khám nghiệm tử thi - rồi tự đặt mình vào tâm trí kẻ phạm tội, cả về mặt tâm trí và cảm xúc. Tôi cố gắng suy nghĩ như hắc. Việc này diễn ra chính xác như thế nào, tôi cũng không chắc chắn hơn những tiểu thuyết gia như Tom Harris, người đã nhờ tôi tư vấn nhiều năm, có thể nói chính xác cách mà các nhân vật của họ ra đời. Nếu có một khía cạnh ngoại cảm trong này thì tôi sẽ không chối bỏ, tuy tôi xem nó thuộc khía cạnh tư duy sáng tạo nhiều hơn.

Thỉnh thoảng, các nhà ngoại cảm cũng hỗ trợ nhiều trong điều tra tội phạm. Tôi đã quan sát cách họ làm việc. Một số người có khả

năng tập trung, trong tiềm thức, vào các chi tiết tinh tế cụ thể ở một hiện trường và từ đó đưa ra kết luận hợp lý, như cách tôi làm và đào tạo cho người của mình. Nhưng tôi luôn khuyên các điều tra viên rằng nên xem nhà ngoại cảm như là cứu cánh cuối cùng với tư cách công cụ điều tra, nếu có sử dụng thì đừng để họ tiếp xúc với các cảnh sát hoặc thanh tra đã nắm rõ vụ án. Vì các nhà ngoại cảm giỏi rất thành thạo nắm bắt manh mối nhỏ, không lời và họ có thể khiến bạn kinh ngạc cũng như tin sái cổ bằng cách cho bạn biết những chi tiết của vụ án mà bạn đã biết, dù họ thậm chí không biết bất kỳ thông tin chi tiết nào bạn đang tìm kiếm. Trong chuỗi vụ án sát hại trẻ em ở Atlanta, hàng trăm nhà ngoại cảm đã đến thành phố và đề nghị giúp đỡ cảnh sát. Họ đã đưa ra đủ mọi mô tả về kẻ sát nhân và phương pháp gây án. Kết quả là chẳng có mô tả nào đúng cả.

Cũng vào khoảng thời gian tôi gặp các cảnh sát địa phương, các phòng cảnh sát ở quanh khu vực vịnh San Francisco gọi tôi đến tham gia điều tra một loạt vụ án giết người trong các khu rừng rậm rạp dọc các con đường dành cho người đi bộ đường dài mà họ đã liên hệ với nhau và quy về một Đối tượng vô danh được báo chí gọi là "Sát nhân đường mòn trên núi".

Vụ việc bắt đầu vào tháng Tám năm 1979 khi Edda Kane, một vận động viên và quản lý ngân hàng bốn mươi bốn tuổi, khỏe mạnh, biến mất khi đang đi bộ một mình ở đỉnh phía đông của núi Tamalpais, một ngọn núi đẹp nhìn xuống cầu Cổng Vàng và vịnh San Francisco, được biết đến với biệt danh "Quý cô say ngủ". Tối đó, khi Kane không về nhà, chồng cô lo lắng nên đã báo cảnh sát. Xác cô được một cảnh khuyến trong đội tìm kiếm phát hiện vào chiều hôm sau, trong tình trạng không mảnh vải che thân trừ một chiếc vớ, mặt úp xuống, trong tư thế quỳ như thể cầu xin tha mạng. Nhân viên pháp y xác định nguyên nhân cái chết là một viên đạn bắn vào sau đầu. Không có bằng chứng cô bị tấn công tình dục. Kẻ sát nhân đã lấy ba thẻ tín dụng và mười đô la tiền mặt, nhưng không lấy nhẫn cưới và các món trang sức khác.

Tháng Ba năm sau, xác của Barbara Schwartz, hai mươi ba tuổi, được phát hiện trong Công viên núi Tamalpais. Cô ấy bị đâm nhiều nhát vào ngực, dường như cũng trong lúc đang quỳ. Tháng Mười,

Anne Alderson, hai mươi sáu tuổi, không về nhà sau chuyến đi bộ quanh rìa công viên. Xác cô được phát hiện vào chiều hôm sau với một vết thương do đạn bắn vào bên phải đầu. Không như các nạn nhân trước, Alderson mặc đủ quần áo, mặt úp xuống, được đặt tựa vào một tảng đá, chỉ có chiếc hoa tai vàng bên phải biến mất. John Henry, nhân viên tạp vụ sống tại núi Tamalpais nói có nhìn thấy cô ấy ngồi một mình ở khu vực khán đài bán nguyệt của công viên vào buổi sáng cuối cùng trong đời, ngắm mặt trời lên. Hai nhân chứng khác nhìn thấy Edda Kane cách nơi tìm thấy xác cô không quá 800m.

Có một đối tượng tiềm năng là Mark McDermind. Người mẹ tật nguyền và người em tâm thần phân liệt của hắn được phát hiện bị bắn chết trong chòi của họ ở núi Tamalpais. Sau khi lẩn trốn mười một ngày, McDermind đầu hàng trước Đại úy Robert Gaddini, thanh tra quận Marin. Các thanh tra có thể liên hệ hắn với vụ sát hại người nhà, nhưng dù hắn trang bị nhiều vũ khí, không có khẩu súng nào của hắn khớp với vũ khí loại nòng 44 hoặc 38 ly được dùng trong các vụ án Sát nhân đường mòn trên núi. Rồi các vụ giết người lại tiếp diễn.

Vào tháng Mười một, Shauna May, hai mươi lăm tuổi, lỡ hẹn với hai người bạn cùng đi bộ ở công viên Point Reyes, cách San Francisco vài ki-lô-mét về phía bắc. Hai ngày sau, đội tìm kiếm phát hiện xác cô gái trong một cái huyệt nông gần nơi vớt xác một người đi bộ đường dài khác, Diana O'Connell, hai mươi hai tuổi, một người New York đã biến mất trong công viên một tháng trước. Cả hai đều bị bắn vào đầu. Cùng ngày, hai thi thể khác được phát hiện trong công viên, được nhận diện là Richard Stowers mười chín tuổi và vị hôn thê mười tám tuổi Cynthia Moreland, cả hai đều mất tích từ giữa tháng Mười. Các điều tra viên xác định họ bị giết trong hai ngày cuối tuần dịp lễ Columbus giống Anne Alderson.

Những vụ giết người ban đầu đã khiến những ai đi bộ đường dài trong khu vực này sợ hãi. Có nhiều biển báo được dựng lên, khuyên mọi người, đặc biệt là phụ nữ, đừng vào rừng một mình. Nhưng việc phát hiện bốn thi thể trong một ngày đã khiến mọi thứ rối tung lên.

Quận trưởng quận Marin, G. Albert Howenstein Con, đã thu thập lời khai của một số nhân chứng thấy các nạn nhân đi cùng những người đàn ông lạ ngay trước khi chết, nhưng ở một số điểm quan trọng, như tuổi tác và đặc điểm gương mặt, các mô tả lại mâu thuẫn với nhau. Nhân tiện, việc này cũng không lạ dù là trong một vụ giết người đơn lẻ, chưa kể đến nhiều vụ trải dài nhiều tháng. Cảnh sát tìm thấy một cặp kính hai tròng khác thường ở hiện trường vụ án Barbara Schwartz, có vẻ là của kẻ sát nhân. Howenstein tiết lộ thông tin về cặp kính và đơn làm kính, gửi tờ rơi tới mọi kỹ thuật viên đo mắt trong khu vực. Gọng kính rõ ràng là loại do trại giam cấp nên Đại úy Gaddini liên lạc với Sở Tư pháp bang California để cố gắng nhận diện tất cả tội phạm được phóng thích gần đây có lịch sử phạm tội tình dục với phụ nữ. Rất nhiều khu vực và cơ quan, gồm cả Văn phòng thực địa của FBI ở San Francisco hiện đang tích cực điều tra vụ án.

Báo chí phỏng đoán Sát nhân đường mòn trên núi thực ra có thể là tên Sát nhân Hoàng đạo ở Los Angeles, một kẻ vẫn là Đối tượng vô danh nhưng đã ngưng hoạt động từ năm 1969. Có lẽ hắn đã bị bắt giam vì tội danh nào đó trong suốt thời gian này và vừa được các viên chức trại cải huấn không hay biết gì thả ra. Nhưng không giống Sát nhân Hoàng đạo, Sát nhân đường mòn trên núi không cần khiêu khích hay giao tiếp với cảnh sát.

Quận trưởng Howenstein mời một nhà tâm lý học từ Napa, tiến sĩ R. William Mathis, đến để phân tích vụ án. Chú ý khía cạnh mang tính nghi thức của các vụ án, tiến sĩ Mathis nói rằng ông nghĩ tên thủ ác sẽ giữ những món đồ lưu niệm, cảnh sát nên theo dõi bất cứ ai bị tình nghi một tuần trước khi bắt giữ với hy vọng hắn có thể để lộ vũ khí giết người hoặc những chứng cứ khác. Về ngoại hình và đặc điểm hành vi của hắn, tiến sĩ Mathis mô tả một người đàn ông đẹp trai, tính cách dễ mến.

Theo lời khuyên của Mathis, Howenstein và Gaddini đặt nhiều cái bẫy chủ động khác nhau, trong đó có cả việc cho các nam bảo vệ công viên giả làm phụ nữ đi leo núi, nhưng không cái bẫy nào hiệu quả. Công chúng gây áp lực lớn lên lực lượng thi hành pháp luật. Quận trưởng công bố với dân chúng rằng kẻ sát nhân ẩn nấp để chờ

các nạn nhân, bắt họ trải qua tổn thương tâm lý trước khi giết họ, có thể là bắt họ phải xin tha mạng.

Khi Cơ sở vệ tinh ở San Rafael của Cục yêu cầu hỗ trợ từ Quantico, ban đầu họ liên hệ với Roy Hazelwood, chuyên gia chủ chốt của chúng tôi về tội phạm cưỡng bức và bạo lực với phụ nữ. Roy là một người nhạy cảm, ân cần, và vụ án này tác động mạnh đến anh ấy. Tôi nhớ anh ấy mô tả vụ án cho tôi nghe khi chúng tôi trở về văn phòng từ tòa nhà lớp học, nơi anh ấy vừa dạy xong một lớp của Học viện Quốc gia. Tôi gần như cảm thấy Roy nghĩ bản thân anh có trách nhiệm trong vụ này, như thể nỗ lực của FBI và khoảng mười đơn vị phối hợp ở địa phương vẫn chưa đủ; rằng anh ấy nên phá giải vụ án và đưa kẻ thủ ác ra trước vành móng ngựa.

Không như tôi, Roy có trách nhiệm giảng dạy toàn thời gian. Ở thời điểm này, tôi đã từ bỏ gần hết công việc lên lớp và là chuyên viên mô tả nhân dạng toàn thời gian duy nhất của Đơn vị Khoa học hành vi đang tham gia điều tra các vụ án. Vì vậy, Roy đề nghị tôi đến San Francisco và cho cảnh sát ở đó một ít thông tin tại hiện trường.

Như đã nói ở phần đầu, khi FBI tham gia một vụ án, chúng tôi thường phải chịu sự ghét bỏ. Một phần là do thành kiến đã có từ thời Hoover, khi mọi người thường cảm thấy Cục cứ thể xuất hiện và giành lấy việc điều tra các vụ án nghiêm trọng. Đơn vị của tôi không thể can thiệp trừ phi được cơ quan nắm quyền điều tra chủ chốt yêu cầu, dù là phòng cảnh sát địa phương hay thậm chí là chính FBI. Nhưng trong vụ Sát nhân đường mòn trên núi, Văn phòng Quận trưởng Marin đã sớm mời Cục tham dự, và với kiểu mà truyền thông đang tung tin về các vụ án, tôi thực lòng cảm thấy họ hoan nghênh một người như tôi gia nhập và giảm bớt áp lực cho họ, ít nhất là trong một thời gian ngắn.

Ở văn phòng quận trưởng, tôi xem lại tất cả tài liệu của vụ án và ảnh chụp hiện trường gây án. Tôi đặc biệt chú ý những quan sát của thanh tra Rich Keaton ở Marin, rằng những vụ giết hại dường như đều xảy ra ở địa điểm vắng vẻ, cây cối rậm rạp có tán lá dày che gần hết bầu trời. Không thể tiếp cận bất cứ nơi nào như thế bằng xe hơi, chỉ có thể đi bộ, trong đó phải đi đường núi ít nhất 1.600m.

Hiện trường vụ giết Anne Alderson gần tuyến đường dịch vụ vốn là lối đi tắt từ khán đài bán nguyệt của công viên. Tất cả những chi tiết này đều cho thấy tên sát nhân là người ở địa phương, vô cùng quen thuộc khu vực này.

Tôi trình bày suy luận của mình trong một phòng đào tạo lớn ở ủy ban quận Marin. Ghế ngồi được bố trí theo hình bán nguyệt, như giảng đường trong ngành y học. Trong năm mươi hay sáu mươi người có mặt, có khoảng mười đặc vụ FBI, phần còn lại là cảnh sát và thanh tra. Khi tôi lướt qua nhóm khán giả của mình, tôi thấy vài mái đầu bạc - những cảnh sát kỳ cựu đã nghỉ hưu được mời trở lại để hỗ trợ bắt gã này.

Đầu tiên tôi bày tỏ sự không đồng tình với bản mô tả nhân dạng đã được đưa ra. Tôi không nghĩ chúng tôi đang đương đầu với kiểu người điển trai, quyến rũ, tinh tế. Những nhát đâm liên tiếp và tấn công chớp nhoáng từ đằng sau cho tôi biết chúng tôi đang đối phó với một kẻ phi xã hội (nhưng không nhất định là chống đối xã hội), một kẻ rụt rè, tự tin và không thể nói chuyện với các nạn nhân, đưa ra một lời nhận xét, lừa tiền, phỉnh phờ hay dụ dỗ họ làm điều hăn muốn. Những người đi bộ này đều có thể chất khỏe mạnh. Cách tấn công chớp nhoáng cho thấy rõ cách duy nhất hăn có thể kiểm soát nạn nhân hăn nhắm tới là làm cô ấy bị thương nặng trước khi cô ấy có thể phản ứng.

Đây không phải tội ác của một kẻ biết các nạn nhân của mình. Nơi xảy ra vụ việc đều vắng vẻ và không thể nhìn thấy, nghĩa là về cơ bản, kẻ sát nhân có đủ thời gian để thực hiện ảo tưởng của hăn với từng nạn nhân nhưng hăn vẫn cảm thấy cần tấn công chớp nhoáng. Không cưỡng bức, chỉ động chạm thi thể sau khi chết; thủ dâm, có thể, nhưng không quan hệ. Các nạn nhân đa dạng về độ tuổi và tình trạng thể chất, không giống nạn nhân của một kẻ sát nhân tinh tế, dẻo miệng như Ted Bundy đa số thuộc cùng một kiểu: xinh xắn, độ tuổi sinh viên, tóc dài, màu tối, rẽ ngôi giữa. Sát nhân dường như trên núi không ưa ái một kiểu nào, như một con nhện chờ một con bọ bay vào mạng tơ của mình. Tôi nói với nhóm điều tra viên được tập hợp tại đây rằng tôi suy đoán hăn có quá khứ bất hảo. Tôi đồng ý với Đại úy Gaddini rằng hăn từng ngồi tù. Các tội

danh trước đây có thể là cưỡng bức, hoặc khả năng cao hơn là dự định cưỡng bức, nhưng chưa từng giết người trước loạt án lần này. Sẽ có một yếu tố gây căng thẳng đột ngột khác trước khi sự việc bắt đầu. Tôi chắc chắn hẳn là người da trắng vì tất cả nạn nhân đều là người da trắng, và tôi nghĩ hẳn làm thợ cơ khí hoặc công việc gì đó trong ngành công nghiệp. Vì hiệu suất của các vụ giết người và việc hẳn thành công tránh được cảnh sát cho đến nay, tôi khẳng định độ tuổi của hẳn rơi vào khoảng 30-35. Tôi cũng cho rằng hẳn khá thông minh. Nếu họ từng kiểm tra chỉ số IQ của hẳn, kết quả sẽ là hơn hẳn trung bình. Và nếu họ nhìn vào quá khứ của hẳn, sẽ thấy hiện tượng tè dầm, phóng hỏa và ngược đãi động vật, hay ít nhất là hai trong ba điều này.

“Còn một điều nữa”, tôi nói thêm sau một khoảng im lặng để nhấn mạnh, “kẻ sát nhân bị tật nói lắp.”

Không khó để hiểu biểu cảm hoặc ngôn ngữ cơ thể của mọi người trong phòng. Cuối cùng họ cũng thể hiện điều mà có lẽ họ đã nghĩ từ đầu: *Thằng cha này tào lao!*

“Cái gì khiến anh nói vậy?” Một cảnh sát mĩa mai. “Anh thấy các vết thương giống như một ‘cú đâm lấp bắp’ hay sao?” Anh ta cười trước “khám phá” của bản thân về một phương thức giết người mới.

Không, tôi giải thích, đó là sự kết hợp giữa lập luận quy nạp và diễn dịch, sau khi cân nhắc mọi yếu tố khác trong các vụ án; tất cả những yếu tố mà tôi đã xem qua. Những địa điểm hoang vắng mà hẳn sẽ không chạm mặt bất kỳ ai khác, thực tế rằng không có nạn nhân nào được tiếp cận trong đám đông hay bị lừa đi theo hẳn, thực tế rằng hẳn cảm thấy hẳn phải dựa vào cách tấn công chớp nhoáng kể cả khi ở một nơi không ai biết - mọi chi tiết này cho tôi biết chúng tôi đang đối đầu với kẻ mắc tật gì đó khiến hẳn cảm thấy bối rối hoặc xấu hổ. Áp đảo một nạn nhân trong tâm thế không nghi ngờ và có thể thống trị, kiểm soát họ là cách để hẳn chế ngự khuyết tật của mình.

Có thể là một loại bệnh hoặc tật khác, tôi thừa nhận. Ở khía cạnh tâm lý học hoặc hành vi học, người đó có thể không sở hữu ngoại hình đẹp, có sẹo mụn xấu xí, bị bại liệt, thiếu chi, bất cứ bệnh tật nào tương tự. Nhưng với kiểu tấn công như chúng ta đã thấy, có

thể loại trừ việc thiếu chi hay bất cứ bệnh nào khiến việc đi lại gặp khó khăn nghiêm trọng. Và với nhiều nhân chứng cùng mọi người trong công viên ở thời điểm xảy ra án mạng, hẳn chúng ta phải nghe tin về ai đó có ngoại hình biến dạng rõ ràng như vậy. Mặt khác, tặc nói lắp khiến Đối tượng vô danh dễ cảm thấy xấu hổ hoặc khó chịu đến mức có thể hạn chế những mối quan hệ xã hội bình thường của hắn, nhưng lại không “nổi bật” trong đám đông. Không ai biết hắn nói lắp cho đến khi hắn lên tiếng.

Đưa ra định hướng kiểu này cho một phòng toàn những cảnh sát kỳ cựu với sự liều lĩnh và tình trạng báo chí cũng như người dân đang giám sát họ chặt chẽ quả là một tình huống đầy cam go, kiểu tình huống mà tôi thích tạo ra cho những ai mà tôi đang thẩm vấn nhưng không muốn bản thân vướng vào. Dù không thể hoàn toàn tránh khỏi. Tôi sẽ luôn bị ám ảnh bởi suy nghĩ rằng một thanh tra trong căn phòng đó đồng dạng chất vấn mình:

“Nếu anh suy luận sai thì sao, Douglas?”

“Tôi có thể sai ở một số điểm”, tôi thừa nhận chân thành nhất có thể. “Tôi có thể sai về độ tuổi. Tôi có thể sai về nghề nghiệp hoặc chỉ số IQ. Nhưng tôi chắc chắn không sai về chủng tộc hay giới tính, và tôi sẽ không sai khi phán đoán hắn là một người thuộc tầng lớp công nhân. Và trong trường hợp cụ thể này, tôi sẽ không sai về việc hắn có một khiếm khuyết nào đó thực sự khiến hắn khó chịu. Có thể không phải tặc nói lắp, nhưng tôi nghĩ chính là nó.”

Khi kết thúc phần trình bày, tôi không biết mình đã gây ra tác động như thế nào hay bất cứ lời nào tôi nói có thấm vào đầu họ hay không. Nhưng sau đó có một cảnh sát đến gặp tôi và nói: “Tôi không biết anh đúng hay sai, John, nhưng ít nhất anh cũng cho cuộc điều tra một phương hướng để tiến hành”. Sự chia sẻ ấy lúc nào cũng tốt, tuy tôi thường nín thở đến tận khi thấy kết quả sau cùng của cuộc điều tra. Tôi trở về Quantico, còn Văn phòng Quận trưởng Khu Vịnh và phòng cảnh sát phối hợp, bắt đầu công việc của họ.

Ngày 29 tháng Ba, kẻ sát nhân lại ra tay, lần này hắn bắn một cặp đôi trẻ ở công viên Henry Cowell Redwoods của bang gần Santa Cruz. Khi hắn nói với Ellen Marie Hansen, hai mươi tuổi, sinh viên năm hai tại Đại học California-Davis, rằng hắn sẽ cưỡng bức cô, cô

gái đã phản kháng, thế là hắn bóp cò khẩu súng lục ổ xoay 38 ly, giết cô ấy ngay lập tức và gây thương tích nghiêm trọng cho Steven Haertle, người bị hắn bỏ mặc tới chết. Nhưng Haertle có thể cung cấp một bản mô tả sơ bộ về một người đàn ông có hàm răng vàng, khắp khềnh. Cảnh sát kết hợp lời khai này với lời của các nhân chứng khác, đồng thời có thể liên hệ với một chiếc xe nước ngoài, mẫu mã mới, màu đỏ, có thể là Fiat, nhưng mô tả này cũng khác biệt đáng kể so với những mô tả trước. Haertle nghĩ đối tượng khoảng năm mươi, sáu mươi tuổi và bị hói. Nghiên cứu đạn đạo liên hệ lần nổ súng này với những vụ sát nhân đường mòn trên núi trước đó.

Ngày 1 tháng Năm, Heather Roxanne Scaggs xinh đẹp, tóc vàng, hai mươi tuổi mất tích. Cô ấy là sinh viên ở một trường dạy nghề in ấn ở San Jose, bạn trai, mẹ và bạn cùng phòng đều nói cô ấy ra ngoài với một giảng viên mỹ thuật công nghiệp của trường, David Carpenter, người giúp cô ấy mua một chiếc xe từ bạn của ông này. Carpenter năm mươi tuổi, một điểm bất thường đối với loại tội phạm này.

Từ đó, mọi thứ bắt đầu vào đúng vị trí và tấm lưới bắt đầu cất lên. Carpenter lái một chiếc Fiat màu đỏ có ống pô bị móp. Chi tiết cuối cùng này là thông tin mà trước đây cảnh sát chưa tiết lộ.

David Carpenter lẽ ra đã bị chỉ chứng và bắt giữ trước đó. Sự thật là hắn vô cùng may mắn và cũng liên quan đến nhiều khu vực khác nhau nên việc truy lùng trở nên phức tạp. Hắn có tiền sự ngồi nhà giam vì các tội liên quan đến tình dục. Mãi mai ở chỗ, lý do hắn không xuất hiện trong hồ sơ tù nhân phạm tội liên quan đến tình dục được phóng thích có điều kiện của bang là vì hắn đã được California phóng thích để chịu một án khác của liên bang. Vì vậy, dù đang ở bên ngoài nhưng về mặt lý thuyết, hắn vẫn đang bị liên bang giam giữ. Thế là hắn lọt qua các kẽ hở. Một điều trở trêu khác là Carpenter và nạn nhân thứ hai của hắn, Barbara Schwartz - hiện trưởng vụ án của người này xuất hiện cặp kính của hắn - lại được đo thị lực bởi cùng một người. Đáng tiếc người này đã không thấy tờ rơi mà văn phòng quận trưởng phát ra.

Các nhân chứng khác dần lộ diện, trong đó có một cụ bà nhận ra bức chân dung trên truyền hình và bảo rằng hắn từng là khách đi trên con thuyền mà bà và các con từng lên để đến Nhật hai mươi năm trước. Gã đàn ông khiến bà “sồn tóc gáy” vì hắn liên tục nhìn đứa con gái nhỏ của bà một cách kỳ quặc.

Peter Berest, quản lý chi nhánh công ty Tiết kiệm và Vay Lục địa Glen Park ở thành phố Daly, nhắc lại việc giao dịch viên bán thời gian xinh xắn, nhạy cảm, đáng tin của mình, nữ sinh trung học Anna Kelly Menjivar mất tích vào cuối tháng Mười hai năm ngoái. Tuy trước đây cô gái này không được liên hệ với các vụ sát nhân đường mòn trên núi, nhưng thi thể cô cũng được phát hiện ở công viên núi Tamalpais. Berest nhớ Anna rất thân thiện, dễ thương với vị khách quen có tật nói lắp nặng mà sau đó Berest biết ông ta đã bị bắt vào năm 1960 vì tấn công một phụ nữ trẻ ở Presidio, căn cứ Lục quân ở mũi phía bắc San Francisco.

Cảnh sát San Jose và FBI đưa Carpenter vào danh sách giám sát và cuối cùng bắt giữ hắn. Hóa ra hắn là sản phẩm của một bà mẹ độc đoán và bạo hành thể xác với ít nhất một người cha bạo hành tinh thần, là một đứa trẻ có trí thông minh trên mức trung bình, liên tục bị chế nhạo vì tật nói lắp nghiêm trọng. Tuổi thơ của hắn cũng được đánh dấu bằng tật tè dầm kinh niên và thói ngược đãi động vật. Khi trưởng thành, cơn giận và sự tuyệt vọng của hắn trở thành những trận cuồng nộ bạo lực, khó lường và dục vọng dường như không thể dập tắt.

Tội ác đầu tiên khiến hắn bị bắt và phải ngồi tù, vụ tấn công một phụ nữ bằng dao và búa ở công viên Presidio, xảy ra sau sự chào đời của một đứa bé từ một cuộc hôn nhân vốn đã rạn nứt. Trong lúc bị tấn công dã man và chóng vánh trước đó, nạn nhân cho hay, tật nói lắp nghiêm trọng của hắn không còn.

§•§

Từ năm 1978, vì những yêu cầu đến từ học viên tốt nghiệp Học viện Quốc gia, Giám đốc FBI William Webster đã chính thức chấp

thuận cho các giảng viên chuyên ngành Khoa học hành vi cung cấp dịch vụ cố vấn mô tả nhân dạng theo tâm lý học. Đến đầu những năm 1980, dịch vụ này đã được rất nhiều người biết đến. Tôi tham gia tư vấn toàn thời gian cho các vụ án, và những giảng viên như Bob Ressler và Roy Hazelwood nhận cố vấn khi nào nhiệm vụ giảng dạy cho phép. Nhưng dù chúng tôi cảm thấy hài lòng với những gì mình đang làm và kết quả mà chúng tôi cho rằng mình đang đạt được, không ai ở tổng bộ chắc chắn đây có phải là cách sử dụng hiệu quả nguồn lực và nhân lực của Cục hay không. Thế là vào năm 1981, Đơn vị Nghiên cứu và phát triển học viện của FBI - bấy giờ chịu sự quản lý của Howard Teten, người vừa chuyển từ Đơn vị Khoa học hành vi sang - thực hiện nghiên cứu chuyên sâu đầu tiên về chi phí - lợi ích của cái đang được gọi đơn giản là Chương trình Mô tả nhân dạng theo tâm lý học. Những lần cố vấn không chính thức của Teten đã khởi đầu cho chương trình này một cách gần như ngẫu nhiên và anh ấy rất muốn xem chương trình có thực sự hiệu quả và tổng bộ có nên tiếp tục nó hay không.

Một bảng câu hỏi trắc nghiệm được soạn ra và gửi đến các khách hàng - viên chức và thanh tra ở bất kỳ cơ quan hành pháp nào từng sử dụng dịch vụ mô tả nhân dạng của chúng tôi. Những cơ quan này gồm phòng và sở cảnh sát của các thành phố, quận và bang, các văn phòng quận trưởng, các văn phòng thực địa của FBI, cảnh sát tuần tra đường bộ, và những cơ quan điều tra tiểu bang. Dù đa số yêu cầu có liên quan đến các cuộc điều tra án giết người nhưng Đơn vị nghiên cứu và phát triển cũng thu thập dữ liệu của những lần cố vấn về tội phạm cưỡng bức, bắt cóc, tổng tiền, đe dọa, sàm sỡ trẻ em, bắt cóc con tin, tử vong do tai nạn và quyết định tự vẫn.

Mô tả nhân dạng vẫn còn là một khái niệm mơ hồ và khó đánh giá với nhiều người trong Cục. Họ cho đó là phép phù thủy hoặc ma thuật hắc ám, một số người thì nghĩ nó như công việc bày biện quần áo để trang trí cửa hàng. Vì vậy, chúng tôi biết rằng nếu cuộc nghiên cứu không cho thấy những thành công rõ ràng, xác minh được, mọi công việc không thuộc khía cạnh giảng dạy của Đơn vị Khoa học hành vi có thể không được thực hiện.

Bởi thế mà chúng tôi vừa hài lòng vừa nhẹ nhõm khi có kết quả phân tích vào tháng Mười hai năm 1981. Các điều tra viên từ khắp cả nước đều nhiệt tình ủng hộ chúng tôi, thôi thúc chương trình tiếp tục. Đoạn cuối của bức thư trong báo cáo tóm tắt như sau:

Kết quả đánh giá cho thấy chương trình thực sự thành công hơn những gì chúng tôi biết. Đơn vị Khoa học hành vi phải được tuyên dương vì công việc tuyệt vời của họ.

Các thanh tra đều đồng ý rằng khía cạnh mà công việc của chúng tôi mang lại lợi ích nhiều nhất là thu hẹp danh sách nghi phạm và hướng việc điều tra vào một mục tiêu chính xác hơn. Ví dụ như vụ sát hại Francine Elverson đã man và vô cảm gây kinh sợ ở thành phố Bronx vào tháng Mười năm 1979, không xa một số nơi David Berkowitz hay lui tới. Thực ra, phòng cảnh sát New York từng lo ngại những kẻ tôn sùng Con trai của Sam có thể đang lấy cảm hứng từ vị anh hùng của chúng. Chúng tôi đưa vụ án này vào giảng dạy tại Quantico vì nó là hình mẫu thích hợp cho cách chúng tôi lập một bản mô tả và cách cảnh sát dùng nó để đẩy mạnh điều tra một vụ giết người bế tắc đã lâu chưa thể phá giải.

Francine Elverson, hai mươi sáu tuổi, là giáo viên dạy học cho trẻ em khuyết tật ở một nhà trẻ trong khu vực. Với cân nặng 40kg và cao chưa tới 1m52, cô ấy mang lại sự thấu hiểu và nhạy cảm hiếm thấy cho học sinh của mình vì bản thân cô ấy cũng khuyết tật nhẹ với chứng vẹo cột sống. Rụt rè và không quá hướng ngoại, cô ấy sống với bố mẹ trong khu chung cư Pelham Parkway.

Hôm đó, cô ấy cũng đi làm như bình thường vào 6:30 sáng. Khoảng 8:20, một cậu bé mười lăm tuổi, cũng sống trong khu chung cư, nhặt được ví của cô ấy ở cầu thang giữa tầng ba và bốn. Cậu bé không có thời gian làm gì với chiếc ví vì phải đến trường đúng giờ nên giữ nó đến khi về nhà ăn trưa, rồi đưa cho bố. Người bố sang căn hộ nhà Elverson vào khoảng ba giờ chiều để trả ví cho mẹ Francine, bà ấy gọi đến nhà trẻ để báo cho Francine biết đã tìm được ví của cô. Bà Elverson được thông báo là hôm đó con gái bà

không đến trường. Lập tức cảm thấy bất an, bà cùng một cô con gái khác và một người hàng xóm bắt đầu tìm kiếm trong chung cư.

Ở chiếu nghỉ cầu thang dẫn lên mái chung cư, họ nhìn thấy một cảnh tượng khủng khiếp quá sức chịu đựng. Cơ thể khỏa thân của Francine bị đánh đập dã man với những chấn thương kín, nghiêm trọng đến mức sau đó chuyên viên pháp y phát hiện hàm, mũi, má của cô ấy đã bị nứt và răng bị lung lay. Tay chân cô ấy bị dạng ra, cổ tay và mắt cá bị cột bằng chính thắt lưng và vớ chân của cô ấy, nhưng chuyên viên pháp y xác định cô ấy đã chết trước khi bị trói. Hai nhũ hoa của cô bị cắt ra sau khi chết và đặt trên ngực cô. Đầu cô bị quần lót trùm kín, có dấu răng trên hai đùi và đầu gối. Có nhiều vết cắt trên cơ thể, tất cả đều nông, cho thấy hung thủ dùng một con dao bỏ túi nhỏ. Chiếc dù và cây viết của nạn nhân bị nhét vào trong cửa mình của cô, chiếc lược thì đặt vào giữa phần lông phía trên. Đôi hoa tai của cô nằm trên mặt đất, đối xứng ở hai bên đầu. Nguyên nhân tử vong được xác định là siết cổ, bằng quai túi xách của nạn nhân. Trên đùi cô, kẻ sát nhân viết nguệch ngoạc dòng chữ "Các người không thể ngăn tôi" và trên bụng cô, hằn viết "Lũ chó chết", đều bằng cây viết bị nhét vào cửa mình của nạn nhân. Những điểm đáng lưu ý khác ở hiện trường là kẻ sát nhân đã đại tiện ngay cạnh thi thể và dùng quần áo của Francine che lại.

Một trong những điều bà Elveson nói với cảnh sát là mặt dây chuyền vàng chữ *chai* (trong tiếng Do Thái có ý nghĩa may mắn) đeo trên cổ Francine đã biến mất. Khi người mẹ mô tả hình dạng của cái mặt dây chuyền, các thanh tra nhận ra thi thể nạn nhân đã được đặt ở tư thế mô phỏng lại mặt dây. Có những vết tinh dịch trên xác cô ấy, nhưng năm 1979 thì ngành khoa học pháp y chưa biết đến phương pháp chỉ dấu ADN. Không có vết thương do chống cự để lại trên bàn tay, không có các vết máu hay mảnh da dưới móng tay, điều đó cho thấy không có sự phản kháng nào. Vật chứng pháp y hữu hình duy nhất là một sợi tóc của một người Mỹ gốc Phi được tìm thấy trên thi thể trong quá trình khám nghiệm.

Xem xét hiện trường và xác lập những chi tiết đã biết, các thanh tra xác định ban đầu Francine bị tấn công khi đang bước xuống cầu thang. Sau khi bị đánh bất tỉnh, cô được đưa lên chiếu nghỉ cầu

thang. Kết quả pháp y cho thấy cô không bị cưỡng hiếp. Vì tính chất khủng khiếp của nó, vụ án này đã thu hút sự chú ý của đông đảo người dân và phương tiện truyền thông.

Một đội cảnh sát đặc nhiệm gồm 26 thanh tra được thành lập, đã hỏi hơn 2000 người có khả năng là nhân chứng và nghi phạm, kiểm tra mọi tội phạm liên quan đến tình dục mà họ biết trong địa bàn thành phố New York. Nhưng sau một tháng, cuộc điều tra vẫn dậm chân tại chỗ.

Cho rằng cũng không có hại gì khi nghe thêm một ý kiến khác nên thanh tra Tom Foley và Trung úy Joe D'Amico của Cơ quan Nhà ở New York đã liên lạc với chúng tôi tại Quantico. Họ xuống chỗ chúng tôi, mang theo các hồ sơ và báo cáo, ảnh chụp hiện trường và kết quả khám nghiệm pháp y. Roy Hazelwood, Dick Ault, Tony Rider (người sau này trở thành tổ trưởng Đơn vị Khoa học hành vi) và tôi gặp họ trong phòng ăn lớn.

Sau khi xem qua tất cả chứng cứ và tài liệu của vụ án, cố gắng đặt mình vào vị trí của cả nạn nhân và kẻ tấn công, tôi đưa ra một bản mô tả. Tôi gợi ý cảnh sát hãy tìm một người đàn ông da trắng vẻ ngoài trung bình, độ tuổi 25-35, có thể là tròn ba mươi, ngoại hình luộm thuộm, thất nghiệp và chủ yếu sống về đêm, sống cùng bố mẹ hoặc họ hàng nữ lớn tuổi, cách khu chung cư khoảng 800m và không có mối quan hệ nào với phụ nữ, không có bạn bè thân thiết, đã bỏ học khi đang học trung học hoặc đại học, chưa từng tham gia quân ngũ, lòng tự trọng thấp, không có xe hay bằng lái xe, đang hoặc từng vào viện tâm thần, đang uống thuốc theo toa của bác sĩ, từng tử tử không thành bằng cách thắt cổ hoặc gây ngạt, không sử dụng ma túy hay nghiện rượu và có rất nhiều phim ảnh khiêu dâm thể loại khổ dâm và ác dâm. Đây là lần giết người đầu tiên của hắn, trên thực tế là tội ác nghiêm trọng đầu tiên của hắn, nhưng không phải lần cuối trừ phi hắn bị bắt.

"Các vị không cần tìm đâu xa xôi", tôi nói với các điều tra viên. "Và các vị đã nói chuyện với hắn rồi." Họ hắn là đã thẩm vấn hắn và người nhà hắn, vì họ sống trong khu vực này. Cảnh sát sẽ thấy hắn rất hợp tác, thậm chí thái quá. Có thể hắn còn tìm đến họ, cố tham

gia vào cuộc điều tra để bảo đảm hướng điều tra không nhằm đến quá gần mình.

Với nhiều người chưa quen với kỹ thuật của chúng tôi, việc này cũng giống như trò ảo thuật. Nhưng nếu đã tìm hiểu một cách bài bản, mọi người có thể bắt đầu thấy làm sao chúng tôi đưa ra được những cảnh tượng và gợi ý của mình.

Đầu tiên chúng tôi xác định là tội ác này có tính ngẫu nhiên, một vụ việc tự phát. Bố mẹ Francine cho biết cô ấy đôi khi đi thang máy, đôi khi đi thang bộ. Không có cách nào đoán trước cô ấy thích đi lối nào vào một buổi sáng nào đó. Nếu kẻ giết người phục sẵn ở thang bộ, hẳn có thể không gặp cô ấy và bất kỳ lúc nào cũng có thể gặp người khác trước khi thấy Francine.

Mọi thứ sử dụng trong vụ tấn công và trên thi thể nạn nhân đều là đồ của nạn nhân. Kẻ giết người không mang theo gì đến hiện trường, có lẽ ngoại trừ con dao bấm nhỏ. Hẳn không có vũ khí hay dụng cụ dùng khi cưỡng bức. Hẳn không bám theo cô ấy hoặc đến hiện trường với ý đồ phạm tội.

Điều này lại đưa chúng tôi đến kết luận tiếp theo. Nếu Đối tượng vô danh không đến khu chung cư với ý định thực hiện tội ác này, hẳn nhất định phải đến đây vì lý do nào đó. Và vì hẳn ở đó từ trước bảy giờ sáng và phải tình cờ gặp Francine trên cầu thang bộ nên nhất định hẳn sống trong khu chung cư, làm việc hoặc biết khá rõ đường đi lối lại ở đó. Điều này cho thấy hẳn có thể là một bưu tá, nhân viên công ty điện thoại hoặc Con Ed, nhưng tôi nghĩ điều này không khả thi vì chúng tôi không có nhân chứng nào, và một người ở trong tình huống đó sẽ không thể dành nhiều thời gian bên cạnh nạn nhân như thủ phạm. Sau đợt tấn công ban đầu ở cầu thang bộ, hẳn biết hẳn có thể đưa cô ấy lên chiếu nghỉ đầu cầu thang mà không sợ bị bắt gặp. Và cũng vì không có người nào trong chung cư thấy ai hay điều gì bất thường nên chắc hẳn là người quen ở đó. Francine không la hét hay chống cự nên có thể cô ấy biết hẳn, ít nhất là biết mặt hẳn, và không ai chú ý có kẻ lạ mặt hay hung hãn đi vào hoặc ra khỏi chung cư sáng hôm đó.

Vì tính chất liên quan đến tình dục của vụ tấn công, chúng tôi tự tin khẳng định mình đang đối đầu với một gã đàn ông ở độ tuổi của

nạn nhân. Chúng tôi đưa ra độ tuổi 25-35, có thể là trạc ba mươi. Tôi sẵn sàng loại trừ cậu bé mười lăm tuổi đã nhặt được cái ví (cũng như người bố bốn mươi tuổi của cậu bé) chỉ dựa trên điểm này. Theo kinh nghiệm của mình, tôi không tưởng tượng được người ở độ tuổi đó có thể hành xử với thi thể theo cách này. Kể cả Monte Rissell, một kẻ cưỡng hiếp hàng loạt “hành nghề sớm” cũng không làm như thế. Áo tưởng tình dục cấp độ này phải mất nhiều năm để hình thành. Hơn nữa, cậu bé mười lăm tuổi là người da màu.

Tuy khám nghiệm tử thi đã phát hiện sợi tóc của một người Mỹ gốc Phi, nhưng tôi tin chắc chúng tôi đang đối phó với một kẻ sát nhân da trắng. Rất hiếm khi chúng tôi thấy loại tội phạm này vượt qua ranh giới chủng tộc, nếu thực sự có, thường sẽ có những chứng cứ khác hỗ trợ. Vụ này không có chứng cứ nào khác và tôi hiếm khi, đó là trong trường hợp thực sự có, nhìn thấy lỗi hành xử bạo lực này ở một đối tượng da màu. Một nhân viên trông coi khu chung cư cũ, người da màu, đã trả lại các chìa khóa của chung cư, bị xem là một nghi phạm phù hợp, nhưng tôi không nghĩ đó là ông ấy vì sự cân nhắc về hành vi tôi vừa trình bày và vì một số người thuê chung cư hẳn sẽ chú ý tới ông ấy.

Tôi giải thích thế nào về sợi tóc liên hệ vụ án với một Đối tượng vô danh da màu? Cảnh sát muốn biết. Tôi không thể giải thích, và điều đó làm tôi cảm thấy không thoải mái, nhưng tôi vẫn bảo vệ ý kiến của mình.

Đây là một tội ác “nguy cơ cao” và một nạn nhân “nguy cơ thấp”. Cô ấy không có bạn trai, không phải gái làng chơi, không sử dụng ma túy hay là một bé gái xinh xắn ở một nơi quang đãng, cô ấy cũng không ở trong một khu vực nguy hiểm cách xa nhà. Khu chung cư có khoảng 50% người da màu, 40% người da trắng và 10% người Latinh. Không có báo cáo nào về những tội phạm tương tự ở đây hoặc đâu đó trong khu này. Bất cứ kẻ tấn công nào cũng có thể chọn một nơi “an toàn hơn” để thực hiện một tội ác tình dục. Việc này, kết hợp với việc thiếu sự chuẩn bị, cho thấy tên tội phạm có tư duy vô tổ chức.

Việc kết hợp với những yếu tố khác được thu thập cùng nhau đã cho tôi một bức tranh rõ ràng hơn về loại người đã giết Francine

Elveson. Có sự tổn thương khá nghiêm trọng ở bộ phận sinh dục và tinh dịch trên thi thể, nhưng không có quan hệ. Đưa cây dù và cây viết vào cơ thể cô ấy là những hành động thay thế. Rõ ràng, người đàn ông trưởng thành mà chúng tôi đang tìm kiếm là một kẻ nhút nhát, không am hiểu về tình dục, và tự ti. Việc thủ dâm cho thấy hắn đang thực hiện một nghi thức nào đó mà hắn đã mơ tưởng khá lâu. Áo tưởng tự thỏa mãn này được củng cố bằng những văn hóa phẩm về ác dâm và khổ dâm, một đặc điểm khác của một người đàn ông tự ti về khả năng tình dục. Nên nhớ, hắn trối nạn nhân lại sau khi cô ấy bất tỉnh hoặc đã chết. Việc hắn lựa chọn một nạn nhân nhỏ bé, thể chất yếu mà vẫn tấn công bất ngờ và vô hiệu hóa cô ấy nhanh chóng trước khi thực hiện những ảo tưởng bạo lực càng chứng minh suy nghĩ của tôi là đúng. Nếu hắn thực hiện những hành động thống dâm của mình trên một nạn nhân còn sống, còn tỉnh táo, đó sẽ là một câu chuyện khác khi nói đến tính cách của hắn. Nhưng như những gì đã xảy ra, có lẽ hắn gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì các mối quan hệ với phụ nữ. Nếu hắn từng hẹn hò, nhưng tôi nghi là không, hắn sẽ tìm những phụ nữ trẻ hơn nhiều mà có lẽ hắn có khả năng khống chế hoặc kiểm soát tốt hơn. Việc hắn lảng tránh quanh quẩn cư khi những người khác như Francine đang đi làm cho tôi biết hắn không có công việc toàn thời gian nào. Nếu hắn có, đó chỉ là công việc bán thời gian, có thể là vào buổi tối, không được nhiều tiền.

Từ đó, tôi kết luận hắn không thể sống một mình. Không như nhiều kiểu sát nhân khôn ngoan, gã này không thể giấu điểm kỳ quái của mình trước mặt người khác, nghĩa là hắn không có nhiều bạn và không sống chung với ai đó. Có lẽ hắn là người sống về đêm và không quan tâm nhiều đến ngoại hình của mình. Vì hắn không sống với bạn bè và không đủ khả năng để có chỗ ở riêng, nhất định hắn phải sống với bố mẹ, hoặc tôi cảm thấy khả năng cao hơn là với bố hoặc mẹ, hoặc một người thân là nữ, lớn tuổi như chị gái hoặc cô, dì. Hắn không đủ tiền mua xe, nghĩa là hắn đi phương tiện công cộng hoặc đi bộ tới khu chung cư hoặc sống ngay gần đó. Tôi không nghĩ hắn đón xe buýt đến đó sớm như thế vào buổi sáng nên việc

này cho thấy hấn sống trong chung cư hoặc trong vòng 800m quanh đó.

Ngoài ra, hấn còn bố trí nhiều vật thể mang tính nghi thức - đôi nhũ hoa bị cắt ra, đôi hoa tai, vị trí của thi thể. Loại ám ảnh giữa sự điên cuồng rối loạn này cho tôi biết con mồi của tôi có nhiều vấn đề sâu xa về tâm lý và tâm thần. Tôi tin hấn đang, hay ít nhất đã từng, phải uống thuốc gì đó. Việc đó và sự thật rằng tội ác này diễn ra vào sáng sớm cho thấy rượu bia không phải yếu tố ảnh hưởng đến hấn. Dù vấn đề tâm thần bất ổn hay rối loạn của hấn là gì, nó ngày càng nặng và những người xung quanh hấn đã chú ý tới. Những lần tự tử không thành trước đó, đặc biệt là bằng cách gây ngạt - cách mà hấn dùng để giết Francine - là một khả năng cao. Tôi cá hấn đã, hoặc vừa, ở trong viện tâm thần. Tôi loại trừ việc hấn có tham gia quân ngũ vì điều này và nghĩ hấn đã bỏ học từ thời trung học hoặc đại học với những tham vọng chưa đạt được. Tôi có lý do để tin chắc đây là lần giết người đầu tiên của hấn nhưng nếu hấn thoát được thì sẽ còn nhiều lần khác. Tôi không nghĩ hấn sẽ lại hành động ngay. Tội ác này đã đủ cho hấn thỏa mãn suốt nhiều tuần hay nhiều tháng. Nhưng cuối cùng, khi gặp tình huống thuận lợi và một nạn nhân ngẫu nhiên xuất hiện, hấn sẽ lại tấn công. Những thông điệp hấn để lại trên thi thể cho tôi biết điều đó.

Việc hấn đặt nạn nhân trong tư thế đầy hổ thẹn, mang tính nghi thức cho biết hấn không hề ăn năn về tội lỗi của mình. Nếu cơ thể cô ấy được che lại, tôi có thể nghĩ việc mặt cô ấy bị trùm quần lót là một dấu hiệu cho thấy hấn cảm thấy có lỗi và muốn dành cho cô ấy chút danh dự, nhưng việc đó bị phủ định bằng sự phơi bày của cơ thể. Do đó, gương mặt bị che đi dường như là để hấn không phải giao tiếp với nạn nhân và làm nhục nạn nhân hơn là quan tâm.

Có một điều thú vị là hấn đã dùng quần áo của cô ấy để che đi đồng phân của mình. Nếu hấn đại tiện tại hiện trường và để nó lộ ra, có thể xem đó là một phần ảo tưởng của hấn hoặc là biểu hiện của sự căm ghét dành cho nạn nhân này hay phụ nữ nói chung. Nhưng việc hấn che nó lại cho thấy hấn đã ở đó lâu và không có nơi nào khác để đi, hoặc không thể nhịn thêm nữa, hoặc cả hai. Dựa

trên kinh nghiệm trước đây, tôi nghĩ việc hấn không thể kiểm chế đại tiện tại hiện trường có thể là hệ quả của thuốc hấn dùng.

§•§

Sau khi nhận bản mô tả, cảnh sát trở lại với danh sách nghi phạm và các cuộc thẩm vấn. Họ chọn ra một kẻ có tiền án phạm tội tình dục, hiện đã kết hôn và có con. Đợt loại trừ ban đầu đã chọn ra hai mươi cái tên, và trong số đó có một kẻ nổi bật vì rất khớp với bản mô tả.

Tên hấn là Carmine Calabro. Một diễn viên da trắng, ba mươi tuổi, đang thất nghiệp, hấn sống với người bố góa vợ ở khu chung cư của nhà Elveson, cũng trên tầng bốn.

Hấn chưa kết hôn và nghe nói hấn gặp khó khăn trong việc duy trì các mối quan hệ với phụ nữ. Bỏ học từ thời phổ thông, hấn không có kinh nghiệm tham gia quân ngũ. Khi cảnh sát lục soát phòng hấn, họ tìm được một lượng lớn văn hóa phẩm khiêu dâm nặng đô. Đúng là hấn từng tự tử bất thành bằng cách treo cổ và tự làm ngạt - cả trước và sau khi giết Elveson.

Nhưng hấn có chứng cứ ngoại phạm. Như tôi dự đoán, cảnh sát đã thẩm vấn hấn như mọi người khác trong chung cư. Ông Calabro nói với họ rằng Carmine là bệnh nhân nội trú tại một bệnh viện tâm thần địa phương, đang điều trị chứng trầm cảm. Đây là lý do lúc trước cảnh sát loại hấn ra.

Nhưng có bản mô tả nhân dạng, họ lập tức lật lại điều tra hấn và nhanh chóng xác định an ninh ở bệnh viện kia vô cùng lỏng lẻo. Sau đó họ có thể kết luận Carmine đã rời bệnh viện mà không có giấy phép - hấn cứ thế bước ra ngoài - vào buổi chiều trước khi sát hại Francine Elveson.

Mười ba tháng sau vụ sát nhân, Carmine Calabro bị bắt và cảnh sát lấy dấu răng của hấn. Ba nha sĩ pháp y xác nhận rằng của hấn khớp với các vết cắn trên Cơ thể nạn nhân. Đây là bằng chứng quan trọng ở tòa, nhưng Calabro không nhận tội, cuối cùng hấn bị buộc

tội giết người và phải chịu án tù chung thân, thụ án ít nhất hai mươi lăm năm trước khi có thể được phóng thích vì cải tạo tốt.

Nhân tiện, sợi tóc của người Mỹ gốc Phi kia hóa ra lại không hề liên quan đến vụ án. Văn phòng của chuyên viên pháp y đã điều tra cẩn thận theo quy trình và phát hiện cái túi đựng xác dùng để chuyển xác của Francine Elverson tới nhà xác đã được dùng cho một nạn nhân nam da màu trước đó và không được làm sạch đúng cách sau mỗi lần sử dụng. Nhưng điều này cho thấy bản thân chứng cứ pháp y cũng có thể sai và nếu nó không khớp với ấn tượng chung của điều tra viên về vụ án thì nên được xem xét cẩn thận trước khi được chấp nhận làm bằng chứng.

Chúng tôi rất hài lòng với vụ án này, càng hài lòng hơn khi nó giúp những người mà chúng tôi hợp tác ở New York, thuộc nhóm viên chức thi hành luật sắc sảo và tinh tế nhất trong ngành, tin tưởng chúng tôi. Trong bài báo hồi tháng Tư năm 1983 về chương trình mô tả nhân dạng trên tờ *Tâm lý học ngày nay*, Trung úy D'Amico đã nói: "Họ dự đoán về hăng chính xác đến mức tôi đã hỏi FBI sao họ không cho chúng tôi số điện thoại của hăng luôn".

Sau khi bài báo đó xuất hiện, Calabro đã gửi thư cho chúng tôi từ Trại Cải tạo Clinton ở Dannemora, New York, dù tên hăng và Elverson chưa từng xuất hiện trong đó. Trong lá thư lan man với nhiều lỗi chính tả và ngữ pháp, hăng dành những lời khen cho FBI và Phòng Cảnh sát New York, nhắc lại là hăng vô tội, gom mình vào chung nhóm với David Berkowitz và George Metesky, Kẻ đánh bom điên rồ, rồi viết rằng: "Tôi không phủ nhận bản mô tả nhân dạng của anh dành cho kẻ sát nhân trong vụ này, trên thực tế, tôi tin anh đã đúng ở hai điểm".

Hăng tiếp tục hỏi xem chúng tôi có được thông báo về sự hiện diện của sợi tóc chứng cứ trên thi thể không, thứ mà hăng nghĩ có thể giải oan (đây là từ của tôi, không phải của hăng) cho hăng. Rồi hăng lại tò mò hỏi xem chúng tôi đưa ra bản mô tả khi nào và liệu chúng tôi đã có tất cả bằng chứng chưa. Nếu có thì hăng dự định sẽ để yên vụ này nhưng nếu chưa, hăng sẽ lại viết thư cho chúng tôi.

Tôi nghĩ lá thư này có thể là khởi đầu để chúng tôi đưa Calabro vào nghiên cứu của mình nên vào tháng Bảy năm 1983, Bill

Hagmaier và Rosanne Russo, một trong những đặc vụ nữ đầu tiên của Đơn vị Khoa học hành vi, đến Clinton để thẩm vấn Calabro. Theo họ miêu tả, hăng hoi hợp nhưng lịch sự và hợp tác, như với cảnh sát. Hăng rất tập trung vào sự vô tội của mình và lần kháng cáo sắp tới, nói rằng hăng bị buộc tội oan vì chứng cứ dẫu rằng. Kết quả là hăng đã nhổ hết răng của mình để “họ không thể buộc tội tôi nữa” và tự hào khoe cái miệng trống trơn của hăng. Ngoài việc đó ra thì cuộc thẩm vấn hầu như chỉ lặp lại lá thư của hăng, tuy Hagmaier và Russo nói hăng có vẻ hứng thú với việc chúng tôi đang làm và không muốn họ ra về. Kể cả trong tù, hăng vẫn là kẻ cô độc.

Thâm tâm tôi chắc chắn Carmine Calabro bị rối loạn tâm lý rất nặng. Không có gì về vụ án của hăng, quá khứ của hăng hay việc chúng tôi giao tiếp với hăng cho thấy hăng bình thường. Đồng thời, tôi vẫn tin rằng, như đa số kẻ bị rối loạn, hăng phân biệt được đúng sai. Có những ảo tưởng lạ lùng và nguy hiểm này thì không sai. Nhưng cố ý lựa chọn hành động theo những ảo tưởng đó để hại người thì chắc chắn sai.

CHƯƠNG 9

Đặt mình vào vị trí hung thủ

Vào khoảng thời gian này hồi đầu những năm 1980, tôi đang xử lý đến 150 vụ án mỗi năm và số ngày tôi di chuyển trên đường cũng bằng từng đó. Tôi bắt đầu cảm thấy mình như Lucille Ball đang cố gắng làm nhanh hơn cái băng chuyền trong bộ phim công ty kẹo *Tôi yêu Lucy* - công việc đến chỗ tôi càng nhiều, tôi càng cuống cuống làm để tránh bị rớt lại phía sau. Việc thực sự giải quyết mọi chuyện để có thể có chút thời gian mà thở là bất khả thi.

Khi công việc và thành quả của chúng tôi được nhiều người biết đến, yêu cầu hỗ trợ đổ về từ khắp nơi trên đất Mỹ và nhiều nước khác. Giống như nhân viên phân loại bệnh nhân trong phòng cấp cứu, tôi phải bắt đầu phân loại vụ án. Các vụ cưỡng hiếp - giết người với nguy cơ có thêm người bị giết lập tức được tôi chú ý.

Với những vụ án chưa phá được hay có Đối tượng vô danh dường như không hoạt động, tôi sẽ hỏi cảnh sát xem tại sao họ lại gọi chúng tôi tham gia. Đôi khi, gia đình nạn nhân gây áp lực để họ tìm ra giải pháp. Điều đó là hoàn toàn dễ hiểu và trái tim tôi luôn nghĩ đến họ, nhưng tôi không thể dành thời gian quý báu cho một bài phân tích mà rồi sẽ bị cảnh sát địa phương đưa lên kệ mà không có hành động gì.

Với những vụ án đang xảy ra, lưu ý xem chúng đến từ đâu là một điều thú vị. Vào những ngày đầu khởi xướng chương trình, bất cứ vụ nào từ những cơ quan quan trọng nhất - ví dụ như Phòng Cảnh sát New York hay Los Angeles - sẽ khiến tôi hoài nghi tại sao họ lại tìm đến đơn vị chúng tôi ở Quantico. Đôi khi đó là một sự xung đột về quyền hạn với FBI, chẳng hạn như bên nào giữ những đoạn phim an ninh, bên nào sẽ tiến hành thẩm vấn, và bên nào sẽ khởi tố

một loạt vụ trộm ngân hàng. Hoặc đó có thể là một vụ gây tranh cãi liên quan đến chính trị và cảnh sát địa phương chỉ muốn ai đó khác đứng ra làm bia đỡ đạn. Mọi sự cân nhắc này đều góp phần vào quyết định phản ứng của tôi với một yêu cầu hỗ trợ, vì chúng tôi sẽ giúp xác định xem một vụ án cụ thể nào đó có được giải quyết hay không.

Ban đầu, tôi gửi cho họ các văn bản phân tích. Nhưng khi số lượng vụ án tăng theo cấp lũy thừa, tôi không có thời gian cho việc đó nữa. Tôi sẽ ghi chú khi xem xét một hồ sơ. Sau đó, khi nói chuyện với điều tra viên địa phương - trực tiếp hoặc qua điện thoại - tôi sẽ nhìn lại những ghi chú của mình và hồi tưởng vụ án. Thường thì cảnh sát sẽ có ghi chú riêng về những gì tôi nói với họ. Có những trường hợp hiểm hoi, cảnh sát không ghi chú gì cả, tôi sẽ nhanh chóng mất kiên nhẫn, bảo anh ta đó là vụ án của anh ta, không phải của tôi. Nếu muốn chúng tôi giúp, anh ta phải nhanh nhạy lên và cố gắng nhiều như tôi.

Tôi đã xử lý nhiều trường hợp như vậy đủ để biết, như một bác sĩ, mỗi lần “viếng thăm văn phòng” kéo dài bao lâu. Đến lúc xem xét lại vụ án, tôi biết mình có thể giúp hay không nên tôi muốn tập trung vào phân tích hiện trường và nạn nhân ngay. Tại sao hẳn lại chọn nạn nhân này trong số những người có khả năng trở thành nạn nhân? Cô/anh ấy bị giết như thế nào? Từ hai câu hỏi này, tôi có thể bắt đầu trả lời câu hỏi sau cùng: Ai là thủ phạm?

Giống như Sherlock Holmes, tôi nhanh chóng nhận ra vụ án càng bình thường và quen thuộc, chứng cứ về hành vi để tôi nghiên cứu càng ít. Tôi không giúp được gì trong những vụ cướp giết trên đường. Chúng quá phổ biến, hành vi quá bình thường, vì vậy số lượng nghi phạm là muôn vàn. Tương tự, một phát súng hay một vết đâm duy nhất khó xử lý hơn tình trạng nhiều vết thương, một vụ án xảy ra ngoài trời sẽ thách thức hơn trong nhà, một nạn nhân nguy cơ cao như gái làng chơi không cho chúng tôi nhiều thông tin như một loạt nạn nhân.

Thứ đầu tiên tôi xem là báo cáo của chuyên viên pháp y, để biết tính chất và loại vết thương, nguyên nhân tử vong, nạn nhân có bị tấn công tình dục không và nếu có thì tấn công kiểu gì. Chất lượng

giám định pháp y ở hàng ngàn khu vực quản lý khắp cả nước có sự khác biệt lớn. Một số chuyên viên là những nhà nghiên cứu bệnh học pháp y thực thụ và công việc của họ luôn đứng hạng nhất. Ví dụ, khi tiến sĩ James Luke là chuyên viên pháp y của Washington, chúng tôi có thể tin tưởng vào những báo cáo hoàn chỉnh, chi tiết và chính xác. Kể từ lúc nghỉ hưu, tiến sĩ Luke vẫn luôn là một cố vấn có giá trị với đơn vị của tôi ở Quantico. Mặc khác, tôi cũng đã thấy những trường hợp, ở những thị trấn nhỏ phía nam, người giám định nguyên nhân tử vong chính là giám đốc công ty mai táng ở địa phương. Theo ông ta, việc khám nghiệm tử thi là xuất hiện tại hiện trường, đá đá thi thể và nói "ừ, thẳng nhóc chết chắc rồi".

Sau khi xem qua những phát hiện liên quan đến thi thể, tôi sẽ đọc báo cáo sơ bộ của cảnh sát. Khi viên cảnh sát đầu tiên đến nơi, anh ta thấy những gì? Từ thời điểm đó trở đi, có khả năng hiện trường đã bị thay đổi, do anh ta hoặc ai đó trong đội điều tra. Tôi thấy việc quan trọng là có thể hình dung hiện trường càng giống với lúc thủ phạm rời đi càng tốt. Nếu hiện trường không còn nguyên vẹn, tôi muốn biết. Ví dụ, có cái gối nào trên mặt nạn nhân không, ai đặt nó ở đó? Nó có ở đó khi viên cảnh sát đến không? Có phải một người thân, phát hiện thi thể, đã đặt cái gối lên để bảo vệ chút danh dự còn lại? Hay còn lời giải thích nào khác? Cuối cùng, tôi sẽ xem các ảnh chụp hiện trường và cố gắng hoàn thiện bức tranh trong tâm trí mình.

Ảnh chụp không phải lúc nào cũng có chất lượng tốt nhất, đặc biệt khi đa số cơ quan cảnh sát vẫn chụp ảnh trắng đen. Vì vậy, tôi cũng sẽ yêu cầu cung cấp một bản sơ đồ hiện trường gây án có ghi chú mọi hướng đi và dấu chân. Nếu các thanh tra có điều gì đó cụ thể muốn tôi xem xét, tôi yêu cầu họ ghi vào sau tấm hình, để tôi không bị ảnh hưởng bởi quan sát của người khác trong lần xem xét đầu tiên. Tương tự, nếu họ cho rằng kẻ nào đó đứng đầu danh sách nghi phạm, tôi không muốn biết hoặc tôi đề nghị họ cho thông tin này vào một chiếc phong bì dán kín rồi gửi đến tôi để tôi có thể khách quan trong bản phân tích của mình.

Một việc quan trọng khác là cố gắng đoán xem có thứ gì bị lấy khỏi người nạn nhân hoặc di chuyển khỏi hiện trường không. Nhìn

chung, dễ nhận thấy nếu tiền, vật giá trị hoặc trang sức nổi bật bị lấy đi, mỗi món sẽ giúp chỉ ra động cơ của hung thủ. Những món đồ khác không phải lúc nào cũng dễ truy vết.

Khi một cảnh sát hay thanh tra báo cáo rằng không có gì bị lấy đi, tôi sẽ hỏi "Làm sao anh biết được? Ý anh là nếu tôi lấy một cái áo lót hay quần lót từ tủ đồ của vợ hoặc bạn gái anh thì anh sẽ biết được sao? Vì nếu anh biết được thật thì anh đúng là đồ bệnh hoạn." Nhưng thứ khó phát hiện như một cái áo lót, một mái tóc giả có thể biến mất, và sẽ rất khó để tìm chúng. Thực tế không có gì có vẻ đã biến mất không bao giờ là phát hiện cuối cùng trong đầu tôi. Và khi rốt cục chúng tôi cũng bắt được thủ phạm và lục soát quanh chỗ ở của hắn, chúng tôi thường tìm thấy những món đồ lưu niệm bất ngờ.

Từ lúc đầu, rõ ràng rất nhiều đồng僚, cả trong và ngoài Cục, không thực sự hiểu chúng tôi. Tôi thấy điều này rõ hơn trong chuyến đào tạo ngắn hạn hai tuần về tội phạm giết người mà Bob Ressler và tôi thực hiện ở New York năm 1981. Có khoảng 100 thanh tra, chủ yếu từ Phòng Cảnh sát New York, nhưng cũng có người từ những địa hạt khác khắp khu vực trung tâm New York.

Một buổi sáng nọ, trước khi lớp học về mô tả nhân dạng bắt đầu, tôi đang ở đầu phòng lắp đặt một đầu máy video hiệu Sony 19mm lớn mà ngày đó chúng tôi sử dụng. Có một viên thanh tra, trông rõ là đã làm việc quá sức và hoàn toàn mệt mỏi, với đôi mắt đỏ ngầu lại gần tôi và hỏi "Anh thích công việc mô tả nhân dạng này à?"

"Phải", tôi trả lời, xoay sang phía cái đầu máy. "Thực ra đây là cái máy mô tả nhân dạng."

Anh ta nhìn tôi đầy nghi ngờ, như viên thanh tra kỳ cựu đối diện với nghi phạm, nhưng anh ta vẫn ở lại với tôi.

"Đưa tay anh đây", tôi nói. "Tôi sẽ cho anh xem nó hoạt động như thế nào."

Anh ta chần chừ đưa tay ra. Trên một đầu máy 19mm, cái cửa đút băng đúng là khá to. Tôi cầm lấy tay anh ta, đưa nó vào trong cửa đút băng, rồi vặn vài cái nút. Khi đó, Ressler đang ở một vị trí

khác trong phòng, chuẩn bị tài liệu dạy học. Anh ấy nghe tôi nói và sẵn sàng đến chỗ tôi vì nghĩ rằng tôi sắp bị đâm cho một phát.

Nhưng viên thanh tra chỉ hỏi: “Vậy bản mô tả dành cho tôi như thế nào?”

Tôi đáp: “Đợi đến khi vào lớp, anh sẽ thấy nó hoạt động ra sao.”

May cho tôi là trong lúc lớp học diễn ra, viên thanh tra nọ hẳn đã đoán được chuyện gì đang xảy ra khi tôi giải thích quá trình mô tả nhân dạng và sử dụng đầu máy cho mục đích thực thụ của nó: minh họa! Và anh ta không đợi tôi vào cuối giờ. Nhưng ý nghĩa của câu chuyện này là tôi luôn mong việc đưa ra một bản mô tả hữu dụng luôn dễ dàng như vậy. Anh không thể chỉ đút một bàn tay (hay bất kỳ bộ phận cơ thể nào) vào một cái máy và cho ra một bản mô tả, vì các chuyên gia máy tính đã làm việc với các quan chức thi hành luật suốt nhiều năm ròng để phát triển những chương trình thay thế quá trình tư duy mà chúng tôi thực hiện. Cho đến nay, họ vẫn chưa đưa ra kết quả gì.

Vấn đề thực tế là mô tả nhân dạng và phân tích hiện trường vụ án cần nhiều thứ chứ không chỉ đơn giản là nhập và xử lý dữ liệu. Để trở thành một chuyên viên miêu tả nhân dạng giỏi, bạn phải có khả năng đánh giá các loại bằng chứng và dữ liệu đa dạng. Đồng thời, bạn phải có khả năng đặt mình vào vị trí của cả hung thủ và nạn nhân.

Bạn phải tái tạo được hiện trường trong óc mình. Bạn cần biết càng nhiều càng tốt về nạn nhân để có thể hình dung cách cô ấy sẽ phản ứng. Bạn phải có khả năng đặt bản thân vào vị trí của cô ấy khi kẻ tấn công đe dọa cô ấy bằng một khẩu súng, một con dao, một hòn đá, nắm đấm của hắn hay bất cứ thứ gì. Bạn phải cảm nhận được nỗi sợ của nạn nhân khi hắn tiếp cận cô ấy. Bạn phải thấu hiểu cơn đau của cô ấy khi hắn cưỡng bức, đánh đập hoặc tổn thương cô ấy. Bạn phải cố gắng hình dung ra điều nạn nhân đang trải qua khi hắn hành hạ cô ấy để thỏa mãn dục vọng. Bạn phải hiểu cảm giác gào thét trong kinh hoàng và đau đớn, nhận ra việc đó vô ích vì không khiến cho hắn dừng lại. Bạn phải biết cảm giác đó như thế nào. Và đó là gánh nặng mà bạn phải mang, đặc biệt khi nạn nhân là trẻ em hoặc người già.

Khi giám đốc sản xuất và dàn diễn viên phim *Sự im lặng của bầy cừu* đến Quantico để chuẩn bị quay phim, tôi đưa Scott Glenn, diễn viên đóng vai Jack Crawford - viên đặc vụ mà có người nói dựa trên hình mẫu là tôi - vào văn phòng tôi. Glenn là một người khá thoải mái, ủng hộ việc cải tạo, chuộc tội và thiên tính tốt đẹp của con người. Tôi cho anh ấy xem một số ảnh chụp hiện trường tàn bạo mà chúng tôi nghiên cứu mỗi ngày. Tôi để anh ấy trải nghiệm những đoạn băng do bọn sát nhân ghi lại khi hành hạ các nạn nhân. Tôi cho anh ấy nghe một trong hai cô bé tuổi vị thành niên ở Los Angeles bị hành hạ tới chết trong thùng xe tải bởi hai kẻ sát nhân tìm kiếm cảm giác giết gân vừa được phóng thích khỏi tù cách đây không lâu.

Glenn khóc khi nghe những đoạn băng này. Anh ấy nói với tôi: "Tôi không biết ngoài kia lại có kẻ có thể làm ra những việc như vậy". Là một người cha thông minh, đầy lòng trắc ẩn của của hai cô con gái, Glenn nói rằng sau khi xem và nghe những thứ này ở văn phòng tôi, anh ấy không thể tiếp tục phản đối án tử hình nữa. "Trải nghiệm ở Quantico đã thay đổi suy nghĩ của tôi về việc đó mãi mãi."

Nhưng một việc khó khăn không kém là tôi phải đặt mình vào vị trí của kẻ tấn công, để suy nghĩ giống hẵn, lên kế hoạch cùng hẵn, hiểu và cảm nhận sự thỏa mãn của hẵn vào khoảnh khắc những ảo tưởng dồn nén lâu ngày trở thành sự thật và cuối cùng hẵn đã nắm quyền kiểm soát, hoàn toàn có thể thao túng và thống trị một con người khác. Tôi cũng phải đặt mình vào vị trí của kẻ sát nhân đó.

Hai gã đã hành hạ và sát hại hai cô bé trong chiếc xe tải tên là Lawrence Bittaker và Roy Norris. Chúng thậm chí còn đặt biệt danh cho chiếc xe của mình: Mac Sát nhân, chúng gặp nhau khi đang bị giam trong nhà tù California Men's Colony tại San Luis Obispo. Bittaker bị giam vì tội tấn công bằng vũ khí chết người. Norris là một tên cường hiếp phụ nữ bị kết án. Khi chúng phát hiện sở thích chung trong việc kiểm soát và gây đau đớn cho những phụ nữ trẻ, chúng nhận ra chúng là bạn chí cốt. Và khi cùng được phóng thích sau khi cam kết sẽ cải tạo tốt vào năm 1979, chúng gặp nhau tại một khách sạn ở Los Angeles và đưa ra những kế hoạch bắt cóc, cưỡng hiếp, hành hạ và giết mỗi cô gái cho một độ tuổi, từ mười ba đến mười

chín tuổi. Chúng đã thực hiện thành công kế hoạch của mình với năm cô gái, đến khi một người chạy thoát sau khi bị cưỡng hiếp và trình báo cảnh sát.

Norris, kẻ dưới cơ tên còn lại, cuối cùng đã đầu hàng trước quá trình thẩm vấn cảnh sát, nhận tội. Để được miễn án tử hình, hắn đồng ý chỉ chứng kẻ tàn bạo và hung hăng hơn là Bittaker. Hắn dẫn cảnh sát đến những nơi vút xác khác nhau. Có một thi thể đã phân rã chỉ còn xương dưới ánh mặt trời California, một cái que nhọn đập đá vẫn còn thò ra từ lỗ tai.

Điều đáng chú ý ở vụ án này, ngoại trừ bi kịch đáng thương của những sinh mệnh đầy hứa hẹn bị tước đoạt và sự đồi bại tận cùng của việc hành hạ những cô gái trẻ, mà theo lời Norris là để “cho vui”, chính là hành vi khác nhau của hai tên tội phạm khi cùng thực hiện một tội ác. Nhìn chung, điều chúng ta nhìn thấy là một tên có tư duy trật tự hơn tên kia. Những kẻ sát nhân hàng loạt thuộc kiểu người ngay từ đầu đã tự ti và kẻ cần có đồng bọn để thực hiện tội ác của mình là tự ti nhất.

Tuy những tội ác của chúng khủng khiếp là thế (Lawrence Bittaker là một trong những kẻ đáng hận và đáng kinh tởm nhất tôi từng gặp), nhưng đáng tiếc chúng không độc đáo.

Cũng như Bittaker và Norris, James Russell Odom và James Clayton Lawson Con cũng gặp nhau trong tù. Thời điểm đó là giữa những năm 1970, và chúng đều đang thụ án vì tội cưỡng hiếp ở Bệnh viện Tâm thần tiểu bang Atascadero ở California. Nhìn lại hồ sơ phạm tội của chúng, tôi xem Russell Odom là một kẻ điên và Clay Lawson giống một kẻ bị tâm thần phần liệt hơn. Trong lúc thụ án ở Atascadero, Clay miêu tả cho Russel về những kế hoạch mà hắn muốn thực hiện khi được thả. Những kế hoạch này bao gồm việc bắt cóc phụ nữ, cắt hai bên ngực, cắt bỏ buồng trứng và cắm dao vào bộ phận sinh dục của họ. Hắn nói hắn lấy cảm hứng từ Charles Manson và các tín đồ của hắn. Lawson nói rõ rằng việc quan hệ tình dục không nằm trong kế hoạch của hắn. Hắn không xem đây là một phần trong “sở thích riêng” của hắn.

Mặt khác, Odom lại xem việc quan hệ là sở thích của mình và ngay khi được thả ra, hắn đã lái chiếc Volkswagen Bọ rùa màu xanh

nhật sản xuất năm 1974 đến tận Columbia, Nam Carolina, nơi Lawson đang làm thợ lắp ống và sống với bố mẹ hẳn sau khi được phóng thích vì cam kết sẽ cải tạo tốt. (Như tôi từng nói, VW Bọ rùa dường như là phương tiện mà những tên sát nhân hàng loạt - và cả những đặc vụ FBI không có tiền tiết kiệm - lựa chọn sử dụng vào thời điểm đó.) Odom nghĩ với sở thích riêng có mỗi tương đồng của chúng, chúng có thể trở thành một đội ăn ý và mỗi tên làm theo sở thích của mình.

Vài ngày sau khi Odom đến, hai tên này ra ngoài tìm kiếm nạn nhân trong chiếc Ford Comet năm 1974 của bố Lawson. Chúng dừng lại ở một cửa hàng 7-Eleven trên Quốc lộ 1 Hoa Kỳ và nhắm được một cô gái trẻ làm việc sau quầy. Nhưng ở đó có quá nhiều người nên chúng bỏ đi xem một bộ phim khiêu dâm.

Tôi nghĩ cần nhấn mạnh ở điểm này, khi bọn chúng nhận ra không thể thành công thực hiện vụ bắt cóc mà không bị phản kháng hay ít nhất là không bị nhìn thấy, chúng bỏ đi mà không thực hiện tội ác đã dự định. Cả hai đều bị bệnh tâm thần, trong trường hợp của Lawson thì có thể khẳng định hẳn bị điên theo xu hướng phạm tội. *Nhưng khi tình hình không thuận lợi, chúng kiềm lại, không thực hiện tội ác.* Chúng không ở trong tình trạng bắt buộc phải hành động. Vì vậy, tôi sẽ nói lại một lần nữa: Theo kinh nghiệm của tôi, chỉ dựa vào chứng rối loạn tâm thần không thể giúp kẻ phạm pháp thoát tội. Trừ phi hẳn hoàn toàn bị hoang tưởng và không nhận thức được hành động của mình trong thế giới thực, nếu không hẳn hoàn toàn chủ động trong việc lựa chọn có gây tổn thương cho người khác hay không. Những kẻ điên thực sự rất dễ bắt. Sát nhân hàng loạt thì không.

Đêm tiếp theo sau chuyến đi săn đầu tiên, Odom và Lawson đến một rạp chiếu phim ngoài trời. Khoảng nửa đêm, khi bộ phim kết thúc, chúng trở lại cửa hàng 7-Eleven. Chúng mua vài món vặt vặt - một hộp sữa sô cô la, một túi đậu phộng, một hũ dưa muối. Lần này, chúng là những người duy nhất có mặt trong cửa hàng nên chúng dùng khẩu súng ngắn 22 ly của Odom để uy hiếp, bắt cô gái ở quầy thu ngân đi. Lawson có một khẩu súng lục 32 ly trong túi. Sau đó, khi cảnh sát đến vì nhận được cuộc gọi của một khách hàng

phát hiện cửa hàng không có ai trông coi, hộc tiền không bị động đến, túi xách của cô gái còn ở phía sau quầy và không có thứ gì đáng giá bị lấy đi.

Hai gã đàn ông lái xe đến một nơi vắng vẻ. Odom ra lệnh cho cô gái cởi hết quần áo, rồi cưỡng bức cô trên ghế sau của xe. Trong khi đó, Lawson đứng bên ngoài gần cửa phía tài xế, bảo Odom nhanh lên để đến lượt hắn. Sau khoảng năm phút, Odom xuất tinh, gài lại nút quần rồi ra khỏi xe để Lawson thế chỗ hắn.

Odom nói rằng lúc đó hắn đi xa khỏi chiếc xe để nôn. Sau này, Lawson khai Odom bảo hắn rằng “Chúng ta phải xử cô ta thôi” dù Lawson đã ép được cô gái hứa sẽ không tố cáo nếu chúng thả cô đi. Cụ thể là khoảng năm phút sau, Odom nghe tiếng cô gái gào lên trong xe “Cổ họng của tôi!” Khi hắn trở lại, Lawson đã cắt cổ cô ấy và đang xẻo cơ thể khỏa thân của cô ấy bằng con dao hắn mua từ cửa hàng 7-Eleven đêm trước.

Hôm sau, khi hai tên đang ở trong chiếc VW của Odom, vứt bỏ quần áo nạn nhân mà chúng đã quần thành hai cục, Lawson nói với tên kia là hắn đã thử ăn cơ quan sinh dục của cô gái sau vụ tấn công nhưng việc đó làm hắn buồn nôn.

Thi thể bị cắt xẻo man rợ được phát hiện ở nơi đông người và hai kẻ sát nhân bị bắt sau đó vài ngày. Russell Odom sợ chết nên sẵn sàng nhận tội cưỡng bức nhưng chối việc hắn đã tham gia giết nạn nhân.

Trong lời khai với cảnh sát, Clay Lawson nói rõ hắn không giao hợp với nạn nhân. “Tôi không cưỡng hiếp cô ta. Tôi chỉ muốn hủy hoại cô ta.” Hắn cũng chính là kẻ đã nhai viên phấn trong phiên tòa xử mình.

Hai tên này được xử tội riêng. Odom nhận án tù chung thân và thêm bốn mươi năm vì tội cưỡng hiếp, sở hữu vũ khí trái phép, đồng lõa trước và sau việc giết người. Lawson bị buộc tội giết người cấp độ I và bị xử tử trên ghế điện vào ngày 18 tháng Năm năm 1976.

Giống như Bittaker và Norris, đặc điểm của vụ án này là sự pha trộn hành vi - từ đó để lại chứng cứ hành vi - vì có sự tham gia của hai người khác nhau. Việc cắt xẻo thi thể là dấu hiệu của kiểu tội

phạm tư duy vô tổ chức, trong khi việc tìm thấy tinh dịch trong âm đạo nạn nhân cho thấy rõ một kẻ tư duy có tổ chức. Chúng tôi mang vụ án Odom và Lawson ra giảng dạy tại Quantico, và tôi nghĩ đến vụ này khi nhận được cuộc gọi từ cảnh sát trưởng John Reeder của Phòng Cảnh sát thành phố Logan Township, Pennsylvania. Khi đó tôi mới bắt đầu sự nghiệp mô tả nhân dạng chưa lâu. Reeder là học viên tốt nghiệp từ Học viện Quốc gia, và thông qua đặc vụ Dale Frye ở cơ sở vệ tinh của FBI tại Johnstown, anh ấy và ủy viên công tố quận Blair Oliver E. Mattas Con yêu cầu được hỗ trợ giải quyết vụ cưỡng hiếp, sát hại và phân xác một cô gái trẻ tên là Betty Jane Shade.

Những chi tiết tôi được biết là:

Khoảng một năm trước, vào ngày 29 tháng Năm năm 1979, cô gái hai mươi hai tuổi này đang đi bộ về nhà từ nơi cô làm công việc giữ trẻ, vào khoảng 10:15 tối. Bốn ngày sau đó, một người đàn ông cho biết ông ta đang đi dạo thì trông thấy thi thể đã bị cắt xẻo man rợ nhưng lại được bảo quản tốt của cô gái ở một điểm đổ rác trái phép trên núi Wopsononock, gần thành phố Altoona. Mái tóc dài màu vàng của cô bị cắt ra và treo trên một cái cây gần đó. Điều tra viên về các vụ tử vong bất thường của quận, Charles R. Burkey, trả lời báo chí địa phương đó là cái chết "khủng khiếp nhất" anh ta từng thấy. Anh ta phát hiện Betty Jane Shade đã bị tấn công tình dục, hàm cô ấy bị nứt, mắt bầm đen, cơ thể có nhiều vết đâm. Nguyên nhân tử vong là một cú đánh mạnh vào đầu, và việc cắt xẻo thi thể sau khi chết gồm nhiều vết đâm, hai bên ngực bị cắt và một vết cắt từ cửa mình tới trực tràng.

Tuy phần thức ăn chưa tiêu hóa hết trong dạ dày cho thấy nạn nhân bị giết không lâu sau khi biến mất, nhưng xác được bảo quản quá tốt nên không thể nào đã ở điểm đổ rác bốn ngày. Không có giòi hay tổn thương do động vật như thường gặp ở những thi thể khác. Cảnh sát cũng đang điều tra giải quyết những lời phàn nàn về việc đổ rác trái phép trên núi nên họ sẽ phát hiện nếu thi thể bị vút trước đó.

Tôi xem xét tất cả hồ sơ vụ án mà Reeder gửi và đưa ra một bản mô tả, tôi trình bày trong một cuộc hội ý dài hơi qua điện thoại.

Trong lần hội ý này, tôi cố gắng hướng dẫn cảnh sát những nguyên tắc khi mô tả nhân dạng và những điều mà chúng tôi tìm kiếm. Tôi nghĩ họ nên tìm một người đàn ông da trắng, độ tuổi 17-25, tuy tôi có lưu ý là nếu hắn sống ở khu vực ngoại thành, hắn có thể lớn tuổi hơn vì sự phát triển xã hội của hắn sẽ chậm hơn. Hắn có thể gầy hoặc gầy nhưng khỏe, thích một mình, không hắn là học sinh giỏi ở trường, sống nội tâm, có thể thích sách báo và phim khiêu dâm. Tuổi thơ của hắn cũng rất điển hình - một gia đình không hạnh phúc, tan vỡ, không sống với cha, chỉ có người mẹ độc đoán, bảo vệ con thái quá. Có thể bà ấy tạo cho hắn ấn tượng rằng tất cả phụ nữ đều xấu xa, chỉ có bà ấy là tốt. Đối tượng vô danh này vì vậy mà sợ phụ nữ và không thể đối phó với họ nên hắn đã phải nhanh chóng làm cô ấy bất tỉnh hoặc bất lực.

Hắn biết rõ nạn nhân. Điểm này thể hiện rõ ở tổn thương nghiêm trọng trên mặt. Hắn vô cùng giận dữ và muốn xóa bỏ danh tính của cô ấy, thông qua việc gây tổn thương mặt, ngực và bộ phận sinh dục. Việc cắt tóc lại khiến tôi có suy nghĩ khác. Tuy có thể xem đây là một nỗ lực xóa bỏ danh tính của nạn nhân, nhưng từ việc điều tra nạn nhân, tôi biết Shade là một người gọn gàng, tỉ mỉ và tự hào về mái tóc được cắt tỉa và chăm sóc cẩn thận. Vì vậy, cắt tóc là một sự lăng mạ, một hành động sỉ nhục. Điều này cũng cho thấy hắn biết rõ cô ấy. Nhưng lại không có dấu hiệu nào của việc bạo hành ác dân hoặc hành hạ trước khi chết như trong vụ án của Bittaker và Norris. Đây không phải kẻ thỏa mãn dục vọng bằng việc gây đau đớn cho người khác.

Tôi nói cảnh sát đừng tìm một "nhân viên kinh doanh xe hơi cũ đi lại trên phố với tính cách cởi mở". Nếu gã này có công việc thật thì cũng chỉ là công việc bình thường; nhân viên an ninh hoặc công nhân. Bất cứ ai vút thi thể ở nơi đổ rác như vậy phải có một công việc bình thường hoặc công việc gì đó liên quan đến những thứ dơ bẩn. Thời điểm bắt cóc, phần ngực bị cắt đi, việc di dời thi thể rõ ràng và quay lại địa điểm vút xác cuối cùng, tất cả cho tôi biết hắn chủ yếu sống về đêm. Tôi tin hắn sẽ đến nghĩa trang, có thể dự đám tang của nạn nhân, để thay đổi mọi thứ trong đầu hắn cho đến khi hắn tin mình có mối quan hệ "bình thường" với Betty Jane. Vì lý do

đó, tôi nghĩ kiểm tra phát hiện nói dối gần như vô dụng kể cả sau khi họ đã có nghi phạm. Khả năng cao là hắn sống ở đâu đó trên đoạn đường từ nhà nạn nhân tới nơi cô ấy được nhìn thấy ra về sau công việc trông trẻ.

Tuy không có chứng cứ chắc chắn để tiến hành bắt giữ, nhưng cảnh sát nói với tôi có hai nghi phạm mà họ rất cân nhắc. Một người là bạn trai đang sống chung và tự nhận là hôn phu của nạn nhân, Charles E Soult Con, còn gọi là Butch. Chắc chắn phải đặc biệt chú ý đến anh ta. Nhưng cảnh sát rất bận tâm người còn lại: người đã tìm thấy thi thể nạn nhân và lời khai của hắn không hợp lý lắm. Hắn là thợ máy vận hành đường ray, nghỉ việc do khuyết tật. Hắn nói mình ra ngoài để đi dạo nhưng lại phát hiện thi thể ở một nơi rành rành là bãi rác. Một ông cụ dắt chó đi dạo nói đã thấy tên này tiểu tiện ở hiện trường. Hắn mặc trang phục không thích hợp để đi bộ đường dài và tuy trời đang mưa, nhưng người hắn hoàn toàn khô ráo. Hắn sống cách nhà Betty Jane Shade bốn khối nhà và đã nhiều lần tán tỉnh cô ấy nhưng không thành. Hắn rất lo lắng khi tiếp xúc với cảnh sát và nói hắn sợ báo cáo chuyện phát hiện thi thể vì không muốn bị đổ tội là hung thủ. Đây là lý do điển hình của một đối tượng chủ động đưa mình vào cuộc điều tra và cố gắng hướng sự nghi ngờ ra khỏi mình. Hắn uống bia và nghiện thuốc nặng, chắc chắn đủ khỏe để giết người và tự mình vớt thi thể. Hắn từng có hành vi chống đối xã hội. Vào cái đêm xảy ra án mạng, hắn và vợ hắn khai đang ở nhà xem ti vi, đây không phải một chứng cứ ngoại phạm vững chắc. Tôi nói với cảnh sát rằng một người như vậy sẽ tìm đến luật sư và kể từ lúc đó không hợp tác với cảnh sát nữa. Họ xác nhận chuyện đó. Hắn đã mời luật sư và từ chối thực hiện kiểm tra phát hiện nói dối.

Tất cả những điểm này nghe rất hứa hẹn. Nhưng điều khiến tôi băn khoăn nhất là hắn đã kết hôn, có hai con và đang sống với vợ. Đây đáng ra không phải phong cách của hắn. Nếu một gã đã kết hôn thực hiện vụ giết người thì hắn sẽ rất hận phụ nữ. Hắn sẽ kéo dài quá trình giết người, hành hạ cô ấy nhiều hơn trước khi chết, nhưng sau đó sẽ không cắt xẻo thi thể cô ấy. Một điểm nữa là hắn ba mươi tuổi, tôi cảm thấy số tuổi này quá lớn.

Với tôi, Soult khả nghi hơn. Hắn gần như khớp với mọi yếu tố trong bản mô tả. Bố mẹ hắn chia tay khi hắn còn nhỏ. Mẹ hắn là người độc đoán, can thiệp cuộc sống của con trai mình quá nhiều. Ở tuổi hai mươi sáu, hắn không giỏi ứng phó với phụ nữ. Hắn trả lời cảnh sát rằng mình mới quan hệ hai lần trong đời, cả hai đều là với một phụ nữ lớn tuổi đã chế nhạo hắn vì không cưỡng được. Hắn nói hắn và Betty Jane rất yêu nhau và đã đính hôn, chuẩn bị cưới, tuy cô ấy hẹn hò và quan hệ với nhiều đàn ông khác. Tôi cảm thấy chắc chắn nếu cô ấy còn sống, câu chuyện từ phía cô ấy sẽ hoàn toàn khác. Ở đám tang nạn nhân, hắn nói muốn đào quan tài lên và leo vào trong với cô ấy. Khi cảnh sát thẩm vấn, hắn cứ khóc lóc vì đã mất Betty Jane.

Cảnh sát nói Butch Soult và Mike, anh trai hắn làm công việc vận chuyển rác.

“Lạy Chúa, chuyện này nghe khá hợp lý”, tôi đáp.

Họ có thể tới nơi đổ rác đó một cách hợp lý và có phương tiện để vận chuyển thi thể.

Dù tôi rất muốn Butch là một nghi phạm, nhưng có hai điều làm tôi phiền não. Thứ nhất, như tôi đoán, hắn hơi ngốc nghếch, lại không to con hơn Shade bao nhiêu. Tôi không nghĩ hắn có thể di chuyển hoặc đặt thi thể vào tư thế lúc được tìm thấy: giống con ếch với hai chân dạng ra, đầu gối gập lại. Thứ hai, trong âm đạo của nạn nhân tìm thấy tinh dịch, chứng tỏ đây là một vụ cưỡng hiếp thông thường. Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu tìm thấy tinh dịch trên cơ thể, quần lót hay trang phục khác của nạn nhân, nhưng không phải như thế này. Giống David Berkowitz, gã này thủ dâm, chứ không cưỡng hiếp. Hắn phải thỏa mãn dục vọng của mình một cách gián tiếp. Chuyện này không hợp lý.

Đây là một trường hợp pha trộn giữa tư duy có tổ chức và tư duy vô tổ chức, rất giống vụ sát hại Francine Elverson ở New York, cũng với cú tấn công chớp nhoáng, làm biến dạng gương mặt và cắt xẻo bộ phận sinh dục. Khác với Elverson chỉ bị cắt hai nhũ hoa, toàn bộ phần ngực của Shade đã bị xẻo mất.

Nhưng trong vụ án ở New York, tên Carmine Calabro to con đã mang nạn nhân nhỏ bé lên vài lượt cầu thang rồi để lại đó. Và việc

xuất tinh hoàn toàn là do thủ dâm.

Ghi nhớ những bài học từ Odom và Lawson, tôi nghĩ chỉ có một khả năng duy nhất là hợp lý. Tôi tin có thể Butch Soult đã gặp Betty Jane trên đường sau khi cô tan ca, họ cãi nhau, hấn đánh cô ấy và có thể đã làm cô ấy bất tỉnh, rồi đưa cô ấy đến một địa điểm vắng vẻ. Tôi cũng tin hấn có thể thực hiện cú đánh lấy đi mạng sống của cô ấy, cắt tóc cô ấy, xẻo cơ thể cô ấy, và giữ phần ngực làm đồ lưu niệm. Nhưng từ lúc cô ấy bị tấn công lần đầu đến lúc bị giết, cô ấy đã bị cưỡng hiếp và tôi không nghĩ một gã trai trẻ tư duy vô tổ chức, tự ti về khả năng tình dục, có người mẹ độc đoán như Soult có thể làm việc đó. Và tôi không nghĩ hấn đã tự mình di chuyển thi thể.

Anh trai của Butch, Mike, là nghi phạm hợp lý thứ hai. Hấn có xuất thân và công việc giống Butch. Hấn từng vào viện tâm thần một thời gian, và có tiền sử về bạo lực, vấn đề về hành vi và khả năng kiểm soát cơn giận kém. Điểm khác biệt chính là hấn đã kết hôn, tuy mẹ của cả hai rất độc đoán đối với cuộc đời của hấn. Cái đêm Betty Jane Shade bị bắt, vợ Mike đang ở bệnh viện sinh con. Việc cô ấy mang thai là một tác nhân gây căng thẳng lớn đối với hấn, khiến hấn không thể giải tỏa mong muốn thể xác. Hoàn toàn hợp lý khi đoán rằng sau cú tấn công, Butch sợ hãi gọi cho anh trai hấn, người đã cưỡng bức cô gái trong khi Butch đứng nhìn và giúp hấn vút thi thể nạn nhân.

Tôi bảo cảnh sát rằng tiếp cận gián tiếp, không đe dọa hấn là cách tốt nhất. Nhưng không may là họ đã thẩm vấn hấn vài lần và làm kiểm tra phát hiện nói dối với hấn. Như tôi đã dự đoán, kết quả kiểm tra không phát hiện hấn nói dối nhưng có những phản ứng cảm xúc không thích hợp. Tôi nghĩ cách tiếp cận tốt nhất lúc này là tập trung vào Mike, liên tục nói rằng mọi điều hấn làm chỉ là quan hệ với Shade và giúp vút xác cô ấy, nhưng nếu hấn không hợp tác vào lúc này, hấn sẽ gặp rắc rối như em trai hấn.

Chiến thuật này hiệu quả. Cả hai tên - và em gái của chúng, Cathy Wiesinger, người tự nhận là bạn thân của Betty Jane - đều bị bắt. Theo lời Mike, Cathy cũng tham gia vút thi thể.

Vậy rốt cuộc chuyện gì đã xảy ra? Tôi tin Butch đã cố gắng để quan hệ với người phụ nữ hấp dẫn, nhiều kinh nghiệm này nhưng

không thể. Sự căm ghét của hắn dồn nén mãi đến khi chỉ một kích thích nhỏ cũng đủ để hắn nổi điên. Sau khi tấn công Shade, hắn hoảng sợ và gọi cho anh trai mình. Nhưng cơn giận của hắn càng tăng khi Mike có thể quan hệ với cô ấy còn hắn thì không. Cơn giận cứ thế kéo dài và bốn ngày sau, hắn cắt xẻo thi thể, cho hắn “quyền quyết định”.

Cảnh sát tìm được một trong hai bên ngực của nạn nhân. Mike nói Butch giữ bên còn lại, điều này không làm tôi ngạc nhiên. Dù hắn giấu nó ở đâu thì cảnh sát không bao giờ tìm thấy.

Charles “Butch” Soult bị buộc tội giết người cấp độ I và Mike, sau khi điều đình nhận tội, bị đưa đến viện tâm thần. Cảnh sát trưởng Reeder công khai nhận xét rằng chúng tôi đã đóng vai trò quan trọng trực tiếp trong việc thúc đẩy cuộc điều tra và lấy lời khai từ các hung thủ. Về phần mình, chúng tôi may mắn khi có một cộng sự ở địa phương như anh ấy, người được đào tạo theo phương pháp của chúng tôi và hiểu quá trình hợp tác giữa cảnh sát và Quantico.

Nhờ lần hợp tác này, chúng tôi có thể bắt một tên sát nhân và đồng phạm trước khi chúng có cơ hội sát hại thêm người khác. Cảnh sát trưởng Reeder và cộng sự trở lại với công việc giữ bình yên cho Logan Township, Pennsylvania. Còn tôi trở lại với hơn 150 vụ án đang diễn ra, hy vọng đã học hỏi được vài điều có ích cho ít nhất một trong số đó để đặt mình vào vị trí của kẻ thủ ác và nạn nhân.

CHƯƠNG 10

Ai cũng có điểm yếu

Một buổi tối vào nhiều năm trước, khi trở về nhà sau thời gian học đại học xui xẻo ở Montana, tôi ăn tối cùng bố mẹ tại một quán pizza và bia ở Uniondale, Long Island, tên là Coldstream. Khi tôi vừa cắn một miếng pizza thập cẩm thêm phô mai, mẹ tôi đột nhiên hỏi "John, con từng quan hệ với cô gái nào chưa?"

Tôi cố nuốt miếng bánh vừa cắn xuống. Đây không phải loại câu hỏi mà những đứa mười chín, đôi mươi thường bị mẹ hỏi vào thời điểm giữa thập niên 1960. Tôi quay sang bố mình để nhờ giúp đỡ nhưng mặt bố không có biểu cảm gì. Bố cũng bất ngờ như tôi.

"Thế nào, có chưa?" Mẹ gặng hỏi. Cái họ Holmes của mẹ hóa ra không phải chỉ để làm cảnh.

"À... dạ có."

Tôi thấy biểu cảm khiếp sợ lướt qua mặt mẹ.

"Thế cô bé đó là ai?" Mẹ hỏi cho bằng được.

"À... thì...", tôi mất hết cả cảm giác thèm ăn khi mới vào đây. "Thực ra là có vài người."

Tôi không kể với mẹ có một người ở độ tuổi mười mấy, sống trong trung tâm bảo trợ bà mẹ đơn thân ở Bozeman. Chắc các bạn độc giả sẽ nghĩ tôi chỉ kể với mẹ nơi tôi giấu mấy thi thể sau khi phanh thây họ, và đó là tầng hầm nhà chúng tôi. "Vậy bây giờ ai sẽ thành vợ của con?" Mẹ rên rỉ.

Tôi lại quay sang người bố đang im lặng bất thường. *Kìa bố, giúp con đi chứ!*

"Anh không biết nữa, Dolores. Thời buổi bây giờ chuyện đó đâu còn quan trọng."

“Chuyện đó lúc nào cũng quan trọng hết, Jack”, mẹ phản pháo, rồi lại nhìn sang tôi. “John, chuyện gì sẽ xảy ra nếu một ngày nào đó, vợ tương lai của con hỏi con từng có mối quan hệ với người phụ nữ nào khác trước khi gặp nó chưa?”

Tôi ngừng lại khi chuẩn bị cắn miếng bánh. “Mẹ à, con sẽ nói sự thật.”

“Không, đừng nói”, bố tôi đột ngột lên tiếng.

“Ý anh là sao, Jack?” Mẹ hỏi. *Được đấy bố ạ, để coi bố giải quyết vụ này ra sao.*

Cuộc thăm vấn kết thúc trong tình trạng dang dở khó chịu. Tôi không biết mình có học hỏi được gì từ chuyện này không. Hoặc tôi kể cho Pam nghe quá khứ của mình hoặc cô ấy sẽ nghi ngờ. Nhưng dù sao cô ấy cũng đã đồng ý lấy tôi, bất chấp nỗi lo của mẹ tôi. Nhưng khi nghĩ về lần tra hỏi đó từ góc nhìn của một nhân viên thi hành luật liên bang, một chuyên gia mô tả nhân dạng và chuyên gia về tâm lý và hành vi tội phạm, tôi nhận ra một điều quan trọng. Dù được đào tạo kỹ càng và giàu kinh nghiệm phân tích như hiện nay, tôi cũng không thể ứng phó với sự tra hỏi của mẹ tôi tốt hơn chút nào so với hồi đó!

Vì mẹ đã nhắm trúng điểm yếu về sự thật của tôi.

Tôi sẽ đưa ra một ví dụ khác cho quý độc giả xem xét. Kể từ khi trở thành trưởng bộ phận mô tả nhân dạng của FBI, tôi đã đích thân lựa chọn và đào tạo tất cả những chuyên viên khác. Vì vậy, tôi có mối quan hệ hợp tác và đặc biệt gần gũi với các thành viên cả nam lẫn nữ trong đội mình. Đa số họ đều trở thành những chuyên viên có tiếng. Nhưng nếu tôi có thể nói mình từng có một học trò thực sự, đó chính là Greg Cooper. Greg từ bỏ công việc cảnh sát trưởng ở một thành phố thuộc bang Utah mang lại thanh danh cho mình khi mới chớm ba mươi, gia nhập FBI sau khi nghe Ken Lanning và Bill Hagmaier diễn thuyết tại một hội nghị thi hành luật. Anh ấy rất nổi bật trong văn phòng thực địa Seattle, nhưng luôn mơ được đến Quantico để làm việc cho Đơn vị Khoa học hành vi. Anh ấy đã yêu cầu xem và nghiên cứu mọi bản mô tả cũng như phân tích của tôi về Kẻ sát nhân sông Xanh. Khi tôi bay đến Seattle để xuất hiện trên một chương trình truyền hình đặc biệt có khán giả tham gia với tên

gọi *Truy tìm tội phạm trực tiếp*, Greg đã xung phong làm tài xế và hoa tiêu cho tôi. Khi tôi trở thành quản lý Đơn vị Hỗ trợ điều tra đã tái cơ cấu, Greg đang làm việc tại cơ sở vệ tinh của FBI ở quận Orange, California và sống ở Laguna Niguel. Tôi dẫn anh ấy đến Quantico, nơi anh ấy trở thành một chuyên viên xuất sắc.

Khi mới đến đơn vị, Greg được phân vào một văn phòng ở tầng hầm, không cửa sổ, chung với Jana Monroe - cựu nhân viên cảnh sát và thanh tra điều tra các vụ giết người ở California trước khi trở thành một đặc vụ, một người mà ngoài những ưu điểm khác, còn là một cô nàng tóc vàng cực kỳ quyến rũ. Nói cách khác, cô ấy hoàn hảo. Ít ai cho rằng đây là sự phân công bất lợi, nhưng Greg tình cờ lại là một tín đồ Mặc Môn^[41] sùng đạo, rất nam tính và là kiểu người của gia đình với năm đứa con đáng yêu và một cô vợ tuyệt vời tên là Rhonda, với cô này thì việc chuyển nhà từ thiên đường California đầy nắng sang vùng Virginia nóng ẩm và dễ gây buồn ngủ là một sự hy sinh to lớn. Mỗi lần cô vợ hỏi về công sự trong văn phòng chồng, Greg đều hăng giọng và lảng sang chuyện khác.

Cuối cùng, khoảng sáu tháng sau khi anh ấy bắt đầu làm việc cho đội chúng tôi, Greg đưa Rhonda đến bữa tiệc Giáng sinh của đơn vị. Tôi không có mặt vì đang tham gia một vụ án ở ngoài thành phố, nhưng cô nàng Jana hoạt bát thì có. Và điều hiển nhiên với cô nàng trong một bữa tiệc đó là mặc một cái đầm màu đỏ tươi ôm sát, ngắn, đơn giản với chiếc cổ xẻ sâu.

Khi tôi trở về, Jim Wright, phó trưởng đơn vị, người đã thay tôi quản lý chương trình mô tả nhân dạng, nói rằng Rhonda và Greg đã cãi nhau nảy lửa sau bữa tiệc. Rhonda không hài lòng khi hằng ngày anh ấy ở trong một không gian hẹp với một đặc vụ xinh đẹp, gan lì, quyến rũ và bản sủng điệu nghệ không thua gì khiêu vũ.

Thế là tôi bảo thư ký gọi Greg ra khỏi một cuộc họp, nhắn là tôi muốn gặp anh ấy ngay. Anh ấy đến văn phòng tôi, trông có vẻ lo lắng. Anh ấy chỉ mới vào đây sáu tháng, đơn vị này là ước mơ của anh ấy, và anh ấy thực lòng muốn thể hiện thật tốt.

Tôi ngược mắt lên và bảo, "Đóng cửa lại, Greg. Ngồi đi." Anh ấy làm theo, càng lo hơn vì giọng điệu của tôi. "Tôi vừa nói chuyện điện

thoại với Rhonda”, tôi tiếp tục. “Tôi hiểu hai người đang có chút vấn đề.”

“Anh vừa nói chuyện với Rhonda à?” Anh ấy còn không nhìn tôi mà nhìn chằm chằm vào chiếc điện thoại trên bàn tôi.

“Nghe này, Greg”, tôi nói bằng giọng nhẹ nhàng nhất của một người cố vấn, “Tôi muốn bao che cho anh, nhưng khi anh và Jana ra ngoài làm việc cùng nhau, tôi không thể bảo đảm. Đây là việc anh phải tự giải quyết. Rhonda rõ ràng đã biết chuyện giữa anh và Jana, và...”

“Giữa tôi và Jana không có chuyện gì cả!” Anh ấy nói nhanh.

“Tôi biết công việc này rất áp lực. Nhưng anh có một người vợ xinh đẹp, tuyệt vời, những đứa con đáng yêu. Đừng phá hỏng mọi thứ.”

“Không phải như anh nghĩ đâu John. Cô ấy không nghĩ như vậy. Anh phải tin tôi.” Trong suốt thời gian đó, anh ấy vẫn nhìn xoáy vào cái điện thoại, có thể anh ấy đang nghĩ nếu tập trung hết sức thì nó sẽ bốc cháy. Mồ hôi anh ấy túa ra đầm đìa. Tôi có thể thấy động mạch cảnh của anh ấy đập mạnh trên cổ. Anh ấy đang sa sút tinh thần. Vì vậy, ngay lúc đó, tôi thôi ra vẻ nghiêm trọng. “Nhìn anh kìa, anh chàng đáng thương!” Tôi cười đắc thắng. “Anh là nhà thương thuyết thật sao?” Thời điểm đó, anh ấy đang viết một chương về Vấn đề thương thuyết cho *Cẩm nang phân loại tội phạm*. “Anh có làm gì có lỗi không?”

“Không, John. Tôi xin thề!”

“Vậy mà nhìn xem. Vào tay tôi thì anh nhũn ra như cám! Anh hoàn toàn vô tội. Anh còn là cựu cảnh sát trưởng. Anh là một nhà thương thuyết dày dặn kinh nghiệm. Nhưng tôi vẫn có thể xoay anh như xoay một cái yo-yo. Vậy anh có gì biện hộ cho mình không?”

Lúc đó, khi mồ hôi chảy dài trên cái đầu hói của anh ấy vì nhẹ nhõm, anh ấy không có gì để biện hộ, nhưng đã nắm được mấu chốt. Tôi biết tôi có thể vờn anh ấy như vậy vì tôi từng trải qua rồi, người ta cũng thành công xoay tôi và có thể lặp lại nếu hoàn cảnh cho phép.

Chúng ta đều dễ bị tổn thương. Không quan trọng bạn hiểu biết đến đâu, có kinh nghiệm cỡ nào, đã thành công thuyết với bao nhiêu nghi phạm. Bạn có nắm được kỹ thuật để lừa người khác đi nữa cũng không quan trọng. Mỗi người trong chúng ta đều có thể bị tấn công - nếu đối phương đoán ra chúng ta dễ bị tổn thương vì điều gì và như thế nào.

Tôi học được kỹ thuật này từ một trong các vụ án đầu tiên tôi tham gia với tư cách chuyên viên mô tả nhân dạng, và về sau tôi đưa nó vào sử dụng nhiều lần - không chỉ trong những buổi minh họa cho đội mình. Đó là lần đầu tiên tôi thực sự “chỉ đạo” một buổi thương thuyết.

Tháng Mười hai năm 1979, Đặc vụ Robert Leary từ Cơ sở vệ tinh ở Rome, Georgia gọi đến cung cấp chi tiết về một vụ án đặc biệt khủng khiếp và nhờ tôi ưu tiên giải quyết vụ này. Tuần trước, Mary Frances Stoner, một cô bé mười hai tuổi xinh xắn, hoạt bát, sống ở Adairsville, cách Rome khoảng nửa giờ đi xe, sau khi rời xe buýt đưa đón học sinh, đã biến mất ở lối vào nhà, cách đường khoảng 100m. Sau đó, thi thể cô bé được một cặp đôi trẻ phát hiện tại một khu vực hẻm hỏ có nhiều cây cối cách nhà khoảng 16km khi họ trông thấy chiếc áo khoác màu vàng phủ trên đầu cô bé. Cặp đôi này gọi cho cảnh sát và không làm xáo trộn hiện trường, một hành động thiết yếu. Nguyên nhân tử vong được xác định là chấn thương do lực đánh mạnh vào đầu. Trong quá trình kiểm tra thi thể, phát hiện vết nứt ở sọ tương thích với một hòn đá lớn. (Ảnh chụp hiện trường cho thấy có một hòn đá dính máu nằm gần đầu cô bé.) Các dấu vết trên cổ cũng cho thấy hành động siết cổ từ phía sau.

Trước khi xem các tài liệu về vụ án, tôi muốn biết về nạn nhân càng nhiều càng tốt. Mọi người đều nói những điều tuyệt vời về Mary Frances. Họ mô tả cô bé là người thân thiện, hướng ngoại và đáng yêu. Cô bé ngọt ngào và ngây thơ, là majorette^[42] trong ban nhạc của trường, thường mặc đồng phục ban nhạc đi học. Đó là một cô bé dễ thương mười hai tuổi có vẻ ngoài đúng với độ tuổi của mình thay vì ra vẻ như mình đã mười tám. Cô bé không quan hệ bừa bãi, chưa bao giờ dính đến ma túy hay rượu bia. Kết quả khám nghiệm chỉ rõ cô bé còn trinh trước khi bị cưỡng hiếp. Tóm lại, cô bé

là kiểu nạn nhân mà chúng tôi phân loại có nguy cơ thấp, bị bắt đi từ một môi trường cũng có nguy cơ thấp.

Sau khi được báo cáo chi tiết, nghe Leary trình bày và nghiên cứu hồ sơ, ảnh chụp hiện trường, tôi đã ghi lại nửa trang ghi chú sau:

BẢN MÔ TẢ

Giới tính: nam

Chủng tộc: da trắng

Tuổi: hơn hai mươi, gần ba mươi

Hôn nhân: đã kết hôn - trực trặc hoặc đã ly hôn

Quân ngũ: trái đạo đức, vấn đề sức khỏe

Nghề nghiệp: công nhân - thợ điện, thợ sửa ống nước

IQ: trung bình, trên trung bình

Học tập: tối đa là phổ thông; bỏ học

Tiền án: phóng hỏa, cưỡng hiếp

Tính cách: tự tin, kiêu ngạo, vượt qua kiểm tra phát hiện nói dối

Màu xe: đen hoặc xanh dương

Thương thuyết: trực tiếp, theo kế hoạch

Đây là một vụ cưỡng hiếp cơ hội, việc sát hại nạn nhân không được lên kế hoạch hay dự tính trước. Tình trạng quần áo xộc xệch của nạn nhân cho thấy Mary Frances đã bị ép buộc cởi trang phục, sau đó được phép mặc lại vôi vàng sau khi bị cưỡng hiếp. Từ các bức ảnh chụp có thể thấy một chiếc giày chưa được thắt dây, và báo cáo khám nghiệm cho biết trong quần lót cô bé có máu. Trên lưng, sau gáy hay bàn chân cô bé không dính đất hay rác, cho thấy cô bé bị cưỡng hiếp trong xe hơi, không phải trên nền đất nơi được phát hiện.

Quan sát kỹ lưỡng ảnh chụp hiện trường tương đối theo thủ tục, tôi bắt đầu hiểu chuyện gì đã xảy ra. Tôi có thể hình dung toàn bộ sự việc.

Vì còn nhỏ, lại dễ gần và tin người, Mary Frances là đối tượng dễ tiếp cận ở một môi trường không nguy cơ là trạm dừng cho xe buýt trường học. Đối tượng vô danh có lẽ đã dụ cô bé lên xe hắt, rồi tóm lấy hoặc ép buộc bằng dao hoặc súng. Khu vực phát hiện thi thể xa và hẻo lánh cho thấy hắt thông thuộc vùng này và biết ở đó hắt sẽ không bị làm phiền.

Từ hiện trường bắt cóc, có thể thấy đây không phải một tội ác được lên kế hoạch trước, mà chỉ xảy ra khi hắt lái xe ngang qua. Cũng như vụ của Odom và Lawson, nếu có ai khác xuất hiện ở hiện trường vào đúng thời điểm thì vụ việc sẽ không xảy ra. Vì sự đáng yêu và tính tình trong sáng của cô bé nên trong tâm trí mình, tên tội phạm với những ảo tưởng đã xem sự ngây thơ của cô bé là dễ dãi và mong muốn vui đùa xác thịt với hắt.

Dĩ nhiên thực tế hoàn toàn không đúng như vậy. Sau khi bị hắt tấn công, Mary Frances có lẽ đã vô cùng sợ hãi, đau đớn, kêu khóc nhờ người giúp đỡ và xin tha mạng. Ảo tưởng mà hắt vun đắp bao nhiêu năm là một nhẽ, nhưng thực tế lại không đẹp như vậy. Hắt không thể kiểm soát tình hình với cô bé này và nhận ra mình đã rơi vào rắc rối.

Lúc này, hắt nhận ra cách duy nhất để thoát khỏi tình thế là giết cô bé. Nhưng vì cô bé đang sợ bị giết nên việc kiểm soát cô bé càng khó khăn hơn hắt nghĩ. Thế là, để dễ bề hành động, để cô bé hợp tác và nghe lời hơn, hắt bảo cô bé nhanh chóng mặc quần áo vào, hắt sẽ thả cô bé đi - hắt sẽ để cô bé chạy đi hoặc có thể trói cô bé vào một cái cây bất kỳ và rời khỏi nơi đó.

Nhưng ngay khi cô bé xoay lưng lại, hắt tiến lên từ phía sau và siết cổ cô bé. Có lẽ hắt có thể làm cô bé bất tỉnh nhưng việc siết cổ một người đòi hỏi nhiều sức mạnh của phần trên cơ thể. Ban này, hắt đã không thể kiểm soát cô bé và bây giờ hắt không thể hoàn tất việc siết cổ. Hắt lôi cô bé đến một cái cây, nhặt hòn đá gần nhất và đập vào đầu cô bé ba hay bốn lần gì đó, giết chết cô bé.

Tôi không cho rằng hung thủ biết rõ về Mary Frances, nhưng hai người đã thấy nhau vài lần trong khu phố, đủ để cô bé nhận ra hắt và đủ để hắt hình thành những ảo tưởng về cô. Có lẽ hắt đã thấy cô bé đến trường trong bộ đồng phục majorette nhỏ xinh.

Từ việc phủ áo khoác lên đầu nạn nhân, tôi biết Đối tượng vô danh không hài lòng với tội ác này. Tôi cũng biết cảnh sát không còn nhiều thời gian. Với loại tội ác và kiểu hung thủ thông minh, tư duy có tổ chức này, hắn phải suy nghĩ về vụ án càng lâu, giải thích vụ án và lập luận theo kiểu đó là lỗi của nạn nhân, chúng ta càng khó khiến hắn thú tội. Dù hắn được kiểm tra phát hiện nói dối, kết quả cũng không thể xác định đúng sai, dù có xét theo hướng tốt nhất. Ngay khi hắn cảm thấy áp lực giảm đi và không ai nghi ngờ hắn, hắn sẽ biến đến một nơi thật xa, khó truy tìm và thêm một cô bé nào đó sẽ gặp nguy hiểm.

Theo tôi, rõ ràng Đối tượng vô danh sống quanh khu vực gây án và gần như chắc chắn cảnh sát đã thẩm vấn hắn. Hắn sẽ rất hợp tác nhưng có vẻ ngạo mạn và nếu cảnh sát buộc tội hắn, hắn sẽ không đầu hàng. Tôi bảo họ rằng một tội ác ở mức độ phức tạp thế này sẽ không phải tội ác đầu tiên, nhưng rất có thể là lần đầu hắn giết người. Chiếc xe màu đen hoặc xanh dương của hắn đã được sử dụng nhiều năm vì hắn không đủ khả năng mua xe mới, nhưng chiếc xe vẫn chạy tốt và được bảo dưỡng kỹ lưỡng. Mọi bộ phận của chiếc xe đều còn hoạt động. Từ kinh nghiệm của tôi thì những người ngăn nắp, khó kiểm soát hành vi của bản thân như vậy thường thích xe màu tối.

Sau khi nghe tất cả những điều này, một viên cảnh sát nói qua điện thoại, "Mô tả của anh khớp với một gã chúng tôi xem là nghi phạm nhưng đã thả ra." Hắn vẫn là nghi phạm trong một vụ án khác và hoàn toàn khớp với bản mô tả. Tên hắn là Darrell Gene Devier, một gã đàn ông da trắng, hai mươi tư tuổi, đã kết hôn và ly hôn hai lần, hiện đang sống với người vợ đầu. Hắn làm nghề tía cây ở Rome, Georgia, tại đó, hắn là một nghi phạm nhiều hiềm nghi trong vụ cưỡng hiếp một bé gái mười ba tuổi nhưng không bị truy tố. Hắn nhập ngũ sau lần ly hôn đầu nhưng đã vắng mặt không phép và bị cho xuất ngũ sau bảy tháng. Hắn lái một chiếc Ford Pinto màu đen đã được ba năm và bảo dưỡng kỹ càng. Hắn thừa nhận khi còn thiếu niên từng bị bắt vì sở hữu một quả bom xăng. Hắn bỏ học hồi lớp Tám, nhưng bài kiểm tra IQ cho kết quả từ 100 đến 110.

Hắn đã bị thẩm vấn để xem có thấy hay nghe điều gì không, vì hắn đã làm công việc tĩa cây ở con đường có nhà của gia đình Stoner cho công ty điện lực khoảng hai tuần trước khi Mary Frances bị bắt cóc. Cảnh sát nói với tôi ngay hôm đó hắn đã được làm bài kiểm tra phát hiện nói dối.

Tôi bảo họ đó không phải là ý hay. Họ sẽ chẳng thu được gì từ bài kiểm tra mà chỉ khiến khả năng ứng phó với quy trình thương thuyết của nghi phạm tăng lên. Lúc đó, chúng tôi chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế trong thương thuyết, nhưng từ những cuộc thẩm vấn trong trại giam và cuộc nghiên cứu về sát nhân hàng loạt đang diễn ra, tôi cảm thấy tôi biết mình đang lo lắng điều gì. Như đã nói, khi gọi lại cho tôi vào hôm sau, họ nói máy phát hiện nói dối không cho ra kết quả.

Tôi nói rằng bây giờ hắn đã biết cách lừa cái máy nên chỉ còn một cách để bắt hắn. Hãy sắp đặt một cuộc thương thuyết tại đồn cảnh sát vào tối nay. Nghi phạm sẽ cảm thấy thoải mái hơn, điều đó khiến hắn dễ bị tấn công khi thẩm vấn. Điều này cũng sẽ gửi đến hắn một thông điệp về sự nghiêm túc và quyết tâm của các anh. Hắn biết sẽ không có thời gian giải lao ngẫu nhiên như giờ ăn trưa hay ăn tối và hắn sẽ không bị đem ra làm đối tượng cho báo chí mổ xẻ nếu đầu hàng. Hãy để cảnh sát địa phương và Cơ sở vệ tinh ở Atlanta của FBI cùng tiến hành cuộc thương thuyết để thể hiện sự đồng lòng và ám chỉ rằng cả bộ máy chính quyền Hoa Kỳ đang chống lại hắn. Hãy chất thật nhiều tập hồ sơ có tên hắn thành chồng trên bàn trước mặt hắn, dù bên trong chỉ toàn là giấy trắng.

Điều quan trọng nhất: Đừng nói gì cả mà hãy đặt hòn đá dính máu lên một cái bàn thấp ở một góc 45° so với tầm mắt của hắn để hắn phải quay đầu nhìn hòn đá. Cần thận quan sát mọi dấu hiệu từ hắn - hành vi, sự hô hấp, mồ hôi, mạch ở cổ hắn. Nếu là hung thủ, hắn sẽ không thể làm ngơ hòn đá, dù các anh chưa hề nhắc đến hay giải thích tầm quan trọng của hòn đá.

Chúng ta nhất định phải tạo ra cái mà tôi gọi là “yếu tố gây sợ hãi”. Thực ra tôi dùng vụ án của Stoner để làm thí nghiệm cho các lý thuyết của mình. Nhiều kỹ thuật mà chúng tôi hoàn thiện sau này đều bắt nguồn từ những thí nghiệm như vậy.

Hắn sẽ không thú tội, tôi nói tiếp. Georgia là bang có án tử hình và nếu hắn chỉ bị bỏ tù thì tội sàm sỡ trẻ em có thể khiến hắn bị cưỡng bức ngay lần đầu tiên hắn đi tắm. Tất cả những tù nhân khác sẽ nhắm vào hắn.

Hãy dùng đèn có ánh sáng yếu và tạo cảm giác bí ẩn. Mỗi lần chỉ có không quá hai cảnh sát hoặc đặc vụ trong phòng thẩm vấn, tốt nhất là một người từ FBI và một người từ Phòng Cảnh sát Adairsville. Điều các anh phải làm là ám chỉ cách anh hiểu được đối tượng, biết hắn đang nghĩ gì và áp lực của hắn. Dù cảm thấy ghê tởm thế nào đi nữa, các anh cũng phải đổ lỗi cho nạn nhân, ám chỉ cô bé đã dụ dỗ hắn. Hỏi xem có phải cô bé lừa hắn, có phải cô bé khiến hắn hưng phấn, có phải cô bé đe dọa hắn. Hãy vẽ ra cho hắn một cảnh tượng để cứu vớt danh dự của hắn. Cho hắn một con đường để giải thích cho hành động của hắn.

Một điều khác tôi rút ra từ những vụ án tôi đã xem là trong những vụ giết người bằng tay hay dao, hung thủ khó mà không bị dính vài vết máu của nạn nhân. Việc đó xảy ra thường xuyên đến mức các anh có thể lợi dụng nó. Tôi bảo họ rằng khi hắn bắt đầu vòng vo, dù chỉ một chút, hãy nhìn thẳng vào mặt hắn và nói với hắn phần gây khó chịu nhất trong vụ án là thực tế người hắn có dính máu của Mary.

"Chúng tôi biết anh đã bị dính máu, Gene; trên hai tay anh, trên quần áo anh. Câu hỏi của chúng tôi không phải là 'Anh đã giết cô bé đúng không?' Chúng tôi biết anh là hung thủ. Câu hỏi thực sự là 'Tại sao?' Chúng tôi biết lý do và chúng tôi hiểu. Những gì anh cần nói là cho chúng tôi biết chúng tôi có đúng hay không."

Và cuộc thương thuyết đã diễn ra đúng như thế. Họ đưa Devier vào. Hắn ngay lập tức nhìn hòng đá, bắt đầu đổ mồ hôi và thở nặng nhọc. Ngôn ngữ cơ thể hắn hoàn toàn khác với những lần thẩm vấn trước: dè dặt, đề phòng. Những người thương thuyết đổ lỗi và trách nhiệm lên cô bé, khi hắn có vẻ đang đồng tình với điều đó thì họ nhắc đến vết máu. Chuyện đó làm hắn rất khó chịu. Thường thì chúng tôi có thể biết mình đã bắt đúng người khi hắn không nói gì và bắt đầu chăm chú lắng nghe chúng tôi. Người vô tội sẽ la hét om

sòm. Kẻ có tội cố tình la hét om sòm để chúng tôi nghĩ hấn vô tội, chúng tôi vẫn có thể nhận ra sự khác biệt.

Hấn thừa nhận chuyện cưỡng bức và đồng ý với người thương thuyết là cô bé đã đe dọa hấn. Bob Leary bảo rằng họ biết hấn không định giết cô bé. Nếu hấn có ý định đó, hấn đã dùng thứ gì đó có hiệu quả hơn hòn đá. Cuối cùng, hấn thừa nhận mình là hung thủ của vụ giết người này và vụ cưỡng bức ở Rome vào năm ngoái. Darrell Gene Devier bị đưa ra xét xử vụ cưỡng hiếp và giết Mary Frances Stoner, bị buộc tội và nhận án tử hình. Hấn bị tử hình trên ghế điện ở Georgia vào ngày 18 tháng Năm năm 1995, gần mười sáu năm sau vụ giết người và bị bắt giữ; khoảng thời gian đó nhiều hơn gần bốn năm so với thời gian mà Mary Frances đã sống trên đời.

Tôi nhận ra, điểm quan trọng của kiểu thương thuyết này là sáng tạo; sử dụng trí tưởng tượng của bạn. Tôi phải tự hỏi mình “Điều gì sẽ khiến mình đầu hàng nếu mình là tội phạm?” Tất cả chúng ta đều dễ bị tổn thương. Điều khiến mỗi chúng ta đầu hàng sẽ khác nhau. Trong trường hợp của tôi, với vấn đề làm sổ sách cầu thả của tôi, SAC có thể gọi tôi vào văn phòng, cho tôi xem một trong những hóa đơn chi phí của tôi trên bàn anh ta và khiến tôi vã mồ hôi. Nhưng luôn có một điều gì đó thực sự chí mạng.

Ai cũng có điểm yếu.

Những bài học từ vụ án của Devier có thể có tính ứng dụng cao ngoài thế giới bệnh hoạn của những vụ sát nhân vì tình dục. Dù là biến thủ công quỹ, tham nhũng, điều tra tập thể, âm mưu tàng trữ đồ ăn cắp hoặc một liên minh thối nát mà bạn phải thâm nhập, đều không quan trọng; các nguyên tắc đều như nhau. Lời khuyên của tôi cho bất kỳ hình thức phạm tội nào trong sổ này đều là nhắm vào người mà bạn cho là “mắt xích yếu nhất”, tìm cách bắt hấn và cho hấn thấy hấn đang đối mặt với điều gì, rồi nhận được sự hợp tác của hấn để điều tra những kẻ khác.

Trong bất kỳ vụ án có sự thông đồng nào, đây là vấn đề mấu chốt. Điều chúng tôi muốn làm là biến một kẻ trong sổ đó thành nhân chứng cho Chính phủ, sau đó nhìn cả liên minh của chúng sụp đổ. Việc chọn đối tượng để tiếp cận trước rất quan trọng vì nếu

chọn sai người và không thể thuyết phục hẳn, hẳn sẽ cảnh báo những kẻ khác và bạn phải bắt đầu lại từ đầu.

Ví dụ như chúng tôi đang điều tra một vụ tham nhũng ở một thành phố lớn, trong đó có sự can dự của tám hay mười người từ một cơ quan cụ thể. Giả sử người số một hoặc hai trong cơ quan là “đối tượng chiêu hàng” tốt nhất. Nhưng khi nghiên cứu gã này, chúng tôi phát hiện ra cuộc sống cá nhân của hẳn vẫn ổn định bất chấp vụ tham nhũng. Hẳn không uống rượu hay lãng nhăng, thực ra hẳn là một người đàn ông của gia đình - không bệnh tật, không khó khăn về tiền bạc, không có điểm yếu nào rõ ràng. Nếu FBI tiếp cận hẳn, có khả năng hẳn sẽ chối bay chối biến tất cả, bảo chúng tôi đi chết đi, rồi báo động cho những kẻ khác.

Cách bắt được kẻ như vậy là thông qua đối tượng yếu hơn, giống như với tội phạm có tổ chức. Khi chúng tôi xem xét hết toàn bộ hồ sơ, có thể có một kẻ nổi bật hơn đám còn lại, phù hợp với mục đích của chúng tôi. Hẳn không có chức vụ cao, mà là một thư ký làm công việc xử lý giấy tờ. Hẳn đã làm công việc đó hai mươi năm nên hẳn đầu tư tất cả những gì mình có vào đó. Hẳn có vấn đề về tài chính và sức khỏe, cả hai đều là những điểm yếu chí mạng.

Tiếp đến là lựa chọn người “thủ vai” chủ trì buổi thương thuyết. Tôi thường ưu tiên người lớn tuổi hơn một chút và có quyền uy hơn đối tượng, ăn vận tươm tất với vẻ ngoài oai vệ, có thể tỏ ra thân thiện và cởi mở, khiến đối tượng thấy thoải mái, nhưng cũng có thể trở nên cực kỳ nghiêm túc và quyết đoán khi tình huống yêu cầu.

Nếu trong vài tuần tới có ngày lễ, có thể là sinh nhật hay ngày kỷ niệm nào đó của đối tượng, tôi khuyên hãy hoãn cuộc thương thuyết lại để tận dụng ngày đó. Nếu đưa hẳn vào phòng thương thuyết và hẳn nhận ra nếu không hợp tác, đây có thể là kỳ nghỉ cuối cùng mà hẳn được ở bên gia đình, điều đó sẽ cho chúng ta thêm lợi thế.

Với tội phạm phi bạo lực, việc “dàn dựng” cuộc thương thuyết cũng có hiệu quả như với vụ sát hại Stoner. Với bất kỳ cuộc điều tra nào có quy mô lớn hoặc đang diễn ra, tôi đề nghị tập trung tất cả tài liệu vào một chỗ, dù việc này có thực sự được tiến hành vì vụ án đó hay không. Ví dụ, nếu lấy một phòng họp để “đội đặc nhiệm” sử dụng, tập hợp tất cả đặc vụ, nhân viên và hồ sơ vụ án lại, bạn đang

cho đối tượng thấy mức độ nghiêm túc của mình. Nếu có thể “trang trí” tường trong phòng bằng ảnh từ máy quay giám sát được phóng to và những dấu hiệu khác cho thấy cuộc điều tra này được tiến hành chính thức và trên diện rộng, mục đích của bạn sẽ rõ ràng hơn. Cho vài màn hình chiếu các đoạn băng ghi lại cảnh các mục tiêu đang hành động thì càng hiệu quả hơn.

Một vài biện pháp mà tôi ưa thích là những sơ đồ gắn trên tường thể hiện hình phạt mà mỗi người sẽ nhận nếu bị buộc tội. Biện pháp này không có gì sâu sắc nhưng nó có xu hướng khiến đối tượng cảm thấy áp lực và nhắc nhở hẩn về những điều hẩn có thể mất. Tôi muốn tạo “yếu tố gây sợ hãi” càng mãnh liệt càng tốt.

Tôi luôn thấy đêm muộn hay sáng sớm thường là thời điểm tốt nhất để tiến hành thương thuyết. Người ta thường thư thái hơn và cũng dễ bị tổn thương hơn. Nếu bạn và đồng nghiệp đã làm việc cả đêm, điều đó lập tức cho thấy đây là một vụ lớn và bạn toàn tâm toàn ý điều tra. Một lý do thực tế khác để tiến hành thương thuyết vào ban đêm trong bất kỳ vụ án có sự thông đồng nào là các đối tượng khác không được trông thấy đối tượng bạn chọn. Nếu hẩn nghĩ hẩn được chọn, vậy sẽ chẳng có thỏa thuận nào xảy ra.

Thỏa thuận thành công phải dựa trên nền tảng là sự thật, lý trí và lương tri của đối tượng. Mục đích của việc dàn dựng là để tập trung sự chú ý vào những yếu tố chính. Nếu tôi tiến hành một cuộc thương thuyết với đối tượng tiêu biểu trong vụ tham nhũng, có thể tôi sẽ gọi đến nhà hẩn vào tối muộn và nói đại loại như, “Thưa anh, tôi cần nói chuyện với anh vào tối nay vì việc này rất quan trọng. Các đặc vụ FBI đang đến nhà anh ngay lúc chúng ta nói chuyện đây.” Tôi sẽ nhấn mạnh hẩn không bị bắt và không cần phải đi với các đặc vụ. Nhưng tôi thật lòng khuyên hẩn nên cùng họ đến trung tâm một chuyến vì có thể hẩn sẽ không còn cơ hội nào khác. Không cần nói cho hẩn biết các quyền của mình vào lúc này vì hẩn chưa bị truy tố bất cứ tội gì.

Khi hẩn đã đến văn phòng, tôi sẽ để hẩn nghỉ ngơi một chút. Khi đội bóng kia phải ghi một bàn thắng ở khoảng cách xa trong lượt cuối để thắng trận, bạn hãy đề nghị giải lao để cầu thủ của họ có thời gian nghỉ về chuyện đó. Bất cứ ai từng phải chờ gặp bác sĩ

trước một cuộc hẹn quan trọng đều biết tác động của biện pháp này.

Khi hần được đưa vào văn phòng tôi, tôi sẽ đóng cửa, cố gắng tỏ ra thân thiện, dễ gần, thấu hiểu, cởi mở và thành thật. Tôi sẽ gọi tên hần. "Tôi muốn anh hiểu rằng anh không bị bắt", tôi lặp lại. "Anh có thể đi bất kỳ lúc nào anh muốn và các đồng nghiệp của tôi sẽ đưa anh về nhà. Nhưng tôi nghĩ anh nên lắng nghe những gì tôi cần nói. Đây có thể là ngày quan trọng nhất trong đời anh."

Có thể tôi sẽ bảo hần cùng nói ra ngày tháng lúc đó để bảo đảm chúng tôi hiểu nhau.

"Tôi cũng muốn anh biết rằng chúng tôi nắm rõ tiền sử dịch tễ của anh và có sắp xếp một y tá chờ bên ngoài." Điều đó có thể là thật. Một trong những lý do chúng tôi nhắm vào gã này chính là vì điểm yếu đó.

Bấy giờ chúng tôi bắt đầu nói chuyện nghiêm túc. Tôi sẽ nhấn mạnh FBI nhận thấy hần chỉ là một con cá nhỏ, lợi ích hần nhận được không xứng với những gì hần đã làm và hần không thực sự là người chúng tôi muốn bắt nhất. "Như anh thấy đây, chúng tôi đang thẩm vấn nhiều người có can dự vụ này. Con tàu đang chìm rồi, không nghi ngờ gì nữa. Anh có thể cùng chìm với nó hoặc ngoi lên lần thứ ba trước khi chết đuối và tóm lấy một cái phao cứu sinh. Chúng tôi biết anh đã bị những người khác có quyền lực hơn anh lợi dụng, thao túng. Chúng tôi có một luật sư đang chờ để đề nghị với anh một thỏa thuận thực sự nếu anh muốn chấp nhận."

Để tạo tác động mạnh hơn, tôi nhấn mạnh: "Hãy nhớ, đây là lần duy nhất chúng tôi có thể đưa ra đề nghị này. Tôi có hai mươi đặc vụ điều tra vụ này. Chúng tôi có thể bắt tất cả mọi người nếu cần. Anh nghĩ nếu anh từ chối thì một người nào khác có chấp nhận không? Thế thì anh sẽ chìm chung với bọn họ. Nếu muốn bị bắt cùng những kẻ tai to mặt lớn thì tùy anh. Nhưng đêm nay là lần cuối chúng ta có thể nói chuyện như thế này. Anh sẽ hợp tác chứ?"

Nếu hần chịu - và đó thực sự là điều tốt nhất cho hần - thì chúng tôi sẽ đọc cho hần nghe những quyền của hần và cho hần liên lạc với luật sư. Nhưng để thể hiện thiện chí của hần, có lẽ tôi sẽ bảo hần gọi điện thoại và sắp xếp một cuộc hẹn với một trong những kẻ

khác. Tôi không muốn hấn suy nghĩ lại và rút lui. Một khi đã có sự cam kết từ gã đầu tiên, những mảnh ghép còn lại sẽ bắt đầu vào đúng vị trí.

Lý do mà phương pháp này có hiệu quả, dù bạn đã biết trước cách tiếp cận hoàn chỉnh của chúng tôi, là vì nó có lợi cho cả người điều tra và đối tượng được nhắm tới. Phương pháp này dựa trên sự thật và được điều chỉnh cho phù hợp với cuộc sống, tình huống và nhu cầu cảm xúc của đối tượng. Dù biết rõ cuộc thương thuyết được dàn dựng để mang lại tác động tối đa đi nữa, nhưng nếu là đối tượng nhận được lời đề nghị này, tôi cũng sẽ chấp nhận, vì nó là cơ hội tốt nhất cho tôi. Chiến thuật đằng sau hình thức thương thuyết này cũng giống chiến thuật tôi phát triển cho vụ sát hại cô bé Stoner. Tôi cứ nghĩ, "Điều gì sẽ khiến mình phải đầu hàng?"

Vì ai cũng có điểm yếu.

Gary Trapnell, kẻ cướp có vũ trang và không tặc mà tôi từng thẩm vấn tại nhà tù liên bang ở Marion, Illinois, cũng thông minh và sâu sắc như bất kỳ tên tội phạm nào tôi từng nghiên cứu. Hấn tự tin vào khả năng của mình đến mức bảo đảm với tôi là hấn có thể lừa bất kỳ nhà tâm thần học nào ở trại giam tin rằng hấn bị tâm thần, bất kể căn bệnh nào mà tôi có thể kể tên. Hấn cũng tự tin rằng khi được ra tù, hấn có thể lẩn trốn pháp luật.

"Các người không thể bắt được tôi", hấn quả quyết.

"Được rồi Gary", tôi đưa ra giả thiết. "Anh được ra ngoài. Và anh đủ thông minh để biết anh phải cắt đứt mọi liên lạc với người nhà để lẩn trốn các đặc vụ FBI. Thế này nhé, tôi biết bố anh là một sĩ quan cấp cao trong quân đội. Anh rất yêu quý và tôn trọng ông ấy. Anh muốn giống như ông ấy. Anh bắt đầu gây ra các vụ án khi ông ấy qua đời."

Từ biểu cảm trên mặt hấn, có thể thấy tôi đã chạm đúng điểm yếu của hấn.

"Bố anh được an táng ở Nghĩa trang Quốc gia Arlington. Chẳng hạn như tôi phải các đặc vụ theo dõi quanh mộ ông ấy vào dịp Giáng sinh, sinh nhật và ngày giỗ của ông ấy thì sao nào?"

Dù không muốn thừa nhận nhưng Trapnell vẫn nặn ra một nụ cười nhạo báng. “Anh hiểu tôi đấy!” Hần tuyên bố.

Xin nhắc lại, lý do tôi làm được như vậy là vì tôi cố gắng đặt mình vào vị trí của hần; tôi cố gắng đoán xem điều gì sẽ khiến tôi phải đầu hàng. Và kinh nghiệm cho tôi biết có cách để đánh trúng tâm lý mọi người, nếu có thể tìm ra đó là gì.

Với bản thân tôi, điều khiến tôi đầu hàng có thể tương tự như cách tôi đã dùng với Trapnell; đó là, một ngày tháng cụ thể có thể là yếu tố kích động cảm xúc.

Chị Arlene của tôi có một cô con gái tóc vàng xinh xắn tên là Kim. Con bé có cùng ngày sinh với tôi, ngày 18 tháng Sáu, và tôi luôn có mối liên kết đặc biệt với con bé. Mười sáu tuổi, Kim qua đời trong giấc ngủ. Chúng tôi không bao giờ tìm ra nguyên nhân chính xác. Ký ức về con bé khiến chúng tôi cảm thấy buồn vui lẫn lộn vì con gái lớn của tôi, Erika - giờ đã lên đại học - tình cờ lại rất giống Kim. Tôi chắc chắn mỗi khi nhìn Erika, chị Arlene đều thấy hình bóng Kim trong tâm trí, mừng tượng Kim lớn lên sẽ như thế nào. Mẹ tôi cũng vậy.

Nếu tôi muốn nhắm vào chính mình chẳng hạn, tôi sẽ lên kế hoạch tiếp cận ngay trước ngày sinh nhật của mình. Khi đó tôi đang đông đầy cảm xúc, mong chờ tổ chức sinh nhật với gia đình. Nhưng tôi cũng nghĩ về cháu mình, Kim, về ngày sinh chung của chúng tôi, về việc con bé giống Erika ra sao, và tôi sẽ cảm thấy dễ bị tổn thương. Nếu tình cờ trông thấy những tấm hình chụp hai đứa gần trên tường, tôi sẽ càng buồn hơn.

Tôi đã biết rõ chiến lược tổng quát dùng để tiếp cận mình, không quan trọng. Tôi là người nghĩ ra chiến lược đó, không hề gì. Nếu yếu tố gây căng thẳng là nỗi băn khoăn có thực và chính đáng, khả năng cao là cách tiếp cận sẽ thành công. Đây có thể là chiến lược dành cho tôi. Chiến lược dành cho bạn có thể sẽ khác và chúng tôi phải tìm xem điều đó là gì trước. Nhưng chắc chắn sẽ có.

Vì ai cũng có điểm yếu.

CHƯƠNG 11

Thành phố Atlanta

Mùa đông năm 1981, thành phố Atlanta bị bao vây.

Sự việc diễn ra lặng lẽ từ một năm rưỡi trước, hầu như không ai chú ý. Trước khi sự việc kết thúc - nếu nó thực sự sẽ kết thúc - nó đã trở thành một trong những cuộc truy lùng tội phạm công khai nhất trong lịch sử nước Mỹ, chính trị hóa một thành phố và chia cắt một quốc gia, mỗi bước điều tra đều gây ra tranh luận ác liệt.

Ngày 28 tháng Bảy năm 1979, cảnh sát tiến hành điều tra do có lời than phiền về mùi hôi thối trong rừng trên đường Niskey Lake và phát hiện thi thể của Alfred Evans mười ba tuổi. Cậu bé đã mất tích ba ngày. Trong lúc xem xét địa điểm này, cảnh sát phát hiện một thi thể khác cách đó khoảng 15m - đã phân hủy một phần - của cậu bé mười bốn tuổi Edward Smith, mất tích trước Alfred bốn ngày. Cả hai đều là người da màu. Chuyên viên pháp y xác định có lẽ Alfred Evans đã bị siết cổ, còn Edward Smith thì chắc chắn bị bắn bằng một khẩu súng cỡ 22 ly.

Vào ngày 8 tháng Mười một, thi thể của Yusef Bell mười chín tuổi được phát hiện trong một ngôi trường bỏ hoang. Cậu bé đã mất tích từ cuối tháng Mười và cũng bị siết cổ. Tám ngày sau đó, thi thể của Milton Harvey mười bốn tuổi được tìm thấy gần đường Redwine và đường Desert Drive ở khu vực East Point của Atlanta. Cậu bé được báo mất tích vào đầu tháng Chín, cũng như Alfred Evans, không thể xác định rõ nguyên nhân tử vong. Cả hai cậu bé này cũng là người da màu. Nhưng không có đủ bằng chứng về sự tương đồng để quy cho các vụ án bất kỳ ý nghĩa nào. Đáng tiếc, trong một thành phố lớn như Atlanta, trẻ em thường hay biến mất. Một số đứa trẻ được phát hiện đã chết.

Sáng ngày 5 tháng Ba năm 1980, một cô bé mười hai tuổi tên Angel Lanier đi học nhưng không đến trường. Năm ngày sau, thi thể cô bé được tìm thấy, bị trói bằng dây điện và bị bịt miệng, bên lề đường. Cô bé mặc đủ quần áo, gồm cả quần lót, nhưng một cái quần lót khác bị nhét vào miệng cô bé. Nguyên nhân tử vong được xác định là bị siết cổ bằng dây. Chuyên viên pháp y không phát hiện bằng chứng nạn nhân bị tấn công tình dục.

Jeffrey Mathis mười một tuổi biến mất vào ngày 12 tháng Ba. Lúc này, Phòng Cảnh sát Atlanta vẫn chưa kết luận được gì từ sáu đứa trẻ da màu mất tích hoặc bị phát hiện đã chết. Những điểm khác biệt cũng nhiều như những điểm tương đồng giữa các vụ án, và họ đã không nghiêm túc cân nhắc khả năng một số hoặc tất cả các em có thể có liên hệ gì đó với nhau.

Nhưng người khác thì có. Vào ngày 15 tháng Tư, Camille - mẹ của Yusef Bell - phối hợp với phụ huynh của những đứa trẻ da màu bị mất tích và bị giết khác, tuyên bố thành lập ủy ban Ngăn chặn các vụ sát hại trẻ em. Họ yêu cầu sự giúp đỡ và nhận định từ chính quyền về tình hình hiện tại. Việc này lẽ ra không nên xảy ra ở Atlanta, thủ phủ quốc tế của vùng New South. Đây là thành phố năng động, lẽ ra phải "không có thời gian thù ghét nhau", như vị thị trưởng da màu Maynard Jackson và một ủy viên da màu của Hội đồng An ninh chung tên là Lee Brown đã nhận định.

Những cái chết khủng khiếp vẫn chưa ngừng lại. Ngày 19 tháng Năm, Eric Middlebrook mười bốn tuổi được phát hiện đã bị giết ở cách nhà khoảng 400m. Nguyên nhân tử vong là lực đánh vào đầu. Ngày 9 tháng Sáu, Christopher Richardson mười hai tuổi mất tích. Ngày 22 tháng Sáu, bé gái thứ hai, LaTonya Wilson tám tuổi, bị bắt đi từ phòng ngủ của mình vào sáng sớm ngày Chủ nhật. Hai ngày sau, thi thể của Aaron Wyche mười tuổi được phát hiện dưới chân một cây cầu ở quận DeKalb. Cậu bé chết do bị ngạt và gãy cổ. Anthony "Tony" Carter, chín tuổi, được phát hiện đằng sau một nhà kho ở đường Wells vào ngày 6 tháng Bảy, úp mặt xuống cỏ, chết do bị đâm nhiều nhát. Từ chi tiết hiện trường không có máu, có thể thấy thi thể cậu bé đã được đưa từ một nơi khác đến.

Không thể làm ngơ trước sự trùng hợp này nữa, ủy viên Hội đồng An ninh chung Brown thành lập Đội đặc nhiệm xử lý án mất tích và sát hại, cuối cùng đội này có đến hơn năm mươi thành viên. Nhưng chuỗi vụ án vẫn tiếp diễn. Earl Terrell, mười tuổi, được báo mất tích vào ngày 31 tháng Bảy trên đường Redwine, gần nơi phát hiện thi thể của Milton Harvey. Và khi Clifford Jones mười hai tuổi được phát hiện đã chết vì bị siết cổ trong một con hẻm đường Hollywood, cuối cùng cảnh sát cũng chấp nhận mối liên hệ giữa các vụ và tuyên bố từ giờ cuộc điều tra sẽ diễn ra theo nhận định đó.

Cho đến tận lúc này, FBI chưa có quyền can thiệp vào vụ án vì tội ác ghê tởm này vẫn là chuỗi vụ án thuộc phạm vi địa phương. Việc Earl Terrell mất tích sau đó đưa đến cơ hội cho FBI. Gia đình cậu bé nhận được một số cuộc gọi yêu cầu tiền chuộc để con trai họ được trở về an toàn. Người gọi cho biết Earl đã được đưa tới Alabama. Việc đưa nạn nhân vượt qua ranh giới tiểu bang kích hoạt đạo luật về bắt cóc của liên bang và cho phép FBI tham gia điều tra. Nhưng không lâu sau đó, sự thật được làm sáng tỏ rằng các cuộc gọi đòi tiền chuộc chỉ là một trò chơi khăm. Hy vọng rằng Earl còn sống tắt dần và FBI phải rút lui.

Một cậu bé khác, Darron Glass mười một tuổi, được báo mất tích vào ngày 16 tháng Chín. Thị trưởng Maynard Jackson yêu cầu Nhà Trắng hỗ trợ - nêu rõ FBI hãy tiến hành một cuộc điều tra lớn về các vụ sát hại và mất tích của trẻ em ở Atlanta. Khi phạm vi quyền hạn vẫn là một vấn đề nan giải, Bộ trưởng Tư pháp Griffin Bell ra lệnh cho FBI bắt đầu điều tra xem những đứa trẻ chưa được tìm thấy có đang bị giam giữ, vi phạm đạo luật về bắt cóc của liên bang hay không; nói cách khác, các vụ án này có yếu tố liên bang không? Với trách nhiệm bổ sung, Văn phòng thực địa ở Atlanta được giao nhiệm vụ xác định các vụ án có thực sự liên hệ với nhau không. Thực tế, thông điệp gửi đến Cục là: giải quyết các vụ án và tìm ra hung thủ càng nhanh càng tốt.

Hiển nhiên cánh truyền thông rất hứng thú với chuỗi sự kiện này. Số lượng ảnh những gương mặt trẻ thơ da màu được đăng thường xuyên trên báo chí cứ nhiều lên, trở thành lời tuyên bố tội lỗi chung

của cả thành phố. Đây có phải một âm mưu diệt chủng đối với cộng đồng người da màu, nhằm đến những thành viên yếu ớt nhất?

Liệu đây có phải do hội kín Klan, Đảng Phát xít hay một nhóm người thù ghét nào khác thể hiện sự phản đối sau hơn một thập kỷ kể từ lúc ban hành các đạo luật về quyền dân sự chủ yếu? Hay chỉ là một gã điên với nhiệm vụ cá nhân của hắn là sát hại trẻ em? Trường hợp sau dường như ít có khả năng nhất. Những đứa trẻ này trở thành nạn nhân với tốc độ nhanh khủng khiếp. Và mặc dù đến nay, hầu hết những kẻ sát nhân hàng loạt là người da trắng, chúng gần như chưa bao giờ giết người không thuộc chủng tộc của mình. Giết người hàng loạt là tội ác cá nhân, không phải tội ác chính trị.

Nhưng quả thực điều này đã cho FBI thêm một quyền hạn chính đáng khác trong vụ án. Nếu góc độ bắt cóc liên bang không thuận, chúng tôi vẫn có trách nhiệm xác định xem vụ việc này có phù hợp với Đạo luật 44: vi phạm các quyền dân sự liên bang.

Đến thời điểm Roy Hazelwood và tôi xuống Atlanta, đã có mười sáu trường hợp và không có dấu hiệu dừng lại. Khi đó, sự can thiệp của Cục đã đặt cho vụ án một cái tên chính thức: ATKID, còn gọi là Vụ án lớn 30, tuy không có hoạt động gì phô trương khi FBI tham dự. Cảnh sát Atlanta không muốn ai chiếm diễn đàn của họ, còn Văn phòng thực địa Atlanta của FBI thì không muốn tạo ra những kỳ vọng mà họ có thể không đáp ứng được.

Roy Hazelwood là lựa chọn hợp lý để hợp tác với tôi ở Atlanta. Trong số các giảng viên của Đơn vị Khoa học hành vi, Roy đang làm công việc mô tả nhân dạng nhiều nhất, đang dạy khóa học về bạo lực giữa các cá nhân và tiếp nhận nhiều vụ án cưỡng bức được đưa đến đơn vị. Mục tiêu chính của chúng tôi là tự xác định xem các vụ án có liên hệ với nhau không, nếu có thì có phải là một âm mưu nào đó không?

Chúng tôi xem lượng hồ sơ khổng lồ của vụ án - ảnh chụp hiện trường, bản mô tả trang phục của từng đứa trẻ khi được tìm thấy, lời khai của các nhân chứng trong khu vực, kết quả khám nghiệm tử thi. Chúng tôi đặt câu hỏi với người thân của bọn trẻ để xem có sự tương đồng giữa các nạn nhân hay không. Cảnh sát chờ chúng tôi đi

quanh các khu vực mà bọn trẻ biến mất và đưa chúng tôi đến từng địa điểm vớt xác.

Không trao đổi với nhau những ấn tượng của bản thân, Roy và tôi cùng làm bài kiểm tra tâm lý do một nhà tâm lý học pháp y tiến hành, với giả định mỗi chúng tôi đều là hung thủ. Bài kiểm tra gồm động cơ, quá khứ và đời sống gia đình - những thứ chúng tôi đưa vào một bản mô tả nhân dạng. Vị tiến sĩ thực hiện bài kiểm tra kinh ngạc khi kết quả của chúng tôi gần như giống hệt.

Và những gì chúng tôi cần nói không hướng đến mục đích giành chiến thắng trong cuộc thi về độ nổi tiếng.

Đầu tiên, chúng tôi không nghĩ đây là những vụ án vì thù ghét theo kiểu hội kín Klan. Thứ hai, chúng tôi gần như chắc chắn hung thủ là người da màu. Thứ ba, tuy nhiều cái chết và vụ mất tích có liên hệ với nhau, nhưng không phải tất cả đều liên hệ với nhau.

Cục Điều tra Georgia đã nhận được nhiều lời gợi ý về sự dính líu của hội Ku Klux Klan, nhưng chúng tôi không để ý đến. Nếu nghiên cứu các vụ án vì thù ghét từ những ngày đầu lập nước, bạn sẽ thấy chúng thường mang tính công khai cao, những hành động mang tính biểu tượng mạnh mẽ. Một vụ hành hình vì thù ghét thường nhằm tạo ra một tuyên bố công khai và phơi bày cho mọi người xem. Một tội ác như vậy, hay tội danh giết người vì phân biệt chủng tộc khác là hành động khủng bố, và để nó có hiệu quả, mọi người phải dễ dàng nhìn thấy. Những kẻ trong hội Ku Klux Klan^[43] không mặc đồ trắng để rồi hòa mình vào đám đông không ai trông thấy. Nếu một nhóm người thù ghét nhắm vào những đứa trẻ da màu ở khu vực Atlanta, chúng sẽ không chịu để sự việc trôi qua lặng lẽ suốt nhiều tháng trước khi cảnh sát và mọi người đoán được chuyện gì đó đang diễn ra. Lẽ ra thật nhiều thi thể sẽ xuất hiện trên Quốc lộ và thông điệp của nhóm này sẽ vô cùng rõ ràng. Chúng tôi không thấy loại hành vi đó trong những vụ án này.

Những địa điểm vớt xác là những khu vực với cư dân phần lớn là người da màu hoặc những khu dành riêng cho người da màu trong thành phố. Một người da trắng, chứ đừng nói là một nhóm người da trắng, không thể lang thang khắp các khu phố này mà không bị chú ý. Cảnh sát đã thăm dò khắp nơi nhưng không có báo cáo nào cho

thấy có người da trắng đến gần bất kỳ đứa trẻ hay địa điểm vứt xác nào. Những khu vực này luôn tắc nghẽn người, nên dù là vào buổi tối, một người đàn ông da trắng không thể quanh quẩn ở đó mà hoàn toàn không bị chú ý. Điểm này cũng phù hợp với kinh nghiệm của chúng tôi rằng những kẻ sát nhân vì tình dục thường nhắm đến người cùng chủng tộc. Dù không có bằng chứng rõ ràng về việc sàm sỡ, nhưng những tội ác này phù hợp với xu hướng của một vụ giết người vì tình dục.

Có mối liên kết mạnh mẽ giữa nhiều nạn nhân. Các em đều còn nhỏ, hoạt bát và sáng dạ, nhưng thiếu kinh nghiệm và suy nghĩ tương đối đơn thuần về thế giới bên ngoài khu phố của mình. Chúng tôi cảm thấy đây là kiểu trẻ em dễ mắc lừa, dễ bị dụ dỗ hoặc hấp dẫn. Kẻ đó phải có một chiếc xe, vì các nạn nhân bị đưa khỏi nơi các em bị bắt. Và chúng tôi cảm thấy hẳn phải tỏa ra cảm giác quyền lực của một người trưởng thành. Rất nhiều em trong số đó có hoàn cảnh nghèo túng. Ở một số ngôi nhà, chúng tôi thấy không có điện hoặc nước sạch.

Vì lẽ đó, và bọn trẻ cũng tương đối thiếu tinh tế, tôi nghĩ chẳng cần dụ dỗ gì nhiều. Để kiểm tra việc này, chúng tôi đề nghị các cảnh sát mật của Atlanta vào những khu này, đóng giả công nhân, và cho một đứa trẻ năm đô la để theo họ làm một việc gì đó. Họ để các cảnh sát da màu và cả da trắng làm việc này, và dường như màu da không quan trọng. Bọn trẻ này khát khao sinh tồn đến mức làm bất cứ điều gì để có năm đô la. Không cần phải là một người quá thông minh để bắt được các em. Một điều khác mà thử nghiệm này đã chỉ ra đó là người da trắng quả thực bị chú ý ở những khu vực này.

Nhưng như tôi đã nói, tuy chúng tôi quả thực nhận thấy một mối liên kết mạnh mẽ, dường như không phải với mọi trường hợp. Sau khi cẩn thận đánh giá các nạn nhân và tình huống, tôi nghĩ hai bé gái không phải bị hung thủ chính của vụ này sát hại, thậm chí không do cùng một người giết. Cách thức bắt cóc LaTonya Wilson từ phòng ngủ của cô bé quá đặc thù. Với các bé trai, tôi nghĩ đa số trường hợp bị sát hại bằng "biện pháp nhẹ" - siết cổ - có liên hệ, không nhất định là mọi vụ có nguyên nhân tử vong không xác định. Và những khía cạnh khác của bằng chứng đã khiến chúng tôi tin rằng

mình không đương đầu với một kẻ giết người duy nhất. Chứng cứ thuyết phục ở một số vụ cho thấy kẻ giết người từng là một thành viên trong gia đình nạn nhân, nhưng Giám đốc FBI William Webster đã công bố rộng rãi điểm này, ông ấy bị báo chí gây sức ép. Ngoài những vấn đề chính trị hiển nhiên, với tuyên bố này, bất cứ vụ án nào nằm ngoài danh sách Mất tích và sát hại đều khiến gia đình nạn nhân đó không thể nhận phần trợ cấp nào trong số những quỹ ủng hộ đang được các tổ chức và cá nhân trên cả nước đóng góp.

Dù cảm thấy hung thủ nhiều hơn một người nhưng chúng tôi nghĩ mình đang đối đầu với một kẻ cụ thể, đã thành công và sẽ tiếp tục giết người cho đến khi bị bắt. Roy và tôi đưa ra bản mô tả về một người đàn ông da đen, độc thân, độ tuổi 25-29. Hẳn rất thích những gì liên quan đến cảnh sát, lái một chiếc xe giống xe cảnh sát và ở một thời điểm nào đó, hẳn sẽ thâm nhập vào cuộc điều tra. Hẳn có một con chó dạng cảnh khuyển, một con chó chăn cừu Đức hoặc Doberman. Hẳn không có bạn gái, thích các bé trai, nhưng chúng tôi không thấy bất kỳ dấu hiệu nào của việc cưỡng hiếp hay bạo hành tình dục thái quá. Tôi nghĩ điều này nói lên sự tự ti về khả năng tình dục của hẳn. Hẳn sẽ có cách nào đó để dẫn dụ hoặc lừa những đứa trẻ này. Tôi đoán cách đó có liên quan đến âm nhạc hoặc biểu diễn. Hẳn sẽ có một câu nói rất hay để dụ bọn trẻ, nhưng hẳn không thể nói ra. Ở giai đoạn đầu trong mỗi mối quan hệ, đứa trẻ sẽ từ chối hẳn hoặc ít nhất là hẳn nhìn nhận tình huống theo cách đó và hẳn sẽ cảm thấy buộc phải giết nó.

Phòng Cảnh sát Atlanta kiểm tra mọi kẻ ấu dâm và từng phạm tội liên quan đến tình dục mà họ biết, cuối cùng lọc ra một danh sách khoảng 1.500 nghi phạm. Các nhân viên cảnh sát và đặc vụ FBI đến các trường học, hỏi chuyện các em để xem có em nào từng bị những người đàn ông trưởng thành tiếp cận và chưa nói với bố mẹ hoặc cảnh sát không. Họ lên các chuyến xe buýt, phát nhiều tờ rơi in hình những đứa trẻ đang mất tích, hỏi xem có ai thấy chúng không, đặc biệt là thấy chúng đi cùng đàn ông. Họ cho cảnh sát chìm đến các quán rượu đồng tính, cố gắng nghe ngóng để tìm kiếm manh mối.

Không phải ai cũng đồng ý với chúng tôi. Và không phải ai cũng vui khi chúng tôi có mặt ở đó. Ở một trong các hiện trường án mạng, tại một khu chung cư bỏ hoang, một cảnh sát da màu đến chỗ tôi và hỏi, “Anh là Douglas, phải không?”

“Đúng vậy.”

“Tôi đã thấy bản mô tả của anh. Chỉ là một đồng phân.” Tôi không chắc anh ta đang thực sự đánh giá công việc của tôi hay chỉ nêu ra tuyên bố thường trực của cánh báo chí rằng không có kẻ sát nhân hàng loạt nào là người da màu. Điều này không chính xác. Chúng tôi đã điều tra nhiều vụ án có kẻ sát nhân hàng loạt là người da màu, giết các cô gái làng chơi và cả người nhà của chúng, nhưng không phải theo kiểu giết người lạ, và không phải với cách thức hành động mà chúng tôi đang thấy ở đây.

“Nghe này, tôi không việc gì phải có mặt ở đây”, tôi nói. “Tôi không yêu cầu được tới đây.” Thực ra, mức độ tuyệt vọng của tôi đã lên rất cao. Mọi người tham dự đều muốn vụ án được giải quyết, nhưng ai cũng muốn tự mình phá án. Như sự thật thường thấy, Roy và tôi biết chúng tôi đến đây để nhận một phần những lời chỉ trích và bị đổ lỗi nếu mọi chuyện đi chệch hướng.

Ngoài ý tưởng đây là âm mưu của Klan, đủ loại giả thiết được đưa ra, một số nghe có vẻ lạ lùng hơn cả. Nhiều đứa trẻ được phát hiện trong tình trạng thiếu nhiều món trang phục khác nhau, nhưng không trường hợp nào giống hết nhau. Liệu tên sát nhân này có đang may áo cho con ma nơ canh của hắc ở nhà giống như cách Ed Gein đã sưu tập những phần da khác nhau của nhiều người phụ nữ? Trong những vụ án về sau, liệu Đối tượng vô danh có đang phát triển bằng cách vớt xác ở nơi dễ nhìn thấy hơn? Hay có thể Đối tượng vô danh ban đầu đã tự sát và một kẻ bắt chước đang kế thừa công việc của hắc?

Theo tôi, tiến triển thực thụ đầu tiên xuất hiện khi tôi trở về Quantico. Một cuộc gọi đến phòng cảnh sát ở Conyers, một thị trấn nhỏ cách Atlanta khoảng 32km. Tôi nghe đoạn băng ghi âm trong văn phòng của Larry Monroe, cùng với tiến sĩ Park Dietz. Trước khi trở thành trưởng Đơn vị Khoa học hành vi, Monroe là một trong những giảng viên nổi bật tại Quantico. Giống Ann Burgess, Park

Dietz được Roy Hazelwood mời đến đơn vị. Lúc đó ông ấy ở Harvard và vừa bắt đầu nổi danh trong giới thi hành luật. Hiện đang có văn phòng ở California, Park có lẽ là nhà tâm thần học pháp y lỗi lạc nhất cả nước và là cố vấn thường trực cho đơn vị chúng tôi.

Người gọi điện trong đoạn ghi âm tuyên bố mình là kẻ sát hại trẻ em ở Atlanta và nhắc đến tên của nạn nhân gần nhất. Rõ ràng hắn là người da trắng, nghe như một kẻ lỗ mãng, và hứa là hắn "sẽ giết thêm lũ nhãi da đen đó". Hắn cũng nêu tên một địa điểm cụ thể dọc đường Rigmon ở quận Rockdale, nơi cảnh sát có thể tìm được một thi thể khác.

Tôi nhớ không khí phấn khởi trong phòng mà tôi e là mình đã phải cắt ngang. "Đây không phải tên sát nhân", tôi tuyên bố, "nhưng các anh phải bắt hắn vì hắn sẽ còn gọi đến và là một mối phiền phức phát sinh làm các anh phân tâm khi hắn còn ở ngoài kia."

Bất chấp niềm vui của phía cảnh sát, tôi tin mình nhận định đúng về gã khốn này. Tôi đã gặp một tình huống tương tự không lâu trước vụ này khi Bob Ressler và tôi sang Anh để dạy một khóa ở Bramshill, học viện cảnh sát Anh (tương tự Quantico), cách Luân Đôn khoảng một giờ. Nước Anh đang trong giai đoạn tên Đồ tể Yorkshire hoành hành. Kẻ sát nhân này, dường như đi theo con đường của kẻ giết người khu Whitechapel vào cuối thời Victoria^[44], đang đánh giết phụ nữ ở khu vực miền bắc, chủ yếu là gái mại dâm. Đến khi đó đã có tám người chết. Có ba phụ nữ khác trốn thoát, nhưng không thể mô tả được gì về hung thủ. Độ tuổi ước tính cũng rộng, từ mười ba đến gần sáu mươi. Cũng như Atlanta, toàn khu vực Anh chìm trong nỗi kinh hoàng. Đó là vụ truy tìm hung thủ lớn nhất trong lịch sử nước Anh. Tính đến cuối, cảnh sát đã tiến hành thẩm vấn gần 250.000 người trên cả nước.

Các phòng cảnh sát và báo chí nhận được thư từ "Jack Đồ tể", lãnh trách nhiệm về các vụ án. Rồi một cuộn băng cát-sét dài hai phút được gửi tới hòm thư của Trưởng thanh tra George Oldfield, chế nhạo cảnh sát và nói rằng sẽ tiếp tục ra tay. Tương tự vụ án ở Atlanta, đây có vẻ là phát hiện lớn. Đoạn băng được sao ra và phát khắp cả nước - trên truyền hình và đài phát thanh, trên các đường

dây điện thoại miễn phí, trên loa tại các trận bóng đá - để xem có ai nhận ra giọng nói đó không.

Chúng tôi được biết John Domaille đang ở Bramshill khi chúng tôi ở đó. Ông ấy là một cảnh sát có tiếng và đội trưởng đội điều tra các vụ án của gã Đồ tể. Ông ấy nghe nói có hai chuyên viên mô tả nhân dạng từ FBI đến và có lẽ hai bên nên gặp nhau. Thế là sau khi hết giờ, Bob và tôi ngồi riêng trong quán nước của học viện. Viên cảnh sát đến, ai đó trong quầy nhận ra và bắt chuyện với ông ta. Chúng tôi có thể hiểu thái độ của ông ta và biết ông ta đang chế giễu hai tên người Mỹ bọn tôi. Tôi nói với Ressler: "Dám cá đó là ông ta".

Quả nhiên, có người chỉ chúng tôi cho ông ta thấy, ông ta và mấy người khác đến bàn chúng tôi rồi ông ta tự giới thiệu. Tôi nói: "Tôi thấy ông không mang theo tập hồ sơ nào".

Ông ta bắt đầu viện lý do rằng vụ án này rất phức tạp và khó mà trao đổi hết thông tin với chúng tôi trong khoảng thời gian ngắn như vậy.

"Được thôi", tôi đáp lại. "Chúng tôi cũng có rất nhiều vụ án. Vậy tôi thà ngồi đây uống nước còn hơn."

Kiểu cách "thích thì làm không thì thôi" của chúng tôi khiến mấy người Anh cảm thấy hứng thú. Một người hỏi chúng tôi cần gì để mô tả hung thủ của một vụ án. Tôi bảo anh ta hãy bắt đầu bằng cách miêu tả các hiện trường án mạng. Anh ta bảo rằng có vẻ Đối tượng vô danh buộc các cô gái vào một tư thế để bị tấn công rồi tấn công họ bằng dao hoặc búa. Hắn cắt xẻo thi thể họ sau khi chết. Giọng nói trên băng ghi âm khá lưu loát và sành điệu đối với một gã đi giết gái làng chơi. Vì vậy, tôi nói: "Dựa trên những hiện trường anh vừa miêu tả và đoạn ghi âm tôi nghe ở Seattle, đó không phải tên Đồ tể. Các anh đang lãng phí thời gian cho chuyện đó."

Tôi giải thích kẻ sát nhân họ đang tìm sẽ không liên lạc với cảnh sát. Hắn là một kẻ cô độc gần như không được ai chú ý, ở độ tuổi gần ba mươi hoặc đầu ba mươi, thù ghét phụ nữ do bệnh lý, bỏ học và có thể là tài xế xe tải vì có vẻ hắn đi đây đó khá nhiều. Việc giết các cô gái bán hoa là do hắn đang cố gắng trừng phạt phụ nữ nói chung.

Bất chấp thời gian và nguồn lực mà họ bỏ ra để có được đoạn băng này, Domaille nói "Tôi thấy lo chuyện đó" và sau đó thay đổi phương hướng điều tra. Khi cảnh sát bắt được tài xế xe tải ba mươi lăm tuổi Peter Sutcliffe nhờ may mắn vào ngày 2 tháng Một năm 1981 - thời điểm các vụ giết người đang diễn ra ở Atlanta - và được chứng minh là tên Đồ tể, hắn không có chút nào giống với người đã làm và gửi đoạn băng ghi âm. Kẻ bắt chước này hóa ra là một cảnh sát đã về hưu, người có mối thù cần giải quyết với Thanh tra Oldfield.

Sau khi nghe đoạn băng ở Georgia, tôi nói chuyện với cảnh sát Conyers và Atlanta, rồi đưa ra một biện pháp có thể dụ gã bắt chước này lộ mặt mà không cần suy nghĩ quá nhiều. Giống như gã Đồ tể, giọng điệu của gã này có vẻ nhạo báng và trịch thượng. "Từ giọng điệu của gã và những điều gã nói, gã nghĩ các anh là một lũ ngu", tôi nói, "vậy hãy tận dụng điều này."

Tôi khuyên họ hãy giả vờ ngu giống như hắn nghĩ. Hãy đến đường Sigmon, nhưng lòng sục ở phía *đối diện* của con đường; hoàn toàn bỏ qua hắn. Hắn sẽ quan sát mọi chuyện và các anh có thể may mắn tóm được hắn ngay ở đó. Nếu không, ít nhất hắn sẽ gọi đến để nói rằng các anh thật ngu ngốc, các anh đã tìm sai chỗ. Park Dietz rất thích việc này, ghi nhận cách thức làm việc ngẫu hứng, không chuẩn bị trước này vào kho kiến thức hàn lâm của mình.

Cảnh sát khua chiêng gõ mõ đi tìm gã này, hoàn toàn sai phương hướng và quả nhiên, gã gọi lại để nói rằng họ thật ngu ngốc. Họ đặt bẫy, truy tìm và bắt được gã lố mắng này ngay trong nhà hắn. Để bảo đảm hắn không làm thật, họ tìm kiếm ở đúng đoạn đường Sigmon gã nói, nhưng dĩ nhiên không có thi thể nào.

Sự việc ở Conyers không phải điều duy nhất làm chệch hướng điều tra của vụ án này. Những cuộc điều tra lớn thường gặp nhiều trường hợp tương tự, và vụ ở Atlanta cũng không ngoại lệ. Gần con đường này, trong cánh rừng gần nơi những thi thể hóa thành xương trắng được phát hiện sớm nhất, các thanh tra phát hiện một tạp chí phái nữ, trên vài trang báo có tinh dịch. Phòng thí nghiệm của FBI tìm được dấu vân tay và từ đó lần ra danh tính của một người. Đó là một gã đàn ông da trắng, lái một chiếc xe tải và làm nghề diệt côn

trùng. Dĩ nhiên, tính biểu tượng tâm lý của nghề này vô cùng hoàn hảo. Với loại người chống đối xã hội này, từ diệt côn trùng đến diệt trẻ em da màu chỉ là một bước chuyển nhỏ. Chúng tôi đã biết nhiều tên sát nhân hàng loạt trở lại hiện trường gây án và địa điểm vút xác. Cảnh sát suy đoán hắn chạy xe dọc lề đường, nhìn về nơi hắn thực hiện tội ác và thủ dâm khi hồi tưởng cảm giác kích động của chuyển đi sẵn và giết chóc.

Sự tiến triển này đến tai giám đốc FBI, đến tai ngài Bộ trưởng Tư pháp và cả Nhà Trắng. Tất cả họ đều hồi hộp chờ đợi để thông báo rằng chúng ta đã bắt được kẻ sát hại trẻ em ở Atlanta. Họ còn chuẩn bị một thông cáo báo chí. Nhưng có hai điều làm tôi phải suy nghĩ. Thứ nhất, hắn là người da trắng. Thứ hai, hắn có gia đình hạnh phúc. Tôi đoán phải có lý do nào khác nên gã này mới ở đó.

Họ đưa hắn đến đồn để thẩm vấn. Hắn chối hết. Họ cho hắn xem cuốn tạp chí có dính tinh dịch. Họ nói đã lấy được dấu vân tay của hắn trên đó. Phải, hắn thừa nhận, tôi đã lái xe trên đường và ném nó ra khỏi xe. Cách giải thích đó cũng vô lý. Hắn đang lái xe, một tay trên vô lăng, một tay trên người hắn, rồi hắn còn có thể ném văng thứ này vào rừng? Nếu vậy tay hắn phải giống tay Johnny Unitas^[45].

Nhận ra mình đang rơi vào tình huống nghiêm trọng, hắn thừa nhận vợ hắn đang mang thai, có thể sinh bất kỳ lúc nào và đã nhiều tháng rồi hắn không được quan hệ. Thay vì nghĩ đến chuyện phản bội người phụ nữ mình yêu, người đang mang đứa con của hắn, hắn đã đến cửa hàng 7-Eleven, mua cuốn tạp chí này, rồi nghĩ là sẽ vào khu rừng vắng vẻ đó trong giờ ăn trưa để giải tỏa một chút.

Tôi thấy tội nghiệp cho ông bạn này. Chẳng có gì to tát! Anh ta nghĩ mình sẽ giải tỏa ở nơi chẳng phiền đến ai, tự lo việc của mình, thế mà bây giờ ngay cả Tổng thống Hoa Kỳ cũng biết anh ta đã thủ dâm trong rừng!

Khi họ tóm được kẻ bắt chước ở Conyers, tôi nghĩ thế là xong; ít nhất, chúng tôi có thể loại bỏ tên điên phân biệt chủng tộc này để cảnh sát tập trung vào cuộc điều tra. Nhưng tôi đã không tính đến một việc, đó là vai trò tích cực của báo chí. Kể từ đó, tôi luôn bảo đảm mình không bao giờ phạm phải sai sót đó nữa. Tôi nhận ra một

điều là, ở một thời điểm nhất định, sự chú ý của truyền thông dành cho những vụ sát hại trẻ em trở thành sự thỏa mãn cho tên sát nhân. Điều tôi không tính đến hẳn sẽ *phản ứng một cách cụ thể* với tin tức truyền thông.

Chuyện là cảnh báo chí quá nóng lòng muốn biết về bất kỳ tiến triển nào trong vụ án đến mức họ đưa rất nhiều tin về cuộc truy tìm của cảnh sát ở đường Sigmon, mà kết quả là không tìm được gì. Nhưng không lâu sau đó, một thi thể được phát hiện ở nơi dễ thấy trên đường Sigmon ở quận Rockdale: thi thể của Terry Pue mười lăm tuổi.

Với tôi, đây là tiến triển cực kỳ quan trọng và là khởi đầu cho chiến lược bắt giữ kẻ sát nhân. Điều này có nghĩa là hẳn theo dõi kỹ tin tức báo đài và phản ứng với những gì họ đưa tin. Hẳn biết cảnh sát sẽ chẳng tìm được thi thể nào trên đường Sigmon vì hẳn không vớt ở đó. Nhưng bây giờ, hẳn đang chứng tỏ hẳn có uy đến mức nào, hẳn có thể thao túng báo chí và cảnh sát ra sao. Hẳn đang thể hiện sự ngạo mạn và khinh bỉ. Hẳn có thể vớt một thi thể trên đường Sigmon nếu hẳn muốn! Hẳn phá vỡ hình mẫu hẳn tạo ra và lái xe qua đoạn đường dài 32-48km chỉ để chơi trò này. Chúng tôi biết hẳn đang quan sát nên hãy xem chúng tôi có thể tận dụng điều đó để thao túng hành vi của hẳn hay không.

Nếu tôi biết hay cân nhắc khả năng này trước, tôi đã nghĩ ra biện pháp giám sát khu vực chung dọc theo đường Sigmon. Nhưng bây giờ đã quá muộn. Chúng tôi phải nhìn về phía trước và xem mình có thể làm gì.

Tôi có một số ý tưởng, Frank Sinatra và Sammy Davis Con sắp đến Atlanta để tổ chức một buổi biểu diễn tại sân vận động Omni nhằm gây quỹ cho gia đình các nạn nhân. Sự kiện này được báo đài đưa tin rầm rộ và tôi chắc chắn kẻ sát nhân sẽ đến đó. Thách thức ở đây là làm sao để tìm ra hẳn trong hơn 20.000 người?

Roy Hazelwood và tôi suy đoán hẳn là kẻ rất mê những gì liên quan đến cảnh sát. Đó có thể là mẫu chốt của sự việc. "Hãy cho hẳn một tấm vé miễn phí", tôi đề nghị.

Như thường lệ, cảnh sát và đặc vụ ở Văn phòng thực địa Atlanta nhìn tôi như thể tôi đã phát rồ. Vì vậy tôi giải thích ý của mình:

Chúng ta sẽ thông báo vì có quá nhiều người tham dự nên cần thêm nhân viên an ninh. Chúng ta sẽ đề nghị mức lương tối thiểu, yêu cầu mỗi ứng viên phải có xe riêng (vì chúng tôi biết hung thủ có xe riêng) và những ai có kinh nghiệm hoặc từng làm việc trong ngành thi hành luật sẽ được ưu tiên. Chúng ta sẽ phỏng vấn sàng lọc tại sân vận động, dùng camera giám sát giấu kín. chúng ta sẽ loại trừ những nhóm người mình không quan tâm đến - phụ nữ, người già... - và tập trung vào các nam thanh niên da màu. Mỗi người sẽ điền vào một tờ đăng ký, chúng ta sẽ bảo họ liệt kê kinh nghiệm như lái xe cứu thương chẳng hạn, xem họ có từng ứng tuyển làm cảnh sát hoặc bảo an chưa, mọi điều giúp xác định nghi phạm. Chúng ta có thể lọc ra một nhóm còn khoảng 10-12 người để có thể kiểm tra chéo với các bằng chứng khác.

Ý tưởng này được trình lên thứ trưởng Bộ Tư pháp. Vấn đề là, khi cả một tổ chức lớn cùng làm một việc gì đó không chính thống, có thể gặp tình trạng "tê liệt phân tích". Khi chiến thuật của tôi được thông qua thì đã là ngay trước ngày diễn ra hòa nhạc và nỗ lực tuyển dụng "nhân viên an ninh" bấy giờ quá mong manh, quá trễ rồi.

Tôi có một kế hoạch khác. Tôi muốn làm những cây thánh giá bằng gỗ, cao khoảng 3,4cm. Một số cây sẽ được đưa cho các gia đình, số khác được đặt ở các hiện trường làm vật kỷ niệm. Có thể dựng một cây lớn ở một nhà thờ để tưởng nhớ các nạn nhân. Một khi công khai chuyện này, tôi biết tên sát nhân sẽ đến một số địa điểm, đặc biệt là những nơi xa. Thậm chí hẳn có thể cố lấy một cây thánh giá. Nếu chúng ta giám sát những địa điểm mẫu chốt, tôi nghĩ khả năng tóm được hắn rất cao.

Nhưng Cục mất đến vài tuần để thông qua kế hoạch này. Rồi lại còn tranh nhau xem bên nào được làm thánh giá - bộ phận triển lãm của FBI ở Washington, cửa hàng mộc ở Quantico hay Văn phòng thực địa Atlanta nên làm? Cuối cùng những cây thánh giá cũng được làm xong, nhưng đến thời điểm có thể sử dụng được thì các sự kiện của vụ án đã tăng lên quá nhiều.

Đến tháng Hai, thành phố bắt đầu hỗn loạn. Các nhà ngoại cảm xuất hiện, tất cả đều đưa ra "bản mô tả nhân dạng" riêng, nhiều bản

mâu thuẫn gay gắt với nhau. Cảnh nhà báo chộp lấy bất kỳ khả năng nào, dẫn lời bất kỳ ai có liên quan đến vụ án dù chỉ một chút, những người chịu nói. Nạn nhân tiếp theo sau Terry Pue được tìm thấy trên đường Sigmon là Patrick Baltazar mười hai tuổi, trên Cao tốc Buford ở quận DeKalb. Như Terry Pue, cậu bé này bị siết cổ. Thời điểm đó, có người trong bộ phận giám định pháp y tuyên bố rằng những cọng lông và sợi tìm thấy trên thi thể Patrick Baltazar trùng khớp với những thứ tìm được trên năm nạn nhân trước đó.

Năm nạn nhân này thuộc nhóm nạn nhân tôi đã liên hệ với nhau là do cùng một người sát hại. Thông báo về những phát hiện của phòng pháp y được báo chí đưa tin rầm rộ.

Và tôi nhận ra một điều. *Hắn sẽ hắt đầu vút thi thể xuống sông.* Bây giờ hắn biết họ đang thu thập lông và sợi. Trên thi thể nạn nhân trước đó, Patrick Rogers, được tìm thấy ở địa phận quận Cobb của sông Chattahoochee vào tháng Mười hai, một nạn nhân bị tấn công bằng lực mạnh vào đầu. Nhưng Patrick mười lăm tuổi, cao 1m75, nặng 65kg, đã bỏ học và gặp nhiều rắc rối với pháp luật. Cảnh sát không xem trường hợp của cậu bé là có liên quan. Dù đúng hay không thì tôi cảm thấy bây giờ kẻ sát nhân sẽ ra sông, nơi nước có thể cuốn trôi tất cả bằng chứng.

Chúng ta phải bắt đầu giám sát các con sông, tôi nói, đặc biệt là Chattahoochee, dòng sông chính tạo thành ranh giới phía bắc của thành phố với quận Cobb lân cận. Nhưng cảnh sát thuộc nhiều địa phận tham dự, mỗi đơn vị thuộc một quận, thêm cả FBI, và không ai có thể chịu trách nhiệm chung. Đến lúc đội tuần tra tổng hợp gồm FBI và nhân sự Đội đặc nhiệm Án sát nhân được thành lập và chấp thuận thì đã sang tháng Tư.

Nhưng trong lúc đó, tôi không ngạc nhiên khi phát hiện thi thể tiếp theo - Curtis Walker mười ba tuổi - xuất hiện ở sông Nam. Hai thi thể nữa - Timmie Hill mười ba tuổi và Eddie Duncan, nạn nhân lớn nhất, hai mươi một tuổi - xuất hiện cách nhau một ngày ở sông Chattahoochee. Không giống các nạn nhân trước đó, đa số được tìm thấy với trang phục đầy đủ trên người, ba thi thể này đã bị lột sạch chỉ còn quần lót, đó là một cách khác để hắt loại bỏ lông và sợi trên người nạn nhân.

Nhiều tuần trôi qua, các đội giám sát vẫn miệt mài quan sát những cây cầu và địa điểm có thể là nơi vớt xác trên sông. Nhưng không có gì xảy ra. Rõ ràng các nhà chức trách đang mất lòng tin và cảm thấy họ chẳng đi tới đâu. Vì không có tiến triển rõ rệt nào nên hoạt động giám sát được lên kế hoạch chấm dứt vào phiên đổi ca lúc 6:00 sáng ngày 22 tháng Năm.

Vào khoảng 2:30 sáng hôm đó, một tân binh của học viện cảnh sát tên Bob Campbell đang trong ca giám sát cuối cùng trên bờ sông Chattahoochee dưới cầu Jackson Parkway. Anh ta thấy một chiếc xe chạy ngang qua và dường như có dừng lại một lúc ở giữa cầu.

“Tôi vừa nghe thấy âm thanh nước bắn rất lớn!” Anh ta căng thẳng nói vào bộ đàm. Viên cảnh sát hướng đèn pin vào dòng nước và trông thấy những gợn sóng. Chiếc xe quay đầu rồi chạy ngang qua cầu, nơi một chiếc xe cảnh sát theo dõi và bắt nó dừng lại. Đó là một chiếc wagon hiệu Chevrolet năm 1970, tài xế là một thanh niên da màu gầy, thấp, tóc xoăn, hai mươi ba tuổi, tên là Wayne Bertram Williams. Hắn trung thực và hợp tác. Hắn nói mình là nhà tài trợ âm nhạc và đang sống với bố mẹ. Cảnh sát thẩm vấn hắn và quan sát trong xe trước khi cho hắn đi. Nhưng họ không để mất dấu hắn.

Hai ngày sau, thi thể khôa thân của Nathaniel Cater hai mươi bảy tuổi nổi lên ở hạ lưu, không xa nơi Jimmy Ray Payne, hai mươi một tuổi, được phát hiện trước đó một tháng. Không đủ bằng chứng để bắt Williams và xin lệnh lục soát nhà, nhưng hắn bị giám sát công khai.

Hắn nhanh chóng nhận ra việc cảnh sát theo dõi mình và kéo họ vào những cuộc rượt đuổi quanh thành phố. Thậm chí hắn còn lái xe đến nhà ủy viên Hội đồng an ninh chung Lee Brown và nhấn còi inh ỏi. Trong nhà hắn có phòng tối và trước khi xin được lệnh lục soát, cảnh sát trông thấy hắn đốt nhiều ảnh chụp ở sân sau. Hắn cũng rửa sạch chiếc xe.

Wayne Williams khớp với bản mô tả của chúng tôi ở mọi khía cạnh chính, gồm cả việc hắn có nuôi một con chó chăn cừu Đức. Hắn rất thích cảnh sát, từng bị bắt vài năm trước khi giả dạng nhân viên công vụ. Sau vụ đó, hắn lái một chiếc xe cảnh sát thừa được

bán ra và dùng máy quét vô tuyến của cảnh sát để vào các hiện trường gây án và chụp ảnh. Về sau khi xem lại, có một số nhân chứng nhớ đã nhìn thấy hắc trên đường Sigmon khi cảnh sát phản ứng với manh mối qua cuộc gọi điện thoại và tiến hành tìm kiếm thì thể không có thực. Hắc đã chụp ảnh ở đó và đưa cho cảnh sát. Chúng tôi cũng phát hiện ra quả thực hắc đã tham dự buổi hòa nhạc từ thiện ở sân Omni.

Không bắt hắc nhưng FBI mời hắc đến trụ sở, hắc rất hợp tác và không yêu cầu luật sư. Từ những báo cáo nhận được, tôi cho rằng cuộc thương thuyết đã không được lên kế hoạch hay tổ chức đúng cách. Cuộc thương thuyết quá bạo lực và thẳng thừng. Tôi lại nghĩ lúc đó hắc có thể bị thuyết phục. Sau cuộc thẩm vấn, nghe nói hắc vẫn quanh quẩn ở trụ sở và làm như thể vẫn còn muốn nói chuyện về công việc của cảnh sát và FBI. Nhưng hôm đó, khi hắc rời khỏi, tôi biết họ sẽ không bao giờ moi được lời thú tội từ hắc. Hắc đồng ý làm kiểm tra phát hiện nói dối, kết quả là không phát hiện được gì. Sau đó, khi cảnh sát và các đặc vụ FBI xin được lệnh và đến lục soát ngôi nhà mà hắc sống với bố mẹ, những giáo viên đã về hưu, họ tìm thấy mấy cuốn sách hướng dẫn qua mặt máy phát hiện nói dối.

Cảnh sát nhận được lệnh lục soát vào ngày 3 tháng Sáu. Dù Williams đã rửa xe, nhưng cảnh sát vẫn tìm thấy lông và sợi liên hệ hắc với mười hai vụ giết người, đúng những người mà tôi đã suy luận là do cùng một kẻ giết.

Bằng chứng này rất thú vị. Họ không chỉ tìm thấy những sợi liên hệ các thi thể với phòng, nhà và xe của Williams, mà Larry Peterson của Phòng thí nghiệm tội phạm bang Georgia còn so sánh những sợi từ quần áo mà một số nạn nhân đã mặc vào một số dịp trước khi biến mất và cho kết quả trùng khớp. Nói cách khác, có sự liên hệ với Williams trước khi một số cái chết xảy ra.

Ngày 21 tháng Sáu, Wayne B. Williams bị bắt vì tội giết Nathaniel Cater. Việc điều tra những cái chết khác vẫn tiếp diễn. Bob Ressler và tôi đang ở Khách sạn Hampton, gần Newport News, Virginia, diễn thuyết trước một hội nghị của Hiệp hội Trung tâm Cải tạo các bang miền Nam thì vụ bắt giữ được tuyên bố. Tôi chỉ vừa từ Anh và vụ Đồ tể Yorkshire trở về, tôi đang nói về công việc của mình là nghiên cứu

những kẻ sát nhân hàng loạt. Hồi tháng Ba, tạp chí *People* đã đăng một bài về Ressler và tôi với việc chúng tôi đang truy tìm kẻ sát nhân ở Atlanta. Trong bài báo, mà tổng bộ đã chỉ thị chúng tôi phải hợp tác, tôi nêu lên những yếu tố của bản mô tả nhân dạng kẻ này, đặc biệt là ý kiến của chúng tôi rằng Đối tượng vô danh là người da màu. Bài báo được đọc giả cả nước chú ý. Thế là khi tôi đang nhận câu hỏi từ nhóm khán giả hơn 500 người, có người hỏi ý kiến của tôi về việc bắt giữ Williams.

Tôi nêu một số thông tin về vụ án và việc chúng tôi tham gia điều tra, cách chúng tôi đưa ra bản mô tả nhân dạng. Tôi nói hẩn khớp với bản mô tả và cẩn thận nói thêm rằng nếu đúng thật là hẩn thì tôi nghĩ hẩn "trông khá ổn để có thể giết khá nhiều người".

Tôi không biết người hỏi là một phóng viên, nhưng tôi dám chắc dù có biết tôi cũng sẽ trả lời như vậy. Hôm sau, lời tôi được trích dẫn trên tờ nhật báo *Newport News-Hampton Daily Press* như sau, "Hẩn trông khá ổn để có thể giết khá nhiều người", hoàn toàn không đề cập đến lời phát biểu vô cùng quan trọng của tôi trước đó.

Bài báo gây chú ý với cánh báo chí và hôm sau, cả nước trích dẫn lời tôi trên mọi chương trình tin tức và mọi tờ báo lớn, kể cả một bài báo trên *Atlanta Constitution* với tựa đề: "Chuyên viên FBI: Williams có thể đã giết nhiều người".

Tôi nhận được cuộc gọi từ khắp mọi nơi. Máy quay của đài truyền hình xuất hiện ở sảnh khách sạn và cả hành lang bên ngoài phòng tôi. Ressler và tôi phải leo cầu thang thoát hiểm để ra ngoài.

Trong khi đó, ở tổng bộ, vụ việc đã gây ra nhiều rắc rối. Dường như một đặc vụ FBI có liên quan mật thiết tới vụ án đã tuyên bố Wayne Williams có tội mà không cần xét xử. Trên đường về Quantico, tôi cố gắng giải thích với Trưởng đơn vị Larry Monroe qua điện thoại về câu chuyện đã thực sự xảy ra. Anh ta và Phó Giám đốc Jim McKenzie cố gắng giúp tôi thoát khỏi vụ này và can thiệp với OPR - Văn phòng trách nhiệm chuyên môn.

Tôi nhớ lúc đó mình đang ngồi ở tầng trên của thư viện tại Quantico, nơi tôi thường tới để viết các bản mô tả nhân dạng trong bình yên và lặng lẽ. Ở đó cũng có lợi thế là có cửa sổ nhìn ra ngoài, không như các văn phòng ngầm của chúng tôi. Monroe và McKenzie

đến nói chuyện với tôi. Họ là những người hết lòng ủng hộ tôi. Tôi là người duy nhất làm công việc mô tả nhân dạng toàn thời gian, tôi hoàn toàn kiệt sức vì phải chạy khắp nơi, Atlanta là vụ việc khiến tôi cạn kiệt cảm xúc, và lời cảm ơn tôi nhận được cho tất cả những điều đó là lời đe dọa bị khiển trách vì tuyên bố được cánh nhà báo chọn lọc mà không kèm theo ngữ cảnh.

Chúng tôi đã giành được thắng lợi lớn cho nghệ thuật mô tả nhân dạng và phân tích điều tra tội phạm nhờ vụ này. Đánh giá của chúng tôi về Đối tượng vô danh và điều hấn sẽ làm tiếp theo hoàn toàn chính xác. Mọi người đều đang quan sát chúng tôi, kể cả Nhà Trắng. Tôi đã rất liều lĩnh và nếu tôi sai thì chương trình này đã bị dẹp từ lâu.

Chúng tôi luôn được cảnh báo là công việc này có nguy cơ cao, lợi ích lớn. Nước mắt lưng tròng, tôi nói với Monroe và McKenzie tôi thấy công việc này "có nguy cơ cao và chả ích gì sất". Tôi nói công sức mình bỏ ra thật không đáng và ném mấy tập hồ sơ xuống bàn. Jim McKenzie bảo có lẽ tôi nói đúng, nhưng họ chỉ muốn giúp tôi thôi.

Khi tôi đến tổng bộ để trình bày trước OPR, điều đầu tiên tôi phải làm là ký vào giấy miễn trừ mọi quyền của mình. Bảo vệ công lý ở thế giới bên ngoài và thực thi công lý nội bộ không nhất định giống nhau. Điều đầu tiên họ làm là lấy ra cuốn tạp chí *People*. Trên trang bìa là ảnh của Jackie Onassis^[46].

"Chẳng phải anh đã được cảnh báo về việc thực hiện những cuộc phỏng vấn như thế này sao?" Không, tôi nói, cuộc phỏng vấn đã được chấp thuận. Và ở đó, tôi đang nói về nghiên cứu về những kẻ sát nhân hàng loạt nói chung thì có ai đó khơi ra vụ án Wayne Williams. Tôi đã trả lời rất thận trọng. Tôi không thể can thiệp cách họ ghi lại câu trả lời của tôi.

Họ phê bình tôi suốt bốn tiếng đồng hồ. Tôi phải viết một báo cáo, xem qua các bài báo và việc gì đã xảy ra trên từng tờ. Khi tôi làm xong, họ chẳng nói gì, không phản hồi về cách xử lý vụ việc này của tôi. Tôi cảm thấy mình đã cống hiến cho Cục quá nhiều mà không có gì bảo đảm, hy sinh quá nhiều thứ khác, không dành được thời gian cho gia đình, và bây giờ tôi đang đối diện với viễn cảnh bị

khiến trách, bị cắt lương hoặc có khi mất luôn việc. Trong mấy tuần tiếp theo, tôi không hề muốn rời giường mỗi buổi sáng.

Khi đó, Jack, bố tôi gửi cho tôi một lá thư. Trong thư, bố nói về quãng thời gian ông ngưng làm việc ở tờ *Brooklyn Eagle* vì họ không thể trả công. Ông cũng rất chán nản. Ông đã rất chăm chỉ, hoàn thành tốt phận sự, nhưng cũng cảm thấy không thể kiểm soát cuộc đời mình. Ông giải thích rằng ông đã học cách đối diện với mọi chuyện xảy đến với mình như thế nào và tập hợp các nguồn nội lực để cố gắng thêm một ngày ra sao. Tôi mang theo lá thư đó trong cặp táp của mình suốt một thời gian dài sau khi xảy ra sự việc này.

Sau năm tháng, OPR quyết định khiển trách tôi, quả quyết tôi đã được cảnh báo sau bài báo của *People* là không được nói chuyện với báo giới về những cuộc điều tra chưa có kết quả. Lá thư khiển trách do chính Giám đốc Webster gửi đến.

Dù rất giận nhưng tôi không có thời gian than vãn trừ phi chuẩn bị nghỉ hẳn, và dù cảm xúc của tôi về tổ chức ở thời điểm đó có như thế nào đi nữa, với tôi, công việc này quá quan trọng. Tôi còn nhiều vụ án đang điều tra trên khắp nước Mỹ và phiên xét xử Wayne Williams sắp diễn ra. Đã đến lúc cố gắng thêm một ngày.

Phiên xét xử Wayne Williams bắt đầu vào tháng Một năm 1982 sau sáu ngày chọn bồi thẩm đoàn. Ban bồi thẩm sau cùng chủ yếu là người da màu, chín nữ, ba nam. Tuy chúng tôi cảm thấy hẳn chịu trách nhiệm cho việc giết ít nhất mười hai đứa trẻ nhưng Williams chỉ bị xét xử tội giết hai người, Nathaniel Cater và Jimmy Ray Payne. Trớ trêu là cả hai người này đều đã ở độ tuổi hai mươi.

Biện hộ cho Williams là một nhóm luật sư nổi tiếng đến từ Jackson, Mississippi - Jim Kitchens và Al Binder - và một nữ luật sư đến từ Atlanta - Mary Welcome.

Một số thành viên chính ở bên khởi tố là các trợ lý công tố viên Gordon Miller và Jack Mallard. Vì tính chất công việc của tôi trong giai đoạn điều tra vụ án nên văn phòng công tố viên yêu cầu tôi đến và cố vấn cho họ khi phiên tòa diễn ra. Phần lớn thời gian vụ kiện, tôi ngồi ngay sau bàn của ban công tố.

Nếu phiên tòa đó diễn ra vào lúc này, tôi có thể làm chứng về cách thức gây án, những khía cạnh đặc trưng và sự liên hệ các vụ án với nhau, như tôi đã làm trong nhiều phiên tòa khác. Và nếu có kết án, trong quá trình cân nhắc hình phạt, tôi có thể đưa ra ý kiến chuyên môn về sự nguy hiểm của bị cáo trong tương lai. Nhưng năm 1982, những gì chúng tôi làm chưa được các tòa án công nhận nên tôi chỉ có thể cố vấn về chiến lược khởi tố.

Phần lớn bằng chứng khởi tố dựa trên khoảng 700 sợi lông và sợi tổng hợp, đã được Larry Peterson và đặc vụ Hal Deadman, một chuyên gia từ phòng thí nghiệm của FBI ở Washington phân tích tỉ mỉ. Dù Williams chỉ bị truy tố tội giết hai người nhưng quy trình xử án hình sự ở Georgia cho phép tiểu bang đưa vào các vụ án khác có liên hệ, điều không thể thực hiện ở Mississippi và bị cáo dường như không chuẩn bị trước để đối phó. Vấn đề trong việc khởi tố là Williams có phong thái nhẹ nhàng, điềm tĩnh, nói chuyện lịch thiệp và thân thiện. Với cặp kính dày, đường nét gương mặt hiền hòa, hai bàn tay mảnh dẻ, trông hắn giống linh vật Pillsbury Doughboy hơn là một kẻ sát hại hàng loạt trẻ em. Hắn đã bắt đầu trả lời báo chí rằng hắn vô tội và việc bắt giữ hắn hoàn toàn do phân biệt chủng tộc. Ngay trước khi phiên tòa bắt đầu, hắn đã nói trong một bài phỏng vấn, “Tôi thấy FBI như những cảnh sát vô năng Keystone Kops^[47] và cảnh sát Atlanta thì giống trong bộ phim *Xe 54, các anh đang ở đâu?* ^[48]”

Không ai ở bên khởi tố hy vọng Williams sẽ đứng ra làm chứng, nhưng tôi nghĩ hắn có thể. Từ hành vi của hắn trong các vụ án và kiểu tuyên bố công khai này, tôi nghĩ hắn rất ngạo mạn và đủ tự tin để nghĩ hắn có thể thao túng phiên tòa như cách hắn đã thao túng công chúng, báo chí và cảnh sát.

Trong cuộc họp kín giữa hai bên diễn ra ở phòng của Thẩm phán Clarence Cooper, Al Binder nói rằng họ mang đến một chuyên gia tâm lý pháp y nổi tiếng từ Phoenix tên là Michael Brad Bayless để làm chứng Williams không khớp với bản mô tả nhân dạng và không có khả năng giết người. Tiến sĩ Bayless đã tiến hành ba cuộc kiểm tra thẩm vấn riêng với Williams.

“Được thôi”, Gordon Miller nói. “Anh mời ông ấy đến thì chúng tôi sẽ mời nhân chứng bác bỏ là một đặc vụ FBI, người đã dự đoán được mọi chuyện diễn ra trong vụ này cho đến hiện nay.”

“Chết tiệt, chúng tôi muốn gặp anh ta”, Binder nói. Miller bảo rằng tôi đã ngồi sau bàn bên khởi tố suốt phiên tòa.

Nhưng tôi đã gặp cả hai bên. Chúng tôi sử dụng phòng của ban bồi thẩm. Tôi giải thích công việc của mình cho bên biện hộ và nói rằng nếu họ không hài lòng việc tôi là đặc vụ FBI hay không phải một tiến sĩ, tôi có thể mời đến một chuyên gia tâm thần học đã làm việc với chúng tôi, như Park Dietz, để nghiên cứu vụ án, và tôi tin ông ấy cũng sẽ làm chứng cho những điều tương tự.

Binder và cộng sự có vẻ rất hứng thú với những gì tôi cần nói. Họ thân thiện và bày tỏ sự tôn trọng, Binder còn bảo tôi rằng con trai anh ta muốn trở thành đặc vụ FBI.

Nhưng cuối cùng, Bayless không ra làm chứng. Trong tuần đầu sau khi phiên tòa kết thúc, ông ấy nói với các phóng viên của *Atlanta Journal* và *Atlanta Constitution* rằng ông ấy tin Williams có khả năng giết người, rằng hắn là một “người tự ti” và theo ông ấy, động cơ của các vụ giết người là “quyền lực và nhu cầu kiểm soát đến mức ám ảnh”. Ông ấy cho rằng Williams “muốn tôi làm một vài điều, là thay đổi báo cáo của tôi, đừng nói một số điều, hoặc đừng ra làm chứng”. Ông ấy quả quyết một trong những khó khăn chính đối với bên biện hộ là thái độ khẳng khẳng muốn tự mình kiểm soát mọi thứ của Williams.

Tôi thấy việc này vô cùng thú vị, chủ yếu vì nó trùng khớp hoàn toàn với bản mô tả mà Roy Hazelwood và tôi đã đưa ra. Nhưng trong phiên tòa, tôi phát hiện một sự việc bất thường khác cũng thú vị không kém.

Giống như đa số người tham dự phiên tòa đến từ nơi khác, tôi ở tại Khách sạn Marriot ở trung tâm, gần tòa án. Một tối nọ, tôi đang dùng bữa một mình ở phòng ăn thì một người đàn ông da màu lịch lãm khoảng hơn bốn mươi đến bàn tôi và tự giới thiệu mình là tiến sĩ Brad Bayless. Tôi bảo tôi biết ông ấy là ai và tại sao ông ấy ở đây. Ông ấy liền hỏi liệu mình có thể ngồi đây không.

Tôi nói hai chúng tôi bị nhìn thấy ngồi cùng nhau thì không hay lắm nếu ngày mai ông ấy ra làm chứng cho bị cáo. Nhưng Bayless bảo ông ấy không lo chuyện đó, rồi ngồi xuống và hỏi tôi biết gì về ông ấy cũng như nghề nghiệp của ông, hóa ra là tôi biết khá nhiều. Tôi cho ông ấy một bài giảng vắn tắt về tâm lý học tội phạm và nhận xét nếu ông ấy làm chứng theo kiểu bị cáo muốn, ông ấy sẽ tự bêu xấu bản thân và chuyên ngành của mình. Khi rời đi, ông ấy bắt tay tôi và nói rất muốn đến Quantico để học. Tôi nheo mắt và nói để xem ngày mai ông biểu hiện ra sao ở tòa.

Hôm sau ở tòa, tôi ngạc nhiên khi nghe nói tiến sĩ Bayless đã trở về Arizona mà không làm chứng. Trên băng ghế, Binder đang than vãn về "quyền lực của ban truy tố" và việc họ hù dọa các chuyên gia đến làm nhân chứng của ông ta chạy mất dép. Thực ra tôi vẫn chưa ra tay dọa nạt, nếu quả thực họ đã bỏ về hết, nhưng chắc chắn tôi sẽ không lãng phí cơ hội. Tuy nhiên, tôi nghĩ sự thật là tiến sĩ Bayless quá chính trực nên phải nói đúng những gì ông ấy thấy và không để mình bị bên nào lợi dụng cho mục đích riêng.

Trong phiên của bên truy tố, Hal Deadman và Larry Peterson đã làm rất tốt việc phân tích bằng chứng gồm các sợi lông và sợi tổng hợp, nhưng đó là vấn đề cực kỳ phức tạp và về bản chất thì không hoa mỹ cho lắm; cái gì mà sợi này xoắn theo hướng này còn sợi kia xoắn theo hướng kia. Cuối cùng, họ chứng minh những sợi từ trên người mười hai nạn nhân trùng khớp với drap trải giường màu tím và xanh lá của Williams, liên hệ đa số sợi này với tấm thảm trong phòng ngủ, khoảng nửa số sợi với tấm thảm trong phòng khách và cũng chừng đó sợi với chiếc Chevrolet năm 1970 của hắn, và trong tất cả trường hợp, trừ một trường hợp duy nhất, đều có liên hệ với lông con chó chăn cừu Đức tên Sheba của bị cáo.

Đến phiên bên biện hộ, họ đưa ra một người đến từ Texas đẹp trai và thu hút giống Kennedy, cứ cười nhe răng với bồi thẩm đoàn, để bác bỏ lời chứng của Deadman. Cuối phiên xử, khi nhóm truy tố họp bàn để tổng kết diễn biến hôm đó, mọi người đều cười cợt rằng anh chàng điển trai đến từ Kansas nói chuyện chẳng thuyết phục chút nào.

Họ đến tìm tôi. “Anh nghĩ thế nào, John?” Tôi đã quan sát bồi thẩm đoàn. Tôi nói: “Tôi bảo các anh biết điều này: các anh sắp thua rồi”. Bọn họ đều bị sốc, đó là điều cuối cùng họ muốn nghe.

“Có thể các anh thấy anh ta nói không thuyết phục”, tôi giải thích, “nhưng bồi thẩm đoàn tin anh ta”. Tôi hiểu điều mà Hal Deadman nói và tôi vẫn cảm thấy khó có tiến triển. Các nhân chứng bên biện hộ có thể đã quá xuề xòa, nhưng lời họ vẫn dễ hiểu hơn nhiều.

Họ tử tế nên không bảo tôi nói nhảm nhưng với tư cách một chuyên viên mô tả nhân dạng sắc sảo, tôi nhận ra mình không được chào đón ở đây. Tôi có hăng hà sa số vụ án lớn đang chờ và tôi đang chuẩn bị cho phiên tòa vụ sát hại Mary Frances Stoner. Gần đây thời gian đi lại cũng bắt đầu ảnh hưởng đến tôi. Cuộc hôn nhân của tôi đang gặp rắc rối vì tôi không ở bên gia đình mình, không thu được thành quả luyện tập mà mình cần và lúc nào cũng căng thẳng. Tôi gọi cho Larry Monroe ở Quantico và báo rằng tôi sẽ trở về nhà.

Ngay khi tôi trở lại Sân bay Quốc gia và lái xe về nhà thì nhận được tin nhắn nói rằng ban truy tố đã suy nghĩ lại. Họ bắt đầu nghi một số điều mà tôi nói có thể đang xảy ra. Họ muốn tôi trở lại Atlanta để giúp họ thẩm vấn các nhân chứng của bị cáo.

Thế nên hai ngày sau, tôi bay về đó. Bây giờ họ đã cởi mở hơn nhiều, nhờ tôi tư vấn cho. Và ngạc nhiên lớn nhất với họ là Wayne Williams quyết định ra làm chứng, như tôi đã dự đoán. Hẳn được thẩm vấn bởi luật sư của mình, Al Binder, một người có giọng nói trầm, rền vang. Cách anh ta cúi người khi đặt câu hỏi khiến anh ta trông như một con cá mập, đó là lý do anh ta có biệt danh Hàm cá mập.

Anh ta liên tục lặp đi lặp lại cùng một điều với bồi thẩm đoàn. “Nhìn anh ta đi! Trông anh ta có giống một kẻ sát nhân hàng loạt không? Nhìn đi. Đứng dậy nào, Wayne”, anh ta bảo hắt gờ hai bàn tay ra. “Nhìn xem tay anh ta mềm mại chưa này. Quý vị nghĩ anh ta có sức mạnh để giết ai đó, siết cổ người ta với hai bàn tay này sao?”

Binder đưa Williams lên bục nhân chứng vào giữa ngày và tiếp tục cho hắt đứng đó suốt hôm sau. Bản thân Williams cũng diễn rất tròn vai, như hắt đã dự đoán. Mọi người hoàn toàn tin hắt là nạn

nhân vô tội của một hệ thống phân biệt chủng tộc cần nhanh chóng tìm ra nghi phạm và đã tìm ra một tên là hăn.

Vì vậy, câu hỏi tiếp theo đặt ra cho bên truy tố là làm sao để thẩm vấn chéo hăn đây? Trợ lý công tố Jack Mallard được chọn. Anh ta sẽ thẩm vấn hăn. Anh ta có lối nói chuyện từ tốn và ngữ điệu miền Nam nhẹ nhàng.

Tôi không được đào tạo chính thức về quy trình trong phòng xử án hay thẩm vấn nhân chứng, nhưng tôi có bản năng cần thiết cho trường hợp này. Thực ra tất cả đều quy về vấn đề “đặt mình vào vị trí” của người khác. Tôi tự hỏi điều gì sẽ làm mình nổi giận? Và câu trả lời là bị thẩm vấn bởi người biết tôi có tội, dù tôi có cố thuyết phục anh ta nghĩ khác đi.

Tôi bảo Mallard, “Còn nhớ chương trình truyền hình *Đây là cuộc đời của bạn?* chứ? Anh phải làm như thế với hăn. Anh phải giữ hăn đứng trên bục đó càng lâu càng tốt, anh phải khiến hăn đầu hàng. Vì hăn là một kẻ cứng rắn, tự chủ thái quá, hăn bị ám ảnh cưỡng chế. Để bẻ gãy sự cứng rắn đó, anh phải gây áp lực cho hăn, duy trì áp lực đó bằng cách xoáy vào mọi khía cạnh trong cuộc sống của hăn, kể cả những điều tưởng chừng như vô nghĩa, ví dụ như hăn học trường nào. Cứ ép hăn như thế. Sau đó, khi hăn đã kiệt sức, anh phải chạm vào người hăn, như cách Al Binder làm. Điều có lợi cho bên biện hộ cũng sẽ có lợi cho bên truy tố. Lại gần, xâm nhập vào không gian của hăn và khiến hăn không kịp trở tay. Trước khi luật sư biện hộ có cơ hội phản đối, hãy hỏi hăn bằng giọng thật thấp: *Anh có hoảng sợ không, Wayne, khi giết mấy đứa trẻ đó?*”

Khi đến phiên mình, Mallard đã làm đúng như thế. Trong mấy giờ đầu của phiên thẩm vấn chéo, anh ta không thể khiến Williams lo lắng. Anh ta làm lộ ra một số điểm mâu thuẫn rành rành, nhưng hăn vẫn cứ là gã Williams đầy bình tĩnh “Sao có thể là tôi được?” Công tố viên Mallard tóc xám, vest xám cẩn thận điểm qua các sự kiện trong đời hăn, rồi đến thời điểm thích hợp, anh ta tiến lại gần, đặt bàn tay lên cánh tay Williams, và hỏi bằng chất giọng thấp, kéo dài của vùng nam Georgia, “Cảm giác đó như thế nào, Wayne? Cảm giác khi anh siết các ngón tay quanh cổ họng nạn nhân? Anh có sợ không? Anh có sợ không?”

Và bằng giọng nói yếu ớt, Williams đáp: “Không”. Sau đó, hắn nhận ra mình vừa phạm sai lầm. Hắn nổi cơn tam bành. Hắn chỉ ngón tay vào tôi và hét lên: “Anh đang cố làm cho tôi khớp với bản mô tả đó của FBI, tôi sẽ không giúp anh đâu!”

Đoàn luật sư biện hộ nổi giận. Williams thì phát rồ, chửi rủa “những tên FBI ngu ngốc” và gọi nhóm truy tố là “lũ đần”. Nhưng đó chính là bước ngoặt của phiên tòa. Sau này chính các thành viên bồi thẩm đoàn đã nói thế. Họ há hốc miệng nhìn. Lần đầu tiên họ thấy được mặt khác của Wayne Williams. Họ tận mắt chứng kiến sự biến hóa. Họ đã hiểu hắn có thể sử dụng bạo lực như thế nào. Mallard nháy mắt với tôi, rồi trở lại với việc tấn công Williams trên bục.

Sau sự bùng nổ đó của hắn ở phiên tòa, tôi biết hắn biết cơ hội duy nhất của hắn là giành lại chút đồng cảm mà hắn đã gây dựng suốt phiên tòa. Tôi vào vai Mallard và nói, “Jack, anh để ý mà xem. Một tuần sau, Wayne sẽ đổ bệnh.” Tôi không biết tại sao tôi lại chọn khung thời gian là một tuần nhưng đúng một tuần sau, phiên tòa bị gián đoạn, Williams được đưa vào bệnh viện vì đau dạ dày. Các bác sĩ không phát hiện ra điểm bất thường nào và cho hắn xuất viện.

Trong phần trình bày trước bồi thẩm đoàn, luật sư của Williams là Mary Welcome đưa ra một cái đe, dùng để bảo vệ ngón tay khi đẩy kim trong lúc may, và hỏi họ “Các vị sẽ để một mẫu bằng chứng còn con như vậy buộc tội người đàn ông này sao?” Cô ta giơ lên một miếng thảm màu xanh lá lấy từ văn phòng mình, nói rằng nó là món đồ vô cùng phổ biến. Làm sao có thể buộc tội một người đàn ông vì nhà anh ta có chiếc thảm màu xanh lá?

Thế nên, hôm đó, tôi cùng vài đặc vụ đến văn phòng luật của cô ta. Chúng tôi vào văn phòng của cô ta khi cô ta không ở đó và lấy một vài sợi thảm. Chúng tôi mang những sợi này về, nhờ các chuyên gia soi chúng dưới kính hiển vi và đưa bằng chứng cho nhóm truy tố, chứng minh những sợi lấy từ chiếc thảm của cô ta hoàn toàn khác với những sợi lấy từ chiếc thảm trong nhà Williams.

Ngày 27 tháng Hai năm 1982, sau mười hai giờ đồng hồ thận trọng cân nhắc, bồi thẩm đoàn tuyên bố hắn có tội trong cả hai vụ giết người. Wayne B. Williams bị tuyên hai án chung thân liên tiếp, mà hắn đang thi hành tại Trại Cải tạo Valdosta ở miền nam Georgia.

Hắn vẫn duy trì vẻ vô tội ấy và những tranh cãi xung quanh hắn chưa bao giờ lắng xuống hay biến mất. Nếu hắn có thể kháng cáo thành công, tôi tin kết quả cũng vẫn như vậy.

Bất chấp những gì mà người ủng hộ hắn nói, tôi tin bằng chứng pháp y và hành vi đã chỉ ra Wayne Williams là kẻ sát hại mười một cậu bé ở Atlanta. Bất chấp những gì mà người phỉ báng và buộc tội hắn nói, tôi tin không có bằng chứng thuyết phục nào liên hệ hắn với tất cả hay thậm chí là phần lớn những vụ tử vong và mất tích của trẻ em ở thành phố đó từ năm 1979 đến năm 1981. Bất chấp những điều mà một số người muốn tin, trẻ em cả da trắng lẫn da màu vẫn tiếp tục chết một cách bí ẩn ở Atlanta và những thành phố khác. Chúng tôi biết ai chịu trách nhiệm cho một số vụ án khác. Không chỉ có một tên tội phạm, sự thật quả là không dễ chịu. Nhưng cho đến nay, không có chứng cứ cũng không có sự quyết tâm công khai nhằm truy tố các vụ việc.

Tôi nhận được một số thư khen ngợi và biểu dương cho kết quả công việc của mình trong vụ Wayne Williams, trong đó có thư từ Văn phòng ủy viên công tố quận Fulton nói rằng tôi đã đưa ra chiến thuật thẩm vấn chéo rất hiệu quả, và một lá thư từ John Glover, SAC của Văn phòng thực địa Atlanta, tóm tắt toàn bộ cuộc điều tra ATKID. Một trong những lá thư làm tôi thấy cảm động và được trân trọng nhất là thư của Al Binder, trưởng đoàn luật sư biện hộ, nói rằng anh ta rất ấn tượng với những gì chúng tôi đã làm.

Những lá thư này đến cùng lúc với thư khiển trách. Jim McKenzie, rất không hài lòng với chuyện này, đã ghi tên tôi vào để nhận một phần thưởng khích lệ, không chỉ cho vụ Williams mà còn cho năm vụ án khác mà tôi đã góp công.

Phần thưởng đến vào tháng Năm. Thế là bây giờ tôi có một lá thư khen ngợi từ ngài giám đốc bên cạnh lá thư khiển trách cho cùng một vụ án. Lá thư có một phần nội dung rằng "bằng tài năng, sự tận tụy và chuyên nghiệp của mình, đồng chí quả thực đã nâng cao danh tiếng của Cục trên toàn quốc, chắc chắn những đóng góp giá trị của đồng chí thực sự đáng trân trọng". Kèm theo thư khen ngợi là một phần thưởng "trị giá" 250 đô la tiền mặt, theo tôi tính là tương đương khoảng 5 xu một giờ. Tôi lập tức quyên góp số tiền

cho Quỹ viện trợ của Hải quân để trợ cấp gia đình của những người lính đã hy sinh khi phục vụ cho tổ quốc.

Nếu bây giờ chúng tôi gặp một vụ án như vụ sát hại trẻ em ở Atlanta, tôi cho rằng chúng tôi có thể bắt kẻ sát nhân sớm hơn nhiều, trước khi chuỗi những cái chết và nỗi đau khổ kéo dài đến đáng sợ. Tất cả chúng tôi sẽ điều phối công việc của mình hiệu quả hơn nhiều. Các kỹ thuật chủ động trong điều tra của chúng tôi sẽ tinh vi và dựa vào kinh nghiệm thực tế hơn nhiều. Chúng tôi sẽ biết cách dàn dựng cuộc thương thuyết để đạt được hiệu quả tối đa. Chúng tôi sẽ lên kế hoạch xin lệnh lục soát tốt hơn và lấy được lệnh trước khi các bằng chứng quan trọng bị tiêu hủy.

Nhưng dù đã phạm những sai lầm gì, vụ án ATKID vẫn là bước ngoặt mang tính quyết định cho đơn vị chúng tôi. Chúng tôi đã ghi tên mình lên bản đồ kỹ thuật điều tra, chứng minh giá trị của công việc mình làm và trong quá trình đó, đã giành được sự tín nhiệm tức thời trong cộng đồng thi hành luật khắp thế giới, giúp bắt giữ thêm một kẻ sát nhân khác.

Nguy cơ cao, lợi ích lớn.

CHƯƠNG 12

Người của chúng tôi

Judson Ray là một trong những huyền thoại sống ở Quantico. Anh ấy suýt nữa đã thiệt mạng. Tháng Hai năm 1982, khi đang tham gia vụ ATKID với tư cách đặc vụ của Văn phòng thực địa Atlanta, cô vợ đã cố gắng giết anh ấy.

Lần đầu chúng tôi biết nhau, tuy chưa gặp mặt, là trong vụ án “Thế lực tà ác” vào đầu năm 1978. Một kẻ sát nhân hàng loạt được gọi là “Kẻ sát nhân bằng vớ da” đã tấn công sáu phụ nữ lớn tuổi ở Columbus, Georgia, sau khi đột nhập vào nhà họ, siết cổ từng người bằng chính những chiếc vớ da của họ. Tất cả nạn nhân đều là người da trắng, và chứng cứ pháp y mà chuyên viên phát hiện trên một số thi thể nạn nhân cho thấy kẻ siết cổ là người da màu.

Rồi cảnh sát trưởng nhận được một lá thư cảnh báo, viết bằng giấy dùng trong Lục quân Hoa Kỳ, tự nhận là một nhóm bảy người có tên Thế lực tà ác. Lá thư nhắc đến niềm tin rằng Kẻ sát nhân bằng vớ da là người da màu và đe dọa sẽ giết một phụ nữ da màu để trả thù nếu hắn không bị bắt vào ngày “1 tháng Bảy” như trong thư. Chúng tuyên bố đã bắt cóc một phụ nữ tên là Gail Jackson. Nếu “Kẻ siết cổ” không bị bắt vào ngày “1 tháng Chín”, “số nạn nhân sẽ tăng gấp đôi”. Lá thư cho thấy giấy dùng trong quân đội đã bị trộm và nhóm này có nguồn gốc từ Chicago.

Sự tiến triển này là cơn ác mộng tồi tệ nhất của mọi người. Một kẻ sát nhân tàn bạo lén lút quanh thành phố Columbus đã đủ kinh khủng rồi. Một động thái phản ứng với kẻ sát nhân này theo kiểu muốn trừng phạt tội phạm, có tổ chức và mang tính chết chóc, có thể khiến cộng đồng trở nên hỗn loạn.

Những lá thư khác được gửi tới, gia tăng căng thẳng bằng cách đòi một món tiền chuộc 10.000 đô la, khi cảnh sát điên cuồng truy tìm bất kỳ kẻ nào trong bảy tên da trắng này nhưng bất thành. Gail Jackson là một gái bán hoa nổi tiếng ở các quán rượu phục vụ cho Pháo đài Benning. Và quả thực cô ta đã mất tích.

Jud Ray là chỉ huy tại Phòng cảnh sát Columbus. Vốn là một cựu binh Lục quân trong chiến tranh Việt Nam và là một cảnh sát da màu, đã nỗ lực để có được cấp bậc hiện tại, anh ấy biết rõ cộng đồng không thể ổn định cho đến khi hai mối đe dọa từ Kẻ sát nhân bằng vớ da và tổ chức Thế lực tà ác bị dập tắt. Khi cuộc điều tra không tiến triển sau bao nhiêu nỗ lực và thời gian, bản năng cảnh sát trong anh ấy bảo rằng nhất định họ đã tìm sai người, sai cách. Anh ấy cố gắng cập nhật những tiến bộ trong ngành thi hành luật trên khắp cả nước và nghe nói đến chương trình mô tả nhân dạng ở Quantico. Ray đề nghị phòng cảnh sát liên hệ với Đơn vị Khoa học hành vi để xem chúng tôi nghĩ sao về vụ án này.

Ngày 31 tháng Ba, chúng tôi được Cục Điều tra bang Georgia đề nghị phân tích vụ án. Bất chấp những gì được nói đến trong lá thư đầu tiên, tất cả chúng tôi đều chắc chắn mối liên hệ với Lục quân và Pháo đài Benning không phải dạng thông thường. Bob Ressler, người từng là quân cảnh trước khi gia nhập Cục, nhận vai trò chỉ đạo.

Chúng tôi nộp báo cáo trong vòng ba ngày. Chúng tôi cảm thấy không có bằng chứng cho thấy Thế lực tà ác tự phong này gồm bảy người đàn ông da trắng. Thực ra, chúng tôi không tin tổ chức này có bất kỳ người da trắng nào. Sẽ chỉ có duy nhất một người da màu, đang cố đánh lạc hướng sự chú ý khỏi chính hắn và việc hắn đã giết Gail Jackson. Từ cách viết ngày tháng theo kiểu quân đội của hắn (ví dụ, "ngày 1 tháng Bảy")^[49] và sử dụng hệ đo lường mét thay vì feet hoặc yard^[50], cho thấy rõ ràng hắn từng tham gia quân ngũ. Những lá thư viết rất tẻ, loại trừ khả năng hắn là sĩ quan, một người vốn phải học hành tốt hơn. Từ kinh nghiệm cá nhân, Bob cảm thấy gã này là một pháo thủ hoặc quân cảnh, 25-30 tuổi. Chắc chắn hắn đã giết người phụ nữ khác, có lẽ cũng là gái bán hoa - đó là ý nghĩa thực của câu nói "số nạn nhân sẽ tăng gấp đôi" - và chúng tôi nghĩ có khả năng hắn cũng là Kẻ sát nhân bằng vớ da.

Khi bản mô tả của chúng tôi được phổ biến ở Pháo đài Benning và các quán rượu, hộp đêm mà nạn nhân thường đến, Lực quân và cảnh sát Columbus nhanh chóng tìm được cái tên William H. Hance, một hạ sĩ quan người da màu, hai mươi sáu tuổi, được phân công đến một đơn vị pháo binh tại Pháo đài. Hance nhận tội giết Gail Jackson, Irene Thirkield và một phụ nữ khác, một binh sĩ Lực quân tên Karen Hickman, tại Pháo đài Benning vào mùa thu năm ngoái. Hance thừa nhận hance đã bịa ra Thế lực tà ác để đánh lạc hướng cảnh sát.

Kẻ sát nhân bằng vớ da thực sự bị một nhân chứng tại một trong các hiện trường nhận diện qua một tấm ảnh, là Carlton Gary, một thanh niên da màu hai mươi bảy tuổi, sinh ra và lớn lên ở Columbus. Hance bị bắt sau một loạt vụ cướp nhà hàng nhưng trốn thoát và mãi đến tháng Năm năm 1984 mới bị bắt lần nữa. Cả Hance và Gary đều bị buộc tội và lãnh án tử hình vì tội danh của chúng.

Sau khi thành phố ổn định trở lại, Jud Ray xin nghỉ phép để quản lý một chương trình tại Đại học Georgia nhằm tuyển dụng người dân tộc thiểu số và phụ nữ vào lực lượng thi hành luật. Khi dự án này kết thúc, anh ấy định trở lại công việc cảnh sát. Nhưng với kinh nghiệm quân ngũ và điều tra của mình, chưa kể việc anh ấy là người da màu và lúc này Cục đang rất muốn gây dựng danh tiếng là một nơi tuyển dụng mang đến cơ hội bình đẳng cho mọi người, Jud chấp nhận một lời đề nghị từ FBI. Tôi gặp anh ấy lần đầu vào một dịp bình thường, khi anh ta đến Quantico trong chương trình đào tạo đặc vụ mới. Sau đó Jud được điều đến Văn phòng thực địa Atlanta, nơi kinh nghiệm và kiến thức về khu vực cũng như người dân địa phương của anh ấy được xem là một tài sản vô cùng lớn.

Lần tiếp theo chúng tôi gặp nhau là cuối năm 1981, khi tôi xuống Atlanta tham gia điều tra vụ ATKID. Cũng như mọi người ở văn phòng thực địa, Jud tham gia sâu vào cuộc điều tra. Mỗi đặc vụ là thành viên của một nhóm điều tra năm vụ ATKID, và lịch làm việc của Jud căng như dây đàn.

Không chỉ vậy, anh ấy còn chịu áp lực rất lớn từ một việc khác. Cuộc hôn nhân của Jud vốn đã rạn nứt một thời gian, bây giờ sắp tan vỡ. Vợ anh ấy uống rượu như hũ chìm, suốt ngày mắng nhiếc

anh ấy, cư xử lại thất thường. "Tôi không biết người phụ nữ đó là ai nữa", anh ấy nói. Cuối cùng, một buổi tối Chủ nhật, anh ấy đưa ra tối hậu thư với vợ: hoặc cô ta phải thay đổi và tìm kiếm sự giúp đỡ hoặc anh ấy sẽ mang hai đứa con gái - một đứa mười tám tháng, một đứa tám tuổi - rời đi.

Thật ngạc nhiên là Jud bắt đầu thấy những dấu hiệu tích cực. Cô ta bắt đầu quan tâm đến chồng và hai cô con gái hơn. "Tôi thấy tính cách cô ấy thay đổi đột ngột. Cô ấy không uống rượu nữa", anh ấy nhớ lại. "Cô ấy bắt đầu thể hiện tình cảm với tôi. Lần đầu tiên sau mười ba năm kết hôn, cô ấy dậy sớm để làm bữa sáng cho tôi. Đột nhiên, cô ấy trở thành đúng cái người mà tôi hằng mong muốn."

Nhưng sau đó anh nói thêm, "Lẽ ra tôi nên biết không thể nào có chuyện tốt như vậy. Đó là điều tôi sẽ dạy cho các cảnh sát sau này. Nếu vợ hoặc chồng của các đồng chí đột nhiên thay đổi thái độ triệt để - dù theo hướng tích cực hay tiêu cực - thì các đồng chí phải nghi ngờ ngay."

Trên thực tế thì vợ Jud đã quyết định thuê người giết anh ấy và đang kéo dài thời gian đến khi cô ta có thể thu xếp xong chuyện đó. Nếu thành công, cô ả sẽ tránh được tổn thương và sự bẽ bàng của một cuộc ly hôn tồi tệ, được nuôi hai đứa con, và nhận 250.000 đô la tiền bảo hiểm. Làm góa phụ của một cảnh sát bị giết hại với cuộc sống đau thương nhưng sung túc vẫn tốt hơn nhiều so với cuộc sống cô độc sau ly hôn.

Jud không hề hay biết có hai gã đang theo dõi nhất cử nhất động và thói quen của anh suốt nhiều ngày. Chúng chờ bên ngoài chung cư của anh vào buổi sáng và bám theo anh trên đường 1-20 đến Atlanta mỗi ngày. Bọn chúng đang tìm cơ hội anh không phòng bị để tấn công thành công và trốn thoát mà không bị ai nhìn thấy.

Nhưng chúng nhanh chóng nhận ra một vấn đề. Jud đã làm cảnh sát đủ lâu để nguyên tắc đầu tiên mà một cảnh sát học được đã trở thành bản năng: tay phải luôn luôn rảnh. Bất kể hai kẻ ám sát theo dõi anh đến đâu, có vẻ như tay phải của anh luôn sẵn sàng với lấy súng.

Chúng trở lại gặp vợ Jud và kể với cô ta vấn đề này. Chúng muốn hạ anh trong bãi đậu xe bên ngoài chung cư, nhưng Jud có thể đáp

trả ít nhất một trong hai tên trước khi chúng có thể hạ gục anh. Cô ta phải làm gì đó với bàn tay phải rảnh rỗi đó.

Không để một chi tiết như vậy ngáng đường, cô ta mua một chiếc cốc đựng cà phê đi đường và đề nghị Jud mang theo đi làm mỗi sáng. "Suốt mười ba năm, cô ta chưa bao giờ làm bữa sáng cho tôi hay bọn nhỏ, mà bây giờ cô ta muốn tôi mang cốc cà phê chết tiệt đó theo."

Anh ấy phản đối. Sau bao nhiêu năm, đơn giản là anh ấy không thể quen với việc lái xe mà tay trái đặt trên vô lăng còn tay phải thì cầm một cốc cà phê. Sự việc này diễn ra trước khi đồ đựng cốc trong xe hơi trở nên phổ biến. Nếu lúc đó có món đó này, câu chuyện có lẽ đã kết thúc hoàn toàn khác.

Hai tên sát thủ trở lại tìm vợ Jud. "Chúng tôi không thể hạ anh ta ở bãi đậu xe", một trong hai tên thông báo. "Chúng tôi phải hạ anh ta trong nhà."

Thế là vụ ám sát được lên kế hoạch vào đầu tháng Hai. Vợ Jud đưa hai cô con gái ra ngoài vào buổi tối, Jud ở nhà một mình. Hai tên sát thủ đến khu chung cư, vào hành lang và tới trước cửa căn hộ, rồi nhấn chuông. Vấn đề duy nhất ở đây là chúng đã nhầm số nhà. Khi một người đàn ông da trắng ra mở cửa, hai tên này hỏi có người đàn ông da màu nào sống ở đây không. Người này vô tư đáp rằng chúng đã nhầm nhà. Anh Ray sống ở đằng kia. Nhưng bây giờ bọn chúng đã bị người hàng xóm này nhìn thấy. Nếu tối nay xảy ra một vụ tấn công, anh ta chắc chắn không thể quên hai người đàn ông da màu đã hỏi nơi ở của Jud Ray khi cảnh sát lấy lời khai. Thế là chúng rời đi.

Sau đó, vợ Jud trở về nhà, cho rằng vụ việc đã xong. Cô ta chần chừ nhìn quanh rồi rón rén vào phòng ngủ, trong đầu đã chuẩn bị sẵn cho cuộc gọi tới 911, nói rằng có chuyện khủng khiếp đã xảy ra với chồng mình. Cô ta đi vào thì thấy Jud đang nằm trên giường. Cô ta vẫn đang rón rén bước đi. Anh quay sang và hỏi "Em làm cái quái gì vậy?" khiến cô ta tá hỏa và chạy vụt vào nhà tắm.

Nhưng những ngày sau đó, hành vi tích cực của cô ta vẫn tiếp diễn và Jud nghĩ cô ta đã thực sự thay đổi. Khi nghĩ lại, dù nghe có vẻ ngây thơ, nhưng sau bao nhiêu năm "cơm không lành canh

không ngọt”, ai cũng khao khát mọi chuyện đã thực sự chuyển biến tốt.

Vụ tấn công diễn ra hai tuần sau buổi tối đó, vào ngày 21 tháng Hai năm 1981. Lúc này Jud đang điều tra vụ sát hại Patrick Baltazar. Đây có lẽ là tiến triển lớn trong cuộc điều tra ATKID vì lông và sợi tìm thấy trên cơ thể cậu bé mười hai tuổi này dường như trùng khớp với các mẫu lông và sợi tìm thấy ở các nạn nhân trước của kẻ sát hại trẻ em này.

Tối đó, vợ Jud làm món Ý. Anh ấy không hề hay biết cô ta đã bỏ rất nhiều thuốc an thần phenobarbital vào nước sốt của món spaghetti. Theo kế hoạch, cô ta đưa hai con gái đi thăm người dì của mình. Sau đó, Jud ở nhà một mình, trong phòng ngủ. Anh nghĩ mình nghe thấy âm thanh gì đó từ phía trước căn hộ. Đèn hành lang thay đổi, mờ đi. Ai đó đã tháo cái bóng đèn trong phòng ngủ của cô con gái lớn. Sau đó anh nghe thấy những giọng nói bị nghẹt trên hành lang. Chuyện là tên sát thủ thứ nhất cảm thấy sợ. Lúc này bọn chúng đang thảo luận xem nên làm gì. Jud không biết tại sao bọn chúng vào được nhưng bấy giờ việc đó không quan trọng. Chúng đang ở trong nhà anh.

“Ai đó?” Jud quát to.

Đột nhiên, một viên đạn được bắn ra, nhưng không trúng anh. Jud thụp xuống sàn, nhưng viên thứ hai bắn trúng cánh tay trái của anh. Xung quanh vẫn rất tối. Anh đang cố nấp đằng sau chiếc giường lớn.

“Ai đó?” Anh hỏi. “Các người muốn gì?”

Phát súng thứ ba bắn trúng giường, rất gần Jud. Trong đầu anh đang nghĩ đến kỹ thuật sinh tồn, cố gắng đoán xem đó là loại súng nào. Nếu là một khẩu Smith & Wesson, chúng sẽ còn ba viên đạn. Nếu là một khẩu Colt, vậy chúng chỉ còn hai viên.

“Này, anh kia!” Jud hô to. “Chuyện gì đây? Sao lại muốn giết tôi? Cứ lấy bất cứ thứ gì anh muốn và ra khỏi đây. Tôi chưa thấy anh. Đừng giết tôi.”

Không có tiếng trả lời. Nhưng lúc này Jud có thể thấy bóng hằn đổ xuống nhờ ánh trăng.

Tối nay mình sẽ chết, Jud tự nhủ. Mình không có cách nào thoát khỏi vụ này. Nhưng mình biết rõ sự việc sẽ thế nào. Mình không muốn ngày mai các thanh tra bước vào đây và nói, "Cái thằng tội nghiệp, không hề chống trả gì. Hắn chỉ biết để bọn chúng vào đây và xử tử hắn." Jud quyết tâm rằng khi các thanh tra trông thấy hiện trường, họ sẽ biết anh có chống trả gã khốn này.

Điều đầu tiên anh cần làm là lấy súng, mà nó đang nằm trên sàn ở phía bên kia giường. Nhưng cái giường bỗng trở nên quá rộng để leo qua khi có người đang cố giết bạn.

Rồi anh nghe một tên nói: "Đứng im đi thằng ngu!"

Trong bóng tối, Jud leo trở lên giường, cố gắng nhích về phía mép giường và cây súng của mình. Anh đến gần hơn, vô cùng chậm rãi nhưng anh cần thêm điểm tựa để hành động cuối cùng đạt hiệu quả.

Khi bốn ngón tay anh đang nắm chặt mép giường, anh lộn người xuống sàn nhưng khi rơi xuống, ngực anh lại đè lên bàn tay phải. Và vì đã bị bắn vào cánh tay trái nên bàn tay trái của Jud không đủ sức với lấy khẩu súng. Ngay khi đó, tên sát thủ nhảy lên giường. Hắn bắn Jud ở cự ly rất gần.

Jud cảm thấy như thể vừa bị một con la đá cho một phát. Một điều gì đó bên trong anh ta sụp đổ. Anh không rõ hết các chi tiết kỹ thuật nhưng viên đạn đã xuyên qua lưng anh, làm vỡ lá phổi bên phải, xuyên qua khoảng trống liên sườn thứ ba giữa các xương sườn và đi ra từ trước ngực, găm vào bàn tay phải mà anh đang nắm đè lên.

Tên sát thủ nhảy khỏi giường, đứng phía trên Jud, đưa tay dò mạch của anh. "Thế đấy, thằng khốn!" Hắn kêu lên, rồi bước ra ngoài.

Jud bị sốc. Anh nằm trên sàn, hơi thở dồn dập. Anh không biết mình đang ở đâu hay chuyện gì đang xảy ra với mình. Rồi anh nghĩ hắn là mình đã trở lại chiến trường ở Việt Nam. Anh ngửi thấy mùi khói, cảm giác họng súng nổ tung nhưng không thở được. Jud nghĩ, "Có lẽ mình không thực sự ở Việt Nam. Có lẽ mình chỉ đang mơ thôi. Nhưng nếu thế thì tại sao lại khó thở đến vậy?"

Anh cố gượng dậy, lết đến chỗ ti vi và bật nó lên. Có lẽ việc này sẽ cho anh biết mình có đang mơ không. Johnny Carson và chương trình *Tonight* hiện lên màn hình. Anh vươn tay chạm vào màn hình, cố gắng đoán xem nó có thật không, để lại một vết máu ướm đầm trên đó.

Anh cần uống chút nước. Anh đi về phía phòng tắm, mở vòi nước và cố gắng hứng nước bằng bàn tay. Chính lúc đó, anh nhìn thấy viên đạn găm vào bàn tay phải của mình và máu chảy rùng rùng từ ngực. Bây giờ anh đã biết chuyện gì vừa xảy ra với mình. Jud trở lại phòng ngủ, nằm xuống chân giường và chờ chết. Nhưng anh đã làm cảnh sát quá lâu. Anh không thể ra đi lặng lẽ như thế này. Ngày mai, khi các thanh tra đến, họ phải thấy anh đã cố gắng. Anh lại đứng dậy, đến chỗ đặt điện thoại và quay số 0. Khi nhân viên tổng đài bắt máy, anh cố gắng hít thở, nói với cô ấy rằng mình là đặc vụ FBI và vừa bị bắn. Nhân viên này lập tức nối máy cho anh tới Phòng Cảnh sát quận Dekalb.

Một nữ cảnh sát trẻ nghe máy. Jud nói với cô rằng mình là đặc vụ FBI và vừa bị bắn. Nhưng anh hầu như không thể nói nên lời. Anh đã bị bỏ thuốc mê, mất rất nhiều máu, giọng nói lè nhè.

"Ý anh là sao, anh là đặc vụ FBI?" Cô thách thức. Jud nghe cô la lên với trung sĩ của mình là có một gã say đang gọi điện, nói mình là người của FBI. Trung sĩ muốn cô làm gì đây? Tay trung sĩ nói cô có thể gác máy.

Lúc đó, tổng đài viên xen vào, bảo họ rằng anh nói thật và họ phải cử người đến giúp ngay lập tức. Cô ấy sẽ không tha cho họ đến khi họ đồng ý.

"Cô tổng đài viên đó đã cứu mạng tôi", sau này Jud kể với tôi.

Anh ngất xỉu khi cô tổng đài viên xen vào và chỉ tỉnh lại khi nhóm nhân viên cấp cứu đặt máy thở ôxy lên mặt mình. "Đừng chuẩn bị sốc điện cho anh ấy", anh nghe người trưởng nhóm nói. "Anh ấy sẽ không qua khỏi đâu."

Nhưng họ đưa anh đến Bệnh viện Đa khoa DeKalb, nơi một bác sĩ phẫu thuật ngực đang chờ. Và khi nằm trên băng ca trong phòng

cấp cứu, xung quanh là các bác sĩ cuống cuồng cố gắng cứu mạng mình, Jud đã biết sự thật.

Với sự minh mẫn nhờ đối diện với cái chết trong gang tấc, anh tự nhủ, "Đây không phải hành động trả thù. Mình đã bỏ tù rất nhiều người, nhưng họ không thể đến gần mình như thế. Người duy nhất có thể là người mà mình hoàn toàn tin tưởng."

Khi Jud ra khỏi phòng phẫu thuật và được đưa đến phòng chăm sóc đặc biệt, SAC ở Atlanta, John Glover, đến bệnh viện. Glover đã gánh vác áp lực của vụ ATKID suốt nhiều tháng và bây giờ thêm cả vụ này. Cũng như những đứa trẻ đã chết và Jud, Glover là người da màu, một trong những người da màu có cấp bậc cao nhất trong Cục.

"Hãy tìm vợ tôi", Jud thì thầm với anh ta. "Buộc cô ta khai về chuyện đã xảy ra." Glover cho rằng Jud vẫn còn mê sảng nhưng bác sĩ lại bảo không phải - anh đang tỉnh táo và đầy cảnh giác.

Jud ở bệnh viện hai mươi một ngày, phòng bệnh của anh được canh sát có vũ trang bảo vệ vì không ai biết những tên sát thủ là ai hay liệu chúng có trở lại để kết liễu anh hay không. Trong khi đó, vụ án của anh không có tiến triển gì. Vợ Jud tỏ ra bị sốc, lo lắng về chuyện đã xảy ra và cảm ơn trời vì anh không chết. Giá mà cô ta ở nhà đêm hôm đó.

Ở phòng canh sát, một nhóm đặc vụ đang điều tra các manh mối. Jud đã làm canh sát rất nhiều năm. Anh có thể có rất nhiều kẻ thù. Khi đã biết chắc anh sẽ bình phục, câu hỏi được đặt ra là, với câu chữ mang tính giảm nhẹ giống sê-ri chương trình truyền hình ăn khách *Dallas*: "Ai đã bắn J.R.?"

Mất hai tháng anh ấy mới có thể trở lại sinh hoạt bình thường. Cuối cùng anh ấy cũng xử lý đồng hóa đơn đã chắt đồng kể từ vụ tấn công. Jud rên rĩ khi nhìn hóa đơn tiền điện thoại của Southern Bell trị giá hơn 300 đô la. Nhưng khi xem xét hóa đơn, trong đầu anh ấy bắt đầu xâu chuỗi các tình tiết của vụ án.

Hôm sau, anh vào văn phòng và nói anh nghĩ tờ hóa đơn điện thoại này chính là điểm mấu chốt. Là nạn nhân, lẽ ra Jud không

được điều tra vụ án của chính mình, nhưng các đồng nghiệp của anh vẫn lắng nghe.

Trên tờ hóa đơn liệt kê một số cuộc gọi đến Columbus. Từ công ty điện thoại, họ lấy được tên và địa chỉ đăng ký số điện thoại đó. Jud thậm chí còn không biết người này. Thế là anh ấy và một số đặc vụ khác lên xe, chạy quãng đường hơn trăm cây số đến Columbus. Điểm đến của họ là nhà của một nhà truyền giáo, mà theo Jud thực ra giống một con buôn lươn lẹo hơn.

Các đặc vụ FBI đe dọa hăm nhưng hăm chối, nói mình không liên quan gì đến vụ ám sát bất thành này. Các đặc vụ không tha cho hăm dễ dàng như vậy. Đây là người của chúng tôi, họ nói với hăm, và chúng tôi sẽ tìm ra (những) kẻ đã gây ra việc này.

Rồi câu chuyện bắt đầu tiến triển. Ở Columbus, gã truyền giáo nổi tiếng là người có thể "giải quyết mọi chuyện". Vợ Jud đã đề nghị hăm thực hiện vụ ám sát vào tháng Mười nhưng hăm nói hăm sẽ không làm. Cô ta bảo sẽ tìm người chịu làm và hỏi mượn điện thoại, nói rằng cô ta sẽ trả hăm tiền cho mấy cuộc gọi đường dài. Gã truyền giáo khai với các đặc vụ rằng cô ta gọi lại cho một người hàng xóm cũ ở Atlanta, từng tham gia Lục quân trong Chiến tranh Việt Nam cùng Jud và biết sử dụng súng. Cô ta nói với hăm, "Chúng ta phải làm cho xong chuyện này!" Và trên hết, gã truyền giáo còn nói, "Cô Ray không trả hề tiền cho mấy cuộc gọi đó".

Các đặc vụ lên xe trở về Atlanta, nơi họ chạm trán với người hàng xóm cũ. Trong cuộc thẩm vấn dồn dập, hăm thừa nhận vợ Jud đã hỏi hăm về việc ám sát theo hợp đồng nhưng hăm thề hăm không biết Jud là người cô ta muốn giết. Dù sao đi nữa, hăm bảo với cô ta là hăm không biết ai làm công việc đó và cho cô ta liên hệ với em rể của mình, người có thể biết ai đó. Đến lượt mình, ông em rể giới thiệu cho cô ta một người khác, tên này đồng ý nhận việc và thuê hai gã khác làm người ám sát.

Vợ Jud, em rể của người hàng xóm cũ, gã nhận hợp đồng và hai tên sát thủ đều bị truy tố. Người hàng xóm cũ bị phán là đồng lõa không bị truy tố. Cả năm tên bị truy tố đều bị buộc tội ám sát bất thành, âm mưu giết người và cướp của. Mỗi tên nhận án tù mười năm, mức án cao nhất mà thẩm phán có thể đưa ra.

Thình thoảng tôi lại thấy Jud khi tham gia vụ ATKID. Không lâu sau, anh ấy bắt đầu tìm tôi trò chuyện. Vì tôi không phải đồng nghiệp của anh ấy ở văn phòng nhưng lại biết được áp lực công việc, thấu hiểu anh ấy đã và sẽ trải qua những gì, tôi đoán anh ấy cảm thấy mình có thể tâm sự với tôi. Ngoài những cảm xúc nảy sinh từ một sự việc như vậy, anh ấy còn bảo việc phát sóng công khai chuyện gia đình khiến anh ấy cảm thấy đau đớn và xấu hổ.

Với những gì Jud phải chịu đựng, Cục muốn làm điều tốt nhất cho anh và nghĩ rằng việc chuyển anh đến một văn phòng thực địa khác, xa Atlanta, sẽ giúp anh phục hồi. Nhưng sau khi nói chuyện và đồng cảm với Jud, tôi không nghĩ thế. Tôi nghĩ Jud nên ở lại nơi này một thời gian.

Tôi tìm gặp John Glover, SAC ở Atlanta. Tôi nói, "Nếu anh chuyển công tác cho anh ấy, anh đang hủy đi sự ủng hộ mà anh ấy có ở ngay trong văn phòng này. Anh ấy cần ở lại đây. Hãy cho anh ấy một năm để lo liệu cuộc sống của con cái ổn định hơn và gần với người dì đã giúp nuôi nấng anh ấy." Tôi đề nghị, nếu có thể thì nên để anh ấy đến Cơ sở vệ tinh ở Columbus, vì anh ấy đã làm cảnh sát ở đó và vẫn quen biết một vài đồng nghiệp.

Họ quả thực đã để anh ở lại khu Atlanta - Columbus, nơi anh bắt đầu sắp xếp lại cuộc sống của mình. Sau đó anh chuyển đến Văn phòng thực địa ở New York, với công việc chính là phản gián. Anh cũng trở thành chuyên viên điều phối mô tả nhân dạng của văn phòng này - người liên lạc giữa cảnh sát địa phương và đơn vị của tôi ở Quantico.

Khi trong đơn vị có vị trí trống, chúng tôi tuyển Jud, cùng Roseanne Russo cũng đến từ New York và Jim Wright đến từ Văn phòng thực địa Washington, người đã dành hơn một năm để điều tra vụ án của John Hinckley và tham gia phiên tòa xử hắn. Cuối cùng, Roseanne rời đơn vị để đảm đương nhiệm vụ phản gián ở Văn phòng thực địa Washington. Jud và Jim đều gặt hái nhiều thành tựu, là những thành viên nổi tiếng khắp thế giới của đơn vị và là bạn bè thân thiết của tôi. Khi tôi trở thành trưởng đơn vị, Jim Wright đã thay tôi quản lý chương trình mô tả nhân dạng.

Jud nói rằng anh bị sốc khi chúng tôi chọn anh. Nhưng anh vốn là một điều phối viên nổi trội ở New York, và vì kinh nghiệm thi hành luật dày dặn của mình, ngay từ đầu anh đã rất phù hợp với chương trình. Anh học hỏi rất nhanh và có khả năng phân tích cực tốt. Là một cảnh sát, anh đã thấy nhiều vụ án kiểu này trong ngành và đưa quan điểm đó vào các vụ án.

Trong lúc giảng dạy, có cơ hội là Jud không ngại đề cập đến vụ ám sát hụt của chính mình và những hậu quả của nó. Thậm chí anh còn có một đoạn băng ghi âm cuộc gọi cấp cứu của mình, thỉnh thoảng anh phát cho lớp nghe. Nhưng khi đó anh không thể ở lại trong phòng học. Anh sẽ bước ra ngoài đến khi đoạn băng phát xong.

Tôi nói với anh: "Jud, đây là một điều vĩ đại". Tôi giải thích rằng rất nhiều yếu tố ở hiện trường - các dấu chân, vết máu trên ti vi - có thể gây hiểu lầm hoặc hoàn toàn vô nghĩa. Bây giờ chúng tôi đang bắt đầu hiểu rằng những yếu tố có vẻ như vô lý lại có thể có một lời giải thích hợp lý. "Nếu anh sử dụng vụ án này", tôi bảo anh, "đó có thể là một công cụ giảng dạy cực kỳ giá trị."

Jud đã làm như tôi nói, vụ án của anh ấy trở thành một trong những vụ án thú vị nhất và cung cấp nhiều kiến thức nhất mà chúng tôi từng dạy. Việc đó trở thành liều thuốc xoa dịu anh: "Tôi xem đây như một khám phá cá nhân bất ngờ. Trong lúc chuẩn bị dạy, tôi như bước vào một con hẻm mà tôi chưa từng đặt chân đến. Mỗi lần nói về chuyện đó với những người tôi có thể tin tưởng, tôi lại khám phá ra một con hẻm khác. Các vụ giết vợ/chồng theo hợp đồng, thành công hay thất bại, xảy ra ngày càng nhiều ở đất nước này, nhiều hơn mức chúng ta muốn tin. Gia đình các nạn nhân thường cảm thấy xấu hổ, không ai chịu nói về vụ việc." Quan sát Jud dạy về vụ án này là một trong những trải nghiệm làm tôi cảm động nhất khi là một giảng viên ở Học viện. Và tôi biết mình không đơn độc. Cuối cùng, anh đã phục hồi đến ngưỡng có thể ở lại lắng nghe đoạn băng ghi âm cuộc gọi cấp cứu.

Đến lúc Jud trở thành thành viên trong đơn vị của tôi, tôi đã làm khá nhiều nghiên cứu về hành vi sau phạm tội. Tôi thấy rõ rằng dù cố gắng đến đâu, đa phần những gì mà tên tội phạm làm sau khi

phạm tội vượt ngoài khả năng kiểm soát có ý thức của hắn. Kết quả từ vụ án của chính mình làm Jud trở nên hứng thú với vấn đề hành vi *trước* khi phạm tội. Trong suốt một khoảng thời gian, chúng tôi đã hiểu tầm quan trọng của các tác nhân gây căng thẳng tích lũy theo thời gian là sự kiện riêng biệt dẫn đến hành vi phạm tội. Nhưng Jud đã mở rộng đáng kể phạm vi hiểu biết của cả đơn vị và chứng tỏ tầm quan trọng của việc tập trung vào hành vi và hành động giữa các cá nhân trước khi tội ác diễn ra. Một sự thay đổi triệt để hoặc thậm chí khó phát hiện nhưng lại đáng kể trong hành vi của bạn đời/người tình, có thể có nghĩa là anh/cô ta đã bắt đầu lên kế hoạch thay đổi tình trạng hiện tại. Nếu người chồng/vợ trở nên bình tĩnh một cách bất ngờ hoặc thân thiện và chấp nhận thực tại hơn trước, điều đó có thể có nghĩa là anh/cô ta đã xem sự thay đổi đó là việc không thể tránh khỏi hoặc sắp xảy ra.

Rất khó điều tra các vụ giết vợ/chồng theo hợp đồng. Người còn sống đã chôn chặt cảm xúc. Cách duy nhất để phá án là thuyết phục ai đó chịu nói ra và bạn phải hiểu cách hành xử của họ trong từng trường hợp cũng như điều gì đã thực sự xảy ra để có thể tường tận kiểu vụ án này. Tương tự việc bố trí lại hiện trường vụ án có thể khiến cảnh sát đi chệch hướng, hành vi trước khi phạm tội của người vợ/chồng cũng là một kiểu dàn dựng.

Hơn bất cứ điều gì khác, vụ án của Jud là một bài học khách quan cho chúng tôi về việc các nhà điều tra có thể diễn giải sai hành vi tại một hiện trường phạm tội. Nếu Jud mất mạng, có lẽ chúng tôi đã có những kết luận sai lầm.

Một trong những điều đầu tiên mà một cảnh sát mới vào ngành được dạy là không được phá hỏng hiện trường. Nhưng với những hành động gần như vô thức, dù bản thân là một cảnh sát và đặc vụ dày dạn kinh nghiệm, Jud lại tình cờ phá hỏng hiện trường vụ án của chính mình. Chúng tôi có thể diễn giải những dấu chân và bằng chứng di chuyển của anh theo hướng một vụ trộm leo thang - rằng những kẻ đột nhập đã đưa anh đi quanh phòng, buộc anh nói cho chúng biết nơi giấu món đồ vật nào đó. Vết máu ở màn hình ti vi có thể cho thấy Jud đang nằm trên giường xem ti vi thì bị bất ngờ và lập tức bị bắn.

Điểm quan trọng nhất, như Jud nói với tôi, là “nếu tôi chết, tôi hoàn toàn tin rằng cô ta sẽ thoát tội. Vụ việc được lên kế hoạch kỹ lưỡng và những hành động của cô ta thì đều được mọi người trong khu nhà xác nhận. Họ sẽ hoàn toàn tin tưởng cô ta là người vợ đang đau buồn vì cái chết của chồng mình.”

Như tôi đã nói, Jud và tôi trở thành bạn bè thân thiết; anh ấy có lẽ là người giống anh trai nhất mà tôi từng có. Tôi thường đùa là anh ấy phải cho tôi nghe đoạn băng ghi âm ngay trước lúc đánh giá hiệu suất, để bảo đảm tôi hoàn toàn cảm thông với anh ấy. Nhưng may mắn là việc đó hoàn toàn không cần thiết. Thành tích của Jud Ray đã nói lên tất cả. Bây giờ anh ấy là trưởng Đơn vị Đào tạo Quốc tế, nơi mà kỹ năng và kinh nghiệm của anh sẽ rất hữu ích với các thể hệ đặc vụ và nhân viên cảnh sát mới. Nhưng dù ở bất cứ nơi đâu, anh sẽ luôn là người của chúng tôi và là một trong những thành viên giỏi nhất - một trong số rất ít nhân viên thi hành luật sống sót khi bị ám sát nhờ vào phẩm chất và sức mạnh ý chí thuần túy, sau đó đã tự tay đưa những kẻ gây án ra trước công lý.

CHƯƠNG 13

Trò chơi nguy hiểm nhất

Năm 1924, tác giả Richard Connell đã viết một truyện ngắn với tựa đề "Trò chơi nguy hiểm nhất". Câu chuyện nói về một thợ săn chuyên săn thú rừng lớn tên là Tướng Zaroff, người đã chán đuổi theo các con thú và bắt đầu săn một loại con mồi thông minh hơn và thách thức hơn: con người. Câu chuyện đến nay vẫn còn phổ biến. Lauren, con gái tôi, gần đây có đọc câu chuyện đó ở trường.

Như chúng tôi biết, đến khoảng năm 1980, câu chuyện của Connell vẫn thuộc thể giới hư cấu. Nhưng điều đó đã thay đổi vì một người thợ làm bánh tử tế ở Anchorage, Alaska, tên là Robert Hansen.

Chúng tôi không mô tả nhân dạng Hansen hay đưa ra chiến thuật để nhận dạng và bắt hãn theo quy trình thông thường. Tháng Chín năm 1983, thời điểm mà đơn vị tôi được yêu cầu hỗ trợ, cảnh sát bang Alaska đã nhận diện Hansen là một nghi phạm giết người. Nhưng họ không chắc chắn về phạm vi các tội ác của hãn, hay liệu một đối tượng dường như không có khả năng, một người đàn ông của gia đình đáng kính và một trụ cột trong cộng đồng, lại có thể làm ra những điều khủng khiếp mà hãn đang bị buộc tội.

Sự việc như sau:

Vào ngày 13 tháng Sáu năm ngoái, một cô gái trẻ cuống cuống chạy đến chỗ một viên cảnh sát khu vực Anchorage. Một bên cổ tay cô gái đang treo lủng lẳng một cái còng tay, và cô ấy kể một câu chuyện rất khác thường. Cô ấy là gái bán hoa, mười bảy tuổi, được một người đàn ông thấp, mặt đỏ, tóc đỏ tiếp cận, đề nghị trả 200 đô la để khẩu giao trên xe hãn. Cô nói trong khi cô đang làm thì hãn còng tay cô lại và lôi ra một khẩu súng, sau đó lái xe đưa cô về nhà

hắn ở khu vực Muldoon sang trọng của thành phố. Không ai ở nhà. Hắn nói nếu cô hợp tác và làm theo lời hắn, hắn sẽ không hại cô. Nhưng sau đó hắn ép cô phải cởi hết quần áo, cưỡng bức cô và cắn hai nhũ hoa cũng như nhét một cây búa vào cửa mình khiến cô vô cùng đau đớn. Trong khi cô bị còng tay vào một cây cột dưới tầng hầm nhà hắn, không thể di chuyển thì hắn ngủ suốt mấy tiếng. Khi tỉnh dậy, hắn nói hắn rất thích cô nên sẽ đưa cô đến căn nhà gỗ nhỏ trong rừng của hắn bằng phi cơ riêng, họ sẽ quan hệ với nhau rồi hắn đưa cô trở về Anchorage và thả cô đi.

Nhưng cô ấy biết cơ hội được thả là rất thấp. Hắn đã cưỡng bức cô, tấn công cô mà không làm gì để che giấu thân phận của hắn. Nếu hắn đưa cô vào căn nhà gỗ đó, cô sẽ gặp rắc rối thực sự. Tại sân bay, trong khi kẻ bắt cóc đang chất đồ lên máy bay, cô gái đã xoay sở trốn được. Cô chạy nhanh hết sức, tìm người giúp đỡ. Đó là lúc cô tìm thấy viên cảnh sát.

Từ bản mô tả của cô gái, kẻ bắt cóc cỡ dường như là Robert Hansen. Hắn khoảng hơn bốn mươi tuổi, lớn lên ở Iowa và đã ở khu vực Anchorage mười bảy năm, nơi hắn đang làm chủ một tiệm bánh đắt khách và được xem là một nhân vật nổi bật trong cộng đồng. Hắn đã kết hôn, có hai đứa con, một gái và một trai. Viên cảnh sát chở cô gái đến nhà Hansen ở Muldoon, theo cô nói là nơi mình bị hành hạ. Họ đưa cô đến sân bay và cô nhận ra chiếc phi cơ Piper Super Cub thuộc về Robert Hansen.

Sau đó viên cảnh sát đến gặp Hansen và chất vấn hắn về lời khai của cô gái trẻ. Hắn đối đáp với vẻ tức giận, rằng hắn chưa từng gặp cô ấy và rõ ràng cô ấy đang cố gắng moi tiền của hắn vì hắn giàu. Ý tưởng đó thật điên rồ. "Chúng ta không thể cưỡng bức một ả gái điếm, đúng không?" Hắn nói với cảnh sát.

Và hắn có bằng chứng ngoại phạm cho cái đêm bị tố cáo. Vợ và hai con hắn đang nghỉ hè ở châu Âu, còn hắn ở nhà ăn tối với hai cộng sự kinh doanh. Hắn báo tên họ và họ làm chứng cho hắn. Cảnh sát không có bằng chứng buộc tội hắn - chỉ có lời khai của cô gái - nên hắn đã không bị bắt hay bị truy tố.

Tuy thiếu chứng cứ nhưng cảnh sát ở cả khu Anchorage và bang Alaska đã đánh hơi thấy điều lạ và biết có vấn đề ở đâu đó. Hồi năm

1980, các công nhân xây dựng đang đào đất trên đường Eklutna thì tình cờ phát hiện một thi thể phụ nữ không nguyên vẹn. Thi thể đã bị gấu ăn mất nhiều phần, có dấu hiệu bị đâm đến chết và chôn trong một huyết nông. Chỉ được biết với tên gọi "Eklutna Annie", danh tính người phụ nữ chưa bao giờ được xác định và kẻ sát hại cô ấy chưa bị bắt giữ.

Ở một thời điểm khác trong năm, thi thể của Joanne Messina được phát hiện trong một huyết mộ gần Seward. Sau đó, đến tháng Chín năm 1982, các thợ săn đi săn gần sông Knik phát hiện thi thể của Sherry Morrow hai mươi ba tuổi trong một huyết nông. Cô gái này là một vũ công bán khỏa thân, đã mất tích từ tháng Mười một năm ngoái. Cô ấy bị bắn ba phát, vỏ đạn được tìm ra ở hiện trường cho thấy các viên đạn được bắn từ một khẩu Ruger Mini 223 ly, loại súng trường đi săn có uy lực mạnh. Đáng tiếc, đó là vũ khí phổ biến ở Alaska nên rất khó truy tìm và thậm chí từng thợ săn sở hữu loại súng này. Nhưng điểm khác thường là không có vết đạn bắn trên trang phục cô ấy mặc, cho thấy cô ấy hẳn là đang khỏa thân khi bị bắn.

Gần tròn một năm sau, một thi thể khác được phát hiện trong một huyết mộ nông trên bờ sông Knik. Lần này, nạn nhân là Paula Golding, một thư ký thất nghiệp, đang làm việc ở một quán bar bán khỏa thân để kiếm sống. Cô ấy cũng bị bắn bằng một khẩu Ruger Mini-14. Cô ấy đã mất tích từ tháng Tư, và không có phát hiện gì thêm kể từ lúc đó cho đến khi cô gái bán hoa mười bảy tuổi bị bắt cóc và trốn thoát. Bây giờ, khi danh sách các vụ án chưa phá có thêm tên Golding, Cơ quan điều tra tội phạm của lực lượng cảnh sát bang Alaska quyết định tốt nhất nên theo dõi quý ngài Hansen.

Tuy cảnh sát đã xác định nghi phạm trước khi tôi nghe về hẳn nhưng tôi muốn bảo đảm đánh giá của tôi không bị ảnh hưởng bởi những kết quả điều tra đã có. Vì vậy, trước khi nghe họ báo cáo các thông tin chi tiết về nghi phạm trong buổi trao đổi qua điện thoại đầu tiên, tôi bảo, "Trước hết các anh hãy cho tôi biết về các vụ án và để tôi nói cho các anh nghe về gã này".

Họ mô tả các vụ giết người chưa được giải quyết và chi tiết câu chuyện của cô gái. Tôi mô tả một cảnh tượng và một cá nhân mà họ

nói là nghe rất giống nghi phạm của họ, giống đến cả tật nói lắp. Sau đó, họ kể cho tôi về Hansen, công việc và gia đình hắn, vị trí của hắn trong cộng đồng, danh tiếng thợ săn thú rừng của hắn. Nghe có giống loại người có thể thực hiện những vụ án này không?

Chắc chắn có thể, tôi bảo họ. Vấn đề là tuy họ có nhiều thông tin gián tiếp nhưng họ không có bằng chứng rõ ràng để truy tố hắn. Cách duy nhất để bắt giam hắn, điều mà họ vô cùng lo lắng khi thực hiện, là khiến hắn nhận tội. Họ đề nghị tôi đến hiện trường và hỗ trợ họ giải quyết vụ án.

Theo cách nào đó, việc này trái với những gì chúng tôi thường làm, đó là điều tra từ một đối tượng đã biết, cố gắng xác định xem cuộc sống, tính cách và hành vi của hắn có khớp với một chuỗi tội ác không.

Tôi đưa Jim Horn đi cùng, anh ấy vừa từ Cơ sở vệ tinh ở Boulder, Colorado đến gia nhập đơn vị của tôi. Chúng tôi đã cùng tham gia chương trình huấn luyện đặc vụ mới hồi trước, và cuối cùng khi tôi có quyền chọn bốn đặc vụ để làm việc với mình, tôi đã đề nghị Jim đến Quantico. Cùng với Jim Reese, Jim Horn hiện là một trong những chuyên gia xử lý áp lực hàng đầu ở Cục, một chức năng thiết yếu trong lĩnh vực của chúng tôi. Nhưng vào năm 1983, đây là một trong những vụ án đầu tiên của anh ấy ở khía cạnh nghiên cứu hành vi.

Đến Anchorage là một trong những chuyến công tác thú vị nhưng khó chịu nhất của tôi. Chúng tôi đã có một chuyến bay qua biển kinh hoàng vào ban đêm. Khi đến nơi, cảnh sát đón và đưa chúng tôi đến khách sạn. Trên đường, chúng tôi đi ngang qua một số quán bar mà các nạn nhân đã làm việc. Hầu như lúc nào thời tiết cũng quá lạnh, các cô gái làng chơi không thể làm việc ngoài đường nên họ liên hệ làm ăn với các quán rượu, mà các quán này mở cửa gần như hai mươi tư giờ một ngày. Có lẽ các quán này đóng cửa khoảng một giờ đồng hồ để dọn dẹp và đuổi mấy tay khách say xỉn đi. Lúc ấy, Alaska là một trong những bang có tỷ lệ tự tử, nghiện rượu và mắc bệnh hoa liễu cao nhất cả nước do một lượng lớn người đổ về trong thời gian ngắn để tham gia xây dựng đường ống dầu.

Nơi này gần như trở thành phiên bản hiện đại của khu vực Miền Tây Hoang dã.

Tôi cảm thấy không khí nơi đây rất lạ. Dường như đang diễn ra sự mâu thuẫn giữa người bản địa và những người đến từ “bốn mươi tám bang vùng thấp”. Có rất nhiều đàn ông vạm vỡ đi lại trên phố với những hình xăm lớn và trông như thể vừa bước ra từ một áp phích quảng cáo của Marlboro. Đường xá xa xôi nên hầu như tất cả mọi người đều có phi cơ, Hansen cũng không phải ngoại lệ.

Ở vụ án này, điều quan trọng với chúng tôi là: Đây là lần đầu việc mô tả nhân dạng được sử dụng để hỗ trợ xin lệnh khám xét. Chúng tôi bắt đầu phân tích mọi điều mình biết về các vụ án và Robert Hansen.

Các nạn nhân đã biết đều là gái bán hoa hoặc vũ công bán khỏa thân. Họ thuộc một nhóm lớn gồm các nạn nhân đi lại ở vùng Bờ biển phía Tây. Vì họ đến và đi trong thời gian ngắn, và họ thường không có thói quen khai báo tạm trú nên nếu có chuyện gì xảy ra với họ, cũng khó mà biết được cho đến khi xuất hiện một thi thể nào đó. Đây cũng chính là vấn đề mà cảnh sát và FBI đã đối mặt trong vụ Kẻ sát nhân sông Xanh ở bang Washington. Vì vậy, việc chọn nạn nhân là rất quan trọng. Kẻ sát nhân chỉ nhắm đến những phụ nữ mà dù có biến mất cũng không ai nhớ đến.

Chúng tôi không biết hết về Hansen nhưng những gì chúng tôi biết trùng khớp với một hình mẫu. Hắn có dáng người thấp và gầy, mặt rỗ nặng, và mắc tật nói lắp nghiêm trọng. Tôi phỏng đoán ở tuổi dậy thì, hắn gặp vấn đề nghiêm trọng về da, cộng thêm tật nói lắp, có lẽ vì thế mà hắn bị mọi người xung quanh trêu ghẹo hoặc xa lánh, đặc biệt là các cô gái. Bởi vậy, lòng tự tôn của hắn sẽ thấp. Đó có thể cũng là lý do hắn chuyển đến Alaska - khởi đầu mới ở một vùng đất mới. Nói về khía cạnh tâm lý, hành hạ gái bán hoa là một cách thường thấy để trả thù phái nữ nói chung.

Tôi cũng rất chú trọng đến thực tế rằng Hansen nổi tiếng là một thợ săn tài ba. Ở đây, hắn đã gây dựng được danh tiếng cho mình bằng cách hạ một con cừu Dall hoang dã bằng cung tên khi đi săn trong vùng núi Kuskokwim. Tôi không có ý ám chỉ đa số thợ săn là những người tự ti, nhưng theo kinh nghiệm của tôi, nếu khởi đầu

của cuộc điều tra là một nghi phạm thuộc tuýp người tự ti thì một trong những cách mà có thể hắn sẽ thử để bù đắp tính cách đó là đi săn hoặc chơi súng/dao. Tập nói lắp nghiêm trọng làm tôi nhớ đến David Carpenter, “Kẻ sát nhân đường mòn trên núi” ở San Francisco. Tương tự trường hợp của Carpenter, tôi cá là vấn đề nói năng của Hansen biến mất khi hắn cảm thấy mình có khả năng chi phối và kiểm soát nhất.

Tập hợp những điểm này lại, dù đây là một viễn cảnh chúng tôi chưa từng thấy trước đây, nhưng tôi bắt đầu hình dung ra tình huống. Những cô gái bán hoa và “vũ công khiêu dâm” được phát hiện đã chết trong những khu vực rừng cây xa xôi bởi những vết thương do đạn bắn cho thấy hung khí là một khẩu súng săn. Trong ít nhất một vụ, các phát súng bắn vào một cơ thể khóa thân. Cô gái mười bảy tuổi, người khai là mình đã trốn thoát, nói rằng Robert Hansen muốn dùng phi cơ đưa cô đến căn nhà gỗ của hắn trong rừng. Hansen đã đưa vợ con sang châu Âu nghỉ hè và ở nhà một mình.

Tôi tin rằng, cũng như Tướng Zaroff trong “Trò chơi nguy hiểm nhất”, Robert Hansen hẳn đã chán nản nài nỉ tẩm, gấu hay cừ Dall và hướng sự chú ý sang một con mồi thú vị hơn. Zaroff biện minh rằng hắn ta dùng những thủy thủ bị bắt - họ bị đắm tàu và dạt vào những mỏm đá mà hắn cố tình không đánh dấu trên con kênh dẫn đến hòn đảo của mình: “Tôi săn loại người tệ hại nhất trên đời - thủy thủ trên những con tàu thương mại - một con ngựa hoặc chó săn thuần chủng còn đáng giá hơn hai mươi người bọn chúng”.

Tôi đoán Hansen cũng nghĩ về các cô gái bán dâm như thế. Họ là những người hẳn có thể xem như thấp kém và vô giá trị hơn hắn. Và chẳng cần đến tài hùng biện để bảo một người trong số họ đi theo hắn. Hắn sẽ đưa cô gái lên xe, biến cô thành tù nhân của hắn, đưa cô đến khu vực hoang vu, lột sạch quần áo của cô, thả cô đi, rồi săn cô với một khẩu súng hoặc con dao.

Cách thức gây án của hắn có lẽ không bắt đầu theo kiểu này. Có lẽ ban đầu, đơn giản là hắn giết những nạn nhân đầu tiên, sau đó dùng phi cơ chở xác họ đi xa. Đây là những tội ác vì lý do giận dữ. Hắn là hắn rất thích thú khi các nạn nhân cầu xin tha mạng. Là một

thợ săn, đến một thời điểm nào đó, hắn bỗng nhận ra hắn có thể kết hợp những hoạt động khác nhau này bằng cách đưa họ vào rừng khi họ còn sống rồi săn họ để giải trí và thêm nữa là để thỏa mãn dục vọng. Đây sẽ là cách kiểm soát tối thượng. Nó sẽ gây nghiện và hắn sẽ muốn làm lại nhiều lần nữa.

Điểm này đưa tôi đến các thông tin chi tiết của lệnh khám xét. Điều họ muốn ở tôi và Jim là một lời khai có tuyên thệ mà họ có thể mang đến tòa, giải thích việc mô tả nhân dạng tội phạm, những điều chúng tôi trông đợi sẽ tìm thấy khi khám xét và cơ sở để chúng tôi có thể nói những điều đó.

Không giống một tên tội phạm thông thường hoặc một kẻ sở hữu một khẩu súng có thể thay thế, khẩu súng săn của Hansen sẽ rất quan trọng với hắn. Vì vậy, tôi dự đoán nó sẽ ở đâu đó trong nhà hắn, nhưng không ở nơi dễ thấy. Nó sẽ ở một chỗ hẹp, đằng sau những tấm gỗ ốp tường hay một bức tường giả; được giấu trên gác mái; một nơi nào đó đại loại thế.

Tôi cũng đoán đối tượng sẽ thích tích trữ đồ đạc tuy không hoàn toàn vì những lý do thông thường. Rất nhiều kẻ sát nhân vì tình dục lấy những món đồ lưu niệm từ nạn nhân và tặng cho những người phụ nữ của chúng như một dấu hiệu của sự chi phối và một cách hồi tưởng trải nghiệm giết người. Nhưng Hansen không thể gắn một cái đầu phụ nữ lên tường như gắn đầu một con thú lớn nên tôi nghĩ có khả năng hắn lấy một chiến lợi phẩm khác. Vì không có bằng chứng cho thấy việc cắt xẻo thi thể nên tôi nghĩ hắn đã lấy trang sức, rồi tặng cho vợ hoặc con gái mình, bịa ra câu chuyện về nguồn gốc của món đồ đó. Có vẻ hắn không giữ đồ lót hay bất kỳ món đồ nào khác của nạn nhân mà chúng tôi có thể giải thích, nhưng hắn có thể giữ những tấm ảnh nhỏ hoặc thứ gì đó khác lấy từ ví. Và theo kinh nghiệm của tôi về loại người này, tôi nghĩ chúng tôi có thể tìm được một cuốn nhật ký hoặc danh sách ghi lại những cuộc phiêu lưu của hắn.

Nhiệm vụ tiếp theo là lật tẩy chứng cứ ngoại phạm của hắn. Hai cộng sự làm ăn của hắn khai họ ở cùng hắn vào đêm xảy ra vụ việc vì cảm thấy chuyện chẳng có gì to tát. Nhưng nếu chúng tôi có thể tạo ra một số điều mà họ có nguy cơ cao sẽ đánh mất thì có thể

thay đổi tình hình. Cảnh sát Anchorage yêu cầu công tố viên quận cho phép một bồi thẩm đoàn tiến hành điều tra việc bắt giữ và tấn công cô gái bán dâm, người đã chỉ chứng Hansen. Sau đó cảnh sát đã tiếp cận các doanh nhân này và yêu cầu họ kể lại câu chuyện của họ một lần nữa. Chỉ có điều lần này họ được cho biết rằng nếu bị phát hiện nói dối bồi thẩm đoàn, mỗi người sẽ gặp rắc rối lớn.

Như chúng tôi dự đoán, bấy nhiêu là đủ để làm sáng tỏ vấn đề. Cả hai thừa nhận không ở cùng Hansen vào đêm đó, hẳn đã nhờ họ giúp hẳn thoát khỏi cái mà hẳn bảo là tình huống khó xử.

Thế là Hansen bị bắt với các cáo buộc bắt cóc và cưỡng hiếp. Lệnh khám xét nhà hẳn lập tức được thực thi. Tại đó, cảnh sát tìm thấy khẩu súng trường Ruger Mini-14. Xét nghiệm đạn đạo cho thấy nó trùng khớp với vỏ đạn tìm thấy gần những thi thể. Như chúng tôi đoán, Hansen có một căn phòng cất giữ chiến lợi phẩm - nơi hẳn xem ti vi - được trang bị đầy đủ, có rất nhiều đầu thú, ngà hải mã, sừng và gạc, những con chim bị gắn lên tường và các tấm da trên sàn. Dưới những tấm ván lót sàn trên gác, họ tìm thấy nhiều vũ khí khác và nhiều món trang sức rẻ tiền của các nạn nhân. Một trong số đó là chiếc đồng hồ Timex. Hẳn đã tặng những món khác cho vợ và con gái hẳn. Cảnh sát cũng tìm thấy một tấm giấy phép lái xe và những thẻ căn cước khác của một số nạn nhân. Họ không phát hiện ra nhật ký nhưng tìm được một thứ tương tự: một tấm bản đồ bay có đánh dấu những nơi hẳn vút xác.

Hiển nhiên mọi chứng cứ này đã đủ để thành lập án và bắt giữ hẳn. Nhưng nếu không có lệnh khám xét thì chúng tôi đã không làm được. Và cách duy nhất để xin được lệnh khám xét trong trường hợp này là chứng minh cho thẩm phán thấy có đủ bằng chứng về *hành vi* làm căn cứ cho việc khám xét. Kể từ lúc đó, chúng tôi đã hỗ trợ thành công bằng những bản khai có tuyên thệ để xin lệnh khám xét, dẫn đến nhiều cuộc bắt giữ. Đáng chú ý nhất có lẽ là vụ án Steven Pennell, "Kẻ sát nhân đường 1-40" ở bang Delaware, đã bị hành hình năm 1992 vì tội hành hạ và sát hại những phụ nữ đi nhờ trên chiếc xe tải được trang bị đặc biệt của mình.

Đến lúc cảnh sát Anchorage và cảnh sát bang Alaska thực sự thẩm vấn Robert Hansen vào tháng Hai năm 1984, tôi đang ở nhà

tĩnh dưỡng sau đợt bạo bệnh ở Seattle. Roy Hazelwood, người đã anh dũng nhận phần việc của tôi trong khi vẫn xử lý tất cả công việc của mình, huấn luyện cảnh sát về những kỹ năng thẩm vấn.

Giống như lần đầu cảnh sát chất vấn hấn về cáo buộc phạm tội bắt cóc, Hansen chối bỏ tất cả. Hấn chỉ ra cuộc sống gia đình hạnh phúc và công việc làm ăn thành đạt của mình. Ban đầu, hấn nói rằng những vỏ đạn từ khẩu súng của hấn được phát hiện ở nhiều nơi là do hấn đã có mặt ở đó để tập bắn. Dường như việc những thi thể hiện diện ở mỗi địa điểm này hoàn toàn là ngẫu nhiên vậy. Nhưng cuối cùng, đối diện với một núi bằng chứng và viễn cảnh một công tố viên giận dữ muốn hấn nhận án tử nếu hấn không nói thật, hấn đã thừa nhận các tội giết người.

Trong nỗ lực lý giải và biện hộ cho bản thân, hấn nói hấn chỉ muốn khẩu giao với các cô gái bán hoa mà hấn đưa lên xe - điều mà hấn cảm thấy không nên đòi hỏi người vợ mẫu mực, đáng tôn trọng của mình. Nếu cô gái làm hấn thỏa mãn, hấn nói, thì xem như "ăn bánh trả tiền". Những người không chịu nghe theo - cố kiểm soát tình hình - thì bị hấn trừng phạt.

Theo hướng này, hành vi của Hansen giống hệt những gì chúng tôi học hỏi được từ cuộc thẩm vấn trong tù với Monte Rissell. Cả Hansen và Rissell đều là mẫu người tự ti, có quá khứ tồi tệ. Những phụ nữ nhận lấy cơn thịnh nộ dữ dội nhất của Rissell là những người giả vờ thân mật hay thích thú để mong hấn bớt giận. Họ không nhận ra với loại người này, quyền lực và khả năng kiểm soát tình hình là tất cả.

Hansen cũng quả quyết rằng 30/40 cô gái bán hoa bằng lòng đi cùng hấn trên phi cơ và hấn đã đưa họ trở về nguyên vẹn. Tôi thấy khó mà tin được tuyên bố này. Loại gái làng chơi mà Hansen chọn chỉ phục vụ nhanh rồi chuyển sang khách hàng tiếp theo. Nếu họ đã làm nghề này một thời gian, thường họ có khả năng đánh giá mọi người khá tốt. Họ sẽ không bằng lòng lên máy bay đến vùng nông thôn với một người họ chỉ mới gặp. Nếu họ có phạm sai lầm nào với hấn thì đó là họ đã bị hấn thuyết phục theo hấn về nhà. Một khi hấn đưa được họ vào nhà, mọi chuyện đã quá trễ.

Giống như bản sao hư cấu Tướng Zaroff của hắn, Hansen nói hắn chỉ săn và giết một loại người nhất định. Hắn sẽ không bao giờ nghĩ đến chuyện làm hại một phụ nữ “bình thường”, nhưng lại cảm thấy gái làng chơi và vũ công khỏa thân hay bán khỏa thân là đối tượng thích hợp. “Tôi không nói là tôi ghét tất cả phụ nữ, không... nhưng có lẽ tôi xem gái mại dâm là những phụ nữ thấp kém hơn mình... Đây giống như một trò chơi, họ phải ném bóng trước thì tôi mới đập bóng.”

Một khi hắn bắt đầu cuộc săn, chuyện giết chóc không còn gây hứng thú nữa. “Cái thú vị”, Hansen trả lời những người thẩm vấn hắn, “là lúc rình mồi.”

Hắn xác nhận những nghi ngờ của chúng tôi về quá khứ của hắn. Hắn lớn lên ở Pocahontas, Iowa, nơi cha hắn làm thợ làm bánh. Khi còn nhỏ, Robert hay ăn cắp vặt và mãi sau khi trưởng thành, có đủ khả năng mua những thứ mình muốn, hắn vẫn ăn cắp cho vui. Vấn đề với phụ nữ xuất hiện hồi trung học, hắn nói thế. Hắn căm ghét tất nói lấp và tình trạng mụn nặng khiến mọi người xa lánh hắn. “Vì đáng vẻ và cách nói chuyện của tôi như một đứa lập dị nên mỗi lần tôi nhìn một đứa con gái nào, nó lại quay đi.” Hắn có khoảng thời gian tham gia Lục quân không mấy thú vị, rồi kết hôn năm hai mươi hai tuổi. Sau đó là một chuỗi những vụ phóng hỏa và trộm cướp, ly thân rồi ly hôn, rồi tái hôn. Hắn chuyển đến Alaska khi người vợ thứ hai tốt nghiệp đại học. Tại đó hắn có thể tạo ra một khởi đầu mới. Nhưng hắn gặp rắc rối với pháp luật thêm nhiều năm nữa, trong đó có nhiều lần bị cáo buộc tấn công những phụ nữ có vẻ đã từ chối khi hắn tiếp cận. Một điều thú vị là, như nhiều kẻ khác, khi đó hắn lái một chiếc VW Bọ rùa.

Ngày 27 tháng Hai năm 1984, Hansen nhận bốn tội giết người, một tội cưỡng hiếp, một tội bắt cóc, cùng tội trộm cắp và sở hữu vũ khí. Hắn bị phán 499 năm tù giam.

Một trong những câu hỏi chúng tôi phải giải đáp trong vụ án của Hansen trước khi cảnh sát biết cách tiến hành là liệu tất cả cái chết của các cô gái bán dâm và vũ công bán khỏa thân đã biết ở Anchorage có phải do một người thực hiện. Đây thường là vấn đề mang tính quyết định trong việc phân tích điều tra tội phạm. Ngay

khoảng thời gian thi thể nạn nhân thứ nhất của Robert Hansen được phát hiện ở Alaska, tôi được Phòng Cảnh sát Buffalo, New York mời đến để đánh giá một chuỗi các vụ giết người đầy ác ý, có vẻ do thù ghét chủng tộc.

Ngày 22 tháng Chín năm 1980, một cậu bé mười bốn tuổi tên là Glenn Dunn bị bắn và bị giết trong bãi đậu xe của một siêu thị. Các nhân chứng mô tả người bắn là một nam thanh niên da trắng. Hôm sau, Harold Green, hai mươi hai tuổi, bị bắn tại một tiệm thức ăn nhanh ở vùng ngoại ô Cheektowaga. Cũng trong tối đó, Emmanuel Thomas, ba mươi tuổi, bị giết ngay trước nhà mình, trong cùng khu phố với vụ giết người hôm trước. Và hôm sau nữa, một người đàn ông tên là Joseph McCoy bị giết ở thác Niagara.

Như mọi người thấy, chỉ có hai yếu tố liên kết những vụ giết người tàn bạo này. Tất cả nạn nhân đều là đàn ông da màu. Và tất cả đều chết bởi những viên đạn 22 ly, cơ sở để báo chí nhanh chóng đặt ra cái tên: “Kẻ sát nhân bằng súng 22 ly”.

Sự căng thẳng về chủng tộc dâng cao ở Buffalo. Nhiều thành viên trong cộng đồng người da màu cảm thấy bất lực và buộc tội cảnh sát đã chẳng làm gì để bảo vệ họ. Ở nhiều phương diện, vụ này dường như giống hệt nỗi khủng khiếp diễn ra ở Atlanta. Và trong những tình huống này, mọi chuyện thường không thể khá lên ngay. Tình hình trở nên xấu đi.

Ngày 8 tháng Mười, một tài xế taxi da màu bảy mươi một tuổi tên Parler Edwards được phát hiện trong cốp taxi của chính ông ở ngoại ô Amherst, trái tim đã bị lấy ra. Hôm sau, một tài xế taxi da màu khác, Ernest Jones bốn mươi tuổi, được phát hiện ở bờ sông Niagara với trái tim bị moi mất. Chiếc taxi của ông dính đầy máu, được tìm thấy cách đó vài cây số, trong địa phận thành phố Buffalo. Hôm sau nữa, một ngày thứ Sáu, một người đàn ông da trắng gần trùng khớp với mô tả về Kẻ giết người bằng súng 22 ly vào phòng bệnh của Collin Cole, ba mươi bảy tuổi, tuyên bố “Tao ghét bọn mọi đen” và định siết cổ bệnh nhân này. Một y tá đi đến khiến kẻ đột nhập bệnh viện phải bỏ trốn và cứu Cole thoát chết.

Cộng đồng phần nộ khôn xiết. Các quan chức lo rằng sẽ xảy ra một đợt phản ứng trên diện rộng của những nhóm người hoạt động

vì nhân quyền người da màu. Theo yêu cầu của Richard Bretzing, SAC ở Buffalo, tôi đến vào cuối tuần đó. Bretzing nghiêm nghị, mực thước, là một người đàn ông của gia đình và một thành viên nòng cốt của Giáo phái Mặc Môn nổi danh của FBI. Tôi sẽ không bao giờ quên trong văn phòng anh ấy có một tấm biển với dòng chữ đại loại là “Nếu một người đàn ông thất bại trong gia đình, anh ta sẽ thất bại trong cả cuộc đời”.

Như mọi lần, trước tiên tôi xem xét thông tin về nạn nhân. Theo cảnh sát gợi ý, không thực sự có một mẫu số chung đáng kể giữa sáu nạn nhân ngoại trừ chủng tộc của họ và theo tôi thấy, họ xui xẻo khi xuất hiện ở sai chỗ sai thời điểm. Có thể thấy rõ những vụ nổ súng từ khẩu 22 ly đều do cùng một người. Những vụ giết người này được tiến hành theo hướng như thể thi hành nhiệm vụ, kiểu ám sát. Yếu tố tâm bệnh rõ ràng duy nhất trong những tội ác này là sự thù ghét người da màu. Những yếu tố khác đều bị tách rời và loại bỏ.

Tôi đoán người này có tham gia các nhóm thù địch, thậm chí là những nhóm có mục tiêu hay giá trị tích cực như một giáo hội và tự thuyết phục là mình đang đóng góp cho những nhóm này. Vì vậy, tôi đoán hẳn có tham gia quân đội nhưng đã bị cho xuất ngũ sớm vì những lý do tâm lý hoặc không thể thích ứng với cuộc sống quân ngũ. Đây sẽ là một người có lý trí và suy nghĩ có tổ chức, những ảo tưởng mang tính định kiến của hẳn sẽ là một hệ thống có trật tự và “logic”.

Hai tội ác kia, hai vụ tấn công tài xế taxi kinh hoàng, cũng dựa trên chủng tộc, nhưng trong đó, tôi không cảm thấy chúng tôi đang đối đầu với cùng một tên tội phạm. Những tội ác này là tác phẩm của một kẻ suy nghĩ vô tổ chức, bị rối loạn tâm thần, có thể bị hoang tưởng và đã được chẩn đoán bị tâm thần phân liệt dạng hoang tưởng. Theo tôi, những hiện trường vụ án phản ánh sự giận dữ, kiểm soát và bạo lực thái quá. Để một người có thể thực hiện cả bốn vụ giết người bằng súng và hai vụ moi tim thì phải có sự phân rã tâm lý nghiêm trọng giữa vụ sát hại Joseph McCoy và vụ sát hại Parler Edwards chưa tới hai tuần sau đó. Điểm này không thống nhất với vụ việc trong bệnh viện - nếu gã đó quả thực là Kẻ sát

nhân bằng súng 22 ly - cộng thêm bản năng và kinh nghiệm của tôi cho hay những ảo tưởng bệnh hoạn của kẻ moi tìm đã hình thành từ lâu, ít nhất là vài năm. Động cơ trong cả hai chuỗi án mạng không phải là cướp tài sản, nhưng trong khi bốn vụ án đầu thuộc kiểu đánh nhanh rút gọn thì hiện trường hai vụ cuối cho thấy rõ ràng hung thủ dành nhiều thời gian ở hiện trường. Nếu sáu tội ác này có liên hệ với nhau thì tôi nghĩ có khả năng kẻ điên moi tìm đã bị kích động bởi gã phân biệt chủng tộc, kẻ đã bắt đầu ám sát những người da màu trong cộng đồng.

Sau đó, vào ngày 22 tháng Mười hai, ở gần trung tâm Manhattan, bốn người da màu và một người từ khu vực Tây Ban Nha - Bồ Đào Nha bị "Tên đồ tể trung tâm thành phố" đâm đến chết trong suốt mười ba giờ đồng hồ. Hai nạn nhân da màu khác may mắn thoát nạn. Ngày 29 và 30 tháng Mười hai, dường như tên đồ tể lại tấn công ở khu vực phía bắc, đâm và giết chết Roger Adams ba mươi một tuổi ở Buffalo và Wendell Barnes hai mươi sáu tuổi ở Rochester. Trong ba ngày tiếp theo, ba người đàn ông da màu khác ở Buffalo sống sót sau những vụ tấn công tương tự.

Lúc này, tôi không thể bảo đảm với cảnh sát Kẻ sát nhân bằng súng 22 ly cũng là Tên đồ tể trung tâm thành phố hay người đã thực hiện chuỗi vụ án sau cùng này. Nhưng điều tôi có thể chắc chắn là hung thủ thuộc cùng một kiểu người. Tất cả các vụ án đều có yếu tố phân biệt chủng tộc và được thực hiện theo kiểu ám sát nhanh gọn.

Vụ án giết người bằng súng 22 ly chia thành hai bước trong vài tháng tiếp theo. Tháng Một, binh sĩ Lục quân Joseph Christopher, hai mươi lăm tuổi, bị bắt tại Pháo đài Benning, Georgia (nơi mà ba năm trước William Hance đã cố chơi trò phân biệt chủng tộc trong các vụ giết người "Thế lực tà ác"), bị cáo buộc sát hại một đồng đội người da màu. Cuộc khám xét nhà cũ của hắn gần Buffalo phát hiện ra một lượng lớn đạn cỡ 22 ly và một khẩu súng trường đã cưa nòng. Christopher chỉ mới nhập ngũ tháng Mười một năm ngoái và nghỉ phép trong thời gian diễn ra các vụ giết người ở Buffalo và Manhattan.

Khi ở Trại giam tại Pháo đài Benning, hắn nói với Đại úy Aldrich Johnson chỉ huy rằng hắn đã làm "việc đó ở Buffalo". Hắn bị truy tố

tội thực hiện các vụ nổ súng ở Buffalo và một số vụ đâm người. Hẳn bị buộc tội và, sau những tranh cãi về tình trạng tâm thần của hẳn, đã bị phán án tù chung thân, thụ án ít nhất sáu mươi năm trước khi có thể được phóng thích có điều kiện. Đại úy Matthew Levine, nhà tâm thần học đã khám cho Christopher ở Bệnh viện Lục quân Martin, nói rằng ông ngạc nhiên vì Christopher có rất nhiều điểm trùng khớp với bản mô tả Kẻ sát nhân bằng súng 22 ly. Theo dự đoán trong bản mô tả, đối tượng không thích nghi tốt với đời sống quân đội.

Christopher không nhận cũng không chối vụ giết hai tài xế taxi. Hẳn không bị truy tố vì hai vụ án này và chúng cũng không phù hợp với hình mẫu của những vụ án khác, từ *cách thức gây án* cho đến khía cạnh *đặc trưng*. Cả hai điểm này đều là những khái niệm cực kỳ quan trọng trong phân tích điều tra tội phạm và tôi đã rất nhiều lần đứng ở bục nhân chứng trong tòa án trên khắp cả nước, cố gắng giúp các thẩm phán và bồi thẩm đoàn hiểu được sự khác biệt giữa chúng.

Cách thức gây án là hành vi có điều kiện. Đó là điều kẻ thủ ác làm để thực hiện một tội ác. Nó mang tính động - nghĩa là, nó có thể thay đổi. Điểm đặc trưng, một thuật ngữ mà tôi nghĩ ra để phân biệt với cách thức gây án, là *điều mà kẻ thủ ác phải làm để thỏa mãn bản thân*. Nó tĩnh; nó không thể thay đổi. Ví dụ, không thể mong cách thức gây án của một đứa trẻ vị thành niên giống như cũ khi hẳn đã trưởng thành, trừ phi hẳn đã thực hiện nó một cách hoàn hảo ngay từ lần đầu. Nhưng nếu hẳn thoát tội sau vụ đầu tiên, hẳn sẽ học hỏi được từ đó và ngày càng hoàn thiện. Đó là lý do chúng tôi nói cách thức gây án mang tính động. Mặt khác, nếu gã này đang thực hiện tội ác để có thể chi phối, gây đau đớn hoặc khiến nạn nhân phải cầu xin chẳng hạn, đó là điểm đặc trưng, thể hiện tính cách của kẻ sát nhân. Đó là điều hẳn cần làm.

Ở nhiều bang, cách duy nhất để các công tố viên có thể liên hệ các vụ án với nhau là dựa vào cách thức gây án, mà tôi tin ngành thi hành luật chúng tôi đã thể hiện theo cách rất cổ xưa. Trong vụ án của Christopher, một luật sư biện hộ có thể dễ dàng lập luận rằng những vụ bắn người bằng súng 22 ly ở Buffalo và những vụ đâm người ở gần Trung tâm Manhattan cho thấy cách thức gây án khác

nhau rõ rệt. Và anh ta nói đúng. Nhưng điểm đặc trưng thì giống nhau - xu hướng tấn công ngẫu nhiên những người đàn ông da màu vì lý do phân biệt chủng tộc.

Mặt khác, những vụ nổ súng và moi tìm cho tôi thấy một điểm đặc trưng khác biệt rõ rệt: Kẻ moi tìm, tuy vẫn có một động cơ ngầm liên quan, nhưng có một điểm đặc trưng mang tính nghi thức, ám ảnh cưỡng chế. Mỗi loại cần một điều gì đó từ vụ án, nhưng mỗi loại cần một điều khác nhau.

Những khác biệt giữa cách thức gây án và điểm đặc trưng có thể khó nhận ra. Ví dụ, một tên cướp nhà băng ở Texas đã bắt các con tin cởi hết đồ ra, bắt họ thực hiện những tư thế quan hệ tình dục và chụp hình họ. Đó là điểm đặc trưng của hắn. Việc đó không cần thiết hay có ích gì cho việc cướp nhà băng. Trên thực tế, nó khiến hắn phải ở lại lâu hơn và vì vậy đưa hắn vào nguy cơ bị bắt cao hơn. Nhưng đó là việc rõ ràng hắn cảm thấy cần làm.

Sau đó, có một tên cướp nhà băng ở Grand Rapids, Michigan. Tôi bay đến đó để tư vấn trực tiếp tại hiện trường cho vụ án này. Gã này cũng bảo mọi người trong ngân hàng cởi đồ nhưng hắn không chụp hình. Hắn làm thế để các nhân chứng quá bận bịu và xấu hổ, họ sẽ không nhìn hắn và sau đó không thể đưa ra mô tả danh tính xác thực. Đây là biện pháp để tiến hành cướp nhà băng thành công. Đây là cách thức gây án.

Việc phân tích điểm đặc trưng đóng vai trò quan trọng trong phiên tòa xử Steven Pennell diễn ra ở Delaware vào năm 1989; trong vụ này, chúng tôi đã chuẩn bị bản khai có tuyên thệ giúp xin được lệnh khám xét. Steve Mardigian ở đơn vị của tôi hợp tác với đội đặc nhiệm liên kết giữa cảnh sát quận New Castle và cảnh sát bang Delaware, đưa ra một bản mô tả nhân dạng cho phép cảnh sát thu hẹp phạm vi tìm kiếm và nghĩ ra chiến lược chủ động để bắt giữ gã sát nhân.

Nhiều cô gái bán hoa được phát hiện bị siết cổ và nút sọ, trên hai con đường liên bang 40 và 13. Những thi thể rõ ràng đã bị lạm dụng tình dục và hành hạ. Bản mô tả của Steve Mardigian rất chính xác. Anh ấy bảo kẻ thủ ác là một gã đàn ông da trắng, độ tuổi gần ba mươi cho đến vừa qua ba mươi, làm việc trong lĩnh vực xây

dựng. Hắn lái một chiếc xe tải có tổng quãng đường đã đi dài, rong ruổi khắp nơi tìm kiếm nạn nhân, tặng người vai u thịt bắp, đang có vợ hoặc bạn gái, nhưng thích thao túng phụ nữ. Hắn mang theo các loại vũ khí mà hắn đã lựa chọn và tiêu hủy bằng chứng sau khi phạm tội. Hắn quen thuộc khu vực gây án và chọn những nơi vút xác phù hợp. Hắn không thể hiện cảm xúc trong lúc gây án và sẽ lặp lại tội ác cho đến khi bị bắt.

Steven B. Pennell là một người đàn ông da trắng ba mươi một tuổi, làm thợ điện, lái xe tải có tổng quãng đường đã đi dài, tặng người vai u thịt bắp, đang có vợ nhưng thích thao túng phụ nữ, đã chuẩn bị kỹ lưỡng “dụng cụ hỗ trợ cưỡng hiếp” trong xe hắn, dự định tiêu hủy bằng chứng khi biết cảnh sát nghi ngờ mình, quen thuộc khu vực gây án và chọn những nơi vút xác phù hợp. Hắn không thể hiện cảm xúc trong lúc gây án và lặp lại tội ác cho đến khi bị bắt.

Hắn rơi vào tầm ngắm khi Mardigian đề nghị một nữ cảnh sát đóng giả gái làng chơi. Suốt hai tháng, sĩ quan Renee C. Lano đi bộ trên các con đường quốc lộ, tìm một người đàn ông lái xe tải khớp với mô tả để bảo hắn dừng xe. Họ đặc biệt hiếu kỳ với vật liệu lót sàn xe. Những sợi màu xanh tương đồng với loại vải được tìm thấy trên một trong các thi thể. Nếu quả thực có chiếc xe tải nào dừng lại, Lano được lệnh không lên xe - dù người cô ấy được gắn máy ghi âm nhưng hành động lên xe có thể nguy hiểm tính mạng - mà dò la thông tin càng nhiều càng tốt. Khi cuối cùng có một gã đàn ông khớp với các đặc điểm trên dừng xe, cô ấy lôi kéo hắn nói chuyện và mặc cả về giá đi khách của mình qua cửa ghế phụ đang mở. Ngay khi chú ý tấm vải lót màu xanh, cô bắt đầu khen ngợi chiếc xe của hắn và trong lúc họ nói chuyện, cô làm như không có gì, dùng móng tay cào lấy những sợi vải lót. Phòng thí nghiệm FBI xác nhận đồng sợi này trùng khớp với các mẫu sợi trước đó.

Tại phiên tòa của Pennell, tôi được mời đến để làm chứng về khía cạnh điểm đặc trưng của vụ án. Bên biện hộ đang cố gắng chứng tỏ những tội ác này không thể do cùng một người vì có rất nhiều chi tiết khác nhau trong cách thức gây án. Tôi giải thích rõ rằng bất chấp cách thức gây án, mẫu số chung của các vụ giết

người là hành hạ về mặt thể xác, tình dục và cảm xúc. Ở một số trường hợp, kẻ sát nhân dùng kim kẹp chặt ngực của nạn nhân và cắt nhũ hoa của họ. Hắn đã trói cổ tay cổ chân những người khác, cắt vào chân họ, đánh mông họ bằng roi hoặc thứ gì đó, hoặc đánh họ bằng búa. Vì vậy, dù biện pháp hành hạ - chính là cách thức gây án - khác nhau thì điểm đặc trưng là khoái cảm hân hận nhận được khi gây ra đau đớn và nghe tiếng la hét thống khổ của các nạn nhân. Điều này không nhất định phải diễn ra cùng với việc giết họ. Với hắn, nó cần thiết, để hắn có được thứ hắn muốn từ các tội ác đó.

Kể cả khi Steven Pennell còn sống và đang đọc những dòng này, hắn cũng không thể thay đổi hành vi trong những tội ác hắn sẽ thực hiện ở tương lai. Hắn có thể nghĩ ra những biện pháp khác hoặc khéo léo hơn để hành hạ phụ nữ. Nhưng hắn sẽ không thể kiềm chế việc hành hạ họ.

May cho tất cả chúng ta, như tôi đã đề cập, bang Delaware đã có đánh giá đúng đắn và hợp tình hợp lý khi hành hình Pennell bằng thuốc độc vào ngày 14 tháng Ba năm 1992.

Một trong những vụ án mang tính bước ngoặt trong việc sử dụng bản phân tích điểm đặc trưng của chúng tôi là phiên tòa diễn ra năm 1991, xét xử George Russell Con bị truy tố với tội danh đánh và giết người bằng cách siết cổ ba phụ nữ da trắng ở Seattle - Mary Anne Pohlreich, Andrea Levine và Carol Marie Beethe - vào năm trước đó. Steve Etter trong đơn vị của tôi là người mô tả nhân dạng hung thủ, sau đó tôi đứng ra làm chứng. Trong các vụ án này, ban truy tố biết họ không thể buộc tội dựa trên một vụ. Cảnh sát có bằng chứng thuyết phục nhất trong vụ sát hại Pohlreich và cảm thấy nó có thể hỗ trợ cho hai vụ còn lại. Thế nên chìa khóa là liên kết ba vụ này với nhau.

Russell không phải loại người bạn sẽ nghĩ đến trong những tội ác ghê tởm thế này. Tuy có tiền sử trộm cắp vặt nhiều lần nhưng hắn là một gã đàn ông da màu trạc ba mươi, đẹp trai, ăn nói có duyên và thu hút, có nhiều bạn bè và người quen. Kể cả cảnh sát đảo Mercer, trước đó đã nhiều lần bắt hắn, cũng không tin hắn sẽ phạm tội giết người.

Đến năm 1990, vẫn ít thấy các vụ giết người do tình dục giữa những chủng tộc người khác nhau nhưng khi xã hội thoải mái và khoan dung hơn, chúng ta bắt đầu không xem chủng tộc là một vấn đề lớn nữa. Điều này đặc biệt đúng với kiểu người điếm tỉnh, tỉnh tẻ hơn như Russell. Hắn thường hẹn hò với cả phụ nữ da trắng và da màu, bạn bè hắn cũng thuộc cả hai chủng tộc.

Tâm điểm mang tính chiến lược xuất hiện khi luật sư công biện Miriam Schwartz kiến nghị với thẩm phán Tòa thượng thẩm Patricia Aitken tách các vụ án ra và xử riêng trước phiên tòa, dựa trên tiền đề rằng ba vụ sát nhân này không do cùng một người thực hiện. Các công tố viên Rebecca Roe và Jeff Baird đề nghị tôi giải thích xem các vụ án này liên hệ với nhau như thế nào.

Tôi đề cập đến cách thức gây án theo kiểu chớp nhoáng trong mỗi vụ. Vì cả ba vụ xảy ra trong khoảng thời gian bảy tuần, tôi không cho rằng hung thủ sẽ thay đổi cách thức gây án của hắn, trừ phi có chuyện gì đó không đúng trong một vụ án và hắn cảm thấy phải điều chỉnh. Nhưng thuyết phục hơn là khía cạnh điểm đặc trưng của các vụ án.

Cả ba người phụ nữ ở trong tình trạng khoá thân, tư thế gợi tình và mang tính hạ thấp nhân phẩm. Nội dung tình dục của hiện trường được sắp đặt tăng tiến sau mỗi vụ. Nạn nhân đầu tiên bị sắp đặt trong tư thế hai tay đan vào nhau, chân bắt chéo ở mắt cá, đặt gần một vĩ cống thoát nước và thùng rác. Người thứ hai trong tư thế nằm trên giường với một chiếc gối đặt trên đầu, hai chân giang ra hai bên, một khẩu súng trường nhét vào cửa mình, hai chân mang giày cao gót màu đỏ. Người cuối cùng trong tư thế đại bàng giang cánh trên giường, miệng ngậm một dương vật giả và cuốn sách *Niềm hoan lạc ái ân* tái bản đặt dưới cánh tay trái cô ấy.

Để giết những phụ nữ này, cần phải tấn công chớp nhoáng. Nhưng các tư thế nhằm hạ thấp nhân phẩm họ thì không cần thiết.

Tôi giải thích điểm khác nhau giữa việc sắp đặt và dàn dựng. Dàn dựng xuất hiện trong những vụ án mà hung thủ đang cố gắng đánh lạc hướng cuộc điều tra bằng cách khiến cảnh sát tin có chuyện gì đó bên cạnh những gì đã thực sự xảy ra, chẳng hạn như khi một kẻ cưỡng hiếp cố gắng dàn dựng cho vụ đột nhập của hắn

trông giống một vụ trộm thông thường. Đó sẽ là một khía cạnh của cách thức gây án. Còn sắp đặt là điểm đặc trưng của hung thủ.

“Chúng ta không gặp nhiều vụ có sắp đặt”, tôi làm chứng tại buổi điều trần, “đối xử với nạn nhân như một món đồ nhằm để lại một thông điệp cụ thể... Đây là những tội ác vì sự giận dữ và quyền lực. Đó là cái thú của chuyển đi sẵn, giết chóc và để lại nạn nhân như thế nào sau khi gây án cũng như qua mặt cơ quan chức năng.”

Tôi tự tin khi nói rằng: “Các vụ án có xác suất rất cao là do một nghi phạm gây ra”. Bob Keppel, trưởng ban điều tra tội phạm thuộc Văn phòng Sở Tư pháp tiểu bang và cựu điều tra viên trong Đội đặc nhiệm Kẻ sát nhân sông Xanh, ra làm chứng cùng tôi, nói rằng trong hơn 1000 vụ sát nhân mà ông ấy đã thẩm tra, chỉ có khoảng mười vụ có khía cạnh sắp đặt và không có vụ nào chứa tất cả các yếu tố của ba vụ này.

Bấy giờ, chúng tôi không nói Russell là hung thủ; chúng tôi chỉ nói hung thủ đã thực hiện cả ba vụ.

Bên biện hộ có kế hoạch đưa một chuyên gia ra để phản bác những gì tôi nói, làm chứng rằng tôi đã sai về điểm đặc trưng và ba tội ác này không phải do một người thực hiện. Trớ trêu thay, đó lại là đồng nghiệp lâu năm của tôi ở FBI và cộng sự nghiên cứu về những kẻ sát nhân hàng loạt, Robert Ressler, đã nghỉ hưu nhưng vẫn nhận cố vấn trong lĩnh vực này.

Tôi nghĩ đây là một vụ khá chặt chẽ và thuyết phục đối với bất cứ ai có kinh nghiệm trong lĩnh vực mô tả nhân dạng và phân tích hiện trường vụ án như Bob và tôi. Vì vậy, tôi rất ngạc nhiên khi anh ấy sẵn sàng ra mặt cho bên kia và làm chứng để tách biệt các vụ án này. Nói trắng ra là tôi thấy anh ấy đã sai hoàn toàn. Nhưng như chúng tôi đã nhiều lần thừa nhận, công việc của chúng tôi không phải một môn khoa học chính xác nên anh ấy chắc chắn có quyền có ý kiến riêng. Bob và tôi đã nhiều lần ở hai đầu chiến tuyến trong một số vấn đề, đáng chú ý nhất có lẽ là lần chứng minh liệu Jeffrey Dahmer có điên không. Bob đồng ý với luật sư biện hộ là hấn điên. Tôi đồng ý với Park Dietz, người ra làm chứng cho bên truy tố, là hấn không điên.

Vì vậy, tôi càng ngạc nhiên hơn khi Bob nói anh ấy có những cam kết khác và không xuất hiện trong phiên điều trần trước phiên xét xử Russell, thay vào đó lại cử một đặc vụ đã nghỉ hưu khác là Russ Vorpagel. Russ là một người thông minh. Anh ta là quán quân cờ vua, có thể đấu với mười người cùng lúc.

Nhưng mô tả nhân dạng không phải chuyên môn chính của anh ta, và tôi nghĩ những sự thật trong vụ này bất lợi cho anh ta. Anh ta chịu đựng quãng thời gian khó khăn vì Rebecca Roe thẩm vấn chéo anh ta sau khi anh ta phản đối ý kiến của tôi. Ở cuối buổi điều trần, Thẩm phán Aitken quy định rằng dựa trên bằng chứng điểm đặc trưng mà Keppel và tôi đã trình bày liên quan đến khả năng một hung thủ thực hiện cả ba vụ án, có thể xét xử các vụ này cùng nhau.

Tôi tiếp tục làm chứng về điểm đặc trưng trong phiên tòa chính thức, bác bỏ giả thiết nhiều hung thủ mà bên biện hộ đã đưa ra. Trong vụ sát hại Carol Beethe, luật sư biện hộ Schwartz ám chỉ bạn trai cô này có cơ hội và cả động cơ để phạm tội. Chúng tôi luôn điều tra vợ/chồng hoặc người yêu của nạn nhân trong các vụ giết người liên quan đến tình dục và tôi kiên định với ý kiến rằng đây là một vụ giết người lạ vì động cơ tình dục.

Cuối cùng, ban bồi thẩm gồm sáu nam, sáu nữ cân nhắc trong bốn ngày và quyết định George Waterfield Russell Con có tội trong một vụ giết người cấp độ I và hai vụ giết người cấp độ I có tình tiết tăng nặng. Hắn bị kết án chung thân không được phóng thích và bị đưa đến trại giam bảo đảm an ninh tối đa của bang tại Walla Walla.

Đây là lần đầu tôi trở lại Seattle sau đợt bạo bệnh và hôn mê. Thật tốt khi được trở lại và tham gia phá một vụ án sau những trắc trở đầy căng thẳng của vụ Sông Xanh. Tôi trở lại Bệnh viện Thụy Điển và hài lòng khi thấy họ vẫn giữ tấm bảng tôi tặng họ để cảm ơn. Tôi trở lại khách sạn Hilton xem mình có nhớ ra gì không, nhưng không thể. Tôi hoài nghi tâm trí mình bị tổn thương quá nặng nên không còn ý thức để xử lý mọi việc. Và dù sao thì, sau từng ấy năm tôi đi công tác, căn phòng khách sạn nào cũng như nhau.

Lúc này chúng tôi đã phát triển phương pháp phân tích điểm đặc trưng đến mức độ thường xuyên làm chứng trong các vụ xét xử

những tên sát nhân hàng loạt, không chỉ tôi mà cả những chuyên viên mô tả nhân dạng khác cũng có hứng thú trong công việc này, đáng chú ý nhất là Larry Ankrom và Greg Cooper.

Năm 1993, Greg Cooper đóng vai trò chủ chốt trong việc cáo buộc Gregory Mosely hai tội giết người cấp độ II, kẻ đã cưỡng hiếp, đánh đập và đâm hai phụ nữ ở hai địa hạt khác nhau thuộc Bắc Carolina. Như những vụ án có liên quan đến nhau trong phiên tòa xử Russell, cả hai địa hạt khó mà tự mình buộc tội hung thủ thành công. Cả hai phải có bằng chứng liên kết các vụ án và sau khi nghiên cứu ảnh chụp hiện trường án mạng cùng hồ sơ các vụ án, Greg cảm thấy anh ta có thể đưa ra bằng chứng.

Greg nhận định mẫu chốt của việc phân tích điểm đặc trưng trong các vụ án của Mosely là bạo lực thái quá. Cả hai nạn nhân đều là phụ nữ cô đơn, độc thân, bị khuyết tật nhẹ, ở vào độ tuổi đầu hai mươi, có mặt ở cùng một hộp đêm chơi nhạc đồng quê, nơi họ bị bắt cóc cách nhau vài tháng. Cả hai bị đánh đập dã man. Có thể nói họ bị đánh đến chết, ngoại trừ thực tế là họ cũng bị siết cổ bằng tay và dây; một người bị đâm mười hai nhát và có bằng chứng cho thấy phát sinh quan hệ qua đường âm đạo và hậu môn. Một vụ có bằng chứng pháp y, trong đó có ADN từ tinh dịch liên kết vụ án với Mosely. Cả hai vụ giết người, cưỡng hiếp, hành hạ diễn ra ở những khu vực hoang vắng, thi thể nạn nhân bị vứt ở những địa điểm xa xôi, tách biệt.

Greg làm chứng ở phiên tòa thứ nhất rằng bằng chứng về hành vi đặc trưng cho thấy hung thủ là một người tự ti, có thú vui tàn bạo về tình dục. Sự tự ti của hắn thể hiện rõ ở khâu lựa chọn nạn nhân. Thú vui ác dân của hắn còn rõ hơn ở những việc hắn làm với họ. Không như nhiều kẻ tự ti, có suy nghĩ tổ chức, tên này không giết nạn nhân trước khi cắt xẻo cơ thể họ. Hắn muốn hoàn toàn nắm quyền kiểm soát về thể xác và cảm xúc. Hắn muốn là tác giả của nỗi đau nơi họ và thích những phản ứng mà sự tàn ác của hắn khơi ra.

Thông qua bằng chứng của mình trong vụ thứ nhất, Greg giúp bên truy tố có thể đưa ra vụ thứ hai. Mosely bị buộc tội và nhận án tử hình. Trong phiên tòa thứ hai vào chín tháng sau đó, Greg cũng làm được điều này, tiếp tục buộc được tội và án tử cho hung thủ.

Lần đầu Greg ra làm chứng, anh ta và Mosely nhìn chăm chăm vào mắt nhau khi anh ta mô tả tính cách của Mosely cho cả phòng xử án đầy người. Từ vẻ mặt dữ tợn của Mosely, Greg có thể đoán hắn đang nghĩ “Làm thế quái nào mà biết được điều đó?” Áp lực rất lớn. Nếu Greg không thành công, vụ án này sẽ bị bỏ qua và vụ án thứ hai có thể yếu thế đến mức không cứu vãn được.

Khi Mosely mới nhìn thấy Greg ở phiên toàn thứ hai của mình, hắn lăm bắm với những cảnh sát dẫn độ hắn: “Đó là thằng chó định buộc tội tôi lần nữa”.

Theo truyền thống, để truy tố và buộc tội thành công trong một vụ án sát nhân, cần có bằng chứng pháp y xác định, lời khai của những người tận mắt nhìn thấy hoặc lời thú tội hoặc bằng chứng gián tiếp rõ ràng, thuyết phục. Giờ đây, nhờ công việc mô tả nhân dạng của chúng tôi từ các hiện trường vụ án và phân tích điểm đặc trưng, cảnh sát và bên truy tố vẫn còn một chiêu khác. Riêng chiêu đó thường không đủ để buộc tội nhưng kèm theo một hoặc nhiều yếu tố khác, nó thường có thể liên kết nhiều vụ án với nhau và là yếu tố cần thiết để một vụ án thành công.

Những kẻ sát nhân hàng loạt chơi một trò chơi rất nguy hiểm. Càng hiểu rõ cách chơi, chúng tôi càng có lợi thế chiến thắng.

CHƯƠNG 14

Ai đã sát hại cô gái Mỹ kiều mẫu?

Đó là câu hỏi ám ảnh đã lơ lửng trên thị trấn nhỏ Wood River, bang Illinois, suốt bốn năm. Trong số nhiều người, câu hỏi này ám ảnh Thanh tra Alva Busch của lực lượng cảnh sát tiểu bang và cả Don Weber, ủy viên công tố bang ở quận Madison.

Buổi chiều ngày thứ Ba, 20 tháng Sáu năm 1978, Karla Brown và hôn phu là Mark Fair tổ chức một buổi tiệc với rất nhiều bia và âm nhạc cho bạn bè đã giúp họ chuyển vào tổ ấm mới tại số 979 Đại lộ Acton ở Wood River. Đó là một căn nhà một tầng, màu trắng, tường gỗ, nằm trên con đường có hai hàng cây, với những cây cột tròn nhỏ hai bên cửa trước. Họ đã dành hai tuần vừa qua để trang hoàng căn nhà và sẵn sàng dọn vào. Căn nhà tượng trưng cho một khởi đầu mới thú vị của cặp đôi Karla hai mươi ba tuổi và Mark hai mươi bảy tuổi. Họ đã yêu nhau năm năm, cuối cùng Mark cũng vượt qua giai đoạn do dự và sẵn sàng cho một gia đình. Karla sắp tốt nghiệp tại một trường đại học ở địa phương và Mark đang làm thợ điện tập sự, tương lai của họ thật tươi sáng.

Tuy đã nhiều năm trì hoãn việc cầu hôn nhưng Mark Fair biết mình rất may mắn khi sắp cưới Karla. Karla Lou Brown là một cô gái Mỹ điển hình. Cao chưa tới 1m52, cô ấy có mái tóc vàng dọn sóng, gương mặt xinh xắn và nụ cười chuẩn hoa hậu. Karla luôn là hình mẫu lý tưởng với bọn con trai và đáng ghen tị với bọn con gái ở trường Trung học Roxana, nơi mọi người nhớ cô ấy từng là một cổ động viên hoạt bát, hăng hái. Bạn bè thân thiết biết rằng bên trong vẻ hấp dẫn, đa tình của cô ấy là nội tâm nhạy cảm hay tự chiêm nghiệm. Họ biết cô ấy chung thủy với Mark, một anh chàng khỏe

khoắn, vóc dáng thể thao và cao hơn nàng chừng 30cm. Họ là một cặp đôi tuyệt vời.

Sau bữa tiệc vào tối thứ Ba, họ trở lại căn hộ ở Đông Alton để đóng gói những thùng đồ còn lại. Cả hai hy vọng tối hôm sau có thể sẵn sàng dọn vào và ngủ trong nhà mới.

Sáng thứ Tư, sau khi Mark rời nhà để đến làm ở công ty Điện và Sưởi ấm Camp, Karla đến Đại lộ Acton để dọn dẹp ngăn nắp và sắp xếp mọi thứ chờ Mark tan ca vào khoảng 16:30. Họ rất hào hứng về việc ngủ qua đêm ở đó.

Khi Mark xong việc, anh đến nhà bạn mình là Tom Fiegenbaum, sống ở cùng khu với bố mẹ Mark và đã đồng ý giúp anh chuyển một căn nhà cho chó có dạng chữ A đặc biệt từ sân sau nhà bố mẹ anh.

Họ đến Đại lộ Acton vào khoảng 17:30, trong khi Tom đánh xe vào nhà thì Mark đi tìm Karla. Anh không tìm được cô, có thể cô ấy ra ngoài lấy thứ gì đó cần cho căn nhà, nhưng anh thấy cửa sau không khóa. Việc này khiến anh không vui. Cô ấy phải cẩn thận hơn về chuyện này.

Mark mời Tom vào để xem căn nhà. Sau khi giới thiệu cho bạn gian nhà chính, Mark dẫn anh ấy vào bếp và theo cầu thang xuống tầng hầm. Khi đến bậc thang cuối, anh không thích những gì mình nhìn thấy. Vài cái bàn nhỏ bị lật úp. Mọi thứ có vẻ lộn xộn dù đêm trước anh và Karla đã sắp xếp đâu ra đấy. Có thứ gì đó đổ tràn trên ghế bành và sàn hầm.

“Chuyện gì thế này?” Mark hỏi. Khi lên trên nhà tìm Karla, anh nhìn thấy qua cửa phòng giặt ủi.

Karla ở đó, quỳ gối, người gập về phía trước, thân trên mặc một chiếc áo nỉ nhưng từ thắt lưng trở xuống không mặc gì, hai tay bị trói ngoặt ra sau lưng bằng dây điện, đầu bị nhấn chìm trong một cái thùng thể tích mười gallon chứa đầy nước. Đó là một trong những cái thùng họ dùng để chuyển quần áo. Còn chiếc áo nỉ, vốn được xếp vào một trong các thùng quần áo, thì cô ấy thường chỉ mặc vào mùa đông.

“Chúa ơi! Karla!” Mark hét lên, cùng Tom bổ nhào đến. Mark nhắc đầu cô ấy khỏi thùng nước, đặt nằm ngửa trên sàn. Mặt cô ấy

đã tím tái, có một vết cắt sâu trên trán và một vết khác trên hàm. Hai mắt Karla mở trừng, nhưng rõ ràng cô ấy đã chết.

Mark gục xuống vì đau khổ. Anh bảo Tom tìm thứ gì đó để phủ lên người cô ấy, sau khi Tom mang một tấm chăn đỏ trở lại, họ báo cảnh sát.

Khi sĩ quan David George của Phòng Cảnh sát Wood River đến sau đó vài phút, Mark và Tom đang ở trước cửa đợi. Họ dẫn viên cảnh sát xuống tầng hầm và chỉ anh ta xem hiện trường. Suốt khoảng thời gian đó, Mark hầu như không thể giữ bình tĩnh. Anh ta liên tục gọi, "Ôi Chúa ơi, Karla".

Chuyện khủng khiếp như vậy vốn không nên xảy ra ở Wood River, một cộng đồng yên tĩnh cách thành phố St. Louis chừng mười lăm phút đi xe. Chẳng bao lâu sau, tất cả cảnh sát giỏi nhất đều có mặt để xem chuyện gì đang xảy ra, kể cả cảnh sát trưởng ba mươi chín tuổi Ralph Skinner.

Thi thể Karla cho thấy dấu hiệu bị chấn thương nặng ở đầu, có lẽ là từ chiếc bàn xếp bị xô đổ trong phòng. Quanh cổ nạn nhân bị buộc hai chiếc vớ, khám nghiệm tử thi kết luận cô ấy tử vong do bị siết cổ, chết trước khi bị nhấn đầu vào thùng nước.

Tuy hiện trường án mạng là trọng tâm, nhưng ngay từ đầu cảnh sát đã vấp phải nhiều vấn đề. Thanh tra Alva Busch của Phòng Cảnh sát bang Illinois, một kỹ thuật viên khám nghiệm hiện trường dày dạn kinh nghiệm, không thể khởi động đèn nháy của máy ảnh. May mắn là Bill Redfern, người nhận cuộc gọi của Tom Fiegenbaum tại đồn cảnh sát, có mang theo một máy ảnh và đã chụp lại hiện trường nhưng lại chỉ có phim trắng đen trong máy. Một vấn đề khác là tất cả những người từng có mặt ở căn nhà đó để giúp cặp đôi chuyển đồ đạc. Sẽ có rất nhiều dấu vân tay tại hiện trường. Lọc ra những dấu vân tay khác sẽ rất khó nếu không muốn nói là bất khả thi.

Có một số yếu tố có vẻ là manh mối nhưng lại không hợp lý. Trong số đó, đáng chú ý nhất là một cái bình giữ nhiệt cà phê bị mắc trên xà nhà của tầng hầm. Ngay trước khi trông thấy nó, cảnh sát đã để ý việc thiếu bình giữ nhiệt cà phê ở máy pha trong bếp. Không ai, kể cả Mark, có lời giải thích hợp lý cho việc nó bị mắc trên xà nhà và vai trò của nó trong vụ án, nếu có, cũng không rõ ràng.

Alva Busch xoay sở tìm được một vài dấu vân tay từ mặt kính của bình, nhưng lại không hoàn chỉnh để có thể sử dụng.

Trong những ngày sau đó, cảnh sát khám xét cả khu phố, nói chuyện với bất kỳ ai có thể đã nhìn thấy bất kỳ kẻ khả nghi nào. Hàng xóm nhà bên, Paul Main, nói rằng vào ngày xảy ra án mạng, anh ta ở hiên trước nhà gần như suốt buổi trưa với bạn mình là John Prante. Prante nhớ là có đến nhà Main một lúc vào buổi sáng đó, ngay sau khi nộp đơn xin việc ở một nhà máy tinh chế dầu trong địa phương, nhưng cũng nói là anh ta rời đi sớm để nộp đơn cho những chỗ khác. Buổi tối trước ngày xảy ra vụ án, Main, Prante và một người bạn khác có quan sát Karla, Mark và những người giúp họ chuyển đồ. Cả ba nói rằng họ đã hy vọng được mời dự bữa tiệc chuyển nhà vì Main là hàng xóm còn người bạn kia của họ đã biết Karla hồi trung học. Nhưng họ không được mời. Tiếp xúc gần nhất giữa họ với nhà bên là khi người bạn kia gọi Karla từ bên kia lối xe chạy vào nhà.

Người hàng xóm ở bên kia đường, một phụ nữ lớn tuổi tên Edna Vancil, nhớ là có thấy một chiếc xe hơi màu đỏ mui trắng đậu trước nhà số 979 vào ngày xảy ra sự việc. Bob Lewis, một trong những người tham gia bữa tiệc, nói anh ta thấy Karla đứng ở lối xe chạy nói chuyện với một người đàn ông đáng vẻ "dữ tợn", tóc dài ở nhà bên, người đã chỉ tay vào Karla và gọi tên cô ấy. Đó hẳn là anh bạn của Paul Main.

"Trí nhớ của anh tốt thật. Đã lâu vậy rồi." Lewis nghe Karla trả lời. Anh ta nói sau đó anh ta đã kể với Mark Fair về cuộc gặp gỡ của hai người kia, rằng nếu hàng xóm sống gần nhà là kiểu người như vậy thì Mark nên cẩn thận trước khi chưa biết rõ về họ. Có vẻ Mark không bận tâm, nói rằng Karla biết người đàn ông tóc dài từ hồi trung học và anh chàng chỉ đến chơi nhà Paul Main.

Khi ấy, có một phụ nữ khác đang lái xe trên đường, đưa cháu trai đi nha sĩ. Bà này và đứa cháu thấy một người đàn ông và một phụ nữ nói chuyện ở lối chạy xe, nhưng kể cả khi được hỏi trong tình trạng bị thôi miên, mô tả của bà cụ cũng không rõ ràng.

Cảnh sát nói chuyện với nhiều người bạn gái của Karla, cố gắng tìm hiểu xem có ai hận thù nạn nhân không, một tên bạn trai cũ bị

Karla đã chẳng hạn. Nhưng tất cả đều nói Karla rất được yêu mến và không có kẻ thù nào mà họ biết.

Nhưng có một cô gái, bạn cùng phòng cũ của Karla, nghĩ đến một người. Bố Karla mất khi cô ấy còn nhỏ, mẹ cô ấy là Jo Ellen đã cưới Joe Sheppard Cha nhưng hiện đã ly dị. Cô bạn cho biết Karla không hòa thuận với Sheppard, ông ta từng đánh cô ấy và luôn ve vãn bạn cô ấy. Phải đưa ông ta vào vòng nghi vấn. Ông ta có đến vào cái đêm xảy ra án mạng và hỏi chuyện cảnh sát dồn dập. Như tôi đã nói, việc kẻ giết người tiếp cận cảnh sát hoặc tìm cách tham gia cuộc điều tra cũng là lẽ thường. Nhưng lại không có bằng chứng liên kết Sheppard với vụ án.

Người còn lại cần được điều tra cẩn thận là Mark Fair. Cùng với Tom Fiegenbaum, anh đã phát hiện thi thể nạn nhân, có thể vào nhà họ, là người gần gũi với nạn nhân nhất. Như tôi đã nói trong vụ án George Russell, luôn phải đặt nghi vấn với vợ/chồng hoặc người yêu của nạn nhân. Nhưng Mark lại đi làm cho nhà thầu điện vào thời điểm xảy ra án mạng; có nhiều người thấy và nói chuyện với anh. Và mọi người - cảnh sát, bạn Karla, gia đình cô ấy - đều chắc chắn nỗi đau buồn của anh là thật và rất sâu sắc.

Trong quá trình điều tra, cảnh sát đã làm kiểm tra phát hiện nói dối với nhiều người mà họ thẩm vấn, những đối tượng có thể tiếp xúc với Karla không lâu trước khi cô ấy chết. Mark, Tom và Joe Sheppard vượt qua mà không có nghi vấn gì. Không có ai thực sự không vượt qua. Người có kết quả khả nghi nhất là Paul Main, một người ở khoảng giữa mức bình thường và mức thiếu năng, đã ở nhà bên cạnh nhà nạn nhân vào trưa hôm đó. Tuy anh ta nói John Prante đã ở cùng anh ta trên hiên nhà và có thể bảo đảm anh ta không hề rời khỏi đó nhưng chính Prante - cũng vượt qua bài kiểm tra phát hiện nói dối - thừa nhận mình đã rời khỏi đó vào buổi sáng để tìm việc, vì vậy không thể biết Main đã ở đâu suốt khoảng thời gian đó. Nhưng kể cả bài kiểm tra của Main có nghi vấn và anh ta vẫn là một nghi phạm thì cũng như mọi người khác, không có gì liên kết anh ta với vụ án mạng.

Vụ sát hại Karla Brown ảnh hưởng sâu sắc đến khu vực Wood River. Đó là một vết thương mãi không lành. Cả cảnh sát địa phương

và cảnh sát tiểu bang đã thẩm vấn mọi người họ có thể tìm được và theo dõi từng manh mối khả dĩ. Nhưng thật nản lòng khi họ không đến gần kết quả chút nào. Nhiều tháng trôi qua. Rồi một năm. Hai năm. Vụ việc thực sự khó khăn cho chị gái của Karla là Donna Judson. Cô và chồng mình là Terry tham gia gần như mỗi ngày. Mẹ và một chị gái khác của Karla là Connie Dykstra không thể đối diện với sự căng thẳng này và ít liên hệ với những người điều tra vụ án.

Vụ việc cũng khó khăn với Don Weber, ủy viên công tố của tiểu bang chịu trách nhiệm về quận Madison, bao gồm khu Wood River. Ở thời điểm xảy ra án mạng, anh ấy đang làm trợ lý công tố. Tổ hợp của một công tố viên cứng rắn và một người đàn ông nhạy cảm, Weber rất muốn cho công chúng thấy sự tàn bạo xảy ra với Karla sẽ không được dung thứ trong khu vực của anh ấy. Anh ấy bị ám ảnh với việc đưa kẻ sát hại cô gái ra trước công lý. Sau đợt bầu chọn trở thành người đứng đầu ủy viên công tố tiểu bang của anh ấy vào tháng Mười một năm 1980, anh ấy lập tức mở lại vụ án.

Một người khác không thể bỏ qua vụ án, dù có kéo dài bao lâu mà không có tiến triển, chính là điều tra viên hiện trường vụ án của bang, Alva Busch. Trong sự nghiệp của một cảnh sát, luôn có vài vụ án mà người ta không chịu buông bỏ. Và hóa ra nhờ Busch mà vụ này cuối cùng cũng có tiến triển quan trọng.

Tháng Sáu năm 1980, tròn hai năm sau vụ sát hại Karla, Busch đến Albuquerque, New Mexico, để làm chứng trong phiên tòa xử một vụ giết người, trong đó anh ấy đã xử lý một chiếc xe bị đánh cắp ở Illinois. Trong lúc chờ hoàn tất các kiến nghị trước phiên tòa, anh ấy tham dự một buổi nói chuyện tại văn phòng quận trưởng của tiến sĩ Homer Campbell, một chuyên gia về công nghệ nâng cao chất lượng ảnh chụp bằng máy tính từ Đại học Arizona.

“Chào tiến sĩ”, Busch nói với ông ở cuối buổi nói chuyện, “tôi có một vụ án cho ông đây”. Tiến sĩ Campbell đồng ý kiểm tra ảnh chụp hiện trường và ảnh chụp khi khám nghiệm tử thi để xem ông có thể giúp xác định chính xác loại công cụ hay vũ khí đã được dùng để tấn công Karla không. Busch sao chép và gửi tất cả ảnh có liên quan cho Campbell. Ảnh đen trắng không làm công việc của Campbell dễ dàng hơn nhưng ông đã có thể tiến hành một phân tích tỉ mỉ với các dụng

cụ tinh vi. Bằng cách nâng cao chất lượng bằng máy vi tính, ông có thể bóc tách những bức ảnh và báo cáo về một số điều. Những vết cắt dài và sâu do một cây búa đóng đinh, những vết rách trên cằm và trán là do bánh xe của chiếc bàn xếp bị đổ. Nhưng điều tiếp theo ông ấy nói với Busch khiến vụ án xoay chuyển hoàn toàn và đi theo một hướng mới.

“Những dấu răng thì sao? Các anh có nghi phạm nào liên hệ với những vết cắn trên cổ cô ấy không?”

“Dấu răng nào?” là tất cả những gì Busch có thể nghĩ ra để hỏi qua điện thoại.

Campbell nói với anh ấy tuy những hình ảnh mà ông nâng cấp không đạt chất lượng tốt nhất nhưng chắc chắn cho thấy có dấu răng trên cổ Karla, đủ rõ để họ có thể dễ dàng so sánh nếu nhận diện được một nghi phạm. Có một dấu răng không đề lên bất kỳ vết thương hay dấu nào trên da. Không như những thứ khác họ thu thập được đến nay, dấu răng là bằng chứng thuyết phục, trên thực tế chúng cũng như dấu vân tay. Việc so sánh răng của Ted Bundy với những vết cắn tìm thấy trên miệng của một nạn nhân bị sát hại ở nhà tập thể hội nữ sinh Chi Omega tại Đại học Bang Florida đã giúp buộc tội kẻ sát nhân hàng loạt khét tiếng này. Campbell từng là nhân chứng truy tố tại phiên xử Bundy. (Vào sáng ngày 24 tháng Một năm 1989, sau những buổi thẩm vấn trên diện rộng và trò chuyện với Bill Hagmaier ở đơn vị chúng tôi, Bundy đã bị tử hình trên ghế điện ở Florida. Không ai biết chắc hẳn đã tước đoạt bao nhiêu sinh mạng trẻ trung.)

Khi cảnh sát Illinois nhận được hình ảnh dấu răng từ tiến sĩ Campbell, họ bắt đầu tập trung chú ý trở về một số khả năng ban đầu, đáng chú ý nhất là người hàng xóm Paul Main. Nhưng sau khi cảnh sát lấy dấu răng từ Main, Campbell không thể xác định nó có khớp với ảnh chụp hiện trường và khám nghiệm tử thi không. Họ thử tìm bạn của Main là John Prante để xem anh ta có chịu chỉ chứng Main với thông tin mới này không, nhưng không tìm được anh ta.

Có nhiều nỗ lực phá án, trong đó có việc mời một nhà ngoại cảm nổi tiếng ở Illinois đến, người này không biết bất cứ chi tiết nào về

vụ án, đã nói “Tôi nghe tiếng nước nhỏ giọt”. Với cảnh sát, đây rõ ràng là ám chỉ tình cảnh phát hiện thi thể Karla. Nhưng ngoài một thực tế là kẻ sát nhân sống gần đường ray tàu hỏa (đa số người ở quận Madison đều sống gần đường ray tàu hỏa), nhà ngoại cảm không giúp được gì thêm.

Kể cả với thông tin về dấu răng, vụ án cũng không tiến triển gì nhiều. Tháng Bảy năm 1981, Don Weber cùng bốn nhân viên tham dự một hội nghị chuyên đề ở New York về khoa học pháp y trong điều tra tội phạm, một phần trong chương trình quản trị mới của anh ấy với tư cách ủy viên công tố tiểu bang. Biết Weber sẽ có mặt, tiến sĩ Campbell đề nghị anh ấy mang ảnh chụp vụ án của Karla Brown cho tiến sĩ Lowell Levine xem, ông này là bác sĩ nha khoa pháp y đến từ Đại học New York, người sẽ diễn thuyết tại hội nghị. Levine nghiên cứu đồng ảnh nhưng sau khi đồng ý với Campbell rằng có những vết thương đúng là dấu răng cắn, lại nói ông ấy không thể so sánh chính xác. Ông ấy đề nghị họ khai quật thi thể Karla, nhận xét rằng “một cái hòm tốt là kho trữ đông lưu giữ bằng chứng”. Tôi không quen Levine nhưng chắc chắn có biết danh tiếng ông ấy. Ông ấy là người đã tiến hành phân tích trong vụ án Francine Elverson ở New York. (Ông ấy hẳn cũng đã làm rất tốt vì khi Bill Hagmaier và Roseanne Russo thẩm vấn Carmine Calabro ở Trại Cải tạo Clinton, hẳn đã nhốt hết rằng mình để tránh tự tố cáo trong phiên kháng cáo. Tiến sĩ Levine tiếp tục trở thành trưởng đơn vị khoa học pháp y bang New York.)

Tháng Ba năm 1982, Weber và hai điều tra viên thuộc Sở Cảnh sát tiểu bang tham dự buổi đào tạo thường niên cho Đơn vị điều tra án lớn ở đô thị của thành phố St. Louis. Tôi có tham dự, trình bày khái quát về công việc mô tả tính cách và phân tích hiện trường vụ án trước nhiều người. Tuy bản thân tôi không nhớ về cuộc gặp mặt nhưng Weber miêu tả trong tài liệu nghiên cứu rất hấp dẫn của mình về vụ án này, *Nhân chứng thẳm lặng* (hợp tác cùng Charles Bosworth Con), rằng anh ấy và các đồng nghiệp đã đến gặp tôi sau buổi trình bày và hỏi liệu những gì tôi vừa miêu tả có thể sử dụng cho vụ án của họ không. Hình như tôi đã bảo họ gọi đến văn phòng tôi khi tôi trở lại Quantico và nói tôi rất sẵn lòng giúp họ.

Khi trở về, Weber biết được Rick White của đồn cảnh sát Wood River cũng có mặt ở buổi huấn luyện và đã tự kết luận rằng đây là cách tiếp cận hay ho cho cuộc điều tra vụ án của Brown. White liên lạc với tôi và chúng tôi sắp xếp cho anh ấy đến Quantico, mang theo những bức ảnh chụp hiện trường, để tôi phân tích chúng ngay và cho họ biết suy nghĩ của tôi. Weber bận rộn với những vụ án chuẩn bị xét xử nên không thể đến nhưng đã chỉ định trợ lý ủy viên công tố tiểu bang là Keith Jensen đi thay, cùng White, Alva Busch và Randy Rushing, một trong các sĩ quan thuộc Sở Cảnh sát tiểu bang cũng có mặt tại St. Louis. Bốn người họ đi hơn 1.200 cây số đến Quantico trên một chiếc xe không có ký hiệu xe cảnh sát. Cảnh sát trưởng của Wood River khi đó, Don Geer, đang nghỉ phép ở Florida, nhưng cũng bay đến Washington để tham dự cuộc họp mặt.

Chúng tôi gặp nhau trong phòng họp. Bốn điều tra viên đã dành phần lớn thời gian di chuyển sắp xếp tư duy và giả thiết của mình để trình bày với tôi; họ không biết tôi thích tự đưa ra kết luận trước khi bị tác động bởi ý kiến của người khác. Nhưng chúng tôi lại hợp nhau.

Không như nhiều tình huống chúng tôi được gọi vì lý do chính trị hay bảo vệ ai đó, họ đến đây đơn giản vì không chịu từ bỏ. Họ thực sự muốn ở đây và thật lòng lo lắng về những gì tôi có thể làm để định hướng đúng đắn cho họ.

Tôi đặc biệt thích Alva Busch, người cũng gặp khó khăn về quyền lực. Cũng như tôi, anh ấy nổi tiếng hay làm nhiều người phát cáu vì cái tính hay nói thẳng. Thực ra, Don Weber đã phải dọa rằng sẽ nhờ cậy tất cả những người bạn chính khách của mình để Busch được phép đến Quantico.

Tôi yêu cầu xem ảnh chụp hiện trường và dành vài phút tỉ mỉ quan sát. Tôi hỏi vài câu để định hướng cho bản thân rồi nói, "Các anh sẵn sàng chưa? Có lẽ các anh nên ghi âm."

Điều đầu tiên tôi nói với họ là kinh nghiệm của tôi mách bảo khi thi thể bị bỏ vào nước ở trong nhà - bồn tắm, vòi sen hoặc thùng nước - thì mục đích không phải là rửa trôi manh mối hay chứng cứ, như chúng ta đã thấy trong vụ ở Atlanta, mà nhằm "sắp đặt" vụ án để trông khác với tình huống đã thực sự xảy ra. Sau đó tôi nói chắc

chấn họ đã thẩm vấn tên sát nhân. Nhà hắt ở khu phố đó hoặc có thể là ngay bên cạnh. Loại án mạng này hầu như luôn do hàng xóm hoặc người trong nhà làm. Người ta không đi xa đến vậy để thực hiện loại tội ác này. Nếu người hắt dính máu, điều đó là chắc chắn, hắt phải đến chỗ nào đó gần để rửa sạch và vứt bỏ quần áo dính máu. Khi sự việc diễn ra, gã này cảm thấy thoải mái vì biết mình sẽ không bị làm phiền, hắt biết rõ Karla hoặc đã quan sát cô ấy đủ để nắm được thói quen của cô ấy và Mark. Từ lúc các anh nói chuyện với hắt, hắt đã rất hợp tác với cuộc điều tra. Bằng cách đó, hắt cảm thấy có thể kiểm soát tình hình.

Trưa hôm đó, hắt đến nhà Karla không phải để giết cô ấy. Giết người chỉ là hành động phát sinh. Nếu hắt lên kế hoạch sát hại cô gái, hắt là hắt đã mang theo vũ khí và dụng cụ ("bộ dụng cụ dùng để cưỡng hiếp" của hắt). Thay vào đó, cái chúng ta có là siết cổ và chấn thương kín, cho thấy một hành động bộc phát vì giận dữ hoặc phản ứng tuyệt vọng vì cô ấy từ chối hắt. Thao túng, chi phối và kiểm soát là khẩu lệnh của kẻ cưỡng hiếp. Có lẽ hắt đến nhà để đề nghị giúp đỡ cô ấy chuyển đồ. Karla nổi tiếng là thân thiện, và vì quen biết gã này theo cách nào đó, có lẽ cô ấy đã cho hắt vào nhà. Cái hắt muốn ở cô ấy là tình dục, một mối quan hệ nào đó. Khi cô ấy phản đối hoặc hắt nhận ra mình đã vướng vào rắc rối không thể tháo lui, thì hắt - giống như kẻ sát hại Mary Frances Stoner ở Nam Carolina - quyết định cách duy nhất để cứu mình là giết cô ấy. Và kể cả lúc đó, có lẽ hắt vẫn hoảng loạn muốn suy nghĩ lại. Có nước trên sàn và ghế bành. Sau khi siết cổ, có lẽ hắt đã vốc nước lên mặt Karla để cố cứu sống cô ấy. Khi cách đó không hiệu quả, hắt phải làm sao đó để lấp liếm việc mặt cô ấy bị ướt, thế là hắt lôi cô ấy đi và nhấn đầu cô ấy vào thùng nước để sự việc trông như một nghi thức kỳ lạ hay lập dị nào đó; nói cách khác, là hướng sự chú ý ra khỏi chuyện đã thực sự xảy ra. Việc nhấn đầu nạn nhân vào nước có thể có một ý nghĩa khác. Cô ấy đã từ chối hắt. Bây giờ hắt có thể hạ nhục cô. Tương tự nhiều trường hợp khác, tội phạm có càng nhiều hành động ở hiện trường, dù để đánh lạc hướng cảnh sát, hắt càng cung cấp cho chúng ta nhiều manh mối và bằng chứng về hành vi để điều tra.

Gã này ở vào độ tuổi hơn hai mươi đến gần ba mươi, tôi nói, và đây không phải hành động của một kẻ có kinh nghiệm giết người. Sự sắp đặt hiện trường của hắn rất nghèo nàn và cho thấy hắn chưa từng thử làm việc đó. Tuy nhiên, đúng là hắn thuộc kiểu người dễ nóng giận, hay tấn công người khác nên có lẽ hắn từng phạm những tội khác ít nghiêm trọng hơn. Nếu hắn từng kết hôn thì gần đây đã ly thân hoặc ly hôn, hoặc đang bất hòa với vợ. Giống nhiều kẻ khác, gã này thất bại thực sự, nhận thức về bản thân kém. Có thể bề ngoài trông hắn tự tin, nhưng sâu thẳm trong tâm hồn, hắn vô cùng tự ti.

Hắn có trí thông minh và chỉ số IQ trung bình, chỉ học tới cấp III, và việc dùng dây điện để trói nạn nhân cho thấy hắn được đào tạo tại một cửa hàng hoặc làm một trong các nghề được đào tạo kỹ năng. Khi cuộc điều tra bắt đầu, các anh sẽ thấy hắn thay đổi chỗ ở và/hoặc công việc, khi sự việc lắng xuống và hắn không bị nghi ngờ gì, có thể hắn sẽ rời khỏi nơi đó. Cũng có thể hắn bắt đầu nghiện thuốc hoặc rượu nặng hoặc chơi ma túy để xoa dịu sự căng thẳng của mình. Thực ra, có thể rượu cũng đóng vai trò gì đó trong vụ án. Đây là một hành động táo bạo đối với hắn. Có thể trước đó hắn đã uống rượu, việc này làm giảm khả năng kiểm chế của hắn, nhưng sẽ không say, vì nếu say thì hắn sẽ không thể làm nhiều việc như vậy ở hiện trường sau khi gây án.

Hắn đang gặp tình trạng khó ngủ, đời sống tình dục của hắn có trục trặc, và các anh sẽ thấy hắn dần trở thành kẻ sống về đêm. Nếu có công việc dài hạn, hắn sẽ nghỉ làm nhiều khi cuộc điều tra tăng tốc. Hắn cũng sẽ thay đổi ngoại hình. Nếu lúc giết người, hắn có để râu và tóc dài, hắn sẽ cạo râu cắt tóc. Nếu lúc đó hắn mày râu nhẵn nhụi, hắn sẽ nuôi râu. Nhưng kẻ các anh đang tìm không phải kiểu người gọn gàng. Bản chất của hắn là lười thôi và nếu hắn cố gắng để bản thân trở nên ngăn nắp, đó là biểu hiện rõ ràng của việc kiểm soát thái quá. Điều này sẽ khiến hắn mệt mỏi cả về thể chất lẫn tinh thần.

Với phương tiện đi lại, trong vụ này tôi dựa vào thực tế trước đây về những kẻ sát nhân - một chiếc Volkswagen Bọ rùa. Có thể chiếc xe đã cũ và không được chăm sóc kỹ càng; màu đỏ hoặc cam.

Đây là kiểu người sẽ theo dõi sát sao việc điều tra của cảnh sát trên truyền thông và sẽ thu thập manh mối từ đó. Nếu cảnh sát trưởng ra thông cáo rằng không có manh mối nào mới, điều đó sẽ tạo cho hắn một cơ chế để ứng phó. Hắn có thể dễ dàng vượt qua bài kiểm tra phát hiện nói dối; rất nhiều kẻ sát nhân làm được điều đó. Mục tiêu của giai đoạn tiếp theo của cuộc điều tra là bắt đầu làm hắn lo sợ.

Có thể có rất nhiều yếu tố gây căng thẳng cho hắn. Tháng Sáu hàng năm, hắn sẽ cảm thấy lo lắng hơn bình thường. Việc đó cũng có thể xảy ra gần sinh nhật Karla. Có lẽ hắn sẽ đến thăm mộ Karla ở Nghĩa trang đồi Calvary. Có thể hắn sẽ gửi hoa cúng hoặc trực tiếp cầu xin nạn nhân tha thứ.

Vì vậy, việc tiếp theo các anh cần làm, là thông báo đã có một manh mối mới và đây hứa hẹn, một thứ gì đó có khả năng thu hút sự chú ý về vụ án lần nữa. Hãy liên tục tuyên truyền về manh mối này, khiến "yếu tố gây sợ hãi" đó càng dữ dội càng tốt. Hãy nói rằng các anh đã mời một chuyên viên mô tả nhân dạng của FBI tham gia vụ án và điều người này nói cho các anh hoàn toàn phù hợp với bằng chứng mới mà các anh vừa tìm được.

Lúc đó, họ kể với tôi về đề nghị khai quật thi thể của tiến sĩ Levine và muốn biết tôi nghĩ thế nào. Tôi nói với họ ý tưởng đó rất hay, và càng khiến truyền thông chú ý nhiều bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Weber nên lên truyền hình trước và thông báo nếu thi thể vẫn ở tình trạng tốt và cuộc khám nghiệm mới này tìm được bằng chứng mà họ mong đợi, họ sắp phá được vụ án. Theo kiểu nào đó, điều họ muốn truyền đạt tới kẻ giết người là họ đang làm cho Karla "sống dậy", mang cô ấy từ dưới mộ trở về, làm nhân chứng trong chính vụ án sát hại mình.

Việc khai quật thi thể sẽ gây căng thẳng khủng khiếp cho hắn. Tôi muốn Weber công khai nói rằng dù phải mất thêm hai mươi năm, anh ấy cũng sẽ phá được vụ án này. Tên tội phạm sẽ rất quan tâm và tò mò. Hắn sẽ đặt rất nhiều câu hỏi. Có thể hắn còn trực tiếp gọi cho cảnh sát! Nhớ quay phim hoặc chụp hình những người xuất hiện ở nghĩa trang; hắn có thể đến đó. Hắn sẽ hồi hộp chờ xem thi thể ở trong tình trạng nào. Và khi các anh thông báo rằng mình hài

lòng với tình trạng thi thể, điều đó sẽ khiến hắn càng áp lực hơn. Cùng lúc đó, hắn sẽ cô độc hơn, tự tách biệt bản thân khỏi những người bạn mà hắn có. Đây sẽ là lúc bắt đầu nghe ngóng mọi người ở quán rượu hoặc những nơi tương tự xem có bất kỳ vị khách quen nào thay đổi hành vi một cách đáng chú ý không. Có thể gần đây hắn tham gia một giáo hội hoặc theo một tín ngưỡng nào đó như một cách thức để ứng phó. Và trong khi các anh dồn tất cả áp lực này lên hắn, trong báo cáo của một viên cảnh sát nào đó - có thể là của chính tôi - nên có một bình luận gần như thể hiện sự cảm thông. Chúng ta nên nói chúng ta biết hắn đang trải qua những gì, rằng hắn không định giết cô ấy và đã mang gánh nặng này suốt những năm qua.

Tôi tiếp tục bày ra một chiến thuật thương thuyết tương tự như cuộc nói chuyện đầy hiệu quả trong vụ án của Stoner. Điều quan trọng là sau khi nhận diện được nghi phạm, không nên bắt hắn ngay mà hãy kéo dài cỡ một tuần, sau đó hãy khiến hắn phải thú tội trước khi bắt hắn. Các anh càng biết nhiều chi tiết, càng có nhiều cái để nói, ví dụ như "Chúng tôi biết anh đã lôi cô ấy từ đây tới đây" hay "Chúng tôi biết vì sao có nước ở hiện trường", các anh càng có nhiều cơ hội thành công. Tốt nhất nên đặt ở phòng thương thuyết một vật gì đó có vai trò quan trọng trong vụ sát hại (chẳng hạn như hòn đá trong vụ giết Stoner).

Sau khi nghe ý kiến của tôi, năm vị khách dường như ghi nhớ kỹ những gì tôi nói. Họ hỏi tôi làm sao chỉ nghe những chi tiết thông thường của vụ án và nhìn những tấm ảnh mà biết được mọi điều đó. Tôi không có câu trả lời chính xác nhưng Ann Burgess đã nói tôi là một người có khả năng trực quan hóa nhiều việc và thích bắt đầu công việc với những gì tôi quan sát được. Bà ấy bảo, và lời này có lẽ đúng, là tôi có xu hướng nói "Tôi thấy" thay vì nói "Tôi nghĩ" trong những buổi cố vấn vụ án. Có lẽ một phần nguyên nhân là hầu hết thời gian tôi không thể có mặt ở hiện trường nên tôi phải tái tạo mọi thứ trong đầu. Thường thì vài năm sau khi tôi đã phân tích một vụ án cho cảnh sát, khi họ gọi tôi lần nữa, tôi có thể hồi tưởng vụ án và những gì tôi từng nói về Đối tượng vô danh nếu họ mô tả hiện trường vụ án cho tôi nghe.

Các điều tra viên từ Illinois nói rằng: Từ những gì tôi đã nói với họ, hai trong số nhiều người họ đã thẩm vấn vẫn là những kẻ đáng nghi nhất - Paul Main và bạn anh ta John Prante. Cả hai đều ở nhà bên cạnh vào hôm đó, và ít nhất một trong hai người, Prante, đã uống bia. Lời khai của hai người không khớp nhau, có thể là do trí thông minh hạn chế và rượu bia, cũng có thể là một hoặc cả hai người đã nói dối. Prante thể hiện tốt hơn Main trong bài kiểm tra phát hiện nói dối, nhưng cả hai gã đều khớp với bản mô tả. Trên thực tế, Prante là đối tượng phù hợp hơn ở nhiều khía cạnh. Hắn hợp tác với cảnh sát hơn và sau khi vụ việc lắng xuống, hắn đã rời khỏi khu đó như tôi dự đoán tên giết người sẽ làm, nhưng sau đó trở lại.

Tôi nói rằng chiến lược mà tôi bày ra có thể áp dụng cho cả hai. Thực ra, vì tôi nghĩ kẻ thủ ác sẽ có lúc cảm thấy tội lỗi và hối hận nên có thể cho một phụ nữ giả làm Karla, gọi cho chúng vào nửa đêm, khóc lóc và hỏi "Tại sao? Tại sao? Tại sao?" Nên kết hợp chiêu này với các bài báo nói về việc Karla là một cô gái Mỹ đúng chuẩn và thật bi thảm khi cô ấy bị tước đoạt mạng sống ở thời kỳ đỉnh cao của cuộc đời. Tôi luôn thích cách nói cường điệu một chút.

Khi đã tiến hành chiến lược này trong khoảng một tuần hoặc mười ngày, cảnh sát có thể thấy liệu Main hoặc Prante có phản ứng như tôi đã nói không. Nếu một trong hai tên có phản ứng như vậy, bước tiếp theo sẽ là sử dụng những người truyền tin - bạn bè, người quen, đồng nghiệp - để cố gắng khơi gợi hắn đưa ra những nhận xét hoặc một lời thú tội.

Cuộc khai quật thi thể diễn ra vào ngày 1 tháng Sáu năm 1982, được thực hiện đúng như tôi hy vọng, Lowell Levine có mặt, báo chí và truyền hình đưa tin rầm rộ, cùng những tuyên bố long trọng và khả quan của Weber. Tôi phát hiện ra ở những thị trấn nhỏ, cảnh sát dễ dàng có được sự hợp tác như thế này từ phóng viên hơn so với ở thành phố lớn, nơi họ có xu hướng cảm thấy cảnh sát đang cố thao túng họ hoặc bảo họ phải đưa những tin gì. Tôi thấy đây giống như nỗ lực hợp tác giữa báo chí và lực lượng thi hành luật mà không làm tổn hại đến tính chính trực của đôi bên. Tôi chưa từng đề nghị một phóng viên báo chí hay truyền hình nào nói dối hoặc dựng lên một

câu chuyện sai/không hoàn chỉnh. Nhưng có nhiều dịp, tôi đưa ra những thông tin mà tôi cần một Đối tượng vô danh đọc và phản ứng với nó. Khi các phóng viên hợp tác với tôi, tôi hợp tác với họ. Và trong một số vụ án nhất định, tôi cho họ những bài phỏng vấn độc quyền khi được phép tiết lộ nội tình.

May mắn là thi thể Karla vẫn trong tình trạng được bảo quản tốt. Việc khám nghiệm lần này được thực hiện bởi tiến sĩ Mary Case, một trợ lý chuyên viên pháp y cho thành phố St. Louis. Không như cuộc khám nghiệm đầu, tiến sĩ Case xác định nguyên nhân tử vong là đuối nước. Cô ấy cũng phát hiện một vết nứt ở sọ. Quan trọng nhất, họ đã tìm được bằng chứng dấu răng mà họ cần.

Chiến thuật công khai thông tin như sắp đặt vẫn diễn ra đúng kế hoạch. Tom O'Connor thuộc lực lượng cảnh sát tiểu bang và Wayne Watson thuộc Đơn vị giả mạo giấy tờ và gian lận tài chính thẩm vấn Main ở nhà hắc, giả vờ thảo luận về những khoản tiền trợ cấp hắc đang nhận mà có thể hắc không đủ tiêu chuẩn để nhận. Họ hướng hắc vào việc thảo luận về vụ sát hại Karla Brown. Tuy hắc không thú tội và nói mình không dính líu gì đến vụ án, nhưng rõ ràng hắc đã theo dõi sát sao truyền thông và có một vài thông tin nội bộ. Ví dụ, Watson nói rằng Main đã không liệt kê địa chỉ ở Đại lộ Acton trong sổ các địa chỉ trước đó của hắc. Hắc nói hắc đã cố quên đi vì những ký ức không tốt đẹp khi cảnh sát làm phiền hắc về việc cô gái hàng xóm bị giết ở đó.

Watson nói: "Cô ấy là người bị bắn, bị siết cổ và nhấn đầu vào thùng nước."

"Không, không! Không bị bắn!" Main trả lời rõ ràng.

Gần thời điểm khai quật thi thể, một người đàn ông tên Martin Higdon đã đến gặp cảnh sát Wood River, nói rằng anh ta học chung với Karla Brown hồi cấp III và chuyện công khai cuộc điều tra gần đây đã khiến mọi người ở công ty bàn tán. Anh ta nghĩ mình nên cho cảnh sát biết rằng một nữ đồng nghiệp đã nói, tại một bữa tiệc diễn ra không lâu sau vụ giết người, một người có kể anh ta đã ở nhà Karla vào ngày cô ấy bị giết.

O'Connor và Rick white thẩm vấn người phụ nữ tên là Vicki White (không có quan hệ gì với Martin). Cô ta xác nhận câu chuyện trên là

đúng, nói rằng cô ta và chồng là Mark đã tham dự bữa tiệc tại nhà Spencer và Roxanne Bond, tại đó cô ta nói chuyện với một người cô ta biết hồi ở trường Cao đẳng Cộng đồng Lewis và Clark. Gã đàn ông đó nói hắn có mặt ở nhà Karla ngày cô ấy bị giết. Hắn nhắc đến nơi cô ấy được phát hiện và rằng cô ấy đã bị cắn vào vai. Hắn nói sẽ phải rời khỏi khu đó vì nghĩ hắn có thể bị xem là một nghi phạm chính. Lúc đó, cô ta chỉ cảm thấy đây là câu chuyện tầm phào.

Tên kẻ đó là John Prante.

Làm sao hắn biết về những vết cắn sớm đến thế sau vụ án, trong khi hai năm sau cảnh sát mới biết? O'Connor và White hỏi nhau. Rồi họ đến hỏi chuyện chủ nhân bữa tiệc, Spencer Bond, người này cũng nhớ câu chuyện mà Vicki và Mark White kể. Bond còn nói Main đã cho anh ta biết các chi tiết về việc phát hiện thi thể Karla. Câu hỏi là liệu Main có được thông tin này từ Prante, hay ngược lại. Tuy Prante thực hiện bài kiểm tra phát hiện nói dối suôn sẻ hơn, nhưng Weber và cảnh sát không nghĩ Main đủ táo bạo để thực hiện một tội ác như vậy hay đủ thông minh để gài bẫy Prante.

Gần đây Bond có gặp Prante, hắn vẫn đi chiếc minibus hiệu Volkswagen màu đỏ cũ. Tuy tôi đã đoán đúng màu và thương hiệu, nhưng không đúng về mẫu xe. Dù vậy, điều này cũng có ý nghĩa quan trọng. Trong khoảng thời gian này, chúng tôi bắt đầu thấy phương tiện đi lại ưa thích của bọn tội phạm đã chuyển sang xe tải. Bittaker và Norris lái xe tải. Steven Pennell lái xe tải. Không như xe hơi, trong thùng xe tải, chúng có thể làm bất cứ chuyện gì chúng muốn mà không bị ai nhìn thấy. Trên thực tế, chúng có một địa điểm giết người di động.

Tôi không ngạc nhiên khi nghe John Prante đã để râu từ sau vụ án. Bond đồng ý đeo máy ghi âm khi nói chuyện với Prante về vụ án. Tuy Prante không thừa nhận giết người nhưng hắn cho thấy hắn vô cùng phù hợp với bản mô tả nhân dạng. Hắn học nghề hàn kim loại ở Trường Lewis và Clark. Hắn rời khỏi khu vực sinh sống sau vụ án. Hắn đã ly hôn và gặp rắc rối với phụ nữ. Hắn vô cùng tò mò về cuộc điều tra.

Thứ năm, ngày 3 tháng Sáu, văn phòng của Weber xin được lệnh của tòa buộc Prante phải thực hiện lấy dấu răng vào hôm sau. Cảnh

sát trưởng Don Geer bảo hăng rằng họ đang cố gắng hoàn tất những việc còn dang dở, và nếu dấu răng hăng không trùng khớp, họ có thể loại hăng khỏi danh sách nghi phạm.

Sau khi rời phòng nha sĩ, Prante gọi cho Weber, như tôi đã dự đoán. Hăng muốn biết cuộc điều tra đang diễn ra như thế nào. Weber bình tĩnh bảo trợ lý Keith Jensen cùng nghe điện thoại, để bảo đảm về sau Weber không bị loại khỏi vụ án với tư cách nhân chứng tiềm năng. Khi nói chuyện với Weber, những điều Prante nói mâu thuẫn với câu chuyện trước đó về thời điểm hăng rời khỏi nhà Paul Main. Như tôi dự đoán, hăng có vẻ hợp tác.

Cảnh sát thu thập thêm thông tin từ cuộc trao đổi thứ hai, có cài máy ghi âm, giữa Bon và Prante, sau đó còn biết thêm nhiều điều khác từ cuộc nói chuyện được ghi âm giữa Bond và Main. Prante nói với Bond hăng đang hút đến vài gói thuốc một ngày. Main thậm chí còn nói có lẽ Karla đã kích động Prante khi từ chối đề nghị quan hệ của hăng. Điều này dẫn đến một cuộc thẩm vấn khác với Main, trong đó hăng nói hăng tin rằng Prante gây ra vụ sát hại, nhưng hăng lại rút lời khai sau một cuộc nói chuyện riêng với Prante.

Thứ Ba tuần kế tiếp, Weber, Rushing và Geer bay đến Long Island để gặp tiến sĩ Levine. Họ cho ông ấy xem ảnh chụp trong buổi khám nghiệm tử thi mới và ba bộ dấu răng - của Main, của một nghi phạm khác có từ lâu, và của Prante. Levine lập tức loại trừ hai bộ dấu răng đầu. Ông ấy không bảo đảm về mặt khoa học rằng trên đời chỉ có răng Prante khớp với vết cắn, nhưng quả thực chúng đã trùng khớp hoàn toàn.

Paul Main bị bắt và truy tố vì tội cản trở điều tra. Prante bị truy tố tội giết người và ăn trộm với ý định cưỡng hiếp. Hăng ra tòa vào tháng Sáu năm 1983. Tháng Bảy, hăng bị phán có tội và bị xử bảy mươi lăm năm tù giam.

Phải mất đến bốn năm, nhưng nhờ những nỗ lực của nhiều người tận tâm, kẻ giết người cuối cùng đã bị đưa ra trước công lý. Tôi đặc biệt vui và hài lòng khi nhận được bản sao lá thư mà trợ lý ủy viên công tố tiểu bang Keith Jensen gửi cho Giám đốc FBI William Webster. Trong lá thư, anh ấy viết "Cộng đồng nơi đó cuối cùng cũng cảm thấy an toàn và gia đình nạn nhân cảm thấy đã tìm được

công lý, những điều này không thể xảy ra nếu không có John Douglas. Tuy anh ấy vô cùng bận rộn, nhưng tôi nghĩ những nỗ lực của anh ấy phải được chú ý. Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và mong rằng sẽ có nhiều John Douglas hơn nữa với trí tuệ, năng lực và khả năng hỗ trợ điều tra như anh ấy.”

Những lời này quả thực tử tế. Nhưng may mắn là tháng Một năm ngoái, tôi đã có thể kiến nghị lên Jim McKenzie, trợ lý giám đốc Học viện, rằng chúng tôi thật sự cần “nhiều John Douglas hơn nữa”. Đến lượt mình, anh ấy thuyết phục được tổng bộ, dù điều đó có nghĩa là chúng tôi sẽ cướp người từ các chương trình khác. Nhờ đó mà tôi có được Bill Hagmaier, Jim Horn, Blaine McIlwaine và Ron Walker trong đợt đầu, sau đó là Jim Wright và Jud Ray trong đợt thứ hai. Thời gian đã chứng minh họ đều có những đóng góp to lớn.

Dù mọi người nỗ lực hết sức nhưng một số vụ án, như vụ Karla Brown, phải mất nhiều năm mới khép lại. Những vụ khác cũng phức tạp như vậy lại có thể được phá chỉ trong vài ngày hoặc vài tuần nếu mọi thứ đi đúng hướng.

Khi một nhân viên tố cáo tên là Donna Lynn Vetter ở một trong các văn phòng thực địa khu vực tây nam của FBI bị cưỡng hiếp và sát hại tại căn hộ tầng trệt của cô vào một buổi tối, Roy Hazelwood và Jim Wright nhận lệnh rất rõ ràng từ Văn phòng Giám đốc: lập tức đến đó và phá vụ án này. Lúc đó, chúng tôi đã chia cả nước ra thành nhiều vùng. Vụ này nằm trong vùng do Jim phụ trách.

Thông điệp phải rõ ràng và đanh thép: người không thể thoát khi sát hại nhân viên FBI và bọn ta sẽ làm bất cứ việc gì để bảo đảm điều đó. Hai giờ trưa hôm sau, một chiếc trực thăng của Nhóm giải cứu con tin đưa hai đặc vụ và những túi hành lý đóng vội của họ từ Quantico đến Căn cứ Không quân Andrews ở Maryland, tại đó họ tiếp tục lên một chiếc phi cơ của Cục. Khi hạ cánh, hai người lập tức đến hiện trường đã được cảnh sát địa phương bảo vệ nguyên vẹn.

Vetter là một phụ nữ da trắng hai mươi hai tuổi, lớn lên ở một nông trại. Dù cô ấy đã làm việc cho Cục hơn hai năm, cô ấy chỉ mới chuyển đến thành phố tám tháng trước. Hoàn toàn không biết đến những nguy hiểm của cuộc sống đô thị, cô ấy thuê một căn hộ ở khu vực công nghiệp, chủ yếu là người da màu và người vùng Tây

Ban Nha - Bồ Đào Nha sinh sống. Quản lý khu nhà hiểu rõ các vấn đề an ninh. Bà ấy đã cho lắp đặt một bóng đèn trắng kiểu ngọn đuốc - thay vì đèn vàng thông thường - trên cửa những căn hộ mà người thuê là phụ nữ độc thân để nhân viên của bà ấy và bảo vệ có thể đặc biệt chú ý đến họ. Hệ thống an ninh này không được công khai. Nhưng bất chấp ý tốt của họ, ngay cả một kẻ rình mò bình thường nhất cũng nhanh chóng hiểu được ý nghĩa của kiểu mật mã này.

Cảnh sát được triệu tập sau mười một giờ đêm khi một trong những người thuê nhà thấy rèm cửa sổ của căn hộ đó bị xé toang và báo bảo vệ của khu nhà. Thi thể nạn nhân ở trong tình trạng khóa thân, bị đánh vào mặt và có nhiều vết đâm, dính đầy máu. Kết quả khám nghiệm tử thi cho thấy cô ấy đã bị cưỡng hiếp.

Kẻ tấn công đã đột nhập qua cửa sổ trước, làm đổ một chậu cây lớn trên đường vào nhà. Dây điện thoại đã bị rút khỏi ổ cắm trên tường. Có nhiều vết máu lớn, nhem nhuốc trên thảm phòng ăn và sàn nhà bếp, nơi dường như đã xảy ra vụ tấn công chính. Có một vết máu nơi thi thể từng nằm ở đó trông như một thiên thần với kích thước người thật, đôi cánh dang ra như đang bay. vết máu cho thấy sau đó nạn nhân bị lôi vào phòng khách. Từ vết thương do tự vệ trên thi thể thì dường như nạn nhân đã cố với con dao làm bếp, nhưng hắn đã chộp lấy nó và dùng nó tấn công cô ấy.

Quần áo dính máu của Vetter được nhóm y bác sĩ cấp cứu tìm thấy ở mép sàn nhà bếp gần mấy cái tủ. Quần đùi và quần lót cô ấy bị cuộn lại, cho thấy chúng bị kẻ tấn công lột ra khi cô ấy nằm trên sàn. Khi cảnh sát đến hiện trường, đèn đóm trong căn hộ đều tắt. Họ suy đoán kẻ gây án đã tắt đèn để kéo dài thời gian phát hiện vụ việc sau khi hắn rời đi.

Theo những gì họ thu thập được từ đồng nghiệp, người thân và hàng xóm, nạn nhân là người rụt rè, thành thật và mộ đạo. Cô ấy lớn lên trong một môi trường tôn giáo nghiêm khắc và cứng nhắc, cô ấy rất nghiêm túc với tín ngưỡng của mình. Cô ấy không hề hào nhoáng và dường như rất ít giao thiệp với đàn ông hay đồng nghiệp, họ miêu tả cô là người tỉ mỉ và chăm chỉ nhưng "khác biệt". Có lẽ đa phần là do cô ấy chưa trải sự đời và được bảo bọc từ nhỏ. Bố mẹ cô

ấy hoàn toàn tin vào sự trong sáng của cô ấy và nói rằng họ nghĩ con gái mình sẽ làm bất cứ điều gì để bảo vệ trinh tiết.

Sau khi nghiên cứu hiện trường, đó là kết luận của Roy và Jim về những chuyện đã xảy ra. Tuy khắp nơi đều có máu, nhưng có một vết máu đặc biệt khiến họ lưu ý. Nó nằm ngay bên ngoài cửa phòng tắm. Bên trong phòng tắm, họ thấy có nước tiểu nhưng không có giấy vệ sinh trong lòng bồn cầu chưa dội.

Điểm này lập tức giúp họ liên tưởng đến tình huống đã xảy ra giữa kẻ đột nhập và nạn nhân. Có lẽ cô ấy đang ở trong phòng tắm thì nghe tiếng người đột nhập. Cô ấy đứng dậy mà không kịp dội cầu và ra ngoài xem có chuyện gì. Khi cô ấy vừa bước qua khỏi khung cửa phòng tắm, hắc đánh mạnh vào mặt cô ấy, nhằm vô hiệu hóa nạn nhân. Jim và Roy tìm được vũ khí giết người, một con dao làm bếp, giấu dưới đệm ngồi của một chiếc ghế trong phòng khách.

Bản thân vũ khí giết người cũng cho họ biết đôi điều - rằng Đối tượng vô danh đột nhập vào căn hộ không nhằm mục đích giết người. Việc không có món đồ giá trị nào bị lấy đi cho thấy hắc đến đây với mục đích khác, không phải để trộm đồ. Chứng cứ cho thấy hắc đến đó để cưỡng hiếp. Nếu hắc đến đó để giết người, thay vì dành thời gian ở với nạn nhân thì không có lý do gì để rút dây điện thoại. Việc căn hộ dễ dàng bị đột nhập, tình trạng khóa thân của nạn nhân, việc hắc tấn công nạn nhân chớp nhoáng trước khi nói lời nào, tất cả đều cho thấy kiểu người cuồng nộ, vai u thịt bắp, trí tuệ kém và không có kỹ năng xã hội hay tự tin vào khả năng kiểm soát người khác bằng ngôn từ. Trừ phi hắc hoàn toàn kiểm soát được nạn nhân không có gì nguy hiểm này ngay từ đầu, nếu không hắc biết hắc sẽ không đạt được mục đích.

Điều hắc không tính đến là cô gái rụt rè, lặng lẽ này lại kháng cự mãnh liệt đến vậy. Mọi thông tin về cuộc sống của cô ấy cho hai chuyên viên mô tả nhân dạng biết cô ấy chắc chắn sẽ làm điều đó để bảo vệ danh dự. Nhưng kẻ tấn công lại không biết. Cô ấy càng chống cự, hắc càng có nguy cơ mất kiểm soát và cơn giận của hắc càng tăng. Với vụ án Karla Brown, từ cưỡng hiếp biến thành giết người, tôi cảm thấy cơn giận của kẻ tấn công chỉ là thứ yếu khi so với nhu cầu "xử lý" tình cảnh lộn xộn mà hắc gây ra. Trong vụ giết

người này, có vẻ cơn giận và nhu cầu xử lý nạn nhân có tầm quan trọng tương đương nhau. Cơn giận của hung thủ trong vụ này đã có từ trước chứ không phải thoáng qua. Dấu vết kéo lê cho thấy sau khi tấn công nạn nhân trong bếp, hắn lôi cô ấy vào một phòng khác để cưỡng hiếp khi cô ấy chảy máu và chết dần.

Roy và Jim bắt đầu chuẩn bị bản mô tả nhân dạng của mình ngay buổi tối họ đến nơi. Họ tìm kiếm một người đàn ông từ hai mươi đến hai mươi bảy tuổi. Thường thì trong một vụ giết người vì tình dục hoặc dục vọng, nếu nạn nhân là người da trắng, chúng tôi đoán hung thủ cũng là người da trắng. Nhưng các đặc vụ tin chắc vụ này khởi đầu là một vụ cưỡng hiếp nên sẽ tuân theo các "quy luật" của việc cưỡng hiếp. Đây là một khu trọ và chủ yếu là người da màu và người vùng Tây Ban Nha - Bồ Đào Nha sinh sống, với tỷ lệ cao phụ nữ da trắng bị đàn ông da màu cưỡng hiếp nên nhiều khả năng kẻ sát nhân là người da màu.

Họ không nghĩ Đối tượng vô danh đã kết hôn, nhưng có thể hắn đang trong một mối quan hệ với ai đó mà hắn phụ thuộc về tài chính hoặc lợi dụng người này. Bất cứ phụ nữ nào có mối quan hệ với hắn đều trẻ hơn, ít kinh nghiệm hơn hắn hoặc dễ bị ảnh hưởng ở mức nào đó. Hắn sẽ không dính líu đến bất cứ ai khiến hắn cảm thấy khó xử lý hoặc đáng sợ. Tuy hắn hơi kém thông minh và có thành tích học tập không nổi bật ở trường (nơi hắn có thể có vấn đề về hành vi), nhưng hắn lại sành đời và có thể tự vệ tốt khi đánh nhau. Hắn sẽ muốn tỏ ra nam tính và gan lì với mọi người xung quanh và mặc những trang phục tốt nhất mà hắn kham được. Tương tự, hắn sẽ rất linh hoạt và cố gắng duy trì thể chất tốt.

Nơi hắn sống sẽ không cách hiện trường quá xa, có thể đi bộ đến, ở một khu dành cho người thu nhập thấp. Hắn đã và đang làm công việc thông thường nào đó và hay có mâu thuẫn với đồng nghiệp hoặc người có chức quyền. Vì tính khí nóng nảy, hắn sẽ không nhập ngũ hoặc nếu có thì cũng đã bị cho xuất ngũ. Hai đặc vụ không nghĩ hắn từng giết người, nhưng có lẽ từng trộm cắp và đánh người. Roy Hazelwood, một trong những chuyên gia hàng đầu về tội phạm cưỡng hiếp và chống lại phụ nữ, tin chắc hắn có tiền sử cưỡng hiếp hoặc tấn công tình dục.

Họ dự đoán hành vi của hắn sau khi gây án, giống kẻ giết Karla Brown ở nhiều mặt, gồm nghỉ làm, nghiện rượu, sụt cân và thay đổi ngoại hình. Quan trọng nhất, họ cảm thấy đây là loại người sẽ kể cho người nhà hoặc người quen thân thiết về tội ác hoặc bí mật của mình. Và đó có thể là chìa khóa cho một chiến thuật chủ động nhằm bắt giữ hắn.

Vì biết Đối tượng vô danh sẽ theo dõi tin tức nên Roy và Jim quyết định công khai bản mô tả nhân dạng, đồng ý nhận phỏng vấn của báo chí địa phương. Chi tiết quan trọng duy nhất họ giữ lại là yếu tố chủng tộc. Trong trường hợp họ đoán sai, họ không muốn cuộc điều tra đi chệch hướng và sử dụng sai những manh mối tiềm năng.

Nhưng họ cố gắng công khai càng rộng rãi càng tốt niềm tin rằng người được nghe Đối tượng vô danh kể cho chuyện hắn giết người đang gặp nguy hiểm khôn lường, bây giờ người này đã biết được thông tin có thể buộc tội hắn. Họ thúc giục nếu quý vị nhận ra mình đang rơi vào tình huống này, hãy liên hệ với cơ quan chức năng trước khi quá muộn. Trong vòng hai tuần rưỡi, tên đồng phạm trộm cướp có vũ khí của hung thủ đã gọi cho cảnh sát. Đối tượng bị bắt, và dựa trên dấu vân lòng bàn tay của hắn trùng khớp với dấu vết tìm thấy tại hiện trường, hắn đã bị truy tố.

Sau đó, khi xem lại bản mô tả nhân dạng, chúng tôi nhận thấy Jim và Roy đã hoàn toàn đúng. Hung thủ là một thanh niên da màu hai mươi hai tuổi, sống cách hiện trường vụ án bốn khối nhà. Hắn độc thân, sống chung và phụ thuộc tài chính vào chị gái mình. Khi xảy ra vụ sát hại, hắn đang trong thời gian thử thách vì tội cưỡng hiếp. Hắn bị xét xử, bị phán có tội và lãnh án tử. Việc tử hình hắn vừa diễn ra gần đây.

Tôi thường nói với đồng nghiệp của mình rằng chúng ta nên giống như Lone Ranger, lái xe đến nơi, hỗ trợ thực thi công lý, sau đó lặng lẽ rời đi.

*Những người mang mặt nạ đó là ai? Họ để lại viên đạn bạc này.
Họ ư? Họ đến từ Quantico.*

Trong vụ án này, Jim và Roy cũng lặng lẽ rời đi. Họ được đưa gấp đến nơi bằng một chiếc phi cơ riêng của Cục. Khi công việc đã xong, họ bay về nhà bằng hạng ghế du lịch, cùng những người đang vui vẻ đi nghỉ và lũ trẻ la hét ồm ồm ở băng ghế cuối của một chuyến bay thương mại. Nhưng chúng tôi biết những gì họ đã làm, cũng như mọi người nhận được “những viên đạn bạc” mà họ để lại đều biết.

CHƯƠNG 15

Làm hại những người ta yêu thương

Một ngày nọ, khi đang xem xét các hồ sơ vụ án trong văn phòng không có cửa sổ của mình tại Quantico, Gregg McCrary nhận được cuộc gọi từ một trong các phòng cảnh sát thuộc vùng anh ấy phụ trách. Đó là một trong những vụ án đau đớn mà quý vị thường nghe thấy.

Một người mẹ đơn thân còn trẻ định ra khỏi khu chung cư để đi mua sắm với đứa con trai hai tuổi. Ngay trước khi lên xe, cô ta đột nhiên bị đau bụng dữ dội nên quay lại, băng nhanh qua bãi đậu xe, vào một nhà vệ sinh ngay bên trong cửa sau của khu chung cư. Đó là một khu dân cư an toàn, thân thiện, mọi người đều biết nhau, và cô ta đã dặn dò đứa bé rất kỹ rằng phải ở trong tòa nhà và chơi ngoan cho đến khi cô ta ra.

Tôi chắc quý vị đã đoán được sự việc tiếp theo. Khoảng bốn mươi lăm phút sau cô ta mới giải quyết xong vấn đề trong nhà vệ sinh. Cô ta đi ra và đứa bé không còn trong sảnh. Chưa lo lắng gì, cô ta bắt đầu tìm kiếm, cho rằng thằng bé chỉ đi đâu đó một chút, dù thời tiết bên ngoài đang lạnh và có gió. Nhưng rồi cô ta trông thấy nó: một trong hai chiếc găng tay đan của thằng bé đang nằm trên nền gạch bãi đậu xe còn thằng bé thì chẳng thấy đâu. Lúc này cô ta bắt đầu hoảng sợ.

Cô ta chạy trở vào căn hộ của mình và lập tức gọi 911. Cô ta cuống cuống nói với nhân viên tổng đài rằng con mình đã bị bắt cóc. Cảnh sát nhanh chóng đến nơi, lục soát cả khu vực để tìm manh mối. Lúc này người phụ nữ trẻ đang phát điên lên.

Truyền thông đăng tin về câu chuyện này. Người mẹ trẻ đứng trước micro và cầu xin kẻ đã bắt con trai cô ta hãy trả thằng bé lại.

Tuy cảnh sát rất thông cảm, nhưng họ muốn làm mọi thứ để bảo đảm không có sai sót nên họ lặng lẽ thực hiện một cuộc kiểm tra phát hiện nói dối, người mẹ trẻ vượt qua thử thách này. Họ biết trong các trường hợp bắt cóc trẻ em, thời gian là mấu chốt nên họ gọi cho Gregg.

Anh ta nghe mô tả hiện trường và bản thu âm cuộc gọi 911. Có điều gì đó anh ta không thích trong cuộc gọi này. Sau đó, sự việc có tiến triển mới. Người mẹ đang đau khổ nhận được một bưu kiện nhỏ trong hòm thư. Bưu kiện không có địa chỉ gửi, ghi chú hoặc liên hệ nào đi kèm - chỉ có chiếc găng tay cùng bộ với chiếc cô ta tìm thấy trong bãi đậu xe. Người phụ nữ lòng đau như cắt. Nhưng bây giờ Gregg đã biết. Anh ta nói với cảnh sát rằng bé đã chết và người mẹ đã giết nó.

Làm sao anh biết? Cảnh sát gặng hỏi. Trẻ em bị bọn biến thái bắt đi là chuyện thường thấy. Làm sao anh biết vụ này không tương tự?

Gregg giải thích cho họ. Đầu tiên là hiện trường. Không ai lo con trai mình bị bọn xấu bắt đi hơn mẹ nó. Việc cô ta để con một mình không ai trông trong thời gian dài như vậy có hợp lý không? Nếu cô ta cần vào nhà vệ sinh lâu, chẳng phải cô ta nên mang thằng bé theo hoặc thu xếp thế nào đó? Có khả năng chuyện đã xảy ra như cô ta nói, nhưng rồi chúng ta bắt đầu kết hợp các yếu tố với nhau xem.

Trong đoạn băng ghi âm cuộc gọi 911, cô ta theo bản năng nói rằng ai đó đã “bắt cóc” con mình. Theo kinh nghiệm của Gregg, các ông bố bà mẹ sẽ làm mọi thứ để chối bỏ tình huống khủng khiếp đó. Trong cơn hoảng loạn, cô ta có thể nói là thằng bé đã mất tích, nó đã chạy đi đâu đó, cô ta không biết nó ở đâu hay đại loại vậy. Việc cô ta dùng từ *bắt cóc* ở giai đoạn này cho thấy cô ta đã nghĩ đến cảnh tượng sẽ xảy ra trước.

Lời khẩn cầu đầm nước mắt trước giới truyền thông không mang tính buộc tội nhưng bây giờ tất cả chúng ta đều bị ám ảnh bởi hình ảnh Susan Smith ở Nam Carolina cầu xin cho hai đứa con trai mình trở về nhà an toàn^[51]. Nhìn chung, chúng ta thấy những bậc phụ huynh làm việc này hoàn toàn thành khẩn. Vấn đề là kiểu phô

trường này có xu hướng bị những người không thành khẩn lợi dụng để hợp pháp hóa.

Nhưng điểm mấu chốt cuối cùng với Gregg là việc gửi lại chiếc găng tay. Về cơ bản, trẻ em bị bắt cóc vì một trong ba lý do: bọn bắt cóc đòi lợi ích; những kẻ ấu dâm bắt cóc để thỏa mãn sở thích tình dục; những người đáng thương, cô đơn, thần kinh bất ổn - những người muốn có con. Kẻ bắt cóc phải liên hệ với gia đình, qua điện thoại hoặc thư, để đưa ra yêu sách. Hai loại kia sẽ không muốn dính dáng đến gia đình bọn trẻ. Không ai trong ba loại này chỉ gửi lại một món đồ để gia đình biết đứa trẻ đã bị bắt. Gia đình đã sớm biết điều đó. Nếu có bằng chứng cho sự hợp lý của tội ác này, nó phải kèm theo một yêu sách gì đó; nếu không, nó hoàn toàn vô nghĩa.

Theo nhận định của Gregg, người mẹ đã sắp đặt một vụ bắt cóc theo tưởng tượng của cô ta về một vụ bắt cóc thật. Đáng tiếc cô ta không biết được những động cơ thực sự của loại tội phạm này nên đã làm sai.

Rõ ràng cô ta có lý do cho việc mình làm và vì vậy có thể tự thuyết phục rằng mình không làm gì sai. Đó là lý do cô ta vượt qua bài kiểm tra phát hiện nói dối. Nhưng Gregg không hài lòng với kết quả đó. Anh ta mời một chuyên gia kiểm tra phát hiện nói dối có kinh nghiệm của FBI và cho cô ta làm kiểm tra lại, lần này đã biết cô ta là nghi phạm. Và lần này kết quả hoàn toàn khác. Sau buổi thẩm vấn trực tiếp, cô ta thừa nhận đã giết con mình và dẫn cảnh sát đến nơi chôn xác.

Cô ta có động cơ thường thấy, mà Gregg đã nghi ngờ từ lâu. Cô ta là một người mẹ đơn thân còn trẻ, phải gác lại những cuộc vui của lứa tuổi trạc đôi mươi vì con cái. Cô ta đã gặp một người đàn ông, anh ta muốn tiến một bước trong mối quan hệ của họ và bắt đầu một gia đình mới của riêng họ. Nhưng anh ta nói rõ rằng không có chỗ cho đứa trẻ này trong cuộc sống của họ.

Điều quan trọng ở loại vụ án này là nếu cảnh sát tình cờ phát hiện thi thể nhưng đứa bé không được báo mất tích thì Gregg vẫn sẽ đưa ra kết luận tương tự. Đứa trẻ được tìm thấy trong rừng, mặc một bộ quần áo ấm, quần trong một tấm chăn, sau đó được che kín hoàn toàn bằng túi ni lông dày. Một kẻ bắt cóc hay sàm sỡ trẻ em

không dành nhiều tâm tư để cậu bé được ấm áp và “thoải mái” hay cố gắng che chắn thi thể khỏi những thứ xung quanh. Trong khi nhiều hiện trường án mạng cho thấy cơn thịnh nộ rõ rệt và tích tụ trong thời gian dài, còn các địa điểm vớt xác thể hiện sự khinh bỉ và thái độ thù địch thì những đặc điểm của việc chôn cất trong vụ này chỉ ra tình yêu và tội lỗi.

Nhân loại có lịch sử dài đằng đẵng trong việc làm hại những người mà chúng ta yêu thương hoặc nên yêu thương. Thực ra, trong buổi phỏng vấn trên truyền hình đầu tiên của Alan Burgess sau khi trở thành trưởng Đơn vị Khoa học hành vi, anh ấy đã nói “Con người sử dụng bạo lực suốt nhiều thế hệ, từ tận thời Kinh Thánh khi *Cain bắn Abel*.” May mắn là các phóng viên dường như không chú ý đến cách diễn giải của anh ấy về món vũ khí giết người đầu tiên trên thế giới.

Một trong những vụ án lớn ở Anh hồi thế kỷ XIX liên quan đến những cáo buộc bạo lực trong gia đình. Năm 1860, thanh tra Jonathan Whicher thuộc Sở Cảnh sát Scotland Yard đến thị trấn Frome ở vùng Somerset điều tra vụ sát hại một em bé tên Francis Kent thuộc một gia đình nổi tiếng trong vùng. Cảnh sát địa phương tin rằng đứa bé bị những người gypsy giết hại, nhưng sau khi điều tra, Whicher bắt đầu tin rằng hung thủ thực sự là chị gái mười sáu tuổi của Francis tên Constance. Vì danh tiếng của gia đình và bản thân ý tưởng rằng một cô gái vị thành niên lại có thể giết em trai nhỏ của mình rất không thích hợp nên bằng chứng của Whicher bị bác bỏ tại tòa và Constance được tuyên bố trắng án trước những cáo buộc của ông dành cho cô ta.

Công chúng phản ứng với Whicher quá mạnh mẽ, buộc ông ấy phải từ chức ở Scotland Yard. Suốt nhiều năm, ông ấy tự mình điều tra để chứng minh mình đã đúng và cô gái này là một kẻ sát nhân. Cuối cùng, bị phá sản và sức khỏe kém nên ông ấy phải từ bỏ công cuộc truy tìm sự thật - một năm trước khi Constance Kent thú tội. Cô ta bị xét xử lại và nhận án chung thân. Ba năm sau, Wilkie Collins viết quyển tiểu thuyết trinh thám mang tính đột phá của mình, *Đá mặt trắng*, dựa trên vụ án của Kent.

Chìa khóa để phá những vụ sát hại người yêu hoặc người thân hay bị người yêu hoặc người thân sát hại chính là việc sắp đặt. Bất

cứ ai gần gũi với nạn nhân đều phải làm gì đó để hướng sự nghi ngờ ra xa bản thân. Một trong những vụ án sớm nhất thuộc loại này mà tôi tham gia là vụ sát hại Linda Haney Dover ở Cartersville, bang Georgia, một ngày sau Giáng sinh năm 1980.

Tuy cô ấy và chồng là Larry đã ly hôn nhưng họ vẫn thân thiết vì lý do nào đó. Linda, hai mươi bảy tuổi, cao 1m57, nặng 54kg, thường đến ngôi nhà mà họ từng sống chung để dọn dẹp hộ Larry. Thực ra, cô ấy cũng đến đó dọn dẹp vào ngày thứ Sáu đó, 26 tháng Mười hai. Trong khi đó, Larry dẫn con trai của họ ra công viên chơi.

Khi hai bố con trở về sau chuyến đi chơi vào buổi chiều, Linda không còn ở đó. Nhưng thay vì một ngôi nhà sạch sẽ, ngăn nắp, Larry lại thấy phòng ngủ rất bừa bộn. Khăn trải giường và gối bị lôi xuống sàn, các hộc tủ bị kéo ra, quần áo vương vãi khắp nơi và trên thảm có những vết bẩn màu đỏ trông như máu. Larry lập tức báo cảnh sát, họ nhanh chóng có mặt và lục soát căn nhà từ trong ra ngoài.

Họ tìm thấy thi thể Linda được quấn trong tấm chăn ở phòng ngủ, chỉ lộ ra cái đầu, trong khoảng trống hẹp bên dưới căn nhà, nơi có thể tiếp cận các đường ống vào nhà. Khi gỡ tấm chăn ra, họ thấy áo và áo lót của cô ấy bị đẩy lên qua ngực, quần jean ở lưng chừng gối và quần lót bị kéo vừa qua khu vực nhạy cảm. Đầu và mặt nạn nhân có vết thương kín và nhiều vết dâm, mà theo cảnh sát là xảy ra sau khi áo lót bị đẩy lên. Họ tin vũ khí là một con dao trong một ngăn tủ bếp, nhưng họ không tìm được (và chưa bao giờ tìm được). Hiện trường án mạng cho thấy ban đầu cô ấy bị tấn công ở một phòng ngủ, sau đó thi thể cô ấy bị chuyển ra bên ngoài, vào trong khoảng trống dưới nhà. Những giọt máu trên đùi nạn nhân cho biết kẻ giết hại cô đã di chuyển và sắp đặt tư thế của cô.

Không có điều gì từ cuộc sống của Linda Dover khiến cô ấy trở thành nạn nhân có nguy cơ bị tấn công cao. Tuy cô ấy đã ly hôn với Larry nhưng không có mối quan hệ nào khác. Những yếu tố gây căng thẳng bất thường duy nhất là khoảng thời gian lể lết trong năm và điều gì đó đã phá vỡ cuộc hôn nhân của cô ấy.

Dựa trên ảnh chụp hiện trường và thông tin mà cảnh sát Cartersville gửi đến, tôi nói với họ Đối tượng vô danh sẽ thuộc một

trong hai loại. Khả năng cao hẳn là một kẻ cô độc tự ti, trẻ tuổi và thiếu kinh nghiệm, sống gần đó và tình cờ nhìn thấy cơ hội phạm tội này. Sau khi tôi nói điều này, cảnh sát có lưu ý rằng họ đang gặp vấn đề với một tên côn đồ trong khu này mà rất nhiều cư dân e sợ.

Nhưng vụ án có quá nhiều yếu tố sắp đặt, làm tôi thiên về loại thứ hai hơn: một người quen biết nạn nhân và vì vậy mà muốn hưởng sự chú ý đi nơi khác. Lý do duy nhất khiến một kẻ sát nhân cảm thấy cần giấu thi thể ở khu vực lân cận thuộc nhóm mà chúng tôi phân loại là "giết người vì lý do cá nhân", vết thương ở mặt và cổ cũng mang tính cá nhân cao.

Tôi bảo họ là tôi cảm thấy Đối tượng vô danh thông minh nhưng chỉ học tới trung học và làm công việc đòi hỏi sức lực. Hẳn sẽ có tiền sử có hành vi tấn công và khả năng chịu đựng những cảm xúc tiêu cực kém. Hẳn ử rũ, không thể chấp nhận thất bại và có lẽ bị trầm cảm vì lý do nào đó tại thời điểm giết người, khả năng cao nhất là do vấn đề tiền nong.

Việc sắp đặt hiện trường có logic và lý do căn bản của nó. Kẻ đã đối xử tàn bạo với Linda không muốn để thi thể cô ấy ở nơi lộ thiên để một thành viên gia đình khác - đặc biệt là con trai cô ấy - có thể tìm thấy. Đó là lý do hẳn dành thời gian quấn cô ấy trong tấm chăn và chuyển cô ấy đến khoảng trống dưới sàn nhà. Hẳn muốn làm vụ này trông như một vụ án vì tình dục - thế nên mới có việc đẩy áo ngực lên và để lộ bộ phận nhạy cảm bên dưới - nhưng lại không có bằng chứng cho thấy cô ấy bị cưỡng hiếp hay tấn công tình dục. Hẳn nghĩ hẳn phải làm điều này, nhưng vẫn cảm thấy không thoải mái khi cảnh sát thấy bộ phận nhạy cảm và ngực cô ấy lộ ra nên hẳn quấn cô ấy lại bằng tấm chăn.

Tôi nói ban đầu hung thủ sẽ hợp tác và tỏ ra quan tâm thái quá nhưng sẽ trở nên kiêu ngạo và có thái độ thù địch khi bị nghi ngờ chứng cứ ngoại phạm. Hành vi sau gây án của hẳn có thể là uống rượu, dùng ma túy nhiều hơn hoặc chuyển hướng sang tôn giáo. Có thể hẳn đã thay đổi ngoại hình, thậm chí đổi việc và chuyển đi nơi khác. Tôi nói với cảnh sát hãy tìm kiếm manh mối cho thấy sự đảo ngược về hành vi và tính cách ở hẳn.

“Hắn của hôm nay không hề giống với hắn trước vụ giết người”, tôi nói.

Điều tôi không biết là, lúc cảnh sát Cartersville đề nghị tôi mô tả nhân dạng, họ đã truy tố Larry Bruce Dover với tội giết vợ và muốn bảo đảm họ đi đúng đường. Điều này thực sự làm tôi nổi cáu vì nhiều lý do. Ví dụ, tôi có quá nhiều vụ án dang dở, không xử lý kịp. Nhưng quan trọng nhất, điều này đặt Cục vào tình thế không mấy dễ chịu. May mắn cho mọi người có liên quan là bản mô tả hoàn toàn trùng khớp. Như tôi giải thích với Giám đốc và SAC ở Atlanta, nếu bản mô tả không chính xác đến thế, một luật sư tài ba có thể gửi trát đòi tôi ra tòa làm nhân chứng biện hộ và buộc tôi phải nói rằng bản mô tả “chuyên nghiệp” của tôi khác với bị cáo ở nhiều điểm nhất định. Từ đó trở đi, tôi rút kinh nghiệm là phải luôn hỏi cảnh sát xem họ đã có nghi phạm chưa, dù tôi không muốn biết trước kẻ đó là ai.

Nhưng ít nhất công lý đã được thực thi trong vụ này. Ngày 3 tháng Chín năm 1981, Larry Bruce Dover bị buộc tội giết Linda Haney Dover và bị xử chung thân.

Một biến tấu khác trong chủ đề sắp đặt các vụ bạo lực gia đình là vụ sát hại Elizabeth Jayne Wolsieffer, còn gọi là Betty, vào năm 1986.

Sau bảy giờ sáng thứ Bảy, ngày 30 tháng Tám, cảnh sát ở Wilkes-Barre, Pennsylvania, được gọi đến số 75 đường Birch, nhà của một nha sĩ có tiếng và gia đình mình. Khi đến đó khoảng năm phút sau, các cảnh sát Dale Minnick và Anthony George gặp bác sĩ Edward Glen Wolsieffer ba mươi ba tuổi, đang nằm trên sàn, nạn nhân của một vụ siết cổ không thành và một cú đánh vào đầu. Em trai anh ta là Neil đang ở đó với anh ta. Neil giải thích là anh ta sống ở bên kia đường, được anh mình gọi và đã chạy ào đến. Glen đã bị choáng, mất định hướng và bảo rằng số điện thoại của Neil là số duy nhất anh ta nhớ được. Ngay khi Neil đến nơi, anh ta đã báo cảnh sát.

Hai người nói vợ của Glen, Betty, ba mươi hai tuổi, và con gái năm tuổi Danielle ở trên lầu. Mỗi lần Neil định lên xem họ thế nào, Glen lại ngất xỉu hoặc bắt đầu rên rỉ nên hai người họ chưa ai lên lầu. Glen bảo với Neil rằng anh ta sợ kẻ đột nhập vẫn còn trong nhà.

Minnick và George lục soát ngôi nhà. Họ không tìm thấy kẻ đột nhập nào nhưng phát hiện Betty chết trong phòng ngủ lớn. Nạn nhân nằm nghiêng trên sàn cạnh giường, đầu ở phía chân giường. Từ những vết bầm trên cổ, lượng bọt đang khô dần quanh mép và gương mặt bầm dập tím tái, có vẻ cô ấy đã bị siết cổ bằng tay. Tăm trải giường dính máu nhưng có vẻ mặt nạn nhân đã được lau sạch. Cô ấy chỉ mặc đầm ngủ, chiếc đầm bị đẩy lên tới thắt lưng.

Danielle vẫn an toàn và đang ngủ ở phòng ngủ bên cạnh. Khi thức dậy, cô bé nói với cảnh sát là mình không nghe thấy gì cả - không có âm thanh đột nhập, xô xát hay tiếng động nào.

Minnick và George trở xuống, không miêu tả cảnh tượng trên lầu mà hỏi bác sĩ Wolsieffer chuyện gì đã xảy ra. Anh ta nói anh ta bị đánh thức khi trời vừa sáng bởi tiếng động giống như có ai đó đột nhập vào nhà. Anh ta lấy khẩu súng ở bàn cạnh giường và đi xem xét mà không đánh thức Betty.

Khi đến gần cửa phòng ngủ, anh ta thấy một người đàn ông cao lớn ở đầu cầu thang. Dường như gã này không thấy anh ta, và anh ta theo hắn đi xuống lầu, nhưng rồi mất dấu và bắt đầu tìm hắn ở tầng trệt.

Anh ta đột ngột bị tấn công từ phía sau bằng một sợi dây thừng hay dây gì đó, nhưng anh ta đã kịp thả súng xuống và luồn bàn tay vào trước khi sợi dây siết chặt quanh cổ. Sau đó Glen đá ngược ra sau, trúng vào háng gã đàn ông, khiến hắn rơi lỏng tay. Nhưng trước khi Glen kịp quay lại thì đã bị đánh vào đầu từ phía sau và bất tỉnh. Sau đó một lúc, khi tỉnh dậy, anh ta gọi cho em trai mình.

Cảnh sát hay nhân viên cấp cứu thấy những vết thương có thể nhận diện trên người bác sĩ Wolsieffer có vẻ không nguy hiểm - một vết thâm tím sau đầu, mấy vết đỏ trên gáy, vài vết xước nhỏ trên mạn sườn trái và ngực. Nhưng họ không muốn liều lĩnh nên đã đưa anh ta đến phòng cấp cứu. Vị bác sĩ ở đó cũng thấy anh ta không bị thương nặng, nhưng vẫn cho anh ta nhập viện vì nha sĩ báo lại rằng đã có anh ta lúc bất tỉnh.

Từ đầu, cảnh sát đã nghi ngờ câu chuyện của Wolsieffer. Có vẻ không hợp lý khi kẻ nào đó lại đột nhập vào ngôi nhà từ cửa sổ tầng một giữa ban ngày. Bên ngoài căn nhà, họ tìm thấy một cây thang

dựa vào khung cửa sổ mở của phòng ngủ phía sau mà dường như gã đột nhập đã dùng để vào nhà. Nhưng chiếc thang quá yếu ớt, trông không giống như có thể đỡ được sức nặng của một người tầm vóc trung bình. Thang dựa vào tường nhà, các bậc thang hướng về phía không thuận. Chiếc thang không để lại vết lún trên đất mềm cho thấy một khối trọng lượng nào đó đã ở trên thang, cũng không có dấu vết gì trên đường ống máng xối mà nó dựa vào. Và không có sương hay cỏ gì trên các bậc thang hay mái nhà gần cửa sổ như thể có người đã dùng nó vào sáng hôm đó.

Có rất nhiều chỉ báo mâu thuẫn trong nhà. Dường như không có gì đáng giá bị lấy đi, thậm chí là những món nữ trang để lộ lộ trong phòng ngủ. Và nếu kẻ đột nhập có ý định giết người, sao hẳn lại bỏ quên một người đàn ông đang bất tỉnh với một cây súng gần đó dưới nhà và trở lên tầng trên để giết, nhưng không tấn công tình dục, vợ của anh ta?

Có hai điểm đặc biệt khó chịu. Nếu Glen bị siết cổ đến mức bất tỉnh, tại sao không có dấu vết gì ở phía trước cổ anh ta? Và điểm lạ lùng nhất chính là: cả Glen và em trai anh ta, Neil, đều chưa lên lầu để xem xét tình trạng của Betty và Danielle.

Để khiến mọi chuyện rối thêm, câu chuyện của bác sĩ Wolsieffer tiến triển theo thời gian. Phần mô tả về kẻ đột nhập ngày càng rõ ràng khi anh ta nhớ được nhiều chi tiết hơn. Gã đó mặc áo nỉ đen, đeo mặt nạ vớ da và có một hàng ria mép, Wolsieffer nói. Anh ta tự mâu thuẫn với chính mình ở nhiều điểm. Anh ta nói với người nhà là mình ra ngoài vào tối thứ Sáu nhưng có nói chuyện với vợ trước khi ngủ. Anh ta đã khai với cảnh sát rằng chưa từng đánh thức cô ấy. Ban đầu, anh ta khai có khoảng 1.300 đô la trong ngăn bàn bị lấy mất, nhưng sau đó rút lại lời khi cảnh sát tìm thấy một tờ biên lai tiền gửi cho số tiền này. Khi cảnh sát đến sau cuộc gọi khẩn và định hỏi chuyện anh ta, dường như anh ta không đủ tỉnh táo và nói năng không mạch lạc, nhưng khi được báo về cái chết của vợ mình ở bệnh viện, anh ta nói có nghe cảnh sát gọi cho chuyên viên điều tra những cái chết bất thường.

Khi cuộc điều tra tiếp diễn, Glen Wolsieffer bịa ra những tình tiết mới và phức tạp hơn để giải thích cho vụ tấn công. Cuối cùng, số

người đột nhập tăng lên thành hai. Anh ta thừa nhận có ngoại tình với một trợ lý nha khoa cũ nhưng trả lời cảnh sát rằng anh ta đã chấm dứt chuyện đó một năm trước. Tuy nhiên, sau đó anh ta lại thừa nhận vừa gặp - và ngủ - với cô gái này vài ngày trước vụ án mạng. Anh ta hồ hững khai với cảnh sát về một vụ vụng trộm khác với một phụ nữ đã kết hôn ở cùng thời điểm.

Bạn của Betty Wolsieffer kể với cảnh sát rằng tuy cô ấy rất yêu chồng và cố gắng hàn gắn, nhưng cô ấy rất mệt mỏi với hành vi của anh ta, đặc biệt là những buổi tối thứ Sáu muộn vốn đã trở thành chuyện cơm bữa. Nhiều ngày trước khi bị giết, cô ấy đã nói với một người bạn rằng mình sẽ "tỏ thái độ cương quyết" nếu Glen lại về muộn vào tối thứ Sáu tới.

Sau những buổi thẩm vấn ở nhà và bệnh viện, Glen từ chối nói chuyện với cảnh sát theo lời khuyên của luật sư. Thế nên cảnh sát tập trung vào Neil, em trai anh ta. Lời khai của cậu ta về buổi sáng hôm đó cũng lạ không kém lời khai của Glen. Cậu ta từ chối kiểm tra phát hiện nói dối, rằng nghe nói các bài kiểm tra này thường không chính xác và sợ bài kiểm tra của mình sẽ có kết quả không tốt. Sau nhiều lần cảnh sát cũng như gia đình Betty yêu cầu, với áp lực từ truyền thông về việc hợp tác điều tra, Neil đã lên lịch thẩm vấn với cảnh sát ở tòa án vào tháng Mười.

Khoảng 10:15 sáng, sau thời gian thẩm vấn ấn định mười lăm phút, Neil chết trong một vụ va chạm trực diện giữa chiếc xe hơi Honda nhỏ của mình và một chiếc xe tải Mack. Thực ra khi bị đụng, cậu ta đang lái xe rời khỏi tòa án. Kết quả điều tra của chuyên viên điều tra những cái chết bất thường xác định cậu ta tự sát, nhưng sau đó lại phát hiện có vẻ cậu ta đã cua xe hơi lố khỏi chỗ rẽ và đang muốn lùi xe lại. Chúng ta không bao giờ biết chắc.

Hơn một năm sau vụ giết người, cảnh sát Wilkes-Barre đã thu thập được rất nhiều bằng chứng gián tiếp chỉ chứng Glen Wolsieffer là kẻ giết vợ mình, nhưng họ không có bằng chứng xác thực nên không thể truy tố anh ta. Tìm thấy dấu vân tay và tóc hắt tại hiện trường nhưng đó là phòng ngủ của anh ta nên cũng không nói lên được gì. Cảnh sát giả thiết dây hoặc quần áo dính máu mà có thể Glen mặc lúc đó đã bị vứt xuống một con sông gần đó trước khi anh

ta gọi cho em trai. Hy vọng duy nhất để bắt và buộc tội anh ta là tham khảo ý kiến của chuyên gia rằng tội ác do một người quen biết với nạn nhân gây ra và kẻ đó đã sắp đặt hiện trường gây án.

Tháng Một năm 1988, cảnh sát Wilkes-Barre đề nghị tôi cho họ một bản phân tích vụ án. Sau khi xem xét số lượng tài liệu khổng lồ ở thời điểm đó, tôi nhanh chóng kết luận vụ sát hại quả thực do một người thân thiết với nạn nhân gây ra và sắp đặt hiện trường để che đậy điều đó. Vì cảnh sát đã có nghi phạm nên tôi không muốn đưa ra bản mô tả theo cách thông thường, hoặc chỉ đích danh người chồng, mà cố gắng cung cấp cho họ những lý lẽ để giúp họ tiến hành bắt giữ.

Một vụ đột nhập vào sáng sớm ngày cuối tuần ở khu vực đó, xảy ra tại một căn nhà có hai chiếc xe hơi đậu ở lối vào, là một tội ác nguy cơ cao với những nạn nhân có nguy cơ thấp. Một vụ cướp rất không khả thi.

Vụ này hoàn toàn mâu thuẫn với mọi thứ chúng tôi đã gặp suốt nhiều năm nghiên cứu và cố vấn cho các vụ án trên khắp thế giới, rằng một kẻ đột nhập lại vào nhà từ cửa sổ tầng một rồi ngay lập tức xuống lầu dưới mà không kiểm tra các phòng trên lầu.

Không có chứng cứ cho thấy kẻ đột nhập mang theo bất kỳ vũ khí gì nên kịch bản đột nhập để giết người không khả thi. Cô Wolsieffer không bị tấn công tình dục nên kịch bản đột nhập để cưỡng hiếp nhưng tình thế chuyển biến xấu cũng không khả thi. Và không có bằng chứng nào cho thấy kẻ này có ý định lấy bất kỳ thứ gì, đây là một lý do khác khiến kịch bản đột nhập để ăn trộm không khả thi. Điểm này đã thu hẹp đáng kể những động cơ có thể có.

Cách giết người - siết cổ bằng tay - là một tội ác mang tính cá nhân. Đó không phải kiểu sát hại mà một người lạ sẽ chọn, đặc biệt là người đã lên kế hoạch đầy đủ và đột nhập vào nhà.

Cảnh sát tiếp tục thu thập bằng chứng một cách tỉ mỉ, kỹ càng. Tuy họ biết rõ kẻ giết người là ai nhưng bằng chứng của họ vẫn chỉ là gián tiếp và cần củng cố cho vững chắc trước tòa. Trong khi đó, Glen Wolsieffer đã chuyển đến khu Falls Church, Virginia, bên ngoài Washington và mở một phòng khám răng tại đó. Cuối năm 1989, cảnh sát chuẩn bị một lệnh bắt giữ và báo cáo về các bằng chứng,

có tham khảo báo cáo của tôi. Ngày 3 tháng Mười một năm 1989, ba mươi tám tháng sau vụ sát hại, một nhóm cảnh sát của tiểu bang, quận và địa phương đến Virginia và bắt giữ Wolsieffer trong văn phòng của anh ta.

Anh ta nói với những người bắt giữ mình: "Chuyện xảy ra quá nhanh. Chúng tôi đánh nhau. Mọi thứ không rõ ràng lắm." Sau đó, hắn lại bảo là hắn đang nói đến việc (những) kẻ đột nhập tấn công hắn, chứ không phải việc giết vợ hắn.

Tuy lúc đó tôi đã được công nhận là chuyên gia phân tích hiện trường vụ án ở một số bang nhưng luật sư biện hộ gọi tôi là một "phù thủy" vì cách tôi đưa ra những lời diễn giải của mình, cuối cùng thẩm phán quyết định là tôi không thể làm chứng. Nhưng bên công tố cũng đã liên kết chặt chẽ những gì tôi nói với họ. Kết hợp với cuộc điều tra triệt để của cảnh sát, họ đã buộc được hắn tội giết người cấp độ III.

Có quá nhiều điều tiềm ẩn trong vụ án của Wolsieffer - chiếc thang lung lay và bị đặt sai hướng, sắp đặt một vụ án vì tình dục nhưng không có bằng chứng cho thấy nạn nhân bị tấn công tình dục, những vết thương do siết cổ không nhất quán với lời khai, thái độ thờ ơ khi không kiểm tra vợ con, thực tế rằng đứa con không bị đánh thức bởi bất kỳ tiếng động nào. Nhưng vấn đề đáng chú ý nhất chính là hành động và hành vi cực kỳ phi lý của kẻ đột nhập tưởng tượng. Bất cứ ai đột nhập một ngôi nhà để thực hiện một tội nào đó, bất kỳ, đầu tiên sẽ phải để tâm đến nguy cơ lớn nhất - trong trường hợp này là người đàn ông cao 1m88, nặng 90kg và có vũ khí, trong nhà - sau đó mới để tâm đến nguy cơ thấp hơn là người phụ nữ không có vũ khí.

Điều tra viên luôn phải thấy những điểm không thống nhất này. Có lẽ chúng tôi đã thấy quá nhiều vụ án loại này nên luôn nhận thức sâu sắc rằng phải nhìn xa hơn những gì mọi người nói để phán đoán về hành vi. Ở nhiều khía cạnh, chúng tôi giống các diễn viên đang chuẩn bị nhập vai. Diễn viên đọc kịch bản nhưng cái họ muốn diễn là "ý nghĩa tiềm ẩn" - điều cảnh phim thật sự truyền tải.

Một trong những ví dụ rõ ràng nhất về loại này là vụ giết hại Carol Stuart và gây thương tích nghiêm trọng cho chồng của cô này,

Charles, ở Boston năm 1989. Trước khi kết thúc, vụ án thu hút sự quan tâm lớn và đe dọa làm xáo trộn cộng đồng ở đó. Một buổi tối nọ, khi hai vợ chồng đang lái xe qua khu Roxbury để về nhà sau lớp học sinh con theo phương pháp tự nhiên, dường như họ bị một gã đàn ông da màu to lớn tấn công khi đang dừng đèn đỏ. Hẳn bạn Carol, ba mươi tuổi, sau đó tấn công Charles, hai mươi chín tuổi, người bị những vết thương nghiêm trọng ở bụng phải phẫu thuật suốt mười sáu tiếng đồng hồ. Tuy các bác sĩ ở Bệnh viện Brigham và Phụ nữ đã làm việc cật lực để cứu Carol, nhưng cô ấy chết trong vòng vài giờ sau khi đến bệnh viện. Đứa con trai của họ, Christopher, được lấy ra cùng lúc đó bằng phương pháp mổ bắt con, nhưng đã chết sau vài tuần. Charles vẫn đang dưỡng thương trong bệnh viện trong khi đám tang lớn và công khai của Carol diễn ra.

Cảnh sát Boston lập tức vào cuộc, truy tìm và bắt giữ mọi người đàn ông da màu khớp với mô tả của Charles về kẻ tấn công. Cuối cùng, anh ta chọn một người trong một nhóm nghi phạm được yêu cầu xếp hàng để nhận diện. Nhưng không lâu sau đó, câu chuyện của anh bắt đầu trở nên rõ ràng hơn. Em trai anh ta là Matthew nghi ngờ không hề có vụ trộm nào khi được gọi đến để giúp Charles vứt bỏ một cái túi đựng những món đồ được cho là đã bị lấy cắp. Sau ngày ủy viên công tố quận thông báo truy tố Charles Stuart tội giết người, Charles đã tự sát bằng cách nhảy cầu.

Cộng đồng người da màu nổi cơn thịnh nộ vì lời buộc tội của hắn, điều này hoàn toàn dễ hiểu, như sáu năm trước họ từng phản nộ khi Susan Smith tuyên bố một người đàn ông da màu đã bắt cóc hai con của ả. Nhưng trong vụ của Smith, cảnh sát trưởng ở Nam Carolina đã làm hết sức để loan truyền vấn đề. Hợp tác với truyền thông và các quan chức liên bang (chẳng hạn như đặc vụ Jim Wright của đơn vị chúng tôi), ông ấy đã phanh phui sự thật chỉ trong vài ngày.

Mọi việc không hiệu quả lắm trong vụ án của Stuart, nhưng tôi cảm thấy có thể tình hình đã khả quan hơn nếu cảnh sát phân tích rõ lời khai của Stuart và so sánh với tình huống có vẻ như đã xảy ra tại hiện trường. Không phải ai cũng làm đến mức đó để sắp đặt một vụ án - tức là tự bắn mình nghiêm trọng như vậy. Nhưng như vụ án

của Wolsieffer, nếu một kẻ được cho là hung thủ tấn công một người ít gây nguy hiểm trước - trong đa số trường hợp là phụ nữ - thì phải có lý do. Trong bất kỳ vụ trộm nào, kẻ trộm sẽ luôn cố gắng chế ngự kẻ thù mạnh nhất trước tiên. Nếu không chế ngự nguy cơ lớn trước thì phải có lý do khác. Với "Con trai của Sam" David Berkowitz, hẳn bắn những phụ nữ trước và trong đa số trường hợp, gây thương tích nghiêm trọng hơn cho họ vì họ là mục tiêu của hắn. Những người đàn ông chỉ có mặt sai chỗ, sai thời điểm.

Đối với bất kỳ ai trong ngành thi hành luật, vấn đề của những vụ án sắp đặt là điều tra viên có thể dễ dàng cảm thông cho những nạn nhân và người sống sót. Nếu ai đó đang ở trong tình cảnh đau buồn hiển nhiên như thế, rõ ràng chúng ta muốn tin họ. Nếu kẻ đó có khả năng diễn xuất tâm trung và vụ án có vẻ hợp lý trên bề mặt, điều tra viên có xu hướng không đào sâu. Như các bác sĩ, chúng tôi có thể đồng cảm với nạn nhân nhưng sẽ không để ai lợi dụng nếu đánh mất tính khách quan.

Loại người nào có thể làm ra chuyện như vậy?

Đôi khi câu trả lời có thể gây đau lòng nhưng chúng tôi ở đây để tìm ra nó.

CHƯƠNG 16

"Chúa muốn em đi cùng Shari Faye"

Shari Faye Smith, một nữ sinh lớp mười hai xinh đẹp và hoạt bát, bị bắt cóc khi cô ấy dừng lại ở hộp thư trước nhà, gần Columbia, Nam Carolina. Cô ấy vừa trở về từ một trung tâm mua sắm gần đó, nơi cô gặp người bạn trai lâu năm Richard.

Khi đó là 15:38, ngày 31 tháng Năm năm 1985, một ngày đầy nắng và ấm áp, hai ngày trước ngày Shari được chọn để hát quốc ca tại buổi lễ tốt nghiệp của trường Trung học Lexington.

Chỉ vài phút sau, cha cô gái là Robert, thấy xe cô ấy đậu ở đầu lối vào nhà. Cửa xe mở, máy xe đang chạy và túi của Shari nằm trên ghế. Hoảng sợ, ông lập tức gọi cho Văn phòng Quận trưởng quận Lexington.

Nhưng việc như vậy không hay xảy ra ở Columbia, một cộng đồng đầy tự hào và bình yên, dường như là biểu tượng cho "các giá trị gia đình". Làm sao mà cô gái tóc vàng xinh xắn, hoạt bát này lại biến mất ngay trước nhà mình và loại người nào có thể làm một việc như vậy? Quận trưởng Jim Metts không có câu trả lời. Nhưng ông ấy cảm thấy mình đang đối mặt với một cuộc khủng hoảng. Điều đầu tiên ông ấy làm là tổ chức cuộc truy tìm lớn nhất lịch sử vùng Nam Carolina. Các nhân viên thi hành luật từ những cơ sở tiểu bang và các quận lân cận đều đến hỗ trợ, cộng với hơn một ngàn người dân tình nguyện. Điều thứ hai Metts làm là lặng lẽ loại Robert Smith khỏi danh sách nghi phạm, người đã công khai cầu xin con gái được thả. Trong bất kỳ vụ mất tích hay tội ác khả dĩ nào xảy ra đối với một nạn nhân có nguy cơ thấp như vậy, luôn phải đưa vợ/ chồng, cha mẹ và người thân trong gia đình vào vòng nghi vấn.

Gia đình Smith đau khổ chờ tin, bất kỳ tin gì, kể cả yêu cầu đòi tiền chuộc. Rồi họ nhận được một cuộc gọi. Một người đàn ông với giọng nói bị bóp méo kỳ quái nói rằng hắn đã bắt Shari.

“Để các người biết đây không phải trò chơi khăm, Shari mặc một bộ đồ tắm màu vàng bên dưới áo thun và quần đùi.”

Mẹ của Shari, Hilda, cầu xin hắn, nói cho hắn biết cô ấy bị tiểu đường, cần ăn uống đều đặn và uống thuốc. Kẻ gọi đến không đòi tiền chuộc, chỉ nói, “Trong hôm nay các người sẽ nhận được một lá thư”. Gia đình nạn nhân và các viên chức thi hành luật càng cảnh giác hơn.

Hành động tiếp theo của Metts phản ánh kinh nghiệm và những gì ông ấy được đào tạo. Cả ông ấy và Phó Quận trưởng Lewis McCarty đều tốt nghiệp từ Học viện Quốc gia của FBI và có mối quan hệ tốt đẹp với Cục. Không chần chừ, Metts gọi cho Robert Ivey, SAC của Văn phòng thực địa ở Columbia, Nam Carolina và đơn vị của tôi ở Quantico. Tôi không có mặt, nhưng ông ấy nhận được lời hồi đáp nhanh chóng và đầy cảm thông từ các đặc vụ Jim Wright và Ron Walker. Phân tích tình huống bắt cóc, ảnh chụp hiện trường và những báo cáo về cuộc điện thoại, hai đặc vụ nhất trí là họ đang đương đầu với một gã tinh vi và cực kỳ nguy hiểm, tính mạng Shari đang ngàn cân treo sợi tóc. Họ lo ngại cô gái có thể đã chết và đối tượng sẽ sớm cảm thấy hắn phải thực hiện một tội ác khác. Họ phỏng đoán tình huống có thể là kẻ bắt cóc đã thấy Shari và bạn trai Richard hôn nhau ở trung tâm mua sắm, rồi theo cô ấy về nhà. Không may là cô ấy đã dừng lại ở chỗ hộp thư. Nếu cô ấy không dừng lại hoặc có những chiếc xe khác đi ngang qua, tội ác sẽ không bao giờ xảy ra. Văn phòng Quận trưởng lắp đặt thiết bị ghi âm ở nhà Smith với hy vọng hắn sẽ tiếp tục liên lạc.

Thế rồi, một bằng chứng quan trọng và gây đau buồn tột cùng đã đến. Trong những năm làm nghề của tôi, với mọi điều khủng khiếp, gần như không tin được mà tôi đã thấy, phải nói đây là điều gây đau lòng nhất. Đó là một lá thư viết tay, dài hai trang, từ Shari gửi cho gia đình cô. Bên trái thư là những chữ in hoa “CHÚA LÀ TÌNH YÊU”.

Dù tôi vẫn thấy vô cùng đau khổ khi đọc lá thư này, nhưng đó là tài liệu tuyệt vời về tính cách và dũng khí của cô gái này nên tôi muốn in lại đây đủ:

1/6/85 3:10 sáng

CON YÊU MỌI NGƯỜI

Di chúc

Con yêu mẹ, bố, Robert, Dawn và Richard, tất cả mọi người, tất cả bạn bè và họ hàng. Con đang ở với đức cha của mình nên xin mọi người đừng lo lắng! Hãy nhớ tính cách hóm hỉnh của con và khoảng thời gian đặc biệt mà chúng ta ở bên nhau. Đừng để chuyện này hủy hoại cuộc sống của mọi người, hãy tiếp tục sống từng ngày vì Chúa Giê-su. Chuyện tốt đẹp sẽ đến sau sự việc này. Con sẽ luôn dõi theo và ở bên *mọi người!* (quan tài đã đóng) Con yêu mọi người *chết đi được*. Xin lỗi bố, con phải chửi thề một lần này! Giê-su tha tội cho con. Richard, anh yêu - em thật sự đã và sẽ luôn yêu anh và trân trọng những khoảnh khắc đặc biệt của chúng ta. Em chỉ xin một điều thôi. Hãy chấp nhận Chúa Giê-su là người cứu rỗi của anh. Gia đình có sức ảnh hưởng lớn nhất trong đời em. Xin lỗi vì số tiền đi du lịch. Một ngày nào đó anh hãy đi thay em.

Con xin lỗi nếu có làm mọi người thất vọng, con chỉ muốn mọi người tự hào về con vì con luôn tự hào về gia đình mình. Mẹ, bố, Robert và Dawn, có rất nhiều điều con muốn nói mà lẽ ra trước đây con nên nói ra. Con yêu mọi người!

Con biết mọi người yêu con và sẽ rất nhớ con nhưng nếu mọi người ở bên nhau như chúng ta vẫn thế - mọi người có thể vượt qua!

Xin đừng đau buồn. Mọi thứ tốt đẹp sẽ đến với những người yêu kính Chúa.

Tình yêu của con mãi mãi...

Con yêu mọi người bằng cả trái tim!

Sharon (Shari) Smith

Tái bút: Bà ơi, con yêu bà nhiều lắm. Con luôn cảm thấy mình là đứa cháu bà thương nhất.

Bà là người con thương nhất!

Con Yêu Mọi Người Nhiều

Quận trưởng Metts gửi lá thư cho phòng thí nghiệm hình sự tại SLED - Phòng thi hành luật khu vực Nam Carolina - để phân tích giấy và dấu vân tay. Đọc lá thư ấy tại Quantico, chúng tôi có lý do để bảo đảm vụ bắt cóc đã biến thành sát hại. Nhưng gia đình Smith vô cùng đoàn kết, với niềm tin tôn giáo phản ánh rõ rệt trong lối viết của Shari, vẫn hy vọng. Buổi chiều ngày 3 tháng Sáu, Hilda Smith nhận được một cuộc gọi ngắn hỏi xem lá thư đã đến nơi chưa.

“Các người tin tôi rồi chứ?”

“Tôi không chắc có thể tin anh vì tôi chưa nghe được giọng Shari và tôi cần biết Shari vẫn khỏe mạnh.”

“Các người sẽ biết trong hai, ba ngày tới”, kẻ gọi tới nói như một điệp báo.

Nhưng tối đó hắn lại gọi, nói rằng Shari còn sống và ám chỉ hắn sẽ sớm thả cô ấy. Nhưng một số câu nói của hắn lại khiến chúng tôi suy nghĩ khác:

“Tôi muốn cho các người biết một chuyện khác. Bây giờ Shari đã là một phần trong tôi. Về mặt thể xác, tinh thần, cảm xúc và tâm hồn. Bây giờ linh hồn chúng tôi là một.”

Khi bà Smith hỏi để bảo đảm con gái mình vẫn an toàn, hắn đáp: “Shari đã được bảo vệ và... bây giờ em ấy là một phần trong tôi và Chúa quan tâm đến tất cả chúng ta”.

Cuối cùng, sau khi truy vết thì tất cả cuộc gọi đều xuất phát từ buồng điện thoại công cộng trong khu vực nhưng vào thời đó, kỹ thuật “bắt sóng và theo dõi” đòi hỏi giữ cuộc gọi kéo dài khoảng mười lăm phút, và điều đó không bao giờ khả thi. Nhưng hệ thống thu âm đã được lắp đặt và các cuộn băng ghi âm được văn phòng thực địa FBI ở đó gửi đến cho chúng tôi. Khi Wright, Walker và tôi nghe từng cuộn băng, chúng tôi ngạc nhiên vì sức mạnh tinh thần và khả năng kiểm soát của bà Smith khi nói chuyện với tên quái vật này. Có thể thấy rõ Shari thừa hưởng kiểu nói chuyện từ ai.

Hy vọng hắn sẽ tiếp tục gọi, Metts hỏi chúng tôi nên hướng dẫn gia đình nạn nhân ứng phó với các cuộc gọi như thế nào. Jim Wright bảo với anh ta là họ nên phản ứng như một cảnh sát làm công việc thương thuyết đang xử lý một vụ bắt cóc còn tin. Nghĩa là lắng nghe

cẩn thận, lặp lại bất cứ thông tin nào có vẻ quan trọng mà kẻ gọi đến nói ra để bảo đảm họ hiểu đúng thông điệp của hẳn, cố gắng khiến hẳn phản ứng lại và tiết lộ thêm về bản thân cũng như kế hoạch của hẳn. Cách này có thể đem lại nhiều lợi ích. Đầu tiên, có thể giữ cho cuộc gọi kéo dài đủ để bắt sóng và theo dõi thành công. Thứ hai, có thể “trấn an” kẻ gọi đến rằng họ đang lắng nghe và cảm thông, khuyến khích hẳn liên lạc nhiều hơn.

Khỏi phải nói, công việc đòi hỏi mức độ kiểm soát cỡ này thực sự khó khăn đối với một gia đình đang khủng hoảng và đau buồn. Nhưng khả năng của gia đình Smith rất tuyệt vời, họ đã giúp chúng tôi có được những thông tin quan trọng.

Tên bắt cóc gọi đến vào tối hôm sau, lần này hẳn nói chuyện với chị gái hai mươi một tuổi của Shari, Dawn. Đã bốn ngày kể từ lúc Shari biến mất. Hẳn kể cho Dawn nghe chi tiết vụ bắt cóc, nói rằng hẳn đã dừng xe khi thấy cô ấy ở chỗ hộp thư, ra về thân thiện và chụp vài tấm hình cho Shari, rồi dùng súng ép cô ấy lên xe. Qua cuộc gọi này và những cuộc nói chuyện khác, hẳn thay đổi qua lại giữa một kẻ thân thiện, hướng ngoại, thực tế đến tàn nhẫn với một người hơi hơi hận khi mọi chuyện “vượt khỏi tầm kiểm soát”.

Hẳn tiếp tục câu chuyện của mình. “Rồi, 4:58 sáng - không, xin lỗi. Khoan đã. 3:10 sáng thứ Bảy, ngày 1 tháng Sáu, em ấy viết lá thư mà các người đã nhận. 4:58 thứ Bảy, ngày 1 tháng Sáu, linh hồn chúng tôi trở thành một.”

“Linh hồn trở thành một”, Dawn lặp lại.

“Nghĩa là sao?” Hilda hỏi vọng vào điện thoại.

“Không được hỏi”, kẻ gọi đến bảo.

Nhưng chúng tôi biết nó nghĩa là gì, dù hẳn bảo đảm “phúc lành đã đến gần” và rằng Shari sẽ trở về vào chiều tối hôm sau. Hẳn còn bảo Dawn gọi sẵn xe cấp cứu.

“Các người sẽ nhận được hướng dẫn để tìm chúng tôi.”

Với những người ở Quantico chúng tôi, phần quan trọng nhất trong cuộc đối thoại được thu âm là đoạn hẳn nói về thời gian: 4:58 rồi lùi lại 3:10 sáng. Điều này được khẳng định khi Hilda nhận cuộc gọi tàn nhẫn vào trưa hôm sau:

“Nghe thật kỹ này. Đi quốc lộ 378, về phía tây, đến vòng xuyên. Đi ra bằng đường Prosperity, chạy tiếp 2,4km, rẽ phải ở biển quảng cáo Nhà trọ Nai sừng tấm số 103, đi tiếp 0,4km, rẽ trái ở tòa nhà màu trắng, đi vào sân sau, chúng tôi đợi cách đó 1,8m. Chúa đã chọn chúng tôi.” Rồi hấn cúp máy.

Quận trưởng Metts phát lại đoạn ghi âm và nó đưa ông ấy thẳng đến thi thể Shari Smith, cách đó 29km ở khu dân cư quận Saluda. Cô ấy mặc áo vàng và quần đùi trắng như lần cuối được nhìn thấy, nhưng mức độ phân hủy của thi thể cho quận trưởng và chuyên viên khám nghiệm biết cô ấy đã chết vài ngày - kể từ 4:58 sáng ngày 1 tháng Sáu, chúng tôi chắc chắn như thế. Trên thực tế, tình trạng của thi thể khiến cho chúng tôi không thể xác định cách thức giết hại hay liệu Shari có bị tấn công tình dục hay không.

Nhưng Jim Wright, Ron Walker và tôi tin kẻ giết cô ấy đã kéo dài hy vọng của gia đình nạn nhân về việc cô ấy trở về vừa đủ lâu để các bằng chứng pháp y quan trọng bị phân hủy hết. Trên mặt và tóc Shari có dấu vết băng keo dính lại, nhưng những dải băng keo thì đã bị gỡ ra - càng cho thấy việc lên kế hoạch và sắp đặt vụ việc. Các vụ án loại này thường không bắt đầu một cách gọn ghẽ như vậy, chúng tỏ hung thủ là một kẻ thông minh, hơi lớn tuổi, trở đi trở lại nơi vút xác để thỏa mãn dục vọng. Chỉ khi thi thể phân hủy đến mức không thể tiếp tục “mối quan hệ” nữa thì hấn mới thôi.

Bản thân việc bắt cóc, giữa ban ngày, trong một khu dân cư nông thôn, đòi hỏi mức độ khéo léo và tinh vi nhất định. Chúng tôi đoán tuổi hấn cỡ hơn hai mươi đến đầu ba mươi và chắc chắn là tôi nghiêng về độ tuổi lớn hơn. Từ sự tàn nhẫn mà hấn thể hiện một cách dễ dàng trong trò chơi cân não với gia đình nạn nhân, chúng tôi nhất trí có lẽ hấn từng kết hôn - chóng vánh và đổ vỡ. Hiện tại, hấn có thể sống một mình hoặc sống cùng bố mẹ. Chúng tôi nghĩ hấn từng có tiền án - tấn công phụ nữ hay ít nhất là thực hiện những cuộc gọi tục tĩu. Nếu hấn có tiền án giết người, nạn nhân sẽ là trẻ em hoặc các cô gái trẻ. Không như nhiều kẻ sát nhân hàng loạt, gã này sẽ không nhắm vào gái bán hoa; đối với hấn, họ quá đáng sợ.

Những lời hướng dẫn chính xác, cộng thêm việc tự sửa thời gian, cho chúng tôi nhiều thông tin quan trọng khác. Lời hướng dẫn được suy nghĩ cặn kẽ rồi viết ra. Hẳn đã trở lại hiện trường nhiều lần và đo đạc chính xác. Khi gọi cho gia đình nạn nhân, hẳn đọc lại những gì hẳn đã viết! Hẳn hiểu hẳn phải truyền tải được thông điệp của mình và cúp máy càng nhanh càng tốt. Nhiều lần khi đang nói, hẳn quên mất mình nói đến đâu vì bị ngắt lời và phải bắt đầu lại. Dù là ai thì hẳn cũng cứng nhắc và gọn gàng, kỹ tính và ngăn nắp đến mức ám ảnh. Hẳn phải ghi chép và lập danh sách mọi thứ, và nếu hẳn quên mất mình đang đọc đến đâu trong những ghi chú đó, chuỗi suy nghĩ của hẳn cũng bị gián đoạn. Chúng tôi biết hẳn đã lái xe đến chỗ bắt cóc trước nhà Shari. Từ tính cách của hẳn, tôi đoán xe của hẳn rất sạch và được bảo dưỡng kỹ lưỡng, mới dùng khoảng ba năm hoặc ít hơn. Nói chung, hẳn là tổ hợp của một kẻ bề ngoài thì ngạo mạn, khinh thường cả thế giới ngu ngốc ngoài kia nhưng liên tục mâu thuẫn với nỗi bất an trong lòng và cảm giác tự ti.

Trong loại vụ án này, về mặt tâm lý thì hiện trường gây án là một phần của việc giết người. Vị trí địa lý của nơi gây án cũng cho thấy hung thủ là người địa phương, có lẽ đã sống ở nơi đó phần lớn hoặc toàn bộ cuộc đời. Về những điều hẳn muốn làm với Shari, sau đó là thi thể cô ấy, hẳn sẽ cần thời gian ở một mình, trong một khu vực hoang vắng mà hẳn biết sẽ không ai quấy rầy. Chỉ có người địa phương mới biết những nơi như vậy.

Đơn vị Phân tích tín hiệu^[52] của Bộ phận Kỹ thuật FBI cho chúng tôi biết kẻ gọi điện đã bóp méo tiếng bằng công cụ mà họ gọi là thiết bị kiểm soát tốc độ biến đổi. Các yêu cầu hỗ trợ dò tìm các nhà sản xuất và cửa hàng bán lẻ được đánh điện đến các văn phòng thực địa trên khắp cả nước. Từ báo cáo của đơn vị này, chúng tôi quyết định Đối tượng vô danh có học về điện tử và có thể làm việc trong ngành xây dựng hoặc trùng tu nhà ở.

Ngày kế tiếp, khi Bob Smith đang thỏa thuận những chi tiết cuối với nhà tang lễ cho đám tang con gái nhỏ của mình, kẻ sát nhân lại gọi, lần này theo kiểu người nghe trả tiền và yêu cầu được nói chuyện với Dawn. Hẳn nói hẳn sẽ ra tự thú vào sáng hôm sau và những tấm ảnh hẳn chụp Shari ở chỗ hộp thư đang được gửi đến

gia đình Smith. Bằng giọng ta thán, hắn xin gia đình Dawn hãy tha thứ và cầu nguyện cho hắn. Hắn cũng ám chỉ thay vì tự thú thì hắn dự định sẽ tự sát, lại than vãn rằng “Việc này vượt khỏi tầm kiểm soát và tôi vốn chỉ muốn ân ái với Dawn. Tôi đã quan sát em ấy vài...”

“Với ai?” Dawn ngắt lời hắn.

“Với... Xin lỗi, với Shari”, hắn chữa lời. “Và tôi đã quan sát em ấy được vài tuần, và, ừ, mọi chuyện đã vượt khỏi tầm kiểm soát.”

Đây là lần đầu tiên trong nhiều lần hắn nhằm hai chị em với nhau, một điều cũng dễ xảy ra vì cả hai đều xinh xắn, tóc vàng, hoạt bát và nhìn rất giống nhau. Ảnh của Dawn từng được đăng lên báo và ti vi, dù đặc điểm khiến hắn bị Shari hấp dẫn là gì thì có lẽ Dawn cũng có. Lắng nghe những đoạn ghi âm, không thể không cảm thấy ghê tởm trò chơi tàn bạo và nuông chiều bản thân cực độ của hắn. Nhưng ở thời điểm đó, tôi biết - dù có vẻ lạnh lùng và toan tính - rằng Dawn có thể là mồi nhử để bắt kẻ sát nhân.

Trong cuộc gọi vào cùng ngày cho một phát thanh viên truyền hình địa phương, Charlie Keyes, hắn lặp lại ý định tự thú, rằng hắn muốn phát thanh viên nổi tiếng Keyes làm “trung gian” và hứa sẽ cho anh ta một cuộc phỏng vấn độc quyền. Keyes lắng nghe nhưng đủ thông minh để giữ thái độ khách quan và không hứa hẹn với kẻ gọi đến bất kỳ điều gì.

Đầu tiên, tôi bảo Lewis McCarty qua điện thoại rằng hắn không hề có ý định đầu hàng. Hắn cũng sẽ không tự sát. Hắn nói với Dawn rằng hắn là “một người bạn của gia đình họ”, hắn bị tâm thần nên mới muốn gia đình Smith hiểu và cảm thông cho hắn. Chúng tôi không tin hắn quen gia đình nạn nhân; đây chỉ là một phần trong ảo tưởng gần gũi Shari và được cô ấy yêu thương. Hắn là kẻ tự luyện và việc này càng kéo dài, tôi tư vấn cho McCarty, hắn càng buộc gia đình nạn nhân có nhiều hành động hơn, trở nên khoan khoái và lún sâu vào trải nghiệm này hơn. Hắn sẽ lại giết người, ai đó giống Shari nếu hắn tìm được hoặc một nạn nhân tình cờ khác nếu hắn không tìm được. Mong muốn tiềm ẩn mà hắn muốn thể hiện qua mọi hành động là quyền lực, sự thao túng, chi phối và kiểm soát.

Buổi chiều ngày diễn ra đám tang Shari, hần lại gọi đến nói chuyện với Dawn. Hần có một hành động đặc biệt tai quái là bảo tổng đài viên nói với Dawn đó là cuộc gọi tính cước ngược từ Shari. Một lần nữa hần lại nói mình sẽ tự thú, rồi bằng giọng dửng dưng và vô vị khùng khiếp, hần miêu tả cái chết của cô gái:

"Thế là, từ khoảng hai giờ sáng, từ thời điểm em ấy thực sự biết đến lúc em ấy chết vào 4:58, chúng tôi đã nói chuyện rất nhiều và em ấy đã chọn thời điểm. Em ấy nói em ấy đã sẵn sàng ra đi, chúa đã sẵn sàng chấp nhận em ấy làm một thiên thần."

Hần miêu tả mình quan hệ với Shari và nói hần đã cho cô ấy lựa chọn cách chết - bị bắn, ngộ độc thuốc quá liều hoặc bị ngạt. Hần nói cô ấy chọn cách cuối cùng và hần làm cô ấy ngạt thở bằng cách dán băng keo lên miệng và mũi cô.

"Tại sao ông phải giết em ấy?" Dawn hỏi trong làn nước mắt.

"Chuyện vượt khỏi tầm kiểm soát. Tôi thấy sợ vì, à, chỉ có Chúa mới biết, Dawn. Tôi không biết tại sao. Chúa tha thứ cho tôi vì điều này. Tôi hy vọng và tôi phải thực hiện điều đó nếu không ngài sẽ đày tôi xuống địa ngục, tôi sẽ ở đó cả đời, nhưng tôi sẽ không ở tù hay ngồi ghế điện."

Cả Dawn và mẹ cô đều bảo hần hãy dâng mình cho Chúa thay vì tự sát. Trong đơn vị của tôi, chúng tôi chắc chắn hần không hề có ý định làm bất kỳ việc nào.

Hai tuần sau ngày Shari Smith bị bắt cóc, Debra May Helmick bị bắt đi từ sân trước căn nhà di động của bố mẹ cô bé ở quận Richland, cách nhà Smith 37km. Lúc đó bố cô bé ở trong nhà, chỉ cách chừng 6m. Một người hàng xóm thấy có ai đó dừng xe, rời xe và nói chuyện với Debra, sau đó đột nhiên tóm lấy cô bé, lôi cô bé lên xe và lái đi. Người hàng xóm và anh Helmick lập tức đuổi theo chiếc xe nhưng bị mất dấu. Giống Shari, Debra là một cô bé tóc vàng mắt xanh xinh xắn. Nhưng không như Shari, cô bé mới có chín tuổi.

Quận trưởng Metts cũng đưa ra một thông điệp mãnh liệt khác nhằm tìm kiếm cô bé. Trong khi đó, mọi chuyện bắt đầu ảnh hưởng đến tôi. Khi làm công việc mà tôi và đơn vị tôi thực hiện để kiếm

sống, quý vị phải duy trì khoảng cách và tính khách quan nhất định với các tài liệu và chủ đề của vụ án. Nếu không, quý vị sẽ phát điên. Vụ án của Smith đã rất khó rồi nhưng bước tiến triển mới nhất theo hướng kinh khủng này khiến tôi không chịu đựng nổi. Debra Helmick bé bỏng mới có chín tuổi - bằng tuổi con gái Erika của tôi, cũng là một cô bé tóc vàng mắt xanh. Con gái thứ hai của tôi, Lauren, chỉ mới năm tuổi. Ngoài cảm giác kinh khủng, dày vò rằng "Con mình có thể đã trở thành nạn nhân", còn có cảm giác muốn còng tay các con vào tay mình và không bao giờ để chúng khuất tầm mắt, ai cũng có thể hiểu được điều này. Khi quý vị thấy những gì tôi đã thấy, việc kháng cự mong muốn trên, cho con cái không gian và sự tự do để chúng sống, quả thực là sự giằng xé cảm xúc dai dẳng.

Tuy có sự khác biệt về độ tuổi giữa Smith và Helmick nhưng thời điểm, tình huống và cách thức phạm tội cho thấy khả năng cao là chúng tôi đang đối đầu với cùng một thủ phạm. Tôi biết cả văn phòng quận trưởng và đơn vị tôi đều nhất trí ở điểm này. Vì vậy, chấp nhận khả năng là hiện nay họ đang chính thức đối đầu với một tên sát nhân hàng loạt, Lewis McCarty bay đến Quantico, mang theo tất cả hồ sơ vụ án.

Walker và Wright xem lại mọi quyết định đã đưa đến bản mô tả và mọi lời khuyên họ đã đưa ra. Với thông tin bổ sung từ vụ án mới, họ thấy không có lý do gì để thay đổi những đánh giá của mình.

Bất chấp việc bóp méo giọng nói, Đối tượng vô danh gần như chắc chắn là người da trắng. Đây đều là những vụ án vì tình dục do một gã đàn ông trưởng thành đầy bất an và tự ti thực hiện. Cả hai nạn nhân đều là người da trắng, chúng tôi không thường thấy kiểu tội phạm này vượt qua ranh giới chủng tộc. Hẳn là người rụt rè và lịch sự, nhận thức về bản thân kém, có lẽ thuộc dạng đậm người hoặc thừa cân, không hấp dẫn với phụ nữ. Chúng tôi bảo với McCarty rằng chúng tôi nghĩ bây giờ hành động của hắn sẽ mang tính cưỡng ép nhiều hơn. Những người thân thiết sẽ thấy hắn sụt cân, có thể hắn đang uống rất nhiều rượu, không thường xuyên cạo râu và rất hào hứng nói về vụ giết người. Một kẻ tỉ mỉ như vậy sẽ theo dõi sát sao các bản tin trên truyền hình và sưu tập những bài viết cắt ra từ báo giấy. Hắn cũng sẽ sưu tập phim truyện khiêu dâm,

đặc biệt về đề tài bạo lực và ác dân. Lúc này hắn đang hoàn toàn thích thú trước sự nổi tiếng của mình, cảm giác có quyền lực trước các nạn nhân và cộng đồng, khả năng thao túng nỗi thống khổ của gia đình Smith. Đúng như tôi lo sợ, khi không thể bắt một nạn nhân giống với ảo tưởng và khát khao của hắn, hắn sẽ tấn công nạn nhân ngẫu nhiên dễ bị tổn thương nhất. Vì độ tuổi của Shari, ít nhất cô ấy là đối tượng dễ tiếp cận, một cách hợp lý. Nhưng nếu hắn thật sự cân nhắc đến việc đó, chúng tôi nghĩ hắn không đặc biệt hài lòng với Debra Helmick nên sẽ không gọi cho gia đình cô bé.

McCarty trở về với một danh sách gồm hai mươi một kết luận và đặc điểm về đối tượng. Khi trở lại, anh ta bảo đã nói với Metts rằng "Tôi biết hắn là ai. Bây giờ chúng ta chỉ cần tìm ra tên hắn."

Tuy rất phấn khởi vì lòng tin của anh ta dành cho chúng tôi nhưng mọi chuyện hiếm khi đơn giản như vậy. Các cơ sở thi hành luật của tiểu bang kết hợp với Văn phòng thực địa Columbia lùng sục cả khu vực, tìm kiếm dấu vết về Debra. Nhưng không có liên lạc, yêu sách hay bằng chứng mới từ hắn. Tại Quantico, chúng tôi đợi tin, cố gắng chuẩn bị tinh thần cho bất cứ điều gì sẽ xảy ra. Sự đồng cảm với gia đình có con mất tích gần như không thể chịu nổi. Theo yêu cầu của SAC Ivey và Quận trưởng Metts, tôi soạn hành lý và bay xuống Columbia để hỗ trợ trực tiếp cho một vụ án hứa hẹn sẽ gây bàng hoàng. Tôi đưa Ron Walker đi cùng. Đây là lần đầu chúng tôi đi cùng nhau kể từ lúc anh ta và Blaine McIlwain cứu mạng tôi ở Seattle.

Lewis McCarty gặp chúng tôi ở sân bay và chúng tôi không phí một giây nào, xem xét thông tin về các hiện trường khác nhau. McCarty lái xe đưa chúng tôi đến từng địa điểm bắt cóc. Thời tiết nóng và ẩm, kể cả với người đến từ Virginia như chúng tôi. Không có dấu vết vật lộn rõ rệt trước nhà mỗi nạn nhân. Nơi vút xác Smith cũng thế - vụ giết người rõ ràng xảy ra ở chỗ khác. Nhưng nhìn thấy những địa điểm này, tôi càng tin hơn bao giờ hết rằng Đối tượng vô danh phải biết rõ khu vực này và dù nhiều cuộc gọi đến nhà Smith được thực hiện từ xa nhưng hắn phải là người địa phương.

Có một cuộc họp tại Văn phòng Quận trưởng dành cho những người dẫn dắt cuộc điều tra. Quận trưởng Metts có một văn phòng

lớn và rất ấn tượng - dài khoảng 9m và cao 3,5m, trên tường phủ kín những tấm biển, bằng khen và kỷ vật; mọi thứ ông ấy từng thực hiện trong đời đều nằm ở đó, từ giấy chứng nhận đã phá các vụ án sát nhân đến thư cảm ơn của Hội Nữ hướng đạo. Ông ấy ngồi phía sau chiếc bàn lớn, còn chúng tôi - Ron và tôi, Bob Ivey và Lewis McCarty - ngồi thành nửa vòng tròn quanh ông ấy.

"Hắn không gọi cho nhà Smith nữa", Metts than thở.

"Tôi sẽ buộc hắn gọi lại", tôi nói.

Tôi bảo với họ bản mô tả nhân dạng là công cụ hỗ trợ rất giá trị trong cuộc điều tra của cảnh sát nhưng chúng tôi cũng cần thử ép hắn sớm ra mặt và giải thích một số kỹ thuật chủ động mà tôi nghĩ đến. Tôi hỏi liệu có phóng viên báo địa phương nào chịu hợp tác không. Đây không phải yêu cầu kiểm duyệt hay trực tiếp ra lệnh cho người ta viết những gì, nhưng đó phải là người thấu hiểu những gì chúng tôi đang muốn đạt được và không phá hỏng nỗ lực của chúng tôi như nhiều nhà báo thường làm.

Metts gợi ý Margaret O'Shea từ báo *Bang Columbia*. Cô ấy đồng ý đến văn phòng, nơi tôi và Ron cố gắng giảng giải cho cô ấy về tính cách tội phạm và dự đoán của chúng tôi về phản ứng của hắn.

Hắn sẽ theo dõi sát sao báo đài, chúng tôi nói với cô ấy, đặc biệt là bất kỳ câu chuyện nào về Dawn. Từ nghiên cứu của mình, chúng tôi biết loại tội phạm này thường trở lại hiện trường gây án hoặc nơi chôn cất nạn nhân. Tôi bảo cô ấy rằng với câu chuyện phù hợp, tôi nghĩ có thể nhử hắn ra mặt và đặt bẫy bắt hắn. Ít nhất chúng tôi hy vọng có thể khiến hắn tiếp tục gọi điện. Tôi bảo chúng tôi có sự hợp tác mật thiết từ các phóng viên báo chí trong các vụ trúng độc Tylenol và đó là hình mẫu cho cách chúng tôi muốn mọi thứ diễn ra.

O'Shea đồng ý viết bài theo mong muốn của chúng tôi. Sau đó McCarty đưa tôi đến gặp gia đình Smith và giải thích điều tôi muốn họ thực hiện. Về cơ bản, kế hoạch của tôi là dùng Dawn làm mồi cho cái bẫy của chúng tôi. Rober Smith vô cùng lo lắng, không muốn đặt đứa con gái còn lại vào chỗ nguy hiểm tính mạng. Tuy cũng rất lo lắng về kế hoạch này nhưng tôi cảm thấy đó là cơ hội tốt nhất nên cố gắng thuyết phục Smith rằng kẻ giết Shari là một tên nhát gan và không dám tấn công Dawn giữa tình hình công khai và giám

sát chặt chẽ thế này. Đã nghiên cứu các cuộc đối thoại được ghi âm nên tôi tin Dawn đủ thông minh và dũng khí để làm điều tôi muốn Dawn làm.

Dawn đưa tôi đến phòng Shari mà họ vẫn để nguyên kể từ lần cuối cô gái ở đó. Như mong đợi, đó là việc thường thấy ở những gia đình bị mất một đứa con đột ngột và đầy bi kịch. Điều đầu tiên làm tôi ngạc nhiên là bộ sưu tập gấu túi nhồi bông của Shari - đủ hình dạng, kích thước và màu sắc. Dawn nói bộ sưu tập này rất quan trọng với Shari, và tất cả bạn bè của cô ấy đều biết. Tôi ở trong căn phòng rất lâu, cố gắng cảm nhận Shari là người như thế nào khi còn sống. Chắc chắn có thể bắt được kẻ giết cô ấy. Chúng tôi chỉ phải đưa ra những lựa chọn đúng. Sau một khoảng thời gian, tôi cầm lên một con gấu túi nhỏ, loại mà bạn bóp hai vai nó, hai cánh tay nó sẽ dang rộng ra. Tôi giải thích với gia đình rằng trong vài ngày - vừa đủ thời gian để báo chí đưa tin đầy đủ - chúng ta sẽ tổ chức một buổi tưởng niệm tại mộ Shari ở Nghĩa trang Lexington. Trong buổi lễ, Dawn sẽ gắn con thú bông này vào một bó hoa. Tôi nghĩ chúng ta có cơ hội tốt nhứt tên sát nhân đến buổi lễ và một cơ hội tốt hơn nữa là hắn sẽ trở lại nghĩa trang sau đó để lấy con gấu túi làm đồ lưu niệm về Shari.

Margaret O'Shea hiểu đúng bài báo mà chúng tôi muốn và yêu cầu tòa soạn cử một thợ chụp ảnh đến buổi tưởng niệm. Vì chưa có bia mộ nên chúng tôi dựng một bức gỗ màu trắng, in hình Shari ở mặt trước. Đến lượt mình, các thành viên trong gia đình đứng trước mộ và cầu nguyện cho Shari cùng Debra. Sau đó, Dawn giơ con gấu túi nhỏ của Shari lên và gắn cánh tay nó vào một trong những bó hoa được gửi đến nghĩa trang. Tất cả hợp lại, tạo thành một trải nghiệm cực kỳ xúc động. Trong khi gia đình Smith nói chuyện và một nhóm thợ ảnh tác nghiệp cho tờ báo địa phương, nhân viên của Metts lặng lẽ ghi lại biển số của tất cả xe chạy ngang qua đó. Có một điều làm tôi cảm thấy không an tâm là nghĩa trang quá gần đường. Tôi nghĩ một nơi trống trải như vậy có thể khiến hung thủ không dám đến gần, hắn lại có thể nhìn thấy những gì hắn muốn từ ngoài đường. Nhưng chúng tôi không có cách nào khác.

Ảnh chụp xuất hiện trên báo vào hôm sau. Kẻ giết Shari không đến lấy con gấu túi vào tối hôm đó như chúng tôi hy vọng. Tôi nghĩ khoảng cách gần giữa nghĩa trang với đường quả thực đã làm hấn sợ. Nhưng hấn đã gọi lại. Không lâu sau nửa đêm, Dawn trả lời một cuộc gọi tính cước ngược khác "từ Shari Faye Smith". Sau khi xác nhận người đang nghe máy đúng là Dawn và bảo đảm rằng "Em biết đây không phải là trò lừa bịp, đúng không?", hấn đưa ra lời tuyên bố đáng sợ nhất tính đến thời điểm đó:

"Được rồi, em biết đấy, Chúa muốn em đến gặp Shari Faye. Chỉ là vấn đề thời gian mà thôi. Tháng này, tháng sau, năm nay, năm sau. Họ không thể bảo vệ em mãi." Rồi hấn hỏi cô ấy có nghe nói về Debra May Helmick không.

"À không."

"Cô bé mười tuổi ấy? H-E-L-M-I-C-K?"

"À, ở quận Richland?"

"Phải."

"À ừ."

"Được rồi, nghe kỹ đây. Đi theo đường Số 1 về phía bắc... à, phía tây, rẽ trái tại đường Peach Festival hoặc Bill's Grill, đi tiếp 5,6km qua thành phố Gilbert, rẽ phải, con đường đất cuối cùng trước khi đến biển báo dừng tại đường Two Notch, đi qua sợi dây xích và biển báo Cấm vào, đi tiếp 45m và rẽ trái, đi tiếp 9m. Debra May đang đợi. Chúa tha thứ cho tất cả chúng ta."

Hấn ngày càng bạo dạn và kiêu ngạo hơn, không còn dùng thiết bị bóp méo âm thanh. Bất chấp lời đe dọa công khai đến tính mạng, Dawn đã cố hết sức kéo dài cuộc trò chuyện càng lâu càng tốt, giữ bình tĩnh và đòi hấn những tấm ảnh chụp em gái mình mà hấn đã hứa là đang gửi đi nhưng chưa bao giờ đến.

"Có vẻ FBI đang giữ chúng", hấn biện bạch, chứng tỏ sự hiểu biết của hấn về vai trò của chúng tôi trong vụ án.

"Không hề", Dawn đáp trả, "vì khi họ có thứ gì đó, chúng tôi cũng sẽ có. Ông sẽ gửi mấy tấm ảnh chứ?"

"Ồ, tôi sẽ gửi", hấn thờ ơ đáp.

“Tôi nghĩ ông đang lừa tôi vì ông nói đã gửi nhưng ảnh chưa đến đây.”

Chúng tôi đang tiếp cận nhưng trách nhiệm của việc đặt Dawn vào nguy hiểm lớn hơn đang đè nặng lên vai tôi. Trong lúc Ron và tôi đang hỗ trợ các nhà chức trách địa phương, các kỹ thuật viên tại các phòng thí nghiệm SLED ở Columbia đang kiểm tra bằng chứng thực tế duy nhất - di chúc cuối cùng của Shari - bằng mọi bài kiểm tra có thể nghĩ đến. Bản di chúc được viết trên giấy kẻ dòng từ một cuốn sổ xé, điều này đã giúp một nhà phân tích nảy ra một ý tưởng.

Sử dụng một thiết bị gọi là máy Esta, có thể phát hiện những vết hằn gần như không thấy được in trên những tờ giấy khác nằm trước tờ giấy di chúc, anh ta phát hiện ra một phần của một danh sách đồ tạp hóa và một thứ dường như là một chuỗi số. Cuối cùng, anh ta có thể đọc được chín số trong chuỗi mười con số: 205-837-13_8.

Mã vùng của Alabama là 205, 837 là một số tổng đài ở Huntsville. Phối hợp với Bộ phận An ninh khu vực Southern Bell, SLED xem xét tất cả mười số điện thoại khả dĩ ở khu vực Huntsville, sau đó kiểm tra chéo để xem có số nào liên hệ với vùng quận Columbia-Lexington. Một trong các số điện thoại này đã nhận nhiều cuộc gọi từ một ngôi nhà cách nhà gia đình Smith chỉ 24km, vài tuần trước khi Shari bị bắt cóc. Đây là manh mối lớn nhất cho đến nay. Theo tài liệu lưu trữ của thành phố, căn nhà thuộc sở hữu của một cặp vợ chồng trung niên, Ellis và Sharon Sheppard.

Với thông tin này, McCarty mang theo vài người, chạy đến nhà gia đình Sheppard. Chủ nhà rất thật thà và thân thiện nhưng ngoài việc Ellis năm mươi tuổi là một thợ điện thì không có gì về ông ta khớp với bản mô tả nhân dạng của chúng tôi. Vợ chồng Sheppard có cuộc hôn nhân hạnh phúc suốt nhiều năm và quá khứ của họ không giống như quá khứ mà chúng tôi dự đoán cho kẻ sát nhân. Họ nhận là có gọi điện thoại đến Huntsville, nơi con trai họ đang nhập ngũ nhưng lại nói hai vợ chồng không ở nhà khi hai vụ giết người khủng khiếp diễn ra. Sau một bằng chứng pháp y đầy hứa hẹn như vậy, kết quả thực đáng thất vọng.

Nhưng McCarty đã dành nhiều thời gian làm việc với chúng tôi và tin rằng bản mô tả của chúng tôi là chính xác. Anh ta trình bày bản

mô tả cho vợ chồng Sheppard, sau đó hỏi liệu họ có biết ai có thể giống như thế không. Họ nhìn nhau khi cùng nghĩ tới một người. Đó hẳn là Larry Gene Bell, họ thống nhất với nhau.

Nhờ kỹ năng thẩm vấn tỉ mỉ của McCarty, họ bắt đầu kể cho vị Phó Quận trưởng nghe về Bell. Hẳn mới hơn ba mươi, đã ly hôn, có một con trai đang sống với vợ cũ, là người rụt rè và to con, hẳn làm việc cho Ellis, đấu nối dây điện ở nhiều ngôi nhà cùng một số việc vặt khác. Tỉ mỉ và ngăn nắp, hẳn đã trông nhà cho họ trong sáu tuần họ đi xa, sau đó trở về sống với bố mẹ hẳn như trước. Sharon Sheppard nhớ có viết số điện thoại của con trai họ lên một cuốn sổ xé cho Gene, khi họ gọi hẳn, trong trường hợp nhà họ có xảy ra việc gì khi Gene ở đó. Lúc này họ nhớ lại, khi hẳn đón họ ở sân bay, hẳn chỉ muốn nói về vụ bắt cóc và sát hại cô gái họ Smith. Họ ngạc nhiên trước ngoại hình của hẳn khi đó: sứt ký, không cạo râu và có vẻ rất kích động.

McCarty hỏi ông Sheppard rằng ông ấy có súng không. Trong nhà ông ấy có một khẩu súng lục đã tra đạn để tự vệ, Ellis trả lời. McCarty xin được xem khẩu súng và Ellis rất hăng hái đưa anh ta đến chỗ ông ấy cất súng. Nhưng khẩu súng không ở đó. Hai người họ tìm khắp nhà và cuối cùng thấy nó - dưới tấm nệm trên chiếc giường mà Gene đã ngủ. Khẩu súng đã được sử dụng và đang bị kẹt đạn. Ở đó còn có một cuốn tạp chí Hustler, có hình một cô gái tóc vàng xinh đẹp đang chơi trò bạo dâm, trong tư thế bị đóng đinh trên thập giá. Và khi McCarty phát một phần của một trong các cuộc gọi điện thoại cho Dawn, Ellis chắc chắn đó là giọng của Larry Gene Bell: "Không nghi ngờ gì nữa".

Khoảng hai giờ sáng, Ron Walker gõ cửa phòng tôi và gọi tôi dậy. Anh ta vừa nhận được điện thoại của McCarty kể cho chúng tôi nghe về Larry Gene Bell và đề nghị chúng tôi đến văn phòng ngay, chúng tôi so sánh bằng chứng và bản mô tả nhân dạng. Thật lạ lùng khi hẳn lại khớp với bản mô tả đến thế. Giống như một tấm bia bắn cung. Ảnh chụp của ngài quận trưởng cho thấy có một chiếc xe đăng ký dưới tên Bell ở con đường gần nghĩa trang, nhưng kẻ lái xe không bước ra ngoài.

Metts lên kế hoạch bắt giữ Bell khi hắn đi làm vào buổi sáng và muốn tôi cố vấn về việc tiến hành buổi thương thuyết. Sau văn phòng là một toa xe moóc mà văn phòng có được sau một cuộc vây bắt những kẻ buôn bán ma túy, và dùng nó làm văn phòng phụ. Theo đề nghị của tôi, họ nhanh chóng biến nó thành trụ sở của “đội đặc nhiệm” điều tra vụ án này. Họ gắn ảnh chụp vụ án và bản đồ những hiện trường vụ án lên tường, chất lên mấy cái bàn hàng đồng hồ sơ và tài liệu liên quan đến vụ án. Tôi bảo họ cho những cảnh sát có vẻ đang bận rộn đi qua đi lại quanh toa xe để tạo ấn tượng là đã thu thập được rất nhiều bằng chứng chống lại kẻ sát nhân.

Chúng tôi cảnh báo họ là sẽ khó bắt hắn thú nhận. Nam Carolina là tiểu bang áp dụng hình phạt tử hình và ít nhất tên này sẽ phải ngồi tù một thời gian dài vì tội sàm sỡ trẻ em và giết người - đây quả không phải là viễn cảnh tươi sáng cho một kẻ trân trọng mạng sống của mình và quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Tôi cảm thấy, hy vọng cao nhất là hắn sẽ có hành động để tự bảo vệ danh dự - cố đổ lỗi cho các nạn nhân, dù với những người thương thuyết điều đó nghe thật xúc phạm, hoặc biện hộ là mình bị bệnh tâm thần. Các bị cáo không còn đường thoát thường sử dụng chiêu này, dù theo thống kê thì các bồi thẩm đoàn hiếm khi tin nó.

Những người đại diện của quận trưởng bắt giữ Larry Gene Bell vào sáng sớm khi hắn rời nhà bố mẹ để đi làm. Jim Metts đã cẩn thận quan sát vẻ mặt hắn khi hắn được đưa vào toa xe moóc của “đội đặc nhiệm”. “Mặt hắn trắng bệch như vôi”, ngài quận trưởng thuật lại. Hắn được nghe các quyền của hắn và từ bỏ các quyền của mình, đồng ý nói chuyện với các điều tra viên.

Các điều tra viên tấn công hắn gần cả ngày trong khi Ron và tôi chờ ở văn phòng của Metts, nhận các thông báo về quá trình thương thuyết và hướng dẫn họ việc cần làm tiếp theo. Trong lúc đó, các phó quận trưởng mang theo lệnh lục soát, đang lục soát nhà của Bell. Như chúng tôi dự đoán, giày hắn được xếp ngay ngắn dưới giường, bàn làm việc ngăn nắp, kể cả các dụng cụ trong cốp xe hơi đã sử dụng ba năm, được bảo dưỡng kỹ càng của hắn cũng đâu ra đấy. Trên bàn hắn, họ tìm thấy những lời hướng dẫn đường đến nhà bố mẹ hắn được viết giống hệt chỉ dẫn đến nơi vút xác của Smith và

Helmick mà hắn đã cung cấp. Họ tìm được nhiều phim truyện bạo dân và ác dân hơn chúng tôi đoán. Các kỹ thuật viên tìm thấy nhiều sợi tóc trên giường hắn, khớp với tóc của Shari, và con tem dán dùng để gửi di chúc của cô gái khớp với một loạt tem trong hộp bàn hắn. Khi cuối cùng ảnh chụp hắn được phát trên bản tin truyền hình, nhân chứng vụ bắt cóc Debra Helmick ngay lập tức nhận ra hắn.

Quá khứ của hắn nhanh chóng bại lộ. Như đã dự đoán, hắn từng thực hiện nhiều vụ việc liên quan đến tình dục từ khi còn nhỏ, những vụ này cuối cùng cũng vượt khỏi tầm kiểm soát khi hắn hai mươi sáu tuổi, dùng dao đe dọa một phụ nữ mười chín tuổi đã kết hôn lên xe hắn. Để khỏi đi tù, hắn đồng ý đi tư vấn tâm thần nhưng từ bỏ sau hai lần tư vấn. Năm tháng sau, hắn dùng súng ép một nữ sinh đại học lên xe. Hắn nhận hình phạt năm năm tù giam và được phóng thích sau hai mươi một tháng. Trong thời gian tạm tha này, hắn đã gọi hơn mười tám cuộc điện thoại tặc tữu cho một bé gái mười tuổi. Hắn nhận tội và lại được tạm tha.

Nhưng ở trong toa xe, Bell không thừa nhận gì cả. Hắn nói mình không liên quan đến các vụ án, chỉ thừa nhận hắn có hứng thú với chúng. Kể cả sau khi họ phát những đoạn băng ghi âm cho hắn nghe, hắn vẫn không có phản ứng. Sau khoảng sáu tiếng, hắn nói hắn muốn trao đổi riêng với Quận trưởng Metts. Metts đi vào và lần nữa nói cho hắn biết về các quyền của hắn nhưng hắn vẫn không thừa nhận gì cả.

Thế nên vào buổi chiều, Ron và tôi vẫn đang ở Văn phòng Quận trưởng thì Metts và ủy viên công tố quận Don Meyers cùng Bell bước vào. Hắn mập mạp, nhẹ nhàng, khiến tôi nghĩ đến nhân vật Pillsbury Doughboy. Ron và tôi đều ngạc nhiên và Meyers nói với Bell bằng giọng Carolina của mình, "Anh có biết hai người này là ai không? Họ đến từ FBI. Họ đã đưa ra một bản mô tả nhân dạng và nó trùng khớp với anh đến chi tiết nhỏ nhất! Bây giờ họ muốn nói chuyện với anh một chút." Họ cho hắn ngồi trên chiếc ghế bành màu trắng dựa sát tường rồi ra ngoài, để chúng tôi ở riêng với Bell.

Tôi đang ngồi bên mép bàn cà phê ngay trước mặt Bell. Ron đứng sau lưng tôi. Tôi vẫn mặc bộ quần áo từ lúc rời khách sạn vào

sáng tinh mơ, một cái áo sơ mi trắng và một cái quần dài trắng đồng bộ. Tôi gọi nó là bộ đồ Harry Belafonte, nhưng trong hoàn cảnh này, trong căn phòng màu trắng với chiếc ghế bành màu trắng, trông tôi hơi lãnh đạm; gần giống như ma.

Tôi bắt đầu nói cho Bell nghe một chút về nghiên cứu những kẻ sát nhân hàng loạt của chúng tôi và để hẳn biết rõ rằng từ nghiên cứu này, tôi hoàn toàn hiểu động cơ của kẻ chịu trách nhiệm cho những vụ giết người này. Tôi nói với hẳn có thể hẳn vẫn đang chối tội từ đầu ngày đến giờ vì hẳn đang cố áp chế những suy nghĩ mà hẳn cảm thấy không thích.

Tôi nói: "Vào nhà giam và phỏng vấn tất cả những đối tượng này, một trong những điều chúng tôi khám phá ra là sự thật về quá khứ của họ gần như không bao giờ được tiết lộ. Và nhìn chung, khi một tội ác như thế xảy ra, nó giống như một cơn ác mộng với người thực hiện. Họ đang đối mặt với rất nhiều điều gây căng thẳng tích tụ trong cuộc sống - khó khăn về tài chính, vấn đề trong hôn nhân hoặc với bạn gái." Khi tôi nói thì hẳn gật đầu như thể gặp phải tất cả những vấn đề này.

Tôi tiếp lời: "Larry à, vấn đề đối với chúng tôi là khi anh ra tòa, luật sư của anh có lẽ sẽ không muốn anh đứng ra làm chứng và anh sẽ không bao giờ có cơ hội biện giải. Tất cả những gì họ biết về anh chỉ là mặt xấu của anh, họ chẳng biết điều gì tốt đẹp về anh, chỉ biết anh là một tên sát nhân máu lạnh. Và như tôi nói, chúng tôi khám phá ra thường khi người ta làm những việc thế này, nó giống như một cơn ác mộng và họ thức dậy vào sáng hôm sau mà không thể tin mình đã thực sự gây tội ác."

Suốt lúc tôi nói, Bell vẫn gật đầu đồng tình.

Bấy giờ, tôi không hỏi thẳng hẳn là hẳn có thực hiện hai vụ giết người không, vì tôi biết nếu diễn đạt như thế, tôi sẽ nhận được lời chối tội. Thế nên tôi nghiêng người lại gần và hỏi hẳn, "Lần đầu tiên anh cảm thấy không thoải mái về tội ác này là khi nào, Larry?"

Hắn đáp: "Khi tôi thấy một tấm ảnh và đọc bài báo về việc gia đình nạn nhân đến nghĩa trang cầu nguyện".

Tôi lại hỏi: "Larry, nếu là anh của hiện tại, đang ở đây, liệu anh có làm việc này không? Anh có thể làm việc này không?" Trong bối cảnh như thế, chúng tôi cố gắng tránh những từ mang tính buộc tội như *giết*, *tội ác* và *sát nhân*.

Hắn nhìn tôi, nước mắt ứa ra và nói: "Những gì tôi biết là Larry Gene Bell đang ngồi đây sẽ không thể làm ra việc này nhưng Larry Gene Bell xấu xa thì có thể."

Tôi biết đó là câu nói gần với lời thú tội nhất mà chúng tôi có thể nhận được. Nhưng Don Meyers muốn chúng tôi thử thêm một chuyện và tôi đồng ý. Anh ta nghĩ nếu Bell bị mẹ và chị gái của Shari chất vấn trực diện, chúng tôi có thể moi được một phản ứng tức thời từ hắn. Hilda và Dawn đồng ý và tôi dặn họ tôi muốn họ nói những gì và phản ứng ra sao. Sau đó, chúng tôi vào văn phòng của Metts. Ông ấy đang ngồi sau chiếc bàn lớn, Ron Walker và tôi ngồi ở hai bên, tạo thành một hình tam giác. Họ đưa Bell vào và cho hắn ngồi ở giữa, đối diện cửa ra vào. Sau đó họ đưa Hilda và Dawn vào và bảo Bell hãy nói gì đó. Hắn cứ cúi gằm mặt, dường như không thể nào nhìn họ.

Nhưng như tôi đã hướng dẫn, Dawn nhìn thẳng vào mắt hắn và nói, "Chính là ông! Tôi biết chính là ông. Tôi nhận ra giọng nói của ông."

Hắn không chối nhưng cũng không thừa nhận. Hắn bắt đầu nói với họ những chuyện mà tôi đã nói với hắn để buộc hắn phải mở miệng. Hắn nói Larry Gene Bell đang ngồi đây không thể làm việc đó và tất cả những điều xàm xí khác. Tôi vẫn đang hy vọng hắn sẽ nắm lấy cơ hội để biện hộ rằng mình bị bệnh tâm thần và thổ lộ hết tâm tư với họ.

Cuộc nói chuyện diễn ra một lúc. Bà Smith vẫn hỏi hắn nhiều câu, cố gắng buộc hắn nhận tội. Trong lòng, tôi chắc chắn mọi người đang cảm thấy rất ghê tởm khi phải nghe cuộc đối thoại này.

Rồi đột nhiên, tôi nghĩ ra một chuyện. Tôi thắc mắc Dawn hay Hilda có mang theo vũ khí không. Tôi nhớ không có ai làm chuyện đó. Thế nên suốt quãng thời gian này, tôi ngồi ở mép ghế, nhấp nhồm không yên, sẵn sàng tước vũ khí của họ nếu một người bắt đầu đưa tay vào túi xách.

Tôi biết nếu nạn nhân là con tôi, tôi sẽ muốn làm gì trong tình cảnh này và nhiều bậc cha mẹ khác cũng cảm thấy như vậy. Đây là cơ hội tốt nhất để giết gã này và không bồi thẩm đoàn nào trên đời sẽ buộc tội họ. May mắn là Dawn và Hilda không lén mang theo vũ khí. Họ có khả năng tự chủ tốt và tin vào luật pháp hơn tôi nếu tôi là họ, nhưng sau đó Ron kiểm tra và đúng là họ đã không bị lục soát.

§•§

Larry Gene Bell bị tòa xét xử vì tội giết Shari Faye Smith vào cuối tháng Một năm sau. Vì công bố quá rầm rộ nên phiên tòa đã được chuyển sang quận Berkeley, gần Charleston. Don Meyers đề nghị tôi ra làm nhân chứng chuyên gia về bản mô tả nhân dạng và buổi thương thuyết của tôi với bị cáo.

Bell không ra làm chứng và không nhận tội thêm lần nào nữa. Những gì hăng nói trong Văn phòng Quận trưởng Metts gần với lời thú tội nhất rồi. Hăng dành phần lớn thời gian trong phiên tòa để ghi chú thật nhiều điều mà hăng không thể không ghi trên một cuốn sổ xé giống cuốn Shari Smith đã viết di chúc. Nhưng vụ án khá thuyết phục. Sau gần một tháng làm chứng, bồi thẩm đoàn chỉ cần bốn mươi bảy phút để tuyên bố bị cáo phạm tội bắt cóc và giết người cấp độ I. Bốn ngày sau đó, sau những cân nhắc thận trọng và đề xuất của bồi thẩm đoàn, hăng bị phán tội tử hình bằng ghế điện. Vụ án hăng bắt cóc và giết Debra May Helmick được xử riêng. Bồi thẩm đoàn trong vụ này cũng không mất nhiều thời gian để đưa ra lời buộc tội và hình phạt tương tự.

Từ quan điểm của tôi, vụ án Larry Gene Bell là một ví dụ về hiệu suất cao nhất của ngành thi hành luật. Đã có sự phối hợp trên diện rộng của nhiều cơ quan cấp quận, tiểu bang và liên bang; sự lãnh đạo sáng suốt tại địa phương; hai gia đình quả cảm và cuộc hợp tác hoàn hảo giữa mô tả nhân dạng, phân tích tội phạm, các kỹ thuật điều tra truyền thống và kỹ thuật pháp y. Tất cả cùng nhau đặt dấu chấm cho kẻ sát nhân hàng loạt ngày càng nguy hiểm hơn ở giai

đoạn đầu của chuỗi ngày phạm tội có thể diễn ra. Tôi muốn vụ này trở thành hình mẫu cho các cuộc điều tra trong tương lai.

Dawn Smith đã gạt hái những thành tựu ấn tượng trong cuộc sống. Một năm sau phiên tòa, cô ấy đã đạt danh hiệu Hoa hậu Nam Carolina và trở thành Á hậu I trong cuộc thi Hoa hậu Mỹ. Cô ấy đã kết hôn và theo đuổi đam mê âm nhạc, trở thành ca sĩ hát nhạc đồng quê và thánh ca. Thỉnh thoảng, tôi có thấy cô ấy trên truyền hình.

Khi tôi viết những dòng này, Larry Gene Bell vẫn đang nằm trong danh sách chờ tử hình của Trại Cải tạo trung tâm Nam Carolina, nơi hằn giữ cho phòng giam của mình cực kỳ ngăn nắp, trật tự. Cảnh sát tin hắn là hung thủ của nhiều vụ sát hại bé gái và phụ nữ khác ở cả Nam và Bắc Carolina. Dựa trên nghiên cứu và kinh nghiệm, tôi thấy không có khả năng cải tạo loại người này. Nếu được thả ra, hắn sẽ lại giết người. Và với những người tranh luận rằng việc nằm trong danh sách tử tù lâu như vậy là một hình phạt tàn nhẫn và khác thường, tôi có thể đồng ý với họ ở một điểm. Trì hoãn việc thực thi hình phạt sau cùng quả thực tàn nhẫn và khác thường - với gia đình Smith và Helmick, những ai quen biết và yêu quý hai cô gái ấy và tất cả chúng tôi, những người muốn thấy công lý được thực thi.

CHƯƠNG 17

Ai cũng có thể trở thành nạn nhân

Ngày 1 tháng Sáu năm 1989, một ngư dân ở trên thuyền trông thấy ba "vật nổi" ở vịnh Tampa thuộc Florida. Anh ta liên lạc với đội Tuần tra bờ biển và cảnh sát thành phố St. Petersburg để họ đến vớt các thi thể đã phân hủy nghiêm trọng khỏi nước. Tất cả đều là phụ nữ, bị trói bằng dây nhựa màu vàng và thừng trắng thông thường. Cả ba đều bị cột vào cổ những viên gạch 22kg. Chúng là gạch hai lỗ thay vì gạch ba lỗ thông thường. Bằng keo bạc bịt kín miệng và, từ dấu vết sót lại, có vẻ như còn bịt cả mắt khi họ bị thả xuống nước, cả ba đều mặc áo thun trắng cùng mảnh trên của bộ áo tắm. Mảnh dưới không còn, cho thấy vụ án này liên quan đến tình dục, tuy rằng tình trạng của ba thi thể trong nước khiến không thể xác định về mặt pháp y là có sự tấn công tình dục hay không.

Từ một chiếc xe hơi tìm thấy gần bờ biển, ba thi thể được nhận diện là Joan Rogers ba mươi tám tuổi và hai con gái, Michelle mười bảy tuổi và Christie mười lăm tuổi. Họ sống trong một nông trại ở Ohio và đây là kỳ nghỉ thực sự đầu tiên của họ. Họ đã đến công viên Disney World và hiện đang trọ ở nhà trọ Day's Inn tại St. Petersburg trước khi trở về nhà. Ông Rogers cảm thấy không thể rời khỏi nông trại nên đã không đi cùng vợ và các con.

Khám nghiệm thức ăn trong dạ dày ba nạn nhân, kết hợp với các cuộc thẩm vấn nhân viên nhà hàng ở Day's Inn, thời gian tử vong được xác định là khoảng bốn mươi tám giờ trước khi phát hiện. Bằng chứng pháp y hữu hình duy nhất là tờ ghi chú nguệch ngoạc tìm thấy trong xe, chỉ đường từ Day's Inn đến nơi phát hiện chiếc xe. Ở mặt bên kia là thông tin chỉ đường và một bản đồ vẽ tay để đi

từ Dale Mabry, một con phố buôn bán sầm uất ở St. Petersburg, đến khách sạn.

Vụ án lập tức trở thành sự kiện tin tức lớn, Phòng Cảnh sát hai thành phố St. Petersburg và Tampa, Văn phòng Quận trưởng quận Hillsborough đều vào cuộc. Công chúng vô cùng sợ hãi. Nếu ba du khách vô tội từ Ohio này có thể bị giết như vậy, mọi người lý luận, thì ai cũng có thể trở thành nạn nhân.

Cảnh sát cố gắng điều tra về tờ ghi chú, so sánh chữ viết trên đó với chữ của các nhân viên trong khách sạn, trong các cửa hàng và văn phòng quanh khu Dale Mabry, xuất phát điểm theo thông tin chỉ đường. Nhưng họ không tìm được gì. Tính chất tàn bạo, liên quan đến tình dục của các vụ sát nhân này thật đáng báo động và mang tính biểu thị. Văn phòng Quận trưởng quận Hillsborough liên lạc với Văn phòng thực địa FBI ở Tampa, nói rằng: "Có thể chúng ta đang gặp một vụ án sát nhân hàng loạt". Nhưng sự hợp tác giữa cảnh sát của ba địa hạt này và FBI không có tiến triển gì đáng kể.

Jana Monroe là một đặc vụ ở Văn phòng thực địa Tampa. Trước khi đến Cục, cô ấy từng là sĩ quan cảnh sát, sau đó là thanh tra điều tra các vụ giết người ở California. Tháng Chín năm 1990, sau khi Jim Wright và tôi phỏng vấn cô ấy cho một vị trí trong đơn vị, chúng tôi yêu cầu cô ấy được điều động đến Quantico. Trước đó Jana là điều phối viên mô tả nhân dạng ở văn phòng thực địa và sau khi gia nhập đơn vị, vụ án nhà Rogers trở thành một trong những vụ đầu tiên cô ấy điều tra cho đơn vị.

Các đại diện của Phòng Cảnh sát St. Petersburg bay đến Quantico, trình bày vụ án cho Jana, Larry Ankrom, Steve Etter, Bill Hagmaier và Steve Mardigian. Sau đó họ đưa ra một bản mô tả nhân dạng một người đàn ông da trắng ở độ tuổi hơn ba mươi đến hơn bốn mươi, làm công việc bảo dưỡng nhà cửa, học văn thấp; có lịch sử tấn công tình dục và đánh người, có nhiều yếu tố gây căng thẳng bất ngờ xuất hiện ngay trước khi giết người. Ngay khi cuộc điều tra hạ nhiệt, hắn sẽ rời khỏi khu vực nhưng như John Prante trong vụ Karla Brown, sau đó có thể hắn sẽ trở về.

Các đặc vụ rất tự tin về bản mô tả nhân dạng nhưng nó không giúp họ bắt được kẻ nào. Không có tiến triển gì nhiều. Họ cần một

biện pháp chủ động hơn nên Jana tham gia *Những bí ẩn chưa phá giải*, một chương trình truyền hình phát sóng toàn quốc thường mang lại kết quả khả quan trong việc xác định vị trí và nhận diện các Đối tượng vô danh. Hàng ngàn manh mối xuất hiện sau khi Jana lên truyền hình và miêu tả về vụ án nhưng không có manh mối nào đưa đến kết quả.

Tôi luôn nói với các cộng sự của mình rằng “thua keo này ta bày keo khác”. Và Jana đã làm như thế. Tờ giấy hướng dẫn chỉ đường có vẻ là thứ liên kết các nạn nhân với hung thủ nhưng cho đến lúc đó, nó chưa có ích gì. Vì vụ án được rất nhiều người trong cộng đồng Tampa - St. Petersburg biết đến nên cô ấy nghĩ ra cách đưa tờ giấy ghi chú lên các bảng thông báo để xem có ai nhận ra nét chữ trên đó không. Giới thi hành luật cho rằng đa số sẽ không nhận diện được chữ viết của những ai không phải người thân và bạn thân, nhưng Jana đoán có thể sẽ có ai đó nhận ra, đặc biệt nếu đối tượng từng bạo hành và vợ hoặc người yêu đang tìm lý do để tố cáo hắn.

Một số doanh nhân địa phương đóng góp bảng thông báo, và tờ ghi chú được đưa lên cho mọi người cùng thấy. Trong vòng vài ngày, có ba người chưa từng gặp nhau gọi cho cảnh sát và xác định chữ viết trên giấy là của Oba Chandler, một gã đàn ông da trắng hơn bốn mươi tuổi. Là thợ lắp đặt tấm nhôm ốp ngoài không có giấy phép hành nghề, hắn đã bị cả ba người này kiện khi những tấm nhôm mới ốp bị bung ra sau trận mưa lớn đầu tiên. Họ chắc chắn về danh tính gã này vì mỗi người đều có một bản viết tay thư phúc đáp của hắn cho những lời cáo buộc của họ.

Ngoài độ tuổi và nghề nghiệp, hắn còn khớp với bản mô tả ở nhiều khía cạnh chính khác. Hắn có tiền sử phạm tội liên quan đến tài sản, đánh người và tấn công tình dục. Hắn đã chuyển ra khỏi khu vực lân cận sau khi cuộc điều tra hạ nhiệt nhưng hắn cảm thấy chưa cần rời khỏi vùng đó. Yếu tố gây căng thẳng tức thời là người vợ hiện tại vừa hạ sinh một đứa bé mà hắn không muốn có. Một việc cũng thường xảy ra khi bạn có thể làm gì đó để phanh phui một vụ án là một nạn nhân khác xuất hiện cung cấp thông tin sau khi được nghe các chi tiết của vụ án đó. Một phụ nữ và người bạn của mình đã gặp một người đàn ông khớp với mô tả về Chandler, gã này

muốn họ cùng hấn lên thuyền của hấn ở vịnh Tampa. Người bạn cảm thấy không ổn và từ chối nên người phụ nữ này đi một mình.

Ra đến giữa vịnh, hấn định cưỡng hiếp cô ấy. Khi cô ấy cố kháng cự, hấn cảnh cáo: "Không được kêu, nếu không tao sẽ dán băng keo lên miệng mày, cột mày vào một viên gạch và nhấn mày xuống nước!"

Oba Chandler bị bắt, xét xử và phán tội giết người cấp độ I vì giết Joan, Michelle và Christie Rogers. Hấn bị xử tử hình.

Các nạn nhân của hấn đều bình thường, cả tin, được chọn lựa gần như ngẫu nhiên. Điều đó minh chứng cho nỗi sợ rằng bất cứ ai có thể trở thành nạn nhân. Trong những tình huống thế này, như vụ án nhà Rogers, các kỹ thuật điều tra chủ động trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

§•§

Cuối năm 1982, nhiều người chết một cách đột ngột và bí ẩn ở khu vực Chicago. Không lâu sau, cảnh sát Chicago điều tra được mối liên hệ giữa những cái chết và tìm ra nguyên nhân: các nạn nhân đều uống các viên con nhộng Tylenol trộn xyanua. Khi viên thuốc tan trong bao tử, cái chết ập đến nhanh chóng.

Ed Hagarty, SAC ở Chicago, đề nghị tôi tham gia điều tra. Tôi chưa từng tham gia một vụ phá hoại sản phẩm nhưng khi nghĩ đến vụ án đó, tôi đoán phần lớn những gì tôi học được từ việc thẩm vấn trong trại giam và kinh nghiệm tiếp xúc với nhiều loại tội phạm khác cũng có thể áp dụng vào vụ này. Theo hệ thống mật mã của FBI, vụ án này được gọi là "Tymurs".

Vấn đề chính của các điều tra viên là tính ngẫu nhiên của các vụ đầu độc. Vì hung thủ không nhắm vào một nạn nhân cụ thể, cũng không có mặt ở hiện trường án mạng nên kiểu phân tích chúng tôi thường làm không đưa ra kết quả trực tiếp nào.

Các vụ sát nhân dường như không có động cơ - nghĩa là chúng không xảy ra vì bất kỳ động cơ nào mang tính truyền thống, có thể

nhận định được như tình yêu, sự ghen ghét, lòng tham hay mục đích báo thù. Kẻ đầu độc có thể đang nhắm vào nhà sản xuất loại thuốc này, công ty Johnson & Johnson, bất cứ cửa hàng nào bán sản phẩm này, một hoặc nhiều nạn nhân, hoặc xã hội nói chung.

Tôi nhận định các vụ đầu độc này giống kiểu ngẫu nhiên đánh bom hoặc ném đá từ trên cầu vượt xuống những chiếc xe bên dưới. Trong tất cả các vụ án loại này, hung thủ không bao giờ thấy mặt nạn nhân của hắn. Tôi mừng tượng tên hung thủ này - rất giống David Berkowitz bắn vào những chiếc xe không mở đèn - quan tâm đến việc trút giận hơn là nhắm vào một kiểu nạn nhân cụ thể. Nếu có lúc nào đó, loại đối tượng này có nhìn thấy mặt của các nạn nhân, hắn có thể suy nghĩ lại hoặc biểu hiện sự ăn năn.

So sánh với những tội ác ngẫu nhiên, thể hiện sự hèn nhát khác, tôi cảm thấy mình hiểu được Đối tượng vô danh này trông như thế nào. Dù chúng tôi đang đối phó với một loại tội ác khác, nhưng bản mô tả nhân dạng lại quen thuộc ở nhiều điểm. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy các đối tượng giết người mà không phân biệt nạn nhân là ai, không tìm kiếm sự nổi tiếng, thường ra tay với động cơ chính là sự giận dữ. Tôi tin gã này có những giai đoạn bị trầm cảm nặng và là kiểu người tự ti, vô vọng, gặp thất bại suốt cả đời trong việc học, đi làm và các mối quan hệ.

Theo thống kê, đối tượng có lẽ khớp với kiểu tội phạm ám sát - một gã đàn ông da trắng ở độ tuổi gần hoặc đầu ba mươi, cô độc sống về đêm. Hắn đã đến nhà nạn nhân hoặc nơi chôn cất họ, có lẽ đã để lại một thứ gì đó quan trọng tại đó. Tôi đoán hắn đảm nhận một vị trí gần với sức mạnh và quyền lực nhất mà hắn có thể đạt được như tài xế xe cấp cứu, nhân viên an ninh, nhân viên quan sát khách hàng để ngăn chặn các vụ ăn cắp, hoặc cảnh sát hỗ trợ. Có thể hắn có chút kinh nghiệm trong quân đội, Lục quân hoặc Hải quân.

Tôi nghĩ hắn từng điều trị bệnh tâm thần trước đây và đang uống thuốc theo toa bác sĩ để kiểm soát vấn đề của hắn. Xe hắn đã dùng được ít nhất năm năm, không được bảo dưỡng tốt nhưng lại thể hiện sức mạnh và quyền lực, như mẫu xe Ford mà các phòng cảnh sát ưa chuộng. Gần thời điểm xảy ra vụ đầu độc đầu tiên -

khoảng 28 hoặc 29 tháng Chín - hẳn đã gặp phải một chuyện gây căng thẳng tức thời, có thể vì thế mà hẳn đổ lỗi cho xã hội nói chung, cơn giận của hẳn gia tăng. Khi vụ án đã được công khai, hẳn sẽ thảo luận về nó với bất cứ ai chịu nghe, trong các quán rượu, nhà thuốc và với cảnh sát. Sức mạnh thể hiện trong những tội ác này là chất kích thích chính cho cái tôi của hẳn, điều đó cho thấy hẳn có thể có một cuốn nhật ký hoặc một cuốn sổ dán đầy những bài báo.

Tôi bảo với cảnh sát có khả năng hẳn từng viết thư cho những người ở các vị trí cầm quyền - tổng thống, giám đốc FBI, thống đốc bang, thị trưởng thành phố - để khiếu nại về những điều sai trái mọi người nghĩ về hẳn. Thời gian trôi qua mà hẳn không nhận được cái hẳn cho là sự phản hồi thích đáng từ bất cứ ai, hẳn càng giận hơn vì bị ngó lơ. Những vụ giết người ngẫu nhiên này có thể là cách hẳn trả thù những người đã không xem mọi điều hẳn nói là nghiêm túc.

Cuối cùng, tôi cảnh báo họ đừng quá chú trọng vào việc hung thủ chọn Tylenol làm phương tiện đầu độc. Đây là một hành động cầu thả, tùy tiện. Tylenol là một loại thuốc phổ biến và các viên thuốc rất dễ mở ra. Khả năng hẳn thích bao bì của loại thuốc này cũng tương đồng với khả năng hẳn có mối thù đặc biệt nào đó với công ty Johnson & Johnson.

Giống những vụ đánh bom, phóng hỏa hàng loạt và các vụ tương tự, trong một thành phố lớn như Chicago, có nhiều người khớp với bản mô tả nhân dạng tổng quát. Vì vậy, như trong vụ gia đình Rogers, quan trọng hơn là tập trung vào các kỹ thuật điều tra chủ động. Cảnh sát phải liên tục tạo áp lực cho đối tượng và không cho hẳn có thời gian để thở. Một trong những cách tiến hành biện pháp này là chỉ đưa ra những tuyên bố tích cực. Đồng thời, tôi cảnh báo họ đừng khiêu khích bằng việc gọi hẳn là kẻ điên, đáng tiếc là việc đó đã xảy ra.

Nhưng quan trọng hơn là khuyến khích báo chí đăng những bài viết ca ngợi nạn nhân vì bản chất của vụ án này là khiến họ mất đi nhân tính theo tư duy của Đối tượng vô danh. Cụ thể, tôi nghĩ có lẽ hẳn bắt đầu cảm thấy tội lỗi nếu buộc phải đối diện với gương mặt của một cô bé mười hai tuổi đã chết, chúng tôi có thể tìm ra hẳn thông qua việc đó.

Tương tự điều chúng tôi đã làm ở Atlanta và trong vụ án Shari Smith, tôi đề nghị tổ chức một buổi cầu kinh ban đêm ở nơi chôn cất một số nạn nhân, tôi nghĩ Đối tượng có thể tham gia buổi lễ. Nhận ra có lẽ đối tượng không cảm thấy hài lòng với bản thân, tôi cũng khuyên nên để báo chí đăng tải nhiều bài viết về hoạt động tưởng niệm liên quan đến các vụ án mạng.

Tôi nghĩ có thể kích thích hấn tìm đến những cửa hàng cụ thể theo cách chúng tôi "dẫn dắt" bọn cướp ngân hàng ở Milwaukee và Detroit đến cướp những chi nhánh ngân hàng cụ thể mà chúng tôi đã chờ sẵn. Ví dụ, cảnh sát có thể tiết lộ thông tin về những biện pháp được thực hiện để bảo vệ khách hàng tại một cửa hàng cụ thể. Tôi nghĩ gã hung thủ có thể cảm thấy mình buộc phải đến cửa hàng đó để tận mắt thấy những tác động từ hành vi của hấn. Một cách khác là đăng một bài báo về một tay cửa hàng trưởng kêu ngạo công khai tuyên bố rằng anh ta rất tin tưởng vào hệ thống an ninh của cửa hàng, kẻ đầu độc Tylenol không thể phá hoại bất kỳ sản phẩm nào trên các kệ hàng của anh ta. Một phiên bản khác của mảnh khốe này là cho cảnh sát và đặc vụ FBI hành động theo một "thông tin nội bộ" tại một cửa hàng cụ thể và công khai cho mọi người. Việc này thực chất là một cảnh báo giả. Nhưng viên chỉ huy sau đó sẽ tuyên bố với báo đài rằng khả năng điều tra của phòng cảnh sát rất hiệu quả nên Đối tượng vô danh đã quyết định không tung ra những viên Tylenol bị đầu độc. Điều này sẽ mang đến một thách thức gián tiếp khiến hấn cảm thấy khó bỏ qua.

Chúng tôi có thể sắp xếp cho một nhà tâm thần học dễ mũi lòng thực hiện một cuộc phỏng vấn, thể hiện sự ủng hộ mạnh mẽ dành cho đối tượng, xác định hấn là một nạn nhân của xã hội, từ đó cho hấn một kịch bản cứu vãn chút danh dự. Chúng tôi mong đợi đối tượng sẽ gọi điện hoặc lái xe ngang qua văn phòng của vị bác sĩ, nơi chúng tôi sẵn sàng nhận điện và theo dấu hấn.

Tôi cũng cho rằng nếu nhà chức trách tổ chức một đội đặc nhiệm gồm những công dân tình nguyện giúp cảnh sát cung cấp manh mối qua điện thoại, đối tượng có khả năng sẽ xung phong hỗ trợ. Nếu có thể tổ chức một đội như thế ở Atlanta, tôi nghĩ chúng tôi hấn đã trông thấy Wayne Williams. Ted Bundy, trong thời gian phạm tội, đã

tình nguyện tham gia một tổ chức hỗ trợ nạn nhân bị cưỡng hiếp ở Seattle.

Lực lượng thi hành luật luôn dẫn đo về việc hợp tác quá mật thiết với - hoặc sử dụng - truyền thông. Việc này đã xảy ra vài lần trong sự nghiệp của tôi. Hồi đầu những năm 1980, khi chương trình mô tả nhân dạng còn khá mới, tôi được gọi lên tổng bộ để gặp cố vấn pháp luật của Bộ phận điều tra tội phạm và của Cục để giải thích một số kỹ thuật điều tra chủ động của mình.

“John, anh không nói dối báo chí, đúng không?”

Tôi đưa ra một ví dụ gần đây về cách thức tiến hành biện pháp tiếp cận chủ động tới báo chí thành công. Ở San Diego, thi thể một cô gái được phát hiện ở vùng đồi, bị siết cổ và cưỡng hiếp, quanh cổ đeo một cái vòng và dây xích chó. Xe cô ấy được phát hiện trên một con đường. Có vẻ cái xe hết xăng và kẻ sát nhân đã cho cô ấy đi nhờ - theo kiểu người Samarita tốt lành hoặc cưỡng ép - và chở cô ấy đến nơi cô ấy được tìm thấy.

Tôi đề nghị cảnh sát hãy tiết lộ thông tin cho báo chí theo một thứ tự cụ thể. Đầu tiên, họ nên mô tả lại vụ án và những phân tích vụ án của chúng tôi. Thứ hai, họ nên nhấn mạnh việc FBI kết hợp với quan chức tiểu bang và địa phương cũng như thông điệp “Mất hai mươi năm, chúng tôi cũng sẽ bắt tên hung thủ này!” Thứ ba, trên một con đường đông đúc như vậy, khi một phụ nữ trẻ bị hư xe, phải có ai đó nhìn thấy điều gì đó. Tôi muốn nội dung câu chuyện thứ ba là có nhiều báo cáo rằng ai đó hoặc điều gì đó khả nghi xảy ra vào khoảng thời gian cô ấy bị bắt, cảnh sát đang yêu cầu người dân cung cấp thông tin.

Lý do của tôi ở đây là nếu kẻ sát nhân nghĩ có thể ai đó đã trông thấy hấn ở một thời điểm nào đó (có khả năng là thật), hấn sẽ nghĩ hấn phải làm rõ với cảnh sát, giải thích và hợp pháp hóa sự có mặt của hấn ở hiện trường. Hấn có thể ra mặt và nói đại loại như “Tôi lái xe ngang qua và thấy cô ấy đang gặp khó khăn. Tôi dừng lại, hỏi xem có giúp được gì không nhưng cô ấy nói không sao nên tôi lái xe đi.”

Chuyện là thế này, cảnh sát thường xuyên nhờ mọi người hỗ trợ thông qua truyền thông. Nhưng họ hiếm khi xem đó là một kỹ thuật

điều tra chủ động. Tôi thắc mắc đã bao lần các tội phạm xuất hiện rồi trượt qua kẽ tay họ vì họ không biết phải tìm cái gì. Nhân tiện, điều này không có nghĩa là những nhân chứng thực sự phải cảm thấy sợ xuất đầu lộ diện để kể lại điều mình biết. Quý vị sẽ không trở thành nghi phạm nhưng có thể hỗ trợ công tác bắt giữ một nghi phạm.

Trong vụ án ở San Diego, kỹ thuật này có hiệu quả đúng như tôi đã phác thảo. Đối tượng tự đưa mình vào cuộc điều tra và đã bị bắt.

“Được rồi Douglas, chúng tôi hiểu ý anh”, nhân viên tổng bộ FBI miễn cưỡng trả lời. “Nhưng nhớ báo cho chúng tôi biết khi nào anh nghĩ anh sẽ sử dụng cách này.” Bất cứ điều gì mới mẻ hay mang tính cách tân đều có vẻ đáng sợ với một hệ thống quan liêu.

Tôi hy vọng bằng cách nào đó, báo chí có thể hỗ trợ dẫn dụ kẻ đầu độc Tylenol xuất hiện. Bob Greene, nhà báo nổi tiếng dễ mũi lòng của tờ Diễn đàn Chicago, gặp cảnh sát và FBI. Sau đó ông ấy viết một bài rất cảm động về cô bé Mary Kellerman mười hai tuổi, nạn nhân nhỏ nhất của kẻ đầu độc và là đứa con duy nhất của một đôi vợ chồng không có khả năng sinh thêm con. Theo sau bài báo, cảnh sát và các đặc vụ FBI sẵn sàng cho việc giám sát nhà và mẹ của cô bé. Tôi nghĩ đa số người có liên quan cho rằng chuyện này rất vớ vẩn, những kẻ sát nhân cảm thấy tội lỗi và/hoặc thích thú hồi tưởng về những gì chúng gây ra không thực sự trở lại nơi chôn cất nạn nhân. Nhưng tôi đề nghị họ thực hiện giám sát trong một tuần.

Tôi vẫn còn ở Chicago khi cảnh sát theo dõi khu nghĩa trang và tôi biết mình sẽ phải đối mặt với cơn giận của họ nếu họ không thu hoạch được gì. Việc theo dõi rất nhàm chán, mệt mỏi, dù trong những điều kiện tốt nhất. Công việc này còn tệ hơn khi diễn ra ở nghĩa trang vào ban đêm.

Đêm đầu tiên, không có gì xảy ra. Xung quanh thanh bình và yên ắng. Nhưng vào đêm thứ hai, nhóm giám sát nghĩ họ nghe thấy gì đó. Họ tiếp cận ngôi mộ, cẩn thận để không lộ diện. Họ nghe giọng nói của một người đàn ông ở độ tuổi giống dự đoán trong bản mô tả nhân dạng.

Giọng người này nghẹn ngào, dường như sắp khóc nức lên. “Tôi xin lỗi”, hắn cầu khẩn. “Tôi không cố ý. Đó chỉ là tai nạn!” Hắn xin cô

gái đã khuất tha thứ cho hắn.

Chết tiệt, họ nghĩ, Douglas hẳn đã đúng. Họ vội vàng khen ngợi anh ta. Nhưng khoan đã! Cái tên hắn nói ra không phải là Mary. Gã này sợ vãi ra quần. Khi cảnh sát nhìn rõ hơn, họ thấy hắn đang đứng trước ngôi mộ kế bên mộ của Mary! Hóa ra được chôn cạnh Mary Kellerman là nạn nhân của một vụ va chạm xe rồi bỏ trốn chưa phá được, và người vô tình giết chết cô ấy đã trở lại để thú tội.

Bốn hay năm năm sau đó, phòng cảnh sát dùng cách tương tự cho một vụ sát nhân chưa phá được. Dẫn đầu là điều phối viên đào tạo của FBI Bob Sagowski, họ bắt đầu tiết lộ thông tin cho các tờ báo vào thời điểm tưởng niệm vụ sát nhân. Khi cảnh sát tóm được hung thủ tại mộ nạn nhân, hắn chỉ nói, "Tôi thắc mắc sao các vị mất nhiều thời gian đến thế".

Chúng tôi không bắt kẻ đầu độc Tylenol theo cách này. Chúng tôi không hề bắt được kẻ sát nhân nào. Một nghi phạm bị bắt và buộc tội dựa trên những truy tố về tham nhũng có liên hệ đến các vụ giết người, nhưng không đủ bằng chứng để xét xử hắn vì tội danh giết người. Hắn khớp với bản mô tả nhưng hắn đã rời khỏi Chicago khi cảnh sát tiến hành theo dõi ở nghĩa trang. Tuy nhiên, sau khi hắn bị giam giữ thì không còn xảy ra vụ đầu độc nào nữa.

Vì không xét xử nên chúng tôi không có cơ sở pháp lý để nói đây chính là hung thủ. Nhưng rõ ràng có một số lượng nhất định hung thủ gây án mạng hàng loạt chưa được phá giải đã bị bắt mà cảnh sát và thanh tra điều tra các vụ án này lại không biết. Khi một tên sát nhân đang gây án đột nhiên ngừng lại, có ba lý do chính ngoài việc đơn giản là hắn quyết định dừng tay. Nguyên nhân thứ nhất là hắn đã tự sát, điều này có thể đúng với một số kiểu người. Nguyên nhân thứ hai là hắn đã rời khỏi khu vực đó và đang tiếp tục ở một nơi khác. Với cơ sở máy tính VICAP (Chương trình Bắt giữ tội phạm bạo lực) của FBI, chúng tôi đang làm việc để ngăn chặn điều ở trên xảy ra bằng cách trao cho hàng ngàn cơ quan cảnh sát khắp cả nước khả năng chia sẻ thông tin với nhau một cách dễ dàng. Nguyên nhân thứ ba là kẻ sát nhân đã bị bắt vì một tội nào khác - thường là trộm cắp, cướp giật hoặc tấn công - và đang bị giam với

cáo buộc nhẹ hơn nhưng cơ quan chức năng không liên kết hẳn với những tội ác ghê tởm nhất của chúng.

Từ sau vụ Tylenol, đã có nhiều vụ phá hoại sản phẩm xảy ra, nhưng phần lớn là vì các động cơ mang tính truyền thống. Ví dụ những vụ án trong phạm vi gia đình, kẻ sát hại vợ/chồng có thể sắp đặt để trông như một vụ phá hoại sản phẩm. Khi đánh giá kiểu vụ án này, cảnh sát nên cân nhắc đến số lượng vụ việc được báo cáo, xem chúng tập trung ở một khu vực hay rải rác nhiều nơi, xem sản phẩm có được sử dụng gần nơi chúng có khả năng bị phá hoại, cũng như mối quan hệ giữa nạn nhân và người báo án. Tương tự các vụ giết người bị tình nghi là vì lý do cá nhân khác, cảnh sát nên điều tra xem hai bên có từng xảy ra mâu thuẫn không và thu thập mọi thông tin có thể về hành vi trước và sau khi gây án.

Một vụ án mà bề ngoài dường như không nhắm vào nạn nhân nào cụ thể thực ra có thể có một mục tiêu rõ ràng. Và một vụ án dường như là do giận dữ và thất vọng chung chung lại có thể vì một động cơ thường thấy như muốn thoát khỏi một cuộc hôn nhân hay lấy tiền bảo hiểm/thừa kế. Sau vụ Tylenol công khai, một bà vợ sát hại chồng mình bằng thuốc Tylenol có nhồi thuốc độc, đoán rằng vụ việc sẽ bị quy cho tên giết người đầu tiên. Sự sắp đặt quá rõ ràng và các chi tiết đủ tính khác biệt nên không ai bị lừa. Trong những vụ này, bằng chứng pháp y cũng thường liên kết với hung thủ. Ví dụ, phòng thí nghiệm có thể phân tích nguồn gốc của xyanua hoặc các chất độc khác.

Cách phân tích tương tự này giúp các điều tra viên dễ dàng nhận ra khi có người thay đổi một sản phẩm với ý định kiện tụng để lấy tiền bồi thường thiệt hại, chẳng hạn như bỏ một con chuột chết vào một lọ sốt spaghetti, một con chuột cống vào lon sô đa hoặc một cây kim vào túi thức ăn nhanh. Các công ty thường muốn dàn xếp nhanh để tránh mang tiếng xấu và phải ra tòa. Nhưng khoa học pháp lý bây giờ đã phát triển đến mức nếu công ty nghi ngờ rằng sản phẩm bị phá hoại, từ chối giảng hòa và đưa vụ việc lên FBI, khả năng cao là kẻ phá hoại sẽ bị phát hiện và truy tố. Tương tự, một điều tra viên giỏi sẽ nhận ra những hành động theo chủ nghĩa anh

hùng sắp đặt - kịch bản do một người sắp đặt để người quen hoặc công chúng nhận ra.

Với nỗi khủng khiếp mà nó mang lại, vụ án Tylenol là một vụ việc dị thường. Nó dường như không phải một vụ tổng tiền. Kẻ tổng tiền muốn thành công, trước tiên phải chứng tỏ hắn có khả năng thực hiện lời đe dọa của mình. Vì thế, kẻ tổng tiền đe dọa phá hoại sản phẩm thường sẽ thay đổi một chai hoặc bao bì của sản phẩm, đánh dấu nó theo cách nào đó và gọi điện thoại hoặc để lại ghi chú để cảnh báo. Nhưng kẻ đầu độc bằng Tylenol không bắt đầu bằng những lời đe dọa. Hắn giết người luôn.

Theo tiêu chuẩn của bọn tổng tiền, hắn không được tinh tế. Dựa trên tính chất đơn giản của việc phá hoại (sau những vụ án này, Johnson & Johnson đã chi rất nhiều tiền để phát triển loại bao bì chống phá hoại hiệu quả), tôi biết gã này không phải là người có suy nghĩ tổ chức cho lắm. Nhưng đối với những kẻ đưa ra lời đe dọa, có thể sử dụng những biện pháp đã được vận dụng phân tích một lời đe dọa về chính trị để xác định mức độ nguy hiểm và khả năng thực hiện dự định mà hắn đã tuyên bố.

Điều này cũng đúng với những kẻ đánh bom. Nếu có lời đe dọa đánh bom, nó luôn được nhận định nghiêm túc. Nhưng, để xã hội không bị đình trệ, cơ quan chức năng phải nhanh chóng xác định lời đe dọa có thật không. Những kẻ đánh bom và tổng tiền thường dùng đại từ *chúng tôi* trong thông điệp để ám chỉ một nhóm lớn đang quan sát trong bóng tối. Nhưng thật ra, đa số chúng hành động đơn độc và đa nghi.

Những tên đánh bom thường rơi vào ba loại: mê quyền lực - bị thu hút bởi sự hủy diệt; mê nhiệm vụ - bị thu hút bởi cảm giác ly kỳ khi thiết kế, chế tạo và đặt bom; mê kỹ thuật - tìm kiếm cảm giác thỏa mãn từ tài hoa và sự khéo léo khi thiết kế và chế tạo bom. Động cơ gây án thì có tổng tiền, tranh chấp lao động, báo thù, thậm chí tự sát.

Nghiên cứu của chúng tôi về những kẻ đánh bom cho thấy một bản mô tả nhân dạng chung lặp đi lặp lại. Chúng thường là đàn ông da trắng, độ tuổi được xác định dựa vào nạn nhân hoặc mục tiêu. Chúng có trí thông minh ít nhất ở mức trung bình, thường là trên

mức này, nhưng lại học hoặc làm việc không giỏi. Chúng là kiểu người ngăn nắp, trật tự, lên kế hoạch tỉ mỉ, cẩn thận, không hay gây hấn, không có thần kinh vận động tốt, hèn nhát, tự ti. Bản mô tả nhân dạng này xuất phát từ việc đánh giá mục tiêu hoặc nạn nhân và loại thiết bị (ví dụ như thiết bị gây cháy nổ), như cách chúng tôi mô tả nhân dạng kẻ sát nhân hàng loạt từ một hiện trường vụ án. chúng tôi sẽ cân nhắc các yếu tố nguy cơ có liên hệ với cả nạn nhân và thủ phạm, xác định nạn nhân ngẫu nhiên hay đã bị nhắm trước, người này dễ tiếp cận ra sao, thời điểm xảy ra vụ tấn công trong ngày, biện pháp vận chuyển bom (chẳng hạn như qua thư), cũng như bất kỳ tính chất riêng biệt hay đặc trưng nào trong thành phần hoặc cách chế tạo bom.

Thời gian đầu trong sự nghiệp mô tả nhân dạng, tôi đã đưa ra bản mô tả đầu tiên về kẻ đánh bom nổi tiếng Una (tử mật danh Unabom của FBI), biệt danh xuất phát từ việc hấn nhắm đến các trường đại học và giáo sư.

Chúng tôi hiểu những kẻ đánh bom nhiều nhất từ các phương pháp giao tiếp của chúng. Đến thời điểm kẻ đánh bom Una quyết định liên lạc với công chúng sau một khoảng thời gian dài, thông qua thư gửi cho các tờ báo và những tuyên ngôn dài hàng ngàn chữ, hấn đã khiến ba người chết và hai mươi ba người bị thương trong sự nghiệp kéo dài mười bảy năm. Ngoài những kỳ công khác, hấn đã tạm thời kìm hãm ngành công nghiệp hàng không thương mại bằng lời hứa hẹn về một quả bom xuất phát từ sân bay quốc tế Los Angeles.

Như đa số những kẻ đánh bom, hấn nói một nhóm người ("FC" hay "Freedom Club" tức "Câu lạc bộ tự do") chịu trách nhiệm cho hoạt động khủng bố của hấn. Nhưng chắc chắn hấn là kiểu người đơn độc như tôi đã mô tả. Cho đến nay, bản mô tả đã được xuất bản rộng rãi và tôi thấy không có lý do gì để thay đổi nhận xét của mình. Đáng tiếc là bất chấp bản mô tả nhân dạng mang tính đột phá của Tiến sĩ Brussel trong vụ "Kẻ đánh bom điên rồ" Metesky, khi kẻ đánh bom Una tấn công lần đầu tiên, lực lượng thi hành luật chưa được chuẩn bị để sử dụng kiểu phân tích của chúng tôi như hiện nay. Đa số chúng có thể bị bắt ở giai đoạn sớm trong sự nghiệp của

chúng. Tội ác thứ nhất và thứ hai là quan trọng nhất ở khía cạnh hành vi, vị trí và mục tiêu trước khi chúng bắt đầu hoàn thiện kỹ năng và gây án trên khắp cả nước. Nhiều năm trôi qua, chúng còn mở rộng các tư tưởng của mình, không chỉ là mối thù đơn giản và cơ bản nhằm vào xã hội, điều đã khiến chúng bắt đầu việc khủng bố ngay từ đầu. Tôi nghĩ nếu vào năm 1979, công việc mô tả nhân dạng của chúng tôi phát triển như hiện nay, kẻ đánh bom Una có lẽ đã bị bắt sớm hơn nhiều năm.

Đa phần các lời đe dọa đánh bom là một cách thức tổng tiền, nhằm vào một người hoặc nhóm người cụ thể. Giữa thập niên 1970, một cuộc điện thoại đe dọa đánh bom đã nhắm đến một giám đốc ngân hàng ở Texas.

Theo một kịch bản dài và phức tạp, kẻ gọi đến nói rằng vài ngày trước, khi công ty điện thoại Southwest Bell cử các kỹ thuật viên đến ngân hàng, họ thực ra là người của hắn. Họ đã cài một quả bom mà hắn có thể kích nổ bằng một công tắc vi sóng, nhưng hắn sẽ không làm thế nếu ngài giám đốc thuận theo những yêu cầu của hắn.

Bây giờ mới đến phần đáng sợ nhất. Hắn nói hắn đang bắt giữ vợ của ngài giám đốc, Louise. Bà ấy lái một chiếc xe hơi hiệu Cadillac, đến chỗ này vào buổi sáng, rồi chỗ này, chỗ này... Quá lo sợ, vị giám đốc bảo thư ký gọi về nhà bằng một đường dây khác vì ông biết vợ mình sẽ có ở nhà. Nhưng không ai trả lời. Lúc này ông ta đã tin lời hắn.

Sau đó, kẻ gọi điện đưa ra yêu sách về tiền bạc: tiền giấy đã qua sử dụng - 10 đô đến 100 đô. *Không được báo cảnh sát, chúng tôi sẽ nhận ra những chiếc xe thường của họ để như bốn. Bảo thư ký của ông rằng ông sẽ rời ngân hàng khoảng bốn mươi lăm phút. Không được liên lạc với ai hết. Ngay trước khi ông đi, bật tắt đèn trong văn phòng ông ba lần. Nhóm của tôi sẽ chờ tín hiệu này. Để tiền trong xe, đậu xe ở lề đường giữa một khu vực xe cô đông đúc, để máy chạy và bật đèn xin dừng xe.*

Thế này nhé, trong vụ án này, không có quả bom nào, cũng không có vụ bắt cóc nào, chỉ là một kẻ lừa đảo khôn ngoan đang nhằm vào nạn nhân dễ nhất mà thôi. Mọi thứ trong kịch bản này đều có một mục đích cụ thể. Hắn canh thời điểm mà công ty điện

thoại thực sự đến làm việc ở ngân hàng, để hắn có thể phần cho họ vai trò những kẻ đặt bom. Mọi người đều biết, công ty điện thoại thường làm những công việc kỹ thuật mà không ai hiểu gì hay chú ý đến nên cũng khá đáng tin khi họ có thể là những kẻ mạo danh.

Biết rằng ngài giám đốc ngân hàng sẽ gọi về nhà cho vợ, kẻ tổng tiền đã gọi cho bà ấy vào sáng hôm đó, nói mình ở công ty Southwest Bell, rằng họ nhận được nhiều lời than phiền về những cuộc gọi quấy rối trong khu phố của bà ấy và đang cố gắng theo dấu kẻ gọi điện nên từ giữa trưa đến 12:45 hôm nay, đừng nhắc máy nếu điện thoại reo; lúc đó chúng tôi đang tiến hành bắt sóng và theo dõi.

Lời yêu cầu để tiền trong chiếc xe đang nổ máy và bật đèn có lẽ là phần tài tình nhất của cả kế hoạch. Ngài giám đốc cho rằng những yêu cầu liên quan đến đèn là một phần của tín hiệu nhưng thực ra, chúng là một phần trong kế hoạch đào tẩu của kẻ gọi điện. Tuy đã cảnh báo không được báo cảnh sát, nhưng kẻ tổng tiền biết có thể nạn nhân trước sau gì cũng gọi họ. Giai đoạn nguy hiểm nhất đối với thủ phạm luôn là trao đổi tiền, lúc hắn cho rằng cảnh sát đang quan sát. Theo kịch bản này, nếu thủ phạm không may bị cảnh sát bắt quả tang trong xe, hắn có thể nói hắn đang đi bộ trên con đường đông đúc này thì thấy một chiếc xe bật đèn và để máy nổ nên quyết định làm việc tử tế là tiến đến tắt đèn cùng máy xe. Nếu cảnh sát bắt hắn vào lúc đó, họ sẽ chẳng thu được gì. Thậm chí họ bắt hắn lúc đang cầm tiền nhưng hắn đã tạo ra một lý do chính đáng để có mặt trong xe nên có thể nói hắn thấy cái túi nằm trên ghế và định nộp cho cảnh sát.

Với kẻ tổng tiền, đây là một trò chơi may rủi. Hắn đã soạn kịch bản và việc hắn phải làm chỉ là điền vào các chi tiết. Nếu nạn nhân hắn nhắm đến hôm nay không tin, hắn sẽ thử lại với một người khác vào hôm sau. Cuối cùng, một trong số họ sẽ cắn câu và hắn sẽ vớ bở nhờ những nỗ lực trên mà không cần thực sự bắt cóc hay cài bom bất kỳ ai. Trong những trường hợp này, kịch bản nhìn chung là một bằng chứng tốt vì thủ phạm sẽ giữ lại, vì biết rằng nó sẽ hữu dụng cho những lần sau. Hắn biết rằng với vài sự sắp đặt đơn giản từ trước, ai cũng có thể trở thành nạn nhân.

Một khi các nhà chức trách đã nắm được manh mối của hăng, hăng sẽ bị bắt, xét xử và buộc tội. Hóa ra hăng từng là DJ, nhưng quyết định sử dụng tài ăn nói của mình cho những lợi ích ngắn hạn hơn.

Khác biệt giữa kiểu người này và kiểu người thực sự tiến hành bắt cóc là gì? Cả hai đều làm vì lợi ích nên không ai muốn để lộ danh tính trước nạn nhân nếu không cần thiết, vì giết người không phải mục tiêu của chúng. Khác biệt lớn là một kẻ bắt cóc thực sự thường cần có ai đó giúp thực hiện kế hoạch của mình và trong khi kẻ tổng tiền đơn thuần thực ra là một kẻ lừa đảo tinh ranh, kẻ bắt cóc lại là một kẻ chống đối xã hội. Giết nạn nhân không phải dự định của hăng, nhưng rõ ràng hăng sẵn sàng xuống tay để đạt được mục đích.

Steve Mardigian đã tham gia điều tra vụ án một phó chủ tịch tập đoàn Exxon Corporation bị bắt ngay trước nhà mình ở New Jersey và bị giam giữ để đòi tiền chuộc. Lúc giằng co, ông ta vô tình bị bắn vào cánh tay. Những kẻ bắt cóc - một nhân viên an ninh cũ của công ty và vợ hăng - vẫn tiếp tục kế hoạch và giam giữ người bị thương (ông ta có bệnh tim) trong một cái thùng và ông ta đã chết ở đó. Lý do chọn cái thùng - hoặc những thứ tương tự - là để những kẻ bắt cóc có thể tiếp xúc với nạn nhân càng ít càng tốt. Trong vụ này, bọn bắt cóc bày tỏ sự hối hận với hậu quả như vậy và cảm giác tuyệt vọng đã khiến chúng thực hiện tội ác ngay từ đầu. Nhưng chúng đã làm, và đã thực hiện tội ác này từng bước một mà không hề do dự. Chúng sẵn sàng để ai đó chết vì mục đích ích kỷ của mình và đó là một trong những định nghĩa về hành vi chống đối xã hội.

Tuy rất khủng khiếp nhưng không giống một số tội ác nghiêm trọng khác, bắt cóc là hành động khó mà thoát tội. Điều tra viên phải đánh giá vụ việc cẩn thận, dùng con mắt hoài nghi để tìm hiểu thật kỹ về nạn nhân và hành vi trước khi gây án. Cuối cùng, tuy biết bất cứ ai cũng có thể là nạn nhân nhưng điều tra viên phải trả lời được câu hỏi: Tại sao lại là nạn nhân này?

Vài năm trước, tôi nhận được một cuộc gọi khẩn vào buổi tối khi đang ở nhà. Một thám tử ở Oregon kể cho tôi nghe chuyện một cô gái đi học ở khu vực anh ta chịu trách nhiệm. Cô ấy đang bị theo dõi

nhưng cô ấy hay bất kỳ ai đều không thể tìm ra danh tính của kẻ theo dõi. Cô ấy thường nhìn thấy kẻ theo dõi trong rừng nhưng đến khi bố hoặc bạn trai cô ấy đi tìm thì hắn đã biến mất. Hắn sẽ gọi đến nhà họ, nhưng không bao giờ gọi khi có ai khác ở nhà. Cô gái ngày càng hoang mang. Sau vài tuần căng thẳng vì việc này, cô ấy đang ở một nhà hàng với bạn trai mình. Cô ấy rời bàn để vào toa lét. Khi ra khỏi toa lét, cô ấy bị tóm lấy và nhanh chóng bị lôi ra bãi đậu xe, tại đó kẻ tấn công cô tàn nhẫn nhét một nòng súng vào cửa mình cô, đe dọa sẽ giết nếu cô báo cảnh sát, sau đó thả cô ấy ra. Cô ấy bị sang chấn tâm lý và không thể mô tả rõ ràng về thủ phạm.

Hiện tại, có vẻ cô ấy đã bị bắt khi rời thư viện vào một buổi tối. Xe cô ấy được tìm thấy trong bãi đậu. Không có bất kỳ liên lạc nào và mọi thứ đang trở nên nghiêm trọng.

Tôi bảo viên thanh tra nói cho tôi biết về nạn nhân. Đó là một cô gái xinh xắn, thành tích học tập luôn tốt. Nhưng năm ngoái cô ấy đã sinh con và gặp vài rắc rối với gia đình mình, đặc biệt là bố cô ấy, về chuyện tiền bạc. Điểm số của cô ấy tuột dốc, đặc biệt sau khi việc theo dõi bắt đầu.

Tôi bảo đừng vội nói gì với người bố phòng trường hợp tôi sai và cuối cùng cô gái chết, nhưng tôi thấy cả câu chuyện này giống như một trò lừa bịp. Ai lại theo dõi cô ấy? Cô ấy có một người bạn trai lâu năm, gần đây không chia tay. Nhìn chung, khi một người không phải là người nổi tiếng bị theo dõi thì kẻ theo dõi là người quen biết nạn nhân theo kiểu nào đó. Những kẻ theo dõi không thành thực hay cẩn thận trong việc theo dõi. Nếu cô ấy nhìn thấy hắn, bố và bạn trai cô ấy hắn không thể lần nào cũng tóm hột hắn. Chưa từng có ai khác nhận được các cuộc gọi từ hắn. Và khi cảnh sát tiến hành theo dấu đường dây điện thoại, các cuộc gọi đột ngột dừng lại. Thêm một sự tình cờ là vụ bắt cóc lại xảy ra ngay trước kỳ thi cuối năm - không hề ngẫu nhiên chút nào.

Tôi đề nghị chiến lược điều tra chủ động sẽ là để truyền thông phỏng vấn bố cô ấy, nhấn mạnh tính tích cực trong mối quan hệ của họ, nói rằng ông ấy rất yêu thương cô và muốn cô trở về, cầu xin kẻ bắt cóc hãy thả cô ấy. Nếu tôi nói đúng, một, hai ngày sau cô ấy sẽ

xuất hiện, bị thương và toàn thân bắn thiu, với câu chuyện cô ấy đã bị bắt cóc, bị hành hạ và ném ra khỏi xe bên lề đường.

Đó chính là điều đã xảy ra. Cô ấy khá tươi tắn và bắn thiu, kèm theo câu chuyện bị bắt cóc. Tôi nói rằng việc thương thuyết - trong trường hợp này được tiến hành dưới dạng một cuộc thẩm vấn - nên tập trung vào cái mà chúng ta tin là đã thực sự xảy ra. Không nên buộc tội nhưng công nhận rằng cô ấy đang gặp nhiều khó khăn với bố mẹ; trải qua nhiều căng thẳng, chấn thương và đau đớn; lo sợ vì các kỳ thi và cần một sự việc nào đó để cứu vãn. Hãy báo cho cô ấy biết cô ấy sẽ không bị trừng phạt, cái cô ấy cần là sự tư vấn và thấu hiểu, cô ấy sẽ có được cả hai. Sau khi làm rõ điều đó, cô ấy đã thú nhận về trò lừa bịp của mình.

Nhưng đây là một trong những vụ án khiến chúng tôi rất lo lắng. Nếu chúng tôi sai, hậu quả sẽ rất khủng khiếp, vì khi việc theo dõi là thật, nó có thể là một tội ác kinh khủng và thường dẫn đến kết cục chết chóc.

Trong đa số trường hợp, dù theo dõi người nổi tiếng hay người bình thường, việc theo dõi luôn bắt đầu bằng tình yêu và sự ngưỡng mộ. John Hinckley "yêu" Jodie Foster và muốn cô ấy đáp lại tình yêu của hắn. Nhưng cô ấy lại là một ngôi sao điện ảnh chuẩn bị vào Đại học Yale, còn hắn là một kẻ vô danh tự ti. Hắn tin mình phải làm điều gì đó để cân bằng tình thế và gây ấn tượng với cô ấy. Và còn chuyện gì "ấn tượng" hơn là hành động ám sát Tổng thống Hoa Kỳ đi vào lịch sử? Trong những lúc thần trí hắn minh mẫn, hắn là hắn đã nhận ra giấc mơ hai người sống bên nhau hạnh phúc đến già sẽ không thành sự thật. Nhưng bằng hành động của mình, quả thực hắn đã đạt được một trong các mục tiêu. Hắn trở nên nổi tiếng và trong tâm trí của mọi người, hắn sẽ vĩnh viễn gắn liền với Foster, theo cách rất trớ trêu.

Như đa số vụ án loại này, Hinckley đã gặp phải một yếu tố gây căng thẳng tức thời. Gần thời điểm hắn bắn Tổng thống Reagan, bố hắn đã ra một tối hậu thư rằng hắn phải tìm việc làm và tự nuôi lấy thân.

Đặc vụ thuộc Cơ quan mật vụ Ken Baker đã tiến hành thẩm vấn Mark David Chapman, kẻ ám sát John Lennon, trong tù. Chapman

cảm thấy mình có sự liên kết mạnh mẽ với cựu thành viên nhóm The Beatles và ở một mức độ nông cạn, hẳn đã cố bắt chước ông ấy. Hẳn sưu tầm tất cả bài hát của Lennon, thậm chí còn quen rất nhiều bạn gái người châu Á, để mô phỏng cuộc hôn nhân của Lennon với Yoko Ono. Nhưng cũng như điều sẽ xảy ra với nhiều kẻ thuộc loại này, cuối cùng hẳn cũng đến cái ngưỡng mà sự tự ti của hẳn trở nên quá lớn. Hẳn không thể chịu nổi khác biệt giữa mình và vị anh hùng của mình nữa nên hẳn phải giết ông ấy. Điều khiến chúng ta sờn gai ốc là một trong những lý do thúc đẩy Hinckley thực hiện tội ác và trở nên nổi tiếng (thực ra *khét tiếng* thì phù hợp hơn) chính là noi theo Chapman.

Tôi đã thẩm vấn Arthur Bremer, kẻ theo dõi rồi sau đó dự định ám sát Thống đốc bang Alabama, George Wallace, ở Maryland khi ông ấy đang chạy đua tranh cử tổng thống, khiến Wallace bị bại liệt và phải chịu đau đớn suốt đời. Bremer không ghét Wallace. Trước vụ nổ súng, hẳn đã theo dõi tổng thống Nixon vài tuần nhưng không thể đến gần ông. Hẳn quá nóng lòng làm chuyện gì đó để thế giới thấy được giá trị của hẳn và Wallace lại dễ tiếp cận, về cơ bản là một nạn nhân khác có mặt sai chỗ, sai thời điểm.

Các vụ án theo dõi biến thành ám sát có số lượng đáng báo động. Trong trường hợp người bị hại là các chính khách, có một "nguyên nhân" cho việc giết hại họ nhưng đây hầu như luôn là cái cớ để lấp liếm của một kẻ vô danh tự ti muốn trở thành ai đó. Trong trường hợp các ngôi sao điện ảnh và người nổi tiếng như John Lennon bị hại, kể cả cái cớ đó cũng vô nghĩa. Một trong những vụ án bị thương nhất là vụ sát hại Rebecca Schaeffer hai mươi một tuổi ngay trước căn hộ của cô ấy ở Los Angeles vào năm 1989. Nữ diễn viên trẻ xinh đẹp và tài năng, nổi tiếng với vai diễn em gái của Pam Dawber trong loạt phim truyền hình *Chị Sam của tôi*, bị Robert John Bardo - một kẻ vô công rồi nghề mười chín tuổi đến từ Tucson, công việc gần nhất của hẳn là bảo vệ ở một cửa hàng Jack in the Box - bắn một phát khi cô ấy ra mở cửa. Như Chapman, Bardo khởi đầu là một người hâm mộ. Sự quý mến của hẳn trở thành ám ảnh và nếu hẳn không thể có một mối quan hệ "bình thường" với cô ấy, hẳn phải "sở hữu" cô ấy theo cách khác.

Như tất cả chúng ta đã biết hiện nay, mục tiêu theo dõi không chỉ là người nổi tiếng. Hiển nhiên có nhiều vụ người ta bị vợ/chồng hoặc người yêu cũ theo dõi. Giai đoạn chết chóc đến khi rớt cuộc, kẻ theo dõi nghĩ rằng "Nếu tôi không thể có được cô ấy (hoặc anh ấy), không ai có được". Nhưng Jim Wright, chuyên gia có kinh nghiệm nhất trong đơn vị của chúng tôi về nạn theo dõi và là một trong những chuyên gia hàng đầu về loại tội phạm này trong ngành thi hành luật, chỉ ra bất kỳ ai làm công việc liên quan đến công chúng, đặc biệt là phụ nữ, đều dễ bị những kẻ theo dõi nhắm đến. Nói cách khác, đối tượng khao khát của một kẻ theo dõi không nhất định phải lên truyền hình hay màn ảnh. Cô ấy có thể là một nữ phục vụ tại nhà hàng trên phố hoặc giao dịch viên ở ngân hàng tại địa phương. Thậm chí có thể nạn nhân làm việc chung trong một cửa hàng hoặc doanh nghiệp với hắn.

Đó là trường hợp của Kris Welles, một phụ nữ trẻ làm việc tại Công ty Nội thất Conlans ở Missoula, Montana. Kris có năng lực và được mọi người quý trọng, đã thăng tiến từ quản lý bán hàng lên quản lý chung vào năm 1985.

Cùng thời điểm Kris làm việc ở khối văn phòng, có một người đàn ông tên Wayne Nance làm việc trong nhà kho. Hắn thường không tiếp xúc với ai nhưng có vẻ thích Kris, và cô ấy luôn tỏ ra chân thành và thân thiện với hắn. Nhưng tính tình Wayne thất thường và sự cáu kỉnh ngấm ngấm bên dưới mà Kris nhận thấy khiến cô lo sợ. Nhưng không ai than phiền gì về thói quen làm việc của Wayne. Ngày qua ngày, hắn vẫn là người chăm chỉ nhất trong nhà kho.

Điều mà Kris và chồng cô, Doug, một người buôn bán súng ở địa phương, không biết là Wayne Nance bị ám ảnh bởi cô ấy. Hắn luôn quan sát cô ấy và có một hộp các-tông chứa đồ lưu niệm từ cô - những tấm ảnh chụp vội, những ghi chú cô viết ở văn phòng, bất cứ thứ gì thuộc về cô.

Một điều khác mà vợ chồng Welles và cảnh sát thành phố Missoula đều không biết là Wayne Nance là một kẻ sát nhân. Năm 1974, hắn đã sàm sỡ và đâm một bé gái năm tuổi. Về sau cảnh sát còn phát hiện hắn đã trói, nhét giẻ vào miệng và bán một số phụ nữ trưởng thành, trong đó có mẹ của bạn thân hắn. Đáng lo ngại là tất

cả xảy ra ở những quận lân cận nơi hắn đang sống. Nhưng kể cả ở bang Montana dân cư thưa thớt, cảnh sát ở địa hạt này không thể nào biết hoạt động tội phạm được ghi nhận ở địa hạt khác.

Kris Welles không hay biết gì cho đến cái đêm Nance đột nhập vào nhà vợ chồng cô ở vùng ngoại ô. Họ có một con chó săn mỗi cái nhưng nó không hề phản kháng hắn. Thủ sẵn một khẩu súng ngắn, hắn bắn Doug, trói anh ấy trong tầng hầm, sau đó ép Kris lên lầu, vào phòng ngủ, trói cô ấy vào giường để cưỡng hiếp cô ấy. Cô ấy biết rõ hắn và hắn không hề có ý định che giấu thân phận.

Trong khi đó, ở tầng hầm, Doug xoay sở thoát khỏi mớ dây trói. Yếu ớt, có thể ngất đi bất cứ lúc nào vì đau đớn và mất máu, anh ấy lao đảo đi đến một cái bàn đang đặt một băng đạn súng trường của cửa hàng. Anh ấy cho được một viên đạn vào khẩu súng rồi vận hết sức lực còn lại để lết lên cầu thang. Cố gắng giữ im lặng, anh ấy lên lầu hai và trong hành lang, với đôi mắt mờ nhòe, anh ấy nhắm phát đạn duy nhất vào Nance. Anh ấy phải hạ Nance trước khi hắn thấy anh và cầm súng lên. Nance không bị thương và còn nhiều đạn hơn. Doug sẽ không địch lại hắn.

Anh ấy bóp cò. Phát đạn trúng Nance, làm hắn bật ngửa ra sau. Nhưng sau đó Nance đứng dậy và bắt đầu tiến về phía Doug. Phát súng không đủ để giết hắn. Nance cứ tiến về phía anh ấy trên cầu thang. Không còn lối thoát nào, Doug lại không thể để Kris ở đó một mình nên anh ấy làm điều duy nhất mình có thể. Anh ấy tiến về phía Nance, dùng khẩu súng không đạn làm vũ khí. Anh ấy liên tục đánh vào người tên Nance còn rất khỏe đến khi Kris có thể thoát ra và chạy lại giúp chồng.

Cho đến nay, vụ án gia đình Welles vẫn là một trong số ít vụ được lưu trữ, trong đó các nạn nhân của một tên sát nhân hàng loạt có thể kháng cự và giết được kẻ tấn công để tự vệ. Câu chuyện của họ rất phi thường và chúng tôi đã nhiều lần mời họ đến nói chuyện trước các lớp học tại Quantico. Đôi vợ chồng khiêm tốn này đã cung cấp cho chúng tôi nhiều thông tin hiếm có từ góc nhìn của những nạn nhân đã trở thành anh hùng. Đã trải qua giờ phút sinh tử vào đêm đó, họ là những người ấm áp, nhạy cảm và gần bó.

Cuối một buổi nói chuyện của họ tại Quantico, một cảnh sát trong lớp đã hỏi họ, “Nếu Wayne Nance còn sống và không có hình phạt tử hình - nghĩa là, nếu hắn vẫn tồn tại trên đời này cùng hai người - thì tinh thần hai người có vững vàng như hiện tại?” Họ quay sang nhìn nhau rồi lặng lẽ gật đầu. “Gần như là không thể”, Doug Welles nói.

CHƯƠNG 18

Cuộc chiến của các chuyên gia tâm lý

Loại người nào có thể làm ra chuyện như vậy?

Trong khi nghiên cứu về sát nhân hàng loạt, Bob Ressler và tôi ở Joliet, Illinois, nơi chúng tôi vừa thẩm vấn Richard Speck. Chiều hôm đó, tôi đã trở lại phòng khách sạn và đang xem tin tức trên kênh CBS thì trông thấy Dan Rather thẩm vấn một kẻ giết người khác tên Thomas Vanda, kẻ dường như cũng đang thụ án tại Trại giam Joliet. Vanda đi tù vì giết một phụ nữ bằng cách đâm nhiều nhát. Phần lớn cuộc đời hắn ra vào các viện tâm thần và mỗi lần hắn được “trị khỏi” và thả ra, hắn lại phạm một tội ác khác. Trước vụ giết người mà hắn đang chịu phạt tù, hắn từng giết người một lần.

Tôi gọi cho Ressler, nói rằng chúng tôi phải trao đổi với hắn khi đang ở đây. Từ cuộc thẩm vấn được phát sóng, tôi biết hắn là loại người hoàn toàn tự ti. Hắn có thể phóng hỏa dễ dàng như giết người. Hoặc nếu có công cụ và kỹ thuật, hắn có thể đánh bom.

Chúng tôi trở lại nhà tù vào hôm sau và Vanda đồng ý gặp chúng tôi. Hắn tò mò về công việc chúng tôi đang làm tại đó và hắn cũng không có nhiều người đến thăm. Trước buổi thẩm vấn, chúng tôi xem qua hồ sơ về hắn.

Vanda là người da trắng, cao tầm 1m75, hơn hai mươi tuổi. Hắn có điệu bộ nhẹ nhàng, không thích hợp và rất hay cười. Kể cả khi cười, hắn vẫn có kiểu nhìn “đó” - cặp mắt láo liên, những cú co giật do lo lắng, hai tay chà xát vào nhau. Không ai cảm thấy thoải mái khi đưa lưng về phía hắn. Điều đầu tiên hắn muốn biết là tôi nghĩ hắn trông thế nào trên ti vi. Khi tôi bảo nhìn hắn rất ổn, hắn cười lớn và thả lỏng hơn. Trong số những điều hắn kể với chúng tôi có việc hắn đã tham gia một nhóm nghiên cứu Kinh Thánh trong tù và nghĩ

nó rất có ích với hăn. Có thể nó có ích. Nhưng tôi đã thấy rất nhiều tù nhân gần đến ngày trình diện trước ủy ban xét duyệt phóng thích có điều kiện sẽ tham gia các nhóm tôn giáo để chứng tỏ chúng đang đi đúng con đường cần đi để được phóng thích.

Quý vị có thể tranh luận xem gã này nên bị nhốt trong một trại giam được bảo đảm an ninh tối đa hay một viện tâm thần an toàn, nhưng sau buổi thẩm vấn, tôi đến gặp chuyên gia tâm thần học chuyên trách trị liệu cho hăn và hỏi ông ấy là Vanda biểu hiện như thế nào.

Vị chuyên gia, khoảng năm mươi tuổi, cho tôi một câu trả lời khả quan, nói rằng Vanda “đang phản ứng rất tốt với thuốc và liệu pháp”. Vị này nhắc đến nhóm nghiên cứu Kinh Thánh để làm ví dụ và nói có thể Vanda sẽ đủ điều kiện được phóng thích nếu tiếp tục tiến bộ như vậy.

Tôi hỏi liệu ông ấy có biết chi tiết những gì Vanda đã làm không. “Không, tôi không muốn biết”, ông ấy trả lời. “Tôi không có thời gian, tôi có quá nhiều phạm nhân phải xử lý ở đây.” Ông ấy bổ sung rằng không muốn tác động một cách thiếu công bằng đến mối quan hệ giữa mình và bệnh nhân.

“Chà, ngài tiến sĩ, để tôi cho ông biết Thomas Vanda đã làm những gì”, tôi nhấn mạnh. Trước khi ông ấy có thể phản đối, tôi tiếp tục thuật lại việc kẻ căm ghét xã hội, thuộc tuýp đơn độc này tham gia một nhóm tôn giáo như thế nào. Sau một cuộc gặp mặt, khi những người khác đã ra về, hăn gạ gẫm người phụ nữ trẻ tổ chức cuộc gặp mặt đó. Cô ấy từ chối Vanda và hăn không chấp nhận. Những kẻ như thế thường không chấp nhận sự từ chối. Hăn đánh ngã cô ấy, vào nhà bếp của cô ấy, trở lại với một con dao và đâm cô ấy rất nhiều nhát. Sau đó, khi cô ấy hấp hối trên sàn nhà, hăn đưa dương vật của hăn vào một vết thương hở trên bụng cô ấy và xuất tinh. Tôi phải nói rằng, tôi thấy việc này thật đáng kinh ngạc. Khi đó, cô ấy như một con búp bê vải. Cơ thể cô ấy còn ấm, đang chảy máu, hăn trên người hăn phải dính máu. Hăn thậm chí không thể loại bỏ nhân tính trong cô ấy. Thế nhưng hăn có thể cương lên và xuất tinh. Vì vậy, ông sẽ hiểu tại sao tôi khẳng định rằng đây là một

tội ác vì giận dữ, không phải vì tình dục. Điều hiển diện trong đầu hẳn không phải là tình dục - mà là sự tức giận và phẫn nộ.

Nhân tiện, điều này lý giải tại sao chẳng ích gì khi thiến những kẻ liên tục phạm tội cưỡng hiếp - dù ý tưởng này có thể khiến chúng ta cảm thấy thỏa mãn và hài lòng. Vấn đề là việc đó không khiến chúng dừng lại, dù là về mặt thể xác hay cảm xúc. Cưỡng hiếp chắc chắn là một tội ác vì tức giận. Nếu ông thiến đi hai "quả trứng" của một kẻ nào đó, hẳn sẽ trở thành một kẻ giận dữ.

Tôi kết thúc câu chuyện về Vanda. "Anh thật kinh tởm, Douglas!" Vị chuyên gia tâm thần học kêu lên. "Biến khỏi văn phòng tôi ngay!" "Tôi kinh tởm ư?" Tôi hỏi lại. "Chính ông nói rằng Thomas Vanda đang phản ứng tốt với việc trị liệu và có thể được phóng thích mà lại không biết mình đang nói chuyện với hạng người thế nào khi chữa trị cho anh ta. Làm sao ông hiểu được họ nếu không dành thời gian xem qua những tấm ảnh chụp hiện trường vụ án hay báo cáo, không đọc khám nghiệm pháp y? Ông có thấy cách hẳn thực hiện tội ác đó không? Ông có biết tội ác đó được lên kế hoạch trước không? Ông có hiểu hành vi dẫn đến tội ác đó? Ông có biết hẳn đã rời khỏi hiện trường vụ án như thế nào không? Ông có biết hẳn cố thoát tội không? Hẳn có cố nguy tạo một bằng chứng ngoại phạm không? *Làm thế quái nào ông biết được liệu hẳn có nguy hiểm hay không?*"

Ông ấy không có câu trả lời nào và tôi nghĩ mình không tạo ra sự thay đổi nào vào hôm đó, nhưng tôi có cảm giác mãnh liệt về nó. Đó là cơ sở của những điều chúng tôi làm trong đơn vị. Như tôi đã nói nhiều lần ở trên, tình trạng tiến thoái lưỡng nan trong đa số liệu pháp tâm thần dựa trên việc tự báo cáo về sự tiến bộ của bệnh nhân. Một bệnh nhân đến gặp một chuyên viên trị liệu trong những tình huống bình thường có mong muốn thổ lộ suy nghĩ và cảm xúc thật của mình. Mặt khác, một tên tội phạm khao khát được phóng thích sớm, lại có mong muốn nói cho chuyên viên trị liệu điều mà người này muốn nghe. Ở mức độ mà chuyên viên trị liệu chấp nhận báo cáo đó đúng như những gì họ nghe mà không liên hệ với những thông tin khác về đối tượng, đó có thể là lỗ hổng thực sự của hệ thống. Ed Kemper và Monte Rissell, hai trong số nhiều tội phạm, cũng tham gia trị liệu khi đang thực hiện các tội ác của mình, và cả

hai đều xoay sở tốt nên không bị phát hiện. Trên thực tế, chúng cho chuyên viên trị liệu của mình thấy “sự tiến bộ”.

Theo tôi, vấn đề là chúng ta có các nhà tâm thần học và tâm lý học, cùng các nhân viên công tác xã hội trẻ - những người lý tưởng hóa mọi thứ, được dạy dỗ ở trường rằng họ thực sự có thể tạo ra thay đổi. Rồi sau đó họ gặp những gã này trong tù và họ muốn cảm thấy mình đã thay đổi chúng. Họ thường không hiểu khi họ cố gắng đánh giá những tên tội phạm này, thực ra họ đang múa rìu qua mắt thợ! Trong một thời gian ngắn, tên tội phạm sẽ biết liệu vị bác sĩ đã mắc bẫy chưa và nếu chưa, hẳn sẽ có thể làm giảm tính nghiêm trọng của tội ác cũng như tác động lên những nạn nhân. Rất ít tội phạm sẵn sàng kể các chi tiết quan trọng cho ai đó chưa biết về chúng. Đó là lý do việc chuẩn bị đầy đủ là rất quan trọng trong những buổi thẩm vấn tại tù của chúng tôi.

Như với bác sĩ của Thomas Vanda, những người làm trong lĩnh vực trợ giúp người khác thường không muốn có thành kiến vì biết những chi tiết kinh tởm mà tội phạm đã thực hiện. Nhưng tôi luôn nói với các học viên của mình, muốn hiểu Picasso, các bạn phải nghiên cứu tranh của ông ấy. Muốn hiểu tính cách của tội phạm, các bạn phải nghiên cứu tội ác của chúng.

Điểm khác nhau là các chuyên gia sức khỏe tâm thần bắt đầu với tính cách và suy ra hành vi từ góc nhìn đó. Tôi và các cộng sự bắt đầu từ hành vi và suy ra tính cách từ góc nhìn đó.

Dĩ nhiên có nhiều góc nhìn khác nhau về Vấn đề trách nhiệm của tội phạm. Tiến sĩ Stanton Samenow là một nhà tâm lý học đã cộng tác với nhà tâm thần học, cố tiến sĩ Samuel Yochelson trong một nghiên cứu tiên phong tại bệnh viện Thánh Elizabeth ở Washington, về hành vi của tội phạm. Nhiều năm tự nghiên cứu đã dần dần thay đổi những quan điểm của ông trước đây, Samenow kết luận trong cuốn sách sắc sảo và rất sâu sắc của mình, *Trong tâm trí tội phạm*, rằng “tội phạm suy nghĩ khác với những người có trách nhiệm”. Samenow tin rằng hành vi của tội phạm không phải là câu hỏi về bệnh tâm thần mà là về khiếm khuyết trong tính cách.

Tiến sĩ Park Dietz, người thường xuyên cộng tác cùng chúng tôi, đã tuyên bố “Không có tên sát nhân hàng loạt nào mà tôi từng có

dị nghiên cứu hoặc thẩm tra bị điên, theo pháp luật nhận định, nhưng cũng không có tên nào bình thường. Tất cả chúng đều mắc các hội chứng rối loạn tâm thần. Nhưng bất chấp tình trạng đó, có liên quan đến sở thích về tình dục và tính cách, chúng biết mình đang làm gì, biết việc mình làm là sai nhưng vẫn làm.”

Lúc này, cần nhớ rằng điên là một khái niệm theo pháp luật, không phải một thuật ngữ y học hay tâm thần học. Nó không có nghĩa là ai đó “bệnh” hay không “bệnh”. Nó có liên quan đến việc liệu người đó có chịu trách nhiệm cho hành động của mình hay không.

Thế này, nếu quý vị tin rằng một kẻ như Thomas Vanda bị điên, tốt thôi. Tôi nghĩ điều đó có thể đúng. Nhưng một khi đã xem xét cẩn thận các dữ liệu, tôi nghĩ chúng ta phải đối diện với sự thật là dù Thomas Vanda có bị gì đi nữa, thứ đó không thể chữa được. Nếu chúng ta chấp nhận điều đó, không được thả chúng ra quá nhanh để chúng có thể tái phạm những tội ác của mình. Hãy nhớ, đây không phải lần đầu hấn giết người.

Gần đây có nhiều tranh luận về khái niệm điên ở tội phạm và tranh luận này không hề mới. Nó đã xuất hiện từ ít nhất vài trăm năm trước trong ngành nghiên cứu luật pháp của vùng Mỹ Âng-lê, đến thời của tác phẩm *Eirenarcha* hay *Trong văn phòng của các quan tòa* (William Lambard) vào những năm 1500.

Tuyên bố đầu tiên dùng khái niệm điên làm lý do biện hộ trước những cáo buộc phạm tội là Luật M’Naghten năm 1843, đặt theo tên của Daniel M’Naghten (đôi khi gọi là McNaughten hoặc McNaghten), kẻ đã định giết Thủ tướng Anh Robert Peel và thật sự đã bắn trúng thư ký riêng của Peel. Nhân tiện, Peel là người chịu trách nhiệm tổ chức lực lượng cảnh sát của Luân Đôn. Cho đến nay, cảnh sát Luân Đôn vẫn được gọi là bobby/bobbies để vinh danh ngài.

Sau khi M’Naghten được phán vô tội, sự phẫn nộ của công chúng lớn đến mức ngài Bộ trưởng Tư pháp đã bị triệu tập trước Thượng nghị viện để giải trình. Các yếu tố cơ bản cho thấy một bị cáo vô tội nếu tình trạng tâm thần của hấn làm hấn mất khả năng nhận biết sự sai trái hoặc hiểu được bản chất và tính chất trong hành động của mình; nói cách khác là hấn có phân biệt được đúng sai không.

Học thuyết về bệnh điên đã tiến triển qua nhiều năm, trở thành cái thường được gọi là “bài kiểm tra sự kích động không thể kháng cự”^[53], tuyên bố rằng một bị cáo vô tội nếu, vì căn bệnh tâm thần, người này không thể kiểm soát hành động của mình hoặc tuân thủ pháp luật.

Học thuyết này trải qua một đợt sửa đổi quan trọng vào năm 1954 với phán quyết tại Tòa phúc thẩm của Thẩm phán David Bazelon trong vụ án *Durham V. Hoa Kỳ* rằng một bị cáo không phải chịu trách nhiệm hình sự nếu tội ác của hắn “là sản phẩm của bệnh hoặc khiếm khuyết tâm thần” và nếu không vì bệnh hay khiếm khuyết này, bị cáo sẽ không phạm tội.

Durham, cho tội phạm phạm vi hoạt động rộng như vậy và không quan tâm đến tầm quan trọng của sự khác biệt giữa đúng và sai, không được những người trong ngành thi hành luật cũng như nhiều thẩm phán và công tố viên ưa thích. Năm 1972, trong một vụ án phúc thẩm khác, *Hoa Kỳ V. Brawner*, học thuyết này bị bác bỏ, thay thế bằng Tiêu chuẩn của Bộ luật Hình sự theo Hiệp hội Luật pháp Hoa Kỳ^[54], gọi lại Luật M’Naghten và sự thúc ép không thể kháng cự để nói rằng khiếm khuyết tâm thần phải khiến bị cáo mất khả năng nhận thức việc mình làm là sai hoặc không thể thực thi pháp luật theo yêu cầu. Ở dạng này hay dạng khác, Tiêu chuẩn của Hiệp hội Luật pháp Hoa Kỳ được áp dụng rộng rãi trong các phiên tòa trong một thời gian dài.

Nhưng cùng với đợt thảo luận này, thường biến thành sự phỏng đoán rằng có bao nhiêu thiên thần có thể khiêu vũ trên một đầu kim, tôi nghĩ chúng tôi phải xử lý một khái niệm mang tính cơ bản hơn. Đó là sự nguy hiểm.

Một trong những mâu thuẫn kinh điển trong cuộc chiến đang diễn ra giữa các chuyên gia tâm lý là phiên tòa xét xử tên sát nhân hàng loạt Arthur J. Shawcross ở Rochester, New York năm 1990. Shawcross bị cáo buộc tội danh giết những cô gái làng chơi ở khu vực này và người vô gia cư, thi thể họ xuất hiện ở các khu vực rừng cây trong và xung quanh hẻm núi sông Genesee. Các vụ giết người diễn ra gần một năm. Xác của những nạn nhân sau còn bị cắt xẻo sau khi chết.

Sau khi thực hiện một bản mô tả nhân dạng chi tiết - và theo kết quả cuối cùng, là vô cùng chính xác - Gregg McCrary đã nghiên cứu hành vi tiến triển của Đối tượng vô danh. Khi cảnh sát phát hiện ra một thi thể bị cắt xẻo, Gregg nhận thấy kẻ sát nhân đã quay trở lại những địa điểm vớt xác để dành thời gian với con mồi của mình. Sau đó anh ta đã giục cảnh sát lùng sục các cánh rừng để tìm xác của một trong những phụ nữ còn mất tích. Nếu họ có thể làm được, sau đó bí mật theo dõi địa điểm đó, Gregg bảo đảm cuối cùng họ sẽ tìm ra kẻ sát nhân ở đó.

Kết quả là sau vài ngày giám sát trên không, cảnh sát bang New York quả thực đã tìm thấy một thi thể ở Salmon Creek trên Đường 31. Đồng thời, Thanh tra John McCaffrey nhìn thấy một người đàn ông trong một chiếc xe hơi đậu trên một cây cầu thấp. Cảnh sát thành phố và tiểu bang được gọi đến để theo dõi người này. Người đàn ông mà họ bắt là Arthur Shawcross.

Trong buổi thương thuyết với một đội do Dennis Blythe của Sở Cảnh sát tiểu bang và Leonard Boriello của Phòng Cảnh sát Rochester dẫn đầu, Shawcross thú nhận một số tội ác. Vấn đề chính tại phiên tòa xét xử mười vụ giết người của hắn, được báo đài đưa tin rầm rộ, là liệu hắn có điên ở thời điểm thực hiện các vụ giết người không.

Luật sư biện hộ mời tiến sĩ Dorothy Lewis ra làm chứng, bà là một nhà tâm thần học nổi tiếng tại Bệnh viện Bellevue ở New York, đã thực hiện những nghiên cứu quan trọng về ảnh hưởng của bạo lực đối với trẻ em. Lewis tin rằng đa số, nếu không phải tất cả, hành vi của tội phạm bạo lực là kết quả của sự bạo hành hoặc tổn thương hồi nhỏ kết hợp với một căn bệnh về thể chất như động kinh, một vết thương hoặc một dạng tổn thương, u nang hoặc u bướu. Dĩ nhiên, cũng có trường hợp Charles Whitman, một sinh viên ngành kỹ thuật hai mươi lăm tuổi, đã trèo lên nóc tòa tháp đồng hồ ở Đại học Texas tại Austin năm 1966 và xả súng xuống những người đi đường. Trước khi cảnh sát bao vây tòa tháp và giết hắn chín mươi phút sau đó, đã có mười sáu người chết và ba mươi người khác bị thương. Trước vụ việc, Whitman đã than phiền về những cơn thịnh nộ với mong muốn tàn sát diễn ra theo chu kỳ. Khi các bác sĩ tiến hành

khám nghiệm tử thi, họ tìm thấy một u bướu trong thùy thái dương của hắn.

Khối u này có phải là nguyên nhân cho hành vi giết chóc của Whitman không? Chúng tôi không tài nào biết được. Nhưng Lewis muốn cho bồi thẩm đoàn thấy vì một u nhỏ lành tính ở thùy trán, xuất hiện trong hình chụp MRI của Shawcross, một dạng động kinh mà bà ấy miêu tả là “trạng thái động kinh cục bộ phức hợp”, căng thẳng sau chấn thương hậu chiến và cái mà hắn nói là sự bạo hành nghiêm trọng về thể xác và tình dục khi còn nhỏ của mẹ hắn, Arthur Shawcross không phải chịu trách nhiệm cho những hành vi bạo lực cực độ của hắn. Trên thực tế, bà ấy làm chứng rằng hắn đang ở trong trạng thái điên mỗi lần giết một phụ nữ; trí nhớ của hắn về những lần này bị khiếm khuyết hoặc không tồn tại.

Một trong những vấn đề của kiểu lập luận này là nhiều tuần, nhiều tháng sau các vụ giết người, Shawcross có thể kể lại diễn biến cho Boriello và Blythe một cách vô cùng chi tiết. Trong một số vụ án, hắn còn đưa họ đến các địa điểm vớt xác mà cảnh sát chưa tìm ra. Có lẽ hắn làm được việc đó vì đã ảo tưởng về từng vụ án nhiều đến mức chúng như mới nguyên trong đầu hắn.

Hắn đã tiêu hủy một số bằng chứng để cảnh sát không tìm được hắn. Sau khi bị bắt, hắn còn viết một lá thư phân tích cho bạn gái hắn (hắn đồng thời có một cô vợ), nói rằng hắn đặt hy vọng vào lời bào chữa do bệnh điên, vì bị giam trong bệnh viện tâm thần vẫn đỡ hơn nhiều so với nhà tù.

Ở khía cạnh đó, Shawcross rõ ràng biết hắn đang nói gì. Hắn bắt đầu gặp rắc rối với luật pháp vào năm 1969 khi bị buộc tội trộm và phóng hỏa ở Watertown, phía bắc Syracuse. Chưa đầy một năm sau, hắn lại bị bắt và thừa nhận đã siết cổ một bé trai và một bé gái. Bé gái cũng bị sàm sỡ. Vì hai tội này, Shawcross lãnh án hai mươi lăm năm tù. Hắn được phóng thích sau mười lăm năm. Việc đó, nếu quý vị nhớ lại chương trước, là lý do mà độ tuổi trong bản mô tả nhân dạng Gregg McCrary đưa ra về hắn lại sai. Mười lăm năm trong tù của Shawcross chỉ đơn thuần là một quãng nghỉ.

Bây giờ hãy từng bước phân tích việc này. Đầu tiên, nếu quý vị hỏi tôi hay bất kỳ ai trong hàng ngàn cảnh sát, công tố viên, cũng

nếu đặc vụ liên bang mà tôi đã hợp tác trong sự nghiệp của tôi, quý vị sẽ nghe được câu trả lời nhất trí rằng hai mươi lăm năm tù cho tội giết hại hai đứa trẻ quả thực rất bất công. Nhưng điều thứ hai, phóng thích gã này sớm thì theo tôi, dường như quý vị phải chấp nhận một trong hai giả thiết trái ngược nhau.

Giả thiết thứ nhất: Bất chấp hoàn cảnh tồi tệ, gia đình lục đục, việc bạo hành, thiếu giáo dục, quá khứ bạo lực của hắn và mọi thứ khác, cuộc sống trong tù quả là một trải nghiệm tuyệt vời, giúp hắn nâng cao tinh thần, mở mang đầu óc và cải tạo tốt. Từ đó, Shawcross nhận ra sai phạm trong hành động của hắn và vì những ảnh hưởng tốt đẹp trong tù, hắn kiên quyết quay đầu, trở thành một công dân chính trực, tuân thủ pháp luật.

Nếu quý vị không chấp nhận giả thiết đó, vậy giả thiết thứ hai thì sao: Cuộc sống trong tù quá kinh dị, khó chịu và gây sốc, mỗi ngày đều là sự trừng phạt khủng khiếp nên bất chấp quá khứ tồi tệ cùng mong muốn tiếp tục cưỡng hiếp và giết hại trẻ em, hắn không bao giờ muốn trở lại nhà tù và kiên quyết làm mọi thứ để không phải trở lại.

Tôi đồng ý giả thiết đó không có khả năng. Nhưng nếu quý vị không chấp nhận bất cứ giả thiết nào, tại sao quý vị lại để một kẻ như vậy ra ngoài mà không cân nhắc khả năng rất cao là hắn sẽ lại giết người?

Rõ ràng, có một số loại tội phạm sát nhân có khả năng cao sẽ tái phạm hơn những kẻ khác. Nhưng với những kẻ sát nhân hàng loạt bạo lực vì tình dục, tôi đồng ý với tiến sĩ Park Dietz rằng “khó mà tưởng tượng có tình huống nào chúng ta nên phóng thích chúng về lại cộng đồng”. Ed Kemper, kẻ thông minh và chiêm nghiệm về bản thân nhiều hơn đa số những kẻ sát nhân khác mà tôi từng trò chuyện, thẳng thắn thừa nhận hắn không nên được phóng thích.

Ngoài đời có quá nhiều câu chuyện khủng khiếp. Richard Marquette, kẻ mà tôi đã thẩm vấn, kẻ bị buộc nhiều tội gồm gây rối trật tự, có ý định cưỡng hiếp và tấn công ở Oregon khi hắn mới đầu hai mươi, đã tiến đến cưỡng hiếp, giết người và phân xác sau một trải nghiệm tình dục không mấy thành công với một phụ nữ hắn gặp trong quán rượu ở Portland. Hắn rời khỏi khu vực đó, bị đưa vào

danh sách Những tội phạm truy nã hàng đầu của FBI và bị bắt ở California. Hắn bị buộc tội giết người cấp độ I và lãnh án chung thân. Được phóng thích sau mười hai năm, hắn lại giết và phanh thầy thêm hai phụ nữ trước khi bị bắt lần nữa. Vì lý do quái quỷ gì mà ban xét duyệt phóng thích lại nghĩ tên này không còn nguy hiểm?

Tôi không thể phát ngôn thay FBI, Bộ Tư pháp hay bất cứ ai. Nhưng tôi có thể nói rằng thà bị cắn rút vì giam một kẻ sát nhân trong tù, có thể tái phạm giết người hoặc không nếu được tự do, còn hơn là ăn năn cả đời về cái chết của một người đàn ông, phụ nữ hay trẻ em vì đã thả tên sát nhân đó ra ngoài.

Đặc tính của người Mỹ là nghĩ rằng mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp hơn, mọi chuyện đều có thể cải thiện, chúng ta có thể đạt được bất cứ mục tiêu gì mình đặt ra. Nhưng càng thấy nhiều, tôi càng bi quan về khái niệm cải tạo đối với một số loại tội phạm nhất định. Những gì chúng trải qua trong tuổi thơ của mình thường rất khủng khiếp. Điều đó không có nghĩa là có thể chữa lành những tổn thương vào một ngày nào đó sau này. Và trái với những gì mà các thẩm phán, luật sư biện hộ và chuyên gia sức khỏe tâm thần muốn tin, hành vi tốt trong tù không nhất định dự báo hành vi được chấp nhận ở thế giới bên ngoài.

Ở hầu như mọi khía cạnh, Shawcross là một phạm nhân kiểu mẫu. Hắn yên lặng, không giao tiếp với ai, thực hiện những điều được yêu cầu và không làm phiền ai. Nhưng điều mà tôi và các cộng sự phát hiện và rất cố gắng truyền tải cho mọi người trong lĩnh vực cải tạo và tâm lý học pháp y là *sự nguy hiểm phụ thuộc tình huống*. Nếu có thể giữ ai đó trong một môi trường có trật tự tốt, nơi hắn không có lựa chọn, hắn có thể ổn định. Nhưng nếu đưa hắn trở lại môi trường mà hắn từng cư xử không hay, hành vi của hắn có thể thay đổi nhanh chóng.

Lấy ví dụ vụ án của Jack Henry Abbott, kẻ sát nhân bị buộc tội, đã viết *Trong bụng con quái thú*, một cuốn hồi ký xúc động và sâu sắc về đời sống trong tù. Nhận ra tài năng viết lách đặc biệt của hắn và tin rằng bất kỳ ai có sự nhạy cảm và sâu sắc như vậy phải được cải tạo nên những ngôi sao trong lĩnh vực văn chương như Norman

Mailer đã vận động để Abbott được phóng thích. Hắn được mọi người ở New York nâng cốc chúc mừng. Nhưng chỉ vài tháng sau khi được thả, hắn cãi nhau với một bồi bàn ở Greenwich Village và giết người này.

Như Al Brantley, cựu giảng viên về Khoa học hành vi, hiện là thành viên của Đơn vị Hỗ trợ điều tra, đã nói trong một bài giảng của mình ở Học viện Quốc gia rằng, "Chỉ dấu tốt nhất cho hành vi trong tương lai hay hành động bạo lực trong tương lai chính là quá khứ bạo lực".

Không ai thừa nhận Arthur Shawcross thông minh hay tài năng như Jack Henry Abbott nhưng hắn vẫn có thể thuyết phục cả một ban xét duyệt phóng thích. Sau khi được thả, ban đầu Shawcross sống ở Binghamton, tại đó, cộng đồng dân cư đầy phần nộ đã tiến hành một chiến dịch chống lại hắn và hắn rời đi sau hai tháng. Hắn đến sống ở một khu đô thị lớn hơn và nhàm chán hơn của thành phố Rochester, nơi hắn làm nhân viên chuẩn bị salad cho một công ty phân phối thực phẩm. Một năm sau khi đến đây, hắn lại bắt đầu giết người - một nạn nhân khác nhưng vẫn là một đối tượng yếu đuối.

Trong quá trình tra xét Shawcross, Dorothy Lewis đã nhiều lần thôi miên hắn và cho hắn trở lại những giai đoạn đầu đời, để hắn kể lại những lần bị bạo hành mà mẹ hắn nhét một cái cán chổi vào trực tràng của hắn. Trong những lần thôi miên được ghi hình lại này, chúng ta thấy hắn có nhiều nhân cách khác, trong đó có nhân cách của mẹ hắn, trong một cảnh tượng làm chúng tôi nhớ đến bộ phim *Kẻ điên*. (Nhưng mẹ của Shawcross phủ nhận việc bạo hành con mình và tố cáo hắn là kẻ nói dối.)

Trong quá trình công tác tại Bellevue, Lewis đã ghi chép một số trường hợp vô cùng thuyết phục về hiện tượng đa nhân cách ở những đứa trẻ bị bạo hành. Chúng còn quá nhỏ, khó mà nghĩ rằng chúng có thể giả vờ. Nhưng như Lewis đã chứng minh, những trường hợp hiếm về rối loạn đa nhân cách bắt đầu từ thuở nhỏ, thường trong quá trình đứa trẻ đang học nói. Ở người trưởng thành, dường như thời điểm duy nhất mà chúng ta thực sự nghe về chứng rối loạn đa nhân cách là sau khi một kẻ nào đó bị xét xử vì tội giết

người. Bằng cách nào đó, chứng rối loạn này mãi đến khi đó mới xuất hiện. Kenneth Bianchi, một trong hai anh em họ đã cùng nhau thực hiện các vụ giết người được đặt tên là Kẻ sát nhân bên sườn đồi ở Los Angeles vào thập niên 1970, nói mình đa nhân cách sau khi bị bắt. John Wayne Gacy cũng từng thử cách này.

(Tôi thường đùa là nếu tôi bắt được một tên tội phạm đa nhân cách, tôi sẽ tha cho các nhân cách vô tội miễn là tôi có thể giam giữ nhân cách có tội.)

Với phiên tòa xét xử Shawcross, công tố viên dẫn đầu là Charles Siragusa, người đã thể hiện rất tốt trong phiên tòa, mời Park Dietz làm chứng cho bên công tố. Dietz cũng kiểm tra Shawcross ở nhiều phương diện như Lewis đã từng và Shawcross đưa ra rất nhiều chi tiết cụ thể về các vụ giết người. Tuy Dietz không có đánh giá toàn diện về tính trung thực của những câu chuyện bạo hành nhưng ông ấy nghĩ những chuyện này nghe có vẻ đáng tin. Dù sao thì ông ấy không nghĩ Shawcross bị ảo giác, không tìm thấy bằng chứng rằng hắn bị bất tỉnh hay mất trí nhớ, không thấy sự tương quan giữa hành vi của hắn với bất kỳ phát hiện nào về hệ thần kinh và kết luận rằng dù có thể có vấn đề gì đó về tâm thần hay cảm xúc thì Arthur Shawcross vẫn phân biệt được đúng sai và có thể lựa chọn giết người hay không. Trong ít nhất là mười trường hợp, có thể nhiều hơn, hắn đã chọn giết người.

Khi Len Boriello hỏi hắn tại sao lại giết những phụ nữ này, hắn chỉ đáp "Làm chuyện cần làm". Những kẻ bị rối loạn tâm thần thực sự - mất liên hệ với thực tế - không thường xuyên phạm những tội ác nghiêm trọng. Nếu có, chúng thường rất lộn xộn và không hề cố gắng tránh bị phát hiện nên nhìn chung chúng bị bắt rất nhanh. Richard Trenton Chase, kẻ giết phụ nữ vì hắn nghĩ hắn cần máu của họ để sinh tồn, bị rối loạn tâm thần. Nếu hắn không lấy được máu người, hắn sẽ lấy tạm máu của sinh vật khác mà hắn có thể. Khi Chase bị đưa vào viện tâm thần, hắn tiếp tục bắt thỏ, cắt tiết chúng, rồi bơm máu chúng vào cánh tay. Hắn bắt những con chim nhỏ, cắn đứt đầu chúng rồi uống máu chúng. Chuyện này là thật. Nhưng một kẻ sát nhân tránh bị phát hiện và thoát tội giết mười người phải khá

giỏi việc trốn tránh. Đừng nhằm lẫn giữa một kẻ bị rối loạn nhân cách và một kẻ bị rối loạn tâm thần.

Trong phiên xử, Shawcross luôn duy trì thái độ đơ cứng và không nhúc nhích, gần như không thể cử động hay nói chuyện, với bồi thẩm đoàn. Như thể hắn đang trong trạng thái xuất thần, không thể tiếp thu những gì đang diễn ra xung quanh. Nhưng các cảnh sát và nhân viên an ninh canh giữ và hộ tống hắn báo cáo lại rằng ngay khi ra khỏi tầm nghe nhìn của bồi thẩm đoàn, hắn liền thả lỏng, nói nhiều, đôi khi còn đùa. Hắn biết có nhiều nguy cơ trong việc thuyết phục họ tin vào lời biện hộ rằng hắn bị điên.

Một trong những tội phạm thông minh, tài tình nhất - và phải nói là thu hút nhất - mà tôi từng nghiên cứu và thẩm vấn là Gary Trapnell. Trong phần lớn quãng đời trưởng thành của mình, hắn vào tù ra khám nhiều lần. Có một lần, hắn thực sự thuyết phục được một phụ nữ trẻ cho một chiếc trực thăng đáp xuống giữa sân nhà tù để cứu hắn. Trong quá trình thực hiện một trong những tội ác đáng chú ý của hắn - một vụ bắt cóc máy bay vào đầu những năm 1970 - Trapnell ở trong chiếc máy bay đậu trên mặt đất, cố gắng thương thuyết các điều kiện để trốn thoát. Hắn giờ nằm đắm lên trời cho các máy quay phim ghi được và yêu cầu, "Thả Angela Davis!"

"*Thả Angela Davis? Thả Angela Davis?* là sao?" Đây trở thành một cú sốc với đa số nhân viên thi hành luật đang điều tra vụ án này. Trong cuộc sống của Trapnell không có gì cho thấy hắn gắn bó với những lý lẽ cấp tiến của vị giáo sư trẻ người da màu ở California này. Không có gì cho thấy hắn có hoạt động chính trị, vậy mà ở đây, một trong những yêu cầu của hắn là Angela Davis được trả tự do. Gã này điên rồi. Đó là lời giải thích thỏa đáng duy nhất.

Sau này, khi hắn đã đầu hàng và bị buộc tội, khi tôi thẩm vấn hắn trong trại giam liên bang ở Marion, bang Illinois, tôi hỏi hắn về yêu cầu này. Hắn đã nói đại loại như "Khi thấy mình không có đường lui khỏi vụ này, tôi biết mình sẽ phải đi tù. Và tôi đoán nếu những gã da đen to con nghĩ tôi là tù nhân chính trị, tôi sẽ có ít nguy cơ bị bọn nó cưỡng hiếp trong nhà tắm."

Bấy giờ, Trapnell không chỉ hoàn toàn có lý trí mà còn lên kế hoạch cho tương lai, gần như hoàn toàn trái ngược với một người

điên. Thực ra hẳn đã viết một hồi ký có tựa đề *Con cáo cũng bị điên*. Mẫu thông tin quý giá này cũng cho chúng tôi hiểu biết sâu sắc ứng dụng vào các cuộc thương thuyết. Nếu đưa ra một yêu cầu hoàn toàn lạ lùng, có nghĩa là trong đầu mình, tên tội phạm đã lên kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo, và người thương thuyết có thể có phản ứng phù hợp.

Trapnell nói với tôi một chuyện khác mà tôi thấy rất, rất thú vị. Hẳn bảo nếu tôi đưa cho hẳn quyển sách *Hướng dẫn chẩn đoán và thống kê các chứng rối loạn tâm thần*^[55] bản mới nhất và chỉ vào bất kỳ một căn bệnh nào trong đó, hôm sau hẳn có thể thuyết phục bất kỳ nhà tâm thần học nào là hẳn đang bị đúng căn bệnh đó. Một lần nữa, Trapnell thông minh, nhanh nhạy hơn Shawcross rất nhiều. Nhưng cũng như việc không cần tưởng tượng nhiều mới biết, một tên tội phạm có cơ hội được phóng thích cao hơn nếu hẳn nói với chuyên gia tâm lý rằng hẳn đang cảm thấy khỏe hơn và không còn thích thú với việc sàm sỡ các bé trai, rõ ràng lời giải thích về trạng thái xuất thần sẽ hiệu quả hơn nếu bồi thẩm đoàn có thể tận mắt thấy hẳn đang ở trong trạng thái đó.

Suốt một thời gian dài, cộng đồng nhân viên thi hành luật đã dựa vào những hướng dẫn và định nghĩa trong sách *Hướng dẫn chẩn đoán và thống kê các chứng rối loạn tâm thần* về điều kiện nào tạo thành một chứng rối loạn tâm thần nghiêm trọng và điều kiện nào không. Nhưng đa số chúng tôi cảm thấy quyển sách tham khảo này không có nhiều giá trị cho công việc của mình. Đây là một trong các động lực để viết *Cẩm nang phân loại tội phạm*^[56], xuất bản năm 1992. Cấu trúc cơ bản của cuốn sách xuất phát từ luận văn tiến sĩ của tôi. Ressler, Ann Burgess và chồng cô ấy, Allen, một giáo sư dạy môn quản trị ở Boston, đã hợp tác cùng tôi với tư cách các đồng tác giả. Những thành viên khác của Đơn vị Hỗ trợ điều tra và Đơn vị Khoa học hành vi, gồm Greg Cooper, Roy Hazelwood, Ken Lanning, Gregg McCrary, Jud Ray, Pete Smerick và Jim Wright, đóng vai trò là cộng tác viên.

Với *Cẩm nang phân loại tội phạm*, chúng tôi bắt đầu sắp xếp và phân loại những tội ác nghiêm trọng dựa theo đặc tính hành vi của tội phạm rồi giải thích chúng theo cách mà một cuốn sách với lỗi

tiếp cận mang tính tâm lý học hoàn toàn như *Hướng dẫn chẩn đoán và thống kê các chứng rối loạn tâm thần* chưa làm được. Ví dụ, độc giả sẽ không tìm thấy tình huống sát nhân mà O. J. Simpson bị buộc tội trong *Hướng dẫn chẩn đoán và thống kê các chứng rối loạn tâm thần* nhưng lại tìm thấy trong *Cẩm nang phân loại tội phạm*. Mục đích của chúng tôi là tách biệt cái giá trị với cái vô giá trị trong lĩnh vực bằng chứng hành vi và giúp các điều tra viên cũng như cộng đồng thi hành luật tập trung vào những gì phù hợp và không phù hợp.

Không có gì ngạc nhiên khi bị cáo và luật sư biện hộ sẽ đưa ra bất cứ cái gì có thể để tránh nhận trách nhiệm cho những hành động của chúng. Trong danh sách những yếu tố mà nhóm luật sư của Shawcross nói rằng đã góp phần gây ra tình trạng điên của hấn là chứng rối loạn căng thẳng hậu chấn thương sau chiến tranh. Nghiên cứu cho thấy Shawcross chưa từng tham gia trận đánh nào. Nhưng lý do này không mới. Nó từng được dùng nhiều lần trước đó. Duane Samples, kẻ đã moi ruột hai phụ nữ ở Silverton, bang Oregon, vào đêm 9 tháng Mười hai năm 1975, dùng rối loạn căng thẳng hậu chấn thương làm lý do biện hộ. Chỉ có một trong hai người phụ nữ tử vong, nhưng tôi đã xem ảnh chụp hiện trường vụ án. Cả hai trông không khác gì thi thể lúc được khám nghiệm. Robert Ressler phát hiện ra Samples cũng chưa từng tham chiến, bất chấp lời nói của hấn. Nhưng trước ngày diễn ra vụ tấn công, Samples đã viết một lá thư mô tả ảo tưởng từ rất lâu của hấn về việc moi ruột một phụ nữ xinh đẹp khóa thân.

Năm 1981, Ressler đến Oregon để hỗ trợ các công tố viên giải thích tại sao thống đốc bang không nên thực hiện ý định phóng thích Samples. Lý lẽ của họ đã có hiệu quả, nhưng cuối cùng hấn vẫn được phóng thích sau đó mười năm.

Samples có bị điên không? Hấn có bị điên tạm thời khi moi ruột hai người phụ nữ đó không? Khuynh hướng tự nhiên là bất cứ kẻ nào có thể làm ra điều kinh khủng, sai trái như thế sẽ bị cho là "bệnh". Tôi đồng ý với luận điểm đó. Nhưng hấn có biết việc hấn đang làm là sai không? Hấn có lựa chọn vẫn làm việc đó không? Đây là những câu hỏi quan trọng mà tôi quan tâm.

Phiên tòa xử Arthur Shawcross ở Tòa án Rochester kéo dài hơn năm tuần, trong đó công tố viên Siragusa đã chứng tỏ mình có kiến thức sâu và hoàn thiện về tâm thần học pháp y hơn bất cứ vị bác sĩ nào mà tôi biết. Trong phiên xử, mỗi một phút đều được phát trên truyền hình, hắn trở thành một vị anh hùng của địa phương. Cuối cùng, khi vụ án được trao cho bồi thẩm đoàn quyết định sau những tranh luận cuối cùng, họ mất chưa tới một ngày để đưa ra phán quyết có tội với tội giết người cấp độ II cho tất cả các cáo buộc. Vị thẩm phán này còn bảo đảm Shawcross sẽ không có cơ hội tái phạm. Ông ấy phán hắn 250 năm tù đến chung thân trong nhà tù tiểu bang.

Vụ án này gợi ra một khía cạnh khác của lời biện hộ vì lý do bị điên mà nhiều người không nhận ra: các bồi thẩm đoàn không thích và thường không tin lý do đó. Tôi tin họ không tin vì hai nguyên nhân. Một là khó mà tin những kẻ sát nhân hàng loạt bị bức ép thực hiện những tội ác mà chúng không còn lựa chọn nào khác. Nên nhớ, theo kinh nghiệm của tôi, không có kẻ sát nhân hàng loạt nào bị bức ép giết người đến mức hắn phải giết trước sự có mặt của một sĩ quan cảnh sát mặc cảnh phục. Nguyên nhân thứ hai mà các bồi thẩm đoàn không tin lời biện hộ vì lý do bị điên thậm chí còn mang tính cơ bản hơn. Sau khi loại bỏ hết những lý luận về pháp lý, tâm thần học và hàn lâm học, đến thời điểm cân nhắc đến số phận của một bị cáo, theo bản năng, các bồi thẩm viên nhận ra những gã này rất *nguy hiểm*. Dù những công dân chuẩn mực ở Milwaukee cảm thấy ra sao về sự minh mẫn hay thiếu minh mẫn của Jeffrey Dahmer, tôi không tin họ sẵn sàng giao tương lai của hắn (và cộng đồng của họ) cho một viện tâm thần mà họ không bảo đảm về hệ thống an ninh và khả năng giam giữ hắn. Nếu họ đưa hắn vào tù thì sự nguy hiểm của hắn có khả năng bị kiểm chế tốt hơn.

Tôi không ám chỉ rằng đa số chuyên gia tâm thần học hoặc chuyên viên sức khỏe tâm thần nóng lòng thả những tên tội phạm nguy hiểm khỏi nhà tù và đưa chúng trở lại những tình huống mà chúng có thể gây hại nhiều hơn. Điều tôi muốn nói là trong đa số trường hợp, tôi nghĩ những vị này không thấy những gì chúng tôi thấy để có thể đưa ra nhận xét với hiểu biết đầy đủ. Dù họ có nhiều

kinh nghiệm pháp y nhưng thường giới hạn trong một lĩnh vực cụ thể, đó là cái mà họ sẽ dựa vào.

Một trong những vụ án đầu tiên của tôi với tư cách chuyên viên mô tả nhân dạng là vụ giết hại một phụ nữ lớn tuổi, Anna Berliner, trong nhà bà ấy ở Oregon. Cảnh sát địa phương đã hỏi ý kiến một chuyên gia tâm lý lâm sàng về loại Đối tượng vô danh mà họ đang truy tìm. Trong số các vết thương của nạn nhân, có bốn vết thương do bút chì đâm sâu vào ngực. Vị chuyên gia tâm lý đã tiến hành thẩm vấn khoảng năm mươi gã đàn ông bị truy tố hoặc buộc tội giết người. Phần lớn những cuộc thẩm vấn này diễn ra trong tù. Dựa trên kinh nghiệm của mình, anh ta dự đoán hung thủ là một người từng ngồi tù một thời gian, có lẽ là một tên buôn ma túy, vì chỉ có trong tù, người ta mới xem một cây bút chì chuột nhọt là vũ khí giết người. Những người ở bên ngoài, anh ta lập luận, sẽ không nghĩ đến việc dùng một cây bút chì bình thường để tấn công người khác.

Khi cảnh sát liên hệ với tôi, tôi đưa ra một ý kiến trái ngược hoàn toàn. Tôi nghĩ với độ tuổi và tình trạng dễ bị tấn công của nạn nhân, sự thái quá trong hành động của hắn, thực tế đây là một tội ác diễn ra vào ban ngày, và không có thứ gì đáng giá bị lấy đi, cho thấy hắn là một tên tội phạm ở tuổi vị thành niên chưa có kinh nghiệm. Tôi không tin hắn ta cẩn thận suy tính việc sử dụng cây bút chì làm vũ khí. Nó có mặt ở đó nên hắn dùng nó thôi. Kẻ giết người cuối cùng lộ diện là một thiếu niên mười sáu tuổi chưa có kinh nghiệm, hắn đến nhà nạn nhân để xin tiền ủng hộ cho một cuộc đua đi bộ đường dài mà hắn không hề tham dự.

Đặc điểm chính của hiện trường vụ án này là tất cả bằng chứng hành vi đều cho tôi thấy tên tội phạm không tự tin. Một kẻ từng ngồi tù tấn công một bà cụ trong nhà bà ấy sẽ rất tự tin. Chỉ chọn lấy một bằng chứng duy nhất (như sợi tóc của một người Mỹ gốc Phi trong vụ án Francine Elverson) không giúp thấy được toàn bộ sự việc. Thực ra, trong vụ sát hại Anna Berliner, việc đó có thể dẫn tới hướng điều tra đi ngược với sự thật.

Câu hỏi khó nhất với bất kỳ ai trong lĩnh vực này liên quan đến việc liệu một người nào đó có, hoặc sẽ, nguy hiểm hay không. Với

các nhà tâm thần học, nghi vấn thường được đưa ra dưới dạng “một mối đe dọa cho bản thân hoặc người khác”.

Khoảng năm 1986, có người liên hệ với FBI về một cuộn phim được gửi từ Colorado đến một tiệm ảnh để rửa. Các tấm ảnh cho thấy một người đàn ông ở độ tuổi gần hoặc đầu ba mươi, mặc quần áo cải trang rằn ri, tạo dáng ở cửa sau chiếc xe địa hình của hắn với một khẩu súng trường và một con búp bê Barbie mà hắn đã hành hạ và cắt xẻo đủ kiểu. Hành động này không vi phạm điều luật nào và tôi nói gã này sẽ không có tiền sử phạm tội. Nhưng tôi cũng cảnh báo ở tuổi của hắn, ảo tưởng mà hắn đang thực hiện với con búp bê sẽ không đủ làm hắn thỏa mãn lâu. Nó sẽ tiến triển. Chỉ từ những tấm ảnh, tôi không biết điều này có tầm quan trọng thế nào trong cuộc đời hắn, nhưng làm đến mức này thì phải có ý nghĩa nào đó. Tôi nói nên quan sát và thăm vấn gã, vì đây là trường hợp sự nguy hiểm đang chờ xảy ra. Tôi không chắc liệu đa số các nhà tâm thần học có quan điểm tương tự mình hay không.

Tuy vụ này có vẻ lạ nhưng tôi đã gặp nhiều “vụ án búp bê Barbie” được gửi đến cho mình suốt những năm công tác, tất cả đều liên quan đến đàn ông trưởng thành. Có một đối tượng ở khu vực Trung Tây, đqqm kim vào từng mi-li-mét trên con búp bê và để nó trên sân của bệnh viện tâm thần ở địa phương. Thịnh thoảng chúng ta thấy chuyện như vậy ở những giáo phái thờ quỷ Satan, pháp sư hay người thích pháp thuật nhưng trong chuyện lần này không có yếu tố nào như vậy. Hắn cũng không viết tên lên con búp bê để cho thấy ai đó đang bị nhắm đến. Đây là xu hướng tàn ác nói chung, là đặc điểm của một kẻ có vấn đề thực sự với phụ nữ.

Có thể nói thêm gì về gã này? Chúng ta có thể nói có lẽ hắn đã thử nghiệm ngược đãi những động vật nhỏ và có thể thường xuyên làm việc đó. Hắn sẽ gặp khó khăn trong việc ứng xử với những người đồng trang lứa, bất kể nam nữ. Trong quá trình trưởng thành, hắn là một kẻ bắt nạt hoặc có những trò ác dâm với trẻ em nhỏ con, ít tuổi hơn. Và hắn đã hoặc sẽ sớm tiến đến giai đoạn mà việc thực hiện những ảo tưởng với con búp bê không còn đủ thỏa mãn. Quý vị có thể tranh luận về việc hắn có bị “bệnh” hay không, nhưng dù thế

nào thì tôi vẫn phải nói rằng tôi thực lòng lo lắng về sự nguy hiểm của hẩn.

Thế thì khi nào hành vi nguy hiểm như vậy xuất hiện? Gã này là một kẻ thất bại đầy tự ti. Trong tâm trí hẩn, mọi người đều muốn bắt hẩn và không ai công nhận những tài năng của hẩn. Nếu các yếu tố gây căng thẳng trong cuộc sống của hẩn trở nên quá sức chịu đựng, đó là lúc hẩn sẽ tiến thêm một bước với ảo tưởng của mình. Với một kẻ hành xác búp bê, một bước tiến không đồng nghĩa với việc nhắm vào một người cùng độ tuổi, mà là nhắm vào ai đó trẻ hơn, yếu hơn hoặc tệ hại hơn. Hẩn hèn nhát nên sẽ không nhắm vào người đồng trang lứa.

Điều đó không có nghĩa là hẩn nhất định nhắm vào trẻ em. Búp bê Barbie tượng trưng cho một phụ nữ trưởng thành, đã phát triển đầy đủ, không phải một cô bé chưa dậy thì. Dù nhân cách gã này có méo mó cỡ nào, cái hẩn muốn là sự tiếp xúc với một phụ nữ trưởng thành. Nếu hẩn cắt xẻo hay hành hạ một búp bê trẻ em, chúng ta lại có những vấn đề khác.

Nhưng gã cắm kim vào con búp bê và để nó ở bệnh viện là một kẻ bị rối loạn, hẩn sẽ không có giấy phép lái xe, hẩn sẽ nổi bật giữa đám đông vì rất kỳ quặc. Gã mặc đồ rằn ri thì nguy hiểm hơn nhiều. Hẩn có công ăn việc làm vì hẩn có tiền mua súng, xe tải, máy ảnh. Hẩn có thể đi lại và sinh sống "bình thường" trong xã hội. Giây phút mà hẩn mất kiểm soát, ai đó sẽ gặp rắc rối rất lớn. Tôi có tin là đa số các nhà tâm thần học hoặc chuyên gia chăm sóc sức khỏe sẽ nhìn ra sự khác biệt này không? Không. Họ không có kinh nghiệm hoặc định hướng cho việc đó. Họ chưa kiểm chứng được những phát hiện của mình.

Một trong những đặc điểm chính của nghiên cứu về sát nhân hàng loạt của chúng tôi là ý tưởng kiểm chứng những gì mọi người nói với chúng tôi bằng cách nghiên cứu bằng chứng hữu hình. Nếu không, nghiên cứu sẽ chỉ dựa trên việc tự báo cáo, việc đó nếu cho ra kết quả tốt nhất thì cũng không hoàn thiện, còn kết quả xấu nhất là hoàn toàn không có ý nghĩa khoa học.

Việc đánh giá sự nguy hiểm có nhiều công dụng và ứng dụng. Thứ Sáu ngày 16 tháng Tư năm 1982, các đặc vụ của Sở Mật vụ

Hoa Kỳ đến gặp tôi vì một loạt thư do cùng một người viết bắt đầu vào tháng Hai năm 1979, đe dọa tính mạng ngài Tổng thống (lá thư đầu tiên nhắm đến Jimmy Carter, những lá thư khác nhắm đến Ronald Reagan) và những chính khách khác.

Lá thư đầu tiên được gửi cho Sở Mật vụ ở New York, từ người gửi "Cô đơn và Chán nản". Lá thư dài hai trang, viết tay trên giấy sổ tay, đe dọa "bắn và giết tổng thống Carter hoặc một người nào khác có quyền lực".

Từ tháng Bảy năm 1981 đến tháng Hai năm 1982, có thêm tám lá thư. Ba lá gửi đến Sở Mật vụ ở New York, một lá gửi tới FBI ở New York, một lá gửi tới FBI ở Washington, một lá gửi tới *Nhật báo Philadelphia* và hai lá gửi thẳng đến Nhà Trắng. Tất cả đều được viết tay bởi cùng một bàn tay như "Cô đơn và Chán nản" nhưng đều được ký tên là "C.A.T." Các lá thư được gửi từ New York, Philadelphia và Washington. Chúng thể hiện ý định của C.A.T. là giết Tổng thống Reagan, người được gọi bằng nhiều cái tên như "tai họa của Chúa" và "Ác quỷ". Những chính khách khác ủng hộ Tổng thống Reagan cũng bị đe dọa. Kẻ viết thư còn nhắc đến John Hinckley, hứa sẽ thực hiện nhiệm vụ đã thất bại của hắn.

Thêm nhiều lá thư khác, với danh sách người nhận có thêm Nghị sĩ Jack Kemp và Thượng nghị sĩ Alfonse D'Amato. Đặc biệt khiến Sở Mật vụ lo lắng là việc gửi kèm ảnh chụp Thượng nghị sĩ D'Amato và Nghị sĩ Raymond McGrath của thành phố New York. Được chụp ở cự ly rất gần, những tấm ảnh cho thấy khả năng C.A.T. có thể tiếp cận đủ để thực hiện những lời đe dọa của hắn.

Cuối cùng, vào ngày 14 tháng Sáu năm 1982, lá thư thứ mười bốn được gửi cho biên tập viên của tờ *New York Post*. Lá thư tuyên bố mọi người sẽ biết hắn là ai sau khi hắn xong việc với ngài Tổng thống, người mà hắn gọi là "Ác quỷ". Hắn nói rằng không ai chịu nghe hắn, mọi người cười cợt hắn, những điều này không làm tôi ngạc nhiên.

Nhưng trong nội dung của lá thư này, hắn cũng "cho phép" tờ báo nói chuyện với hắn sau khi hắn hoàn thành nhiệm vụ mang tính lịch sử của mình. Đây là cơ hội mà chúng tôi đang tìm kiếm. C.A.T.

sẵn sàng, có lẽ là háo hức, được trò chuyện với một biên tập viên báo. Chúng tôi sẽ cho hẳn một người để trò chuyện.

Từ ngôn ngữ và cách dùng từ trong các lá thư, cũng như địa chỉ gửi và người nhận, tôi khá chắc chắn gã này ở New York. Tôi đưa ra mô tả về một gã đàn ông da trắng từ hơn hai mươi đến đầu ba mươi, người New York gốc, ở vùng ngoại ô thành phố, có lẽ sống một mình. Hẳn có trí thông minh ở mức trung bình, có bằng trung học, có thể học thêm các khóa về khoa học chính trị và văn học, có lẽ là con út hoặc con trai độc nhất trong gia đình. Tôi ngờ rằng trong quá khứ, hẳn từng nghiện ma túy và/hoặc rượu nhưng bây giờ chỉ thỉnh thoảng mới dùng. Hẳn tự coi mình là một kẻ thất bại, chưa đạt được những ước mơ mà bố mẹ hay người khác đặt ra cho hẳn, có một danh sách dài những nhiệm vụ và mục tiêu chưa hoàn thành. Trong khoảng thời gian từ đầu đến hơn hai mươi tuổi, tôi tin tâm lý hẳn bị áp lực nặng nề bởi một yếu tố gây căng thẳng không kiểm soát được, có thể liên quan đến nghĩa vụ quân sự, ly hôn, bệnh tật hoặc mất người thân.

Có nhiều suy đoán về việc "C.A.T" tượng trưng cho điều gì. Tôi bảo Sở Mật vụ đừng dành quá nhiều thời gian cho việc đó, vì nó có thể chẳng có ý nghĩa gì cả. Người ta thường có xu hướng chú ý quá nhiều vào tiểu tiết, trong khi có thể Đối tượng vô danh chỉ đơn giản là thích cái tên đó khi đọc hoặc viết nó ra mà thôi.

Vấn đề đối với Sở Mật vụ, như mọi lần, là liệu gã này có thực sự nguy hiểm không vì rất nhiều người viết thư đe dọa hoặc nói nhăng nói cuội nhưng không bao giờ thực hiện. Nhưng tôi nói với họ rằng những kẻ như tên này luôn tìm kiếm cái gì đó. Chúng gia nhập những nhóm hoặc đảng phái chính trị nhưng không tìm được cái chúng muốn. Người khác nghĩ chúng dị hóm và không xem trọng chúng nên vấn đề ngày càng nghiêm trọng theo thời gian. Chúng tập trung vào một nhiệm vụ để cuộc sống của mình có chút ý nghĩa. Đây là lần đầu hẳn cảm thấy mình có quyền kiểm soát và hẳn thích cảm giác này. Nó sẽ khiến hẳn có những hành động ngày càng liều lĩnh và thường xuyên hơn. Những kẻ liều lĩnh là những kẻ nguy hiểm.

Tôi nghĩ hẳn đã quen sử dụng vũ khí và thích tấn công cự ly gần, dù như vậy nghĩa là hẳn không thể trốn thoát. Vì nhiệm vụ của hẳn có thể mang tính tự sát nên hẳn sẽ viết nhật ký để lại cho hậu thế, để thế giới biết về câu chuyện của hẳn. Không như kẻ đầu độc bằng Tylenol, C.A.T. không muốn ỉn danh. Khi nỗi sợ cuộc sống lớn hơn nỗi sợ cái chết, hẳn sẽ tiến hành hành động bạo lực của mình. Hẳn sẽ tỏ vẻ rất bình tĩnh trước lúc hành động. Hẳn sẽ ngụy trang và trà trộn vào những người xung quanh. Hẳn sẽ nói chuyện với cảnh sát hoặc các đặc vụ của Sở Mật vụ ở gần và nhìn hẳn có vẻ bình thường, không nguy hiểm.

Ở một số khía cạnh, hẳn cùng một hạng với John Hinckley, vụ án và phiên xét xử tên này được báo chí đưa tin rầm rộ. Hẳn dường như cũng rất chú tâm đến Hinckley, mà thông tin về tên này thì chúng tôi đã biết khá nhiều. Tôi nghĩ có thể hẳn muốn nghe về phán quyết hoặc hình phạt trong vụ án và đề nghị với Sở Mật vụ là ở thời điểm đó, họ hãy đến Nhà hát Ford ở Washington, nơi Abraham Lincoln bị bắn và cũng là nơi Hinckley đến trước khi hẳn bắn Tổng thống Reagan. Tôi cũng bảo họ theo dõi khách sạn gần đó, nơi Hinckley đã thuê phòng. Nếu có ai yêu cầu căn phòng Hinckley đã từng ở, rất có thể đó là hẳn.

Theo báo cáo của khách sạn, quả thực có người yêu cầu căn phòng đó. Các đặc vụ Sở Mật vụ tấn công và gặp ngay một cặp vợ chồng già vốn đã ở căn phòng đó vào đêm tân hôn của họ, từ đó đến nay có trở lại nhiều lần nữa.

Vào tháng Tám, Sở Mật vụ nhận thêm hai lá thư ký tên "C.A.T." được gửi đến "Văn phòng Tổng thống, Washington, D.C." Cả hai lá thư này đều đóng dấu bưu điện ở Bakersfield, California. Vì rất nhiều kẻ ám sát đi khắp cả nước để theo dõi con mồi của mình nên họ thật sự lo lắng gã này đang di chuyển. Trong những lá thư này, hẳn nói, "Là một người có tư tưởng lạc quan & Cơ thể Khỏe mạnh [tôi] tự nhận lấy trách nhiệm tổ chức cho càng nhiều Công dân Hoa Kỳ càng tốt để cầm lấy vũ khí và triệt tiêu những kẻ thù từ trong lòng đất nước tôi".

Trong một đoạn thư đông dài, đầy hoang tưởng, hẳn nói về "sự hành hạ & Địa ngục" mà hẳn đã trải qua và công nhận khả năng

hắn có thể bị giết “khi cố gắng đưa những kẻ đầu sỏ ra trước Công lý”.

Tôi cẩn thận phân tích đồng thư này và kết luận là chúng tôi đang gặp một tên bắt chước. Lý do là chúng được viết bằng chữ thường thay vì chữ in hoa như những thư trước. Trong thư, Tổng thống Reagan được gọi là “Ron” thay vì “Ác quỷ” hay “Lão già”. Tôi nghĩ có khả năng người viết là phụ nữ, và tuy những tuyên bố và đe dọa này nghe có vẻ khó chịu, tôi không nghĩ người này nguy hiểm.

C.A.T. thật lại là chuyện khác. Tôi nghĩ “tactical stall” sẽ là biện pháp tốt nhất, dẫn dụ hắn vào một cuộc đối thoại đến khi có thể xác định vị trí của hắn. Chúng tôi cho một đặc vụ Sở Mật vụ giả làm biên tập viên báo và chỉ dẫn anh ta về điều bộ cũng như những gì cần nói. Tôi nhấn mạnh anh ta nên thử làm C.A.T. cởi mở hơn để có thể kể lại “toàn bộ câu chuyện” của hắn. Khi đã gây dựng được lòng tin, “biên tập viên” nên đề nghị hai bên gặp nhau nhưng hẹn gặp vào đêm muộn, ở một nơi xa, vì biên tập viên này còn lo lắng về chuyện giữ bí mật hơn cả C.A.T.

Chúng tôi đăng một tin rao vặt được viết thật cẩn thận trên tờ *New York Post*, C.A.T. trả lời tin này. Hắn bắt đầu trò chuyện thường xuyên với viên đặc vụ. Tôi nghĩ hắn sẽ gọi điện từ một cơ sở công cộng lớn nào đó như trạm tàu Grand Central hoặc Pennsylvania, có thể từ một thư viện hay bảo tàng.

Trong khoảng thời gian này, FBI nhận được một bản đánh giá khác từ Tiến sĩ Murray Miron, chuyên gia ngữ học tâm lý nổi tiếng tại Đại học Syracuse. Murray và tôi từng cộng tác trong nghiên cứu và các bài viết về việc đánh giá những lời đe dọa. Tôi nghĩ ông ấy là một trong những người giỏi nhất ở lĩnh vực này. Sau khi cuộc nói chuyện qua điện thoại bắt đầu, Murray viết một bản phân tích cho FBI, tuyên bố ông không còn xem C.A.T. là thành phần nguy hiểm nữa, nhưng thay vào đó, là một kẻ lừa đảo tìm kiếm sự nổi tiếng và đang thích thú với việc thao túng tất cả những người quan trọng này. Chắc chắn Murray nghĩ hắn phải bị bắt nhưng không xem hắn là mối nguy hại như tôi nghĩ.

Dần dần, chúng tôi đã có thể giữ hắn nói chuyện điện thoại đủ lâu để thiết lập phương án bắt sóng và theo dõi. Vào ngày 21 tháng

Mười năm 1982, một đội gồm các đặc vụ của Sở Mật vụ và FBI đã bắt được hắn trong một buồng điện thoại ở trạm tàu Pennsylvania khi hắn đang nói chuyện với “biên tập viên”. Tên hắn là Alphonse Amodio Con, một người gốc New York, hai mươi bảy tuổi, da trắng, đã học hết cấp III.

Các đặc vụ của Sở Mật vụ và FBI đến căn hộ chật hẹp, đầy gián của hắn ở Floral Park. Gia đình này dường như không êm ấm và khi bà Amodio bị thẩm vấn, những miêu tả của bà ấy về con trai khớp với bản mô tả nhân dạng.

“Nó ghét [thế giới này] lắm và cảm thấy thế giới này ghét nó”, bà ấy nói với các đặc vụ. Bà ấy còn mô tả những lần chuyển biến tâm trạng đầy bạo lực của hắn. Suốt nhiều năm, hắn cắt những câu chuyện đăng trên báo ra và tập hợp lại, có hai cái tủ đựng đầy những tập hồ sơ dán tên của nhiều chính khách.

Hồi nhỏ, hắn bị tật nói lắp nặng đến mức khiến hắn bắt đầu đi học muộn. Hắn tham gia Lục quân nhưng lại vắng mặt không phép sau đợt huấn luyện cơ bản. Ngoài vài trang nhật ký trong đó hắn tự gọi mình là một “con mèo hoang”^[57], các đặc vụ không tìm được lời giải thích hay lý lẽ nào cho cái tên C.A.T.

Amodio bị đưa vào nơi giam giữ phạm nhân tâm thần tại Bệnh viện Bellevue. Trước phiên tòa xử hắn, thẩm phán Tòa án quận David Edelstein yêu cầu bản đánh giá từ một nhân viên công tác xã hội chuyên về tâm thần học, người này phát hiện bị cáo bị bệnh nghiêm trọng về mặt cảm xúc, vì vậy là một mối nguy hiểm nghiêm trọng với ngài Tổng thống và các quan chức Chính phủ khác.

Amodio thú nhận mình là C.A.T. Các đặc vụ thẩm vấn hắn không thấy có bất cứ yếu tố chính trị nào trong tư tưởng của hắn. Hắn làm vậy chỉ để có quyền lực và sự chú ý.

Hiện hắn không còn bị giữ trong bệnh viện. Loại người này vẫn nguy hiểm chứ? Tôi không nghĩ hắn là mối đe dọa tức thời, nhưng nếu các yếu tố gây căng thẳng lại tăng lên và hắn không có cách nào ứng phó, tôi sẽ lại lo lắng.

Tôi tìm kiếm điều gì? Một trong những điểm quan trọng là giọng điệu. Nếu tôi thấy một loạt thư gửi cho một chính trị gia, ngôi sao

điện ảnh, vận động viên hay bất kỳ người nổi tiếng nào mà giọng điệu trong thư ngày càng cứng rắn và gấp gáp ("Các người không trả lời thư của tôi!"), tôi sẽ cân nhắc nghiêm túc. Duy trì sự cứng rắn ám ảnh cưỡng chế đó là việc rất mệt mỏi, cả về thể xác và tinh thần. Đến đúng thời điểm, người đó sẽ bắt đầu mất kiểm soát. Một lần nữa, quý vị có thể nói hành vi là một dạng bệnh tâm thần nhưng điều tôi quan tâm là nó có thể nguy hiểm nhường nào.

§•§

Tuy chúng tôi có thẩm vấn phụ nữ, chẳng hạn như những kẻ có ý định ám sát và những thành viên trong gia đình Manson gồm Lynette "Squeaky" Fromme và Sara Jane Moore, nhưng nghiên cứu về các tù nhân mà chúng tôi đã xuất bản chỉ nói đến đàn ông. Dù thỉnh thoảng vẫn có loại người ám sát là phụ nữ, nhưng quý vị sẽ thấy mọi vụ án giết người hàng loạt hay giết người vì tình dục mà tôi đã nói tới đều liên quan đến một tội phạm là đàn ông. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy gần như mọi tên sát nhân hàng loạt đều có quá khứ không êm ấm, bị bạo hành về tình dục hoặc thể xác, nghiện rượu hoặc ma túy, hoặc những vấn đề có liên quan khác. Phụ nữ xuất phát từ những môi trường tương tự và đặc biệt, các bé gái còn là đối tượng dễ bị bạo hành và sàm sỡ hơn bé trai. Vậy thì tại sao rất ít phụ nữ lớn lên, phạm vào những tội ác như đàn ông? Một nghi phạm sát nhân hàng loạt là nữ như Aileen Wuornos, bị cáo buộc giết nhiều đàn ông trên các con đường liên bang ở Florida, là rất hiếm nên được chú ý ngay tức thì.

Với đề tài này thì chúng tôi không có cơ sở vững chắc để nói, vì đơn giản là chưa có các nghiên cứu trả lời đầy đủ. Có thể như một số người tranh luận, rằng việc đó liên quan trực tiếp đến lượng testosterone, nếu không thì cũng dựa trên hoóc-môn hoặc chất hóa học. Điều duy nhất chúng tôi có thể nói mà có căn cứ thực nghiệm là dường như phụ nữ hóa giải các yếu tố gây căng thẳng trong nội tâm của họ. Thay vì đổ lên đầu người khác, họ thường tự trừng phạt bản thân bằng rượu, ma túy, mại dâm và tự tử. Một số người có thể

lặp lại việc bạo hành tâm lý hoặc thể chất trong gia đình họ, như mẹ của Ed Kemper có vẻ từng làm. Từ góc độ sức khỏe tâm thần, điều này rất có hại. Nhưng sự thật vẫn là phụ nữ không giết người theo kiểu đàn ông giết, và số người họ giết cũng rất ít so với tội phạm nam giới.

Vậy có thể làm gì với sự nguy hiểm này? Chúng ta có thể can thiệp trong những trường hợp tâm thần không ổn định hoặc khiếm khuyết nhân cách trước khi quá muộn không? Trong nhiều trường hợp, lực lượng thi hành luật đã trở thành tuyến đầu trong việc giữ gìn trật tự và kỷ luật thay vì gia đình. Đây là một tình huống rất nguy hiểm cho xã hội, vì đến lúc chúng tôi can thiệp, đã quá trễ để cải thiện tình hình. Điều tốt nhất chúng tôi có thể làm là ngăn chặn việc xấu xảy ra.

Nếu quý vị đề xuất trường học là câu trả lời cho vấn đề này, quý vị cũng đang yêu cầu thái quá. Nếu quý vị giao một đứa trẻ với hoàn cảnh gia đình không tốt cho những thầy cô giáo đang gánh quá nhiều trách nhiệm và hy vọng họ có thể giúp nó thay đổi trong vòng bảy giờ một ngày, kết quả có thể tốt, có thể không. Vậy mười bảy giờ còn lại trong ngày thì sao?

Mọi người thường hỏi chúng tôi rằng, qua nghiên cứu và kinh nghiệm của mình, liệu bây giờ chúng tôi có thể dự đoán đứa trẻ nào có nguy cơ trở nên nguy hiểm trong tương lai không. Câu trả lời của Roy Hazelwood là, “Được chứ. Nhưng bất kỳ giáo viên tiểu học giỏi nào cũng làm được điều đó.” Và nếu chúng ta có thể điều trị cho chúng đúng thời điểm và đủ triệt để, có thể tạo nên sự khác biệt. Một người trưởng thành đóng vai trò hình mẫu quan trọng trong những năm tháng hình thành nhân cách của trẻ thì có thể tạo ra rất nhiều khác biệt.

Bill Tafoya, đặc vụ với vai trò “người theo thuyết vị lai” của chúng tôi tại Quantico, tán thành một cam kết cung cấp tiền và nguồn lực trong vòng mười năm về tầm quan trọng của những gì chúng tôi đã đưa vào vịnh Ba Tư. Anh ta kêu gọi phục hồi trên diện rộng Dự án Head Start, một trong những chương trình phòng chống tội phạm dài hạn hiệu quả nhất trong lịch sử. Anh ta không cho rằng việc có thêm nhiều cảnh sát là câu trả lời cho vấn đề này nhưng sẽ sử dụng

“một đội quân các nhân viên công tác xã hội” để hỗ trợ những phụ nữ gặp khó khăn, gia đình có con nhỏ nhưng vô gia cư, tìm được mái ấm tốt. Anh ta sẽ hỗ trợ cho dự án này bằng các chương trình ưu đãi thuế.

Tôi không chắc đây là câu trả lời toàn diện nhưng chắc chắn là một khởi đầu quan trọng. Vì thực tế đáng buồn là các chuyên gia tâm lý có thể đấu tranh như họ muốn, còn tôi và đồng nghiệp của mình có thể dùng tâm lý học và khoa học hành vi để hỗ trợ bắt tội phạm, nhưng lúc chúng tôi có thể tham gia thì tác hại nghiêm trọng đã xảy ra rồi.

CHƯƠNG 19

Đôi khi cái ác chiến thắng

Khi thi thể của một cô gái mười sáu tuổi được phát hiện trên dòng sông Xanh ở ngoại ô Seattle vào tháng Bảy năm 1982, không ai nghĩ nhiều về việc đó. Dòng sông này, nối núi Rainier với eo biển Puget, là nơi rất phổ biến tình trạng vứt rác bừa bãi, và nạn nhân là một gái làng chơi còn trẻ. Cảnh sát không hiểu rõ tầm quan trọng của phát hiện đó cho đến cuối mùa hè năm đó - một phụ nữ khác được phát hiện đã chết trên sông vào ngày 12 tháng Tám, ba ngày sau phát hiện thêm ba thi thể khác. Độ tuổi và chủng tộc của các nạn nhân khác nhau, nhưng tất cả đều bị siết cổ. Một số người còn bị nhét vật nặng cho chìm xuống, rõ ràng là để giấu xác họ. Tất cả đều bị cởi hết quần áo và trong hai trường hợp, phát hiện những viên đá nhỏ trong âm đạo nạn nhân.

Lúc này, đặc điểm sát nhân hàng loạt của những vụ án này đã không thể chối cãi và nhắc nhở đến những vụ giết người hàng loạt gần nhất, đầy ám ảnh ở Seattle, những vụ bắt cóc và sát hại ít nhất tám phụ nữ trong vùng vào năm 1974 do một đối tượng chỉ được biết với cái tên "Ted" gây ra. Những vụ án này không phá được suốt bốn năm, đến khi một gã trai trẻ điển trai, ăn nói lưu loát tên Theodore Robert Bundy bị bắt vì một loạt vụ sát nhân dã man trong các tòa nhà hội nữ sinh ở Florida. Cho đến lúc đó, hắn đã gây án trên khắp cả nước, giết ít nhất hai mươi ba phụ nữ trẻ và mãi mãi khắc sâu trong tâm trí chúng tôi ở phương diện kẻ sát nhân rùng rợn.

Trưởng ban Richard Kraske của Ban Điều tra tội phạm quận King chịu trách nhiệm cuộc điều tra đó và muốn ứng dụng những gì anh ta đã học được nên lúc này anh ta quay sang nhờ FBI hỗ trợ đưa ra

một bản mô tả nhân dạng - tâm lý của “Kẻ sát nhân sông Xanh”. Tuy các điều tra viên trong đội đặc nhiệm thuộc nhiều địa hạt vừa hình thành chia ra hai nhóm với hai luồng ý kiến là liệu tất cả các vụ án này có liên hệ với nhau không, nhưng có một yếu tố chung rõ rệt: Tất cả nạn nhân đều là gái làng chơi, làm việc trên Đoạn đường Sea-Tac, quốc lộ Bờ biển Thái Bình Dương gần Sân bay quốc tế Seattle - Tacoma và hiện thời, có nhiều phụ nữ trẻ khác đang mất tích.

Tháng Chín, Allen Whitaker, SAC ở Seattle, đến Quantico, trình bày cho chúng tôi chi tiết về năm vụ án đầu tiên. Như mọi khi tôi muốn có thể tập trung, không bị nhân viên và các cuộc điện thoại liên tục làm phiền, tôi nhốt mình trong tầng trên cùng của thư viện, nơi tôi có thể ở một mình, nhìn ra cửa sổ (việc này lúc nào cũng là một sự đổi mới dễ chịu cho những người làm việc dưới lòng đất như chúng tôi) và đưa mình vào tâm trí của hung thủ và các nạn nhân. Tôi dành khoảng một ngày để xem qua các tài liệu - báo cáo và ảnh chụp hiện trường, kết quả khám nghiệm tử thi, bản mô tả về các nạn nhân. Bất chấp sự khác biệt về độ tuổi, chủng tộc và cách thức gây án, những điểm giống nhau đủ rõ ràng để cho thấy tất cả các vụ giết người đều do một đối tượng gây ra.

Tôi đưa ra một bản mô tả nhân dạng chi tiết về một người đàn ông da trắng, thể chất khỏe mạnh, tự ti, không có việc làm, thoải mái thư thái khi ở trên sông và không hề hối hận về những gì hắn đang làm. Ngược lại, hắn là kẻ mang trong mình một nhiệm vụ, có những trải nghiệm đáng xấu hổ với phụ nữ và bây giờ ra tay trừng phạt càng nhiều càng tốt những phụ nữ mà hắn xem là thấp kém nhất. Không giống Ed Kemper, gã này không thông minh. Đây là những tội ác thô thiển, có nguy cơ cao. Điểm quan trọng là tập trung sử dụng các kỹ thuật chủ động có thể lừa cho Đối tượng liên hệ với cảnh sát theo phương thức nào đó. Whitaker mang theo bản mô tả nhân dạng khi rời khỏi Quantico.

Sau đó, cũng trong tháng Chín, thi thể đã phân hủy nặng của một phụ nữ trẻ khác được phát hiện ở khu vực các căn nhà sắp sập gần sân bay. Cô ấy khóa thân, một đôi vớ nam màu đen buộc quanh cổ. Chuyên viên pháp lý ước lượng thời gian cô ấy bị giết cũng trùng

với những nạn nhân khác trên sông. Có lẽ kẻ sát nhân đã thay đổi cách thức gây án sau khi nghe tin về việc giám sát trên sông.

Như được viết trong *Cuộc truy tìm Kẻ sát nhân sông Xanh*, một báo cáo thông qua nghiên cứu tỉ mỉ của Carlton Smith và Tomas Guillen, nghi phạm đáng nghi nhất là một tài xế taxi bốn mươi bốn tuổi khớp với bản mô tả ở gần như mọi điểm. Hắn chen vào cuộc điều tra từ sớm, gọi cảnh sát để nói cho họ những mưu mẹo giúp tìm hung thủ và khuyên họ nên tìm những tài xế taxi khác. Hắn dành nhiều thời gian với các cô gái bán hoa và người vô gia cư trên đoạn đường Sea-Tac, là một kẻ sống về đêm, lái xe lòng vòng, hút thuốc, uống rượu như bản mô tả nhận định ở Đối tượng vô danh và bày tỏ sự quan tâm tới an toàn của các cô gái bán hoa. Hắn trải qua năm cuộc hôn nhân thất bại, lớn lên gần dòng sông, sống với người bố góa vợ, lái một chiếc xe cũ, lười thời, không được bảo dưỡng tốt, và theo dõi chặt chẽ tin tức về vụ án.

Cảnh sát định ngày thẩm vấn hắn vào tháng Chín và gọi tôi để tư vấn về chiến thuật thương thuyết. Lúc đó tôi đang di chuyển với tốc độ chóng mặt, với những chuyến đi khắp đất nước hầu như mỗi tuần, cố gắng giải quyết các vụ án của mình. Khi cảnh sát gọi, tôi không có ở văn phòng. Họ trao đổi với Roger Depue, trưởng đơn vị, và ông ấy bảo tôi sẽ trở về sau vài ngày, đề nghị họ khoan thẩm vấn trước khi có cơ hội nói chuyện với tôi. cho đến lúc đó, đối tượng đang hợp tác và không có ý định rời khỏi khu vực sinh sống.

Nhưng cảnh sát vẫn tiến hành, cuộc thẩm vấn kéo dài cả ngày và trở thành một cuộc đối đầu. Từ góc nhìn sau khi đã biết rõ mọi diễn biến, cuộc thẩm vấn vốn có thể diễn ra theo cách khác. Kết quả kiểm tra phát hiện nói dối rất mơ hồ và dù cảnh sát tiến hành giám sát hắn công khai đồng thời tiếp tục thu thập bằng chứng trực tiếp nhưng họ không bao giờ có thể truy tố hắn.

Không trực tiếp tham gia vào giai đoạn điều tra đó, tôi không thể nói liệu người này có phải là một nghi phạm đáng nghi không. Nhưng việc thiếu phối hợp và tập trung đã gây cản trở lớn đến cuộc điều tra trong những giai đoạn đầu, thời điểm mà một đối tượng dễ bị bắt nhất. Hắn lo lắng, hắn không biết trông đợi điều gì, "yếu tố gây sợ hãi" đang ở đỉnh cao nhất. Khi thời gian qua đi và Đối tượng

nhận ra hắn đang thoát tội, hắn sẽ thư giãn hơn. Hắn bình tĩnh lại, tinh chỉnh cách thức gây án của mình.

Ở thời điểm khởi đầu của vụ án này, cảnh sát địa phương thậm chí còn không có máy tính. Và khi cuộc điều tra tiến triển, với tốc độ xử lý các manh mối của họ, sẽ mất đến năm mươi năm để gõ đúng những gì họ có. Nếu một cuộc điều tra tương tự vụ Sông Xanh được tiến hành ở thời điểm hiện nay, tôi hy vọng và tin tưởng việc tổ chức ban đầu sẽ có hiệu quả và chiến thuật sẽ được xác định rõ ràng hơn. Nhưng, nhiệm vụ sẽ nặng nề. Những cô gái làng chơi này sống lang bạt. Nhiều lúc, khi một người bạn trai hoặc một tên dẫn gái báo có người mất tích, cô ấy cố tình biến mất hoặc đơn giản là chuyển sang một khu vực khác phía trên hoặc dưới, dọc theo bờ biển. Nhiều người dùng biệt danh khiến cho việc xác định danh tính những thi thể và theo dõi các vụ án không khác gì một cơn ác mộng. Hồ sơ y tế và nha khoa cũng vì thế mà khó xác định và chứng nhận là đúng. Mỗi quan hệ và sự hợp tác giữa cảnh sát và cộng đồng gái mại dâm vốn rất mong manh.

Tháng Năm năm 1983, một cô gái làng chơi trẻ được phát hiện với đầy đủ quần áo trên người, trong một tình huống được sắp đặt cẩn thận: một con cá đặt ngang cổ họng, một con khác đặt trên ngực trái và một chai rượu đặt giữa hai chân. Cô ấy bị siết cổ bằng một sợi dây mỏng hoặc thừng. Cảnh sát quy cái chết của cô ấy cho Kẻ sát nhân sông Xanh. Tôi nghĩ nạn nhân cuối cùng được tìm thấy trên mặt đất có mối liên hệ với hắn nhưng người này thì tôi lại cho là nạn nhân của một vụ giết người vì lý do cá nhân. Đây không phải một nạn nhân ngẫu nhiên. Có quá nhiều sự tức giận trong vụ này. Kẻ sát nhân biết nạn nhân này rất rõ.

Gần cuối năm 1983, số lượng thi thể đã lên đến mười hai, với bảy người khác được báo mất tích. Đội đặc nhiệm đề nghị tôi đến và cho họ lời khuyên trực tiếp. Như đã nói, lúc này tôi đang cố gắng xử lý nhiều giai đoạn của vụ án Wayne Williams ở Atlanta, Kẻ sát nhân bằng súng 22 ly ở Buffalo, Kẻ sát nhân đường mòn trên núi ở San Francisco, vụ Robert Hansen ở Anchorage, một kẻ phóng hỏa hàng loạt chống đối người Semit ở Hartford và hơn một trăm vụ án đang điều tra khác. Cách duy nhất tôi có thể làm kịp tiến độ là ép bản

thân phải mơ về chúng vào buổi tối. Tôi biết tôi đang tự bào mòn sức lực. Tôi chỉ không biết nó cạn kiệt đến mức nào và nhanh chóng ra sao. Khi Đội đặc nhiệm Sông Xanh nói họ cần tôi, tôi biết tôi cũng phải chèn thêm vụ án đó vào danh sách của mình.

Tôi tin bản mô tả của tôi sẽ khớp với kẻ sát nhân, nhưng tôi cũng biết nó sẽ khớp với nhiều người, và hơn một người trong số này có thể đang gây án. Việc này càng kéo dài, khả năng có thêm nhiều kẻ giết người tham gia càng lớn, có thể là bắt chước hoặc đơn giản vì phạm vi và các nạn nhân. Đoạn đường SeaTac là nơi lý tưởng cho một kẻ giết người tìm nạn nhân. Nếu ai đó có mong muốn giết người, đó là nơi hãn đến. Nơi đó lúc nào cũng có gái mại dâm, và vì nhiều người qua lại trên hành lang Bờ Tây từ Vancouver xuống đến tận San Diego nên khi một cô gái biến mất, thường không ai nhớ đến.

Tôi nghĩ kỹ thuật chủ động quan trọng hơn bao giờ hết. Có thể là tổ chức các cuộc họp lớn nói về các vụ sát nhân này ở một số ngôi trường vùng nông thôn, sau đó phát giấy đăng ký và ghi lại biển số xe của những người tham dự, cho truyền thông đưa tin về một điều tra viên được xem là "siêu cảnh sát" nhằm dụ tên giết người liên lạc với anh ta, kể những câu chuyện về người phụ nữ mang thai để khơi gợi lòng hối hận và những lần đến thăm lại của hãn, giám sát những địa điểm vớt xác chưa được công khai, sử dụng các cảnh sát làm chim mồi, cùng nhiều biện pháp khác.

Tôi đưa Blaine McIlwain và Ron Walker, hai chuyên viên mô tả nhân dạng mới, đi cùng trong chuyến đi đến Seattle vào tháng Mười hai, đoán rằng đây sẽ là vụ án thích hợp để họ thu thập kinh nghiệm làm việc trực tiếp. Thật may là tôi đã làm điều đó, cứ như Chúa hay một thế lực nào đó đã định trước việc này. Họ đã cứu mạng tôi. Khi họ phá cánh cửa bị khóa chốt, bấm ổ khóa và chặn bằng dây xích vào phòng khách sạn của tôi, thấy tôi trong tình trạng bất tỉnh và co giật trên sàn, tôi đã gần chết do cơn sốt đang thiêu đốt não mình.

Thời điểm tôi hồi phục và trở lại làm việc vào tháng Năm năm 1984, Kẻ sát nhân sông Xanh vẫn chưa bị bắt và nằm ngoài vòng pháp luật khi tôi viết những dòng này hơn một thập kỷ sau đó. Tôi tiếp tục làm cố vấn cho đội đặc nhiệm, lúc này đã trở thành một

trong những cuộc truy tìm tội phạm lớn nhất lịch sử Hoa Kỳ. Cuộc điều tra kéo dài càng lâu, số lượng thi thể tiếp tục tăng, tôi ngày càng tin rằng có nhiều kẻ sát nhân đang gây án, tất cả đều có một vài đặc điểm tương tự nhau nhưng mỗi tên hành động riêng lẻ. Cảnh sát ở Spokane và Portland mang đến cho tôi nhiều vụ án gái bán dâm bị giết và mất tích, nhưng tôi không thấy có mối liên hệ rõ ràng với những vụ sát nhân quanh khu vực Seattle. Cảnh sát San Diego nghĩ một nhóm nạn nhân khác ở thành phố này có thể có quan hệ. Tổng hợp lại, Đội đặc nhiệm Sông Xanh đang điều tra hơn năm mươi cái chết. Hơn 1.200 nghi phạm đã giảm xuống còn khoảng 80 người. Số người này rất đa dạng, từ bạn trai và những tên dốt mỗi của các cô gái đã chết đến một người nào đó ở Portland mà một cô gái làng chơi đã thoát khỏi hắn sau khi bị đe dọa hành hạ rồi một người đánh bắt động vật ở Seattle. Đôi khi, nhiều thành viên trong lực lượng cảnh sát cũng bị xem là nghi phạm. Nhưng không ai trong số này đủ để kết án. Bây giờ, tôi tin rằng có ít nhất ba tên sát nhân hoặc hơn.

Bước tiến chủ động chính cuối cùng diễn ra vào tháng Mười hai năm 1988, với một chương trình truyền hình trực tiếp dài hai tiếng được phát sóng toàn quốc. Với tên gọi *Truy tìm thủ phạm trực tiếp*, do ngôi sao phim truyền hình *Dallas* -Patrick Duffy làm MC, chương trình cung cấp thông tin về việc tìm kiếm (những) kẻ sát nhân và nhiều số điện thoại miễn phí để người xem cung cấp đầu mối. Tôi bay đến Seattle để tham gia chương trình và huấn luyện các sĩ quan cảnh sát về cách sàng lọc các cuộc gọi cũng như nhanh chóng đưa ra những câu hỏi phù hợp.

Trong tuần lễ sau buổi phát sóng, công ty điện thoại ước lượng có hơn 100.000 cuộc gọi đến nhưng chỉ có chưa đến 10.000 được nối máy. Sau ba tuần, không còn đủ nguồn tài chính hoặc người tình nguyện để tiếp tục vận hành các đường dây nóng ngăn chặn tội phạm. Cuối cùng vụ án tượng trưng cho nhiều khía cạnh khác của sông Xanh - nhiều người tận tụy hết mình nhưng cuối cùng, mọi nỗ lực đều không đủ và quá trễ.

Suốt nhiều năm, Gregg McCrary ghim một bức biếm họa trên tấm bảng thông tin trong văn phòng mình. Trên đó vẽ một con rồng

phun lửa đang đứng nhìn xuống một hiệp sĩ đang phủ phục trước nó. Lời chú thích rất đơn giản, “Đôi khi con rồng chiến thắng”.

Đây là một thực tế mà không ai trong chúng tôi có thể tránh khỏi. Chúng tôi không bắt được tất cả tội phạm và vì những kẻ chúng tôi bắt được đã giết, cưỡng hiếp, hành hạ, đánh bom, thiêu hoặc gây thương tích cho nhiều người nên không ai trong số chúng bị bắt đủ sớm. Hiện nay, điều đó đúng, như nó đã đúng từ hơn 100 năm trước, khi Jack Đồ tể trở thành kẻ sát nhân hàng loạt đầu tiên ám ảnh tâm trí mọi người.

Trở trêu ở chỗ, tuy chương trình *Truy tìm tội phạm* không phá giải được những vụ sát nhân sông Xanh nhưng cũng trong năm đó, tôi xuất hiện trên một chương trình truyền hình quốc gia khác, tại đó tôi đã thông qua kỹ thuật mô tả nhân dạng để xác định danh tính khả dĩ của kẻ sát nhân hàng loạt khét tiếng nhất đó. Chương trình được canh thời gian trùng với ngày tưởng niệm 100 năm các vụ giết người ở Whitechapel của Jack Đồ tể, nghĩa là bản mô tả nhân dạng của tôi trở đến một thế kỷ nên cũng không giúp ích gì.

Những vụ giết hại dã man các cô gái làng chơi diễn ra trên những con đường và ngõ hẻm soi sáng bằng đèn khí đốt ở khu East End xô bồ, đông đúc của thành phố Luân Đôn thời Victoria từ ngày 31 tháng Tám đến ngày 9 tháng Mười một năm 1888. Trong khoảng thời gian đó, bản chất xấu xa tàn bạo của những vụ giết người và hành động phân xác nạn nhân sau đó ngày càng tăng. Sáng sớm ngày 30 tháng Chín, hắn giết hai phụ nữ trong vòng một hoặc hai giờ đồng hồ, sự việc chưa từng thấy lúc bấy giờ. Cảnh sát nhận được nhiều lá thư thách thức được đăng tải trên các tờ báo và các vụ án trở thành một sự kiện truyền thông lớn. Tên Đồ tể không bị bắt, bất chấp nỗ lực của Sở Cảnh sát Scotland Yard, và danh tính của hắn vẫn là chủ đề suy đoán sôi nổi đến tận ngày nay. Giống như danh tính “thật sự” của William Shakespeare, việc lựa chọn các nghi phạm thường cho thấy bản tính của người suy đoán hơn là chính bí ẩn đó.

Trong số những kẻ tình nghi thú vị nhất suốt nhiều năm qua, có Hoàng tử Albert Victor, Công tước xứ Clarence, cháu trai cả của Nữ hoàng Victoria và, đứng sau cha mình, Edward, Hoàng tử xứ Wales

(người trở thành vua Edward VII sau khi Nữ hoàng Victoria tạ thế năm 1901), người tiếp theo trong danh sách kế vị ngai vàng. Vị Công tước xứ Clarence vốn dĩ đã qua đời trong đợt dịch cúm lớn năm 1892, nhưng nhiều nhà lý luận về tên Đồ tể cho rằng ngài ấy chết do bệnh giang mai hoặc bị một bác sĩ hoàng gia đầu độc để xóa đi vết nhơ của hoàng thất. Đây chắc chắn là một khả năng thú vị.

Những ứng cử viên sáng giá khác gồm có Montague John Druitt, một giáo viên ở một ngôi trường nam sinh, khớp với mô tả của những nhân chứng tận mắt thấy; bác sĩ William Gull, trưởng nhóm bác sĩ hoàng gia; Aaron Kosminski, một di dân Ba Lan nghèo, đã nhiều lần ra vào các bệnh viện tâm thần của khu vực và Tiến sĩ Roslyn D'Onstan, một nhà báo học đòi ma thuật hắc ám.

Việc các vụ giết người của tên Đồ tể chấm dứt đột ngột cũng có nhiều giả thiết, dẫn đến suy luận rằng có thể hắn đã tự sát, Công tước xứ Clarence được cử tham gia một chuyến đi của hoàng gia hoặc một trong các nghi phạm khác có lẽ đã chết. Khi xem xét lại với kiến thức của chúng tôi hiện nay, tôi thấy có khả năng hắn đã bị bắt vì một tội nào đó nhẹ hơn giống như nhiều tội phạm khác, đó là lý do việc giết người dừng lại. Một vấn đề khác là bản thân việc "giết người". Một trong các lý do để dồn sự chú ý vào một người được đào tạo về y khoa là mức độ phân xác các nạn nhân về sau.

Mục đích của chương trình *Danh tính bí mật của Jack Đồ tể*, được phát sóng toàn quốc vào tháng Mười năm 1988, là trình bày hết những bằng chứng đã thu thập được, sau đó để các chuyên gia từ nhiều lĩnh vực khác nhau trình bày phân tích của mình về danh tính thực sự của Jack, phá giải câu đố kéo dài cả thế kỷ này "một lần và mãi mãi". Roy Hazelwood và tôi được mời tham gia chương trình, FBI nghĩ đây là cơ hội tốt để giới thiệu công việc của chúng tôi mà không cản trở cuộc điều tra hoặc phiên tòa nào đang diễn ra. Chương trình trực tiếp dài hai tiếng này do diễn viên, tác giả, đạo diễn người Anh Peter Ustinov chủ trì, một người rất hứng thú với bí ẩn này khi sự việc dần hé lộ.

Bất kỳ hoạt động nào thuộc loại này đều có chung những quy tắc và giới hạn như một cuộc điều tra hiện thời, đó là kết luận của

chúng tôi chỉ tương đương những bằng chứng và dữ liệu mà chúng tôi có. Một trăm năm trước, việc điều tra pháp y còn rất sơ khai theo các tiêu chuẩn hiện nay. Nhưng dựa trên những gì mình biết về chuỗi vụ án sát nhân của tên Đồ tể, tôi nghĩ nếu vụ án như vậy được giao cho chúng tôi ngày nay thì sẽ rất dễ phá giải nên chúng tôi phải đánh cược thôi. Khi quý vị làm công việc mà chúng tôi đang làm, cũng có chút hay ho và thư giãn khi hậu quả duy nhất nếu sai là biến mình thành một thằng ngốc trên sóng truyền hình quốc gia thay vì khiến một nạn nhân khác bị giết.

Trước khi chương trình phát sóng, tôi đã đưa ra một bản mô tả như vẫn làm trong một vụ án thời nay, với đầu đề cùng một phong cách:

ĐỐI TƯỢNG VÔ DANH; CÒN GỌI LÀ JACK ĐỒ TỂ

CHUỖI VỤ ÁN SÁT NHÂN

LUÂN ĐÔN, ANH

1888

NCAVC - ÁN GIẾT NGƯỜI (PHÂN TÍCH ĐIỀU TRA TỘI PHẠM)

Dòng cuối cùng, NCAVC, là để chỉ Trung tâm Quốc gia Phân tích tội phạm bạo lực^[58], chương trình tổng quát được thành lập tại Quantico năm 1985 bao gồm Đơn vị Khoa học hành vi và Đơn vị Hỗ trợ điều tra, VICAP - cơ sở dữ liệu máy tính Chương trình Bắt giữ tội phạm bạo lực^[59] - cùng những nhóm và đơn vị phản ứng nhanh khác.

Như trong một buổi cố vấn thực, khi tôi đã đưa ra bản mô tả nhân dạng, chúng tôi được cung cấp thông tin về các nghi phạm. Dù từ quan điểm thích sự kịch tính thì Công tước xứ Clarence có vẻ là một đối tượng hấp dẫn, nhưng sau khi phân tích hết các bằng chứng có được, Roy và tôi đều kết luận Aaron Kosminski là ứng cử viên tiềm năng nhất.

Như trong vụ án Đồ tể Yorkshire chín mươi năm sau, chúng tôi tin những lá thư thách thức gửi đến cảnh sát là do một kẻ bắt chước viết, không phải Jack “thực thụ”. Kẻ gây ra những tội ác này không

phải loại người đưa ra thử thách công khai cho cảnh sát. Việc phân xác nạn nhân cho thấy hắn bị rối loạn tâm thần, tự ti về vấn đề tình dục, với sự phẫn nộ tột cùng dành cho phụ nữ. Kiểu tấn công chớp nhoáng trong mỗi vụ cũng cho thấy hắn tự ti về bản thân và trước xã hội. Đây không phải người nói chuyện lưu loát. Hiện trường vật lý của tội ác cũng cho thấy hắn có thể hòa vào đám đông xung quanh, không khiến các cô gái bán hoa hoài nghi hay sợ hãi. Hắn là kẻ đơn độc lặng lẽ, không phải một tên đồ tể vai u thịt bắp, rình mò trên các con phố hăng đêm và trở lại những nơi hắn từng gây án. Chắc chắn cảnh sát đã thẩm vấn hắn trong quá trình điều tra. Trong số các nghi phạm mà chúng tôi được biết, Kosminski khớp với bản mô tả hơn bất kỳ người nào khác. Còn về kiến thức y khoa cần thiết để mổ và phân xác sau khi giết hại, đây chỉ là xẻ thịt cơ bản mà thôi. Và từ lâu chúng tôi đã nghiệm ra những kẻ sát nhân hàng loạt không cần gì ngoài ý chí để thực hiện bất cứ hành động tàn bạo nào với một thi thể. Ed Gein, Ed Kemper, Jeffrey Dahmer, Richard Marquette - vài tên trong số rất nhiều tên - không hề gặp trở ngại dù không được đào tạo về y khoa.

Sau khi đưa ra phân tích này, bây giờ tôi phải thay đổi tuyên bố ban đầu một cách dè dặt rằng từ quan điểm cá nhân một trăm năm sau, tôi không thể bảo đảm Aaron Kosminski chính là tên Đồ tể. Hắn chỉ là một trong những người chúng tôi được biết mà thôi. Nhưng tôi có thể tự tin tuyên bố Jack Đồ tể là một kẻ giống Kosminski. Nếu việc phân tích điều tra tội phạm này diễn ra vào thời nay, thông tin của chúng tôi sẽ giúp cảnh sát và Scotland Yard thu hẹp tầm ngắm và tìm ra nhân dạng của Đối tượng vô danh. Đó là lý do tôi nói với tiêu chuẩn hiện đại, vụ án này rất dễ phá giải.

§•§

Trong một số vụ án, phương pháp của chúng tôi chỉ ra một loại nghi phạm, nhưng không thể thu thập đủ bằng chứng để bắt giữ và truy tố. Một ví dụ là "Kẻ sát nhân BTK" ở Wichita, Kansas vào giữa thập niên 1970.

Vụ án bắt đầu vào ngày 15 tháng Một năm 1974, với vụ giết hại gia đình Otero. Joseph Otero ba mươi tám tuổi và vợ, Julie, bị trói và siết cổ bằng sợi dây kéo rèm cửa. Con trai chín tuổi của họ, Joseph con, được tìm thấy ở phòng ngủ trong tình trạng bị trói, một cái túi ni lông trùm lên đầu. Josephine mười một tuổi bị treo cổ lên một cái ống trên trần tầng hầm, chỉ mặc một cái áo ni và mang đôi vớ. Tất cả bằng chứng đều cho thấy đây không phải hành động bộc phát. Các dây điện thoại đều bị cắt và sợi dây để siết cổ được hung thủ mang đến hiện trường.

Mười tháng sau, một biên tập viên của tờ báo địa phương nhận được một cuộc gọi nặc danh hướng dẫn anh ta tìm đến một cuốn sách trong thư viện công cộng. Bên trong là tờ giấy do Đối tượng vô danh để lại, nhận trách nhiệm vụ giết hại gia đình Otero, hứa sẽ có thêm nhiều vụ khác và giải thích rằng "Mật ngữ cho tôi sẽ là: Trói chúng, Hành hạ chúng, Giết chúng"^[60].

Thêm một số phụ nữ trẻ bị giết hại trong ba năm kế tiếp, sau đó một lá thư được gửi tới một đài truyền hình địa phương, cho thấy nhiều điều về tâm trí của Đối tượng vô danh này, kẻ đã cẩn thận tự đặt một biệt danh cho mình: "Tôi phải giết bao nhiêu người nữa thì tên tôi mới được lên báo hoặc được cả nước chú ý?"

Trong một lá thư được công bố của hắn, hắn so sánh việc mình làm với Jack Đồ tể, Con trai của Sam và Kẻ sát nhân trên đồi - toàn những kẻ vốn thất bại vô danh bỗng trở nên nổi tiếng trên truyền thông vì tội ác của mình. Hắn quy kết hành động của mình cho một "con quỷ" và "yếu tố X", dẫn đến những suy đoán mang tính tâm lý học mở rộng trên báo chí về con người hắn. Nhưng hắn cũng gửi hình vẽ phụ nữ khóa thân trong nhiều tư thế bị trói, cưỡng hiếp và hành hạ. Những bức vẽ kinh tởm này không được công bố, nhưng chúng cho tôi một ý niệm rõ ràng về loại người mà chúng tôi đang truy tìm. Từ đó, vấn đề chỉ còn là thu hẹp danh sách nghi phạm.

Cũng như những tội ác của vị anh hùng Jack Đồ tể của hắn, những vụ giết người của BTK chấm dứt đột ngột. Nhưng trong vụ này, tôi tin cảnh sát đã thẩm vấn hắn, hắn biết họ đang thu hẹp khoảng cách đến chỗ hắn và hắn đủ thông minh, tinh tế để ngừng

lại trước khi cảnh sát thu thập đủ bằng chứng. Tôi hy vọng ít nhất chúng tôi đã vô hiệu hóa hắc, nhưng đôi khi cái ác lại chiến thắng.

Đôi khi cái ác cũng chiến thắng trong cuộc sống của chúng ta. Khi một kẻ sát nhân giết một người, hắc đưa rất nhiều nạn nhân theo cùng người đó. Tôi không phải người duy nhất trong đơn vị mất việc vì những vấn đề liên quan đến căng thẳng; con số này rất lớn. Và ví dụ về các vấn đề trong gia đình cũng như sự bất hòa trong hôn nhân quá nhiều, khiến chúng ta không thể không lo lắng.

Năm 1993, cuộc hôn nhân của tôi và Pam chấm dứt sau hai mươi hai năm. Vợ chồng tôi có quan điểm khác nhau về chuyện xảy ra giữa đôi bên nhưng có một số điều không thể chối cãi. Tôi đi xa quá thường xuyên trong lúc con gái chúng tôi, Erika và Lauren, lớn lên. Khi ở nhà, tôi cũng quá chú tâm đến công việc khiến Pam thường xuyên cảm thấy mình là bà mẹ đơn thân. Cô ấy phải quán xuyến nhà cửa, chi trả các hóa đơn, đưa bọn trẻ đi học, họp với giáo viên, kèm các con làm bài tập, trong khi vẫn duy trì sự nghiệp dạy học của mình. Đến khi con trai chúng tôi là Jed ra đời vào tháng Một năm 1987, đã có thêm nhiều chuyên viên mô tả nhân dạng khác làm việc cùng tôi và tôi không còn đi xa nhiều như trước. Nhưng phải thừa nhận tôi có ba đứa con thông minh, tình cảm, đáng yêu, tuyệt vời mà tôi lại không thực sự hiểu về các con cho đến trước khi tôi nghỉ hưu không lâu. Tôi dành rất nhiều thời gian tìm hiểu về những đứa trẻ đã chết thay vì những đứa con tuyệt vời đang sống gần mình.

Nhiều lần Pam đến gặp tôi vì một vấn đề nhỏ rất điển hình của một đứa trong bọn trẻ, chẳng hạn như đứt tay hay trầy da vì ngã xe đạp. Với sự căng thẳng và áp lực, chúng tôi đều nhớ tôi thường nổi óa, tả lại những thi thể bị phân thây xẻ thịt của lũ trẻ cùng tuổi mà tôi đã thấy và rằng cô ấy không nghĩ chuyện ngã xe đạp là hết sức bình thường, không đáng phải xoắn xuýt lên sao?

Chúng ta không bao giờ có thể hoàn toàn quen với những chuyện rùng rợn nhưng nhận ra mình đang dần miễn nhiễm với những thứ không được coi là rùng rợn. Có lần, tôi đang ăn tối với các con trong lúc Pam đang mở một thùng đồ trong nhà bếp. Con dao trượt đi và cô ấy bị đứt tay khá nặng. Cô ấy hét lên, mấy bố

con tôi liền chạy ulla vào. Nhưng khi thấy vết thương không nguy hiểm đến tính mạng hay cánh tay cô ấy, tôi nhớ mình cảm thấy vết máu bắn trông rất thú vị và bắt đầu liên tưởng với những vết máu tôi đã thấy tại hiện trường án mạng. Tôi nói đùa vài câu, cố gắng làm giảm đi sự căng thẳng. Tôi chỉ cho cô ấy và bọn trẻ thấy là mỗi lần cô ấy di chuyển bàn tay, chúng tôi lại thấy một vết máu khác, đó là một trong những cách chúng tôi dùng để xác định chuyện gì đã xảy ra giữa một kẻ tấn công và nạn nhân của hắn. Nhưng tôi nghĩ mấy mẹ con không xem việc đó là bình thường giống như tôi.

Chúng ta cố gắng phát triển cơ chế tự vệ để đối phó với những gì mình thấy khi làm việc nhưng cuối cùng, chúng ta dễ dàng trở thành một kẻ cà chớn lãnh đạm, thờ ơ. Nếu gia đình vẫn đoàn kết và hôn nhân vững vàng, chúng ta có thể đương đầu với rất nhiều thứ trong công việc. Nhưng nếu có bất kỳ điểm yếu nào trong tổ ấm của mình, những yếu tố gây căng thẳng khác nhau có thể phóng đại mọi thứ, như những gì xảy ra với đám tội phạm mà chúng tôi truy tìm.

Dần dà, Pam và tôi đánh bạn với những người khác nhau. Tôi không thể nói chuyện về công việc của mình với bạn cô ấy nên tôi cần những người làm việc giống mình ở xung quanh. Khi chúng tôi giao thiệp với những người ngoài Cục hoặc lực lượng thi hành luật, tôi thường thấy chán ngán với những mối bận tâm trần tục mà họ đang thảo luận. Dù nghe có vẻ lạnh lùng, nhưng khi quý vị dành thời gian đi sâu vào tâm trí của những kẻ sát nhân, việc người hàng xóm để thùng rác ở đâu hay anh ta sơn hàng rào nhà mình màu gì không còn đủ hấp dẫn.

Nhưng tôi mừng là sau một giai đoạn mà cả hai chúng tôi đều cảm thấy tồi tệ, bây giờ tôi và Pam là bạn bè tốt. Bọn trẻ sống với tôi (Erika đã vào đại học), nhưng Pam và tôi dành nhiều thời gian ở bên nhau. Hiện nay chúng tôi có vai trò ngang nhau trong việc làm cha mẹ. Tôi mừng là Lauren và Jed vẫn còn nhỏ, để tôi có thể tận hưởng những năm tháng trưởng thành của các con.

Từ một vị trí đơn độc vào đầu những năm 1980, khi tôi là chuyên viên mô tả nhân dạng toàn thời gian duy nhất của FBI - được Roy Hazelwood, Bill Hagmaier và một vài người khác hỗ trợ khi thời gian biểu của họ cho phép, đơn vị hiện đã lớn mạnh và có hơn mười người. Bấy nhiêu vẫn chưa đủ để xử lý khối lượng vụ án chúng tôi được giao, nhưng có lẽ đó là quy mô lớn nhất có thể để chúng tôi duy trì mối quan hệ cá nhân với nhau và những cơ sở ở địa phương vốn đã trở thành đặc trưng trong cách thức hoạt động của chúng tôi. Nhiều cảnh sát trưởng và thanh tra nhờ đến sự giúp đỡ của đơn vị từng gặp chúng tôi trong các lớp tại Học viện Quốc gia. Cảnh sát trưởng Jim Metts liên lạc với tôi để nhờ hỗ trợ tìm kẻ sát hại Shari Smith và Debra Helmick, Đồn trưởng Lynde Johnston nhờ Gregg McCrary giúp xác định xem ai đang giết hại những cô gái làng chơi ở Rochester vì họ đều là học viên tốt nghiệp từ Học viện Quốc gia.

Đến giữa những năm 1980, Đơn vị Khoa học hành vi đã được chia thành Đơn vị Giới thiệu và Nghiên cứu về khoa học hành vi, và Đơn vị Hỗ trợ điều tra khoa học hành vi - trong đó tôi có mặt với tư cách quản lý chương trình mô tả tính cách tội phạm. Hai bộ phận chính khác bên cạnh bộ phận của tôi ở Đơn vị Hỗ trợ điều tra là VICAP, Jim Wright kế nhiệm Bob Ressler quản lý bộ phận này, và bộ phận Dịch vụ kỹ thuật. Roger Depue là trưởng bộ phận Giới thiệu và Nghiên cứu, còn Alan "Smokey" Burgess là trưởng bộ phận Hỗ trợ điều tra. (Anh ta không có quan hệ với Ann Burgess, nhưng chồng cô ấy, Allen Burgess, là đồng tác giả với chúng tôi trong cuốn sách *Cẩm nang phân loại tội phạm*. Quý vị hiểu chứ?)

Dù công việc của tôi đầy mệt mỏi và thách thức ở nhiều khía cạnh, nhưng tôi cũng xoay sở gây dựng được một sự nghiệp nổi bật và đáng hài lòng cho bản thân. May mắn là tôi đã tránh được công việc mà gần như bất kỳ ai muốn thăng tiến trong tổ chức này đều phải đảm nhận - quản trị hành chính.

Chuyện đó thay đổi vào mùa xuân năm 1990. Chúng tôi đang tiến hành một cuộc họp của đơn vị thì Smokey Burgess thông báo anh ta sẽ nghỉ hưu, không làm trưởng đơn vị nữa. Sau đó, phó trợ lý giám đốc mới, Dave Kohl, người từng là giám sát của tôi hồi ở

Milwaukee và là đồng đội trong nhóm SWAT, gọi tôi vào văn phòng anh ta và hỏi tôi có dự định gì.

Tôi nói tôi quá mệt mỏi và chán ngán với mọi thứ nên đang định nộp đơn xin một công việc văn phòng về tội phạm bạo lực ở phố trên và kết thúc sự nghiệp của mình như vậy.

“Anh không muốn thế đâu”, Kohl bảo tôi. “Anh sẽ phát điên lên ở đó cho mà xem. Anh có thể đóng góp nhiều hơn với tư cách trưởng đơn vị.”

“Tôi không nghĩ mình muốn vị trí đó”, tôi nói với anh ta. Tôi vốn đang thực hiện rất nhiều nhiệm vụ của trưởng đơn vị rồi và là bộ nhớ của cả đơn vị vì tôi đã làm ở đây từ rất lâu. Nhưng trong giai đoạn này của sự nghiệp, tôi không muốn bị mắc kẹt với công việc quản trị hành chính. Burgess là một quản lý tài ba, rất khôn khéo trong hoạt động can thiệp để những người làm việc cho anh ta có thể làm việc thật hiệu quả.

“Tôi muốn anh làm trưởng đơn vị”, Kohl tuyên bố. Anh ta là kiểu người năng nổ, quyết đoán, tích cực.

Tôi nói tôi muốn tiếp tục điều tra vụ án, đề ra chiến thuật cho các phiên xét xử, làm chứng trước tòa, và phát ngôn trước công chúng. Đó là công việc mà tôi cho rằng mình làm tốt. Kohl bảo đảm với tôi rằng tôi có thể làm được và đề cử tôi vào vị trí đó.

Hành động đầu tiên của tôi với cương vị trưởng đơn vị, như tôi đã nói rất nhiều lần, là “loại bỏ phần KH” bằng cách loại bỏ “Khoa học hành vi” trong tên gọi của đơn vị và gọi một cách đơn giản là Đơn vị Hỗ trợ điều tra. Tôi muốn truyền đạt đến các khách hàng là cảnh sát địa phương và toàn bộ FBI một thông điệp rõ ràng về xuất xứ - và nơi không phải là xuất xứ - của mình.

Với sự trợ giúp và ủng hộ xuyên suốt của Roberta Beadle, quản lý nhân sự, tôi nâng số lượng nhân viên của VICAP từ bốn lên mười sáu người. Phần còn lại của đơn vị cũng phát triển và chúng tôi nhanh chóng có được tổng quân số khoảng bốn mươi người. Để giảm một phần gánh nặng quản trị do số lượng nhân sự tăng lên, tôi lập ra một chương trình quản lý theo vùng, trong đó từng đặc vụ chịu trách nhiệm cho một vùng cụ thể của đất nước.

Tôi nghĩ tất cả họ đều xứng đáng hưởng bậc lương GS-14, nhưng tổng bộ chỉ sẵn lòng cho chúng tôi bốn đến năm vị trí như thế. Vì vậy, tôi thuyết phục họ đồng ý rằng mỗi người hoàn thành một chương trình đào tạo chuyên biệt hai năm sẽ được công nhận là chuyên gia và những đặc vụ giám sát xứng đáng với cương vị cũng như mức lương đó. Chương trình này thẩm tra toàn bộ Đơn vị Khoa học hành vi của Học viện Quốc gia - tham gia hai khóa đào tạo của Viện nghiên cứu Bệnh học cho các Lực lượng vũ trang, làm công việc liên quan đến tâm thần học và luật tại Đại học Virginia (bây giờ, Park Dietz đang giảng dạy tại đó), tham dự trường đào tạo chiến lược thương thuyết của John Reed, học về điều tra tử vong với Văn phòng Chuyên viên pháp y Baltimore, làm việc cùng các đơn vị điều tra án giết người của Sở Cảnh sát New York và viết các bản mô tả nhân dạng dưới sự hỗ trợ của một trong các quản lý vùng.

Chúng tôi cũng tham gia điều tra các vụ án quốc tế nhiều hơn trước đây. Chẳng hạn như trong năm cuối trước khi nghỉ hưu, Gregg McCrary tham gia điều tra các vụ giết người hàng loạt lớn ở Canada và Áo.

Về mặt chức năng, đơn vị hoạt động tốt. Về mặt quản trị, tôi điều hành không theo quy tắc cứng nhắc, như một khía cạnh trong tính cách của tôi vậy. Khi thấy ai đó đang kiệt sức, tôi sẽ xem lại các quy định, giảm bớt công việc của họ hoặc bảo họ nghỉ ngơi một thời gian. Sau cùng, mọi người sẽ đạt năng suất cao hơn so với khi tôi bắt họ làm theo quy định. Bạn có nhiều người giỏi làm việc cho mình và không thể thưởng tiền cho họ, bạn phải giúp họ bằng nhiều cách khác.

Tôi cũng luôn hòa thuận với nhóm nhân viên hỗ trợ và khi tôi nghỉ hưu, dường như họ cảm thấy nuối tiếc nhất. Việc này có lẽ giống như lúc tôi còn phục vụ trong Không quân. Có rất nhiều lãnh đạo trong Cục là sĩ quan quân đội (và nhiều người khác, như SAC cuối cùng của tôi, Robin Montgomery, là những anh hùng chiến tranh được tặng thưởng nhiều huân huy chương) nên họ tiếp cận mọi việc từ góc nhìn của một sĩ quan. Góc nhìn này không sai và những tổ chức lớn sẽ vận hành kém trơn tru nếu đa số quản trị viên giống như tôi. Nhưng tôi từng là binh nhì nên luôn đồng cảm với

những người làm công việc hỗ trợ. Nhờ vậy mà tôi thường nhận được sự giúp đỡ tôi cần nhiều hơn một số quản lý khác.

Rất nhiều người nghĩ về FBI theo cách họ từng nghĩ về IBM: một tổ chức quan liêu khổng lồ với những người thông thái và tài giỏi nhưng giống nhau, không có khiếu hài hước, lúc nào cũng mặc sơ mi trắng và vest tối màu. Nhưng tôi rất may mắn khi là thành viên của một nhóm nhỏ thực sự đặc biệt, mỗi người đều nổi bật theo cách riêng. Thời gian trôi qua và vai trò của khoa học hành vi trong ngành thi hành luật tiến bộ hơn, tất cả chúng tôi phát triển những đam mê đặc biệt cũng như lĩnh vực chuyên môn riêng một cách hết sức tự nhiên.

Từ những ngày đầu tiến hành nghiên cứu của chúng tôi, Bob Ressler theo đuổi nghiên cứu trong khi tôi thiên về khía cạnh hành động. Roy Hazelwood là một chuyên gia về tội phạm cưỡng hiếp và giết người vì tình dục. Ken Lanning là chuyên gia hàng đầu về tội phạm đối với trẻ em. Jim Reese bắt đầu bằng công việc mô tả nhân dạng nhưng lại có đóng góp nhiều nhất trong lĩnh vực căng thẳng và kiểm soát căng thẳng dành cho các sĩ quan cảnh sát và đặc vụ liên bang. Anh ta có bằng thạc sĩ chuyên ngành này, viết nhiều sách và được cộng đồng thi hành luật săn đón vì khả năng cố vấn của mình. Sau khi anh ta tham gia đơn vị, Jim Wright không chỉ đảm nhiệm đào tạo các chuyên viên mô tả nhân dạng mới mà còn trở thành chuyên gia hàng đầu về lĩnh vực tội phạm theo dõi, một trong những loại tội phạm liên cá nhân nghiêm trọng tăng trưởng nhanh nhất. Mỗi người chúng tôi đều tạo dựng rất nhiều mối quan hệ với các văn phòng thực địa, phòng cảnh sát, văn phòng quận trưởng và cơ sở tiểu bang trên khắp cả nước, để bất kỳ ai gọi đến nhờ giúp đỡ đều sẽ biết và tin tưởng người mà họ đang trò chuyện.

Những người mới vào đơn vị, cố gắng hòa nhập với nhóm "ngôi sao" này, đặc biệt sau khi bộ phim *Sự im lặng của bầy cừu* ra mắt và mọi người trên cả nước vô cùng hứng thú với công việc của chúng tôi, thường cảm thấy thoái chí. Nhưng chúng tôi trấn an họ rằng lý do họ được chọn là vì chúng tôi cảm thấy họ có tố chất để trở thành một thành viên toàn diện và có năng lực của đơn vị. Tất cả họ đều có kinh nghiệm điều tra phong phú và khi họ đến với chúng tôi,

chúng tôi cho họ tham gia một khóa đào tạo đầy đủ, trực tiếp trong hai năm. Thêm vào đó, sự thông minh, trực giác, cần cù, liêm chính và tự tin của họ kết hợp với khả năng lắng nghe và đánh giá quan điểm của người khác. Từ góc nhìn của tôi, một trong những điều khiến cho Học viện FBI trở thành cơ sở hàng đầu thế giới trong lĩnh vực của mình là Học viện tập hợp nhiều con người, mỗi người theo đuổi đam mê riêng và có tài năng riêng, vì một mục đích chung. Mỗi người lại khích lệ các phẩm chất này ở những người khác. Tôi hy vọng và tin tưởng rằng hệ thống mà chúng tôi xây dựng, với tinh thần trách nhiệm chung và hỗ trợ lẫn nhau trong đơn vị sẽ còn tồn tại khi những người thuộc thế hệ đầu chúng tôi về hưu.

Trong bữa tiệc tối chia tay của tôi ở Quantico vào tháng Sáu năm 1995, rất nhiều người nói những điều tốt đẹp về tôi, khiến tôi vừa cảm thấy xấu hổ vừa vô cùng cảm động. Thú thực, tôi đã chuẩn bị tinh thần sẽ bị cười cợt và đoán là các đồng nghiệp sẽ tận dụng cơ hội cuối cùng tôi còn ở văn phòng để xả hết những điều họ đã cố nén. Tôi gặp Jud Ray trong nhà vệ sinh sau buổi tiệc và anh ta tỏ rõ sự hối tiếc vì đã không nói. Nhưng một khi họ bỏ qua cơ hội của mình, và đến lượt tôi phát biểu, tôi cảm thấy không việc gì phải kiềm chế bản thân nên đã xả hết những lời nhận xét hài hước và châm biếm mà tôi chuẩn bị để đáp lại những gì họ sẽ nói. Tôi không có lời hay ý đẹp hoặc lời khuyên nghiêm túc nào để nói ra vào đêm đó; tôi chỉ hy vọng mình đã ghi dấu ấn bằng những năm tháng tôi cố gắng làm gương cho họ.

Sau khi nghỉ hưu, tôi vẫn trở lại Quantico để dạy và cố vấn, các đồng nghiệp của tôi biết tôi luôn sẵn sàng giúp họ. Tôi tiếp tục giảng dạy và diễn thuyết như trước, trình bày quan điểm của mình từ hai mươi lăm năm kinh nghiệm đào sâu vào tâm trí bọn sát nhân. Tôi đã không còn làm việc cho FBI nhưng tôi nghĩ mình sẽ không bao giờ thực sự thôi làm công việc đã được đào tạo để làm. Đáng tiếc thay, ngành của chúng tôi phát triển rất nhanh và chúng tôi không bao giờ thiếu khách hàng.

Mọi người thường hỏi tôi rằng có thể làm gì với con số thống kê tội phạm bạo lực lớn khủng khiếp ở nước ta. Tuy chắc chắn có nhiều điều thực tế có thể và nên được tiến hành, tôi tin cơ hội duy nhất để

giải quyết vấn đề tội phạm là tập hợp đủ người muốn giải quyết. Đào tạo thêm cảnh sát, xây thêm tòa án và nhà giam, phát triển kỹ thuật điều tra hiệu quả hơn thì cũng tốt, nhưng cách duy nhất giảm tỷ lệ phạm tội là tất cả chúng ta chấm dứt việc chấp nhận và cam chịu hành vi phạm tội trong gia đình mình, trong số bạn bè và người quen của mình. Đây là bài học từ những nước có tỉ lệ tội phạm thấp hơn nước ta rất nhiều. Theo tôi, chỉ có giải pháp gốc rễ này mới có hiệu quả. Tội phạm là một vấn nạn về đạo đức, chỉ có thể giải quyết ở cấp độ đạo đức.

Trong suốt những năm nghiên cứu và ứng phó với tội phạm bạo lực, tôi chưa bao giờ gặp kẻ nào xuất thân từ một môi trường mà tôi cho là tốt và một gia đình êm ấm, tương trợ lẫn nhau. Tôi tin đa số tội phạm bạo lực phải chịu trách nhiệm cho hành vi của chúng, đưa ra lựa chọn của chúng và đối diện với hậu quả từ những gì chúng làm. Bảo rằng một người không hiểu được tính nghiêm trọng của việc mình làm vì mới mười bốn mười lăm tuổi là vớ vẩn. Lên tám tuổi, Jed - con trai tôi - đã biết phân biệt đúng sai từ lâu.

Nhưng hai mươi lăm năm quan sát cũng cho tôi biết tội phạm là do hoàn cảnh "tạo thành" hơn là "bẩm sinh", nghĩa là ở đâu đó trên con đường trưởng thành, ai đó có thể mang đến ảnh hưởng tích cực thay vì ảnh hưởng tiêu cực. Vì vậy, điều tôi thực lòng tin tưởng là ngoài việc có thêm tiền, thêm cảnh sát và nhà tù, cái chúng ta cần nhất là tình thương. Đây không phải là giải quyết một vấn đề phức tạp bằng biện pháp đơn giản thái quá mà là giải quyết từ gốc rễ của vấn đề.

§•§

Không lâu trước kia, tôi được mời diễn thuyết trước chi nhánh ở New York của Hội Nhà văn trinh thám Mỹ. Buổi nói chuyện có đông người tham dự và họ đón nhận một cách nồng ấm, chân thành. Những người này, viết truyện về những vụ sát nhân và hỗn loạn để kiếm sống, thật sự thích thú lắng nghe một người đã tham gia hàng ngàn vụ án thực. Trên thực tế, kể từ sau khi Thomas Harris và *Sự im*

lặng của bầu trời nổi lên, các nhà văn, phóng viên và nhà làm phim đã đến gặp chúng tôi để lắng nghe “câu chuyện thật”.

Nhưng điều mà tôi nhanh chóng nhận ra khi kể lại các chi tiết của một số vụ án mà tôi thấy thú vị và sinh động hơn, là nhiều người trong hàng ghế khán giả đang mất dần hứng thú và rời đi. Họ cảm thấy ghê tởm khi nghe về những điều mà tôi và cộng sự nhìn thấy hằng ngày. Tôi thấy họ không thích nghe chi tiết, đồng thời, chắc hẳn họ cũng nhận ra họ không muốn viết về các vụ án đúng như những gì chúng xảy ra. Cũng phải thôi. Mỗi nhóm có đối tượng khách hàng riêng mà.

Không phải lúc nào con rồng cũng chiến thắng và chúng tôi đang làm hết sức mình để bảo đảm số lần chiến thắng của nó ngày càng ít đi. Nhưng cái xấu mà nó tượng trưng, cái xấu mà tôi đối diện suốt sự nghiệp của mình, sẽ không biến mất nên phải có ai đó nói ra sự thật. Đó là điều tôi đã và đang cố gắng làm thông qua cuốn sách này, như những gì tôi đã trải qua.

HẾT

[1] Cục Điều tra Liên bang Mỹ (FBI).

[2] Nguyên văn: *Behavioral Analysis Unit*.

[3] Báo chí đặt cho tên sát nhân biệt danh này sau khi năm nạn nhân đầu tiên được phát hiện tại sông Xanh (Green River), bang Washington.

[4] Martin Luther King Con (1929-1968): nhà hoạt động nhân quyền người Mỹ, lãnh đạo Phong trào Nhân quyền từ năm 1955 đến khi qua đời.

[5] Dịch vụ xem video trực tuyến của Mỹ, nội dung chủ yếu là phim và các chương trình truyền hình.

[6] Nguyên văn: *UNknown SUBject*.

[7] Nguyên văn: *Bind, Torture and Kill* (viết tắt là BTK).

[8] Kẻ đánh bom trường đại học và hãng hàng không.

[9] Đơn vị Hỗ trợ điều tra.

[10] Gồm Damien Echols, Jessie Misskelley Con và Jason Baldwin.

[11] Nguyên văn: *jailhouse snitch*, những tù nhân cung cấp chứng cứ chống lại phạm nhân khác để đổi lấy lợi ích nào đó cho bản thân.

[12] Nguyên văn: *Just the facts, ma'am*.

[13] Viết tắt của *Computerized Axial Tomography*, nghĩa là chụp cắt lớp trục.

[14] Nguyên văn: *victim of opportunity*, những nạn nhân mà tội phạm nhắm đến mà không có kế hoạch trước, khi hãn trông thấy cơ hội hành động và nắm bắt tức thời.

[15] Nguyên văn: *profiler*.

[16] Nguyên văn: *galvanic skin response*, sự thay đổi trong hoạt động của tuyến mồ hôi, phản ánh cường độ cảm xúc của một người.

[17] Nguyên văn: *Singularity is almost invariably a clue. The more featureless and commonplace a crime is, the more difficult it is to bring it home.*

[18] Nguyên văn: *The Murders in the Rue Morgue*.

[19] Nguyên văn: *The Woman in White*.

[20] Nguyên văn: *The Moonstone*.

[21] Thám tử Le Chevalier C. Auguste Dupin trong *Án mạng trên phố Morgue*.

[22] Một bé gái hoặc thiếu nữ dẫn đầu một ban nhạc trong các buổi diễu hành.

[23] Tên gọi khác của bang Montana.

[24] Nguyên văn: *where men are men and sheep are nervous*.

[25] Hội nam sinh ở Hoa Kỳ.

[26] *West Side story*: một vở nhạc kịch và sách của Arthur Laurents, âm nhạc của Leonard Bernstein, lời của Stephen Sondheim.

[27] Nguyên văn: *Selective Service System (SSS)*, cơ quan độc lập thuộc Chính phủ Hoa Kỳ, lưu trữ thông tin những người phải tham gia nghĩa vụ quân sự.

[28] Diễn viên và vũ công người Mỹ, nổi tiếng với vai xã hội đen trong các bộ phim tâm lý vào thập niên 1930, 1940.

[29] Nguyên văn: *Operation Bootstrap*.

[30] Một tổ chức chính trị xã hội chủ nghĩa do hai sinh viên đại học theo chủ nghĩa Marx là Bobby Seale (Chủ tịch) và Huey Newton (Bộ trưởng Quốc phòng) thành lập vào tháng Mười năm 1966 ở Oakland, California. Đảng này hoạt động từ năm 1966 đến 1982, với hoạt động chính là những cuộc tuần tra của công dân trang bị vũ khí công khai ("quan sát cảnh sát") để kiểm soát hành vi của các sĩ quan thuộc Phòng Cảnh sát Oakland và ngăn chặn hành vi bạo lực của cảnh sát trong thành phố.

[31] Nơi đặt trụ sở Quốc hội Hoa Kỳ.

[32] Vụ quân đội Mỹ thảm sát hàng trăm người Lakota - một bộ tộc người da đỏ - phân nửa trong số đó là phụ nữ và trẻ em.

[33] Nguyên văn: *Behavioral Science Unit*.

[34] Victor Mature (1913-1999): diễn viên người Mỹ.

[35] Đạo diễn, nhà sản xuất phim người Anh có ảnh hưởng trong lịch sử điện ảnh.

[36] Nguyên văn: *Temporary Duty Assignment*.

[37] Một bộ phim hành động Mỹ, nhân vật chính là một cựu thanh tra vùng Texas, cùng anh bạn người Mỹ bàn địa Tonto chiến đấu với những kẻ sống ngoài vòng pháp luật ở vùng Viễn Tây.

[38] Chính khách Đảng Dân chủ, Thống đốc thứ 45 của bang Alabama trong bốn nhiệm kỳ.

[39] Một hiện tượng xã hội diễn ra vào mùa hè năm 1967, khi có đến khoảng 100.000 người, chủ yếu là thanh thiếu niên, ăn mặc theo phong cách thời trang và hành vi ứng xử của dân hippie, hội tụ tại khu vực Haight-Ashbury của San Francisco.

[40] Nguyên văn: *National Institute of Justice*.

[41] Mặc Môn giáo (Mormon church), còn gọi là Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su, với những giáo lý như kiêng rượu bia, thuốc lá, ma túy hoặc các chất gây nghiện có hại cho sức khỏe. Tín hữu được giảng dạy không quan hệ tình dục trước hôn nhân hay ngoại tình sau khi kết hôn...

[42] Từ chỉ nữ thành viên trong một nhóm diễu hành, sử dụng đạo cụ là một cây ba-toong, hoặc trưởng nhóm trong một ban nhạc.

[43] Tên thường gọi là KKK hoặc the Klan, là một nhóm người thù ghét ở Mỹ, cho rằng người da trắng là thượng đẳng (white supremacist). Mục tiêu chính của chúng là những người Mỹ gốc Phi, người Do Thái, dân di cư, người theo phe cánh tả, người đồng tính, và gần đây là cả những người theo Công giáo. Chúng luôn mặc áo thụng trắng, đội mũ trùm che kín mặt.

[44] Thời kỳ Victoria ở Anh thuộc giai đoạn trị vì của nữ hoàng Victoria, từ năm 1837 đến năm 1901.

[45] Vận động viên bóng bầu dục chuyên nghiệp của Mỹ.

[46] Cựu Đệ nhất phu nhân Hoa Kỳ, vợ của Tổng thống John F. Kennedy, được xem là biểu tượng phong cách và văn hóa của quốc tế.

[47] Những cảnh sát hư cấu, vô năng, hài hước, trong bộ phim hài châm biếm do Mack Sennett sản xuất cho Hãng phim Keystone của ông từ năm 1912 đến năm 1917.

[48] *Car 54, Where Are You?:* bộ phim hài của Mỹ được phát trên đài NBC về hai cảnh sát ở thành phố New York được phân cho chiếc xe tuần tra số 54.

[49] Người Mỹ viết tháng trước, ngày sau. Ví dụ, June 1 (ngày 1 tháng sáu) thay vì 1 June.

[50] Feet, yard là hai đơn vị trong hệ đo lường Imperial được sử dụng ở Mỹ.

[51] Susan Leigh Smith (1971): một phạm nhân người Mỹ bị kết án chung thân vì giết hai con trai nhỏ của mình, một đứa ba tuổi, một đứa mười bốn tháng tuổi. Cô ta đã cố tình để xe hơi của mình, với hai đứa con nhỏ trên xe, chạy xuống hồ. Trước khi thú tội, cô ta tuyên bố một người đàn ông da màu đã cướp xe của cô ta trên một đoạn đường vắng.

[52] Nguyên văn: *Signal Analysis Unit*.

[53] Nguyên văn: *irresistible impulse test*.

[54] Nguyên văn: *American Law Institute Model Penal Code Test*.

[55] Nguyên văn: *Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders*.

[56] Nguyên văn: *Crime Classification Manual*.

[57] Nguyên văn: *alley cat*.

[58] Nguyên văn: *National Center for the Analysis of Violent Crime*.

[59] Nguyên văn: *Violent Criminal Apprehension Program*.

[60] Nguyên văn: *Bind them, Torture them, Kill them*.

Table of Contents

Start

Lời tác giả

HAI MƯƠI NĂM SAU John E. Douglas và Mark Olshaker

DẪN NHẬP Chắc hẳn tôi đang ở địa ngục

CHƯƠNG 1 Trong tâm trí của kẻ giết người

CHƯƠNG 2 Họ của mẹ tôi là Holmes

CHƯƠNG 3 Đặt cược vào những hạt mưa

CHƯƠNG 4 Giữa hai thế giới

CHƯƠNG 5 Khoa học hành vi hay KH?

CHƯƠNG 6 Hành trình đào tạo

CHƯƠNG 7 Trái tim của bóng tối

CHƯƠNG 8 Kẻ sát nhân bị tật nói lắp

CHƯƠNG 9 Đặt mình vào vị trí hung thủ

CHƯƠNG 10 Ai cũng có điểm yếu

CHƯƠNG 11 Thành phố Atlanta

CHƯƠNG 12 Người của chúng tôi

CHƯƠNG 13 Trò chơi nguy hiểm nhất

CHƯƠNG 14 Ai đã sát hại cô gái Mỹ kiều mẫu?

CHƯƠNG 15 Làm hại những người ta yêu thương

CHƯƠNG 16 “Chúa muốn em đi cùng Shari Faye”

CHƯƠNG 17 Ai cũng có thể trở thành nạn nhân

CHƯƠNG 18 Cuộc chiến của các chuyên gia tâm lý

CHƯƠNG 19 Đôi khi cái ác chiến thắng

Table of Contents